



đitới 2020

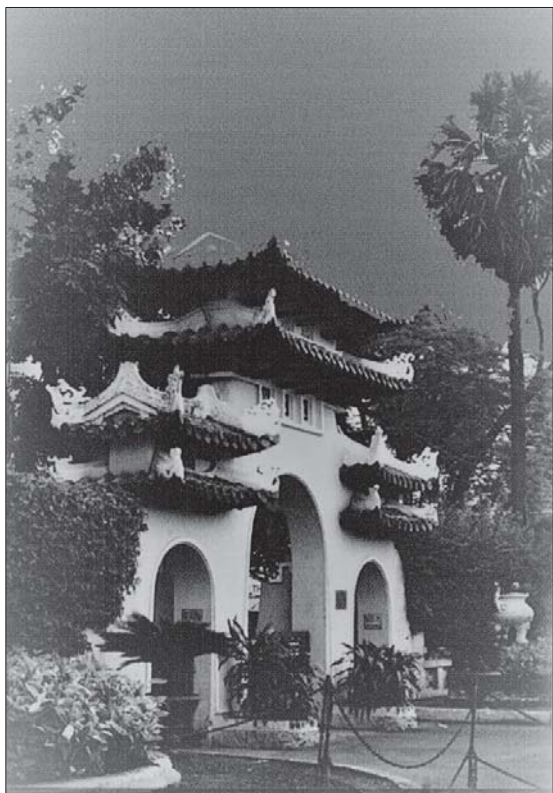
DÂN TỘC - NHÂN BẢN - KHAI PHÓNG



SÀI GÒN CỦA MÌNH



TỜ BÁO CỦA NGƯỜI VIỆT XA XỨ



SÀI GÒN của mình_____



- Thượng Công Miếu, Lăng Ông, Gia Định. (ảnh: Đi Tới tháng 5.2003) - Logo Sài Gòn năm 1870.
- Tòa Đô chánh Sài Gòn. (Ảnh: Internet)



DÂN TỘC - NHÂN BẢN - KHAI PHÓNG

ISSN: 1480-526X

Dépôt légal: Bibliothèque Nationale du Québec & Bibliothèque Nationale du Canada

"Tôi không tán thành những điều anh nói, nhưng tôi sẽ bảo vệ đến chết cái quyền của anh được nói ra những điều đó."

VOLTAIRE

(Paris, 21.11.1694_30.05.1778)

Lời ngỏ:

* *Tạp chí Đi Tới* mong muốn trở thành một Diễn đàn Dân chủ, thể hiện tinh thần Dân Tộc, Nhân Bản & Khai Phóng: những giá trị mà chúng tôi nghĩ là độc giả yêu chuộng.

* *Tạp chí Đi Tới* không ngần ngại gọi đến độc giả những bài viết trình bày ý kiến trái ngược với quan niệm của tờ báo. Chúng tôi nghĩ rằng hai chữ tự do và dân chủ chỉ có nghĩa khi có tự do tư tưởng mà thôi. Nếu về phía tác giả, tự do tư tưởng bao hàm quyền phát biểu ý kiến riêng cũng như quyền sai lầm thì về phía độc giả tự do đó thể hiện qua quyền phê phán.

* *Tạp chí Đi Tới* sẽ luôn luôn là nơi gặp gỡ giữa độc giả và các tác giả trong sự khoan dung và tôn trọng lẫn nhau, một thái độ phù hợp với những đòi hỏi đạo đức và dân chủ đích thực.

Montréal, tháng Tư 1993.

ĐOÀN MINH HÓA

Chủ nhiệm, chủ bút

Tapchidittoi@hotmail.com



Lời thưa.

Đặc san kỷ niệm 45 năm ngày 30 tháng Tư 75, thực hiện chủ đề ‘**SÀI GÒN CỦA MÌNH**’, ngoài những bài viết của các thân hữu cộng tác, các tác giả trên các phương tiện truyền thông từ nhiều nơi trên thế giới, bên cạnh đó, Đi Tới đặc biệt quan tâm chọn đăng những bài viết trên các báo phát hành **TỪ TRONG NƯỚC**, với những “bình luận”, “cảm tưởng” của độc giả từ ba miền đất nước bày tỏ ý kiến, ước muốn về cái tên thành phố bị thay đổi sau biến cố 30 tháng Tư 75, qua đó, có thể chăng, coi đó là những lá phiếu ý dân biểu quyết ý muốn thấy lại cái tên Sài Gòn cho thành phố thân yêu của mình?! Chân thành cảm ơn các thân hữu cộng tác, các tác giả đã góp phần thực hiện Đi Tới “Sài Gòn Của Mình.”

Trong khó khăn bởi nạn dịch Vũ Hán gây ra, Đi Tới kính chúc quý vị an lành, vui khỏe. Trân trọng.

Montréal, tháng Tư 2020
Tapchidittoi@hotmail.com
saigon@outlook.fr

BÌA TRƯỚC (1 & 2), ĐI TỚI (3 & 4), ĐOÀN MINH HÓA (5), NGUYỄN THỊ HẬU (9), NGUYỄN VĂN TUẤN (11), VẠN XUÂN (13), ĐI TỚI (22), TRẦN TIẾN DŨNG (23), TRẦN KHẮC TƯỜNG (27), ĐẶNG THANH (28), HUNG KIEU (30), HẢI ÂU (31), TRẦN VĂN MINH (34), TĂNG QUYỀN VINH (35), MAI LAN (39), NHỊ NGUYỄN (40), QUỐC NAM (42), TRẦN TIẾN (44), NGUYỄN XUÂN THỦY (45), NGUYỄN TÀI NGỌC (047), PYLN NY (52), HÀN PHONG (53), HẢI PHAN (54), HOÀNG THẠCH (58), NGUYỄN QUANG LẬP (60), TRƯƠNG DUY NHẤT (62), TRẦN MỘNG LÂM (63), NGUYỆT ÁNH (66), LÊ VĂN NGHĨA (67), TRẦN VĂN LÊ (70), PHẠM CÔNG LUẬN (71), ĐI TỚI (74), TRÀ MI (75), HÀ GIANG (77), HOÀNG CHÍNH (78), NGÔ QUANG HÙNG (79), HOÀNG DU THUY (83), VŨ THỂ THÀNH (84), ĐI TỚI (86), NGUYỄN THANH BẠCH (87), ĐÀM HÀ PHÚ (90), TRẦN TIẾN DŨNG (93), TUẤN KHANH (94), NGUYỄN THỊ HẬU (96), PHẠM NHẢ DỰ (98), NGUYỄN VĂN TRUNG (99), QUẾ ANH (104), ĐI TỚI (106), SONG TOÀN (107), NGUYỄN THỊ HẬU (108), NGUYỄN VY KHANH (109), MEL (114), VẠN GIÃ (115), NAM GIAO (116), BÙI TRẦN PHƯỢNG (120), PHAN LẠC TIẾP (122), TÓNG QUANG ANH-ĐÔNG XUÂN (126), TRẦN TIẾN DŨNG (129), KIM YẾN (132), AN NAM (135), NGUYỄN NHUNG (138), TRẦN ĐÌNH (144), QUỐC PHƯƠNG (145), NGUYỄN NGỌC NGẠN (148), ĐOÀN MINH HÓA (152), NGUYỄN THU QUỲNH (153), KIỀU MỸ DUYÊN (157), MAI THANH TRUYẾT (159), TÔ THÙY YÊN (164), ĐI TỚI (166), NHẬT TIẾN (167), SONG CHI (173), NGUYỄN VĂN LỤC (175), NGUYỄN VĂN SÂM (177), TRẦN HỮU DŨNG (181), NGÔ NHÂN DỤNG (182), NGƯỜI VIỆT (184), ĐI TỚI (185), NGUYỄN VĂN TUẤN (187), ĐI TỚI (188), NGUYỄN VIỆN (192), QUỐC SƠN (194), MẠNH KIM (195), ĐI TỚI (196), T.MY (199), ĐÀM HÀ PHÚ (204), NGUYỄN TẤN HỒNG (211), ĐOÀN MINH HÓA (212), BÌA SAU (213 & 214). Trình bày bìa: CATHERINE VAMOS & ĐOÀN MINH QUÂN.

SÀI GÒN CỦA MÌNH

Đến 30 tháng Tư năm 2020 này, Sài Gòn đã mang tên mới trong 45 năm với một dân số mới với gần 14 triệu người (nếu tính thêm số người nhập cư không đăng ký), một quyền lực với những cơ cấu hành chánh và chính trị mới.

Sài Gòn có một khuôn mặt mới khi chúng ta nói đến những tòa nhà chọc trời, những thương xá, những khu công nghiệp, một nơi thu hút các nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất nước vv.. Thoạt nhìn qua, Sài Gòn và cả miền Nam có đủ yếu tố để trở nên một điểm thu hút

không những đối với người ngoại quốc muốn đầu tư lập nghiệp mà còn đối với người trong nước từ miền Trung và cả miền Bắc. Chúng ta thấy xuất hiện những khu nghỉ dưỡng khắp nơi từ Nha Trang, Đà Nẵng đến Bình Thuận, Phú Quốc. Đó là chưa nói tới những kỳ quan thiên nhiên như hang động Phong Nha-Kẻ Bàng (Quảng Bình), các khu sinh-thái ở miền Tây Nam bộ. Dù vậy, khuôn mặt của Sài Gòn nói riêng, của miền Nam nói chung vẫn chưa có đủ nét khả ái để cảm chân người dân, kể cả quan chức chính phủ. Lúc có điều kiện thuận lợi, người dân vẫn muốn làm việc và sinh sống ở nước ngoài. Vì sao?

Thực hiện số báo này, Đi Tới mong muốn trình bày những khó khăn, những vấn đề mà người dân miền Nam đang gặp phải, và những thắc mắc họ thường nêu ra. Ngoài những vấn đề to lớn như lũ lụt, ô nhiễm môi sinh, còn có những vấn đề do chính con người gây ra qua những sự lựa chọn mang tính ý-thức-hệ, chính trị hay tâm lý.

Năm 1991, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định “lấy chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”. **Làm sao có thể tiến bộ được khi mà chính chủ nghĩa đó đã đưa tới sự sụp đổ của Liên bang Xô-Việt và của Đông Đức?** Chẳng phải Việt Nam đã không phân nào xa rời chủ nghĩa Marx-Lenin khi áp dụng chính sách Đổi Mới đó sao? Năm 1986, kinh tế xã hội chủ nghĩa được thay thế bằng “*kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”. Với hình thức kinh tế này, chính phủ xóa bỏ tổ chức hợp tác xã kiểu cũ và khích lệ tư nhân kinh doanh. Gần đây, các chuyên viên ghi nhận những dấu hiệu cho thấy có sự từ bỏ tiệm tiến hình thức kinh tế tập trung vốn là đặc điểm của chủ nghĩa cộng sản.

Sự đổi mới kinh tế đó không kèm theo một sự đổi mới nào cả về phương diện chính trị-xã hội. Cựu Tổng bí thư Lê Duẩn từng tuyên bố: dân chủ chỉ có khi mọi người có “*quyền làm việc, học hành, vui chơi, quyền phát biểu ý kiến về bất cứ vấn đề gì của nhà nước nhằm mưu cầu sự giàu có cho đất nước và hạnh phúc cho đồng bào, không ai được áp bức, ép buộc họ*”. Nhưng, theo báo cáo của tổ chức Now! Campaign ngày 1/4/2019, Việt Nam hiện giam giữ 251 ‘tù nhân lương tâm’ (1) bị kết tội “tuyên truyền chống lại nhà nước, lật đổ chế độ và phá hoại các chính sách đoàn kết dân tộc.” Cùng năm này, Freedom House, thuộc tổ chức RSF-



Hội thảo tại Montréal, 20.5.2000:
*‘Những nguy cơ
của đồng bằng sông Cửu Long’*

Ký giả vô biên giới- cho biết: Việt Nam được xếp vào thứ hạng 176/180, sụt 1 bậc so với toàn cầu về tự do báo chí; 4 năm liền trước đó, Việt Nam đã ở mức 175/180. Sau nhiều năm bày tỏ cảm tình của mình đối với người cộng sản Việt Nam, một giáo sư Pháp văn, André Menras (người đã từng rải truyền đơn, treo cờ Mặt trận giải phóng miền Nam tại Sài Gòn trước 75, và trong nhiều năm đã trao học bổng cho học sinh nghèo và hiếu học ở Việt Nam), đã thất vọng khi nhìn thấy chính quyền thiết lập một chế độ “lạ đời” vì, theo ông, “chính quyền càng xa lánh người dân nhưng lại thân thiết hơn với Trung Quốc” và bản thân ông thì trở thành một “đối tượng” của chính quyền. Sau 40 năm áp đặt chủ nghĩa xã hội trên cả nước, người dân vẫn không thấy có tự do hơn, dân chủ hơn. Sự mâu thuẫn giữa khát vọng của người dân trong cuộc sống thực tế và những lời tuyên bố, những lời hứa hẹn của người cầm quyền là điểm khác biệt giữa Việt Nam với các quốc gia tư bản như Úc, Pháp, Anh, Mỹ, Đức... Phải chăng đó là lý do giải thích phần nào sự mong muốn định cư, lập nghiệp của người dân ở các quốc gia đó. Và, có lẽ, đó cũng là lý do khiến nhiều người tiếc nuối một Sài Gòn, một miền Nam trước 75, dù rằng vùng đất này vẫn không thể được xem là có tự do, có dân chủ đích thực như Anh, Pháp, Mỹ vv. Tuy vậy, người miền Nam trước 75 vẫn không có cảm giác mình hoàn toàn mất tự do. Họ vẫn đi lại trên khắp đất nước mà không phải xin giấy phép, vẫn cho con cái đi học ở ngôi trường mình lựa chọn ở bất cứ thành phố nào. Các văn sĩ, nhạc sĩ không bị ràng buộc khi sáng tác. Ngoài trừ một vài trường hợp họa hiếm, người nghệ sĩ không thấy sự cần thiết phải chính trị hóa tác phẩm của họ. Họ không cần phải ca tụng chế độ, lãnh tụ hay một chính sách để sống an toàn. Chính nhờ có một không khí tương đối tự do như vậy nên nền âm nhạc, văn chương, miền Nam mới mang tính đa dạng, phong phú. Không những vậy, sự phê phán chế độ, sự tố cáo những sai trái của các viên chức, các sĩ quan, những cuộc biểu tình chống đối chính phủ vẫn thường xảy ra. Lĩnh vực giáo dục và học thuật cũng thể hiện một tính tự do không thể chối cãi được. Cùng một môn học, cùng một cấp, thị trường cung cấp nhiều sách giáo khoa khác nhau về nội dung cũng như về lối viết, tùy theo khả năng của tác giả. Và dù hệ tư tưởng miền Nam mâu thuẫn với chủ nghĩa xã hội, chúng ta vẫn có thể tìm thấy những nghiên cứu về Karl Marx và sinh viên, học giả vẫn có thể đến các thư viện tìm đọc các tác giả cộng sản trên thế giới. Bên cạnh tình trạng nghèo nàn, thiếu tự do vốn là những động lực mạnh mẽ thúc đẩy người dân đi tìm ‘đất hứa’ ở một quốc gia khác, người miền Nam còn mang mặc cảm mình thuộc về phía những kẻ “thua cuộc” và không được đối xử bình đẳng với những người thuộc bên “thắng cuộc”. Trong bản nhạc *Yêu dân tộc Việt Nam*, có câu “Mình là anh em một nhà”. Câu nói đó bộc lộ một ước mơ hơn là một hiện thực. Sự đặt để tập trung những trụ sở quyền lực chánh trị và người miền Bắc vào những vị trí quan yếu... là những trường hợp mất cân đối nghiêm trọng để phát triển đất nước và sự bất-bình-đẳng, giữa người Nam và người Bắc, với đầu óc **‘địa phương thượng đẳng’** bình hoạn, Việt Nam 45 năm sau ngày 30 tháng Tư 75 vẫn không thể có hòa giải hòa hợp dân tộc hơn bao giờ hết cần sự đồng thuận để đối phó với ngoại xâm và xây dựng lại đất nước của mình. Ngay trong lãnh vực giáo dục, lãnh vực mà người có trách nhiệm phải xem khả năng là điều kiện tiên quyết để được thừa nhận và thăng chức thì sự bất-bình-đẳng cũng gần như là qui luật. (2)

Giáo sư Nguyễn Văn Tuấn* cho biết: Trong việc phong hàm giáo sư (3) năm 2015, trong số ứng viên, 41 người thuộc các trường viện miền Bắc - tỉ lệ 79% - 3 thuộc miền Trung, 8 thuộc miền Nam. Nhìn sang lãnh vực pháp lý, người dân cũng thấy có những việc ‘lạ lùng’ như: bị miệng bị cáo trước tòa án, đẩy luật sư của bị cáo ra khỏi tòa... Ngoài ra, một số sự kiện có vẻ đi ngược lại với ‘chính sách’ phục vụ an sinh của người dân. Chính quyền bỏ ra 300 tỉ đồng để xây khu Văn Miếu thờ và tôn vinh Khổng Tử ở Vĩnh Phúc, nơi có 12.000 gia đình nghèo khó. Ở Quảng Nam, phí tổn để kiến thiết tượng mẹ Việt Nam anh hùng là 411 tỉ đồng. Ở Sơn La bỏ ra 1.400 tỉ đồng để xây dựng tượng đài Hồ Chí Minh, nơi có nhiều dân nghèo chết phải bó chiếu chôn xác bằng xe gắn máy đi chôn, **sau đó, các tỉnh này lại xin viện trợ cứu đói!** (4) Những sự việc tương tự không thể không làm người dân bức xúc và nhớ lại một miền Nam ‘phồn vinh’, tương đối biết tôn trọng các giá trị Dân tộc, Nhân bản và Khai phóng. Người cộng sản Việt Nam thường hay đánh giá một chế độ, qua sự đánh giá các quan hệ giữa người với người. Một xã hội trong đó mỗi người sống vì mọi người và mọi người vì mỗi người là một xã hội ‘tử tế’, nhân đạo, hay, nói như cựu tổng bí thư Lê Duẩn, sự *phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người* và dĩ nhiên, xã hội cộng sản chủ nghĩa được coi là có khả năng thể hiện phẩm chất đó. Xã hội tư bản chủ nghĩa thì hoàn toàn trái ngược lại vì chế độ đó tôn vinh lợi nhuận cá nhân và thể hiện rõ nét nhất cảnh người bóc lột người. Chế độ tư bản được xem là có bản chất phi nhân, phi đạo đức.

Nhưng nếu là như vậy thì làm sao giải thích được những quan hệ tương đối tốt đẹp giữa người với người trong miền Nam? Học giả Hoài Thanh, đồng tác giả tác phẩm nổi tiếng *Thi nhân Việt Nam*, đến sinh sống ở Sài Gòn vài năm sau 1975 đã bày tỏ sự ngạc nhiên và sự thán phục của ông khi nhận thấy thái độ lịch sự, tử tế của người trong Nam. Ông viết: *“Bản chất của chế độ nguy là xấu vậy mà không hiểu sao nó lại đào tạo con người giỏi thế. Ai cũng lịch sự, cứ mở miệng ra là cảm ơn và xin lỗi rối rít.”* So sánh Sài Gòn và Hà Nội về mặt tình người, nhạc sĩ Trần Tiến đưa ra nhận xét: *“Hà Nội cái gì cũng rẻ, chỉ có đắt nhất tình người thôi”*.

Nếu tâm tánh con người được uốn nắn bởi văn hóa thì những thái độ lịch sự, lễ phép, những sự tử tế của người miền Nam một phần nào thể hiện môi trường văn hóa, những điều kiện kinh tế, giáo dục của chế độ đặc biệt của miền Nam. Cái tình người khó khăn, ‘đắt đỏ’ nơi người miền Bắc là do chế độ của miền Bắc. Tác giả Hoài Thanh đưa ra nhận xét: *“Ngồi ở trong nhà, có ai đi ngoài đường chỗ miệng hỏi cái gì mà mình trả lời xong, cắp đít đi thẳng, không thêm cảm ơn một tiếng, thì không cần nhìn nữa cũng biết ngay đó là dân ngoài Bắc vào.”* Một tác giả khác đã không ngần ngại phán xét: *“Văn hóa giao tiếp nói chung và lời cảm ơn nói riêng ở Sài Gòn vượt xa Hà Nội nhiều lần”*. Ông còn nhận xét thêm: *“Tôi là người Bắc sống ở Sài Gòn hơn 30 năm. Càng sống ở đây lâu tôi càng cảm thấy yêu và tự hào về thành phố của mình. Người Sài Gòn luôn luôn hào sảng, lịch sự và nhạy bén.”*

Và, một khi cái lịch sử, cái lối sống bình dị, thân thiện, tử tế đã thành nếp nơi người miền Nam thì cái lịch sử đó, cái lối sống đó vẫn tồn tại với thời gian dù cho vật đổi sao dời. Chính vì vậy mà bây giờ những điều tốt đẹp đó còn bộc lộ qua những quán cơm Nụ Cười 2.000 đồng một suất (có món mặn, món xào, canh, cá, đồ tráng miệng, trà đá), những tủ thuốc miễn phí, những dịch vụ thông thường (bơm xe, vá xe, chỉ đường vv.) cũng miễn phí giữa trung tâm Sài Gòn. Thật ra, không chỉ ở Sài Gòn mà còn ở khắp nơi trên miền Nam, chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy cử chỉ ân cần, quan tâm tới những cá nhân, những gia đình, những tập thể gặp hoàn cảnh khó khăn mà không cần chờ đợi người ta tôn vinh mình. Điển hình là hành động của ba người dân ‘nói giọng Nam’ đã giúp dân bản Cu Pua -huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị- có được một cây cầu bê-tông - cây cầu “Anh Tèo Sài Gòn”, an toàn hơn cây “cầu” trước đây gồm 2 sợi dây cáp để đi qua suối. Người khởi xướng việc xây dựng đó là một người đàn ông Sài Gòn mà dân bản thường gọi là ‘anh Tèo’; họ không bao giờ biết được tên thật của ông. Tiếp xúc với những con người đầy tình người như vậy và sống trên một mảnh “đất dung nạp vào nó đủ mọi hạng người” (*Chuyện nhỏ Sài Gòn*, Đàm Hà Phú), làm sao chúng ta không yêu mến Sài Gòn và làm sao người dân Sài Gòn lại không hãnh diện và không cảm thấy hạnh phúc với thành phố của mình được. **Người Sài Gòn cũng biết rằng cái không khí nhân văn, cái nét văn hóa đẹp đó đã có từ lâu và đã lưu truyền từ đời cha ông họ cho tới bây giờ qua nhiều biến thiên của lịch sử và rồi sẽ được họ truyền lại cho các thế hệ của ngày mai. Họ xứng đáng được chúng ta yêu thương, trân trọng. Và, có lẽ, điều làm họ hạnh phúc nhất và điều họ đáng hưởng nhất là tìm thấy lại cái tên Sài Gòn cho thành phố thân yêu của mình.**

Montréal, tháng Tư 2020

ĐOÀN MINH HÓA

Chủ nhiệm

Tapchiditoi@hotmail.com

(1) Thuật ngữ ‘tù nhân lương tâm’ được đặt ra bởi các nhóm đấu tranh cho nhân quyền thuộc tổ chức Ân xá quốc tế đầu thập niên 1960. Thuật ngữ này có thể đề cập đến bất cứ ai bị bỏ tù vì lý do chủng tộc, chính trị, tôn giáo, màu da, ngôn ngữ, xu hướng tình dục, niềm tin hay lối sống của họ, miễn là họ đã không sử dụng hoặc ủng hộ bạo lực. Thuật ngữ này cũng chỉ những người đã bị cầm tù và / hoặc bị bách hại vì biểu lộ niềm tin theo lương tâm của họ cách không bạo động. (Wikipedia)

(2) Trong số này: ‘Vấn đề vùng miền’, ‘Nguyễn Phú Trọng chia rẽ Nam Bắc’, ‘Sài Gòn làm Hà Nội ăn.’, ‘Chuyện người Bắc thống trị đất nước.’, vv...

(3) Chức vụ cao nhất của người giảng dạy, nghiên cứu khoa học ở bậc đại học.

(4) Trong số này: ‘Sơn La: Phận người trong chiếu manh’, ‘Sơn La bỏ ra 1.400 tỉ đồng để xây dựng tượng đài Hồ Chí Minh, ‘Vĩnh Phúc: 271 tỉ đồng xây Văn miếu thờ Khổng Tử.’

(*) Giáo sư Nguyễn Văn Tuấn, chuyên viên nghiên cứu, giáo sư thuộc phân khoa Y, đại học New South Wales, Úc, thân hữu cộng tác Đi Tới năm 1999.



Những ngày tháng Tư

GUYỄN THỊ HẬU

Khi còn độc quyền quá khứ, độc quyền lịch sử
thì tương lai đất nước này chưa phải là
của chung mọi người dân Việt.

Ký ức những ngày này luôn luôn quay về, mỗi năm như không hề nhạt bớt với thế hệ tham chiến bên này lẫn bên kia.

1 Ngày 30 tháng 4, chiến tranh chấm dứt đồng thời cũng dập tắt tia hy vọng mong manh của bao nhiêu gia đình miền Bắc về sự trở về của chồng, con em mình... Từ ngày này, chiến tranh chấm dứt nhưng bao nhiêu gia đình miền Nam lại phải chia ly vì người đi “học tập”, người vượt biên, người đi kinh tế mới... Từ ngày này, những gia đình có người thân trở về sau cuộc chiến có khi lại bắt đầu một “cuộc chiến” khác. Trong cùng một nhà có bên này bên kia, có vợ sau chồng khác...

Chính vì vậy ký ức những ngày này luôn luôn quay về, mỗi năm như không hề nhạt bớt với thế hệ tham chiến bên này lẫn bên kia. Sự mất mát vì chiến tranh và sau cuộc chiến không từ một ai. Cuộc sống trôi qua và cho đến nay trong nhiều người vẫn chỉ tồn tại “một bên của quá khứ”, nỗi đau (hình như) ngày càng di căn. Bên này bên kia có gia đình nào không chia ly, kiểu này hay kiểu khác? Bên nào không có những di chứng kéo dài chắc chắn không chỉ một, hai thế hệ?

Nhưng thử nhìn những gì tràn ngập trên mạng xã hội những ngày này mà xem, có nỗi đau chỉ cần một hai câu từ cũng đủ làm nhói lòng và buộc người ta phải nghĩ suy cặn kẽ. Nhưng cũng có câu chữ... chỉ thấy người viết “ăn theo” những nỗi đau, những sự mất mát. Có một câu nói rất hay:

“Ngoài đau bụng mọi cái đau khác chỉ là sự tương tượng. Nhưng ai không cảm nhận được những nỗi đau ấy thì đó không phải là người tử tế”.

Vâng, khi không thực sự cảm nhận nỗi đau của người trong cuộc thì xin đừng độc ác mà khoét sâu hơn vết thương ngày cũ.

2 “Không một điều gì, không một ai bị lãng quên” - nhưng vấn đề là nhớ như thế nào... Những bà mẹ đau nỗi đau mất đi những đứa con, có phân biệt nỗi nhớ đứa con bên này, bên kia? Những người đã yên nghỉ ở những nghĩa trang bạt ngàn mộ trắng, trên cao xanh họ có còn phân biệt người thân ở bên thắng hay thua “Năm tháng trôi qua, các cuộc chiến tranh sẽ thôi gào thét... chỉ còn tấm lòng em nhẩn nại dịu dàng...” - từ những năm 20 của thế kỷ trước, nhà văn Alexei Tonxtoi đã viết như một lời nguyện cầu trong cuộc nội chiến ở nước Nga sau Cách mạng tháng Mười.

Bao giờ có một ngày tháng Tư mọi người Việt chung một phút tưởng niệm những người đã ngã xuống trong chiến tranh, đã chết sau cuộc chiến vì “vượt biên”, vì bom mìn gài lại, vì chất độc hóa học ngấm sâu vào cơ thể...? Từ giây phút tưởng niệm chung như thế, có mở ra những ngày tháng Tư hòa giải hòa hợp của chúng ta?

Vậy mà sau mỗi cuộc chiến, không biết đến bao giờ lòng người mới thôi gào thét để chỉ còn lại sự nhẩn nại dịu dàng hàn gắn vết thương?

Những ngày này 41 năm trước, gia đình tôi được quay trở lại quê hương sau hơn 20 năm “ngày Bắc đêm Nam”. Năm nào cũng vậy, ngày này tôi chỉ ở nhà thấp nhang cho những người đã khuất. Trong gia đình tôi, có nỗi đau của cả hai bên nhưng chẳng bao giờ nói đến hai chữ “thắng thua”, người về không mang chữ “được” còn người đi không vì chữ “mất”, bởi cùng thấu hiểu nỗi đau của ông bà tôi khi đã hòa bình mà vẫn tiếp tục phải xa lìa con cháu.

Hồi tháng Hai, tôi được xem một đoạn clip trên mạng: tại đất nước Isarel có một ngày mà tất cả mọi người lưu thông trên đường phố, khi nghe một hồi còi dài đều dừng lại, xuống xe và kính cẩn làm một phút tưởng niệm 6 triệu người Do Thái bị thảm sát bởi Đức quốc xã trong thế chiến thứ hai.

Bao giờ có một ngày tháng Tư mọi người Việt chung một phút tưởng niệm những người đã ngã xuống trong chiến tranh, đã chết sau cuộc chiến vì “vượt biên”, vì bom mìn gài lại, vì chất độc hóa học ngấm sâu vào cơ thể...? Từ giây phút tưởng niệm chung như thế, có mở ra những ngày tháng Tư hòa giải hòa hợp của chúng ta?

3 Nhưng cũng từ ngày cuối tháng Tư năm ấy, thế hệ hậu chiến đã ra đời và trưởng thành.

Nhiều người trong họ tự nhận mình là “bên bỏ cuộc”-không muốn nhắc lại quá khứ của những chính thể, mất mát tổn thất của gia đình, họ nhìn về tương lai nhiều hơn.

Như những người “đồng hương”, mối liên hệ bà con giữa họ như một sợi dây mà thời gian càng dài càng trở nên mỏng manh trong cái thế giới ngày càng phẳng.

Nhiều người trong thế hệ hậu chiến hiểu được căn nguyên của sự thiếu hụt tình cảm bao dung và lòng vị tha, đó là một biểu hiện của “mặc cảm thất bại” mà thế hệ chiến tranh đã bị mất mát và tổn thương nặng nề về tinh thần, cho đến nay không có gì có thể bù đắp lại những mất mát và tổn thương ấy...

Trong Bảo tàng Ký ức chiến tranh ở Hàn Quốc, ngay sảnh chính có một bức tranh lớn kín một bức tường. Bức tranh vẽ rừng cây hoa lá tràn ngập, ở giữa là giới tuyến Bàn Môn Điếm và hai lá cờ Hàn Quốc và Triều Tiên nhỏ xíu. Dòng chữ lớn chạy suốt bức tranh: “Bán đảo Triều Tiên có bốn mùa xuân hạ thu đông nhưng đang bị chia cắt thành hai nước”. Đọc dòng chữ này tôi ứa nước mắt. Có quốc gia nào không có khát vọng thống nhất, chỉ khác nhau sự nhắc nhở về chia ly, khác nhau sự lựa chọn con đường đi đến đoàn tụ mà thôi.

Khi còn độc quyền quá khứ, độc quyền lịch sử thì tương lai đất nước này chưa phải là của chung mọi người dân Việt. Thống nhất giang sơn đã khó mà thống nhất lòng người còn khó hơn vạn lần. Bởi vì “cuộc chiến không đổ máu” âm thầm lặng lẽ hủy hoại cơ thể Việt Nam, nó bắt đầu không phải từ tiếng súng mà bắt đầu từ định kiến tối tăm giữa những con người. ♦



NGUYỄN THỊ HẬU
(29.04.2016)

Nguồn:

♦ haukhaoco2010.blogspot.com
(‘Sài Gòn tháng tư’, báo Người
Đô Thị, tháng 4.2016)

Ghi thêm:

Đi Tới nhấn mạnh, ghi chữ đậm,
bìa sách & ảnh tác giả tìm thấy
trên Internet.



‘Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý
Đồng Khởi vùng lên mất Tự Do.’

A MẮT NGƯỜI

NHƯ NGƯỜI ĐÃ MẤT TÊN *

◆ NGUYỄN VĂN TUẤN

... cho dù thành phố đã mất tên, hay đường bị đổi họ, trong tâm tưởng của người dân và bạn bè quốc tế thì Sài Gòn vẫn là Sài Gòn. (...) Tôi nghĩ và hi vọng sẽ có ngày các bác Quốc Hội trả lại cái tên Sài Gòn cho thành phố số 1 của Việt Nam, cũng như Nga đã trả lại St Petersburg vậy.

□
Nhân thấy một vài bạn bàn rôm rả về việc dùng chữ “Sài Gòn” cho TPHCM, tôi nhớ đến hai người thi sĩ lừng danh có những sáng tác liên quan đến việc thay tên đổi họ thành phố: Vũ Hoàng Chương và Nguyễn Đình Toàn. Một người sáng tác câu *"Đồng khởi vùng lên mất Tự do"*, một người sáng tác bài *"Sài Gòn niềm nhớ không tên"*. Cái note này có thể xem như là một bổ sung cho cuộc bàn thảo đó, vì tôi nghĩ có vài thông tin mới đối với một số bạn.

Sau 1975, chúng ta biết rằng Sài Gòn bị đổi tên thành “Thành phố Hồ Chí Minh”.

Hình như kiểu đổi tên này là một trào lưu xuất phát hay bắt chước từ Liên Xô, nơi mà những người cộng sản đổi tên thành phố danh tiếng St Petersburg thành Leningrad, và kinh dị hơn là đổi tên thành phố Tsaritsyn thành tên đồ tể Stalingrad. Kể ra thì cũng đáng tiếc, vì cái tên "Sài Gòn" đã ăn sâu vào tiềm thức của người miền Nam, vậy mà đùng một cái nó bị đổi thành tên của ông cụ. Tôi không biết nếu còn sống, ông Hồ có thích như thế không.

Trước sự thay tên đó, dân miền Nam rất bức xúc. Người ta làm vè, làm thơ để mỉa mai, điều cốt sự ngạo mạn của những ông chủ mới. Một trong những người đó là thi sĩ và cũng là nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn, một người di cư từ miền Bắc.



Trong tù cải tạo, Nguyễn Đình Toàn sáng tác bài mà sau này được biết đến là *"Sài Gòn niềm nhớ không tên"*. Bài ca, theo tôi, là thật hay, đa diết, và tình cảm.

Ca khúc lặp đi lặp lại câu “Sài Gòn ơi” như là một tiếng kêu thảng thốt của những người mất mát và tuyệt vọng. Cái biến cố mất tên được nhấn mạnh đến 3 lần (*"Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên"*) dồn dập, có cảm giác như là quặn đau vì đứt ruột, và kết thúc bằng câu nuối tiếc *còn gì đâu*.

Ngoài việc đổi tên thành phố, chính quyền mới còn đổi tên đường. Những con đường nổi tiếng ngày xưa đều bị đổi tên bằng những nhân vật du kích hay có công với chính quyền mới.

*‘Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý
Đồng Khởi vùng lên mất Tự Do.’*

Phải công nhận thi sĩ Bắc hà giỏi chữ! Chỉ hai câu đó mà đã tóm lược được sự mất mát ghê gớm nhất của Việt Nam: đó là tự do và công lí.

Ngạo mạn nhất là lấy tên của một thiếu niên "Lý Tự Trọng" thay cho tên đường mang tên một vị vua có công mở mang bờ cõi (Gia Long), hay khó hiểu nhất là bà Minh Khai chễm chệ ngồi trên Hồng Thập Tự! Hai con đường nổi tiếng ngày xưa là Công Lý thì bị đổi thành "Nam Kỳ Khởi Nghĩa", và Tự Do thành "Đồng Khởi". Hai con đường đó được chính quyền cũ đặt chẳng những rất có ý nghĩa, mà còn đẹp về địa lí tính. Công lý là con đường dài và rộng dẫn đến trung tâm thành phố, hàm ý nói rằng Công Lý là một lí tưởng lớn nhất của miền Nam.

Dĩ nhiên, việc đổi tên này được thực thi một chiều, chứ chẳng thăm dò ý kiến người dân gì cả.

Thế là nó trở thành đề tài sáng tác cho các thi sĩ.

Một trong những thi sĩ lừng danh của miền Nam ngày xưa là Vũ Hoàng Chương, cũng là dân di cư từ Hà Nội vào năm 1954. Sau 1975, Vũ Hoàng Chương bị đi tù cải tạo (và ông chết năm 1976 sau vài ngày ra tù). Những người bạn tù kể rằng trong tù, tức cảnh trước sự thay đổi tên đường, ông đặt ra câu đối (hay cũng có thể xem là thơ):

*Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý
Đồng Khởi vùng lên mất Tự Do*

Phải công nhận thi sĩ Bắc hà giỏi chữ! Chỉ hai câu đó mà đã tóm lược được sự mất mát ghê gớm nhất của Việt Nam: đó là tự do và công lí. Nói như Nhà bình luận văn học Bùi Bảo Trúc, hai câu thơ đó còn mang tính tiên tri.

Cũng cần nói thêm là ngày xưa, chính quyền họ có cách đặt tên đường rất có ý nghĩa lịch sử. Từ ngoài thành đi vào trung tâm thành phố là đi quãng đường mấy ngàn năm lịch sử. Từ miền Tây vào chúng ta sẽ qua Hồng Bàng, An Dương Vương, Hùng Vương, rồi Trần Hưng Đạo, Trần Nhân Tông, v.v.. Nhà Nguyễn là gần trung tâm nhất vì đó là triều đại cận kề nhất. Cuối cùng là hội tụ lại đường Thống Nhất, đẹp và rộng, dẫn thẳng vào Dinh Độc Lập. Còn ngày nay thì tên đường được đổi mà tôi chẳng thấy ý nghĩa gì cả.

Nhưng cho dù thành phố đã mất tên, hay đường bị đổi họ, trong tâm tưởng của người dân và bạn bè quốc tế thì Sài Gòn vẫn là Sài Gòn. Ngay cả kí hiệu các chuyến bay quốc tế người ta cũng chỉ viết SGN, chứ đâu có viết Ho Chi Minh! Tôi thì theo quán tính, nên chỉ biết đến Sài Gòn thôi, vì viết "Thành phố Hồ Chí Minh" thì nó rườm rà quá. Việc đổi tên thành phố cũng làm cho việc đặt tên các đại học trở nên nan giải. Ví dụ như thay vì Saigon Medical School, người ta phải dài dòng bằng cái tên "... Ho Chi Minh City", hay thay vì Saigon University of Technology, người ta phải viết dài ra là "Ho Chi Minh City University of Technology"! Bỏ chữ "City" là không được, vì đâu ai dám lấy tên ông ấy để đặt cho một đại học ở miền Nam.

Tôi nghĩ và hi vọng sẽ có ngày các bác Quốc hội trả lại cái tên Sài Gòn cho thành phố số 1 của Việt Nam, cũng như Nga đã trả lại St Petersburg vậy. Chỉ sợ lúc đó mấy người Sài Gòn lại không chịu, vì thành phố này đã mất hết cái thanh lịch của Sài Gòn. Mà, đúng là như thế, Sài Gòn ngày nay quá bề bộn, chật chội, và hung bạo, chứ Sài Gòn mà Lý Quang Diệu từng mong ước có được chỉ còn trong tâm tưởng của người xa quê qua những câu hỏi:

*Nắng Sài Gòn còn ấm không em?
Hai hàng cây bóng ngã bên thềm
Nắng ban mai xanh màu mắt biếc
Gió ban chiều làm tóc em bay*

[...]

*Nắng bên này buồn lắm em ơi
Một mình ta lê bước trên đời
Nắng nơi đây cũng là nắng ấm
Nhưng ấm sao bằng nắng ấm Quê Hương. ♦*

NGUYỄN VĂN TUẤN

(Monday, November 23, 2015)

(*) Trích một sáng tác của Nguyệt Ánh

Nguồn: <http://www.tuanvannguyen.blogspot.ca/2015/11/ta-mat-nguoi-nhu-nguoi-mat-ten.html#more>

Ghi thêm: tác giả Nguyễn Văn Tuấn, chuyên viên nghiên cứu, giáo sư phân khoa Y, Đại học New South, Úc, cộng tác Đì Tới năm 1999. Đì Tới nhân mạnh & ghi chữ đậm.



(*)

S. ĀI GŌN

một nỗi nhớ / một ước mơ

□ VẠN XUÂN

Trên 40 năm đã qua rồi sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Việt Nam đã trở thành một quốc gia thống nhất. Đó là một thắng lợi của người cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, tự nó, thống nhất không hẳn là điều tốt đẹp về phương diện **chính trị - xã hội**. Vì giá trị tốt đẹp của một xã hội thiết yếu tùy thuộc vào ý thức hệ hay chủ nghĩa của người lãnh đạo. Như đã nói đến trên đây, một xã hội tốt đẹp phải có tính dân chủ cao, phải biết tôn trọng con người và nhân quyền. Việc áp dụng chủ nghĩa xã-hội (CNXH) trên toàn thể đất nước cho chúng ta thấy Thống nhất không nhất thiết là điều tốt đẹp khi mà CNXH đã thất bại về nhiều phương diện trên toàn thể Liên bang Xô viết. **Chính sách Đổi Mới ở Việt Nam vào năm 1986 theo kinh tế thị trường với “định hướng xã hội chủ nghĩa” (?) cho thấy sự thất bại kinh tế của CNXH trong quá khứ. (...)** Bên cạnh đó, sự hình thành một giai cấp mới làm cho người lính thuộc “bên thắng cuộc” - từng mang trong mình nhiều lý tưởng, nhiều kỳ vọng - cũng phải nhìn lại hòa bình, công cuộc giải phóng một cách khác; chiến tranh không còn có giá trị thiêng liêng, cao cả nữa đối với họ nữa. Tác giả Huy Đức nhận xét:

“... ngày 30/4/75, ngày nhiều người tưởng là miền Bắc đã giải phóng miền Nam. Nhiều người thận trọng nhìn lại suốt hơn 30 năm, giật mình với cảm giác bên được giải phóng hóa ra lại là miền Bắc.”

LTS: Tác giả, cựu giáo chức tại Việt Nam và dạy Đại học tại Canada sau 75, cộng tác *Đi Tới* 1997.

Từ ngày Việt nam trở thành một quốc gia cộng sản cho đến nay, Sài Gòn đã thay đổi về nhiều phương diện. Nhiều người trong số những kẻ rời xa Việt Nam từ những năm đầu cuộc biến đổi “long trời lở đất” của năm 1975 đã xem những thay đổi đó có khả năng tạo ra hình ảnh một nước Việt Nam mang tầm vóc một quốc gia tiên bộ thậm chí tiên tiến.

Chúng tôi không nghĩ rằng quan niệm đó được dễ dàng chấp nhận vì “tiên bộ” là một khái niệm vô cùng phức tạp. Tiên bộ về phương diện nào? Phương diện kinh tế, xã hội, chính trị hay đạo đức? Và đâu là tiêu chuẩn của sự tiên bộ về mặt kinh tế? Thế nào là sự tiên bộ xã hội, chính trị? Làm sao đánh giá sự tiên bộ đạo đức của một quốc gia? Nếu chúng ta không có được một quan niệm đúng đắn về tiêu chuẩn của sự tiên bộ trong mỗi phạm vi thì chúng ta có thể sai lầm khi ca ngợi hay kết án một quốc gia, một cộng đồng.

Trong phạm vi Kinh tế và Xã hội, sự tiên bộ thường được đánh giá theo một số tiêu chuẩn như sau:

* PIB (Produit intérieur brut per capita, tổng sản phẩm nội địa bình quân theo đầu người).

* PPA (Parité des pouvoirs d'achat, sức mua tương đương): Cùng một mặt hàng, quốc gia A được coi là tiên bộ hơn quốc gia B nếu người tiêu thụ của A bỏ ra ít tiền hơn người tiêu thụ của B.

* IDH (Indice de développement humain, chỉ số phát triển nhân văn): Tiêu chuẩn này bao gồm 3 chỉ số thiết yếu:

1/ Sức khỏe / tuổi thọ. Chỉ số này được đo lường bằng cách xác định: số năm có khả năng sống từ lúc ra đời; thực phẩm thường ngày có phù hợp với nhu cầu của cơ thể; nước uống hợp vệ sinh; nơi ăn chốn ở có tòi tẻ không; và sau hết, người dân có hưởng được những điều kiện chăm sóc cơ bản về mặt y tế không.

2/ Trình độ học vấn. Là chỉ số thứ hai, được xác định bằng thời gian trung bình đến trường đối với người trưởng thành trên 25 tuổi và thời gian đưa trẻ đến tuổi đi học có khả năng hoàn tất được.

3/ Mức sống. Là chỉ số thứ ba. Ý niệm ‘mức sống’ tương ứng với toàn thể của cải người dân sở hữu và những dịch vụ mà họ có thể hưởng được như trường học, bệnh viện vv... tùy theo lợi tức.

Ngoài ra, chúng ta còn phải nói đến khả năng ‘lưu động’ (mobilité) như thay đổi nơi ăn chốn ở, công ăn việc làm và khả năng thụ hưởng và tham gia các sinh hoạt văn hóa.

Với những tiêu chuẩn mô tả trên đây, các nhà khoa học xã hội phân biệt quốc gia phát triển (pays développés) và quốc gia chậm tiến hay đang phát triển (pays sous-développés ou en développement).

Sự việc một quốc gia thỏa đáp các tiêu chuẩn trên theo chiều hướng tích cực không hẳn cho phép chúng ta khẳng định đó là một quốc gia tiên bộ. Vì thực tế cho thấy trong thế giới ngày nay, nhiều quốc gia phát triển về mặt kinh tế nhưng lại duy trì những thể chế chính trị-xã hội lạc hậu như chế độ quân chủ chuyên chế, những luật lệ hoàn toàn đi ngược lại sự bình đẳng nam-nữ và sự khoan dung tôn giáo, những phong tục tập quán man rợ. Năm 1979, luật lệ Pakistan cho phép nạn nhân một vụ hiếp dâm có quyền tố cáo thủ phạm với điều kiện phải nêu tên bốn người Hồi giáo ngoan đạo (?) đã chứng kiến vụ hiếp dâm. Trong nhiều quốc gia như Éthiopie, Kirghizistan vv. có tục lệ hôn nhân nhờ bắt cóc (mariage par enlèvement): muốn lấy cô gái mình yêu thích thì người đàn ông chỉ cần bắt cóc cô gái đó và hăm hiếp cô ta; nạn nhân buộc phải lấy người hiếp mình làm chồng vì không có người đàn ông nào khác trong cộng đồng chịu lấy một người con gái đã mất trinh tiết. Ở Ấn Độ, người đàn ông Hồi giáo -theo dòng Sunni- chỉ cần nói 3 lần từ “talaq” (“tôi ly dị cô”) là được bỏ vợ.

Về phương diện **chính trị**, một quốc gia được xem là tiên bộ khi áp dụng **chế độ dân chủ đích thực**. Dân chủ là một giá trị được mọi quốc gia thừa nhận. Sự việc những quốc gia độc tài, thậm chí toàn trị, với những thể chế chế phi-dân-chủ tự gán cho chúng nhãn hiệu “cộng hòa dân chủ” như Bắc Hàn (Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên), Congo (Cộng hòa dân chủ Congo), Lào (Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào) minh chứng cho điều đó (các quốc gia Tây phương thực sự dân chủ như Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Thụy Sĩ lại không cần đến nhãn hiệu này). Tại sao dân chủ phải là một giá trị tạo nên nền tảng cho mọi thể chế chính trị và xã hội? Trước tiên, chúng ta phải xác định ý nghĩa của hai chữ dân chủ. Có dân chủ khi ý chí của người dân là nền tảng các thể chế chính trị-xã hội, đặc biệt là luật pháp.

Điều kiện của sự sống còn và hạnh phúc của người dân phải do chính người dân mong muốn và qui định, vì trong một quốc gia không một cá nhân nào, một tập thể nào *đương nhiên* có quyền lãnh đạo, cai quản đất đai, tài nguyên và người dân quốc gia đó. Lãnh đạo là thứ quyền được nhân dân giao phó cho một cá nhân hay một tập thể thông qua bầu cử tự do hay một sự uỷ nhiệm mặc nhiên nhờ công trạng của cá nhân đó hay tập thể đó (như trường hợp vua Lê Lợi chẳng hạn) trong việc dựng nước và giữ nước. Trong đa số trường hợp, quốc hội chân chính bao gồm đại biểu do dân bầu do đó ý chí của quốc hội biểu lộ ý chí thực sự của người dân.

Làm sao phân biệt chế độ dân chủ đích thực với chế độ phi-dân-chủ hay dân chủ giả-hiệu? Đây là những đòi hỏi hay những nguyên tắc của chế độ dân chủ đích thực?

♦ **Trước hết là nguyên tắc bình đẳng:** mọi người đều bình đẳng với nhau. Về phương diện bản chất-hay nhân tính- mọi người, không phân biệt giới tính, tôn giáo, chủng tộc, màu da, nghề nghiệp vv. đều là người như nhau. Mệnh đề này xem ra có vẻ hiển nhiên, do đó dễ được chấp nhận. Nhưng, thật ra, lịch sử cũng như kinh nghiệm hàng ngày cho chúng ta thấy rằng mệnh đề đó là một sai lầm lớn đối với rất nhiều người. Chủ nghĩa quốc-xã của Hitler được xây dựng trên nền tảng ý-thức-hệ kỳ thị chủng tộc: nhân loại bao gồm chủng tộc thượng đẳng (chủng tộc Arya mà người Đức là thành phần), chủng tộc hạ-đẳng (người Do Thái và các dân tộc khác). Với chủ nghĩa quốc xã, giữa hai loại chủng tộc có những dị biệt về nhân tính, do đó, phải có dị biệt về quyền lợi -kể cả quyền sống-, về bổn phận, về địa vị và cách đối xử. Sự kỳ thị còn thể hiện trong đời sống xã hội do ảnh hưởng của tôn giáo, định kiến và ý thức hệ. Rõ rệt nhất là sự kỳ thị đẳng cấp ở Ấn Độ: tập thể người *paria* hay *dalit* bị khinh miệt, bị giết chết và thường là nạn nhân các vụ bạo động dưới nhiều hình thức; trong một số địa phương, con cái, đặc biệt là con gái sẽ bị trừng phạt nặng nề và có thể bị thiêu sống nếu tố cáo người cha hay một cấp trên bạo hành tình dục đối với mình, sự kỳ thị nghề-nghiệp và xã hội ở Nhật Bản (tập thể *Burakumin* không được đối xử như các công dân Nhật bình thường: tổ tiên họ, cộng đồng Eta, chuyên nghề thuộc da, thường xuyên tiếp xúc với thú vật chết, mỡ, máu, nói chung những thứ được coi là không trong sạch,

điều mà Thần giáo -*Shinto*-, tôn giáo cổ xưa của người Nhật lên án). Một hình thức khác là sự phân biệt cách mạng, tiến bộ và *phản động* (hạng người đi ngược lại chiều hướng của “Lịch sử”-sự xây dựng xã hội cộng sản-, chống lại chủ nghĩa cộng sản. Ở quan điểm cộng sản, Bao Công hay Bao Chung là một kẻ phản động vì đóng góp nhiều vào sự củng cố chế độ quân chủ chuyên chế). Ở Miến điện, nhóm chủ nghĩa dân tộc Ma Ba Tha -do các tu sĩ Phật giáo cầm đầu- đã tỏ ra kỳ thị và bạo động đối với thiểu số Rohingya mà phần đông theo Hồi giáo.

Một sự bất-bình-đẳng lớn lao khác liên quan đến phái tính: trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trong nhiều quốc gia như Ấn độ, Pakistan, Iran vv., nhiều nền văn hóa và tôn giáo, đặc biệt là Hồi giáo, người đàn bà được xem là có *bản chất* thấp kém hơn người đàn ông do đó họ không có đủ quyền căn bản như đàn ông.

♦ **Nhà Nước pháp quyền** là một đặc điểm thiết yếu khác của chế độ dân chủ. Các chế độ quân chủ chuyên chế, độc tài trong quá khứ cũng như trong hiện tại đều cai trị theo *ý muốn một cá nhân* hay *một tập thể*. Ý muốn này là luật, là tiêu chuẩn, do đó dễ mang tính cách chủ quan, độc đoán, tùy tiện. Với một nền dân chủ thực sự, tất cả mọi quyết định liên quan đến lợi ích chung, đến vận mạng của quốc gia đều phải dựa vào Hiến pháp -Luật lệ căn bản- và luật pháp chi phối quyền lợi và nghĩa vụ của mọi người dân không phân biệt giàu nghèo, nam nữ, việc làm công hay tư. Đặc biệt, mọi cơ quan nhà nước phải tôn trọng tính cách pháp lý trong các chủ trương, dự án và quyết định của mình. Có như vậy người ta mới tránh được sự lạm dụng quyền thế vì lợi ích cá nhân.

Nền dân chủ đích thực còn phải tôn trọng nguyên tắc **Thế tục** nữa. Với nguyên tắc này, Nhà nước không phủ nhận hay lên án các tôn giáo cũng như không xem qui luật của một tôn giáo riêng biệt là tiêu chuẩn cho việc qui định luật pháp, việc đặt một cá nhân vào vị trí có quyền hành trong mọi lãnh vực. Nhà nước dân chủ đích thực phải *đứng ngoài và đứng trên mọi tôn giáo*. Lý do là vì, tự *bản chất*, tôn giáo có một nền tảng *ngoại lý*: tôn giáo đòi hỏi các tín đồ phải có *niềm tin*. Khác với khoa học, tôn giáo không dựa vào bằng chứng. Không có và không thể có bằng chứng cho sự tồn tại những quyền lực siêu nhiên, thần thánh, luân hồi, nhân quả vv.

Ngoài ra, tôn giáo có những đặc tính không phù hợp với tinh thần của chế độ dân chủ: trái với khoa học, tôn giáo *không phổ quát* theo nghĩa dễ được mọi người chấp nhận. Không phải tất cả mọi người đều sẵn sàng chấp nhận tín điều của Hồi giáo, Phật giáo, hay Thiên Chúa giáo, trong khi tất cả mọi tín đồ đều chấp nhận hình học Euclide, vật lý học Newton.. Với tính *bất khoan dung*, tôn giáo cũng không phù hợp với chế độ dân chủ. Các tín điều tôn giáo thường không thay đổi vì tự khẳng định chúng là chân lý, và mọi quan niệm trái ngược phải bị kết án là tà đạo. Sau trên 100 năm, người Thổ Nhĩ Kỳ Hồi giáo vẫn còn lên án lý thuyết tiến hóa xem đó là tà thuyết, là một sai lầm to lớn và để giải thích sự hiện diện của vũ trụ, của con người cùng các chủng loại sinh vật khác, họ khẳng định thuyết sáng tạo (créationnisme) mang lại sự giải thích chính xác và toàn diện về vũ trụ. Năm 2001, nhóm cuồng tín Taliban đã cho phá hủy hai bức tượng Phật vĩ đại ở Bamiyan (Afghanistan), những bức tượng được tạc ở thế kỷ thứ năm, bất chấp sự phản đối của toàn thế giới và lời đề nghị mua lại các bức tượng của chính phủ Nhật Bản; lý do phá hủy là các bức tượng đó được coi là vết tích của một thứ tà đạo. Một lần nữa, trái với mệnh đề khoa học, các tín điều tôn giáo không bao giờ chấp nhận sự xét lại trong khi khoa học tiến bộ, bỏ tước thậm chí thay thế một lý thuyết từng được công nhận bằng một lý thuyết khác có đủ khả năng hơn để giải thích một sự kiện mới lạ.

Điều đáng nói là một khi tín điều được coi là chân lý bất di bất dịch thì các tín đồ dễ có khuynh hướng bạo động đối với những người mà họ kết án là kẻ tà đạo. Và đó là điều đi ngược lại với tinh thần của dân chủ vốn trọng sự *đối thoại và tính thuần lý*. Chính vì vậy nên trong lãnh vực xã hội và chính trị, tôn giáo phải được giới hạn trong phạm vi cá nhân; nói các khác, tôn giáo phải được coi là một vấn đề *lựa chọn cá nhân*, một quyền căn bản của mỗi con người. Trong viễn tượng dân chủ, tôn giáo không nên được xem là nền tảng của quyền lực chính trị và xã hội. Đó là ý nghĩa của nguyên tắc *Thế tục*. Điều không may cho nhiều dân tộc trong thế giới ngày nay là tôn giáo vẫn còn là nền tảng của chính trị, đạo đức, của văn hóa nói chung.



♦ **Tam quyền phân lập** là một nguyên tắc trọng yếu của một quốc gia dân chủ thực sự. Xã hội có tổ chức, bất luận chế độ nào, luôn luôn có ba thứ quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nhưng, tính dân chủ thể hiện qua việc ba quyền lực đó *độc lập với nhau và giám sát lẫn nhau*. Với một chế độ phi-dân-chủ, cả ba quyền lực đều nằm trong tay của vị lãnh đạo nhà nước. Người lãnh đạo ban hành luật, cai quản mọi sinh hoạt xã hội và giám sát sự thi hành luật pháp. Vua Louis XIV của Pháp ở thế kỷ 17 từng tuyên bố: “Nhà nước là ta.” (“L’État, c’est moi.”)

Các quyền lực có phân lập thì sự bình đẳng của mọi người dân trước luật pháp mới được bảo đảm và mới tránh được cảnh một cá nhân hay một tập thể lạm dụng quyền lực. Trong chế độ phi dân chủ, nhà lãnh đạo giữ, trên nguyên tắc, nhà lãnh đạo giữ vị trí lãnh đạo của mình đến cuối đời; đôi lúc, quyền lực lãnh đạo là thứ quyền được cha truyền con nối dù chế độ tự khẳng định là một nền cộng hòa nhân dân chứ không phải là một nền quân chủ chuyên chế. Bắc Hàn là một thí dụ điển hình.

♦ **Đạo đức** là một quan điểm thiết yếu trong việc đánh giá một xã hội cũng như mọi hoạt động của con người. Nhưng đâu là những qui luật đạo đức chúng ta cần phải tôn trọng? Sở dĩ cần phải nêu ra câu hỏi đó vì trên thực tế có nhiều quan niệm khác nhau về Thiện Ác, về cái tốt cái xấu, về điều nên làm, điều không nên làm. Cùng là tín ngưỡng dựa vào Thánh kinh, nhưng trái với Công giáo, nhóm tín đồ mang tên Người Chứng của Jehovah lại xem việc truyền máu là một điều đáng lên án, một trọng tội. Nếu đa số người Tin Lành xem phá thai là một hành động không tốt cũng không xấu thì người Công giáo lại quan niệm phá thai là một tội ác.

Tuy nhiên ngày nay, sau các thế chiến đặc biệt là Thế chiến thứ hai kết thúc vào năm 1945, với cái chết của hàng chục triệu người, với hệ thống trại tập trung của Đức quốc xã, của Liên xô, phần lớn nhân loại đều xác định sự tôn trọng nhân quyền là qui luật đạo đức căn bản: *xã hội công bằng, xã hội đạo đức phải là xã hội biết tôn trọng nhân quyền*. Chúng ta lại càng dễ nhận ra tầm quan trọng và tính phổ quát của nền Đạo đức Nhân quyền khi thấy rằng ngày nay trong mọi phạm vi sinh hoạt xã hội cũng như cá nhân, cái tốt và cái xấu được qui định bằng các loại quyền. Chúng ta nói đến quyền bình đẳng của phụ nữ, quyền được đi học của trẻ em, quyền bảo vệ văn hóa riêng biệt

Tác giả *Bên thắng cuộc* - nhận xét: “*Có một miền Nam không giống như miền Nam trong sách giáo khoa của chúng tôi.*” (...) Dù chưa thể so sánh được với thủ đô các nước tiên tiến Âu-Mỹ, **Sài Gòn trước 75 “vẫn là một nền văn minh”** như tác giả Huy-Đức đã phán đoán.

của các dân tộc thiểu số vv. Giúp cho một người bệnh già yếu, mất như gần hết mọi khả năng hưởng thụ cuộc sống sẽ là một điều tốt nếu quả thật cái chết trong sự tôn trọng phẩm giá của người đó là một thứ quyền đích thực (le droit de mourir dans la dignité). Bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền -công bố ngày 10 tháng 12 năm 1948- long trọng khẳng định: “**Sự vi phạm và xem thường nhân quyền đưa tới những hành động dã man và xúc phạm lương tâm nhân loại, và việc xây dựng một thể giới trong đó con người không còn bị khùng bỏ và sống trong cảnh khốn cùng, được tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng là khát vọng sâu xa nhất của con người.**”

Dù được thừa nhận trong tất cả mọi Hiến pháp của các quốc gia hiện đại thành viên của Liên hiệp quốc, qui luật đòi hỏi chúng ta phải tôn trọng nhân quyền vẫn còn bị ngang nhiên vi phạm ở nhiều nơi trên thế giới ngày nay. Điều đáng lưu ý là các quốc gia vi phạm không xem đó là điều sai trái, thậm chí còn cho rằng mình có quyền hành động ngược lại với bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền. Bạch thư của Trung quốc (1991) khẳng định: “*Vì có những dị biệt lớn lao về các phương diện lịch sử, cơ cấu xã hội, truyền thống văn hóa và sự phát triển kinh tế, nên giữa các quốc gia khác nhau phải có những dị biệt trong quan niệm về nhân quyền và trong việc tôn trọng chúng*”. Chính phủ Iran, một quốc gia tôn-giáo-trị, cho rằng các nguyên tắc căn bản của Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền không có giá trị bó buộc nếu chúng tỏ ra không phù hợp với Thánh kinh Coran. Nói cách khác, đối với Hồi giáo, thần quyền phải đứng trên nhân quyền.

Như đã chứng minh trên đây, một quan niệm vị-tôn-giáo triệt để thể hiện một thái độ cuồng tín không phù hợp với tinh thần của một nền dân chủ đích thực. Nhưng, hình như quan niệm phủ nhận Nhân quyền của bản Tuyên ngôn quốc tế có vẻ hợp lý hơn khi nói đến những giá trị riêng biệt của một quốc gia, một nhân tính cũng riêng biệt do

ảnh hưởng của văn hóa vốn có tính chất đặc thù. Chẳng phải người Trung Quốc không giống người Mỹ, người Pháp... đó sao khi chúng ta xét đến tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán của họ? Văn hóa mỗi dân tộc mỗi khác và vì văn hóa uốn nắn cá nhân nên chỉ có những con người đặc thù; không có và không thể có một bản tính chung cho tất cả mọi người. Nếu là như thế thì ý niệm một nhân quyền phổ quát không còn có giá trị chung cho tất cả mọi quốc gia, mọi lương tâm cá nhân nữa.

Thật ra, sự phủ nhận ý niệm Nhân quyền của bản Tuyên ngôn quốc tế nhân danh tính đặc thù của văn hóa và sự định hình nhân tính bởi văn hóa đã gặp phải nhiều vấn nạn:

w 1/ Bản tính con người không hoàn toàn bị tất định bởi văn hóa vì những *năng hướng phổ quát tự nhiên* giữ một vai trò trọng yếu trong sự hình thành của nhân tính. Đó là lý do vì sao chúng ta nhận thấy có những sự tương đồng sâu đậm và lớn lao giữa các dân tộc, các thế hệ, các cá nhân trong điều kiện bình thường. Người Trung Quốc nói và viết khác với người người Anh, người Pháp, người Tây phương nói chung, nhưng tất cả đều có chung một năng hướng, một khả năng, và đó là *ngôn ngữ* (langage). Mọi đứa trẻ bình thường đều phải có một khả năng *tự nhiên* là khả năng nói; nhờ giáo dục, chúng biết sử dụng *tiếng nói* (langue) của người chung quanh. Ngoài ngôn ngữ, chúng còn có chung một *lý trí* (khoa học được mọi người thừa nhận như nhau vì khoa học là sản phẩm của lý trí) và có những *nhu cầu căn bản* như nhau (ăn, uống, tính dục vv.). Nhân chủng học hiện đại cho biết: có 400 điểm tương đồng giữa các dân tộc sống trong những nền văn hóa khác nhau. Và tâm lý học khám phá ra một sự kiện: sự biểu lộ những cảm xúc căn bản (vui, buồn, giận, sợ, ngạc nhiên...) đều như nhau; chính vì vậy nên người của cộng đồng A dễ dàng nhận ra lúc nào người của cộng đồng B vui, buồn, sợ vv.

Nói tóm lại, các cảm xúc - cũng như các nhu cầu căn bản- có tính cách *phổ quát*.

w2/ Sự phủ nhận tính phổ quát của bản sắc con người và việc nhấn mạnh tính riêng biệt của văn hóa không giải thích được sự việc: khoa-học và kỹ-thuật Tây phương được giảng dạy và sử dụng trong tất cả các quốc gia phát triển. Dù chống đối và lên án nền văn minh Âu-Mỹ đến đâu chăng nữa, các nước như Trung Quốc, Iran, vẫn sử dụng những thành tựu của Âu-Mỹ trong các lãnh vực đó.

Nếu nhân tính hiển hiện nơi mọi cá nhân ở mọi nơi, mọi thời thì chúng ta có cơ sở để thừa nhận ý niệm nhân quyền trong Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền và để nhận rằng: xã hội tốt đẹp về phương diện đạo đức là xã hội biết tôn trọng nhân quyền. w3/ Tiêu chuẩn cuối cùng để đánh giá một quốc gia là **hạnh phúc của người dân**. Cũng như tự do, bình đẳng, hạnh phúc là giá trị lớn lao trong đời người, và trở thành mục tiêu chính yếu cho hoạt động của nhiều chính phủ (điều này được thấy rõ trong phương châm một số quốc gia). Nếu người dân một nước không hài lòng về cuộc sống của mình, không cảm thấy hạnh diện làm công dân nước mình thì mọi sự tiến bộ trong phạm vi kinh tế, quân sự vv. đều không có nhiều ý nghĩa. Có lẽ vì vậy mà vào năm 1972, vua J. S. Wangchuck xứ Bhoutan đã không ngần ngại chủ trương phải đánh giá đất nước theo chỉ số liên quan tới điều mà nhà vua gọi là Tổng số Hạnh phúc quốc gia (Bonheur National Brut). Năm 2012, Liên hiệp quốc xác định 6 tiêu chuẩn để đo lường mức độ hạnh phúc:

- 1/ GDP theo đầu người;
- 2/ an sinh xã hội;
- 3/ tuổi thọ;
- 4/ có tự do lựa chọn cuộc sống;
- 5/ sự rộng lượng;
- 6/ mức độ tham nhũng.

Căn cứ vào các tiêu chuẩn trên, The World Happiness Report (2019) thiết lập danh sách các quốc gia theo trình độ hạnh phúc. Mười quốc gia đứng đầu danh sách năm 2019 là: Phần-Lan, Na-Uy, Đan-Mạch, Băng-Đảo (Islande), Thụy-Sĩ, Hòa-Lan, Canada, Tân-Tây-Lan, Thụy-Điển, Úc-châu.

xã hội công bằng, xã hội đạo đức phải là xã hội biết tôn trọng nhân quyền.

SÀI GÒN, một nỗi nhớ

Vì tập san này không có mục đích công hiến bạn đọc những nghiên cứu về mặt sử học hay xã hội học, nên chúng tôi không trình bày sự đánh giá Sài Gòn trước và sau 75 theo các tiêu chuẩn đã được phân tách trên đây. Chúng tôi chỉ có tham vọng trình bày những cảm nghĩ và những thắc mắc về thực tại mà chúng tôi đã quan sát trong tư thế một người dân Sài Gòn.

Lúc kẻ “thắng cuộc” vào miền Nam và áp đặt chế độ xã hội chủ nghĩa, điều làm cho họ sùng sốt là sự phồn vinh thể hiện qua số lượng nhà, cửa, xe cộ, các loại máy khác nhau, các phương tiện tiêu dùng mà họ thường mơ ước, một cảnh tượng phồn vinh -mà họ cho là ‘giả tạo’- trái ngược hoàn toàn với hình ảnh một miền Nam nghèo nàn, tột tệ do “Mỹ Ngụy gây ra”. Như Huy Đức, tác giả *Bên thắng cuộc*, nhận xét: “Có một miền Nam không giống như miền Nam trong sách giáo khoa của chúng tôi.”

Nhưng, dưới mắt người miền Bắc, đặc biệt là các nhà văn, các nhà trí thức, miền Nam, nhất là Sài Gòn, sách vở xuất bản trong cũng ngoài nước biểu lộ nhiều khuynh hướng, nhiều ý thức hệ, kể cả chủ nghĩa Marx. Nhà văn nữ Dương Thu Hương thú nhận bà đã khóc khi nhìn thấy số lượng sách bày bán trên các đại lộ và bày tỏ sự thương tiếc cho một miền Nam văn minh và tự do đã không còn nữa. Người dân miền Bắc còn ngạc nhiên và thích thú khi thấy học sinh miền Nam biết ăn nói lễ phép với người lớn tuổi. Một người dân Hà Nội đã cho rằng đó là **“đặc sản của Sài Gòn còn lại trong một xã hội ồn ào và náo nhiệt này.”**

Lúc phân tách triết lý giáo dục của chính quyền miền Nam, họ còn nhìn thấy những khác biệt lớn lao với miền Bắc, một nền giáo dục đã ít nhiều tạo nên tâm trí và tính cách của con người miền Nam. Nền giáo dục đó nhằm thể hiện ba giá trị, ba nguyên tắc: **Dân tộc, Nhân bản và Khai phóng**.

Cũng như mọi cộng đồng trên thế giới, miền Nam chủ trương bảo vệ dân tộc về mọi phương diện: lãnh thổ, ngôn ngữ, văn hóa, vv., nhưng không vì vậy mà không biết ơn những người ngoại quốc đã có những đóng góp quan trọng đối với người Việt như bác sĩ Yersin (hệ thống viện Pasteur, vườn cao-su, xây dựng thành phố Dalat...), linh mục Alexandre de Rhodes (phát minh chữ viết theo mẫu tự La Mã mà chúng ta sử dụng ngày nay).

Tại sao không lựa chọn định cư ở Trung Quốc, Triều Tiên hay Cuba? Tại sao lại không về nước nếu quả thật Việt Nam là quê hương đã mang lại hạnh phúc cho họ? Tại sao phải từ bỏ ‘thiên đường’ xã hội chủ nghĩa để lựa chọn sinh sống trong ‘hỏa ngục’ tư bản chủ nghĩa? (...) Chúng ta yêu mến, hãnh diện và gắn bó với quê hương không chỉ vì quê hương là “*chùm khế ngọt, là cây tre nhỏ, mẹ về nón lá nghiêng che*” với những cảnh đẹp thiên nhiên, những lễ hội vv.. mà thiết yếu là vì nơi đó chúng ta sống trong một xã hội tự do, công bằng và nhân đạo.

Nền giáo dục ở miền Nam còn có tính nhân bản vì có chủ trương tôn trọng nhân quyền, các giá trị căn bản như sự bình đẳng nam-nữ, sự bình đẳng giữa các dân tộc. Triết lý đó xem “con người là cứu cánh chứ không phải là phương tiện hay công cụ phục vụ. Với triết lý nhân bản, mọi người có giá trị như nhau và đều có quyền được hưởng những cơ hội đồng đều về giáo dục.” (Wikipedia)

Nền giáo dục miền Nam còn có tính khai phóng: nó chủ trương giải phóng con người ra khỏi nạn mù chữ, sự bất-khoan-dung tôn giáo và xã hội bằng “sự tiếp nhận khoa học, tinh thần dân chủ, tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần phát triển sự cảm thông và hợp tác quốc tế, tích cực đóng góp vào sự phát triển chung của nhân loại.” (Wikipedia) Vì có chủ trương nhân bản và khai phóng như thế, nên tư tưởng Karl Marx được nghiên cứu và giảng dạy ở Đại học Văn khoa Sài Gòn. Nói tóm lại, nền giáo dục miền Nam tôn trọng tự do tư tưởng.

Tự do không chỉ được tôn trọng trong phạm vi tư tưởng mà còn thể hiện trong phạm vi chính trị-xã hội. Những phong trào học sinh, sinh viên xuống đường, những cuộc biểu tình của ký giả, của những nhóm đối lập với chính quyền nói lên quyền đối lập và tự do của người dân. Dù chưa thể so sánh được với thủ đô các nước tiên tiến Âu-Mỹ, Sài Gòn trước 75 “vẫn là một nền văn minh” như tác giả Huy-Đức đã phán đoán.



SÀI GÒN, một ước mơ

Nhưng nếu là như thế thì chúng ta có cơ sở để đặt lại vấn đề ý nghĩa và giá trị của điều mà “bên thắng cuộc” gọi là Giải phóng.

Thông thường, chúng ta nói đến giải phóng khi một dân tộc được thoát khỏi tình trạng bị chiếm đóng, bị nô dịch bởi một thế lực ngoại bang; đó là sự giải phóng chính trị. Nhưng cũng có thể nói đến Giải phóng trong trường hợp một tập thể hay toàn thể xã hội thoát khỏi một “tình trạng bị áp bức, kiềm chế, ràng buộc” (*Từ điển tiếng Việt*); đó là sự giải phóng xã hội (giải phóng nô lệ, giải phóng phụ nữ...) hoặc chính trị-xã hội như việc xóa bỏ chế độ quân chủ chuyên chế ở Pháp năm 1789. Mục đích của một công cuộc giải phóng là xây dựng một tình trạng, một quốc gia độc lập hay một xã hội mới công bằng hơn, nhân đạo hơn, hạnh phúc hơn. Trên 40 năm đã qua rồi sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Việt Nam đã trở thành một quốc gia thống nhất. Đó là một thắng lợi của người cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, tự nó, thống nhất không hẳn là điều tốt đẹp về phương diện *chính trị-xã hội*. Vì giá trị tốt đẹp của một xã hội thiết yếu tùy thuộc vào ý thức hệ hay chủ nghĩa của người lãnh đạo. Như đã nói đến trên đây, một xã hội tốt đẹp phải có tính dân chủ cao, phải biết tôn trọng con người và nhân quyền.

Việc áp dụng chủ nghĩa xã-hội (CNXH) trên toàn thể đất nước cho chúng ta thấy Thống nhất không nhất thiết là điều tốt đẹp khi mà CNXH đã thất bại về nhiều phương diện trên toàn thể Liên bang Xô-viết. Sau cuộc đấu tranh dai dẳng của Tổng bí thư Gorbachev nhằm thực hiện hai mục tiêu *glasnost* (chính sách công khai hóa hoạt động của cơ quan Nhà nước và tôn trọng thông tin) và *perestroika* (cải cách kinh tế và chính trị).

Chính sách Đổi Mới ở Việt Nam vào năm 1986 theo kinh tế thị trường với “định hướng xã hội chủ nghĩa” (?) cho thấy sự thất bại kinh tế của Chủ nghĩa xã hội trong quá khứ. Sự thất bại này được mô tả như sau: “Mười năm sau 1975 là một trong những giai đoạn tối tăm nhất (về kinh tế) trong lịch sử VN. Chỉ nói về mặt kinh tế, là nước nông nghiệp (năm 1980, 80% dân số sống ở nông thôn và 70% lao động là nông dân) nhưng VN thiếu ăn, nhiều người phải ăn bọ bọ trong thời gian dài. Lượng lương thực tính trên đầu người giảm liên tục từ năm 1976 đến 1979, sau đó tăng trở lại nhưng cho đến 1981 vẫn không hồi phục lại mức năm 1976.” (Trần Văn Thọ, Wikipedia).

Về phương diện *chính trị*, hình như các tiêu chuẩn về Dân chủ không hẳn được đáp ứng một cách thỏa đáng. Chính quyền tôn trọng các nguyên tắc Thể tục, nguyên tắc bầu cử trong việc lựa chọn dân biểu vv. Nhưng người dân có thực sự được quyền lựa chọn không khi chỉ có một ứng cử viên cho một đơn vị hoặc hai, ba ứng cử viên cùng chung một khuynh hướng, một đảng chính trị? Ba quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp có thực sự độc lập với nhau không? Có tự do thông tin và tự do ngôn luận? Tường trình 2019 của Tổ chức bảo vệ ký giả (Committee to Protect Journalists) công bố danh sách 10 nước vi phạm nghiêm trọng nhất quyền thông tin và tự do ngôn luận: VN đứng hàng thứ 5 sau Triều Tiên (hạng thứ 2), Trung Quốc (hạng thứ 4) và trước Cuba (hạng thứ 8). Trong khoảng thời gian 1976-1993, Nguyễn khắc Viện (1913-1997), một đảng viên tiếng của miền Bắc đã viết một thứ “Thất trăm sáu” với 8 kiến nghị đổi mới và 30 bản kiến nghị cùng thư gửi đến ban Lãnh đạo Đảng, Quốc hội tố cáo sự việc “ở các cấp có hai bộ máy mà bộ máy đảng đứng trên bộ máy Nhà nước thì bộ máy Nhà nước không thể có hiệu lực, không thể nào phát triển kinh tế, văn hóa được”.

Ông còn tố cáo tình trạng “thông tin một chiều” và “những tác hại của tư tưởng Mao trạch Đông để xóa bỏ tàn tích của nó.” (Wikipedia)

Trong những ngày tháng sau 30/4/75, một bầu không khí u buồn, hoang mang, kinh hoàng bao trùm lên những gia đình có ít nhiều liên quan đến chính quyền và quân đội cũ, nhất là sau đợt sĩ quan, công chức đi ‘học tập cải tạo’, truy lùng và thiêu đốt sách vở, những sản phẩm bị kết án là văn hóa đồi trụy, phản động.



Sài Gòn sau 30.4.75, đốt sách & cấm nhạc vàng. (Internet)

Người dân không có tự do buôn bán, không có quyền di chuyển từ thành phố này đến thành phố nếu không có giấy phép của ủy ban nhân dân phường, điều mà trước đó họ không phải xin. Ngoài thái độ kỳ thị ‘cách mạng’- ‘phản động’, còn có chính sách áp dụng hình thức *trách nhiệm tập thể* (kiểu cha làm con chịu) tạo ra kinh hoàng đối với những gia đình có thân nhân là sĩ quan, công chức làm việc trong các cơ quan hành chính của chế độ cũ. Con em gia đình ‘nguy’ không được tiếp tục học các trường Quốc gia Âm nhạc, Y khoa vv. Ngoài ra, một cảnh tượng mà nhà văn Bảo Ninh gọi là “*cánh chợ giong xô bồ miền Nam nhận họ miền Bắc nhận hàng*” diễn ra khắp nơi làm cho nhiều người thất vọng. Bên cạnh đó, sự hình thành **một giai cấp mới** làm cho người lính thuộc “bên thắng cuộc” -từng mang trong mình nhiều lý tưởng, nhiều kỳ vọng - cũng phải nhìn lại hòa bình, công cuộc giải phóng một cách khác; chiến tranh không còn có giá trị thiêng liêng, cao cả nữa đối với họ nữa. Như Bảo Ninh viết: “Chao ôi! Chiến tranh là cõi không nhà, không cửa, lang thang khốn khổ và phiêu bạt vĩ đại, là cõi không đàn ông, không đàn bà, là thế giới thâm sâu vô cảm và tuyệt tự khủng khiếp nhất của dòng giống con người.” (*Nỗi buồn chiến tranh*, Hoa kỳ, nxb Văn Hiến, trg. 36). Nếu cái giá phải trả lớn lao đến như thế thì thống nhất để làm gì? Tác giả Huy Đức nhận xét: “... ngày 30/4/75, ngày nhiều người tưởng là miền Bắc đã giải phóng miền Nam. Nhiều người thận trọng nhìn lại suốt hơn 30 năm, giật mình với cảm giác bên được giải phóng hóa ra lại là miền Bắc.” Có người sẽ chất vấn: nhưng ít ra, có hòa bình và đó không phải là điều mà mọi người từng mơ ước sao? Chúng ta hãy nghe Bảo Ninh một lần nữa: “*Nền hòa bình này... Hừ, tôi thấy mình như các mặt nạ người ta đeo trong những năm trước rơi hết. Mặt thật bày ra gớm chết. Bao nhiêu xương máu đã đổ ra...*” (-nt-, trg. 48)

Dù không chấp nhận lập luận trên, chúng ta cũng không cảm thấy mạnh dạn để xác nhận Việt Nam có tiến bộ trong hiện tại. Muốn nói đến tiến bộ thì chúng ta phải thấy có sự thay đổi trong cảm thức, trong cái nhìn của người dân đối với các cấp lãnh đạo và đối với xã hội. Họ phải thấy rằng họ thực sự yêu mến, hãnh diện về đất nước của họ như người Bhoutan, người Pháp, người Thụy sĩ...

Họ phải thấy là mình sống hạnh phúc hơn trên quê hương mình, một niềm hạnh phúc họ đã không thể có được dưới chế độ cũ. Thực tế cho thấy hàng triệu người đã bỏ nước ra đi dù không biết tương lai sẽ đưa họ đi về đâu, cũng không biết họ có còn sống được đến ngày đặt chân lên một mảnh đất xa lạ. Điều đáng nói là một số người Việt thành công về mặt kinh tế lựa chọn sinh sống tại các nước Tây phương chứ không chọn một quốc gia cộng sản làm quê hương mới.

Điều đáng lưu ý hơn nữa là sự việc có những quan chức và doanh nhân thành đạt, được Đảng và nhà nước tín nhiệm, vẫn sở hữu hộ chiếu nước ngoài. Ngày 23/9 /2019, truyền thông Hàn Quốc đưa tin có 9 người trong phái đoàn Việt Nam - do chủ tịch Quốc hội Nguyễn thị Kim Ngân cầm đầu- đi thăm Hàn Quốc đã bỏ trốn không về nước. Tại sao không lựa chọn định cư ở Trung Quốc, Triều Tiên hay Cuba? Tại sao lại không về nước nếu quả thật Việt Nam là quê hương mang lại hạnh phúc cho họ? Tại sao họ phải từ bỏ “thiên đường” xã hội chủ nghĩa để lựa chọn sinh sống trong “hỏa ngục” tư bản chủ nghĩa? Ngày 23/10/2019, cảnh sát Anh phát hiện tại Grays Essex 39 thi thể người Việt trong một xe tải đông lạnh. Những con người không may mắn đó đã bỏ ra một số tiền không nhỏ và phải trải qua một cuộc hành trình đầy gian nan để mong có một việc làm tại Anh. Tại sao lại không tìm một việc làm trong nước trong khi đất nước đã thanh bình và đang phát triển? Chúng ta không thấy người dân các nước tư bản chủ nghĩa hành động như thế. Tại sao? Có lẽ câu trả lời được tìm thấy trong các bản báo cáo của Liên hiệp quốc và các cơ quan nghiên cứu chuyên biệt:

Ghi thêm: Đi Tới nhân mạnh & ghi chữ đậm.

(*) Tranh minh họa: Cổ họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn (06.10.1954, Sài Gòn – 20.3.2013, Montréal), phụ trách Mỹ thuật Đi Tới.

Về phương diện phát triển con người:

Theo Báo cáo của Liên hiệp quốc (United Nations Program's Human Development Report, 2018) phân biệt 4 nhóm:

1/ Nhóm các quốc gia có trình độ phát triển con người *rất cao*;

2/ Nhóm quốc gia có trình độ phát triển *cao*;

3/ Nhóm quốc gia có trình độ phát triển *trung bình*;

4/ Nhóm các quốc gia có trình độ phát triển *thấp*.

Với chỉ số 0.694, Việt Nam được xếp vào loại nhóm ‘trung bình’ và chiếm thứ hạng 116 trên 189 nước, trên Lào (139/189) Congo (137/189) và Cambodia (146/189). Ấn Độ, một trong số ít quốc gia có nền văn minh cổ xưa nhất, một nền kinh tế hùng mạnh vẫn bị Unicef xếp vào loại quốc gia có trình độ phát triển trung bình với thứ hạng khiêm nhường 130/189 vì gần ½ dân số thất học, không sử dụng nhà vệ sinh; khoảng 163 triệu người không tiếp cận nước sạch và 10% bệnh nhân mắc những chứng bệnh có liên quan tới việc dùng nước mất vệ sinh.

Về phương diện hạnh phúc:

Theo Happiness Report, 2019, với chỉ số 1.103, thứ hạng của Việt Nam là 95 trên 156 nước, cao hơn Lào (thứ hạng 110 với chỉ số 4.623), Cambodia (thứ hạng 120 với chỉ số 4.433) và Congo (thứ hạng 114, với chỉ số 4.559)

Những con số nêu trên có lẽ còn quá trừu tượng. Thật ra, người dân cảm thấy hạnh phúc khi thấy mình sống không phải chỉ trên một mảnh đất thanh bình mà còn là sống trong một xã hội dân chủ thực sự, biết tôn trọng nhân quyền. Ngày nào người dân còn là nạn nhân của sự huyền hoặc, còn nhìn thấy những người bất đồng chính kiến bị giam giữ dù đó là những người tha thiết với công ích và các giá trị ‘tự do’, ‘nhân quyền’ thì ngày đó còn có người lựa chọn các nước Âu Mỹ làm quê hương cho bản thân và gia đình mình. Chúng ta yêu mến, hãnh diện và gắn bó với quê hương không chỉ vì quê hương là “*chùm khế ngọt... là cầu tre nhỏ... mẹ về nón lá nghiêng che*” với những cảnh đẹp thiên nhiên, những lễ hội vv. mà thiết yếu là vì nơi đó chúng ta sống trong một xã hội tự do, công bằng và nhân đạo.

Nhìn vào hiện tại, một xã hội như thế vẫn còn là một khát vọng, một ước mơ đối với chúng ta.

Biết đến bao giờ ước mơ đó trở thành hiện thực?♦

VẠN XUÂN
(tháng Tư 2020)

SÀI GÒN CHỐNG LUẬT ĐẶC KHU





ay mã VIỆT NAM cōn cò SÀI GÒN

□ TRẦN TIỀN DŨNG

Và sẽ không tìm thấy một người Sài Gòn nào nếu tiếp tục nhìn lịch sử theo lối độc quyền và thiên cận. Người Sài Gòn chỉ có một khi lịch sử được minh bạch rằng, người Sài Gòn hôm nay chính là những người nhận được cơ hội từ những người từng đến, sống và chết từ **Sài Gòn-Gia Định** trong xuyên suốt các triều đại phong kiến, những anh linh tử sĩ Việt Nam Cộng Hòa, những vong linh người vượt biển vì tự do và cả những nạn nhân khác của bóng tối lịch sử.

NGƯỜI SÀI GÒN TỪ THỜI HỘ KHẨU ĐẾN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Khi có ý đi tìm người Sài Gòn, không hiểu sao khi chưa ra khỏi nhà tôi đã biết có đi phỏng vấn đến tết Congo cũng không ai người Sài Gòn tự nhận mình là người Sài Gòn gốc 3 đời hoặc mấy chục đời cả. Chắc rằng mọi người sẽ hỏi lại tôi, sao hỏi chỉ cái chuyện tào lao, tầm phào hết sức vớ vẩn, kiếm sống được ở Sài Gòn, là người Sài Gòn rồi. Thật ra trên khắp thế giới, phần căn cước của một người ít ai phân biệt dân tỉnh lẻ hay dân thủ đô và đó là văn minh dân quyền căn bản nhất. Riêng ở Việt Nam thì khác. Dưới chế độ cộng sản, việc phân biệt dân thủ đô, dân thành phố lớn hay dân tỉnh lẻ, nông thôn, dân kinh tế mới,... là chuyện căn bản. Ai cũng biết sự phân biệt đối xử của chế độ hộ khẩu là khắc nghiệt, vắn nạn đó lâu ngày tạo nên cả một gói “tự hào” về địa vị chính trị, kinh tế, văn hóa... dành cho dân có hộ khẩu thủ đô, thành phố trước phần dân cư còn lại của cả nước.

Khi nền kinh tế mở cửa, dù chế độ hộ khẩu vẫn không thay đổi nhưng những yếu tố kinh tế thị trường tư bản đã phá vỡ toàn bộ những công dụng chuyên chế của chế độ hộ khẩu. Theo nhu cầu mưu sinh và nhu cầu nhân lực của kinh tế thị trường, dân tỉnh lẻ, nông thôn tràn về đô thị bất chấp chuyện họ sống đời không hộ khẩu hoặc chỉ có cái gọi là chứng nhận



KT3 (một loại giấy tạm trú). Theo thời gian, đội quân nhập cư tăng theo cấp số nhân và cả người nhập cư thành đạt, người kiếm sống qua ngày trở thành nguồn dân số bá chủ.

Chính nguồn dân số và chất lượng dân số bùng nổ này đã dồn những ai tự huyền hoặc cho mình dân thủ đô gốc, dân thành phố cổ cự vào hội chứng yếu đề kháng, trở thành những kẻ thất bại.

Nếu ai còn tự cho mình là dân Hà Nội gốc, thật ra đó là lối nghĩ của dân được bảo hộ bởi chế độ hộ khẩu thiếu dân quyền. Họ có thể trưng ra lý do là ông bà cha mẹ sống ở Hà Nội trước chế độ cộng sản và họ thừa kế cái gốc người Hà Nội. Cơ sở lý lẽ này là không minh bạch, vì trong lịch sử cận đại Việt Nam, theo tìm hiểu, trước thời cộng sản nắm quyền không có chuyện độc đoán khoanh tròn mực đỏ dân Hà Nội điểm tối ưu, và phần dân còn lại chỉ có điểm trung bình kém.

Người Hà Nội trước thời cộng sản đủ khỏe mạnh tinh thần và trí thức để rộng tay đón nhận tất cả các nguồn dân cư như đón nhận dòng máu mới, cũng như đủ ứng xử văn minh để biết rằng cực đoan địa phương tính là ngớ ngẩn. Chuyện dân thủ đô được tôn trọng kính nể... đó là do phẩm chất người, chất lượng từ những công việc phục vụ cộng đồng, quốc gia và được cộng đồng xác nhận trong chuẩn giá trị văn hóa chung, chứ không phải một dạng đặc quyền đặc lợi do một thể chế độc tài chỉ đạo.

Người Hà Nội đủ văn hóa để nhìn thấu rằng hiện trạng hư hỏng của xã hội Việt Nam đều có nguyên nhân do thiếu nhân quyền. Cả dân tộc, không phân biệt bất kỳ ai, vùng miền nào đều phải gánh chịu hiện trạng xã hội hư hỏng tệ hại này. Một giáo sư sinh ra ở Hà Nội di cư vào Nam muốn giấu tên đã nói thật với chúng tôi rằng:

“Chỉ thời đại này mới có kiểu tự tôn bệnh hoạn địa phương thượng đẳng.”

DÂN HÀO HIỆP VÀ DÂN NHẬP CƯ

Mỗi tháng tôi đều đến một tiệm hớt tóc của một ông chủ trẻ trên đường Hồ Bá Kiện. Tuổi chưa đến bốn mươi, anh có tổng cộng ba tiệm hớt tóc. Lần này anh mời tôi hớt tóc, lấy ráy tai, ở một tiệm mới khai trương. Cô gái lấy ráy tai cho tôi nói: “Ông vài bữa nữa là sấm thêm xe hơi.”

Tôi hỏi thẳng ông chủ tiệm là anh có mấy chiếc xe hơi rồi, anh chàng nói giọng miền Nam lơ lớ: “Tính mua thêm một chiếc nữa là bốn. Xe tôi mua cho cơ quan công ty thuê, hợp đồng tính theo năm.”

Rồi anh kể: “Năm 1980, anh từ Huế vô Sài Gòn làm phụ hồ, khổ tởm xương, ba năm không biết mùi bún bò, mì quảng là gì.” Tôi hỏi anh: “Anh thấy người Sài Gòn thế nào?” Mặt anh ngạc nhiên như người từ sao Hỏa xuống: “Rứa, lúc mới vào tôi cũng có nghĩ người trong này ăn ngon, chơi bạo khác người quê tôi, nhưng chỉ ở vài tháng là tôi thấy chỉ người có tiền là khác.”

Cái anh chàng chủ tiệm hớt tóc này cũng như hàng triệu người từ nhiều thế hệ đã nhìn thấy Sài Gòn là một nơi kiếm sống, kiếm tiền làm giàu. Đối với mọi người Việt Nam, tính cả dân thủ đô Hà Nội, Sài Gòn là vùng đất hứa, là một kiểu giấc mơ Mỹ của người Việt Nam.

Một trí thức người Bắc di cư kết luận: “Sài Gòn là đất Phật.” Nhiều người bạn ông bàn thêm: “Giá trị rõ nhất của đất Phật trước tiên đây là nơi chốn bình yên, bình yên cả trong chiến tranh, thiên tai và những vấn nạn đáng sợ khác có nguyên nhân từ con người.

Sài Gòn không có chuyện phân biệt đối xử vùng miền, văn hóa và chủng tộc...” Nhà báo hải ngoại TG. có lần nói: “Chỉ cần vô Sài Gòn, có một cái bơm xe, ngồi ở vỉa hè Sài Gòn cũng sống được, cũng thoát khổ mà tính chuyện khởi nghiệp.” Họa sĩ TC, có lần kể:

“Trước 1975, thi sĩ Nguyễn Đức Sơn và cô nhà văn Nguyễn Thụy Long có thời ăn cơm cháy, uống trà đá, ngồi xia răng ở một quán cơm xã hội.”

Mỗi người, trong hàng triệu người từ nhiều thế hệ đều có riêng cho mình những kỷ niệm sâu sắc về sự rộng lòng của đất và người Sài Gòn. Có người còn nói nửa đùa nửa thật rằng, nếu ai có chí, dám đứng le lười cho người ta dán tem ở bưu điện thành phố chắc chắn không thiếu khách hàng.

Nhưng Sài Gòn cũng có bất công. Điều bất công này không phải do Sài Gòn gây ra mà chính là do không ít người đến với Sài Gòn gây ra. Có thể thông cảm hiện trạng lúc nào họ cũng thương nhớ ca ngời nguyên quán xuất thân của họ. Và Sài Gòn cũng dễ quên không chấp khi có những người nhập cư thành đạt, nên cơ nghiệp, chỉ nhận họ là người thành phố này, tỉnh nọ.



Sài Gòn không hề chỉ là Sài Gòn của nơi kiếm tiền, chỉ là một nơi tạm trú, bởi đa phần người nhập cư đã hoặc sẽ có khoảng đời sống ở thành phố này dài hơn so với lúc họ sống ở nguyên quán sinh ra. Hãy đến các nghĩa trang, các chùa có để cốt mà xem, hàng triệu người tứ xứ thuộc nhiều dân tộc, nhiều thế hệ đã chọn gởi lại cho Sài Gòn nắm xương tàn.

Nhưng người Sài Gòn anh là ai? Có người nói ngày nay muốn tìm người Sài Gòn thì qua tiểu bang Cali ở Mỹ hoặc các cộng đồng người Việt lưu vong trên khắp thế giới. Nhưng chúng tôi vẫn muốn tìm người Sài Gòn ở Sài Gòn.

Một cô bạn của chúng tôi sinh ra ở một nhà bảo sanh trên đường Gò Công quận 6, có ông bà nội là người Hoa Minh Hương, ông bà ngoại là dân sanh ra ở bến Mễ Cốc quận 8. Cô nói: “Nếu muốn biết ai là người Sài Gòn thì chỉ cần nhìn cách họ đón tiếp đối xử với bà con cô bác ở quê lên thăm hoặc lên kiếm việc làm. Bà ngoại tôi mỗi lần gặp bà con là mừng lắm, tấm lòng của người tha hương mà. Ai cũng có họ hàng dây mơ rễ má, chớ có phải ở đất nê chui lên đâu.”

Hơn ba mươi năm qua, những ai công tâm sẽ nhìn thấy những dòng người không thể thống kê hết từ miền Bắc vào Sài Gòn để mưu cầu cuộc sống tốt hơn, qua từng cá nhân, họ hàng, thôn làng vào Sài Gòn vào miền Nam rồi về thăm quê để đưa về, đã truyền bá lối sống văn minh vật chất và tinh thần Sài Gòn. (...) Và từ những năm đen tối nhất của lịch sử cho đến thời tạm dễ thở, không một nơi chốn nào của đất nước này được hàng triệu triệu người Việt đồng tâm tin rằng: May mà Việt Nam còn có Sài Gòn!

Theo một ông già từng là lính Việt Nam Cộng Hòa, nay chạy xe ôm ở quận Tân Bình, “đất Sài Gòn trước tiên là đất của



những tay hảo hớn, bởi chỉ có những người mạnh mẽ từ tâm hồn đến thể xác mới quyết định bỏ xứ ra đi đến đất mới, cũng chính họ mở đường cho con cháu mưu cầu sự sống mới và tự do. Tánh hảo hớn và phóng khoáng là máu huyết căn cơ của người Sài Gòn.”

Ở góc đường Cao Thắng và Phan Thanh Giản cũ (nay là Điện Biên Phủ) có một cái miếu lớn gọi là Thành Hoàng Bổn Cảnh. Nơi đây hàng ngày hàng đêm vẫn nghi ngút hương khói tưởng nhớ những vong linh của tướng quân Lê Văn Khôi (con nuôi Tả quân Lê Văn Duyệt) và các nghĩa binh bị xử chém, vùi xác ở quanh khu Kỳ Hòa, thành Gia Định dưới thời vua Minh Mạng. Một nhà nghiên cứu lịch sử miền Nam có lần nói với tôi: *“Không rõ lắm những nghĩa quân này có phải là người Sài Gòn không, nhưng tôi tin chắc khi họ chết, anh linh họ là người Sài Gòn.”*

Và sẽ không tìm thấy một người Sài Gòn nào nếu tiếp tục nhìn lịch sử theo lối độc quyền và thiên cận. Người Sài Gòn chỉ có một khi lịch sử được minh bạch rằng, người Sài Gòn hôm nay chính là những người nhận được cơ hội từ những người từng đến, sống và chết từ Sài Gòn-Gia Định trong xuyên suốt các triều đại phong kiến, những anh linh từ sĩ Việt Nam Cộng Hòa, những vong linh người vượt biển vì tự do và cả những nạn nhân khác của bóng tối lịch sử. Chỉ từ cách nhìn nhận này mới sáng rõ đúng nghĩa tánh hảo hớn - hào hiệp vì tự do và công bằng của người Sài Gòn.

MAY MÀ CÒN CÓ SÀI GÒN

Gia đình bên ngoài tôi có một người anh họ, anh tên là Ba V. Trước 1975 anh là lính sư đoàn 7 Bộ Binh VNCH đồn trú ở Gò Công. Quê anh ở ở một xã heo hút dù không xa Sài Gòn nhưng rất nghèo... Sau biến cố 1975, anh và gia đình càng lâm cảnh nghèo tệ hại hơn. Sài Gòn với anh là một thiên đường tại thế, có lần anh nói với tôi: “Tao phục mày quá, sống được ở Sài Gòn ngon thấy mẹ.” Lời anh đơn giản nhưng chí lý, người Sài Gòn thời nào cũng rất bảnh trong cách nhìn của người địa phương khác.

Có người sẽ phản bác tôi rằng, người Sài Gòn ngày nay không còn sang trọng nữa. Nhưng trường hợp gia đình anh họ tôi thì lại đồng ý với tôi. Sau 1975 cả bảy đứa con của anh họ tôi đều không đủ ăn đến xanh mặt. Khi Sài Gòn vào thời kinh tế thị trường cả năm đứa con trai, con gái của anh đều trở thành người Sài Gòn, anh chỉ giữ lại được đứa con gái và đứa con trai út làm người Gò Công cày cấy trên nửa mẫu ruộng hương hỏa. Điều đáng nói là những người con Sài Gòn của anh, dù chỉ làm thợ hồ và nấu bếp ở Sài Gòn nhưng đã đem lại một cuộc cách mạng kinh tế, lối sống văn minh cho cả gia đình anh. Chắt nông dân cổ cựa của anh không còn như trước, ở anh ngày càng rõ ra cái chất thị dân Sài Gòn do con anh truyền bá. Có hàng triệu gia đình ở Việt Nam hôm nay giống như anh, người ta không thể thống kê hết những thay đổi theo kiểu Sài Gòn. Nhưng có một điều người ta chắc chắn là văn hóa thị dân Sài Gòn hình thành từ tinh hoa thể chế thực dân và ánh sáng của nền dân chủ tự do Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa, ánh sáng này đủ mạnh để dung chứa mọi cách sống và để truyền bá những điều tốt đẹp.

Tôi có dịp nói chuyện với cô gái người Hà Nội, cô vào Sài Gòn làm nghề báo. Tôi không biết cô có phải là người Hà Nội gốc hay không, cô nói:

“Khi vắng cái dân thiếu văn minh ngoài đây, em có Sài Gòn để chứng minh là trong này người ta không ai làm việc xấu hổ thế.”

Tất nhiên, không có vùng rộng của lối sống văn minh nào lại không có mặt tệ nạn, nhưng cộng đồng thị dân Sài Gòn không có kiểu hí hờn cả tập thể hòa nhau hái hoa anh đào của Nhật Bản triển lãm về làm của riêng, cũng không có những vấn nạn không thể tưởng tượng được như chiếm thang máy chung cư, cho thang máy chạy lên chạy xuống liên tục để vỗ con và đút cơm cho con mình ăn ngon miệng.

Và không có cái kiểu nghĩ và hành xử như một cô ca sĩ trẻ mà tôi quen. Cô này từ Hà Nội vào Sài Gòn tìm cơ hội thành “sao.” Trong thời điểm Hà Đông có quyết định sáp nhập vào Hà Nội, cô luôn miệng tục tằn gay gắt với những người “đời đời kiếp kiếp” cô không nhận là người Hà Nội, dù hàng ngày đang cùng thở, cùng sống ở không gian Hà Nội mở rộng với cô.

Chính từ những cách nhìn kỳ thị kiểu này đã xác lập một thứ ranh giới mà ở đó người ta tự cho Hà Nội như mình đây là tốt đẹp, phần còn lại là tệ hại vì không phải là Hà Nội. Có gì đáng buồn cười và xấu hổ cho bằng kiểu kỳ thị “địa phương thượng đẳng” đó. Và chính đó mới là mầm mống, là nguyên nhân của vô số vấn nạn xã hội. Vấn đề không phải Sài Gòn không có người nhập cư quê mùa kém cỏi, nhưng cái chính là văn minh Sài Gòn đủ mạnh để hướng mọi người đến phẩm chất tôn trọng lợi ích cộng đồng và tự trọng trong lối sống cá nhân.

Ở phạm vi rộng hơn, nhiều bậc thức giả chiêm nghiệm rằng, không phải năm 1975 “giải phóng Sài Gòn” mà chính là biến cố đó đem đến cơ hội giải phóng toàn diện xã hội miền Bắc.

Hơn ba mươi năm qua, những ai công tâm sẽ nhìn thấy những dòng người không thể thống kê hết từ miền Bắc vào Sài Gòn để mưu cầu cuộc sống tốt hơn, qua từng cá nhân, họ hàng, thôn làng vào Sài Gòn vào miền Nam rồi về thăm quê đã đưa về, đã truyền bá lối sống văn minh vật chất và tinh thần Sài Gòn.

Bạn tôi, nà thơ, là một người Hà Nội sang trọng, anh vào và chọn Sài Gòn để sống và cũng có thể coi anh là người tị nạn văn hóa ở Sài Gòn.

Anh có những kỷ niệm vui buồn sâu sắc dành cho Hà Nội, nên mỗi lần về quê trở vào là anh nói: *“Minh đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất là thấy nhẹ người.”*

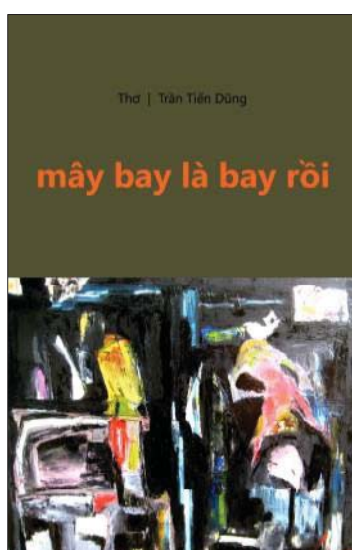
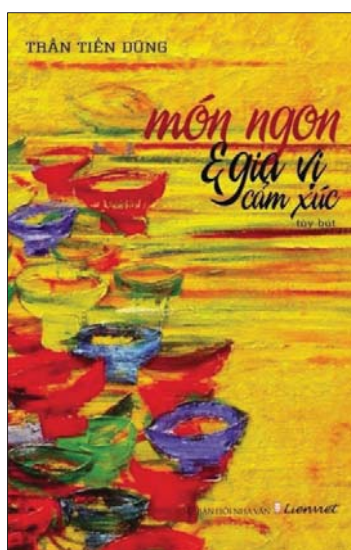
Tất nhiên cũng trùng hợp, người biết và chia sẻ tâm trạng “nhẹ người” này là những Việt kiều lưu vong mỗi khi rời Việt Nam bay trở lại đất nước bao dung mình.

Và từ những năm đen tối nhất của lịch sử cho đến thời tạm dễ thở, không một nơi chốn nào của đất nước này được hàng triệu triệu người Việt đồng tâm tin rằng: May mà Việt Nam còn có Sài Gòn! ♦

TRẦN TIẾN DŨNG (7/9/2012)

Nguồn: <https://www.facebook.com/notes/tran-tien-dung/may-ma-viet-nam-con-co-sai-gon/10151053800052503>

Ghi thêm: Đi Tới nhấn mạnh, ghi chữ đậm, trình bày bìa sách và ảnh tác giả Trần Tiến Dũng tìm thấy trên Internet.



Nhà thơ Trần Tiến Dũng.
Photo courtesy of Wikivietlit.

Photo: RFA

<https://dungtrantieng.wordpress.com/>

Đã xuất bản:

* Khố Động (1997)

* Hiện (2000)

* Bầu Trời Lông Gà Lông Vịt (2003)

* Hai Đóa Hoa Trên Trán
Cho Công Dân Hạng Hai (2006)

Sài Gòn nghĩa tình...

Nguồn: <http://www.8saigon.xyz/sai-gon-nghia-tinh.html>

By **8saigon** - 29 Tháng Mười Một, 2019

□□□

Sau tháng 4/75, Sài Gòn khó khăn! người người khó khăn!

Từ thượng vàng đến hạ cám đều lao vào công cuộc mưu sinh đầy gian lao và khổ lụy! biết bao chàng trai phải tạm xếp bút nghiên theo nghiệp “mánh mún”, trong đó có mình.

Vào một buổi xế chiều, sau cuộc hành trình dài Đà Lạt - Sài Gòn, mình cùng thằng bạn đồng nghiệp, rủ nhau vào quán bia hơi cạnh bến xe lai rai.

Lúc bước vào quán, nó hơi khựng lại, mắt chăm chú hướng về vị khách đang ngồi một mình, trên bàn là bình bia và đĩa đậu phộng rang, khuôn mặt trầm tư buồn bã. Nó kêu mình:

- Thầy tao.

Hai đứa cùng bước đến bàn vị khách, thằng bạn cúi đầu:

- Dạ, thưa thầy.

Ông khách nhú mày nhìn nó như lục lại ký ức.

- Em là ai? tôi không nhớ.

- Dạ, làm sao Thầy nhớ hết hàng ngàn học trò của mình, nhưng tại em không bao giờ quên Thầy Cô. Em là thằng học trò để tóc dài, lớp đệ ngũ của Thầy, hay bị Thầy gọi lên văn phòng “giảng đạo”!

- À thầy nhớ rồi, trò T... đây mà, “quậy” nhưng học được, giờ em còn đi học không? hay làm gì?

- Dạ, em đã nghỉ học, đi lơ xe. Thầy vẫn dạy trường cũ?

- Không, người ta không lưu dụng Thầy, có lẽ do Thầy đã từng tu nghiệp ở Mỹ về. Xa trường, xa lớp, xa học trò, Thầy buồn! nên thường la cà các quán nhậu, mượn bia rượu để gặm nhấm nỗi buồn của Thầy!

Hai đứa chúng tôi ngồi xuống bàn Thầy. Vừa cùng Thầy nhâm nhi, vừa tâm sự những nỗi buồn vui của trường lớp thuở xưa, lẫn cuộc sống hiện tại. Thoáng chốc mà phố đã lên đèn.

- Thôi Thầy về, để Cô trông, hẹn gặp lại các em vào dịp khác.

- Dạ khoan, Thầy chờ em chút xíu.

Nói xong, bạn mình bước ra xe, thu gom toàn bộ rau cải cắt giấu trong xe, được hai tọng khoảng 20kg, khệ nệ xách vào.

- Em gọi Thầy Cô chút ít rau cải dùng lấy thảo.

Hỏi đó còn ngần sông cấm chợ, rau cải từ Đà Lạt về Sài Gòn, phải qua nhiều trạm sạt hàng rất nhiều khê, nên có giá trị lắm.

Thầy nhìn học trò, về mặt cảm động.

- Thầy cảm ơn em, trong đau buồn tưởng chừng như sắp gục ngã, may mắn còn gặp lại nghĩa tình của học trò cũ, đó là hạnh phúc giúp Thầy gượng dậy.

- Dạ, có chi đâu Thầy, chính em mới là người cảm ơn Thầy, đã ban cho em tri thức và đạo đức làm người.

Hai đứa tôi giúp Thầy mang hàng ra xe, một cột sau ba-ga, một máng vào ghi-đông xe, rồi đứng nhìn theo những bước chân đạp xe uể oải của Thầy, cho đến khi khuất ở ngã tư đường.

Chúng tôi trở vào quán, nhưng sao lạ, trên đôi mắt bạn tôi, nước đã lưng tròng.

- Tao thương Thầy quá.

- Cái thằng kì, thanh niên gì yếu xìu, vui đó rồi khóc đó.

Ủa! mà sao mắt mình cũng cay cay! Sau lần ấy, chúng tôi không còn gặp lại Thầy nữa.

Sài Gòn hồi, nghĩa tình xin nín giữ

Mặc tang thương biến đổi khôn lường. ♦

TRẦN KHẮC TƯỜNG

TB: bài viết thay lời kính viếng Thầy Nguyễn Văn Cỏ, Giáo sư Anh văn, Tổng Giám thị trường trung học Nguyễn Trãi Sài Gòn 4.



Ấm lòng quán cơm 2.000 đồng* VN

GIỮA TRUNG TÂM SÀI GÒN

□ ĐẶNG THANH

Vào thời buổi vật giá leo thang như hiện nay, thì với 2.000\$ người dân ở Sài Gòn không đủ để gửi xe, thậm chí là không mua được một ly trà đá, gói mì.

(Đi Tới phụ chú: 2.000\$ VN # 9 xu Mỹ / 01.2020)

□

N hưng có một nơi mà với số tiền ít ỏi ấy, người nghèo, sinh viên khó khăn có thể mua được một phần cơm trưa đầy đủ dinh dưỡng. Đó là ở quán cơm xã hội Nụ Cười 1 tại địa chỉ số 6, đường Công Quỳnh, quận 1, TP.HCM.



Quán cơm 2.000 đồng NỤ CƯỜI 1 nơi "cứu cánh" của rất nhiều người.

Cứ đến khoảng 11 giờ trưa hàng ngày, từ thứ hai đến thứ bảy, rất nhiều người lao động nghèo hành nghề bán vé số dạo, chạy xe ôm, công nhân, bảo vệ hay sinh viên ngoại tỉnh, lại tập nập kéo đến quán cơm xã hội Nụ Cười 1 để xếp hàng trật tự mua vé vào ăn.

Đây là quán cơm xã hội do bác NAM ĐỒNG (Nguyên Tổng biên tập báo Pháp Luật TP.HCM) thành lập vào tháng 10 năm 2012. Đến nay, sau gần 3 năm đi vào hoạt động, mỗi ngày quán bán được gần 1000 suất cơm. Hiện quán đã được mở rộng thêm nhiều chi nhánh ở các quận trong thành phố.

Mỗi quán có khoảng từ 6 – 10 nhân viên và rất nhiều tình nguyện viên đến phụ giúp. Mỗi suất cơm đều đầy đủ chất dinh dưỡng như: món mặn (thịt kho, cá chiên...), món xào, canh và có cả đồ tráng miệng, trà đá lạnh được đun sôi để nguội. Tất cả đều thơm mát và đầy đủ như một phần ăn của các quán cơm bình thường, nhưng giá chỉ có 2.000 đồng. Đặc biệt, hàng tháng đều có một ngày quán nấu các món như: phở, bún bò, hủ tiếu... với giá chỉ 1.000 đồng/phần.



Thực đơn của quán đầy đủ các món và dinh dưỡng. Cô Nguyễn Thị Hoa (55 tuổi, làm nghề mua phế liệu) chia sẻ, “Từ khi đến quán cơm này ăn, tôi đã tiết kiệm được thêm được một số tiền để dành nuôi con ăn học”.



Đa phần những người đến đây ăn đều có hoàn cảnh tương đối khó khăn.

Còn **Trí Tín**, sinh viên Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng nói, “*Quê mình ở tận ngoài Bình Định, gia đình lại nghèo, hằng tháng mẹ chỉ gửi cho ít tiền nhưng phải trang trải cho biết bao nhiêu thứ. Vì vậy, ngay lúc biết có quán cơm 2.000 đồng này, mình đã đến ăn đều đặn hằng ngày. Điều này giúp mình không phải lo nhịn đói, vừa giúp cho gia đình đỡ phần nào gánh nặng*”.

Bác Năm Hùng (bảo vệ) với khuôn mặt khắc khổ chia sẻ:

“Tôi không biết chủ quán là ai, nhưng tôi biết ơn họ nhiều lắm. Hy vọng quán sẽ được duy trì và mở rộng hơn nữa cho những người nghèo như tôi có bữa ăn no và ngon như thế này”.

Điều khiến mọi người vui nhất là họ đều được đối xử công bằng như “thượng đế” thực sự.

Bạn **Kiều Vân** (25 tuổi, thu ngân của quán) chia sẻ: “*Mình vào làm ở đây cũng được lâu rồi, công việc rất thú vị và vui. Được nhìn thấy nụ cười và sự hài lòng của những người đến quán ăn là mình và tất cả mọi người hạnh phúc lắm*”.

Chú **Tâm An** (Việt kiều Úc, tình nguyện viên của quán) vừa bưng cơm cho khách vừa nói:

“Tôi mới về nước và biết quán cơm này mở ra để giúp người nghèo, sinh viên khó khăn rất có ý nghĩa, nên quyết định đến phụ việc với mọi người. Tuy có mệt, nhưng mà vui và cảm động vô cùng. Sắp tới tôi sẽ kêu gọi bạn bè của mình quyên góp tiền để mua thêm nhiều thịt, cá cho mọi người”.

Cô **Hoàng Tâm** (47 tuổi, bếp trưởng của quán), người trực tiếp nấu thức ăn hằng ngày và được các bạn sinh viên đến đây ăn gọi thân thương bằng “má”, tâm sự: “*Mỗi một món ăn khi nấu, tôi đều đặt trọn tình cảm yêu thương của mình đối với mọi người, vì tôi biết những người đến đây ăn mỗi người có hoàn cảnh khác nhau, nhưng chung quy họ đều gặp khó khăn*”.



Những tình nguyện viên của quán.

Tuy diện tích của quán còn hạn hẹp trong tình cảnh lúc nào cũng đông khách, nhưng các công việc của mọi người đều được sắp xếp một cách khoa học. Tiêu chí an toàn vệ sinh thực phẩm cũng được đặt lên hàng đầu. Để có kinh phí tạo ra những bữa cơm chất lượng như thế, thì những người điều hành phải đi vận động các nhà hảo tâm ở khắp nơi. Cũng có không ít trường hợp, chính những người đến đây ăn hằng ngày đóng góp với phương châm “của ít lòng nhiều”.

Với nhiều người, quán cơm xã hội Nụ Cười 1 là quán cơm tình nghĩa của cả người bán lẫn người mua. Mỗi suất cơm chỉ có giá 2.000 đồng, nhưng đã giúp đỡ biết bao nhiêu người có được những bữa ăn no bụng, đủ chất và góp phần tiết kiệm được phần nào chi phí sinh hoạt hằng ngày, qua đó giảm bớt gánh nặng mưu sinh “cơm áo gạo tiền”. ♦

Bài và ảnh: **ĐẶNG THANH**
(12/03/2015)

Nguồn: <http://www.yan.vn/am-long-quan-com-2000-dong-giua-trung-tam-sai-gon-hoa-le-50030.html>

Cốt cách người Sài Gòn xưa còn sót lại trong tôi...

Nguồn: By 8saigon - <http://www.8saigon.xyz/cot-cach-nguoi-sai-gon-xua-con-sot-lai-trong-toi.html>
(14 Tháng Tư, 2019)

Chuyện vừa xảy ra...

Tôi vô Chợ Lớn chở thuê một chuyến hàng về Gò Vấp. Nắng tháng tư chói chang, thở bằng hai lỗ tai luôn. Vừa ghé bên đường công viên Gia Định nghỉ mát một chút, sức có một thanh niên khoảng 17 tuổi bước tới:

– Chú cho con...

Mới nói tới đó tôi khoát tay:

– Thôi đi đi! Tao mệt lắm!

Nó dạ rồi nói cảm ơn chú.

Chính vì cái tiếng cảm ơn mà bỗng thấy thương nó. Mồ hôi đổ ướt hết khuôn mặt đỏ dài xuống mấy sợi tóc mai. Nhìn sau lưng dáng đi thất thểu của nó, tôi bỗng thấy tội rồi nỏ máy vọt theo. Dừng xe bên lề, tôi ngoắc nó lại:

– Hồi này con muốn gì vậy?

– Dạ! Con muốn xin tiền ăn cơm.

– Nhìn đói từ hồi nào?

– Dạ! Từ chiều hôm qua.

– Mà con ở đâu?

– Dạ, con ở trên Bình Phước.

– Xuống Sài Gòn chỉ vậy?

– Dạ, con đi kiếm việc làm.

– Rồi có quen ai ở dưới này không?

– Dạ không.

– Vậy là ngon hơn tao rồi! Ai đời thanh niên lại đi xin tiền ông già vậy?

Tôi móc tờ 50 ngàn đưa cho nó

– Tiền công chở chuyến này được 100.000đ. Cơm đôi chiều nay hai chú cháu cùng có cơm ăn.

Nó đưa tay nhận lấy, cúi đầu nói cảm ơn rồi đi thôi. Không xoắn xuýt màu mè hoa lá hẹ nói thêm.

Tôi làm vậy để chứng tỏ mình là một người tốt chăng? Hay để ra vẻ ta đây?

Chắc không phải vậy. Chỉ ưng là làm. Hình như cái cốt cách dân Sài Gòn xưa cũng còn sót lại trong tôi chút đỉnh. ♦

HUNG KIEU

NHỮNG TẮM BIỂN THÔNG BÁO ÂM ÁP TÌNH NGƯỜI GIỮA SÀI GÒN

Giữa phố phường Sài Gòn tấp nập, phồn hoa với đầy những lo toan khắc nghiệt, tình người vẫn hiện hữu, âm áp nhờ những tấm biển thông báo giản dị mà đáng quý.



Một bình nước uống miễn phí được nhà hảo tâm đặt tại Ngã 7 Lý Thái Tổ (quận 10, TP. Hồ Chí Minh) dành cho khách đi đường. Hằng ngày, có rất nhiều khách đi đường ghé lại đây để lấy nước uống miễn phí.



Mỗi ly nước dù mua có giá chỉ 2.000 đồng nhưng đối với những người lao động nghèo khổ, đó là số tiền không hề nhỏ.



Lái chiếc ba gác cà tàng, rồi chậm chậm ghé vào góc đường, bác Hòa (60 tuổi, ngụ Quận 10) vừa run run lấy nước vừa nói: “*Người Sài Gòn thế mà tình nghĩa lắm con à, nếu không có những bình nước uống miễn phí như thế này, chắc bác phải nhịn, chịu khát thôi chứ mua nước uống thì thâm hụt tiền, chiều về không có tiền đóng gạo thổi cơm cho tụi nhỏ đang ngóng ở nhà*”.



Chị Hòa sinh năm 1976, quê ở Bình Định. Vì gia đình quá khó khăn nên chị vào Sài Gòn lập nghiệp từ năm 20 tuổi. Hằng ngày, chị rong ruổi trên chiếc xe đạp cà tàng đi bán chôi lông gà để kiếm sống. Ngày nắng cũng như ngày mưa, chị vẫn đi bán đều đặn, lúc may mắn thì kiếm được vài chục nghìn, ngày ế ẩm thì chẳng được đồng nào. Chị cho biết: “*Đất Sài Gòn còn nhiều người tốt lắm. Nếu không có những người hảo tâm đặt bình trà đá miễn phí ở đây thì những người cực khổ như chị lấy gì để uống*”.



Cũng trên đoạn đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, một bình trà đá miễn phí được một số người dân quanh đây đặt cho người đi đường khát nước.



Hàng ngày, đều đặn, mỗi sáng và trưa, anh Tài đều ghé lại đây đóng nước rồi mang đi phát cho những người bán vé số quanh đó.



Em Huy Hòa mới 15 tuổi nhưng trông khá già dặn. Nhấp vội ngụm nước, em nói: “Nhà em có 4 anh chị em, em là anh cả. Hàng ngày, em đi bán vé số dạo để kiếm sống. Nhiều lúc khát khô cả cổ nhưng không dám vào hàng quán ven đường để mua cốc trà đá uống vì sợ tốn tiền. Em phải dành dụm, tiết kiệm để còn lo cho mấy đứa em ở nhà nữa”.



Gọi là tiệm cho oai, thật ra chỉ đặt một tấm biển cùng bình hơi nhỏ, ngoài ra, không có vật dụng cơ khí nào cả. Người chủ tiệm này cho biết, anh không bao giờ mong có thể giàu lên từ việc vá xe này. Anh chỉ muốn giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn hơn mà thôi.



Anh Phạm Văn Lương (sinh năm 1965, quê ở Quảng Ninh) là chủ tiệm. Anh chia sẻ: “Tôi làm nghề này cũng được hơn 3 năm rồi. Mỗi ngày cũng vá được hơn 10 chiếc xe, kiếm được vài chục nghìn đồng. Thấy mấy người tàn tật thương lắm, họ cũng vất vả mưu sinh, chắt chiu từng đồng để lo cho gia đình. Bây giờ mà tốn thêm tiền để sửa xe nữa thì lấy gì mà sống”.





Một tấm biển bơm vá xe miễn phí cho người khuyết tật khác cũng được đặt trên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh)



Chủ nhân nơi đây là anh Trương Tấn Sang (SN 1986, người Sài Gòn), anh vừa vá xe cho khách vừa cười nói: “Nghề vá xe này bạc bẽo lắm. Một ngày anh kiếm được khoảng 100.00 đồng, với số tiền đó không đủ lo cho cuộc sống gia đình. Nhưng bù lại, anh có thể giúp được những người tàn tật, nghèo khổ. Mặc dù là nhỏ nhen, không đáng vào đâu nhưng anh thấy vui. Như vậy là đủ rồi”.



Tấm biển “Bơm và sửa xe - Người khuyết tật bơm và miễn phí” được đặt ở ngã ba giao giữa đường Nguyễn Thị Minh Khai và Cống Quỳnh gần 2 năm trở lại đây.



Trên đường Huỳnh Văn Bánh (quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh), những ai đi ngang qua đây cũng đều ngạc nhiên bởi tấm biển “Sửa giày dép miễn phí cho người bán vé số, xe ôm, ba gác, xích lô, người thu gom rác” và “Nơi đây có phát mì chay miễn phí vào ngày rằm, mùng một hằng tháng”.

Chủ tiệm sửa giày này là anh Lý Ngọc Bình (SN 1984, quê Gia Lai). Vừa làm việc, anh vừa cười hiền chia sẻ: “Tôi sinh ra và lớn lên tại Gia Lai. Nhà nghèo lắm, bố mất sớm, mẹ già yếu, lại có em nhỏ đang đi học. Năm 2007, tôi xuống Sài Gòn lập nghiệp bằng nhiều nghề khác nhau như lễ tân, trông xe... nhưng không đủ sống. Đầu năm 2012, sau khi chật chiu, dành dụm được một ít vốn, tôi mở quầy sửa giày dép nhỏ ở đây”.



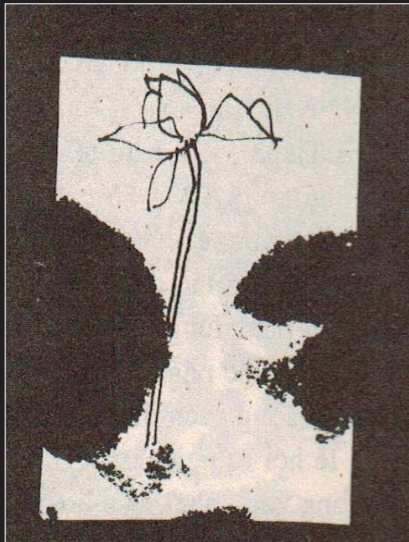
Anh Bình cho biết, hằng ngày có nhiều bác xe ôm, người bán vé số, chủ đập xích lô đến đây để sửa những đôi giày rách chỉ, mòn đế...nhưng anh không bao giờ lấy tiền. “Mặc dù tôi khổ, nhưng vẫn còn những hoàn cảnh còn cơ hàn hơn nữa. Khi nào tôi còn gắn bó với cây kim, mũi chỉ, đôi giày cũ thì tôi luôn sẵn lòng giúp đỡ những lao động nghèo với tất cả tâm huyết của mình”. ♦

HẢI ÂU (28/10/2014)

Nguồn:

<http://maskonline.vn/2201428100842583p0c1096/nhu-ng-tam-bien-thong-bao-am-ap-tinh-nguoi-giua-sai-gon-hoa-le.htm>

Nói với Sài Gòn



bởi chưa bao giờ thua trận
trong suốt đời quân nhân
nên anh ở lại
để biết mùi vị tàn quân
bởi chẳng bao giờ tù tội
nên anh ở lại
để biết địa ngục giữa cuộc đời
nên anh ở lại
để biết độc tài và tự do
bởi chưa bao giờ thua trận.

TRẦN VĂN MINH

(tháng Tư 99)

Tác giả cộng tác Đi Tới năm 1999.

“Sài Gòn Của Minh”, riêng tặng P.



DU' ÂM SÃI GÔN

□ Tặng Quyên Vinh

Lãng đãng đầu đó khúc khải hoàn vinh danh hồn Việt
ngự trị trong văn hóa Óc Eo của xứ Phù Nam, nơi gặp
gỡ của giang hồ lãng tử, nơi mà lũy tre làng được
mang theo từ Đàng Ngoài tưởng đã có thể bỏ ngỏ để
đón chào vận hội mới cho dân tộc cho đất nước...
Nhưng chẳng qua cũng chỉ là mộng mị.

[Bài viết phỏng theo những trích đoạn từ truyện
“BÊN KIA BẾN ĐỒ” của tác giả, sắp được phổ biến.]

q
Ông Năm rất quý “cái tủ radio” mà ông
mua lại với giá rẻ từ một người lính
Pháp có vợ Việt, trước khi hai vợ
chồng họ cùng đưa con trai nhỏ phải rời
Việt Nam sau khi hiệp định đình chiến
ở Đông Dương được tuyên bố tại
Genève ngày 21 tháng 7 năm 1954. Ông gọi nó là
“tủ radio” vì cái radio được đặt trên một cái tủ đánh
vernish màu vàng cao cả thước dùng để đựng máy
hát đĩa và đĩa nhạc ở phía bên dưới. Hơn chục năm nay
nó ngồi chễm chệ ở phòng khách, dưới cái đồng hồ
quả lắc để bầu bạn với ông. Bà Năm thường than phiền,
“Tối ngày ông cứ ngồi ôm cái radio hè.”

Mà ông ôm thiệt.

Mỗi lần có tuy-dô rục rịch đảo chánh ông Năm bắt ghế
ngồi hàng giờ ngay trước cái tủ radio để đón nghe tin
tức, khi thì có vẻ lo âu, sốt ruột, đứng ngồi không yên,



khi thì buồn bã, có lúc khác
lại hứng tình đứng bật dậy
ôm cái tủ radio ra điệu nhảy
đậm với nó, mấy phần là
theo sự sai khiến của thần
Lưu Linh. Một lần tình cờ
trong khoảnh khắc đó bà
Năm cảm chổi quét nhà
đi ngang, ông ôm chầm
lấy bà để thay partenaire
(bạn nhảy). Bà Năm ngượng ngùng vùng ra khỏi vòng
tay của ông, miệng quờ, “Ông này thiệt à, bữa nay
mắc chứng gì vậy hông biết,” rồi bẽn lễn bỏ ra nhà sau.
Cô Thanh con gái lớn của ông lại lo cho ông bị công
an bắt, dù là ông từng làm quân cảnh sát dưới hai trào,
trước là Pháp và sau là Việt Nam Cộng Hòa, nhưng
chuyện thay ngôi đổi chủ mấy lúc sau này xảy ra
như cơm bữa, không biết đâu mà lường. Vả lại, mới
đây con gái của thầy giáo Hai đã theo lời dặn của mẹ
đi thông báo cho ông Năm biết ba cô đã bị công an bắt.

Ông Năm đã vội vã đem hết sách báo cất trong tủ thờ xưa nay ra bỏ vào một thùng phi để gần chuồng gà ở phía sau nhà mà đốt. Anh Bình con trai lớn của ông Năm sau đó biết được ngôi ôm mặt khóc, vì bị mất hết mấy quyển sách và tạp chí quý mà anh đã khổ công cất giữ nhiều năm trời. Mỗi lần nhắc lại anh còn thấy tiếc hùi hụi cho bộ truyện Đảng Sọ Người. Anh thích nhất là cách thông tin của đảng này, qua các dòng chữ chiếu lên vòm trời Sài Gòn phía bên trên chợ Bến Thành bằng tia laser. Những lúc như vậy xe cộ ngừng lại, người người trở mắt nhìn lên trời hồi hộp theo dõi thông báo về những bước trừ gian diệt bạo sắp tới của Đảng Sọ Người!

Trong mấy năm qua mỗi tuần ông Năm đều đón nghe chương trình sỗ sỗ, để được nghe bài hát Sỗ Sỗ Kiến Thiết Quốc Gia của “Quái Kiệt” Trần Văn Trạch từ cái radio của ông. Mỗi lần thích chí ông vặn nút âm thanh lớn lên, càng thích ông càng vặn lên cao hơn để chia sẻ niềm vui của mình với chòm xóm:

*“Kiến thiết quốc gia
Giúp đồng bào ta
Xây đắp muôn người
Được nên cửa nhà*

...

*Triệu phú đến nơi
Năm mươi đồng thôi
Mua lấy xe nhà
Giàu sang mấy hồi...”*

...

Ông Năm còn mê cái “tài giễu” của ông Trần Văn Trạch hơn, đặc biệt là khi được nghe màn trình diễn bài Chuyển Xe Lửa Mừng 5, trong đó có cảnh tượng một ông hành khách trên xe lửa đi đường xa, giết thời gian bằng cách ngồi đếm những cột đèn đường đang vụt qua bên ngoài cửa xe. Lại gặp phải một ông ngồi kế bên hỏi hết chuyện này tới chuyện khác, và ông Trạch phải làm một lúc hai công việc, vừa trả lời người đồng hành vừa tiếp tục đếm cột đèn. Không chỉ vậy, ông Trạch còn cố gắng hiển cho thính giả ngồi nhà một quang cảnh sống động tại nhà ga bằng cách nhại tiếng máy xe xin-xít lúc khởi động, rồi hồi còi hú, tới lúc bắt đầu lăn bánh cà rịch cà tang, kể cả sau khi mấy toa xe đã bắt đầu di chuyển rầm rầm trên con đường sắt. Ông Năm ngồi một mình trước cái radio của ông toé cười!

Ông Năm cũng mê đá banh và đã không bỏ qua một dịp nào để nghe ký giả thể thao Huyền Vũ tường thuật các trận đấu từ sân vận động Cộng Hòa hoặc Tao Đàn. Một lối tường thuật hết sức sôi động và hấp dẫn. Ông còn vặn âm thanh cái radio của ông lớn lên cho cả xóm nghe chung. “Nghe một mình không đã”, ông nói. Bà con mê mang theo dõi Huyền Vũ, lắng tai nghe ông thuật lại từng cú về banh, từng đường đưa banh, khi nhanh khi chậm, họ đều có thể “thấy” được qua chữ nghĩa và lối tường thuật độc đáo của ông. Huyền Vũ tạo sự hồi hộp cho người nghe với những đường banh “thọc sâu vào vùng cấm địa,” khi thì từ cánh phải lúc từ cánh trái; ông tạo bất ngờ với “những cú sút thần tốc” đôi khi “phá tung khung thành”, nhưng thường hơn là lẫn banh “vượt sà ngang” trong những tiếng xuýt xoa tạt lưỡi đồng loạt của người nghe. Sau nhiều phút giao đấu mà đôi bên vẫn chưa làm bàn, Huyền Vũ còn ân cần nhắc cho người nghe an tâm: “Màn lưới đôi bên vẫn còn trinh bạch”. Một tài năng khác của Huyền Vũ mà người hâm mộ thường nhắc tới là không biết làm sao ông có thể nhớ hết tên các cầu thủ ngoại quốc, như từ Nam Dương, Mã Lai hay Thái Lan, với những cái tên dài thòng, lạ tai, mà ông kể lại ranh rạch, không vấp vấp.



Ông Năm tuổi đã cao, mà thường thì tuổi càng lớn lòng mong đợi Tết càng giảm đi, sức quyến rũ của Tết không còn như trước. May mắn cho ông Năm, trong mấy năm gần đây ông đã tìm lại được cái rộn rã trong lòng khi chờ đón Tết. Ông thấy chậu mai vàng trên bàn thờ tươi hơn, và tiếng trống múa lân cùng tiếng pháo tạch đùng cũng vui hơn. Tất cả cũng nhờ có sự ra đời của “ban nhạc tếu” AVT, theo cách gọi của con trai ông. Một thú vui lớn trong ngày Tết của ông Năm trong những năm sau này là mở radio lên nghe Ban Kích động Nhạc AVT¹ ca những bản nhạc trào phúng với lời lẽ châm biếm, qua 3 giọng Nam Trung Bắc, tung hứng đối đáp bèn nhảy, dí dỏm, làm người nghe khó tánh nhất cũng phải nở miệng cười, và còn trở nên ghiền đến độ nghe đi, nghe lại vẫn thấy vui...

*“Lặng lặng mà nghe họ chúc (ứ ừ) nhau
Chúc nhau mạnh mẽ khoẻ như trâu
Chúc nhau tiền của giàu như nước (ớ ơ ờ)
Chúc để vừa xong... lại có... lại có bầu...”*

Cả nhà đều thích nghe ban AVT chứ không riêng ông Năm, nhưng cô con gái ông có khi tỏ vẻ sượng sùng, bẽn lẽn với những lời ca có thể chạm trúng tim đen của mấy cô gái ở tuổi cập kê, hay những lời lẽ gần xa chọc quê thể lực mấy ông tuổi đã về già. Riêng đối với Bà Năm thì không có chương trình tân nhạc nào mà bà thích, ngoại trừ chương trình của ban AVT. Tuy nhiên bà cũng có nhận xét: *“Cái ông người Bắc với ông người Việt nghe vui, còn ông người Trung thiệt tui hông biết ông nói cái giống gì.”* Ông Năm lại cần nhằn, *“Tui nói với bà hoài, người Bắc, người Trung, người Nam gì cũng đều là người Việt. Mình sống trong Nam thì mình là người Nam.”*

Ngoài ra ông Năm không thích nghe gì khác trên cái radio yêu quý của ông. Tân nhạc thì ông chê tên ca sĩ giống tên ngựa đua, dù hai chuyện không dính dấp gì tới nhau. Bởi vậy ông cứ bị bà Năm chê *“Ông này hủ lậu quá.”* Cái lương hay vọng cổ ông cũng chê là tình cảm ủy mị. Đối với chương trình ngâm thơ trong chương trình Thi văn Tao Đàn của Đình Hùng, với *“Tiếng Sáo Thần”* réo rất độc đáo của Nguyễn Đình Nghĩa, thì chỉ có cô Thanh, con gái ông bà Năm, là mê thôi. Mỗi tuần cô đều đợi tới tối Thứ Bảy để nghe, nhưng riêng ông Năm cứ thắc mắc *“Nó nói cái giống gì sao tao nghe hông hiểu vậy.”* Nghe quen quen!

Cô Thanh bèn mua cái radio transistor của Nhựt nhỏ bằng bàn tay để được thoải mái nghe ca sĩ Hoàng Oanh ngâm thơ, khỏi bị ai quấy rầy!

Còn bà Năm thì,... bà mê cái lương lắm. Mỗi ngày bà trông đứng trông ngồi cho chiếc xe quảng cáo tuồng chạy ngang qua trước cửa nhà, để coi tới đó hát tuồng gì. Xe quảng cáo thật ra là cái xe cá, giống như một chiếc xe ngựa không mui. Buổi sáng nó chở cá cho bạn hàng đem ra chợ bán. Tối xế trưa nó chở một cái trống múa lân ở giữa, có người động đùng đùng đi khắp đầu trên xóm dưới, báo tin tuồng mới qua những tấm bảng quảng cáo chương trình tấn hai bên thành xe, vẽ hình đào kép lộng lẫy với một kích thước thiếu điều lớn hơn người thiệt ngoài đời. Đạo này bà Năm coi bộ ưng ý với Hương Lan lắm, cứ khen lầy khen đề: *“Con nhỏ con của Hữu Phước mới có 5 tuổi mà sao nó giỏi quá bây ơi.”*

Anh Bình thì thích tân nhạc hơn, nhưng thứ tân nhạc của anh cứ bị bạn bè chê *“cù lùn”*, có thằng miệng lưỡi hơn còn chêm thêm một tiếng hậu, trở thành *“cù lùn lừa.”* Tại vì những lúc ca hứng anh chỉ ca sang sảng mấy bài nhạc mà anh học được từ trên sân cỏ trường tiểu học Lý Thái Tổ, với ông thầy thể dục mà bọn anh kêu là *“thầy tập”* (Moniteur). *“Thầy tập”* đứng giữa sân trường đeo tu-huyết lưng lẳng trước ngực, miệng đếm, *“Một, hai, ba, bốn”*... *“Một, hai, ba...”* ... *“Một, hai... Một, hai.”* Học trò vừa chạy vòng quanh sân cỏ vừa lớn tiếng hát:

*Đây Bạch Đằng Giang sông hùng dung của nòi giống
Tiên Rồng,*

Giống Lạc Hồng, giống anh hùng, Nam Bắc Trung....

... Dòng nước trắng xóa dưới trời quang đăng.

Từ xưa nêu cao tám gương anh hùng

Dù có sấm sét bão bùng mưa nắng

Đằng Giang vẫn sáng để cho nòi giống soi chung.

Hát tới đâu nghe nổi da gà tới đó. Đó là bài Bạch Đằng Giang². Một bài hát khác là Khỏe Vì Nước³:

Khỏe vì nước kiến thiết Quốc Gia.

Đoàn thanh niên ta góp tài ba.

Tạo nguồn dân sinh mới hùng mạnh trong năm giới.

Hợp lực xây hưng thịnh chung nước Nam.

Khỏe vì nước chí khí cương kiên.

Giống Lạc Hồng uy hùng vô biên.

*Trong khốn nguy can trường sống thác ta coi thường
Việt Nam thanh niên anh dũng muôn năm.*

Anh Bình không bị chọc quê sao được, xã hội đã thái bình, bây giờ là thời đại của trăm hoa đua nở, đón mừng vận hội mới. Người ta đã bước vào thời đại của *“Trời hồng hồng, sáng trong trong”*⁴, của *“Mỗi năm đến hè lòng man mác buồn.”*⁵, của *“Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi.”*⁶, hay của *“Ngày hôm nay thanh thanh, gió đưa cành mon man tà áo...”*⁷

với không ít bài hát đã trở thành một thứ lễ nhạc không thể thiếu ở những buổi tiệc tất niên, buổi họp mặt đầu năm của học trò hay những dịp cưới hỏi trong dân gian. Tiếc thay những ngày an bình sớm qua nhanh.

Cuộc chiến bắt đầu leo thang từ lần đầu lính Mỹ đổ bộ lên Đà Nẵng vào giữa thập niên 60, và chiến tranh ngày càng trở nên khốc liệt. Dù chỉ xảy ra ở những nơi xa xăm với các địa danh xa lạ lúc ban đầu, nhưng trong xóm giữa chốn thị thành người ta cũng có thể thấy được nghe được, qua hình ảnh một cỗ xe tang giữa ban ngày hay tiếng mõ cầu siêu khóc khóc thâu đêm.

Dàn dả tiếng mõ không còn là những âm thanh đơn điệu, có thể lôi cuốn người nghe về một hướng xuất phát để bù ngùi cho thân phận một người quen biết ở lại, có thể là một bà mẹ già, hay một người vợ trẻ cùng mấy đứa con thơ. Mà giờ đây nhiều tiếng mõ nổi lên cùng một lúc, từ nhiều nơi, trở nên dồn dập, từ đầu trên tới xóm dưới.

Trong lúc chiến trường sôi sục nơi nơi, hậu phương Sài Gòn đêm ngày bồng bềnh theo tiếng nhạc, át tiếng đạn bom. Dòng nhạc lãng mạng du nhập từ miền Bắc theo làn sóng di cư 1954 nhìn chiến tranh qua lăng kính màu hồng, nhẹ nhàng, phiêu bồng như những bước đi trên mây đã không còn thích hợp nữa. Lãng mạn trở thành sượng sượng khi phải chạm trán với thực tế của bom trái thảm, mìn claymore, hầm chong người Việt giết người Việt. Từ đó dòng nhạc đã trở nên bụi đời hơn, trần tục hơn, với những “*Người chết hai lần thịt da nát tan*”⁸, hay “*Anh trở về, có khi là hòm gỗ cài hoa, Anh trở về trên chiếc băng ca.... Anh trở về, anh trở về bại tướng cụt chân.*”⁹

Còn các xóm nghèo thì mua vui trong quên lãng qua điệu vọng cổ buồn. Nhiều người trong xóm nay đã có “ra-dô”, không phải nghe ké cái radio của ông Năm. Ra rã suốt ngày từ đầu hẻm tới cuối hẻm phát ra những điệp khúc mà con nít cũng thuộc nằm lòng:

“*Ngày mai đám cưới người ta,*

Cớ sao sơn nữ Phà Ca lại buồn.”¹⁰

Hết tâm tình của cô Sơn nữ Phà Ca lại đến tâm tình anh bán chiếu: “*Chiều này tôi chẳng bán đâu, tìm em không gặp... Hò ơi... tìm em không gặp tôi gối đầu mỗi đêm.*”¹¹ “*... Ghe chiếu Cà Mau đã cắm sào trên bờ kinh Ngã Bảy, sao cô gái năm xưa chẳng thấy ra chào...*”

Giọng Út Bạch Lan, Út Trà Ôn khi thì cất vút lên cho thấu lòng trời cao, lúc lại xuống thấp đến nảo nuột đất dày. Nghe đi nghe lại, nghe ngày nghe đêm cũng vẫn thấy đã.

Ngoài kia trên đường phố, chan hòa trong những ánh đèn màu lung linh thấp sáng vũ trụ, vang vang tiếng hát Thái Thanh, lâng lâng hồn sông núi, ngân ngân khúc hoan ca theo từng bước chân đoàn lễ hành trên con đường Cái Quan. Lãng đàng đâu đó khúc khải hoàn vinh danh hồn Việt ngự trị trong văn hóa Óc Eo của xứ Phù Nam, nơi gặp gỡ của giang hồ lãng tử, nơi mà lũy tre làng được mang theo từ Đàng Ngoài tưởng đã có thể bỏ ngõ để đón chào vận hội mới cho dân tộc cho đất nước... Nhưng chẳng qua cũng chỉ là mộng mị.

Để rồi chợt tỉnh giấc bởi những điệp khúc trần tình của Khánh Ly, một chứng nhân của thời cuộc đang lê bước trên những nẻo đường “*in hằn vết đạn bom*”. Nhạc Trịnh Công Sơn trên một giai điệu nào đó có thể là những tiếng kinh lời kệ tẩy bụi trần ai, gột rửa linh hồn. Khánh Ly đã không nhất thiết hát những gì người ta muốn nghe, mà những điều lương tâm muốn nói. Nó chẳng nói lên lời tâm sự từ con tim, mà là những lời tự sự, tuy khách quan nhưng không thờ ơ với đồng loại, lý trí mà không vô cảm. Nó cũng không là những thố lộ tâm tình ướt át của cá nhân mà là những lời trần tình của cả một thể hệ chứng nhân. Của một “*người già trong công viên*”, một “*người điên trên đường phố*”, một “*người ngồi nghe hơi thở*”, một “*người nằm nghe bom nổ*”, hay cả một thể hệ, và nhiều thể hệ “*ngủ quên trong căn nhà nhỏ, đèn thấp thì mờ*”. Vâng, “*ngủ quên trong căn nhà nhỏ, đèn thấp thì mờ*.” Dư âm vẫn còn đó. ♦

TĂNG QUYỀN VINH, Ph.D., P.Eng.

Adjunct Research Professor

Mechanical and Aerospace Engineering Department

Carleton University

1125 Colonel By Drive, Ottawa, Ontario, K1S 5B6, Canada

(20.01.2020)

1. Ban Kích Động Nhạc AVT từ 1966 trở về sau gồm có các ca nhạc sĩ Lữ Liên (thay vì Anh Linh lúc bắt đầu thành lập), Vân Sơn và Tuấn Đăng.
2. “Bạch Đằng Giang”; Nhạc Lưu Hữu Phước, Lời Nguyễn Đình Nguyên.
3. “Khòe Vì Nước”; Nhạc sĩ Hùng Lân.
4. “Hè Vè”; Nhạc sĩ Hùng Lân.
5. “Nỗi Buồn Hoa Phượng”; Nhạc sĩ Thanh Sơn.
6. “Ly Rượu Mừng”; Nhạc sĩ Phạm Đình Chương.
7. “Ngày Hạnh Phúc”; Nhạc sĩ Lam Phương.
8. “Ngủ Ngôn Mùa Đông”; Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.
9. “Kỷ Vật Cho Em”; Nhạc sĩ Phạm Duy.
10. “Người Vợ Không Bao Giờ Cưới”; Soạn giả Kiên Giang.
11. “Tình Anh Bán Chiếu”; Soạn giả Viễn Châu.

Ghi thêm:

(*) Logo Sài Gòn năm 1870. Người Pháp đã sáng tác logo này, thể hiện cách nhìn hoang sơ và triển vọng Sài Gòn của người Pháp. Hình ảnh hai con cọp trong logo thể hiện đây là vùng đất hoang sơ. Nhưng dòng chữ Latinh PAULATIM CRESCAM có nghĩa là: “CỨ TỪ TỪ, TÔI SẼ PHÁT TRIỂN.” Hình ảnh con tàu hơi nước ở giữa logo cho biết đây là vùng đất nhiều kênh rạch. Phía trên có vương miện 5 cánh như thông báo triển vọng Sài Gòn sẽ giao thương với năm châu bốn biển.

Tác giả Tăng Quyền Vinh, cộng tác Di Tòir năm 1998.



Sai Gòn

45 NĂM KỶ ỨC

□ Mai Lan

Chợt băng khuâng.

Những ngày này, nhìn bạn bè tôi xuống đường, thấy nao lòng, bồn thần. Vậy mà cũng 45 năm rồi, những cảm giác xưa chợt ùa về.

Ngày ấy tôi chỉ là một thiếu nữ đầy mơ mộng, chìm đắm mình trong những câu chuyện “Trông vời áo tiểu thư”... Đến trường bằng xe đưa rước. Sống tách biệt với những ồn ã bên ngoài... Chợt một ngày, Gia Long của tôi bùng bùng khí thế, một số anh chị lớp trên trong phong trào SVHS tranh đấu hô hào học sinh bãi khoá và xin mượn micro của ban giám hiệu nhà trường để tập hợp học sinh.

Cô Hiệu trưởng chỉ lên micro nói vắn tắt, nhà trường tôn trọng chính kiến của các em, mong các em ôn hoà, giữ gìn tài sản nhà trường, hãy xứng đáng là học sinh Gia Long. Sau đó, ban giám hiệu và thầy cô lần lượt rời bục giảng, rút về phòng giáo viên, đóng kín cửa, chỉ còn cô Tổng giám thị và các giám thị thỉnh thoảng xuất hiện.

Tôi, cô học trò mơ mộng, chẳng trong tổ chức nào, đã bước ra khỏi tổ kén của mình, cùng các bạn ca hát những bài ca yêu nước. Có bài mà đám học sinh chúng tôi thích nhất là: “Cái nhà là nhà của ta, ông cố ông cha lập ra, cháu con hãy gìn giữ lấy, muôn năm giữ nước non nhà...”. Bên trong hô những khẩu hiệu yêu nước và ca hát. Bên ngoài cổng trường, bắt đầu xuất hiện các xe an ninh, cảnh sát. Nhưng tuyệt nhiên họ không được bước chân vào ngôi trường. Hát chán, hô khẩu hiệu nhiều rồi cũng có lúc kết thúc.

Và học sinh lại tan trường bình thường trở về nhà. Nhưng cũng có lúc, ngôi trường chúng tôi ăn lựu đạn cay. Cay xè mắt mũi, dạt hết về khu vực hồ bơi để lấy khăn ướt trùm mặt.

Chính những ngày bất đắc dĩ “trở thành người yêu nước”, tâm tưởng tôi bắt đầu rời khỏi tháp ngà, quan sát hơn với cuộc sống xung quanh, với thời cuộc nước nhà.

Nhà tôi nằm trên mặt tiền đường Trương Minh Giảng, vẫn đêm đêm sau 12 giờ giới nghiêm, từng đoàn công vơ chở bom đạn, xe tăng rầm rập qua nhà. Vậy mà, lúc đó cô thiếu nữ 15 tuổi đã bắt đầu đứng ở cửa sổ phòng ngủ trên lầu nhìn xuống đường, để thấy những trái bom, những chiếc xe tăng nòng súng đen ngòm đi qua nhà từ hướng phi trường Tân Sơn Nhất mà chảy nước mắt, nghĩ về thân phận điêu linh của nước mình.

... Bây giờ, tuổi đã bước qua bên kia dốc của cuộc đời. Vậy mà sao những bạn tôi vẫn lại phải xuống đường. Có gì đó đau nhè nhẹ trong tim. ♦

MAI LAN (12/5/2016)

Nguồn: <http://8saigon.net/sai-gon-45-nam-ky-uc.html>

Ở Sài Gòn, cho tới bây giờ vẫn còn nhiều nhà để một bình nước sôi trước nhà kèm thêm một cái ly, một cái bảng nước uống miễn phí. Và bình nước này không bao giờ cạn, như lòng tốt của người Sài Gòn.

Ở Sài Gòn, cho tới bây giờ vẫn còn nhiều nhà để một bình nước sôi trước nhà kèm thêm một cái ly, một cái bảng nước uống miễn phí. Và bình nước này không bao giờ cạn, như lòng tốt của người Sài Gòn.

Ở Sài Gòn, cho tới bây giờ vẫn còn nhiều nhà để một bình nước sôi trước nhà kèm thêm một cái ly, một cái bảng nước uống miễn phí. Và bình nước này không bao giờ cạn, như lòng tốt của người Sài Gòn.

NGƯỜI SÀI GÒN

◆ NHỊ NGUYỄN ◆

SGTT.VN - Lần đầu tiên lên Sài Gòn là để đi thi đại học. Tôi và một thằng bạn thi chung trường nên đi chung với nhau. Ở thì không lo vì đã có nhà người quen ở bên kia cầu chữ Y. Chỉ lo cái chuyện ăn uống giữa hai buổi thi.

Ngay sau khi thi xong môn đầu tiên, hai đứa kéo nhau ra quán cạnh trường kêu hai đĩa cơm sườn. Cầm cái muỗng, cái nĩa để ăn cơm đĩa mà cứ lọng cọng. Ăn hết đĩa cơm, uống cạn mấy ly trà đá tự múc ở trong cái xô để ở góc quán mà bụng vẫn trống không. Nhỏ lớn ở quê khi nào đi đâu xa thì cơm đùm cơm bó mang đi theo chứ có khi nào ăn cơm tiệm để mà biết kêu cơm thêm. Kêu thêm đĩa nữa thì không dám vì sợ không đủ tiền ăn cho ngày mai, ngày kia... Ngó quanh ngó quắt, thấy bàn nào cũng để một nải chuối, mọi người ăn xong cứ thuận tay bẻ, người một trái, người hai trái. Thế là hai đứa sáng mắt, chuối này chắc người ta cũng cho không như trà đá. Vậy là, chỉ một loáng nguyên cả nải chuối để trên bàn chỉ còn đồng vỏ. Khi tính tiền, thấy phụ quán cứ đếm đi đếm lại mấy cái vỏ chuối để trên bàn rồi nhìn chăm chăm, thì thoáng lại liếc qua bà chủ quán đang đứng gần đó cười mím chi thì đâm lo. Không biết tiền mang theo có đủ để trả không.

Nhìn hai đứa gom từng đồng bạc để bỏ lên bàn, bỗng nhiên chủ quán bước lại:

- *Thôi, tính hai đĩa cơm thôi. Phần chuối chắc là không biết có tính tiền nên lỡ ăn chị không tính. Ngày mai ăn có thiếu thì cứ kêu cơm thêm mà ăn, để bụng đói không làm bài được đâu.*

Chỉ có nải chuối, cho thấy tính cách người Sài Gòn.

Cuộc sống không thẳng tắp. Bon chen lên Sài Gòn không phải lúc nào cũng dễ kiếm tiền. Cũng trong những năm thập niên 1980, có lần, tôi thử sức mình với nghề đạp xích lô. Mượn chiếc xe của ông chú vào buổi sáng, lúc ấy chú cho xe ở nhà để ngủ sau một đêm chạy mỗi chợ hàng.

Lần đầu tiên chạy xích lô chỉ có chạy xe không từ bên này sang bên kia cầu chữ Y đã muốn hụt hơi. Thế nhưng vẫn ráng vì trong túi không còn tiền. Chạy lòng vòng Sài Gòn cả tiếng đồng hồ, ngang qua rạp Quốc Thanh (đường Nguyễn Trãi), thấy một đôi nam nữ đi ra, tay ngoắt, miệng kêu:

- *Xích lô!*

Luôn tay kéo thắng ngừng xe lại hỏi:

- *Anh chị đi đâu?*

- *Cho ra bến xe Miền Tây. Nhiều?*

Người Sài Gòn tốt bụng. Già trẻ lớn bé, gặp ai hỏi người ta cũng chỉ dẫn tận tình. Có nhiều người còn bỏ cả công việc để dẫn kẻ lạc đường đi đến đúng địa chỉ cần tìm. Có những địa chỉ nhiều người hỏi quá, thế là người Sài Gòn nghĩ cách viết hoặc bỏ tiền ra đặt làm một cái bảng đặt bên lề đường, gắn vào gốc cây. Đôi khi, kèm theo một câu đùa, câu trách rất Sài Gòn ở cái bảng này khiến ai đọc cũng phì cười. Như cái bảng viết trên nắp thùng mốp trên đường Sư Vạn Hạnh mới đây: **‘Bà con nào đi photo thì qua bưu điện bên đường... cảm ơn! Hối hoài mệt quá!’**

Dân miền Đông mới lên Sài Gòn tập tành chạy xe kiếm sống, biết bến xe Miền Tây đâu mà cho giá. Thôi đành chơi trò may rủi:

- *Dạ, em mới chạy xe chưa rành đường, anh chị chỉ đường em chở. Tới đó cho nhiều thì cho.*

Tưởng không biết đường thì người ta không đi, ai dè cả hai thân nhiên leo lên. Người con trai nói:

- *15 đồng mọi khi vẫn đi. Cứ chạy đi tui chỉ đường.*

Sức trẻ, thế mà vẫn không chịu nổi đường xa, đạp xe chở hai người từ rạp Quốc Thanh đến chân cầu Phú Lâm thì đuối, liệu sức không thể nào qua khỏi dốc cầu đành tính chước bỏ của chạy lấy người. Xuống giọng:

- *Em mới chạy xe, đi xa không nổi. Anh chị thông cảm đi xe khác giùm.*

Ài ngờ người con trai ngoái đầu lại:

- *Tui biết ông đuối từ hồi nãy rồi. Thôi leo lên đằng trước ngồi với bà xã tui. Đưa xe đây tui đạp cho. Tui cũng từng đạp xích lô mà!*

Thế là, vừa được khách chở, lại vừa được lấy tiền. Không phải 15 đồng mà tới 20 đồng. Chắc cũng chỉ có người Sài Gòn mới khoáng đạt như vậy! Người Sài Gòn tốt bụng, chia sẻ không từ những chuyện cá biệt, người nơi khác vào Sài Gòn hỏi đường thật dễ chịu. Già trẻ lớn bé, gặp ai hỏi người ta cũng chỉ dẫn tận tình. Có nhiều người còn bỏ cả công việc để dẫn kẻ lạc đường đi đến đúng địa chỉ cần tìm. Có những địa chỉ nhiều người hỏi quá, thế là người Sài Gòn nghĩ cách viết hoặc bỏ tiền ra đặt làm một cái bảng đặt bên lề đường, gắn vào gốc cây. Đôi khi, kèm theo một câu đùa, câu trách rất Sài Gòn ở cái bảng này khiến ai đọc cũng phì cười.



Như cái bảng viết trên nắp thùng mốp trên đường Sư Vạn Hạnh mới đây: *"Bà con nào đi photo thì qua bưu điện bên đường. Hối hoài mệt quá!"*

Đi xe ôm, taxi, gặp đúng dân Sài Gòn thì mười người hết chín không lo bị chặt chém, vẽ vờ. Đôi khi, kêu giá là vậy, nhưng khách không có tiền lẻ hoặc hết tiền người ta còn bớt, thậm chí cho thiếu mà không cần biết khách ở đâu, có trả hay không. Với người Sài Gòn, đó là chuyện nhỏ. Ở Sài Gòn, cho tới bây giờ vẫn còn nhiều nhà để một bình nước sôi trước nhà kèm thêm một cái ly, một cái băng nước uống miễn phí. Và bình nước này không bao giờ cạn, như lòng tốt của người Sài Gòn.

Có người đã phát hiện, khi bạn chạy xe trên đường phố Sài Gòn, nếu có ai đó chạy theo nhắc bạn gạt cái chân chống hay nhét lại cái ví sâu vào túi quần thì đích thị đó là người Sài Gòn. ♦

NHỊ NGUYỄN (3.3.2013)

Ảnh: HÀ THÀNH

Nguồn: <http://sgtt.vn/Loi-song/174204/Nguoi-Sai-Gon.html>



*Từ ngày có cầu “Anh Tèo Sài Gòn”,
dân bản Cu Pua không còn phải vượt suối bằng dây cáp nữa - Ảnh: Quốc Nam*

Cây cầu ‘ANH TÈO SÀI GÒN’

Nguồn: <https://kenh14.vn/xa-hoi/cay-cau-anh-teo-sai-gon-20160214151322462.chn>

Cách đây hơn một tháng, báo Tuổi Trẻ đã đăng chùm ảnh về người dân bản vùng cao Cu Pua, thuộc xã Đakrông, huyện Đakrông (Quảng Trị), phải đi qua suối bằng hai sợi dây cáp.

Ngay sau đó, một người đàn ông ở TP.HCM đã tức tốc tìm về tận nơi đây mang theo số tiền 30 triệu đồng vào thẳng nhà trưởng bản Hồ Văn Phoi, đề nghị cùng dân bản xây một cây cầu tạm bằng bê tông để qua suối cho an toàn.

CHIẾC CẦU “LẠ”

Không khó để tìm thấy cây cầu “Anh Tèo Sài Gòn”, dù tính cả chiều dài cây cầu này chỉ xấp xỉ chục mét, rộng hai mét. Bởi giờ đây cây cầu này đã quá “nổi tiếng” trong vùng.

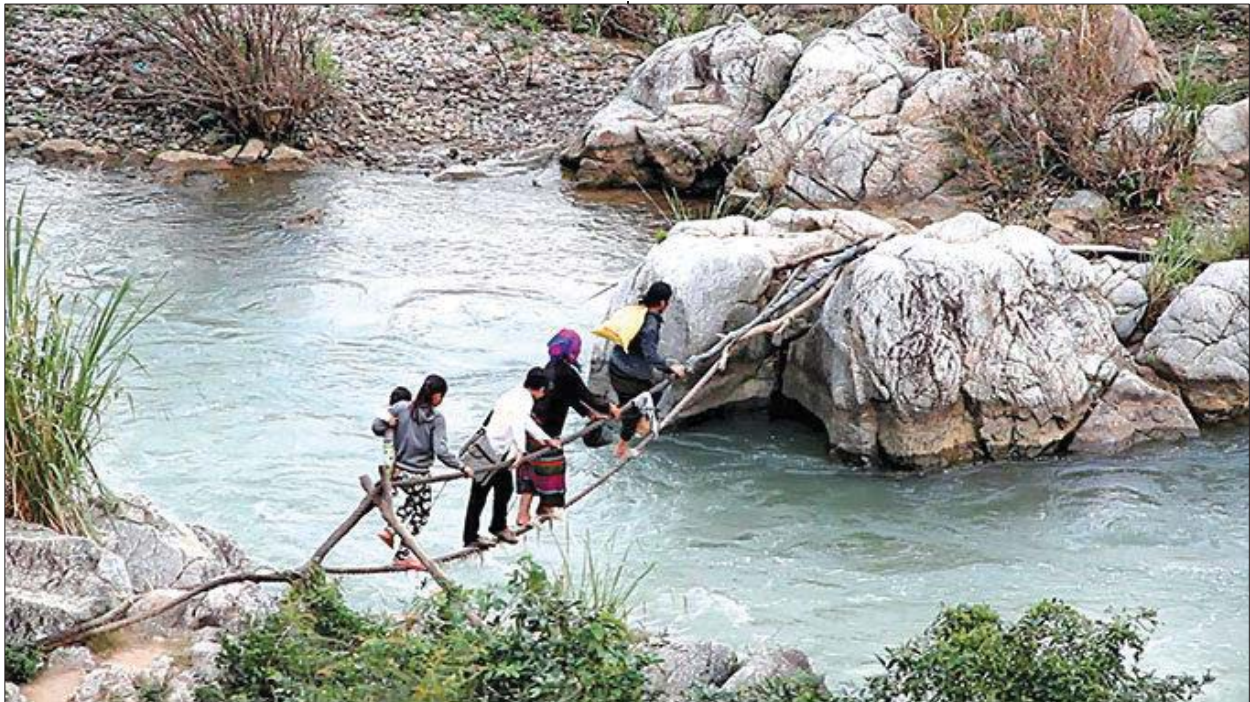
Toàn bộ cây cầu này không có gì đặc biệt. “Điều đặc biệt nằm ở cách làm nên cây cầu ấy” - ông Phoi nói.

Bản Cu Pua chủ yếu là đồng bào dân tộc Vân Kiều, quanh năm chỉ biết cặm cụi lên nương kiếm miếng cơm qua ngày nên sự xuất hiện của người đàn ông nói giọng miền Nam ấy ngay từ đầu đã khiến tất cả tò mò. Đó là buổi trưa 28-12-2015. Một cuộc thỏa thuận nhanh đã diễn ra ngay bên bờ suối.

“Tôi không giàu có, chỉ có khoảng 30 triệu đồng. Nếu dân bản đồng ý thì góp công, tui sẽ mua vật liệu xi măng, sắt thép. Nếu chúng ta hợp tác, ít ra cũng sẽ xây được một chiếc cầu bằng bê tông bắc qua đoạn suối này để đem lại sự an toàn hơn cho dân bản” - ông Phoi kể về lời đề nghị của người đàn ông lạ.

Trưởng bản nhận rằng đúng là mình có hơi bối rối vì quá ngạc nhiên với lời đề nghị thật bất ngờ của người đàn ông lạ. Ông Phoi quyết định dẫn người đàn ông lên gặp chủ tịch UBND xã Đakrông Trần Văn Chạy.

Ông Chạy kể mình cũng không tin vào tai khi nghe chuyện. “Mấy năm rồi tui đề xuất khắp các cấp để xin làm cầu cho dân bản Cu Pua mà không có. Nay lại có người tự nguyện về làm cầu. Không ngạc nhiên sao được” - ông Chạy nói.



Chiếc “cầu” bằng hai sợi dây cáp mà dân bản Cu Pua đã dùng để vượt suối hơn 20 năm qua.

- Ảnh: Quốc Nam

Nhưng ông Chạy lại chột chột dạ vì sợ nhiều thủ tục quá người đó sẽ không còn muốn xây cầu nữa. Hít một hơi thật sâu, ông Chạy đưa người đàn ông lạ tới phòng kinh tế hạ tầng của huyện. Tại đây, sau khi nói qua ý tưởng, cán bộ phòng này cho biết có thể làm cầu theo cách tự phát.

Ngay tối hôm đó, người đàn ông lạ ngược trở lại Sài Gòn để chuẩn bị, còn trưởng bản Hồ Văn Phoi về tổ chức họp dân để lập ra đội xây cầu.

Nghe có người góp vật liệu cho xây cầu, cả bản duyệt luôn mỗi hộ cử ra hai người vào đội này. Bản có 26 hộ. Tức mỗi ngày có 52 người sẵn sàng.

Đúng trưa 5-1, người đàn ông lạ từ Sài Gòn về lại Cu Pua. Và lần này anh không đi một mình mà đi cùng với hai người bạn. Theo anh giới thiệu thì một người là kỹ sư cơ khí phụ trách phần hàn sắt cho cầu. Người còn lại là kỹ sư cầu đường. Cả hai người đều là bạn của anh, được nhờ ra để cùng với dân bản làm cầu. “Dù là cầu tạm nhưng cũng nên có chút kỹ thuật vào cho an toàn hơn” - người đàn ông lạ giải thích.

Ngay buổi chiều hôm đó, việc xây cầu được thực hiện. Cầu được xây ngay chỗ trước đây người dân buộc hai sợi dây cáp để qua suối. Cả ba người đàn ông từ Sài Gòn đều mặc áo quần công nhân cùng dân bản trộn vữa, đan rá sắt... Khi cầu hoàn thành sau một tuần, ba người đàn ông uống với dân bản vài chén rượu rồi xin phép về lại Sài Gòn.

LÀM VIỆC NGHĨA KHÔNG CẦN ĐỂ TÊN

Trưởng bản Hồ Văn Phoi là người đầu tiên trong bản gặp người đàn ông lạ. Hỏi trưởng bản có nhớ người đàn ông đó như thế nào không? Trưởng bản gật gật nói không chỉ bây giờ mà mấy chục năm nữa cũng không thể quên.

Tuy nhiên, tất cả những gì trưởng bản Phoi nhớ cũng chỉ là cái tên Tèo cùng với hình dung về một người đàn ông ngoài bốn mươi, dáng người thấp, mập và gương mặt rất hiền. Hỏi ông có biết gì thêm về anh Tèo ngoài cái tên thường gọi đó không?

Trưởng bản lắc đầu: “Miền cũng có hỏi mấy lần mà anh Tèo nhất định không nói. Anh Tèo nói dân bản cứ gọi anh là Tèo”.

“Người Sài Gòn làm việc nghĩa bằng tấm lòng chứ không phải bằng cái tên. Dù không biết tên, nhưng để ghi công người đàn ông lạ cho mình chiếc cầu, dân bản đã đặt tên cây cầu đó là cầu Anh Tèo Sài Gòn”.

Có một người biết tên thật của anh Tèo, đó là ông chủ tịch xã Trần Văn Chạy. Chỉ có ông biết cụ thể về nhân thân của anh Tèo. Tuy nhiên ông kiên quyết không lộ ra vì: “Anh Tèo đã dặn kỹ lắm rồi. Anh ấy không muốn mọi người biết việc mình làm”. ♦

QUỐC NAM
(14/02/2016)

Sài Gòn trong tôi



(...)

Ngoài chợ vỉa hè, tôi kiếm được nhiều cuốn sách thay đổi đời mình, và một chiếc quần bò, mặc đẹp đến mức... chưa bao giờ tôi đẹp trai thế. Thấy tôi không mang đủ tiền cô bán bảo lúc nào có thì mang đến. Cho đến giờ, tôi không thể tìm được người bán để trả tiền. Chợ “chồm hồm” như cơn mưa phương Nam, chọt đến, chọt bay đi. Tôi mắc nợ em, mắc nợ Sài Gòn.

(...)

Nhạc sĩ TRẦN TIẾN

(10/11/2016)

Nguồn: <http://motthegioi.vn/van-hoa-giai-tri-c-80/nhac-si-tran-tien-sai-gon-trong-toi-46438.html>

Có lẽ không thành phố nào của Việt Nam có hẳn một siêu thị chuyên bán đồ của một địa phương, trừ Sài Gòn. Ở quận 1, có một siêu thị mang tên Hà Nội. Chỗ này, tất nhiên bán đồ Hà Nội và nhiều thứ đặc sản miền Bắc.



Đối với nhiều người sinh ra ở miền Nam, Hà Nội có nghĩa là miền Bắc. Cho nên ở Sài Gòn, muốn nói về xuất xứ hàng hóa, người ta không nói cụ thể tên địa phương ở xứ Bắc như Thái Nguyên, Phú Thọ hay Bắc Ninh, Bắc Giang (trừ một số đặc sản đã gắn với xuất xứ), mà gắn chung với hai chữ “Hà Nội”.

Vì thế, ở Sài Gòn có thể dễ dàng nhìn thấy những tấm biển “Phở Hà Nội”, “Thịt chó Hà Nội”, “đậu hũ (đậu phụ) Hà Nội”... Thậm chí để phân biệt trái doi (người Nam gọi là trái mận) với trái mận của miền Bắc, nhiều người bán hàng để tấm biển đề “mận Hà Nội” mặc dù trái mận và trái doi chả có họ hàng gì với nhau.

Đâm ra nhiều khi, cứ gắn chữ “Hà Nội” vào thì thứ bình thường cũng có thể mang hơi hướng đặc sản. Trong siêu thị Hà Nội, thấy người ta bán “cà rốt Hà Nội” nhưng cũng chả hiểu Hà Nội có nhiều đất đến mức trồng được cả mận, cả cà rốt mà mang vào Nam bán hay không? Cái “chất” Hà Nội chả biết có gì đặc biệt không, nhưng nay một số người cố ý gắn hai chữ này vào những mặt hàng chẳng liên quan, chắc để lèo mảy ông khách lơ ngơ.

Có bạn, rẽ vào hàng đồ câu mua giun (trùn) hổ, nghe ông bán quảng cáo cái này là trùn hổ Hóc Môn, 40 ngàn đồng/lạng, còn cái này là trùn hổ Hà Nội, đắt hơn, tới 60 ngàn đồng/lạng. Hóa ra Hà Nội bây giờ cũng nuôi cả trùn hổ phục vụ dân câu tại Sài Gòn cơ đấy. Có lẽ thế mà nhiều người Bắc nay “thích” nói quê ở Hà Nội, chắc để cho nhanh và dễ hiểu. Nghe bà bán đậu hũ đầu chợ nói giọng Bắc, hỏi chị quê đâu, chị bảo “quê Hà Nội chứ đâu”. Hỏi “Hà Nội cụ thể chỗ nào” thì bảo “Việt Yên, Bắc Giang”.

Cách hiểu này có lẽ bắt nguồn từ một số người Nam. Trả lời quê Hà Nội thì sẽ được hỏi tiếp, Hà Nội chỗ nào, Thanh Hóa hay Hà Tây, Nam Định! Mà chuyện này rất phổ biến, một phần bởi ở Sài Gòn đâu đâu cũng gặp người miền Bắc. Đông nhất là khu vực quanh sân bay Tân Sơn Nhất và dọc đường Cộng Hòa, quận Tân Bình.

NGƯỜI BẮC Ở SÀI GÒN

____NGUYỄN XUÂN THỦY____



Siêu thị Hà Nội giữa lòng Sài Gòn

Người Bắc mới vào thường được các đồng hương ở Sài Gòn lâu năm mách: muốn ăn đồ Bắc thì cứ ra đằng sau sân bay, có đầy đủ bún chả, bún cá rô đồng, bún cua, thịt chó, nem nướng, rượu gạo Hải Hậu, nem Phụng, măng ngâm ớt cùng trái mận mật Lạng Sơn, tiết canh lòng lợn, cá chép nấu riêu...

Muốn uống bia hơi Hà Nội thì lên quá Nam Kỳ Khởi Nghĩa một chút. Trước có quán bia hơi Hà Nội trên đường Mai Thị Lựu. Vẫn cái phong vàng chóc của nhà máy bia Hà Nội ở Hoàng Hoa Thám. Vẫn mấy cái cốc hạng bét xanh xanh đầy bọt khí từ thời bao cấp. Thịt chó mắm tôm bày lên mẹt, cũng đầy đủ riêng sả, húng, lá mơ. Quán này còn có lòng lợn luộc trắng phau và cá chép om dưa đúng Hà Nội. Nhưng sau thấy đóng cửa chuyển đi đâu không rõ. Còn nếu muốn uống bia Hà Nội thì vòng ra đường Hồng Hà sau sân bay.

Bún đậu mắm tôm thì đâu cũng có, bởi một thời gian Sài Gòn rộ lên phong trào mở quán bún đậu. Cũng mấy cái mẹt xâu lại treo lên, mấy chữ “bún”, “đậu”, “mắm”, “tôm” loằng ngoằng cho ra vẻ “thư pháp”, phong cách quán lê la kiểu Hà Nội. Nhưng chắc mở nhiều nên đâm ra một thời gian thành nhàm.

Người Bắc ở Nam thường cũng ít nhiều “lây nhiễm” Nam tính. Không hẳn là không còn căn cơ, tính toán nhưng dường như cũng thoáng hơn, “anh Hai Nam bộ” hơn.

Người Bắc ở Nam thường cũng ít nhiều “lây nhiễm” Nam tính. Không hẳn là không còn căn cơ, tính toán nhưng dường như cũng thoáng hơn, “anh Hai Nam bộ” hơn.

Xưa nay có phong trào gì mà tồn tại lâu đâu. Thêm nữa, dân Sài Gòn ham thanh chuộng lạ cả thềm chóng chán. Ăn bún đậu mắm tôm mà gọi bia uống thì vô duyên. Nên giờ mấy quán bún đậu thư pháp vắng teo, chả mấy lúc mà đóng cửa hoặc xoay qua bán thứ khác.

Nhưng bún đậu không bán được có lẽ vì mở ra quá nhiều. Còn cái câu “ăn Bắc mặc Nam” vẫn đúng, ít ra là về đầu. Hoặc không còn ý nghĩa như xưa. Bây giờ dân gian bảo, “ở Bắc, cave ăn mặc như sinh viên, ở Nam sinh viên ăn mặc như cave”.

Món ăn Bắc ở Sài Gòn thì nhiều, nhưng có lẽ người ta nhớ nhất là phở, thịt chó và cháo lòng. Khu vực chân cầu Thị Nghè, nơi giáp ranh quận 1 và Bình Thạnh là một dãy hàng thịt chó với toàn người Bắc làm chủ. Trước đây Nhật Tân, Hà Nội nhộn nhịp thế nào thì khu Thị Nghè cũng sức mắm tôm, chanh, riềng, mẻ như thế. Dường như dân Bắc có “nét” riêng hoặc được/bị xem là có “chất”. Cái “chất” ấy hay dở thì tùy quan điểm mỗi người. Nhưng một thực tế là vẫn có nhưng người Nam còn kì thị người nói giọng Bắc, không thích chơi, hoặc “ngại” người Bắc. Thường có câu: **“Mặc dù ông là người Bắc, nhưng chơi được”**.

Một nữ nhà báo, người Nam, lấy chồng gốc Bắc nói về những người Bắc vào sống ở Sài Gòn: *“Họ tha hương nên hầu như ai cũng lạnh lợi, khôn ngoan và láu cá hơn người”*. Tôi đoán chị này chắc chả bao giờ nghĩ đến chuyện bỏ chồng, dù giọng điệu chị có vẻ “dìm hàng” những đối tượng mà chị gọi là “Bắc kỳ” – từ người Nam hay dùng khi có chuyện không hài lòng người Bắc. Bản thân tôi chả thấy có gì là bị xúc phạm với hai từ ấy, bởi đất nước có ba miền Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ...

Nhưng có câu “nhập gia tùy tục”. Người Bắc ở Nam thường cũng ít nhiều “lây nhiễm” Nam tính. Không hẳn là không còn căn cơ, tính toán nhưng dường như cũng thoáng hơn, “anh Hai Nam Bộ” hơn. Giọng nói tuy nhiều người có ý thức giữ, nhưng từ ngữ cũng thường chêm vào tí chất miền Nam, cũng một phần do tiếp xúc lâu ngày, một phần muốn người nghe dễ hiểu.

Đất Sài Gòn tứ chiếng hội tụ, chẳng ai quá quan trọng chuyện quê quán, “gốc” như Hà Nội. Anh quê gốc Sài Gòn hay từ Bắc, Trung vào hay miền Tây lên, tất cả cũng như nhau cả, miễn là “chơi đẹp”.

Thay vì “ra vào” thì nói “ra vô”, thay vì “tiêu” “dùng” thì nói “xài”. Đi ăn hàng, thay vì gọi “thanh toán” có khi lại bị hiểu đang muốn “xử đẹp” ai đó thì gay go.

Nhưng lắm lúc đi xe ôm, nhắc chỗ này rẽ phải, bác tài người Nam cũng hiểu ngay đó là “quẹo quai”.



Gói bánh chưng ngày Tết ở một gia đình gốc Bắc.

Ảnh: Ngô Bình.

Bởi người Bắc ở Sài Gòn chỗ nào chả có.

Cùng với người Trung, họ mang theo những phong tục, tập quán và cả ngôn ngữ, lối sống. Tết ở Sài Gòn, nay ngoài mai vàng, tắc (quất), còn có rất nhiều hoa đào. Cận Tết hàng đoàn xe tải từ Hưng Yên, Hải Dương chở đủ loại đào cảnh, đào thể bày bán tung bưng một góc công viên Hoàng Văn Thụ.

Hình ảnh chiếc xe lôi Nam Bộ với cây đào thể miền Bắc ngất ngưỡng đi giữa phố đông nắng vàng đang trở thành bình thường. Ở một đoạn phố yên tĩnh gần cầu vượt Hoàng Hoa Thám – Cộng Hòa, ngày cuối năm, nhiều gia đình gốc Bắc mấy năm nay hẹn nhau bày nôi bánh chưng lớn trước cửa nhà, củi đuốc sẵn sàng. Đêm đến, họp nhau một nhà, người thùng bia, kẻ con gà luộc, cùng lai rai bên nôi bánh chưng lục súc.

Người Bắc ở Nam, có thể đổi thay, khác đi nhiều thứ, nhưng hồn quê thì sao mà bỏ được, và cũng chẳng có lí do gì phải bỏ. ♦

NGUYỄN XUÂN THỦY (19/02/2015)

Nguồn:

(Theo Nguyễn Xuân Thủy - Đất và Người)

BẮC KỲ

◆ NGUYỄN TÀI NGỌC

□□□

Trong những buổi nói chuyện với bạn bè, nếu người nào nói chuyện gì có vẻ khó tin và rào trước đón sau cao hơn cả bức tường Đông Bá Linh, tôi thường hay nói giễu cợt là họ nói chuyện như người Bắc Kỳ Hà Nội.

Bấy lâu nay tôi tưởng đó chỉ là một bình phẩm vô bổ, thế nhưng gần đây vài người email “*phê bình xây dựng*” là tôi không nên nói xấu người Bắc thường nhật vì không phải người Bắc nào cũng như thế. Là người có tinh thần hoà giải luôn có đầu óc cầu tiến, thấy sai thì nhận thức mình đúng ngay lập tức để sửa đổi, tôi hoàn toàn đồng ý không phải tất cả người Bắc nào cũng vẽ hươu vẽ vượn; thế nhưng sự thật là phần đông tính tình người Bắc giống nhau. Mở quyển tự điển Việt Nam của hai tác giả Nguyễn Tài Đức và Nguyễn Tài Tình (hai người này đều là bà con ruột thịt của tôi) tra khảo chữ “*khách sáo*”, lời giải thích sẽ là: một người sinh trưởng hay có máu mủ liên hệ trực thuộc ở miền Bắc.

Trước khi đọc giả cực lực phản đối cho tôi lên đoạn đầu dài là tôi nói xấu người Bắc, tôi xin khẳng định rất rõ ràng tôi không phải là điệp viên nằm vùng quê em miền Tây Ninh trà trộn vào hàng ngũ người miền Bắc làm mật thám: tôi cũng là người miền Bắc. Bố mẹ tôi sinh ở làng Bách Cốc, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Tuy rằng tôi sinh trưởng trong Sài Gòn ở nhà thương Đức Chính đường Cao Thắng, đối diện rạp Đại Đồng gần chợ Bàn Cờ, cái văn hóa giáo dục tôi thấm nhuần là từ bố mẹ tôi người miền Bắc, hoàn toàn không có một chút pha loãng hay ảnh hưởng một tí nào của người miền Nam. Thật sự là văn hóa miền Bắc ghi khắc quá sâu đậm trong tôi đến nỗi khi tôi vừa mới lên lên ba tuổi, bố mẹ tôi đã tốn rất nhiều tiền cho tôi vào trường học sửa giọng để tôi nói “*lấy cái chổi*” chứ không phải “*nấy cái chổi*”, “*lái xe*” thay vì “*nái xe*”.

Hạn chế chỉ tiếp xúc với người trong gia đình nên hành động và cư xử của tôi như người miền Bắc từ lúc bé, Trước khi đi học, bố tôi đã dạy tôi tập đọc ở nhà, lối dạy đánh vần của bố tôi khác với ở trường cô giáo người miền Nam dạy. Chẳng hạn như chữ “*tam*”, bố tôi dạy đọc là “*te^a-ta-em-tam*”, trong khi cô giáo dạy: “*a-em-am, tờ-am-tam*”. Chữ “*đàn*”, bố tôi đọc là “*đê-a-đa-en-đan-huyền-đàn*”, trong khi cô giáo dạy “*a-en-an-huyền-àn, đờ-àn-đàn*”. Ban đầu tôi hơi ngớ ngẩn một tí nhưng khám phá ra ngay là tuy khác lối đánh vần, chữ đọc cuối cùng cũng giống nhau. Có một lần khi cãi nhau, tôi nói với người bạn là: “*Đồ mặt dày*”. Nó đứng thộn mặt ra, hỏi tôi mặt dày là mặt gì, tôi cũng không biết làm sao mà giải thích được cho nó hiểu nên cuộc cãi cọ chấm dứt. Làm sao cãi cọ khi hai bên không hiểu nhau? Rồi có những lúc đám bạn Nam Kỳ chọc tôi, hát: “*Bắc Kỳ ăn cá rô cây, Ăn nhằm lựu đạn chết cha Bắc Kỳ*”, thì tôi biết chắc là tôi không phải là người Nam.

Tôi kể chuyện vòng vo tam quốc như thế để xác định chính tôi cũng là Bắc kỳ, do đó nếu có chỉ trích người Bắc thì tôi là người tay trong, có đầy đủ thẩm quyền và kinh nghiệm để phân tích và phê bình.

Nước Việt Nam cấu tạo bằng ba miền, Bắc Trung Nam. Vì lịch sử và địa thế, cách phát âm và cá tính của người ba miền khác nhau. Người Việt bắt đầu từ miền Bắc rồi đi dần vào miền Trung và miền Nam. Các vua nhà Trần thôn tính nước Chiêm Thành từ Quảng Bình đến Phú Yên vào thế kỷ thứ Mười Lăm, và vua Quang Trung Nguyễn Huệ xâm chiếm miền Nam của người Khmer vào thế kỷ Mười Bảy. Người ở miền Trung do đó phát âm tiếng Việt với âm hoà lẫn của người Chiêm Thành, và người miền Nam phát âm tiếng Việt hoà lẫn với âm tiếng Khmer. Cộng thêm ảnh hưởng văn hóa, cá tính của người miền Trung và Nam có đặc thù rõ rệt so với người miền Bắc.

Người miền Bắc ảnh hưởng sâu đậm của đạo giáo Khổng Tử, vua ra vua, tôi ra tôi, kẻ sĩ là kẻ sĩ. Lễ là một đức tính quan trọng trong năm đức tính nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Hơn nghìn năm bị người Tàu đô hộ sáng nào cũng ăn đim-sâm làm người miền Bắc ngao ngán luôn mang ý tưởng nổi dậy đánh đuổi người Trung Hoa giành lại độc lập để có cơ hội ăn lại được bát phở.



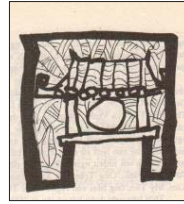
Người miền Nam ảnh hưởng Phật Giáo, của nền văn minh Khmer, ruộng lúa phì nhiêu vì nằm trong đồng bằng sông Cửu Long, thức ăn đầy dẫy với tôm cá, lúa gạo nên dân tình phè phỡn. Cá tính của người miền Bắc do đó khác hẳn người miền Nam: Người miền Bắc tiết kiệm, cần cù, siêng năng, khoe khoang, tài giỏi, khéo ăn nói, khách sáo, trong khi người miền Nam hiền từ, chất phác, thành thật, đơn giản, thoải mái trong đời sống, suy nghĩ, thẳng thắn có sao nói vậy.

Tôi lấy vợ người Nam, có bạn cả người Nam lẫn người Bắc nên am tường cả hai nền văn hóa. Trước 75 khi từ ngoài Bắc di cư vào Nam, chúng tôi không gọi ba má là bố mẹ mà gọi là Thầy U thì đủ biết là tôi hấp thụ nền văn hóa Bắc Kỳ mức thượng thừa đến chừng nào. Người Bắc lúc nào cũng lịch sự, khi nói chuyện với bạn của người thân trong gia đình vai vế nhỏ hơn mình thì luôn luôn hạ danh xưng mình bằng người thấp hơn. Tôi còn nhớ khi còn học tiểu học, một cậu bé đến nhà rủ tôi đi học chung. Lúc ấy tôi đang tắm, bố tôi ngồi trong nhà mới nói với cậu bé:

- Em còn đang tắm, anh vào nhà ngồi chơi một chốc đợi em nó xong thì sẽ ra đi với anh.

Thằng nhỏ người Nam mặt non choẹt, chỉ mới có mười tuổi thấy ông già râu tóc bạc phơ ngồi trên ghế sa-lông gọi mình là anh nên sợ hãi đá ra cả quần không dám đứng đợi tôi, bỏ ừ chạy mất.

Sự khách sáo về lễ nghi không phải một sớm một chiều một người có thể thu hoạch được. Nó giống như bí quyết kiếm hiệp huyền bí Tịch Tà Kiếm Phổ trong Lục Mạch Thần Kiếm phải tu luyện trên núi Bảo Long ba mươi năm mới trở nên cao thủ võ lâm. Bố mẹ dạy ngày đêm hết năm này sang năm khác, bị chửi te tua “*Dạy con như nước đổ lá khoai!*”, “*Cái thằng tối như đêm, dầy như đất!*”, “*Nói con như nói van nói lạy!*” thì mới trở nên điêu luyện trong việc khách sáo.



Một lần lễ lộc nhà nấu xôi chè, sau khi cúng kiếng và gia đình đã ăn xong, mẹ tôi sôi xôi và chè ra hai bát nhỏ -xôi chè vẫn còn rất nhiều ở trong nồi- và bảo anh tôi, lúc bấy giờ khoảng chừng sáu tuổi, mang sang biếu nhà bà Bác ở xóm kế bên. Anh tôi khệ nệ bụng hai bát xôi chè sang nhà bà Bác và trở về nhà mười lăm phút sau với bộ mặt tươi rói, báo cáo với bố tôi là sứ mạng đã hoàn thành:

- Thưa Thầy con đã mang chè sang biếu Bác.
- Con giỏi lắm. Bác có nhà không con?
- Vâng, Bác có nhà. Bác ăn chè ngay vì Bác nói Bác đang đói bụng.
- Thế Bác có nói gì không?
- Bác bảo về nói với U là U nấu chè ngon, và cảm ơn Thầy U.
- Con mang sang cho Bác, có nói gì với Bác không?
- Dạ, con nói với Bác là nhà cháu ăn thừa mang sang biếu Bác...

Bố tôi nghe đến đây thì nổi lên một cơn nhồi máu cơ tim.

- Ôi giờ ời cái thằng chết tiệt! Ai bảo con lại nói thế? Cái thằng tối như đêm, dầy như đất! Bố tôi giận dữ vì quá hiển nhiên là anh tôi trình độ khách sáo vẫn còn quá sơ đẳng, thấy sao nói vậy người ời. Nhưng nhận thức ra lỗi này không phải là lỗi của anh tôi mà là lỗi chính mình chưa rèn luyện chín chắn cho con nên bố tôi phải dành ra vài phút thì giờ huấn luyện anh tôi lại cho thấu đáo nền văn hóa Bắc Kỳ:

- Bận sau con không nên nói như thế. Khi mang biếu cho Bà hay bất cứ ai, con phải nói là U cháu trước khi nấu món này cả tháng trước đó chỉ nghĩ đến Bác. Đêm qua U cháu trước khi nấu đã trần trọc cả đêm vì cứ hình dung là Bác ăn bát chè sẽ thấy ngon miệng vì U cháu nấu chỉ quyết ý dành riêng cho Bác....





Khách sáo có nghĩa là có tính chất xã giao, lịch sự bên ngoài, không thật lòng. Vì vậy mà tuy rằng gia đình nghèo rớt mòng tơi, các con đứa nào cũng được bố dặn dò kỹ lưỡng là ai cho gì cũng không lấy, có đói đến đâu, đến nhà người khác được mời ăn thì cũng phải từ chối. Mang cái chí thị tối cao như vậy nên ngày xưa tôi chỉ thích đến nhà bạn người Nam vì nếu ba má chúng nó mời ăn uống, tôi không bao giờ trả lời không; trong khi đó nếu đến nhà bạn Bắc Kỳ, lúc nào cũng vậy, chưa đến mà tôi đã no tuy rằng trong bụng thì đói meo khi được bố mẹ bạn mời:

“Dạ, cháu mới ăn ở nhà”, “Không cháu không uống”. Chữ khách sáo bao hàm ý nghĩ không thật lòng nên nói chuyện với người Bắc một người lúc nào cũng nên đề cao cảnh giác như ngày xưa lính Việt Nam Cộng Hòa đứng gác sông Bến Hải vĩ tuyến thứ 17 vì không biết đâu là hư, đâu là thực. Chỉ có người Bắc uyên thâm có bằng Tiến sĩ, Thạc sĩ, đầu óc mới thông suốt để đoán biết lúc nào người Bắc nói thật, lúc nào ý của họ ngược lại 180 độ. Một cô bạn vợ tôi người Nam lấy chồng người Bắc, nhà ở California, sang thăm mẹ chồng ở Ohio. Máy bay đến khuya, sáng 7:30 bà mẹ chồng đã đến gõ cửa phòng hỏi dậy chưa. Cô ta trả lời vẫn còn ngái ngủ. Bà mẹ chồng trả lời:

“Thế thì con cứ ngủ tiếp đi nhé, chừng nào dậy cũng được”.

Cô bạn người Nam của vợ tôi không có kinh nghiệm chiến trường giao thiệp với người Bắc nên tưởng bà ấy nói thật, ngủ luôn một mạch cho đến 11 giờ. Trong thời gian này thì bà mẹ chồng đã nấu điểm tâm cho thằng con trai ăn sáng, rồi bắt đầu chuẩn bị cho buổi ăn trưa. Về nhà sau này anh chồng kể bị bà mẹ dũa thê thảm là lấy con vợ không có ý tứ, sáng không biết dậy sớm lo điểm tâm cho chồng hay cho bố mẹ chồng.

Cô bạn vợ tôi nói: *“Chính bà nói mình cứ ngủ, mình nghe lời bà ngủ tiếp mà bà lại chửi mình!”*

Vợ tôi là người miền Nam, khi lấy tôi đã học xong đại học Văn Khoa ở Việt Nam, đang học dở chừng đại học bên Paris, sang đây học tiếp đại học Mỹ nên đầu óc tương đối thông suốt: chỉ trong vòng vài tháng đầu là nàng đã tiếp thụ được lối nói chuyện vòng vo tam quốc của người Bắc gia đình chúng tôi thay vì đi vào thẳng vấn đề. Mỗi lần nàng xuống bếp, chỉ cần nàng nói: *“Cái bếp hôm nay sao bẩn quá”* là tôi tự khắc hiểu ý nàng nói ngay là *“Anh Ngọc đi lau cái bếp!”*, tôi phải nhanh chân đi lau bếp; hay hôm nào đi làm về nàng nói: *“Hôm nay sao Loan thấy hơi nhức đầu”*, là tôi hiểu ngay ý nàng nói *“Tối nay Loan không nấu cơm”*, tôi tự động chèo thuyền ra sông Đồng Nai câu cá về chiên ăn một mình. Nói thế nhưng không có nghĩa lúc nào tôi cũng hiểu ý nàng. Có một lần đứng trong phòng khách, nàng nói *“Nhà mình sơn màu khác chắc đẹp”*, tôi dịch nghĩa ngay là: *“Anh Ngọc, sơn nhà bên trong màu khác!”*. Phòng có nhiều đến đâu, cực đến đâu đi nữa tôi cũng có khả năng sơn lại cả căn nhà, thế nhưng phòng khách nhà tôi khoảng khoát, trần nhà cao hai tầng không cách gì tôi sơn được ngoại trừ mượn thợ với cầu thang chuyên môn có thể với tuốt tận trên cao để sơn trần nhà. Khảo giá thì thợ nói sơn lại cả bên trong nhà khoảng \$2,000 làm tôi bệnh mấy ngày liền vì nếu tôi sơn thì chỉ tốn \$500 là cao lắm. Lo lắng vài tuần mất ăn mất ngủ, tội sứt cân vài pounds. Nàng hỏi lý do thì tôi thú thật trả lời. Lúc ấy nàng mới cho tôi biết là nàng không có ý muốn tôi sơn lại nhà, chỉ nói một câu băng quơ vậy thôi!

Khi mình nói chuyện có tính chất bên ngoài không thật lòng thì từ điểm đó đến điểm nói chuyện phóng đại tô màu *Eastmancolor* cũng không xa nhau là mấy. Ở điểm này, người Bắc cũng bỏ xa người miền Nam, đặc biệt là người sinh sống ở miền Bắc.

Tôi có một người chị cùng cha khác mẹ ở Nam Định tên là chị Hiền. Sau khi bố tôi di cư vào Nam thì khoảng năm 1960 mọi liên lạc thư từ bị miền Bắc cắt đứt nên hai bên không biết tin tức nhau.

Đến năm 1995 khi tôi về Sài Gòn lần đầu tiên, thăm một gia đình họ hàng xa ở Vũng Tàu, những người này vẫn còn liên lạc với gia đình người chị tôi ở ngoài Bắc nên họ dẫn tôi ra bưu điện để gọi điện thoại ra Nam Định để nói chuyện với chị ấy:

- Thưa chị, em là Ngọc, con thứ năm của Thầy U. U và cả gia đình sang định cư bên Mỹ từ năm 1975, hiện tất cả bình yên. Em là người đầu tiên trong gia đình về lại Sài Gòn thăm nhà. Lúc Thầy U vào Nam thì em chưa sinh...

- Giời ơi, Ngọc đã về quê hương đây à. Chị tôi khóc nức nở rồi nói tiếp:

- Lúc em sinh ở Sài Gòn chị có biết vì Thầy U có biên thư cho chị.

- Anh chị không bận thì vào Sài Gòn thăm em, em có một tí quà biếu anh chị.

- Chị yếu lắm, đi tàu hỏa 40 giờ vào trong Nam chị rất là ngại. Em đã đi xa xôi vạn dặm từ Mỹ về Việt Nam mà sao em không đi nốt ra Bắc thăm chị?

Rời Việt Nam tháng 4 năm 1975, trở về Sài Gòn lần đầu tiên hai mươi năm sau nơi căn nhà cũ và những đường phố quen thuộc từng sinh sống mà tôi còn lo sợ không yên lòng, huống gì nói chuyện đi ra Bắc? Đã thế người nhà họ hàng tôi ở Vũng Tàu ai cũng một lòng ngăn cản tôi không nên đi: *"Chú đi ra ngoài Bắc thì thế nào họ cũng thịt chú. Cướp bóc nhiều lắm!"*. Vì thế, dù rằng tôi rất ước ao gặp lại người chị cùng máu mủ từ bố tôi nhưng tôi không dám ra Bắc mà muốn chị ấy vào Nam để chị em gặp nhau.

- Em ngại ra Bắc...

- Thôi em nói chuyện với anh Lễ nhé. Anh Lễ là chồng của chị tôi, chị trao máy cho anh Lễ:

- Cậu Ngọc đã về Việt Nam rồi đây à?

- Thưa vâng.

- Từ ngày miền Nam được giải phóng, anh chị đã tưởng gặp lại Thầy U và các em, thế nhưng chỉ trong một thời gian ngắn cháu Vinh và Toàn tập kết vào Nam báo tin cho anh chị hay là Thầy đã mất từ năm 1970, còn U và các em đã đi đâu mất làm anh chị khóc cả mấy ngày đêm. Sau này biết U và các em định cư ở Mỹ anh chị cũng mừng. Giờ thì em đã về lại quê hương, giòng máu mủ duy nhất của Thầy mà em lại không ra Bắc thăm anh chị...

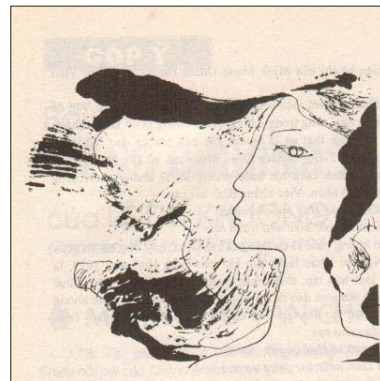
- Em sợ lắm. Em nhất định không đi.

- Nếu thế thì anh và cháu Tuấn đi xe hỏa vào thành phố đón cậu ra đây. Nhà ta có chú Biên trong quân đội, sẽ ra đón cậu ở nhà ga, cậu không phải sợ gì cả. Sau khi anh ấy nài nỉ đến bao nhiêu lần, cuối cùng tôi cũng xiêu lòng theo lời đề nghị, chờ anh ấy và cậu con trai vào Nam rồi tháp tùng tôi ra Bắc.



Tôi xuống nhà ga Nam Định sau khi ngồi trong chuyến tàu hỏa kinh hoàng gần 44 giờ, và đúng như anh Lễ nói, anh Biên, đại gia đình vợ chồng anh Lễ chị Hiền cùng con, cháu, chắt, và bao nhiêu là người lạ đã đến đón vợ chồng chúng tôi.

Từ nhà ga đi bộ về nhà khoảng chừng hai cây số. Nhận thấy chúng tôi là người ở ngoại quốc về, những người khác ở trong làng túa ra đi bộ với chúng tôi càng ngày càng đông, cho



đến khi về đến nhà thì tôi không còn biết ai là ai vì số người đứng vây quanh tôi đông vô số kể. Trong bao nhiêu tiếng xì xầm bàn tán về tôi, tôi bỗng nghe tiếng đàm thoại rất rõ của hai đứa nhỏ nói chuyện đứng ngay kế bên tôi:

- Ai đấy? Một thằng bé người lạ hỏi.

- Ông tao đấy. Ông tao ở Mỹ mới về.

Chị của tôi năm nay 70 tuổi, đã có con lẫn cháu chắt, nên tôi là vai ông với những đứa cháu chắt này. Tôi nghĩ thằng bé đang nói là một trong những đứa cháu chắt của chị ấy đang nói về tôi.

- Thế ông mày nói tiếng gì?

- Ông tao đấy hả? Gớm, ông tao nói tiếng Mỹ, tiếng Tây, tiếng Tàu..., tiếng gì cũng được cả.

Tôi nghe thằng bé nói mà trở mắt nhìn xem mặt mày nó ra như thế nào. Nó non choẹt, chỉ độ chừng bảy tuổi là cùng, chưa bao giờ gặp tôi, tôi cũng chưa bao giờ biết nó. Thế mà nó đã khoe xoén xoét ông của nó

- là tôi - với thằng bạn nó là tôi nói đủ thứ tiếng! Chị tôi mừng vô hạn khi gặp lại tôi. Hai bàn tay gầy guộc giờ xương của chị ấy cứ bầu chặt vào tay và vai của tôi trong khi nước mắt chị khóc ròng.

- Thầy mất chị không được gặp Thầy nhưng bây giờ gặp được em, xem như là chị cũng mãn nguyện rồi. Em giống Thầy như đúc...

Tuy mừng gặp lại người chị cùng cha khác mẹ, tôi vẫn còn mối quan tâm trong lòng về tình trạng an ninh ở ngoài Bắc mà người thân trong Nam đã nói cho tôi biết. Có lẽ biết được nỗi lo sợ của tôi, anh Lễ xen vào:

Người miền Bắc ảnh hưởng sâu đậm của đạo giáo Khổng Tử, vua ra vua, tôi ra tôi, kẻ sĩ là kẻ sĩ. Lễ là một đức tính quan trọng trong năm đức tính nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Hơn nghìn năm bị người Tàu đô hộ sáng nào cũng ăn đim-sâm làm người miền Bắc ngao ngán luôn mang ý tưởng nổi dậy đánh đuổi người Trung Hoa giành lại độc lập để có cơ hội ăn lại được bát phở.

- Cậu có thấy là ở đây bình yên vô sự làm gì có cướp bóc phải không? Người ở trong Nam họ nói láo, hăm dọa cậu không muốn cậu ra Bắc, cố tình ngăn chặn tình ruột thịt của anh chị em mình chứ ngoài Bắc làm gì có cướp bóc, cậu thấy không? Tất cả mọi sự đều bình thân vô tư.

Đêm hôm ấy ngủ trên gác nhà chị Hiền mà tôi trọc trằn ngủ không yên tuy rằng đã được anh Lễ trấn an ngoài Bắc không có chuyện cướp bóc. Giữa đêm tôi xuống dưới nhà vì cần đi toilette. Căn nhà này bước vào là phòng khách, dài khoảng bảy thước, rồi có một gian trống khoảng bốn thước không có nóc nhà nhìn thẳng lên trời chị tôi dùng làm nhà bếp. Sau gian trống này là một gian nhỏ toilette và chỗ để tắm. Từ phòng khách muốn đi toilette phải mở cửa đi vào nhà bếp trước. Ban đêm trời tối đen như mực không thấy gì ở phía trước, tôi mò mẫm vịn thành thang gác xuống lầu rồi chậm chạp tiến về cửa hướng ra nhà bếp. Sờ soạng được mặt cửa, tôi mò tay xuống quả đấm, xoay đẩy cửa ra ngoài thì tiếng soong chảo khoảng dưới cánh cửa rót đồ vang âm trong đêm tối, to còn hơn bom nguyên tử nổ ở Nagasaki. Tôi bàng hoàng, chưa đoán biết sự gì đã xảy ra thì cái đèn vàng héo hắt trong nhà ai đã bật lên. Nhìn kỹ lại tôi thấy anh Lễ đang ngủ ở giường kê bên cửa đã bật ngồi dậy và với tay vào công-tắc bật đèn lên vì tiếng động khua anh ấy dậy. Qua ánh đèn, bây giờ tôi mới biết tại sao có tiếng soong chảo rót đồ:

Nhà nghèo cửa mở ra sau nhà bếp không có khóa nên anh Lễ ban đêm sợ ăn trộm vào nhà nên để vài nồi niêu soong chảo ngay dưới bậc cửa. Ai mở cửa ra là nồi sẽ rót xuống đất, tạo ra một hệ thống báo động ăn trộm cực kỳ tinh vi không tốn một đồng xu nào.

Nhà chị tôi nghèo, chả có gì đáng ăn cắp mà anh tôi còn “gắn” hệ thống báo động ăn trộm soong chảo, thế mà vào lúc ban ngày anh ấy nói với tôi là ngoài Bắc không có cướp, tôi cứ thoải mái vô tư! Đúng là chỉ có người Bắc chúng tôi mới ba hoa chích chòe đến thế! Cái tật vẽ hươu vẽ vượn của người Bắc nó đã tồn tại từ cả nghìn năm nay.



Lịch sử Việt Nam chúng ta có nhiều bằng chứng cụ thể: Phù Đổng Thiên Vương lên ba không biết nói cười nhưng khi có giặc Ân tràn xuống thì vượn vai thành người ba trượng cỡi ngựa đánh tan quân giặc, Lý Thường Kiệt giả cho người vào đền

thờ ngâm thơ bài Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư trong đêm để vận đông tinh thần binh sĩ đánh bại quân nhà Tống. Một thói quen hay tật xấu thường hay khó thay đổi. Trường hợp tôi cũng là thí dụ điển hình. Cho dù tôi có óc sửa sai đến đâu để cải tiến, nhận thấy người Bắc có nhiều khuyết điểm sai lầm đến đâu để sửa đổi mà vợ tôi người Nam cứ khen người Bắc phát âm chính xác, nói năng bất thiệp lưu loát thì chắc đến Tết Congo người Bắc chúng tôi cũng không bao giờ có sự thay đổi! ♦

NGUYỄN TÀI NGỌC

(14.05.2015)

Nguồn: <https://www.tongphuochiep.com/index.php/bao-chi/van/18891-b-c-ky>

“Sài Gòn không là nơi ai đó có thể yêu ngay từ cái nhìn đầu tiên được. Người ta phải sống với bản chất, sống rất thật để thấy rằng Sài Gòn xấu xí, dờ hơi và đôi khi còn vô duyên nữa. Vậy mà ai cũng nặng tình, rồi vừa xa một cái là biết mình yêu. Sài Gòn là nỗi lấu thập cảm không thể ăn vội được. Phải tìm một quán thật đỉnh, thong thả ngồi xuống, nghiên cứu menu, đợi dọn lên từng thứ một, đếm chờ nước sôi, rồi mở nắp thưởng thức từng chút từng chút ấy, phải trải qua cảm giác bỏng lưỡi hay gì nữa. Và tôi nghĩ, chén cuối cùng sẽ luôn là chén ngon nhất sau khi nước đã sắc lại, đủ để bạn mang cái sự ấm ngọt ấy về nhà, thắm thắm tận mấy hôm sau.”



Hiếm khi ở Sài Gòn có thể hít thở một bầu không khí trong lành nếu không chịu khó dậy sớm. Sài Gòn nồng nhiệt trong từng hơi thở từ sáng đến tối. Đêm Sài Gòn vẫn sôi sục âm í cái gì đấy để chờ mai lại hòa nhiệt với nắng ấm.

Lâu dần tôi cảm thấy tự hào vì nhận ra mình và Sài Gòn có những điểm rất giống nhau. Sài Gòn nhiều khi dễ dãi, ai cũng chấp nhận, cái gì cũng được, xuề xòa đến lạ kì. Người ta tự nhiên bước chân đến đây, dễ dàng đất trời là nhà, người người là bạn bè, người thân. Đôi khi gọi nhau bằng những cái tên cô ơi, dì ơi, ngoại ơi cứ như trong một đại gia đình lớn. Ở vùng đất tứ xứ người, Sài Gòn là mảnh đất mới, là nơi người ta thương nhau vì là người Việt người Nam.

Sài Gòn nhiều khi mưa nắng thất thường, làm người ta khó đoán, làm người ta hay cáu. Không phải mới đến Sài Gòn thì có thể biết về nó, muốn hiểu thì cần phải nhẫn nại, cần phải đợi lâu. Sài Gòn dờ ương, vắng người những lúc lễ tết và đông vui những ngày thường. Ở Sài Gòn có quá khứ, hiện tại, tương lai. Những nếp văn hóa cũ kĩ tưởng đã biến mất từ lâu vậy mà vẫn tồn tại ở Sài Gòn như một bảo tàng sống. Những món ăn, lễ nghi tưởng đã bị xã hội hiện đại vùi lấp vẫn còn xuất hiện ở đây tái tạo lại một quá khứ đã mất. Sài Gòn có quá khứ mà người ta muốn tìm lại...

Vốn nổi tiếng với nhịp sống hiện đại hối hả, Sài Gòn chật ních những người mưu sinh kiếm sống. Bất cứ nghề gì cũng có thể dung nạp được, bất cứ hy vọng gì cũng có thể tiếp thêm sức mạnh.

Thiết nghĩ, liệu không phải là Sài Gòn, liệu là mảnh đất khác liệu người ta có tồn tại được không, thật khó mà có thể tưởng tượng. Bên cạnh những giá trị cũ còn sót lại, từng ngày, từng mảnh đất của Sài Gòn vẫn được khai thác triệt để cho cuộc sống hiện đại.

Nhà cao tầng, khu chung cư vẫn mọc lên san sát những căn nhà cấp bốn, khu chung cư cũ kĩ. Cứ như thế, quá khứ và hiện tại tồn tại song song với nhau, Sài Gòn gạch nối giữa hai thì, như một phép so sánh thời gian...

Saigon

Sài Gòn giống như những cái ôm, cái thô ráp, cái mềm mại, cái ấm áp, cái cứng cỏi... Những cái ôm mang đến cho người ôm và được ôm hy vọng. Những cái ôm mở đầu cho ly biệt tương phùng, những cái ôm tiễn người ra đi, gặp người quay về. Những cái ôm niềm nở chào một nhân duyên mới. Nhưng hơn hết những cái ôm giang tay ra ôm trọn, chấp chứa tình người bao la, ấm áp...

Người ta tìm đến với Sài Gòn để tìm đến hy vọng mới. Có thể mọi người cho rằng ở Sài Gòn chẳng có gì để tham quan, du lịch. Sài Gòn tạp nham, nhiều chủng loại, ta có thể tìm thấy bất cứ thứ gì ở nơi khác ở đây. Nhưng tôi lại cho rằng đặc sản Sài Gòn là hy vọng. Người ta đến Sài Gòn để đổi đời, để làm lại từ đầu, để bắt đầu cuộc sống mới... Tôi còn nhớ những câu chuyện về người xa xứ, họ bỏ làng, bỏ xóm để đến vùng đất phía Nam với hy vọng ở đó có thể dung chứa họ, giúp họ xây dựng mọi thứ từ bàn tay trắng. Và quả thật Sài Gòn đã làm tròn bổn phận của mình, trở thành mảnh đất hứa hẹn cho những con người cần tiếp thêm sức mạnh, niềm tin. Không phải dễ dàng gì sinh tồn ở vùng đất khắc nghiệt này, phải bon chen xông pha, thậm chí còn nhiều thứ lừa lọc,.. thế nhưng, người ta vẫn sinh tồn được ở đây bởi một thứ hy vọng mà có thể đã nhiễm vào không khí. Sài Gòn gieo cho người ta cái tương lai và bắt người ta phải hy sinh mới có thể đạt được tương lai ấy.

Sài Gòn giống như những cái ôm, cái thô ráp, cái mềm mại, cái ấm áp, cái cứng cỏi... Những cái ôm mang đến cho người ôm và được ôm hy vọng. Những cái ôm mở đầu cho ly biệt tương phùng, những cái ôm tiễn người ra đi, gặp người quay về. Những cái ôm niềm nở chào một nhân duyên mới. Nhưng hơn hết những cái ôm giang tay ra ôm trọn, chấp chứa tình người bao la, ấm áp... ♦

Pynl Ny

(December 8, 2015)

Ghi thêm: Đi Tới không nhớ không biết không kiểm tra từ đầu từ 5 năm trước có bài viết này! Xin lỗi.



Cái HUN Nam Bộ

◆ HÂN PHONG

Trong hàng ngàn năm lịch sử ca dao dân ca Bắc Bộ và Trung Bộ thì cái hun là từ đại kỵ, không được phép hiện diện trong lời ca câu hát huê tình. Cùng lắm thì chỉ nói rất nhẹ nhàng:

"Còn đêm nay nữa mai về
Ngàn vàng chẳng tiếc, tiếc kẻ môi son".
Ca dao dân ca Nam Bộ thì khác...

Nam:

"Trâm vàng giắt chặt tua rung
Em day mặt lại anh hun đỡ lòng."

Nữ:

"Xung quanh cô bác giáp vòng
Anh muốn hun về chốn loan phòng sẽ hun"
(Hát huê tình Bình Chánh).

Hay là:

"Dao vàng tra cán gỗ mun
Thương em bắt tử muốn hun bây giờ."

Chính yếu tố bình dị, nghĩ sao nói vậy, mộc mạc, dễ hiểu đã làm cho ca dao miền Nam có sức sống rất mạnh. Đây là một "chấp" trong hò đối đáp trong ruộng cây:

Chàng trai:

"Thấy em gò má hồng hồng
Phải chi em đừng mắc cỡ, anh bông anh hun."

Cô gái đang cấy dưới ruộng, mình mẩy đầy bùn sinh, hỏi lại các cô:

"Hai tay em cấy xuống bùn
Cả mình lấm hết, anh hun chỗ nào?"

Chàng trai trả lời tinh bơ:

"Cầu trời đổ trận mưa rào
Bùn sinh trôi hết, chỗ nào anh cũng hun!"

Cái lối vào đề huých toét, chót nhả thế này không thể tìm thấy trong ca dao Bắc Trung Bộ:

"Đôi mình mới gặp ngày nay
Cho hun một cái em Hai đừng phiền."

Chàng trai đặc ý, tưởng cô gái sẽ thẹn thùng hay buông một lời rủa sả cay nghiệt nào đó, không dè cô gái chẳng phải vừa, đắp chất liền:

"Muốn hun thì hun cho liền
Đừng làm thố lộ xóm giềng cười em."

Chàng trai thấy lỡ rồi đành tới luôn:

"Tui hun mình có la làng
Thì tui hun riết hai đảng chịu chung
Tui hun mình có làm hung
Nhơn cùng tắc biến, tui chun xuống sà
Dao phay kẻ cổ, máu đổ không màng
Chết thì chịu chết, buồng nòng không buông."

Tới nước này thì cô gái đành thở dài vì nhận ra "chân tướng" đối tượng:

"May không chút nữa em làm
Khoai lang khô xắt lát em tưởng cao ly sâm bên Tàu."
Cái chất hóm hỉnh, tinh nghịch thường chiếm tỷ lệ cao trong ca dao Nam Bộ, kiểu như:

"Thương em nên mới đi đêm
Té xuống bờ ruộng đất mềm hồng đau
May đất mềm nên mới hồng đau
Phải mà đất cứng ắt xa nhau phen này."

Hay:

"Trời xanh bông trắng nhụy huỳnh (hoàng, vàng)
Đội ơn bà ngoại để má, má để mình để thương.
Gá duyên chẳng dựng hội này

Tôi chèo ghe ra sông cái, nước lớn đầy... tôi chèo vô."
Nhớ hôm về Bạc Liêu, trong bữa nhậu có cô gái khi bị ép nhậu đã "ứng khẩu" rằng:

"Con giun xéo lắm cũng quằn
Bậu "chơi" tui quá, tui mần bậu luôn!"

Chắc hẳn đây là "ca dao tân thời" nhưng nó cũng toát lên cái chất rắn rỏi, đầy cá tính của người con gái miền Tây Nam bộ, như đã từng thể hiện qua câu ca:

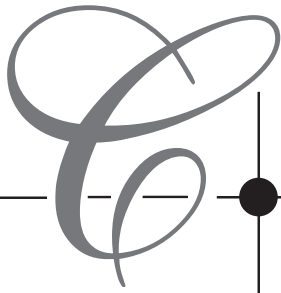
"Vĩ dầu tình có dở dang
Tự "ên" thiếp chống đờ ngang thiếp về."

("Ên" là tự mình, không cần nhờ vả, không thềm thờ than, đã dấn thân vì tình thì sẵn sàng chấp nhận khổ đau.) ◆

HÂN PHONG

(18/01/2012)

Nguồn: <http://bee.net.vn/channel/1982/201201/Cai-hun-Nam-bo-1822763/>



huyện cái giọng

S | Ā | I | G | Ō | N

□ HẢI PHAN

"Đi đâu, xa xa Sài Gòn, bỗng dưng nghe một tiếng "Dạ!" cùng những tiếng "hen, ghen" lại thấy đất Sài Gòn như đang hiện ra trước mắt với những nhớ thương."

□

Sinh ra và lớn lên ở Sài Gòn, trong đầu lúc nào cũng có một ý định là sẽ "thờ ơ" trên mảnh đất ồn ào này, ý định đó chắc sẽ giữ mãi cho đến lúc một ngày nào đó âm thầm không bút rút cần tay áo mà mỉm cười he he he xuống dưới ấy...



Gọi là yêu Sài Gòn thì có phần hơi quá! Không dám gọi thứ tình cảm dành cho Sài Gòn là tình yêu, nó chưa thể đạt đến mức ấy. Cái tình với Sài Gòn là cái tình của một thằng ăn ở với Sài Gòn hơn 20 năm, cái tình của một thằng mà với nó, Sài Gòn còn quá nhiều điều níu kéo, quá nhiều chuyện để mỗi khi bất chợt nghĩ về Sài Gòn, lại thấy nhớ nhớ, gần gũi... Hồi còn đi học, vẫn hay chọc mấy đứa bạn bằng 2 câu thơ nhại:

Đền Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ

Gái Sài Gòn cái mỏ cong cong

Chuyện con gái Sài Gòn "mỏ" có cong không thì hông biết, chỉ biết con gái Sài Gòn có cái đầu môi cong cong dễ làm chết người lắm, nhất là khi cánh môi be bé ấy cong lên một chữ "hôngggg..." khi đưa con trai rủ rê đi đâu, năn nỉ gì đó. Lúc đó, lấy gương ra soi, chắc cái mặt của đứa con trai đó tội lắm.

Mà con gái Sài Gòn có điệu đà, ông ẹo chút thì mới đúng thiết là con gái Sài Gòn. Ai mà chẳng biết vậy. Gọi đó là cái duyên ngầm của người con gái đất Gia Định cũng chẳng có gì sai. Ai hiểu được sẽ thấy sao mà yêu mà thương đến vậy...

Có dạo đọc trong một bài viết về Sài Gòn – Gia Định của nhà văn Sơn Nam, có thấy ông viết giọng Sài Gòn, cũng như văn hóa và con người Sài Gòn là một sự pha trộn và giao thoa đến hợp nhất của nhiều nơi. Đó là những người Chăm bản địa, những người khách Hoa, những người miền Trung đầu tiên đến đất Gia Định... Từ đó hình thành một loại ngôn ngữ vừa bản địa, vừa vay mượn của những người đi mở đất...

Giọng người Sài Gòn được xem là giọng chuẩn của miền Nam, cũng như giọng người Hà Nội được xem là giọng chuẩn của người miền Bắc. Giọng chuẩn tức là giọng không pha trộn, không bị cải biến đi qua thời gian. Như nói về giọng chuẩn của người Hà Nội, người ta nói đến chất giọng âm nhẹ, khi trầm khi bổng, khi sắc khi thanh, và chẳng ai phủ nhận người Hà Nội nói chuyện rất hay và "điều luyện". Cái "điều luyện" ấy như thuộc về bản chất của người Hà Nội mà chỉ người Hà Nội mới có được. Nếu nói là người Việt Nam nói như hát, thì đúng ra chỉ có người Hà Nội là "nói như hát" mà thôi, họa chăng chỉ có giọng Huế của người con gái Huế trầm tư mới cùng được ví von thế...

Người Sài Gòn thì khác, giọng Sài Gòn cũng khác. Không ngọt ngào... mía lủi như một số người dân Tây Nam Bộ ven vùng sông nước mênh mang chín rồng phù sa, không nặng nề cục mịch như người miền Đông Nam Bộ nóng cháy da thịt, giọng người Sài Gòn cũng ngọt, nhưng là cái ngọt thanh hơn, nhẹ hơn. Đó là chất giọng "thành thị" đầy kiêu hãnh của người Sài Gòn, chẳng lẫn vào đâu được mà dù người khác có bắt chước cũng khó lòng. Dường như qua nhiều năm cùng với đất Gia Định – Sài Gòn phù hoa trong nhịp sống, trong đổi mới và phát triển, thì giọng nói của người Sài Gòn cũng trở nên "cao sang" hơn. Dù vậy, có cái "thanh" của một vùng đất một thời là thủ phủ Nam Bộ, nhưng cũng chẳng mất đi đâu cái mộc mạc không bỏ được của cái gốc chung Nam Bộ.

Cái giọng Sài Gòn... Cứ thế, không sang trọng, điệu đà như giọng người dân đất Bắc, cũng chẳng trầm lắng, thanh thanh như tiếng Huế Thần Kinh, cái giọng Sài Gòn đi vào tai, vào lòng, vào cách cảm, và nổi nhớ nhung của người Sài Gòn lẫn dân miền khác bằng sự ngọt ngào của sông nước Nam Bộ, bằng cái chân chất thật thà của truyền thống xa xưa, và bằng cả cái “chất Sài Gòn” chảy mạnh trong từng mạch máu người dân Sài Gòn. Đi đâu, xa xa Sài Gòn, bỗng dưng nghe một tiếng “*dạ!*” cùng những tiếng “*hen, ghen*” lại thấy đất Sài Gòn như đang hiện ra trước mắt với những nhớ thương.

GIỌNG NGƯỜI SÀI GÒN NÓI LÊN NGHE LÀ BIẾT LIỀN

Ngồi nghe hai người Sài Gòn nói chuyện cùng nhau ở một quán nước, bên đường hay qua điện thoại, dễ dàng nhận ra họ. Cái giọng không cao như người Hà Nội, không nặng như người Trung, mà cứ ngang ngang sang sang riêng... Mà điều đặc biệt trong cách người Sài Gòn nói chuyện cùng nhau là mấy từ “*nghe, hen, hén*” ở cuối câu...

Người miền khác có khoái, có yêu người Sài Gòn thì cũng vì cách dùng từ “*nghe, hen*” này. Khách đến nhà chơi, chủ nhà tiếp. Khách về, cười rồi buông một câu “*Thôi, tôi đi nghe!*” - Chủ nhà cũng cười “*Ừ, dzậy anh đi nghe!*”. Nói chuyện điện thoại đã đời, để kết câu chuyện và cúp máy, một người nói “*Hổng còn gì nữa, dzậy thôi hen!*” “*thôi*” ở đây nghĩa là dừng lại, kết thúc, chấm dứt gì đó. Hai đứa bạn nói chuyện cùng nhau, bắt gặp cái gì vui, quay đầu sang đùa kể bên “*Hay hén mậy?*” bằng giọng điệu thoải mái...

Giọng người Sài Gòn đôi khi diễn đạt cùng một câu nói, nhưng lại bằng nhiều cung bậc giọng điệu khác nhau lại mang ý nghĩa khác nhau. Đám nhỏ quây, nghịch phá, người chị mắng, giọng hơi gần lại và từng tiếng một, có chút hóm hỉnh trong đó “*Dzui dzữ hen!*”. Đám bạn cùng tuổi, ngồi chơi chung, cười đùa, một người nói giọng cao cao vui vẻ “*Dzui dzữ hen!*”...

Người Sài Gòn có thói quen hay “*đãi*” giọng ở chữ cuối làm câu nói mang một sắc thái khác khi hồn giân, khi đùa vui như “*Hay dzữuuu*”, “*Giỏi dzữuuu...*”!

Nghe người Sài Gòn nói chuyện, trong cách nói, bắt gặp “*Thôi à nghe*” “*Thôi à!*” khá nhiều, như một thói quen và cái “*duyên*” trong giọng Sài Gòn.

Người Sài Gòn nói chuyện, không phát âm được một số chữ, và hay làm người nghe lẫn lộn giữa âm “*d, v, gi*” cũng như người Hà Nội phát âm lẫn các từ có phụ âm đầu “*r*” vậy. Nói thì đúng là sai, nhưng viết và hiểu thì chẳng sai đâu, đó là giọng Sài Gòn mà, nghe là biết liền. Mà cũng chẳng biết có phải là do thật sự người Sài Gòn không phát âm được những chữ ấy không nữa, hay là do cách nói lẫn từ “*d, v, gi*” ấy là do quen miệng, thuận miệng và hợp với chất giọng Sài Gòn. Ví như nói “*Đi chơi dzui dzẻ hen mậy!*” thì người Sài Gòn nói nó... thuận miệng và tự nhiên hơn nhiều so với nói “*Đi chơi vui về hen!*”. Nói là “*vui về*” vẫn được đấy chứ nhưng cảm giác nó ngưỡng ngưỡng miệng làm sao đó. Nghe một người Sài Gòn phát âm những chữ có phụ âm “*v*” như “*về, vui, vườn, vông*” nó cảm giác sao sao á, không đúng là giọng Sài Gòn chút nào...

Nhìn lại một quãng thời gian hơn 300 năm hình thành và phát triển của Sài Gòn từ Phiên Trấn, Gia Định Trấn, Gia Định Thành, Phiên An, Gia Định Tỉnh... cho đến Sài Gòn, Saigon, dân Sài Gòn đã là một tập hợp nhiều dân tộc sinh sống như Việt, Hoa, Kh’mer... Các sử sách xưa chép lại, khi người Việt bắt đầu đến Đồng Nai-Gia Định thì người Kh’mer đã sinh sống ở đây khá đông, rồi tiếp đó là người Hoa, và một số người tộc láng giềng như Malaysia, Indonesia (Java) cũng có mặt. Sự hợp tụ này dẫn đến nhiều sự giao thoa về mặt văn hóa, làm ăn, cũng như những mặt khác của đời sống, trong đó dĩ nhiên phải nói đến ngôn ngữ.

Tiếng nói của người Sài Gòn không chỉ thuần là tiếng Việt, mà còn là sự học hỏi, vay mượn nhiều từ ngữ của dân tộc bạn, đâm ra mang nhiều “*hình ảnh*” và “*màu sắc*” hơn. Những từ như “*lì xì, thèo lèo, xì mụi, cũ xì...*” là mượn của người Hoa, những từ như “*xà quăng, mình ên...*” là của người Kh’mer.

Nói riết đâm quen, dần dần những từ ngữ đó, những tiếng nói đó được người dân Sài Gòn sử dụng một cách tự nhiên như của mình, điều đó chẳng có gì lạ... Thêm vào đó, nó được sửa đổi nhiều cho phù hợp với giọng Sài Gòn, thành ra có những nét đặc trưng riêng.

Vậy nói cho cùng thì người Sài Gòn cũng có những tiếng gọi là “tiếng địa phương” (local dialect!). Những tiếng này thể hiện rõ nhất khi người Sài Gòn nói chuyện cùng người miền khác. Nghe một người Sài Gòn nói chuyện cùng một người khác vùng, dễ dàng nhận ra những khác biệt trong lời ăn tiếng nói giữa hai người, hai miền. Có một số từ người Sài Gòn nói, người miền khác nghe rồi... cười vì chưa đoán ra được ý. Cũng như khi nghe người Huế dùng một số từ lạ lạ như “o, mô, ni, chừ, rãng...” trong khi nói chuyện vậy thôi. Khác là mấy tiếng người Sài Gòn nói, vẫn có chút gì đó nó vui vui tai, là lạ, ngộ ngộ và bình dân làm sao. Người Sài Gòn nói riêng và miền Nam nói chung, có thói quen dùng từ “*dạ*” khi nói chuyện, khác với người miền Bắc lại dùng từ “*vâng*”. Để ý sẽ thấy ít có người Sài Gòn nào nói từ “*vâng*”. Khi có ai gọi, một người Sài Gòn nói “*vâng!*” là trong dáng đáp của câu nói đó có giọng đùa, cười cợt. Khi nói chuyện với người lớn hơn mình, người dưới thường đệm từ “*dạ*” vào mỗi câu nói. “*Mày ăn cơm chưa con? - Dạ, chưa!*”; “*Mới dĩa / dzê hả nhóc? - Dạ, con mới!*”... **Cái tiếng “*dạ*” đó, không biết sao trong cảm giác nghe của một người Sài Gòn với một người Sài Gòn thấy nó “*thương*” lạ... dễ chịu mà gần gũi, nhẹ nhàng mà tình cảm lắm lắm.**

Cảm giác nó thật riêng so với những nơi khác. Nghe một tiếng “*dạ*” là biết ngay tên này là dân miền Nam cái đã rồi hẳn hay... Một người miền khác, có thể là Bắc hoặc Trung, diễn tả một khoảng thời gian ngắn vài ngày thì nói “*Từ bữa đó đến bữa nay*”, còn người Sài Gòn thì nói “*Hôm nay*”, “*dạo này*”... người khác nghe sẽ không hiểu, vì nói chỉ mà ngắn gọn ghê. (Lại phát hiện thêm một điều là người Sài Gòn hay dùng từ “*ghê*” phía sau câu nói để diễn tả một sắc thái tình cảm riêng. Tiếng “*ghê*” đó chẳng hàm ý gì nhiều, nó mang ý nghĩa là “*nhiều*”, là “*lắm*”. Nói “*Nhỏ đó xinh ghê!*” nghĩa là khen cô bé đó xinh lắm vậy.)

Lại so sánh từ “*hôm nay*” với “*hôm rày*” hay nghe ở các vùng quê Nam Bộ, cũng một ý nghĩa như nhau, nhưng lại không hoàn toàn giống nhau. Nghe người Sài Gòn dùng một số từ “*hôm rày, miết...*” là người Sài Gòn bắt chước người miền sông nước vậy. Nhưng nghe vẫn không trái tai, không cảm thấy gượng, vì trong người Sài Gòn vẫn còn cái chất Nam Bộ chung mà.



Nghe một đứa con trai Sài Gòn nói về đứa bạn gái nào đó của mình xem... “*Nhỏ đó xinh lắm!*”, “*Nhỏ đó ngoan!*”... Tiếng “*nhỏ*” mang ý nghĩa như tiếng “*cái*” của người Hà Nội. Người Sài Gòn gọi “*nhỏ Thuý, nhỏ Lý, nhỏ Uyên*” thì cũng như “*cái Thuý, cái Uyên, cái Lý*” của người Hà Nội thôi.

Nói một ai đó chậm chạp, người Sài Gòn kêu “*Thằng đó làm gì mà cứ cà rề cà rề... nhìn phát bực!*” Nghe cứ như là đùa, chẳng làm câu nói nặng nề lắm. Một người lớn hơn gọi “*Ê, nhóc lại nói nghe!*” hay gọi người bán hàng rong “*Ê, cho chén chè nhiều nhiều tiền ít coi!*”... “*Ê*” là tiếng Sài Gòn đó, coi gọi trông không vậy mà chẳng có ý gì đâu, có thể nói đó là thói quen trong cách nói của người Sài Gòn. Mà người Sài Gòn cũng lạ, mua hàng gì đó, thường “*quên*” mất từ “*bán*”, chỉ nói là “*cho chén chè, cho tô phở*”... “*cho*” ở đây là mua đó nhen. Nghe người Sài Gòn nói chuyện với nhau, thường bắt gặp thể này “*Lấy cái tay ra coi!*” “*Ngon làm thử coi!*” “*Cho miếng coi!*” “*Nói nghe coi!*”... “*Làm thử*” thì còn “*coi*” được, chứ “*nói*” thì làm sao mà “*coi*” cho được nè? Vậy mà người Sài Gòn lại nói, từ “*coi*” cũng chỉ như là một từ đệm, dân Sài Gòn nói dzậy mà. Ngồi mà nghe người Sài Gòn nói chuyện cùng nhau thì quái lắm, lạ lắm, không ít người sẽ hỏi “*mấy từ đó nghĩa là gì dzậy ta?*” – Mà “*dzậy ta*” cũng là một thứ “tiếng địa phương” của người Sài Gòn à. Người Sài Gòn có thói quen hay nói “*Sao kỳ dzậy ta?*” “*Sao rồi ta?*” “*Được hông ta?*”... Nghe như là hỏi chính mình vậy đó, mà... hông phải dzậy đâu nhen, kiểu như là nửa hỏi người, nửa đùa đùa vậy mà. Tiếng Sài Gòn là thế đó, nếu bạn giả giọng Sài Gòn nói chuyện, dù có giống cách mấy mà bỏ quên mấy tiếng đệm, mấy tiếng Sài Gòn riêng riêng này thì đúng là... “*bạn hông biết gì hết chơn hết chọi!*”

Mà giọng Sài Gòn đã thế, cách người Sài Gòn xưng hô, gọi nhau cũng có phần mang “màu sắc” riêng. Người Sài Gòn có cái kiểu gọi “*Mày*” xưng “*Tao*” rất “*ngọt*”. Một vài lần gặp nhau, nói chuyện ý hợp tâm đầu một cái là người Saigon mày tao liền. Nếu đúng là dân Sài Gòn, hiểu người Sài Gòn, yêu người Sài Gòn sẽ thấy cách xưng hô ấy chẳng những không có gì là thô mà còn rất ư là thân thiện và gần gũi.

Mày-tao là kiểu xưng hô hay thấy trong mối quan hệ bạn bè của người Sài Gòn. Cách xưng-hô này thấy dân trải từ đủ các mối quan hệ bạn bè; từ bạn học giữa mấy đứa nhóc chút xíu, cho đến mấy bác mấy anh lớn lớn tuổi. Hông biết cái máu dân Sài Gòn nó chảy mạnh quá hay sao mà thấy mấy cách gọi này nó... tự nhiên và dễ nói hơn là mấy từ như “*cậu cậu - tớ tớ*” của miền Bắc.

Tiếng Sài Gòn là thế đó, nếu bạn giả giọng Sài Gòn nói chuyện, dù có giống cách mấy mà bỏ quên mấy tiếng đệm, mấy tiếng Sài Gòn riêng riêng này thì đúng là *‘bạn hông biết gì hết chơn hết chọi!’* (...) Mà người Sài Gòn cũng lạ, mua hàng gì đó, thường *‘quên’* mất từ *‘bán’*, chỉ nói là *‘cho chén chè, cho tô phở’*, ‘cho’ ở đây là mua đó nghen.

Nói chuyện bạn bè với nhau, thân thiết mà gọi mấy tiếng mày mày tao tao thì nghe thật sượng, thật thoải mái tự nhiên, và khoai khoái làm sao ấy. Gọi thế thì mới thiệt là dân Sài Gòn.

Đây là ngang hàng, ngang vai vế mà gọi nhau, chứ còn như đám nhỏ nhỏ mà gặp người lớn tuổi hơn, đáng bậc cha, chú thì khác. Khi ấy *“tụi nhỏ”* sẽ gọi là chú, thím, cô, dì, hay bác và xưng *“con”* ngọt xớt. Có vẻ như người Sài Gòn *“tra”* tiếng chú, thím, dì, cô hơn; cũng như đa phần dân miền Nam khác vậy mà. Mà có lẽ cách gọi này cũng còn tùy vào việc ước lượng tuổi của người đối diện. Gặp một người phụ nữ mà mình nhắm chừng tuổi nhỏ hơn mẹ mình ở nhà thì *“Dì ơi dì... cho con hỏi chút...!”* - còn lớn hơn thì dĩ nhiên là *“Bác ơi bác...”* rồi. Những tiếng mẹ, thím, cậu,... cũng tùy vào vai vế và người đối diện mà gọi. Có người chẳng bà con thân thuộc gì, nhưng là bạn của ba mình, lại nhỏ tuổi hơn, thế là gọi là chú và vợ của chú đó cứ thế gọi luôn là thím.

Gọi thì gọi thế, còn xưng thì xưng *“con”* chứ không phải *“cháu cháu”* như một số vùng khác. Cái tiếng *“con”* cất lên nó tạo cho người nghe cảm giác khoảng cách giữa mình với đứa nhỏ đang nói kia tự dưng... gần xít lại. Nghe sao mà quen thuộc, và gần gũi đến lạ lùng. Tự dưng là thấy có cảm tình liền.

Nói tiếp chuyện xưng-hô, người Sài Gòn có kiểu gọi thế này:

Ông đó	=	ổng
Bà đó	=	bả
Anh đó	=	ảnh
Chị đó	=	chỉ

Không hiểu sao mà dẫu hỏi tự nhiên cái trở nên giữ vai trò quan trọng... ngộ nghĩnh dzậy nữa. Nhưng mà kêu lên nghe hay hay đúng hông? Gọi vậy mới đúng là chất Nam Bộ - Sài Gòn á nghen.

Người Sài Gòn cũng có thói quen gọi các người trong họ theo... số. Như anh Hai, chị Ba, thím Tư, cô Chín, dượng Bảy, mẹ Năm... Mà nếu anh chị em họ hàng đông đông, sợ gọi cùng là chị Hai, anh Ba mà hông biết nói về ai thì dzậy nè, thêm tên người đó vào.

Thành ra có cách gọi: chị Hai Lý, chị Hai Uyên, anh Ba Long, anh Ba Hùng...

Thêm nữa, nếu mà anh chị em cùng nhà thì tiếng *“anh-chị-em”* đôi khi được... giản lược mất luôn, trở thành *“Hai ơi Hai, em nói nghe nè...”* và *“Gì dzạ Út?”*... Tôi thích cách gọi này, đâm ra ở nhà gọi Dì Út tôi chỉ là một tiếng Út gọn lỏn. Có chuyện nhờ là cứ *“Út ơi... con nhờ chút!”* hoặc với mấy chị tôi thì *“Hai ơi Hai... em nói nghe nè!”*. Cách gọi này của người Sài Gòn nhiều khi làm người miền khác nghe hơi... rối. Có lần, kể cho người bạn ở Hà Nội nghe về mấy người anh chị trong gia đình. Ngồi kể lể *“anh Hai, chị Hai, dì Hai, Út, cậu Hai, mẹ Hai, chú Ba...”* một hồi cái bị kêu là hông hiểu, xưng hô gì rồi rắm quá chừng, làm phải ngồi giải thích lại suốt một hồi... lâu. Cách xưng hô của người Sài Gòn là vậy. Nghe là thấy đặc trưng của cả một mảnh đất miền Nam sông nước.

Cứ thế, không sang trọng, điệu đà như giọng người dân đất Bắc, cũng chẳng trầm lắng, thanh thanh như tiếng Huế Thần Kinh, cái giọng Sài Gòn đi vào tai, vào lòng, vào cách cảm, và nổi nhớ nhung của người Sài Gòn lẫn dân miền khác bằng sự ngọt ngào của sông nước Nam Bộ, bằng cái chân chất thật thà của truyền thống xa xưa, và bằng cả cái *“chất Sài Gòn”* chảy mạnh trong từng mạch máu người dân Sài Gòn.

Đi đâu, xa xa Sài Gòn, bỗng dưng nghe một tiếng “Dạ!” cùng những tiếng “hen, nghen” lại thấy đất Sài Gòn như đang hiện ra trước mắt với những nhớ thương... ♦

HẢI PHAN

Nguồn:

<http://www.taberd75.com/linh%20tinh/Saigon.htm>

Đi Tới ghi thêm:

* Bài viết này tìm thấy đăng tải trên rất nhiều báo, trang nhà, trong & ngoài nước. Đi Tới cảm ơn tác giả Hải Phan và cáo lỗi không thể ghi đầy đủ tất cả địa chỉ đã đăng bài.

* Chữ đậm trong bài do Đi Tới ghi.



Ngôn ngữ người Sài Gòn nghe đã thiết

□ HOÀNG THẠCH

Tôi chuyển vào TP Hồ Chí Minh cũng đã hai mươi mấy năm. Chừng ấy thời gian chưa dài lắm nhưng với đời người thì không thể nói là ngắn được. Tính tôi đi đến đâu cũng vậy, cứ thích tò mò góc ngách cuộc sống dân tình ở đó, dù là trong nước hay đi học hành ở nước ngoài. Đúng là có chuyện ‘văn hóa vùng miền’ rất thú vị.

□
Sài Gòn - TP Hồ Chí Minh mới hơn 300 năm so với Hà Nội hơn 1.000 năm văn hiến thì rõ ràng ngắn hơn nhưng lại có những nét văn hóa thật dễ thương. Qua những cuộc di cư từ Bắc vào Nam suốt mấy trăm năm nay đến vùng “Đất lành chim đậu”, có những điều không bị mai một đi mà con người còn làm đẹp hơn lên. Rồi “Đất phương Nam” an bình, phì nhiêu lại có thêm người Trung Hoa, người Ấn Độ đến sinh sống, tạo nên một miền đất nước đa sắc tộc sống chan hòa bên nhau.

Tết vừa rồi tôi có dịp trở lại Hà Nội, bạn bè anh em lâu ngày gặp nhau, câu đầu tiên “tay bắt, mặt mừng” là: “Hi, xin chào anh Hai Sài Gòn”, rồi những người đến sau cũng lại chào tôi là “anh Hai Sài Gòn mới ra hả”. Có chuyện gì muốn kết luận lại “anh Hai Sài Gòn cho ý kiến”... và tất nhiên cuối buổi nhận nhiệm vụ của anh Hai Sài Gòn là... thanh toán. Phải chi tiền mà cũng thấy sướng cái bụng, bởi thấy cái tên “anh Hai Sài Gòn” mà bạn bè gọi tôi, tôi cũng thấy hay hay và có chút tự hào nữa.

Có người hỏi:

- Tại sao có “anh Hai Sài Gòn” mà không có “anh Hai Hà Nội” nhỉ?

Tôi sức nhớ lại một thời đã có nhiều người đưa ra những giả thiết về cái tên gọi “anh Hai, chị Hai”, trong đó tôi nhớ có một giả thiết khá hợp lý và mang tính nhân văn cao. Tôi kể họ nghe:

- Ngày xưa phương Nam của đất nước mình đất rộng người thưa, cò bay thẳng cánh, nên dân tứ xứ kéo vào sinh sống, làm ăn, mà các cụ xưa người Bắc thì rất “tôn ti trật tự”, có nghĩa là trong nhà, ai có đi đâu thì đi nhưng chỉ những đứa con thứ! Người con cả (anh Cả) phải ở lại chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ già, trông coi đất đai, thờ phụng tổ tiên...

Những người con thứ vào Nam, họ làm ăn phát đạt, sinh con đẻ cái, cháu con đề huề nhưng họ luôn nhớ về tổ tiên, cha mẹ và nhớ tới người anh cả của dòng họ ở lại ngoài Bắc nên khi sinh ra những đứa con đầu lòng, họ không gọi là “anh Cả” mà gọi là “anh Hai” để tránh “phạm húy”.

Rồi từ “anh Hai, chị Hai” gọi riết từ đời này sang đời khác thì người ta hiểu đó chính là “anh Cả, chị Cả” trong nhà. Thật là nhân văn, đúng hông?

Cả đám bạn bè vỗ tay tâm đắc:

- “Các cụ nhà mình trong đó quá hay”.

Tôi được thể nói luôn:

- “Ồ trông người ta vậy cả mà”.

Có anh bạn trẻ cuối bàn hình như lần đầu nghe câu chuyện “anh Hai, chị Hai” thấy thú vị quá, cầm ly bia to tướng đi lại bắt tay và kêu: “Trăm phần trăm đi anh Hai Sài Gòn”, tôi “chơi luôn”, nhưng rồi cậu lại hứng lên: “Xin mời anh Hai Sài Gòn cốc nữa”, tôi buột miệng:

- “Bình tĩnh đã cưng”.

Một tiếng xuýt xoa phía góc bàn:

- “Lại một từ cưng, nghe hay nhất trong ngày rồi anh Hai Sài Gòn ơi, dzô đi”.

Vô Nam sinh sống lâu năm rồi những từ “dễ thương” ấy cứ nhập vào gia đình tôi từ lúc nào không hay, các con tôi nhiều khi gọi nhau bằng “cung ơi, cung à”, mẹ nó cũng gọi các con “cung à, cung ơi”. Rồi một tiếng “Dạ” nhẹ nhẹ trong tiếng sứt sùi. Nói như vậy thì làm sao thằng em không nghe cho được, tôi nghe mà cũng thấy mát lạnh trong lòng. (...) Ngày xưa lúc còn sống ở Hà Nội tôi cũng đã được nghe từ “cung” này, nhưng trong những hoàn cảnh hình như khác, như “Bà ấy cung con chó quá” hoặc “Cậu ấm ấy là con cung của nhà đại gia”... chứ không phải người ta dùng từ “Cung” để gọi nhau như ở Sài Gòn. Tiếng “cung” ở đây nghe nó tự nhiên, đầm ấm lắm và dễ thương làm sao.

Vô Nam sinh sống lâu năm rồi những từ “dễ thương” ấy cứ nhập vào gia đình tôi từ lúc nào không hay, các con tôi nhiều khi gọi nhau bằng “cung ơi, cung à”, mẹ nó cũng gọi các con “cung à, cung ơi”. Tôi còn nhớ có lần cậu con trai nhỏ của tôi có chuyện nghịch ngợm gì đó, bị mẹ rầy la, chị gái nó lại vỗ vỗ nhẹ vai em: “Chị Hai bảo cung của chị nè, lần sau đừng vậy nữa nghe cung, cung hồng sợ ba mẹ buồn sao?”. Rồi một tiếng “Dạ” nhẹ nhẹ trong tiếng sứt sùi. Nói như vậy thì làm sao thằng em không nghe cho được, tôi nghe mà cũng thấy mát lạnh trong lòng.



Người Sài Gòn quanh năm “quốn”! ()*

Ngày xưa lúc còn sống ở Hà Nội tôi cũng đã được nghe từ “cung” này, nhưng trong những hoàn cảnh hình như khác, như “Bà ấy cung con chó quá” hoặc “Cậu ấm ấy là con cung của nhà đại gia”... chứ không phải người ta dùng từ

“Cung” để gọi nhau như ở Sài Gòn. Tiếng “cung” ở đây nghe nó tự nhiên, đầm ấm lắm và dễ thương làm sao.

Tất nhiên, đã là xã hội thì sẽ có người này người nọ, lúc này lúc nọ nhưng những câu xã giao thân tình với cái giọng của người Sài Gòn dễ thương thật. Vào các cửa hàng thấy cách giao tiếp trong mua bán giữa khách và cô bán hàng:

- “Hàng này đồ thiệt hôn cung?”,

- “Thiệt mà, thưa cô”...

Người nghe cũng thấy nhẹ lòng. Đi ngoài đường, nếu vô tình ta quên gạt chân chống xe máy, ta sẽ được một cô, cậu thanh niên nhắc rất nhẹ, đủ nghe: “Cô /chú ơi, gạt chân chống” và một lời đáp lại: “Cảm ơn nha”. Nghe mà thấy vui.

Cuộc sống muôn vẻ, cuộc sống còn nhiều bộn bề, lo toan nhưng cuộc sống cũng rất cần cái hương vị dịu dàng tưởng chừng như thường tình, vô vị nhưng không phải vậy, bởi vì từ những đứa trẻ mới lọt lòng cũng đã thích nghe những lời ru nhẹ nhàng êm ái của bà, của mẹ để đi vào giấc ngủ, cho đến khi tuổi cao sức yếu, gần đất xa trời con người vẫn mong nhận được những lời nói dịu ngọt của con cái, người thân và bạn bè.

Ngôn ngữ của người Sài Gòn nghe đã thiệt. ♦

HOÀNG THẠCH (05/04/2014)

Nguồn:

<http://gocnhosantruong.com/van-hoc-nghe-thuat/truyen/1096-ngon-ngu-nguoi-sai-gon-nghe-da-thiet>

(*) Ảnh trên Internet, Đi Tới chú thích & trình bày.

Mãi tới ngày 30 tháng 4 năm 1975 tôi mới biết

thế nào là ngày sinh nhật. Quê tôi người ta chỉ quan tâm tới ngày chết, ngày sinh nhật là cái gì rất phù phiếm. Ngày sinh của tôi ngủ yên trong học bạ, chỉ được nhắc đến mỗi kì chuyển cấp. Từ thuở bé con đến năm 19 tuổi chẳng có ai nhắc tôi ngày sinh nhật, tôi cũng chẳng quan tâm. Đúng ngày “non sông thu về một mối” tôi đang học Bách Khoa Hà Nội, cô giáo dạy toán xác suất đã cho hay đó cũng là ngày sinh nhật của tôi. Thật không ngờ.

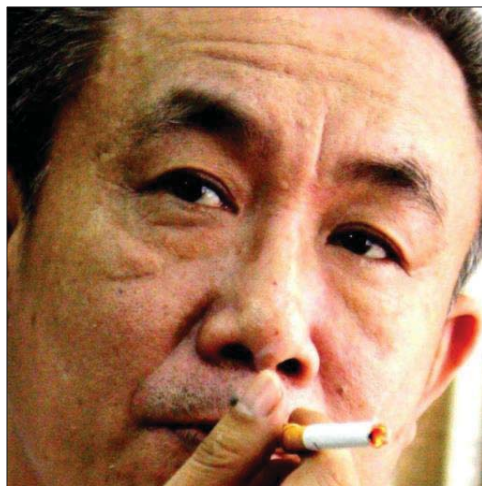
Tôi vui mừng đến độ muốn bay vào Sài Gòn ngay lập tức, để cùng Sài Gòn tận hưởng “Ngày trọng đại”.

Kẹt nổi tôi đang học, ba tôi không cho đi. Sau ngày 30 tháng 4 cả nhà tôi đều vào Sài Gòn, trừ tôi. Ông bác của tôi dính tê vào Sài Gòn năm 1953, làm ba tôi luôn ghi vào lý lịch của ông và các con ông hai chữ “đã chết”, giờ đây là triệu phú số một Sài Gòn. Ba tôi quá mừng vì ông bác tôi còn sống, mừng hơn nữa là “triệu phú số một Sài Gòn”. Ông bác tôi cũng mừng ba tôi hãy còn sống, mừng hơn nữa là “gia đình bảy đảng viên cộng sản”. Cuộc đoàn tụ vàng ròng và nước mắt. Ông bác tôi nhận nước mắt đoàn viên bảy đảng viên cộng sản, ba tôi nhận hơn hai chục cây vàng đem ra Bắc trả hết nợ nần còn xây được ngôi nhà ngói ba gian hai chái. Sự đổi đời kì diệu.

Dù chưa được vào Sài Gòn nhưng tôi đã thấy Sài Gòn qua ba vật phẩm lạ lùng, đó là bút bi, mì tôm và cassette của thằng Minh cùng lớp, ba nó là nhà thơ Viễn Phương ở Sài Gòn gửi ra cho nó. Chúng tôi xúm lại quanh thằng Minh xem nó thao tác viết bút bi, hỏi đó gọi là bút nguyên tử. Nó bấm đít bút cái tách, đầu bút nhô ra, và nó viết. Nét mực đều tăm tắp, không cần chấm mực không cần bơm mực, cứ thế là viết. Chúng tôi ai nấy há hốc mồm không thể tin nổi Sài Gòn lại có thể sản xuất được cái bút tài tình thế kia.

Tối hôm đó thằng Minh bóc gói mì tôm bỏ vào bát. Tưởng đó là lương khô chúng tôi không chú ý lắm. Khi thằng Minh đổ nước sôi vào bát, một mùi thơm rất lạ bốc lên, hết thấy chúng tôi đều nuốt nước bọt, đứa nào đứa nấy bỗng dỗi cằn cào. Thằng Minh tức tắc ăn, chúng tôi vừa nuốt nước bọt vừa cãi nhau.

SÀI GÒN GIẢI PHÓNG TÔI



— • Nguyễn Quang Lập • —

ninh đó là công cụ hoạt động tình báo. Suốt mấy ngày liền, dân làng tôi say sưa nói vào máy ghi âm rồi bật máy nghe tiếng của mình. Tôi cũng được nói vào máy ghi âm và thật vọng vô cùng không ngờ tiếng của tôi lại tẻ đến thế. Một ngày tôi thấy tài sản lớn ấy trong tay một sinh viên, không còn tin vào mắt mình nữa. Thằng Minh nói, rề không à. Thứ này chỉ ghi âm, không có radio, giá hơn chục đồng thôi, bán đầy chợ Bến Thành. Không ai tin thằng Minh cả. Tôi bịu môi nói với nó, cút! Rứa Sài Gòn là tây à? Thằng Minh tùm tùm cười không nói gì, nó mở cassette, lần đầu tiên chúng tôi được nghe nhạc Sài Gòn, tất cả chết lặng trước giọng ca của Khánh Ly trong *Son ca 7*. Kết thúc *Son ca 7* thằng Hoan bỗng thở hắt một tiếng thật to và kêu lên, đúng là tây thật bay ơi!

Sài Gòn là tây, điều đó hấp dẫn tôi đến nỗi đêm nào tôi cũng mơ tới Sài Gòn. Kì nghỉ hè năm sau, tháng 8 năm 1976, tôi mới được vào Sài Gòn. Ba tôi vẫn bắt tôi không được đi đâu, “ở nhà học hành cho tử tế”, nhưng tôi đủ lớn để bác bỏ sự ngăn cấm của ông. Hơn nữa cô họ tôi rất yêu tôi, đã cho người ra Hà Nội đón tôi vào. Xe chạy ba ngày ba đêm tôi được gặp Sài Gòn.

Tôi sẽ không kể những gì lần đầu tôi thấy trong biệt thự của ông bác tôi, từ máy điều hòa, tủ lạnh, ti vi tới xe máy, ô tô, cầu thang máy và bà giúp việc tuổi năm mươi một mực lễ phép gọi tôi bằng cậu. Ngay mấy cục đá lạnh cần lúc nào có ngay lúc đó cũng đã làm tôi thần phục lắm rồi. Thần phục chứ không ngạc nhiên, vì đó là nhà của ông triệu phú. Xin kể những gì buổi sáng đầu tiên tôi thực sự gặp gỡ Sài Gòn.

Không đứa nào tin Sài Gòn lại có thể sản xuất được đồ ăn cao cấp thế kia. Có đứa còn bảo đồ ăn đồ nước sôi vào là ăn được ngay, thơm ngon thế kia, chỉ dành cho các du hành vũ trụ, người thường không bao giờ có.

Thằng Minh khoe cái cassette ba nó gửi cho nó để nó học ngoại ngữ. Tới đây thì tôi bị sốc, không ngờ nhà nó giàu thế. Với tôi cassette là tài sản lớn, chỉ những người giàu mới có. Năm 1973 quê tôi lần đầu xuất hiện một cái cassette của một người du học Đông Đức trở về. Cả làng chạy đến xem máy ghi âm mà ai cũng định

Kì nghỉ hè năm sau, tháng 8 năm 1976, tôi mới được vào Sài Gòn. (...) Tôi không cắt nghĩa được đó là gì trong buổi sáng hôm ấy. Tôi còn ở lại Sài Gòn thêm 30 buổi sáng nữa, vẫn không cắt nghĩa được đó là gì. Nhưng khi quay ra Hà Nội tôi bỗng sống khác đi, nghĩ khác đi, đọc khác đi, nói khác đi. Bạn bè tôi ngày đó gọi tôi là thằng hâm, thằng lập dị. Tôi thì rất vui vì biết mình đã được giải phóng.

Khấp khởi và hồi hộp, rụt rè và cảnh giác tôi bước xuống lòng đường thành phố Sài Gòn và gặp ngay tiếng dạ ngọt như mía lùi của bà bán hàng tạp hóa đáng tuổi mẹ tôi. Không nghĩ tiếng dạ ấy dành cho mình, tôi ngoảnh lại sau xem bà chủ dạ ai. Không có ai. Thì ra bà chủ dạ khách hàng, điều mà tôi chưa từng thấy. Quay lại thấy nụ cười bà chủ, nụ cười khá giả tạo. Cả tiếng dạ cũng giả tạo nhưng với tôi là trên cả tuyệt vời. Từ bé cho đến giờ tôi toàn thấy những bộ mặt lạnh lùng khinh khỉnh của các mật dịch viên, luôn coi khách hàng như những kẻ làm phiền họ. Lâu ngày rồi chính khách hàng cũng tự thấy mình có lỗi và chịu ơn các mật dịch viên. Nghe một tiếng dạ, thấy một nụ cười của các mật dịch viên dù là giả tạo cũng là điều không tưởng, thậm chí là phi lí.

Tôi mua ba chục cái bút bi về làm quà cho bạn bè. Bà chủ lấy dây chun bó bút bi và cho vào túi nilon, chăm chút cẩn thận cứ như bà đang gói hàng cho bà chứ không phải cho tôi. Không một mật dịch viên nào, cả những bà hàng xén quê tôi, phục vụ khách hàng được như thế, cái túi nilon gói hàng càng không thể có. Ai đòi hỏi khách hàng dây chun buộc hàng và túi nilon đựng hàng sẽ bắt gặp cái nhìn khinh bỉ, vì đó là đòi hỏi của một kẻ không hâm hấp cũng ngu dốt. Giờ đây bà chủ tạp hóa Sài Gòn làm điều đó hồn hậu như một niềm vui của chính bà, khiến tôi sửng sốt.

Cách đó chưa đầy một tuần, ở Hà Nội tôi đi sắp hàng mua thịt cho anh cả. Cô mật dịch viên hắt hàm hỏi tôi, hết thịt, có đổi thịt sang sườn không? Dù thấy cả một rổ thịt tươi dưới chân cô mật dịch viên tôi vẫn đáp, dạ có! Tranh cãi với các mật dịch viên là điều đại dốt nhất trần đời. Cô mật dịch viên ném miếng sườn heo cho tôi. Cô ném mạnh quá, miếng sườn văng vào tôi. Tất nhiên tôi không hề tức giận, tôi cảm ơn cô đã bán sườn cho tôi và vui mừng đã chụp được miếng sườn, không để nó rơi xuống đất. Kể vậy để biết vì sao bà chủ tạp hóa Sài Gòn đã làm tôi sửng sốt.

Rời quầy tạp hóa tôi tìm tới một quán cà phê vườn. Uống cà phê để biết, cũng là để ra dáng ta đây dân Sài Gòn. Ở Hà Nội tôi chỉ quen chè chén, không dám uống cà phê vì nó rất đắt.

Tôi ngồi vắt chân chữ ngũ nhâm nhi cốc cà phê đen đá pha sẵn, hút điều thuốc Capstan (*cho anh phát súng tìm anh nát / nhưng anh tin số phận anh còn*), tự thấy mình lên hẳn mấy chân kính. Không may tôi vô ý quờ tay làm đổ vỡ ly cà phê. Biết mình sắp bị ăn chửi và phải đền tiền ly cà phê mặt cậu bé hai mươi tuổi đồ lụng. Cô bé phục vụ chạy tới vội vã lau chùi, nhặt nhanh mảnh vỡ thủy tinh với một thái độ như chính cô là người có lỗi. Cô thay cho tôi một ly cà phê mới nhẹ nhàng như một lẽ đương nhiên. Tôi thêm một lần sửng sốt.

Một giờ sau tôi quay về nhà ông bác, phát hiện sau nhà là một con hẻm đầy sách. Con hẻm ngắn, rộng rãi. Tôi không nhớ nó có tên đường hay không, chỉ nhớ rất nhiều cây cổ thụ tỏa bóng sum sê, hai vĩa hè đầy sách. Suốt buổi sáng hôm đó tôi tha thẩn ở đây. Quá nhiều sách hay, tôi không biết nên bỏ cuốn gì mua cuốn gì. Muốn mua hết phải chất đầy vài xe tải. Giữa hai vĩa hè mênh mông sách đó, có cả những cuốn sách Mác – Lê. Cuốn *Tư Bản Luận* của Châu Tâm Luân và *Hành trình trí thức của Karl Marx* của Nguyễn Văn Trung cùng nhiều sách khác. Thoạt đầu tôi tưởng sách từ Hà Nội chuyển vào, sau mới biết sách của Sài Gòn xuất bản từ những năm sáu mươi. Tôi hỏi ông chủ bán sách, ở đây người ta cũng cho in sách Mác – Lê à? Ông chủ quán vui vẻ nói, dạ chú. Sinh viên trong này học cả Mác – Lê. Tôi ngẩn ngơ cười không biết nói gì hơn.

Chuyện quá nhỏ, với nhiều người là không đáng kể, với tôi lúc đó thật khác thường, nếu không muốn nói thật lớn lao. Tôi không cắt nghĩa được đó là gì trong buổi sáng hôm ấy. Tôi còn ở lại Sài Gòn thêm 30 buổi sáng nữa, vẫn không cắt nghĩa được đó là gì. Nhưng khi quay ra Hà Nội tôi bỗng sống khác đi, nghĩ khác đi, đọc khác đi, nói khác đi. Bạn bè tôi ngày đó gọi tôi là thằng hâm, thằng lập dị. Tôi thì rất vui vì biết mình đã được giải phóng. ♦

NGUYỄN QUANG LẬP

(30 tháng Tư 2016)

Nguồn: <https://www.facebook.com/notes/nguyen-quang-lap/sai-gon-giai-phong-toi/1605678213081415>

Ghi thêm: Đi Tới nhẩn mạnh.



● SÀI GÒN, một thoáng

□ Trương Duy Nhất

Sài Gòn vẫn vậy. Ngồi với bạn bè, uống tí đã say. Cái tình nghĩa bè bạn và hơi thở, cung cách, hồn cốt Sài Gòn khiến lòng chênh choáng.

Hay kiếm việc gì vào Sài Gòn nhỉ?

Vào cái Sài Gòn rồi lại bay ra. Có những khi chỉ một thoáng thôi, nhưng lâng lâng mãi.

Ngược lại, có những điều gần nửa thế kỷ rồi, nghe mãi vẫn ngường ngượng. Ấy là cái tên gọi Hồ Chí Minh áp cho Sài Gòn.

Hơn 40 năm, cái tên Hồ Chí Minh với tôi vẫn gì đó nghe rất khiên cưỡng. Thành phố Sài Gòn “hòn ngọc Viễn Đông” đã như một giá trị văn hóa đầy tự hào cao ngạo, không chỉ với Việt Nam, mà với cả vùng Viễn Đông và thế giới.

Kính trọng Hồ Chí Minh. Nhưng không phải cứ đem tên cụ đặt cho thành phố mới là sự kính trọng. Thậm chí nhiều khi, trong nhiều trường hợp, ngữ cảnh, việc dụng tên lãnh tụ như thế vô tình thành xem thường, phỉ báng. Ví như khi nhận xét Sài Gòn ồn ào nhộn nhạo xô bồ nhếch nhác quá, Sài Gòn ăn chơi quá, Sài Gòn nhậu khiếp quá, Sài Gòn bất an quá, Sài Gòn bẩn quá, Sài Gòn hôi quá... nghe chẳng sao, nhưng bảo Hồ Chí Minh ồn ào nhộn nhạo xô bồ nhếch nhác quá, Hồ Chí Minh ăn chơi quá, Hồ Chí Minh nhậu khiếp quá, Hồ Chí Minh bất an quá, Hồ Chí Minh chật chội quá, Hồ Chí Minh bẩn quá, Hồ Chí Minh hôi quá... thì quả là bất nhã, báng bổ. Thậm chí ngay cả khi khen Hồ Chí Minh sạch quá, con gái Hồ Chí Minh đẹp quá, sexy quá nghe cũng chả ra làm sao.

Rất nhiều trường hợp nhiều ngữ cảnh, tên gọi TP Hồ Chí Minh nghe cứ như một sự áp đặt khó ăn nhập. Hơn 40 năm, nhiều người nhiều chỗ nhiều nơi nhiều trường hợp, cái tên Sài Gòn vẫn được dùng như một thói quen và giá trị không thể thay đổi. Thậm chí ngay cả tên gọi tờ báo đảng của thành phố suốt mấy chục năm qua vẫn được giữ nguyên là Sài Gòn Giải Phóng (chứ không đổi thành báo Hồ Chí Minh). Rồi báo Sài Gòn Tiếp Thị chứ không phải báo Hồ Chí Minh Tiếp Thị, Thời báo Kinh tế Sài Gòn chứ không phải Thời báo kinh tế Hồ Chí Minh, báo Doanh Nhân Sài Gòn chứ không phải báo Doanh nhân Hồ Chí Minh... Cũng may là chợ Bến Thành, một biểu trưng văn hóa của Sài Gòn còn giữ được tên gọi xưa. Chứ nếu cũng đổi thành chợ Hồ Chí Minh thì... khốn khổ!

Vì thế, ý tưởng cho việc thay trả lại tên gọi Sài Gòn cũ cũng đừng nên nặng nề quá, đừng qui chụp là chống phá phản động. Nên nghĩ và xem đó là một thái độ văn hóa, là sự trả lại một giá trị văn hóa, một danh xưng đầy tự hào kiêu hãnh của vùng đất phương Nam xưa.

Không chỉ giản đơn là tên gọi một cái chợ, một thành phố, một địa danh. Đây là thái độ văn hóa dám đoạn tuyệt, vứt bỏ những khuôn mẫu không phù hợp, khó ăn nhập với thực tiễn cuộc sống.

Nhậu mỗi một đêm lại bay. Đổ Trung Quân rất hay vắng tục, cứ một ly vào lại vắng. Mình cố nín mãi, suýt vắng theo “bọn Hồ Chí Minh các ông nói bậy quá!”

Cái vé bay của Vietjet, cho dù ghi Hồ Chí Minh, vẫn phải ngoặc thêm mã Sài Gòn (SGN). ♦

TRƯƠNG DUY NHẤT

Nguồn: <http://truongduynhat.org/sai-gon-mot-thoang/>

Ghi thêm: Đi Tới ghi chữ đậm



XÓM SAU LÈO

□ TRẦN MỘNG LÂM

LTS: Tác giả Trần Mộng Lâm, Y khoa bác sĩ (Sài Gòn 1968), sau 1975, định cư và hành nghề Y tại Montréal (Québec), hiện nghỉ hưu, cộng tác Đi Tới năm 2000.

□
Tôi sẽ viết về Sài Gòn, thời tôi mới lớn. Sài Gòn này không phải Sài Gòn của ông Vương Hồng Sển trong Sài Gòn Tạp Pín Lù. Sài Gòn này cũng không phải Sài Gòn mô tả trong Chân Trời Kỷ Niệm của chị Trần Thị Mỹ, một bác sĩ thuộc thể hệ các giáo sư Y khoa của tôi, hiện đang sống tại Pháp. Và sau cùng, điều quan trọng nhất là Sài Gòn này không phải là Thành phố Hồ Chí Minh mà thể hệ các em, các cháu sanh sau 1975 được biết. Tôi đến Sài Gòn vào những năm của thập niên 50, thế kỷ 20. Khi đó, Việt Nam Cộng Hòa mới được thành lập. Người Pháp đã về nước, và người Mỹ chưa đến. Bởi thế cho nên những con đường đều được đổi tên, không còn mang tên các danh nhân người Pháp như trong thời trước, mà tất cả đều được đặt tên lại và mang tên Việt Nam.

Con đường Phạm Ngũ Lão đến số 283 thì thay vì xây một ngôi nhà, người ta lại đào thành một con hẻm, rộng khoảng 10 thước. Đầu con hẻm này người ta trồng hai cây cột tròn bằng sắt, cao khoảng trên một mét, đường kính độ 20 hay 30 cm. Hai cây cột này được đặt cạnh nhau, mục đích là ngăn chặn các loại xe hơi, xe gắn máy hay xe đạp len lỏi vào. Có thể ngồi trên các cột đó nghỉ ngơi. Tôi đã nhiều lần ngồi nói chuyện với người bạn ở cột kế bên. Một trong những người bạn đó về sau tôi gặp lại tại trường Y khoa là anh Mai sau 75 vượt biên sang Úc nay vẫn còn ở đó. Con hẻm chạy dọc theo hai căn nhà kế bên có mặt tiền hướng ra đường Phạm Ngũ Lão (mang số 281 và 285). Qua khỏi hai căn nhà này, tiến thêm độ 20 mét nữa rồi đổi hướng 90 độ

chạy thẳng ra con đường Đề Thám, thẳng góc với đường Phạm Ngũ Lão ở cách khoảng 500 mét xa hơn. Nói tóm lại, hai con đường lớn hợp với con hẻm thành một hình bình hành, xe cộ chạy trên hai con đường lớn, còn bên trong, ở hai bên bờ con hẻm, người ta xây khoảng 40 căn nhà giống hệt nhau, làm thành một cư xá gọi tên là cư xá Nguyễn Văn Dường. Ông Nguyễn Văn Dường là ông nào, đến nay tôi vẫn không biết, chỉ biết là khi đó gia đình tôi cư ngụ tại một căn nhà nằm ở khoảng giữa, bên số chẵn, đầu lưng với các căn nhà hướng ra đường Phạm Ngũ Lão, do đó nó mang địa chỉ là 283/16 đường Phạm Ngũ Lão, đến nay tôi vẫn không quên. Ra khỏi cư xá Nguyễn Văn Dường, người ta gặp đường Đề Thám. Dọc theo con đường này, là một khu dành cho dân lao động, công chức, giới thợ thuyền. Ở đây không có các biệt thự có hồ tắm, có vườn riêng như trong các con đường khác như đường Tú Xương. Tất cả chỉ là những căn nhà thường chỉ như những cái hộp, trong đó nếu cần người ta dùng ván gỗ ngăn thành các phòng riêng dành cho chủ gia đình, còn con cái thì nằm vạ vật bên ngoài, để đêm đến ngủ trên những chiếc ghế bố được xếp lại lúc ban ngày. Như các anh chị và các em tôi, tôi cũng có một chiếc ghế bố riêng. Ngày nay nghĩ lại, tôi không hiểu tại sao trong cái sự chật chội đó, tôi không hề cảm thấy bức bối.

Từ cư xá Nguyễn Văn Dường đi ra đến đường Đề Thám, quẹo trái thì đến ngã tư sau, gặp đường Bùi Viện. Lại quẹo trái ở đường Bùi Viện thì gặp Ngã tư Quốc tế, nơi có các gánh cải lương đóng đô tại rạp Nguyễn Văn Hào gần đó và phòng trà Anh Vũ dành cho giới tân nhạc. Khi đó Thanh Thúy mới nổi danh với các bài hát mà tôi nhớ nhất là bài 'Chuyện Chúng Mình'. Vắn tắt, giữa những địa danh đó là một khu phố dành cho dân lao động, giới trung lưu mà người ta gọi là Xóm Sáu Lèo.

Tìm hiểu sau này, tôi được biết ông Sáu Lèo là một tên anh chị khi trước sống ở đây, chuyên cho vay tiền lấy lời, không liên quan gì tới ông tướng Nguyễn Ngọc Loan.

Vì là một xóm lao động nên ở đây sự sinh hoạt mang nét đặc biệt của Nam Kỳ, với những món ăn, thức uống rất bình dân. Ra khỏi cư xá, phía đường Đề Thám là tôi gặp những cái xe bán đá nhận, bán xâm bảo lượng, bán chè hột sen của người Hoa. Một ông hàng xóm cách nhà chừng vài căn là chủ một trong những chiếc xe đó. Chiếc xe linh kinh những thức uống đó nhưng đặc biệt là phía trên, nó có những ngăn tủ nhỏ mà phía ngoài là những tấm kiếng màu, trên các tấm kiếng đó, người ta vẽ những hình xanh xanh, đỏ đỏ ghi lại những câu truyện tàu như Võ Tòng Đà Hồ hay Bát Tiên Quá Hải mà những ai thích truyện Tàu thuộc nằm lòng. Ông Tàu hàng xóm của tôi mặc những chiếc áo ba lỗ không biết đã bao nhiêu năm, rách te tua thành mấy chục lỗ mà ông ta không chịu thay áo mới, mỗi buổi sáng chỉ đẩy cái xe ra bán cho bọn trẻ con trong xóm mà cũng đủ ăn, bụng ngày càng bự. Ngoài ra, cũng trên con đường ấy các bà xâm, bà Việt ngồi bán cháo trắng ăn với cá mặn, bán bánh ướt ăn với chút mỡ hành xanh, chút tôm khô ngon lạ lùng. Cho đến ngày nay, tôi vẫn không quên những món xôi ăn buổi sáng trước khi đến trường: xôi lá cẩm, xôi đậu xanh, bắp dĩa, muối mè... Cho đến bây giờ tôi vẫn không quên được những trái chùm ruột, những trái cóc người ta ngâm trong đường hóa học màu xanh hơi vàng. Ăn thì ngon nhưng không chết cũng là may quá.

Trong dãy nhà số lẻ đối diện, ở gần cổng chỗ đi ra đường Phạm Ngũ Lão, có một người đàn bà trẻ lối 30 tuổi. Bà này không đi làm vì có con nhỏ. Ở không, bà ta có thói quen mở radio rất lớn (Hồi đó chưa có truyền hình). Tôi còn nhớ lúc đó là những năm đầu của Đệ nhất Cộng Hòa, thiên hạ thái bình, đi đâu cũng an toàn, không sợ cướp, không sợ chiến tranh. Vì lẽ đó, những bản nhạc phát ra từ cái radio mở lớn cho toàn xóm nghe là những bài hát rất dễ thương, thí dụ như bài hát Mộng ban đầu, Quê em miền Thủy Dương, Gió mang mùa xuân tới, Hôn liếp dừa lên hương, Hương thơm tràn muôn lối... Chỉ ít năm sau, giặc Việt Cộng đem chiến tranh vào Miền Nam thanh bình, các bản nhạc cũng theo thời cuộc

thay đổi: Một chiều hành quân qua thôn xưa, Lúc nắng xuân chưa nhạt màu, Chạnh lòng tìm người em gái cũ, Em tôi đã đi phương nào...

Cũng bên số lẻ, chỗ gần trở ra đường Đề Thám, có nhà của một ông nhà văn tên tuổi, ông Lê Trảng Kiều. Đến thăm và nhậu nhẹt với ông, có các nhà văn tên tuổi khác, trong đó có ông Lê Văn Trương là người chuyên viết về các nhân vật anh hùng, chọc trời, khuấy nước.

Bên số chẵn chúng tôi, không có các người tên tuổi. Ngay sát cạnh nhà tôi một bên là nhà một thím xâm. Bà này chuyên làm làm các thứ bánh mứt nên nhà bà lúc nào cũng thơm tho. Mỗi năm, vào dịp Tết, bà mua các hột sen về, và chia cho các gia đình trong cư xá công việc lấy ra từ các hột sen phần lõi xanh chính giữa trước khi có thể ngào đường làm mứt. Tiền công trả theo trọng lượng hột sen nhận về, ai có sức thì làm được nhiều tiền nên gia đình nào cũng có thêm một chút tiền tiêu Tết, không nhiều thì ít. Không may thím xâm này có một đứa con chừng 3 tuổi, rất dễ thương, bị té bể đầu, vào nhà thương ít ngày rồi chết. Tai nạn này làm cả cư xá buồn bã nhiều tháng trời, và tôi cũng bị xúc động, lần đầu tiên trong đời chứng kiến một cái chết của một đứa trẻ sống ngay cạnh mình, và thấy cuộc đời chỉ là phù du.

Căn nhà khác kế cận là nhà một ông già đặc chất Nam Bộ. Ông người gầy ốm, đen đui, hàm răng rụng mất nhiều cái nên trở thành móm. Tuy nhiên, ông có tài là biết đánh đàn cái đàn giống như đàn Tây ban cầm nhưng các phím được khoét lõm rất sâu bản vọng cổ nổi tiếng của Miền Nam. Ông chỉ đánh đàn khi trời đã tối, sau khi tụ họp với vài người bạn để ăn nhậu. Trong những buổi họp văn nghệ đó nhiều khi tôi được phái đi mua cho các ông khi thì vài món nhậu, có khi chỉ là trái cóc hay vài con khô mực, có khi một vài chai rượu. Thành ra bài cổ nhạc Nam kỳ đó thấm dần vào đầu tôi lúc nào không biết.



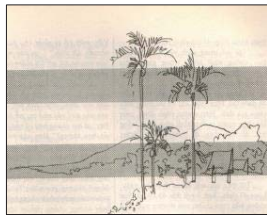
Các anh chị em tôi lớn dần tại Xóm Sáu Lèo nên ít năm sau, căn nhà trở nên quá chật hẹp cho gia đình tôi. Cha tôi tìm được một căn nhà rộng rãi hơn, ở một xóm lao động khác là Cư xá Đô Thành trên đường Phan Thanh Giản, ngay sát cạnh bệnh viện Bình Dân. Tôi ở tại đây sau khi học hết Trung học, Đại học rồi ra trường. Sau khi tốt nghiệp, tôi giả từ Sài Gòn để xuống Cần Thơ làm việc.

Thành phố mang đầy kỷ niệm của tôi nay đã đổi tên. (...)
Nói gì thì nói, sự đổi tên này chỉ chứng tỏ một điều :
Ép đặt và khinh khi, cho cả một tập thể người Miền Nam.
Sao không phải là Hà Nội? Sao không phải là Nghệ An?

Cần Thơ là một thành phố khác tại Miền Nam mà tôi có quá nhiều kỷ niệm.

Kỷ niệm đáng nhớ hơn cả là một căn nhà mà chính tôi xây dựng lên, ở tại cuối Lộ 20. Chỗ này vắng vẻ, kế cận nơi Rạch Tham Tướng chảy qua, phong cảnh hữu tình, có cây xanh, có hoa, có nước. Căn nhà của tôi khi trước là một căn nhà ọp ẹp bằng gỗ thông. Tôi thích nơi đó nên mua về, phá đi và giao cho một người quen ở Bình Thủy xây thành một cái nhà tạm gọi là ở được, có gạch bông, cửa sắt. Chẳng may khi xây được phân nửa, thì ông ta lẩn ra chết.

Tôi không biết gì về nhà cửa nên chạy lại ông chú đang làm Chỉ huy trưởng Kho Đạn vùng 4 cầu cứu. Ông cho tôi một ít tôn và một ít cột sắt để hoàn thành



phía sau. Vậy mà cũng xong. Tôi đem về từ Bình Thủy một cây cau và một cây dừa, chính tay tôi trồng xuống, một cây phía trước, một cây phía sau. Và tôi ở tại ngôi nhà đó cho tới ngày mất nước.

Sau 75, tôi bị đi học tập và đưa về Kim Quy Đá Bạc thuộc tỉnh Cà Mau, U Minh Hạ để làm lao động, chính tại rừng U Minh này mà tôi cảm nhận được cái hay của nhạc cổ Miền Nam. Những người bạn tù của tôi gốc gác Nam Bộ quả thật tài tình. Với những vật dụng mà ai cũng cho là bỏ đi, họ đã chế được thành những cây đàn cổ nhạc, để đêm đêm, sau khi lao động về, trải lòng mình niềm đau, nỗi nhớ trong bản vọng cổ. Bài vọng cổ chỉ hay hơn khi người ta gặp phải những giờ phút khó khăn, những niềm tuyệt vọng trong cuộc đời. Tôi chắc là nếu không có được một vốn sống nào đó trong Miền Nam, khó mà cảm thông được bản cổ nhạc này.

Thời gian cứ lạnh lùng trôi và cuốn theo nó những cá nhân, những mảnh đời. Mới đó mà tôi sống tại Montréal đã trên 40 năm, và nửa đời trước coi như là tiền kiếp. TV ra đời, rồi các máy vi tính.

Mới đây, không còn phải làm việc vất vả nữa, tôi tình cờ tìm được trên mạng một đoạn video ngắn nói về xứ Nam Kỳ. Tôi không thấy video này giá trị ở những hình ảnh của mấy trăm năm về trước, khi Sài Gòn mới được thành lập. Tôi không thấy xúc động khi nhìn lại căn nhà mà M. Dugas đã sống khi bà có người tình (Amant) Trung Hoa tại Sa Đéc. Tôi chỉ xúc động khi người ta dùng bản cổ nhạc để làm phần âm thanh cho đoạn phim. Bản nhạc này tôi đã nghe bao lần, từ khi còn ấu thơ cho tới khi trưởng thành, từ những giây phút êm đềm tới những giờ tuyệt vọng trong tù. Bản nhạc này đã đủ ma lực khiến tôi viết thành những câu thơ như sau này:

*Bản cổ nhạc xưa xứ Nam Kỳ.
Đêm nay nghe lại sao lâm ly.
Bạn tù ngày ấy vài ba đứa.
Đứa nào còn sống đứa nào đi??
Lá rơi rồi tuyết đổ
Mùa Thu rồi mùa Đông.
Đường về quê hương cũ.
Chỉ còn biết ngóng trông.
Nhà ta nay ai ở.
Vườn ta nay ai trồng.
Cây cau trồng năm cũ.
Giờ có còn ra bông??*

Thành phố mang đầy kỷ niệm của tôi nay đã đổi tên. Nó mang một cái tên lạ hoắc, của một người không sanh ra tại nơi ấy, cũng không sống tại đây lâu năm. Đó chỉ là nơi ghé qua khi xuống tàu trốn ra ngoại quốc, làm việc trong khu vực nhà bếp trên tàu. Nói gì thì nói, sự đổi tên này chỉ chứng tỏ một điều: Ép đặt và khinh khi, cho cả một tập thể người Miền Nam. Sao không phải là Hà Nội? Sao không phải là Nghệ An?

Bao giờ Sài Gòn tìm lại được cái tên của mình? Hay tất cả chỉ còn là ảo vọng? ♦

TRẦN MỘNG LÂM
(Montréal, tháng Tư 2020)

Một lần đi



Tranh minh họa: Cố họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn
(06.10.1954, Sài Gòn - 20.03.2013, Montréal)
Phụ trách Mỹ thuật Đi Tới.

Sài Gòn ơi, ta có ngờ đâu rằng
Một lần đi là một lần vĩnh biệt
Một lần đi là muôn kiếp u sầu
Một lần đi là mãi mãi thương đau

Người tình ơi, ta có ngờ đâu rằng
Một lần đi là nghìn trùng cách biệt
Một lần đi là ta mất nhau rồi
Một lần đi là vĩnh viễn chia phôi.

Giọt nước mắt cho anh
Giọt nước mắt cho em
Giọt nước mắt cho bạn bè
Lệ khóc cho mẹ già
Lệ khóc cho người tình bỏ lại sau lưng

Lần cuối xiết tay nhau
Lần cuối khóc bên nhau
Lời cuối sao ghen ngào
Còn đó bao cuộc tình
Còn đó bao đoạn đường bỏ lại sau lưng

Sài Gòn ơi, ta có ngờ đâu rằng
Mẹ hiền xưa, giờ về vùng đất lạnh
Bạn bè xưa, giờ phương Bắc lưu đầy
Người tình xưa, giờ đang sống điều linh

Sài Gòn ơi, ta có ngờ đâu rằng
Một ngày qua là một ngày ly biệt
Một ngày qua là ta mất nhau rồi
Một ngày qua là muôn kiếp chia phôi.

♦ Nguyệt Ánh



Sài Gòn luôn gọi em bằng cung

□ LÊ VĂN NGHĨA



*‘Sài Gòn sau cơn mưa lớn sạch giống như
một người đàn bà đẹp vừa mới tắm xong.’ (Sài Gòn Vang Bóng)*

□
V HSG- Một lần trả lời phỏng vấn, nhà văn Bình Nguyên Lộc cho biết một trong hai tác phẩm mà ông thích nhất là “Những Bước Lang Thang Trên Hề Phố Của Gã Bình Nguyên Lộc”. Với 18 bài viết trong tập sách, bài viết nào của ông đều có chút tình đọt nhúm hương thơm mùi đất Sài Gòn vào đây từ “Sông Ông Lãnh”, “Mã Cũ Sài Gòn” đến “Phố Của Thành phố”. Chân ông đi lang thang nhiều thiệt. Được biết, ông được tạp chí Văn bình bầu là nhà văn “lủi thủi” nhất trong giới năm 1974.

Lang thang, lủi thủi để khi đứng nhìn tòa nhà Chú Hòa-Hui Bon Hoa (nay là Bảo tàng mỹ thuật TP HCM – đường Phó Đức Chính) nhà văn Bình Nguyên Lộc lại nhớ về câu thơ trong Kiều “xập xòe én liệng lâu không” để rồi cảm thán “*Đường Nguyễn Văn Sâm, cư xá họ Hui Bon Hoa có khả năng làm sống dậy quá khứ trăm năm. Là thành phố mới Sài Gòn cũng có được vài xó kẹt nên thơ để an ủi những kẻ đứng đường thường phải thất vọng với những nhà hộp, những ngã tư đường thẳng góc. Một đoạn ngắn của một con phố Sài Gòn giúp ta khám phá thêm được một câu thơ hay. Và chính câu thơ hay đó lại giúp ta khám phá được một xó nên thơ của một thành phố tưởng là không có gì đáng chú ý*” (Én liệng lâu không. Tạp chí Văn. Xuân Đinh Mùi 1/67). Chiều lập xuân lạnh, đứng từ nhà chú Hòa nhìn về phía chợ Bến Thành mỗi khi người xưa về chốn cũ chợ trong đầu vang lên những âm điệu mơ màng của Sài Gòn đến dịp đổi mùa tuổi thơ.

Sài Gòn: đất của khai phá, chiến tranh tạo lập và xây dựng nên không hiếm gì những mô mã miếu đền vô danh. Mấy chị, mấy em gái nào thường hay đi chùa cúng vái chắc sẽ biết ngôi chùa góc đường Nguyễn Du và Trương Định. Nhờ sách của cái ông hay lang thang, lủi thủi này ta biết trước đây chỉ là cái miếu nho nhỏ mà một bà lão từ sáng đến chiều cứ đập đầu vào gốc đa, thấy vậy người ta bu lại khăn vái. Cái miếu này tồn tại được nhờ “*một ông đồ trưởng người Pháp, vừa là thi sĩ vừa là cáo già, trông thấy cảnh đó bèn cho hợp thức hóa cái miếu bất hợp pháp ấy*”. (Sđd)

Nhà văn là người Sài Gòn tại chỗ (hơi hiếm và hầu như không có nha) còn lại là nhà văn đến từ vùng đất chín rồng, từ miền trung nắng cháy đã “nhập cư” Sài Gòn cùng chữ nghĩa. Cũng có người “nhập cư” theo diện máy bay hay tàu há mồm 1954 biên động. Vì vậy, mỗi người nhìn Sài Gòn một cách khác nhau, đôi khi kỳ cục nhưng lại dễ thương vì cái nhìn đa chiều, không giống con giáp nào trong 12 con giáp nhưng tổng hợp lại đó là Sài Gòn. Cái hay, cái đồng cảm là cùng “hồn trao Chợ Lớn, tim trao Sài Gòn” vì họ đã trải dài cuộc sống “*Sài Gòn Chợ lớn rong chơi. Đi lên, đi xuống đã đời du côn*” theo thơ của trung niên thi sĩ Bằng Giúí- Bùi Giáng.

Lê Xuyên là nhà văn Nam bộ chính cống bà lang trọc. Lên Sài Gòn sinh sống, lấy vợ viết văn nhưng tuyên bố chỉ biết Sài Gòn qua những hàng me xanh.

“*Một hình ảnh bé nhỏ mà tôi ghi nhận hồi tôi hãy còn... bé nhỏ trong lần đầu tiên tôi được ‘ông già’ cho đi Sài Gòn và ngụ tại một khách sạn ở đường Espagne, tức là đường Lê Thánh Tôn bây giờ.*

Dưới mắt một đứa bé nhà quê của tôi lúc bấy giờ, cả Sài Gòn rộng lớn và huy hoàng như vậy mà tôi chỉ để ý đến hàng me xanh um của con đường Espagne, với tiếng lóc cóc leng keng của xe thổ mộ vào buổi sáng sớm. Cho đến bây giờ tôi cũng chẳng hiểu tại sao tôi lại nhớ dai cái hình ảnh chẳng có gì huy hoàng đó. Ngày nay, hàng me, xe thổ mộ không còn nữa...” (tuần báo Khởi Hành, tháng 7/69).

Me, một loại cây che nắng, có mặt tại Sài Gòn từ thời tây mới qua đã được Trầm Tử Thiêng cùng nhớ khi “*yêu me một khối tình quê*”, và Nguyễn Tất Nhiên “*Chiều nắng âm thầm chào biệt lữ lá me/ Lá me nhỏ như nụ cười hai đứa nhỏ*”.

Sài Gòn không chỉ có cây me. Nó còn có đủ thứ các loại cây che mát khắp những con đường thành phố như dầu, gió, sao, điệp, cao su... những con đường cây dài bóng mát. Nhưng ấn tượng nhất là con đường Cường Để có hai hàng cổ thụ dẫn đến bờ sông Sài Gòn – bến Chương Dương. Ấy là tôi kể chuyện ngày xưa khi con đường này dẫn đến xưởng Chu Sư - tức Thủy trại

(Nhà Nguyễn xây dựng năm 1775) và đầu tư công nghệ châu Âu để thành xưởng Ba Son hay Arsenal (1860). Khu Ba Son bây giờ cùng đã mất tiêu cùng với con đường trục đầu, trụ lữ năng cháy da người buổi trưa. Chỉ còn chẳng là bài thơ ngắn của Duyên Anh- một người viết văn thiếu nhi. “Sáng sớm ra bờ sông/ Nhìn về phía Ba Son/ Thấy khói tuôn mù mịt/ Bỗng yêu dấu Sài Gòn/ Biết tại sao anh thích/Những ống khói đen sì/ Những hồi còi rền rĩ/ Những chuyến tàu đến đi//tương lai con mình đấy/Em ơi! đất nước này/ Sắt thép và Nhà máy/ Cuộc đời sẽ đổi thay.” (“Giấc Mơ Kỹ Nghệ Hóa”, tạp chí Ngàn Khơi 11/1963). Đây có lẽ là bài thơ đầu tiên nhưng lại là cuối cùng viết về một khu đóng tàu lịch sử về độ xưa và độ lớn của vùng Đông Nam Á. Vì là nhà văn, Duyên Anh cũng nhớ về Sài Gòn qua các món đưa cay và quán nhậu tìm chút tình tri kỷ khi đi nước ngoài “Cái lòng thương yêu Saigon của tôi chỉ có tôi hiểu. Nếu anh đã một lần xa Saigon, anh mới thương yêu nó dù anh vẫn hắt hủi nó. Tôi và Hoàng Anh Tuấn đi lang thang bốn buổi chiều ở Kuala Lumpur. Bấy giờ, chúng tôi thêm một đĩa ‘phá lẩu’, một chén thịt bò viên, một con tôm nướng, một đĩa bánh cuốn xe. Và yêu Saigon vô cùng. Một tuần lễ ở Tokyo, Huy Văn và tôi tìm ra ngoại ô. Chúng tôi đã vào quán cóc nhậu bia đen với thịt gà nướng. Thua nem nướng Saigon xa. Lại nhớ Saigon. Nhớ nem nướng chợ Thái Bình... Ở Hồng Kông còn chán nữa... Không có một quán cóc gần Tổng Ngân khố Quốc gia Saigon.” (tuần báo Khởi Hành, tháng 7/69). He he, với tư cách dân bia bọt, xin nói thêm khu Tổng Nha Ngân khố nay là khu vực Hải Triều vốn là một khu nhậu ngày xưa rất màu sắc “Sài Gòn nè.” nha nha. Cũng nổi tiếng không kém với khu Chợ Đũi từng đêm thâm sâu giọt la ve (bia) của nhà thơ Tạ Ký. “Các bạn nào đến chợ Đũi nên ghé vào các quán xây ra mặt đường Trần Quý Cáp vì ở đây chỉ có nhậu suông mà thôi. Nếu bạn ghé vào dãy quán ngó ra đường Lê Văn Duyệt (Nay là CMTT) thì coi chừng có thể bị bắt cóc vì ở đây là các demi-bar, cũng có nhậu, có lai rai và có các em ngồi bàn tán nhảm. Ở chợ Đũi làm gì có quán nhậu sang trọng.” Khu Chợ Đũi-ngày xưa chuyên bán loại vải đũi nổi tiếng bây giờ là một cái ngân hàng bụi rậm tò te. Nhà văn thường xuyên hay đói, nhất là khi mới “Start up” khởi nghiệp bằng chữ nghĩa chứ không phải bằng “xềng” vay của mấy bố mẹ ngân hàng. Nền cơm tấm “sà bì chường”- Sườn bì chả nước mắm chua ngọt, mỡ hành thơm lòng lộng là một thứ rất ư là “tri kỷ vị” ngon phà phà với các nhà văn mồm non hay già cỗi, lỡ thì quá lứa chị em. Nhà văn Dương Trữ La đã mơ

đến một quán cơm tấm thảo thương khi được tòa báo Khởi Hành đề nghị viết về thành phố Sài Gòn. Cơm tấm chắc chắn là đặc sản của miền nam và chỉ có ở Sài Gòn thời người Sài Gòn chưa biết phở là cái chi chi.



“Ngồi ở quán cơm tấm quen thuộc của những người hay đi ăn ban đêm. Quán cơm tấm bây giờ đã khác nhiều như con đường chạy ngang trước quán. Con đường Trần Quý Cáp.

Ngày xưa nó chỉ là một đoạn đường nối dài cho một con đường có cái tên rất Phú Lang Sa. Ngày xưa quán chỉ là một mái lá ẩm mục, hàng cơm được dọn trên bộ ngựa phạp phều siêu dẹo. Bà chủ quán cũng ngồi ngay trên ấy với cái rổ đựng tiền có nắp. Khách ăn ngồi quanh bộ ngựa với những chiếc ghế thấp ghép bằng ba tấm ván đơn sơ. Ăn xong, uống một tô trà quế nóng hổi và bàn chuyện nắng mưa của trời đất.

Bây giờ con đường đã khang trang sạch sẽ. Đèn điện sáng. Hai dãy phố lầu cao ngất. Quán cũng đổi thay. Hai tầng lầu gạch đúc. Đèn nê ông xanh lè. Khách ngồi bàn ghế cẩn thận, ăn xong, uống trà đá, hoặc “33”.

Sự đổi thay tự nhiên của giòng đời. Không có gì lạ, không có gì ưu hoài để thương nhớ ngày xưa, vì không lẽ ta lại chặn đà tiến lên của xã hội. Thương một điều, món ăn vẫn là món cơm tấm bì chan nước mắm.”

(Tuần báo Khởi Hành số 70). Tiệm cơm tấm này hiện nay vẫn còn ở chỗ cũ (đường Võ Văn Tần), tuy nhiên khang trang hơn ngày trước nhiều và giá cả cũng hơi chát vì có luôn cơm tấm... tôm càng, có khổ qua dồn thịt nạc.

Riêng các nhà văn thơ bắc kỳ thì khoái quán cơm Bà cả Đới- ở con hẻm nhỏ đường Nguyễn Huệ. Quán cơm này có cái cầu thang nhỏ đi lên rất ư là lập thể như tranh của Tạ Ty. Họa sĩ Tạ Ty, người tiên phong đưa trường phái lập thể và trừu tượng vào lịch sử Mỹ thuật VN đã vẽ một bức tranh thành phố Sài Gòn qua bài “Màu Sắc Sè-Goong” vào năm 1960.

“... Hồi du tử nếu bị một sự tình cờ may mắn nào người được đặt chân vào mảnh đất yêu quý của chúng tôi, người có gặp nhiều đại lộ, những đại lộ của chiều thứ 7 tôi chắc người sẽ không giữ được cảm xúc khi bắt gặp những màu sắc chuyển mình dao động trong nắng gió ban chiều. Từng đợt sóng màu xô đẩy từ hồng qua tím, từ trắng qua vàng, từ huyết dụ ngả lam biếc quện vào mùi hương da thịt phơi phới lên tơ, vờn nhau như một đàn bướm làm cho cặp mắt đại khờ...” Bài viết dài 6 trang A4, tôi chỉ trích một đoạn ngắn có nhiều chữ... màu.

Không thêm viết tùy bút mà lại là tùy bút – viết trong cơn nhậu quá đã chẳng? Vũ Khắc Khoan một cây bút, một nhà soạn kịch vào Sài Gòn năm 1954 đã nhìn thành phố này như một người đàn bà. Ngộ nha-chắc ông say-say thì hay mơ về đàn bà. He he từ sắc mà! “Một thành phố như vóc dáng một người đàn bà. Cũng thờ ơ, lãnh đạm, vô tình, vô duyên, cũng quyến rũ, yêu, nhớ, dứt áo ra đi, trở về đột ngột. Sống, ở đó, là thôi suy nghĩ về đó, như với một người đàn bà, dấn thân vào hành trình một cơn đam mê, là dọn mình để chấp nhận tất cả: tiếng động của xe cộ, phiền toái của luật lưu thông đèn xanh, đèn đỏ, bụi bặm của một khung trời chật hẹp, rác rưởi của đầu đường xó chợ, sinh lý của ngõ hẻm, bất ngờ của điện và nước, và thỉnh thoảng, những buổi sáng linh động, những buổi trưa tĩnh vật, những buổi chiều tay muốn nắm tay, những đêm xuống thân xác tìm thân xác. Sống, ở đó, là... sống ở đó. Không đặt vấn đề. Không thẩm định giá trị. Cho nên... Sài Gòn đẹp lắm Sài Gòn ơi là ngớ ngẩn, là sai lầm. Vì Sài Gòn không thể đẹp, không thể xấu đối với người Sài Gòn. Trước khi yêu, người ta có thể bình tĩnh phân tích, ngắm nghía so sánh. Yêu rồi là thôi tính toán, là chẳng thấy gì, là chuỗi theo, là hết...” (‘Mơ Hương Cảng’ (NXB Kê Sĩ – 1971- trang 167). Cũng vậy, Hoàng Hải Thủy từ năm 1960 đã nhìn “Sài gòn sau cơn mưa lớn sạch giống như một người đàn bà đẹp vừa mới tắm xong”. (Sài Gòn Vang Bóng). Ôi chao, quả thật là tay điệu nghệ có cỡ trong chôn 50 sắc thái nha. Thơ mộng, vốn là nghề của chàng, Nguyễn Sa cho biết mình ít khi viết bài cho báo xuân vì không thể tạo cảm xúc thật cho thơ, cho bài viết. Nhưng vì nể ông Nguyễn Đình Vượng, ông đã viết cho tạp chí Văn một bài thơ xuân. Bài thơ không thấy xuân mà chỉ thấy bóng dáng thiếu nữ và Sài Gòn khi “tám phố Sài Gòn”.

Tám phố ở đây có nghĩa là bát phố chứ không phải Sài Gòn và tám con phố hay “bà tám” về Sài Gòn nha các người đẹp của Sài Gòn sau cơn mưa.

“Sài Gòn đi rất chậm buổi chiều/ Cánh tay tà áo sát vòng eo/ Có nghe đôi mắt vòng quanh áo/ Năm ngón thơ buồn đứng ngó theo/ Sài Gòn phóng solex rất nhanh/ Đôi tay hoàng yến ngủ trong gants/ Có nghe hơi thở cài vương miện/ Lên tóc đen mềm nhưng rất nhưng/ Sài Gòn ngồi thư viện rất nghiêm/ Tờ hoa trong sách cũng nằm im/ Đầu thư và cuối cùng trang giấy/ Những chữ y dài trông rất ngoan/ Sài Gòn tối đi học một mình/ Cột đèn theo gót bóng lung linh/ Mặt trăng theo ánh đèn: trắng sáng/ Đôi mắt trông vời theo ánh trăng/ Sài Gòn cười đôi môi rất tròn/ Vòng cung màu đỏ, nét thu cong/ Cầu vồng bắc giữa mưa và nắng/ Hay đã đưa dần sang nhớ mong/ Sài Gòn gối đầu trên cánh tay/ Những năm mười sáu mắt nhìn mây/ Chiếc tay tròn ánh trăng mười bốn/ Tiếng nhạc đang về đang cánh bay/ Sài Gòn nắng hay Sài Gòn mưa/ Thứ Bảy Sài Gòn đi Bonard/ Guốc cao gót nhỏ mây vào gót/ Áo lụa trắng mềm bay xuống thơ/ Sài Gòn mai gọi nhau bằng cung/ Vành môi nghiêng cánh xuống phân vân/ Lưng trời không có bầy chim én/ Thành phố đi về cũng đã xuân.”

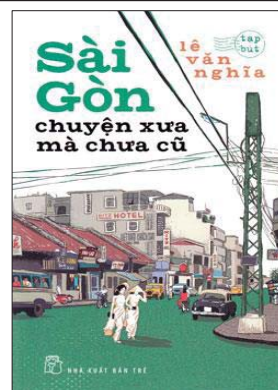
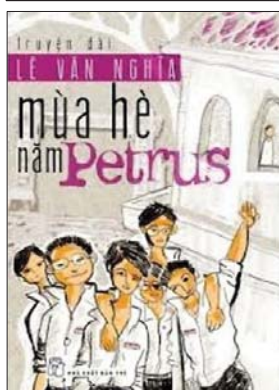
Cũng có câu chót là an ủi cái chuyện tét chút đỉnh. Cũng được tổng biên tập đặt bài viết báo xuân nhưng không hiểu sao tôi lại lang thang quá giang bước chân của các bậc tiên sư không tiền sĩ tìm lại cái Sài Gòn ngày xưa. Hay vì nó xưa mà chưa hề bao giờ cũ. Chỉ khoái nhất là câu “Sài Gòn mai gọi nhau bằng cung”. Ủa, mà tại sao không “Sài Gòn luôn gọi nhau bằng cung” hề. Cung. Cung. Cung quá đi thôi...! ♦

LÊ VĂN NGHĨA (22/01/2020)

Nguồn: <https://vanhocsaigon.com/sai-gon-luon-goi-nhau-bang-cung/>

Ghi thêm: Bìa sách tác giả Lê Văn Nghĩa trên Internet.

Tác giả LÊ VĂN NGHĨA Tác phẩm



Về lại Sài Gòn một tối mưa bay

Nhìn lên Thủ Ngũ
Ngọn cờ
Thấy chi em?
Những giọt mưa bay về...!

Mưa từ dốc thăm sơn khê
mưa từ những mảnh ván bè tả tơi
Sài Gòn ơi! Sài Gòn ơi!
Ngôi sao sáng rực sao đời tôi tăm?

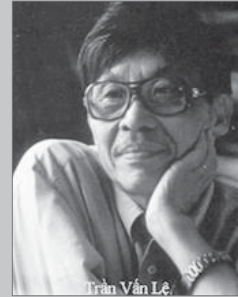
Trả lời đi hỡi Việt Nam
Ngàn thương, vạn tủi, phải chăng chỗ này?
Nhà Bè nước chảy chia hai
Vân Đồn bến đục nổi dài Chương Dương...
Thơ xưa nổi khúc Đoạn Trường
thơ nay còn đó... nổi buồn xỏ râu!

Lan can lạnh mãi thành cầu,
thơ mai sau chắc nổi sầu đậm đen?
Nhẹ nhàng hôn mái tóc em,
tôi nghe buồn quá nửa đêm Sài Gòn!
Về đây, ta sống, ta còn,
ngó lên Thủ Ngũ đỏ lờm giọt mưa!
Cấn bầm một trái me chua
lấy tay chùi vội môi vừa tái tê...

Sài Gòn ơi những đường me,
đâu rồi sáng nắng nhìn mê tóc dài?
Đâu rồi lúc đuổi mưa bay
để cho em ở với ngày ấu thơ?
Mấy mươi năm! Tưởng bao giờ!
So vai mà lạnh không ngờ bữa nay!

TRẦN VĂN LỆ

Tác giả cộng tác Đi Tới năm 1997





Quán ANH VŨ

□ Phạm Công Luận

□ Quán Anh Vũ là cái tên ban đầu của quán văn nghệ, quán cơm nghệ sĩ và sinh viên Anh Vũ, thành lập từ sáng kiến của ông Võ Đức Diên, một kiến trúc sư và cũng là một nghệ sĩ.

Người bạn của tôi, sống ở khu vực gần cầu Trương Minh Giảng, xưa gọi là khu xóm Vẹc (do từ cái tên cũ Eyriaud Des Vergnes thời Pháp thuộc của đường Lê Văn Sỹ, Q.3 hiện nay), kể chuyện chị mình, nay cũng đã hơn 70 tuổi:

Năm 20 tuổi và đang là sinh viên, khoảng đầu thập niên 1960, chị náo nức khi đọc báo và biết có cuộc thi tuyển lựa diễn viên đóng xi nê ma ở quán Anh Vũ, đường Bùi Viện. Vốn là cô gái gốc Bắc khá xinh xắn ở khu di cư Bùi Phát, chị đánh liều đi dự tuyển, không xin phép gia đình (vì có xin cũng không được phép).

Cuộc dự tuyển do Hãng Liên Phim tổ chức, quảng cáo là một cuộc tuyển lựa vô cùng vĩ đại. Mướt mồ hôi dự tuyển, tự diễn vài cảnh nho nhỏ, chen vai thích cánh với hàng trăm người, cuối cùng chị ra về, mong có vai diễn trong phim Đò dọc và Tình bạn gì đó nghe nói sắp quay.

Về nhà đợi mãi, nghĩ đi nghĩ lại rằng nếu mình trúng tuyển đi đóng phim thì bố mẹ sẽ nói sao! Cuối cùng, không hề thấy ai gọi và cũng không có bộ phim nào có tên như vậy ra đời. Chị thần thờ tiếc một cơ hội không biết có hay không, rồi lại mừng vì nếu nó đến thì phải ăn nói làm sao với “ông bà bà”. Nhưng nhờ vậy, chị biết đến một quán cơm từ thiện rẻ và ngon dành cho sinh viên, và biết thưởng thức ca nhạc ở phòng trà, một thú giải trí rất mới, thanh lịch, dù có hơi tốn kém so với túi tiền sinh viên.

Trước kia vào khoảng năm 1945, ông Võ Đức Diên lập ra một ban kịch lấy tên là Anh Vũ và tái lập năm 1955, sau đó ông lấy tên này để tiếp tục thực hiện ước vọng của mình là vừa làm việc xã hội vừa tiếp tục theo đuổi hoạt động văn nghệ. Quán Anh Vũ là nơi gặp gỡ giới nghệ sĩ sáng tác và biểu diễn, là nơi thí điểm để các tài năng mới thể hiện mình khi chưa có tên tuổi.

Thời điểm cuối thập niên 1950, chỉ các vũ trường mới có trình diễn ca nhạc nhưng chủ yếu để khách khiêu vũ, nên khi quán Anh Vũ hình thành phòng trà giải khát và thưởng thức âm nhạc đã tạo một sinh khí mới trong sinh hoạt nghệ thuật của Sài Gòn. Anh Vũ là phòng trà có bề ngang chừng 10 m, sâu khoảng 30 m, chứa được 300 đến 400 chỗ ngồi và một ban nhạc, nằm phía sau rạp Nguyễn Văn Hảo, số 43 Bùi Viện, một con đường nhỏ sát trung tâm Sài Gòn. Quán được mở ra trước Tết Canh Tý 1960, được xem là một quán thanh lịch và có phòng trà lớn nhất Sài Gòn lúc đó. Trong khuôn viên quán có một sân khấu nhỏ phía bên phải, còn quán ăn nằm phía bên trái.

Ban ngày, nơi đây là quán cơm. Mỗi bữa cơm chỉ có hai mức giá 5 đồng và 10 đồng, được xem là rẻ vì tính giá bằng phân nửa giá bán thông thường. Quán mở đến 7 giờ tối, lúc nào cũng đông nghẹt khách.

Buổi tối, phòng trà mở cửa. Ban đầu, ông Võ Đức Diên mời được nhạc sĩ Phạm Duy về giới thiệu chương trình, còn nhạc sĩ Lê Thương phụ trách sân khấu ca vũ kịch. Ngoài ra còn có ban Vũ Phong Lan của hai vũ sư nổi tiếng Lưu Bình và Lưu Hồng. Số ca sĩ thường trực ở quán là 12 người.

Lớp ca sĩ tiên phong của phòng trà này có danh ca Duy Khánh, Việt Ấn và các nữ ca sĩ Nhật Thiên Lan, Lệ Thanh, Thanh Thúy, Minh Hiếu. Ca khúc *Hận Đồ Bàn* với tiếng hát trầm ấm của Việt Ấn đã làm say mê người nghe. Quán còn được sự góp mặt thường xuyên của các ca sĩ như Bạch Yến, Mai Hương, Duy Trác, Cao Thái...

Không ít ca sĩ đã từ ca hát ở phòng trà và vũ trường mà rực sáng và Anh Vũ là một cái nôi nghệ thuật của Sài Gòn. Theo nhà báo Đoàn Thạch Hân, tại phòng trà này, nhạc sĩ tài hoa Nguyễn Ánh 9, lần đầu tiên đệm dương cầm cho ca sĩ Thanh Thúy biểu diễn rất thành công tác phẩm đầu tay *Uớt mi* của Trịnh Công Sơn. Có người cho rằng bài *Phố buồn* được nhạc sĩ Phạm Duy sáng tác chính trong giai đoạn này. Năm 1962, Khánh Ly bắt đầu sự nghiệp ca hát tại phòng trà Anh Vũ lúc mới 18 tuổi và chưa nổi tiếng.

Phòng trà và quán cơm Anh Vũ thời gian đầu trở thành địa chỉ sum họp của giới nghệ sĩ, nhà báo, nhà văn Sài Gòn thời đó. Có lúc Anh Vũ cũng tổ chức các hoạt động khác như là nơi tuyển chọn diễn viên như câu chuyện kể trên.

Đến cuối năm 1962, do tình hình an ninh, chính phủ lúc đó ban hành giới nghiêm, không cho phép các vũ trường hoạt động nên quán Anh Vũ đóng cửa. Trước đó, từ một phòng trà thanh lịch, quán đã dần biến thành một vũ trường bình dân, mất đi hào quang thuở ban đầu và giới ca sĩ chuyên nghiệp không đến hát nữa nên khách vắng thưa dần. Quán cơm Anh Vũ và phòng trà Anh Vũ chỉ còn trong tâm tưởng lớp người sống ở Sài Gòn một thời đã xa, những người lớp tuổi bảy mươi và tám mươi. Họ hoài niệm nó, như trong một đoạn thơ không rõ tác giả:

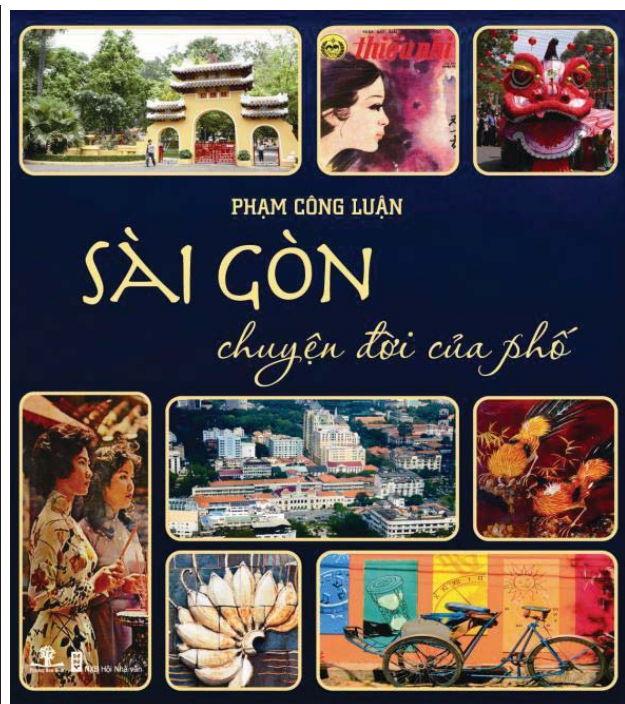
“Sài Gòn ta gợi cho em

Quán cơm Anh Vũ, phố đèn Tự Do

Nhớ em! Ôi, thuở học trò

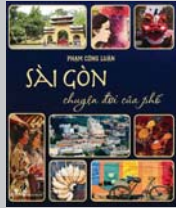
Này đường Nguyễn Trãi, con đò Thủ Thiêm...”. ♦

PHẠM CÔNG LUẬN
(Trích: SÀI GÒN: chuyện đời của phố)



"SÀI GÒN - Chuyện đời của phố" gồm 36 bài viết về những câu chuyện gợi nhớ một Sài Gòn xưa: *Con đường ký ức, Hồn đô thị, Nhà cổ ven đường, Nhiếp ảnh gia của nghệ sĩ Sài Gòn, Tìm lại giấc mơ xưa, Ban hợp ca Thăng Long, Một cuộc thi hoa hậu, Giải nhân một thuở...* Những góc phố nhỏ Sài Gòn lần đầu tiên kể về chuyện đời của mình sau bao nhiêu năm tưởng chừng đã chìm sâu vào ký ức.

SÀI GÒN - Chuyện đời của Phố sẽ ra ấn bản đặc biệt đẹp và trang trọng như một món quà tặng cho những Kiều bào về Việt Nam ăn tết, những độc giả lớn tuổi muốn lưu giữ những hồi ức đẹp của một Sài Gòn những thập niên 80.



PHẠM CÔNG LUẬN

SÀI GÒN

chuyện đời của phố

Công ty Văn hóa Phương Nam
940 đường 3 tháng 2,
Phường 15, Quận 11, Tp.HCM, Việt Nam
Điện thoại: (848) 8663447 & 8663448
Fax: (848) 8663449 Email: info@pnc.com.vn

Ghi thêm: Bìa sách 'Sài Gòn: chuyện đời của phố' tìm thấy trên Internet, Đi Tới trình bày.

Qua bao biến động, có lúc đến nỗi phải bỏ nước ra đi, nhiều người dân Sài Gòn có gốc gác tứ xứ khi từ nước ngoài quay về tổ quốc vẫn nghĩ mình là dân Sài Gòn, chứ ít khi nhắc đến gốc gác xa nữa. Dù không là nguyên quán, Sài Gòn đã chính là quê hương của họ để quay về. Tôi tin hầu hết con cháu của 45 gia đình trong cuộc khảo sát khi xưa, đã từng lưỡng lự muốn ở lại hay rời Sài Gòn về quê, nếu sau 1975 không ra nước ngoài sinh sống thì có lẽ vẫn đang sống trên mảnh đất đô thị này. Bởi vì không dễ gì bỏ Sài Gòn ra đi nếu anh đã từng sống ở đây. Ở Sài Gòn lâu năm, dễ thấy khi người ta vỗ ngực xưng tên, có thể tự hào mình là “dân Cầu Muối”, “dân khu Mả Lạn”, “dân hẻm Cây Diệp”, “dân chơi Cầu Ba Cẳng” hay “dân Xóm Mới”, “dân Thủ Thiêm”... Không mấy ai xưng mình là “dân Sài Gòn” như một niềm tự hào, như một thứ giá trị. Người lục tỉnh khi nói về Sài Gòn, cũng chỉ gọi là “thành phố”: đi thành phố, về thành phố. Và ai đó lìa bỏ quê nhà để lên Sài Gòn sống, khi quay về cố hương có thể bị, hay được gọi là dân “Sè ghềnh” rồi. Thực ra, cũng không có gì là quan trọng!

Nên có chút bất ngờ khi giá trị “người Sài Gòn” bây giờ càng lúc càng được bàn luận và đề cao nhiều như vậy, chẳng khác gì các niềm tự hào khác, như người Hà Nội, người Cổ đô...

Sài Gòn, bây giờ là Thành phố HCM, lâu nay và sau này vẫn sẽ là một nơi tụ hội để sinh sống, làm việc, vui chơi, tìm kiếm cơ hội thành công và trốn lánh những hệ lụy nặng nề của cuộc sống từ những nơi khác, để có thể làm lại cuộc đời. Có những giá trị cũ của Sài Gòn đã mai một, nhưng những giá trị mới vẫn đang hình thành và lớn dần. Cũng có những thứ kịch cỡm lố lăng cũ mất đi, thay vào đó là những thứ tương tự về tính chất, chỉ khác cách biểu hiện. Nhưng rất nhiều điều căn bản đã được giữ lại, ai cũng biết nên chẳng cần kể ra.

Khi xem những tấm ảnh cũ ghi lại hình ảnh người dân đi lại trên đường phố Sài Gòn năm 1961, năm tôi sinh ra ở Phú Nhuận, tôi thấy lòng nao nao. Năm đó, má tôi rời bỏ căn nhà êm ấm của tuổi thơ được dựng lên từ nhiều đời của dòng họ Nguyễn ở vùng Khánh Hội, quận 4 để về Phú Nhuận sinh sống. Ba tôi xa quê Củ Lao Phố, hòa nhập từ lâu vào cuộc sống Sài Gòn trong công việc thư ký Hiệu buôn Kim Phát ở chợ Bến Thành. Lúc đó, ông ngoại tôi, thư ký của văn phòng Sở Hỏa xa Đông Dương trên Đại lộ De la Somme (đường Hàm Nghi bây giờ) vừa mất không lâu.

Trong mấy tấm ảnh đó, người Sài Gòn hiện ra thanh lịch nhiều và lam lũ cũng lắm. Số đông trên đường phố vẫn là người làm công ăn lương, buôn thúng bán bưng, phu khuân vác, đập xích lô và đánh giày. Tất cả phảng phất hình ảnh những người thân của tôi đang kiếm sống mỗi ngày.

SÀI GÒN

chuyện đời của phố

Người thanh kẻ lịch được chụp ảnh trên đường phố trung tâm, đại diện cho một tầng lớp nhỏ trung lưu trở lên. Họ góp phần giữ tính cách của người Sài Gòn trong kinh doanh buôn bán và gìn giữ nếp sống lịch lãm nhưng không quá xa hoa, biết hưởng thụ nhưng có óc thực tế, vừa phải. Nhưng giới cần lao, đông đảo hơn mới chính là những người giữ lại các giá trị quan trọng như “*kiến nghĩa bất vi vô đồng giả*”, “*trọng nghĩa khinh tài*”, ghét thói “*coi đồng tiền như bánh xe bò*” hay “*làm ăn chụp giựt không có trước sau*”... Họ lặng lẽ sống trong các xóm nhỏ, ban ngày ra đường kiếm sống, tối nằm nghe cải lương hay tin chiến sự. Họ sống giản đơn, sẵn sàng giúp nhau, đùm bọc nhau khi người cùng xóm gặp chuyện bất trắc. Họ là lực lượng chính khi muốn thay đổi cuộc sống bất công... Họ vô danh, nhưng sẵn sàng thể hiện sự chính trực của mình khi có chuyện trên đường, thể hiện quan điểm của mình trong một tiệm nước hay tiệm hớt tóc...

Vì những điều được trải nghiệm trong suốt mấy chục năm sống trên mảnh đất chôn nhau này, tôi luôn thấy tò mò về Sài Gòn, thành phố gắn bó cả đời mình. Những vẻ đẹp của một bức tranh từng mê mải ngắm nhìn, giai điệu âm thanh từng nghe thấy, một ngôi nhà đẹp vẫn thường qua lại, một địa danh hay tên người gọi nhiều điều gần gũi, thúc giục tôi tìm hiểu như một hành trình tìm lại những cảm xúc hồi mới lớn, và thành những câu chuyện kể.

Những người già trên bảy mươi hay tám mươi tuổi, đang sống ở Sài Gòn hay đã xa xứ từ lâu, kể cho tôi nghe những câu chuyện xưa lắc mà với họ như vừa mới đây. Chỉ là những câu chuyện cũ, không hề thể hiện chút gì tự hào quá mức, nhưng trong đó có hào khí, tích tụ từ cuộc sống dám làm dám chịu, lạc quan yêu đời, biết làm ăn giỏi giang và từng vượt qua thất bại để tồn tại.

Tất cả những điều đó làm nên cuốn sách này, kết nối qua những bài viết từ những góc nhìn riêng hạn hẹp, với mong muốn nhỏ là cùng với bạn đọc lưu giữ thêm một chút ký ức về Sài Gòn, thành phố thân thương này, những ký ức mà khi viết ra được, chỉ mong sẽ không bị chìm lấp như bao vẻ đẹp đã mai một dần ở thành phố này". ♦

PHẠM CÔNG LUẬN

www.khaitam.com/Product/ProductDetail.aspx?zoneid=248&ProductID=831



Người Sài Gòn chào đón & gọi mời Tổng thống Hoa Kỳ OBAMA

(Ảnh: Internet)



SÀI GÒN: Hòn ngọc Viễn Đông ‘mất duyên’



Trà Mi - VOA

Sau năm 1975, nền giáo dục của mình xuống cấp. Những thế hệ sau bị nhồi sọ. Những sự dối trá từ miền Bắc đem vào. Tất cả ảnh hưởng đến thế hệ trẻ rất nhiều, chủ yếu từ nền giáo dục.



Sài Gòn, nơi từng được mệnh danh là ‘Hòn ngọc Viễn Đông’, đang ngày càng kém duyên và biến thành một đô thị xô bồ, ô nhiễm. Những ngợi khen về con người Sài Gòn chân tình, hào sảng đang dần mất dạng để nhường chỗ cho một xã hội bon chen, trộm cướp hoành hành.

Vì đâu nên nổi? Làm cách nào lấy lại được những tiếng thom đã mất và khôi phục lại vẻ đẹp vốn có của thành phố năng động này? Đó là chủ đề của Tạp chí Thanh Niên VOA hôm nay, với 3 khách mời là những cư dân trẻ của Sài thành:

* Phạm Văn Lộc,

* Nguyễn Trần Hoàng, và

* Hoàng Kim Sơn.

Mời các bạn cùng gặp gỡ.



Trà Mi: Các bạn thấy hình ảnh Sài Gòn ngày nay khác xưa thế nào?

Phạm Văn Lộc: Sài Gòn bây giờ đã thay đổi rất nhiều, một thành phố khói bụi ô nhiễm, và đã mất đi nét văn minh của Sài Gòn xưa từ cách ứng xử của từng người. Ra đường chỉ cần một va quệt nhỏ là người ta ứng xử với nhau thiếu văn hóa.

Trà Mi: So sánh Sài Gòn xưa và nay, Lộc nghĩ ngay tới những hình ảnh chưa đẹp. Còn Sơn, cảm nhận của bạn về Sài Gòn thế nào?

Hoàng Kim Sơn: Xưa dưới thời Việt Nam Cộng hòa, Sài Gòn giữ được những nét cổ, đẹp theo văn hóa, quy hoạch của người Pháp. Nay, sau một thời quản lý của nhà nước này, có vẻ như hơi chệch choạc về quy hoạch đô thị cũng như về đạo đức con người. Dân ở đây giờ chủ yếu là dân nhập cư, chứ người gốc Sài Gòn rất ít. Do mặt bằng chung của xã hội và giáo dục đạo đức, không riêng ở Sài Gòn mà trên cả nước, đạo đức con người đã đi xuống, an sinh giáo dục cũng kém. Nói chung do quản lý thời.’

Trà Mi: Nói tới Sài Gòn, người ta nghĩ ngay tới các tòa cao ốc, khu mua sắm, dinh thự nguy nga tráng lệ, hay những hàng quán sang trọng. Những hình ảnh đó không là niềm hãnh diện của Sài Gòn hay sao?

HKS: Sài Gòn lâu nay vẫn là nơi giàu nhất Việt Nam mà.

Phạm Văn Lộc: Bây giờ rất xô bồ, không có nét gì để hãnh diện hết.

Trà Mi: Đắt chắt người đông, khó tránh được sự xô bồ hay ô nhiễm. Các bạn có thông cảm điều đó không?

Phạm Văn Lộc: Người lãnh đạo phải sáng suốt thì thành phố mới sạch, đẹp, văn minh. Đó chính là điều gây trở ngại. Sau năm 1975, nền giáo dục của mình xuống cấp. Những thế hệ sau bị nhồi sọ. Những sự dối trá từ miền Bắc đem vào. Tất cả ảnh hưởng đến thế hệ trẻ rất nhiều, chủ yếu từ nền giáo dục.

Hoàng Kim Sơn: Môi trường xã hội ảnh hưởng con người. Đạo đức con người là do môi trường xã hội. Khi cuộc sống quan trọng đồng tiền trên hết, người ta không còn quan tâm đến đạo đức và tự trọng nữa. Người ta làm mọi giá để kiếm được tiền dù làm chuyện xấu.

Trà Mi: Nếu cuộc do sống kim tiền khiến con người thay đổi thì xung quanh cũng có nhiều nơi phát triển hơn mình, họ chạy theo đồng tiền còn vội vã hơn nhưng vẫn giữ được nét văn minh-lịch sử, chẳng hạn như Thái Lan hay Singapore?

Hoàng Kim Sơn: Bản nông không được học lại lên làm cán bộ. Cho nên, chiếm vị trí trong xã hội không phải là người giỏi nhất mà là những kẻ giang hồ nhất. Họ làm điều xấu để họ vươn lên. Từ cái gốc đã xấu rồi thì cái ngọn đâu có đẹp nữa?

Trà Mi: Có khách quan không khi đổ lỗi ở những người có vị trí, có trách nhiệm? Hay cũng có một phần nào đó do ý thức của từng cá nhân trong xã hội này?

Hoàng Kim Sơn: Đúng, mỗi người là một yếu tố trong xã hội. Bản thân mỗi người phải tự 'vươn ra', chứ cứ kiếm sống và an phận đến chết thì cuộc đời họ chỉ giống một con ốc trong một chuỗi ốc thôi, không được gì cả. Phải có ý chí 'vươn ra ngoài', vượt ra khỏi nhà tù nhỏ của cộng sản để đầu óc sáng sủa hơn, để biết cách sống và đóng góp cho xã hội, chứ không phải chỉ biết tích góp cho bản thân mà thôi.

Phạm Văn Lộc: Mình sống trong một xã hội không được tự do. Có rất nhiều nhân tài nhưng họ không được trọng dụng thì đất nước cũng khó phát triển. Sinh viên đại học bây giờ hai, ba bằng đại học vẫn không xin được việc làm vì không có thân thế. Con cháu của cán bộ thì được đưa vào. Nhân tài thì bị mai một. Đó là điều người trẻ trăn trở.

Trà Mi: Các bạn mong muốn những thay đổi như thế nào từ giới hữu trách?

Phạm Văn Lộc: Sống giữa chế độ độc đảng này, khó lắm, không thể nào nói được. Dân cất tiếng, họ vui dập liến. Khi nào đất nước thật sự có tự do-dân chủ thì người trẻ mới phát huy được năng lực của mình.

Trà Mi: Ngoài những kỳ vọng ở giới hữu trách, trách nhiệm của người trẻ ra sao để thúc đẩy mọi việc khá hơn?

Nguyễn Trần Hoàng : Mỗi người trong xã hội đều phải có trách nhiệm. Từng người sống tốt thì xã hội tự nhiên sẽ tốt hơn. Đừng lường gạt, đừng hơn thua, đừng làm gì sai trái mà hãy sống một cách chân chính.

Phạm Văn Lộc: Mình mơ ước trước tiên thay đổi được nền giáo dục từ gốc thì mình mới tạo nên được những nét đẹp bên ngoài. Nếu vẫn theo nền giáo dục xã hội chủ nghĩa thì các thế hệ tiếp nối sẽ khó giữ được nét đẹp trong con người để từ đó có thể xây dựng được một thành phố tốt đẹp hơn. Ra nước ngoài thấy nhiều nơi họ treo bảng đề phòng người Việt trộm cắp, mình thấy xấu hổ cho một nền giáo dục dối trá.

Nguyễn Trần Hoàng: Ước muốn Sài Gòn ngày càng thay đổi tốt đẹp hơn phải từ con người thay đổi. Khi con người thay đổi, sống chân thật, tâm thiện, đối xử tốt với người khác thì xã hội mới đẹp hơn.

Hoàng Kim Sơn: Với Việt Nam, không đơn giản chỉ thay đổi giáo dục là được, mà phải thay đổi từ hệ thống nhà nước, từ luật lệ. Giống như Tổng thống Obama nói, muốn thấy sự thay đổi, bản thân mỗi người hãy tự thay đổi. Chỉ cần 30% dân Việt Nam thay đổi thì sẽ thấy được sự 'cách mạng', không cần phải gì đâu.



Trà Mi: Cảm ơn các bạn rất nhiều đã đóng góp trong chương trình Tạp chí Thanh Niên VOA hôm nay. ♦

TRÀ MI
(06.03.2016)

Nguồn:

<http://www.voatiengviet.com/content/hon-ngoc-vien-dong-mat-duyen/3220895.html>



Trà Mi & Hà Giang (bên phải)

Tổng hành dinh VOA (Voice of America), thật không hổ danh là tiếng nói chính thức của Hoa Kỳ, là một tòa nhà khang trang, tọa lạc tại số 330 Independence Avenue, Washington D.C., cách đài Á Châu Tự Do

không xa.

Sau khi làm đủ thủ tục an ninh, chúng tôi được đưa vào phòng tiếp khách, và chưa đầy một phút sau, nữ phóng viên Trà Mi, trong mái tóc xõa ngang vai, và tà áo dài tha thướt yêu kiều, rất Việt Nam, ra đón. Phóng viên Trà Mi có lẽ là một trong những giọng nói và khuôn mặt quen thuộc nhất của khán, thính giả thích nghe cả hai đài Á Châu Tự Do và VOA. Tiếp chúng tôi bằng nụ cười e ấp, Trà Mi khiêm nhường, *“Từ trước đến giờ chỉ quen phỏng vấn người khác, giờ đến lượt sắp ‘bị’ phỏng vấn, run quá!”*

Thật ra buổi tiếp xúc của chúng tôi là câu chuyện tâm tình giữa hai đồng nghiệp hơn là cuộc phỏng vấn.

Tuy được xem là phóng viên trẻ, Trà Mi không thiếu kinh nghiệm truyền thông chút nào. Tại Việt Nam, cô từng làm trong ngành truyền hình từ năm 1997 đến năm 2001 sau khi tốt nghiệp ban văn chương. Phóng viên Trà Mi cho biết, qua đến Hoa Kỳ, cô theo học tại California State University, Fullerton, tốt nghiệp Cao học Giáo dục. Học thì học hai ngành văn chương và giáo dục, nhưng kinh nghiệm truyền thông của Trà Mi trước đây khiến cô được tuyển vào Á Châu Tự Do năm 2004. Và vốn liếng học vấn của Trà Mi, như với tất cả những người trong giới truyền thông, giúp cô có “nội lực” để hoàn thành trách nhiệm.

Làm việc với đài Á Châu Tự Do từ năm 2004 đến 2009, và nổi tiếng ở đây với chương trình “Diễn Đàn Bạn Trẻ,” nơi cô điều khiển những cuộc thảo luận đặc sắc với giới trẻ khắp nơi trong nước, về các vấn đề thời sự liên quan đến Việt Nam. Sau khi rời đài Á Châu Tự Do, Trà Mi chuyển sang làm việc với VOA và đã ở đây được gần sáu năm rồi.

Trà Mi

khuôn mặt của 

♦ HÃ GIANG

Tại VOA, chương trình “Tập Chí Thanh Niên” của Trà Mi thu hút rất nhiều khán thính giả trước đây từng theo dõi chương trình Diễn Đàn Bạn Trẻ của cô ở đài RFA. Về công việc tại VOA, Trà Mi cho biết ngành truyền thông ở Hoa Kỳ “có lẽ làm việc ở đâu cũng giống nhau,” cũng phải đưa thông tin trung thực, phải kiểm chứng nguồn tin, phải “tường trình chứ không bình luận.”

“Nhưng với VOA, vì là tiếng nói chính thức của chính phủ Hoa Kỳ, nên tương quan với Việt Nam nhẹ nhàng hơn một chút.”

Cô nói. VOA phát thanh về Việt Nam qua làn sóng trung, mỗi ngày một tiếng rưỡi so với mỗi ngày hai tiếng của Á Châu Tự Do, nhưng công việc của Trà Mi, “phóng viên nhỏ nhất ở VOA,” theo lời cô, không nhẹ hơn tí nào.

Ngoài những cuộc phỏng vấn hay chương trình do chính mình thực hiện, Trà Mi cho biết cô “có trách nhiệm biên tập nội dung tất cả các chương trình phát hình từ A đến Z.”

“Một ngày của em rất dài, phải thức dậy làm việc từ bốn giờ sáng,” cô kể, rồi tâm sự, “Chỉ cũng ở trong ngành thì biết, làm ngành truyền thông vất vả lắm, luôn phải theo dõi thời sự, luôn phải trau dồi kiến thức, luôn phải học hỏi. Trước kia ở RFA thì em học chú Khanh. Ở đây thì em học những đồng nghiệp đi trước khác.”

Nhưng dù vất vả tất bật, Trà Mi cho biết “yêu truyền thông” lắm vì “không yêu thì không thể nào làm được,” và chắc chắn sẽ mãi theo đuổi ngành này.

Á Châu Tự Do, VOA, phóng viên lão thành Nam Nguyên, phóng viên trẻ Trà Mi, ở họ và ở các phóng viên chuyên nghiệp khác có điểm gì chung? Yêu nghề, yêu công việc phụng sự và yêu vai trò đóng góp của mình vào lịch sử. ♦

HÀ GIANG

Nguồn:

<http://www.nguoi viet.com/absolutenm2/templates/viewarticle30thang4.aspx?articleid=201787&zoneid=492>

tôi đếm bên em
những chân ngoan bước nhỏ
e vội vàng
không đủ phố rong chơi

em bỏ bùa tôi bằng giọng nói
chiều Sài Gòn xe cộ đan đầy
mưa lất phất bay,
ly cà phê nhỏ giọt
tay rất ơ hờ chưa kịp đan tay

hai nỗi cô đơn thấp thoáng bên nhau
đài con phố tôi canh chừng xe cộ
tiếng thì thầm thả bay trong gió
nắng đọng vai tháng tám ơ hờ
những con đường thấp thoáng hẹn hò xưa
chân dép nhựa xạc xào tâm sự

tôi đếm bên em
chân ngoan bước nhỏ
e vội vàng không đủ phố rong chơi
tôi bước bên em
thấp thoáng môi cười
mồ hôi tắm một vùng mưa dự báo

em Sài Gòn không là em trí nhớ
còi xe quện tiếng người
thác lũ cuốn vào nhau
lũ ngã tư đường chớp tắc ngăn ngor
nhìn thiên hạ xô nhau vượt đèn đỏ

anh đếm bên em những chân ngoan bước nhỏ
e vội vàng không đủ phố rong chơi
ngày Sài Gòn hời cười niềm vui
cây Sài Gòn mọc lườn ra những khung tranh tĩnh vật
lá Sài Gòn mọc chòm ra đầu cành nhựa tổng hợp
núi Sài Gòn mọc ra từ những ngọn giả sơn
hoa Sài Gòn trở ra ngoài bức vẽ đóng khung
đời sống tràn ra hai bên đường mắt cay bụi đỏ
vú Sài Gòn mịn căng nở lòng nào vú giả
môi Sài Gòn bập bẹ
bên gã tình nhân Đài Loan, Hàn Quốc xài sang

tôi bồi hồi bên những cái đóng khung
quán sách ngày xưa nặng mùi kinh tế
những mộ bia vẫn chùng đầy trên kệ

tôi ngậm ngùi bên những cái đóng khung
tội những câu thơ viết ở quán bia ôm
tô hủ tíu năm ngàn đồng
thêm cái hột gà bồi dưỡng suốt đêm
người con gái (thích ca dao) không ngủ

thơ, ở nhà thờ Chúa cứu thế



(Nhà thờ Chúa cứu thế, Sài Gòn)

cho anh mười phút băng qua đường
tắc xi chờ bên đó
giấy tùy thân có mẹ anh giữ hộ
chút ngây thơ này em giữ cho anh
Sài Gòn của mình đèn đỏ, đèn xanh
chiều dạo phố quên khẩu trang
mắt cay bụi đỏ
anh đếm bên em những chân ngoan bước nhỏ
e vội vàng không đủ phố rong chơi
lũ khách sạn năm sao cần nát một khung trời
người con gái má đồng tiền ôm chai bia tiếp thị
anh cả nể theo cơn say ý nhị
thánh lễ ban chiều hai đĩa tắm mồ hôi
em ngại ngừng sinh nhật thứ hai mươi
cây nến nhỏ thơm mùi cỏ dại
sân trường cũ buổi chiều anh trở lại
bằng cấp lâu rồi vẫn chuyện bán buôn

thôi em về, nhớ ngủ cho ngoan
anh ru khẽ câu thơ chiều niệm
hai mươi năm lỡ trắng phù phiếm
một mảnh sương mù giăng áo phoi

❖ hoàng chính

Tác giả cộng tác Đi Tới năm 1996.



ẢN MẠN SÀI GÒN

NGÔ QUANG HÙNG

Sài Gòn đối với đa số dân Sài Gòn gạo cội không phải là “thành phố 10 mùa hoa”, “thành phố mang tên Bác”, hay thành phố cay cú “tôi mất người như người đã mất tên”,

Sài Gòn hiền lành hơn thế nhiều. Dân Sài Gòn vốn vẫn thờ ơ với chính trị, nhất là thứ chính trị salon vô bổ, nhiều lời lẽ, thiếu tính thực tế.

Dân Sài Gòn chính hiệu “con nai vàng” chẳng bao giờ gọi Sài Gòn là thành phố Hồ Chí Minh. Không nhất thiết là vì lý do chính trị. Thăng Tí thăng Tèo trong mắt bà ngoại trăm năm vẫn là thăng Tí thăng Tèo, bất kể địa vị xã hội của nó là gì. Tôi có nói chuyện với vài bạn trẻ ở miền Bắc mới sang Mỹ, nghe họ dùng “thành phố Hồ Chí Minh” để nói đến Sài Gòn, thấy quái quá thể nào ấy, dù tôi chẳng có lý do gì chính đáng.

Sài Gòn, dù trong thời buổi khó khăn nhất, vẫn như một cô tiểu thư đài các: đông đánh đôi chút mà dễ thương thiệt nhiều. Nhắc đến Sài Gòn người ta hay nhắc đến mưa, nhưng tôi lại nhớ dai dẳng cái nắng gay gắt của nó. Nhà tôi ở một con đường nhỏ. Trưa hè đặt cái “lưng dài vai rộng” xuống nền gạch bông mát lịm, ngắm bầu trời xanh ngắt, gió nhẹ hiu hiu, thì không có nơi nào trên quả đất này cho cảm giác thanh bình hơn.

“Một ngõ vắng xông xao

Nằm trong lòng phố lớn ...”

Khác với Hà Nội, không gian Sài Gòn rất thoáng, chỉ ít là cách đây hơn 15 năm. Không gian của một buổi trưa hè hiu gió còn thoáng hơn vạn lần. Tôi luôn có cảm giác mình có thể bay bổng lên, thò tay với cụm mây bông bành trên người.

Tuy thoáng, không gian Sài Gòn không bao giờ làm ta cảm thấy lạc lõng. Những tiếng rao thì thoáng của người bán dạo nghe nao nao, cuộn cả buổi trưa hè thành một miếng bột bánh bèo trắng phau với ít đậu xanh, mỡ hành, nước mắm đường ngọt lịm.

Từ ve chai, bánh bao chỉ, chè đậu xanh bột báng nước dừa, kẹo kéo, tàu hủ, đến mì gõ đều có người mang đến tận cửa. Có rất nhiều tiếng rao mà đến bây giờ tôi vẫn không hiểu nghĩa, nhưng nghe cái cung nhạc ấy thì biết ngay là họ bán cái gì.

Người Sài Gòn cũng thoáng như không gian Sài Gòn vậy! Không đâu có thể dễ có nhiều bạn, và bạn không tồi, như ở Sài Gòn. Không chỗ nào trên đất Việt Nam người ta sống năng động và khoáng đạt hơn ở Sài Gòn. Trước khi bàn chuyện “người lớn” này, xin mạn phép quay lại chuyện thăng Tí thăng Tèo.

Đối với một thằng Tèo Sài Gòn chính gốc con nhà nòi thì Sài Gòn dĩ nhiên là “bự” hơn một buổi trưa hè. **Sài Gòn là những chiều tụ tập bấm chuông nhà người ta, cho đến khi nghe chủ “Đ.M. tui bai con cái nhà ai mất đại bấm chuông wai dzậy” thì mới chịu vắt giò lên cổ chạy.**

Sài Gòn là các hồ bơi Lao Động, Chi Lăng, Nguyễn Bình Khiêm, là mấy củ khoai mì nóng hôi với dừa nạo, là nước mía lạnh, là ốc dích ốc tắng, là bắn bi ca-de với những câu đồng dao khó hiểu như thần chú: “lang cang báng dôi ăn tiền”. Nói sai hay nói thiếu một chữ là đánh nhau chỉ từ để rồi ngày mai lại cầu nhau chơi tiếp. Sài Gòn là những buổi tối cúp điện, tụ họp ca hát hay vừa hồi hộp vừa thích thú nghe và kể chuyện ma như chính mắt mình thấy hôm qua.

Sài Gòn là những con điều làm đi làm lại, treo thêm cả vài cái lưới lam để cắt dây điều khác; là để hộp quẹt thổi phù phù “đá bắt xác”; là chùm ruột chua ngọt, những cùi thơm, cóc ổi ngâm cắm que cà rem “đa năng” không biết đã được dùng lại bao nhiêu lần.

Lớn lên một tí, Sài Gòn là cô bé hồi hộp chờ thằng Tèo hái cho cả cành phượng về ép làm bướm; là hàng điệp trải thảm vàng rực ở trường phổ thông; là quán cà phê từng buổi đón em về.

Xin trích đoạn một bài hát tôi viết đã lâu, đặt tên (rất tự nhiên) là “Lâu Lâu”:

“Lâu lâu ngồi nhớ hồi xưa

Buổi trưa thường hái trộm me

Thằng leo, thằng đứng làm thang...

Lâu lâu ngồi nhớ hồi xưa

Phượng cao mấy cũng trèo lên

Chỉ vì cô bé mắt tròn xoe... mắt tròn xoe”

Dĩ nhiên, cô bé mắt tròn xoe của tôi vẫn đang ở Sài Gòn.

Sài Gòn đáng yêu lắm! Nó đơn giản và khoáng đạt, không bao giờ cần cái văn vẻ “màu mè ba lá lẹ”, không cần các suy nghĩ tự tôn ra vẻ triết gia hướng nội, để phải miệt thị kẻ khác quan điểm.

Sài Gòn còn là thành phố của sự đối lập: giữa những biệt thự kín cổng cao tường và đám nhà ổ chuột trên kênh hôi hám; giữa văn minh đô thị và những tiếng chửi thề; giữa sự ồn ào bụi bặm và không gian im lặng thanh tao.

Nổi bật hơn tất cả là sự đa dạng vô cùng của con người Sài Gòn. Đặc biệt là họ không sống “như đã từng được sống”, mà luôn “sống như chưa được sống bao giờ”.

□

Ăn mình sau các hàng bông giấy, dây thủy tiên chói đỏ, là những ngôi biệt thự lúc nào cũng kín cổng. Không ai biết những người sống trong đó làm gì, là ai, và cũng chẳng ai thật sự quan tâm... ngoại trừ bọn thằng Tí thằng Tèo. Bọn nhóc chúng tôi thường có rất nhiều các truyền thuyết về những người sống trong mấy ngôi nhà ấy.

Ở đầu ngõ nhà tôi cách đây khoảng 20 năm có một ngôi nhà như thế, chỉ hơi khác là hai cánh cửa sắt to đùng lại thấp lè tè. Mỗi chiều có một anh chàng vác ghế đầu cao ngời tì tay lên cửa trông ra đường. Gã chẳng bao giờ cạo râu cắt tóc. Mặc dù nắng chiều rạng rỡ xóa bớt phần nào sự ma quái, bọn tôi vẫn chẳng dám đến gần gã. Người ta có rất nhiều “lý thuyết” khác nhau về gã: nào là người yêu bỏ đi Mỹ, bị công an lấy mất gia tài, vân vân và vân vân. Cuối cùng hình như hẳn chỉ giả diên để trốn nghĩa vụ quân sự. Đến khi hết tuổi người ta thấy hẳn cạo râu, cắt tóc ngắn chờ ngày xuất cảnh. Dù gì thì gì, những ngôi biệt thự vẫn là nguồn cảm hứng vô tận cho hàng tỉ câu chuyện mê li rùng rợn bọn tôi truyền miệng mỗi tối cúp điện.

Chỉ cách những tòa lâu đài ấy vài trăm mét là một xóm lao động nghèo với những “truyền thuyết” kiểu khác hẳn: truyền thuyết về các “anh hùng” du đảng như trong tiểu thuyết Duyên Anh. Có lần một trong những anh hùng nổi tiếng nhất “xóm Chùa” mang dao đứng giữa ngã Năm thách đấu công an phường. Cuối cùng một anh công an nhảy vào đánh tay đôi với hắn và buộc phải dùng súng hạ gã.

Đi thêm khoảng trăm mét nữa là đến con rạch thúi hơn cầu tiêu công cộng ở Đại học Bách Khoa tỉ lần. Vậy mà tôi vẫn từng đi câu cá bóng, vớt trùn chỉ với lũ bạn. Câu cá ngày được 2 con cá nhỏ hơn ngón tay út. Chỉ có trùn chỉ là lần nào cũng vớt được rất nhiều, làm mấy con cá Tàu nhà tôi ăn sinh bụng bơi lặc lè kéo theo dây phân dài cả thước.

“Xóm” tôi có khá nhiều nhà có piano. Chiều chiều nghe lũ nhỏ tập từ Methode Rose, Hannon đến Classic 3, từ sòn đô sòn đến Tempest. Lẫn vào trong đó luôn là tiếng chửi thề của bà Tư nhà bên cạnh. Có lẽ chẳng có món “xí quách” nào... xí quách hơn sự pha tạp của hai loại âm thanh ấy.

Buổi chiều ở Sài Gòn đối lập hẳn với buổi trưa yên tĩnh. Đường như cái dịu dịu của nắng ấm làm người ta có nhiều năng lượng hơn. Chỉ ít là bà Tư lúc nào cũng có thừa năng lượng vào buổi chiều. Bà chửi từ ông Tư tới thằng con mất dạy. Ông Tư thì chẳng nói lại nhiều lời trừ khi mới nhậu xong. Chai rượu đế Gò Đen (chứ hông phải ổng) vác dao bữa cùi gí vào cổ bà vợ to béo, gã con trai thì vừa can vừa... đục luôn ông già, trong lúc đó tiếng Tempest vẫn vang vang ngất ngưởng.

Điểm lạ (!?) nhất là tiếng Tempest vài năm sau biến mất, còn vợ chồng ông bà Tư vẫn sống “vui vẻ” với nhau như thế...

□

Tính đối lập của Sài Gòn rõ nét nhất là vào buổi tối. Người ta đã viết rất nhiều về “Hòn Ngọc Viễn Đông” và tính phân chia giai cấp khắc nghiệt của nó. Đó là trước 75. Sau giải phóng cái danh hiệu Hòn Ngọc Viễn Đông bị Bangkok cướp mất, nhưng tính đối lập của Sài Gòn chẳng ai cướp nổi.

Sài Gòn không bao giờ ngủ.

Khoảng 9, 10 giờ đêm là các vũ trường bắt đầu hoạt động. Bọn con nhà giàu tí tởn hẹn hò dream, LA, su 100, quần xê, váy cao, phóng vu vu qua các đường Nguyễn Huệ, Đồng Khởi, Hàm Nghi... sau đó vọt đi mấy cái Discoteques vang bóng một thời như Thái Sơn, Cadillac, Queen Bees,...

Phong trào đua xe thì Sài Gòn luôn đi đầu. Thừa chưa có nhiều xe gắn máy thì bọn choai choai đã biểu diễn đi xe đạp một bánh xoay vòng vòng hàng đêm trước nhà hát lớn. Đến khi có xe gắn máy nhiều rồi thì cả đội “Bò Câu Trắng” cũng chẳng bị ai ngăn. Hơn nữa bị giam xe thì một bữa chân gà rút xương ở Hàm Nghi là lấy xe ra cái rụp.

Khuya hơn nữa thì gái “Ca Ve” tràn về các quán com tám, mì xe để “đá đèn” (ăn đêm). Bọn “dân quậy” bao gồm lũ nhóc mới lớn lẫn dân giang hồ thứ thiệt cũng tham gia đá đèn la hét đến 3, 4 giờ sáng. Cùng khi đó các em nhỏ bán vé số cũng hoạt động cật lực. May mà vợ phải dân chơi trúng quả nó mua cả cộc thì ngày mai không phải lo tiền ăn. Cự chiến binh, thương phế binh thì vác đàn hát “Phố Đêm”, cay đắng xin từng đồng của lũ nhỏ mặt búng ra sữa chưa bao giờ hiểu hai chữ “mất mát” nghĩa là gì.

Con gái Sài Gòn cũng vậy, nghe qua là... chảy nước miếng! Con gái Sài Gòn dễ thương lắm! Họ có cái nhìn trong trẻo về cuộc sống, lại chẳng giận dai vùng vằng vô lý bao giờ. Đi đón trẻ thì: “Anh để em chờ nãy giờ đó coi có được hông? Ghét dễ sợ luôn hà!” Cộng với một cái lườm, hai cái nguyệt thì bọn Tèo Sài Gòn hồi hận quá cả 2 tháng sau mới... trở lần nữa.

Đến 3, 4 giờ sáng, khi lũ dân chơi đã hoàn toàn mệt lử lử lướt ra về, thì dân lao động bắt đầu một ngày mới. Xích lô, ba gác chở rau thịt ra chợ bán. Các lò bánh mì bắt đầu xay bột trét bơ nướng bánh thơm lừng. Máy chị bán cà phê vỉa hè cũng bắt đầu đun nước, pha cà phê vọt cho gã xích lô mới tỉnh ngủ mắt vừa nhắm vừa mở vừa tán tỉnh. Mùi mồ hôi lẫn với mùi bơ, mùi men, mùi khói SU-100 dần biến, quện với mùi không khí ẩm mát tinh sương tạo ra “mùi Sài Gòn” buổi sáng ở các khu phố chợ rất đặc trưng.

Dân Sài Gòn “quái chiêu” lắm, lúc nào cũng than thiếu tiền, nhưng không sống tận tiện bao giờ! Họ hào hiệp với bản thân và bè bạn; và họ luôn tìm được cách kiếm tiền. Nhiều người bảo tôi rằng dân Nam Bộ được thiên nhiên ưu đãi, sống hôm nay khỏi lo ngày mai, nên họ sống rộng rãi hơn dân miền Trung và miền Bắc.

Có lẽ đúng. Nhưng còn cái gì đó hơn thế nữa! Kiểu ăn xài “xả láng sáng dậy sớm”, dù nghèo rớt mồng tơi, dường như ăn vào máu của dân Sài Gòn, ăn vào không khí họ thở hàng ngày, ăn cả vào cái văn hóa hồ lớn cầu xực của họ. Dĩ nhiên để ăn xài thì đầu tiên phải kiếm ra tiền. Kiếm tiền thì có lẽ không đâu có nhiều cách như Sài Gòn. Trong thời còn ăn bo bo, gạo tổ đò lòm, thời dân Hà Nội còn ganh nhau từng cái khùng Chiến Thắng, lớp Phượng Hoàng, hộp sữa cân đường tiêu chuẩn, thì dân Sài Gòn đã bắt đầu nuôi heo lậu, quán thuốc lá Lạng Sơn pha lá dừa, làm pháo giả, bán thuốc Tây “bột năng” đầy ngoài chợ... Hiển nhiên một phần là do ưu thế xa “trung ương”, nhưng phần chính là do dân Sài Gòn sống rất “năng động”.

Những năm 79, 80 mà thấy anh nào bị còi kẹp nách, mặt mũi lấm lét ở chợ Nguyễn Hữu Cầu thì biết ngay là hần buôn thuốc Tây. Sau khi chợ thuốc Tây bị dẹp thì đường Nguyễn Hữu Cầu biến thành cái chợ trời đầu tiên của Sài Gòn sau 75. Ôi thôi thì quần zin áo pun, đồ Mỹ lẫn đồ chợ Lớn, bếp điện Liên Xô dây Gò Vấp,... Ở Sài Gòn cái gì bán được là có người bán. Đừng hòng mà mua được đồ xịn nếu mà không quen biết hay hiểu biết. Nhiều người tự thị là “rành” nhất bị lừa mà vẫn còn hí hửng. Đó là chưa nói đến giá cả trời ơi.

Tôi thường tự hỏi ai cũng bán hết thì lấy ai ra mà mua? Tiền đâu ra mà mua? Thế mà chợ lúc nào cũng đông. Đúng là Sài Gòn!

Nếu không thích cảnh chợ búa “gần mực” thì người ta quán thuốc lá, nuôi heo với cơm thừa canh cặn pha cám lậu ở ngay trong nhà. Chuồng heo phải lau rửa ít nhất hai lần một ngày, sợ hôi thì ít, mà sợ công an phát hiện thì nhiều. Lái heo bốn rưỡi sáng đã mang xe ba gác đến chợ. Bọn lái heo lậu giết heo còn giỏi hơn công nhân chuyên giết-mổ heo ở xí nghiệp Cầu Tre sau này.

Chích điện con heo chỉ kêu cái “éc” là chết ngoẻo tồ te, xẻ làm bốn mắt độ mười phút, sáng hôm sau bà con có thịt heo tươi bán ở chợ. Khi xí nghiệp nước đá Sài Gòn chưa ra đời thì nhà nhà làm đá, người người bán nước đá. “Cho con 2 cục đi dì ơi!” là câu cửa miệng trưa hè của dân Sài Gòn. Tiền điện thì vừa đắt cửa cỏ vừa phải có tiêu chuẩn. Mua cả cái tủ lạnh chuyên làm đá bỏ mỗi tháng cho các quán cà phê vỉa hè cũng chỉ đủ tiền ăn trưa cho gia đình là giới. Người ta còn buôn cả những thứ tưởng chừng như chẳng có người mua vào thời đó như pho mai Liên Xô thúi hoắc, bánh kẹo Vinabico, rượu XO pha rượu lúa, nước lã và còn...

Đến giữa và cuối thập niên 80 thì cơ hội kiếm tiền còn nhiều gấp bội. Sinh viên học sinh nghèo thì đi dạy thêm, quen biết hơn tí nữa thì đánh hàng Viễn Dương, hàng Đông Âu, buôn thuốc lá Campuchia, mua bán xe gắn máy kiếm vài chỉ dẫn “ghệ” đi chơi dễ như bỡn. Bọn Tèo kinh doanh còn buôn cả đất đai, làm xây dựng kiếm tiền từ khi còn chưa ra trường. Không nhất thiết phải chúi đầu vào học kiếm suất đi Tây. Sống cái đã, ngày mai là chuyện của tương lai!

Kể cả các thầy dạy luyện thi đại học cũng biết làm ăn ra trò: xây thêm nhà mở lớp học, có cả lớp học máy lạnh cho con nhà giàu học riêng một lớp năm bảy đứa. Các thầy nổi tiếng rất biết marketing, dạy cả lớp giỏi lấy tiền ít để bọn nó thi thủ khoa mang danh tiếng cho thầy, chia lớp ra làm cả chục tầng tùy trình độ.

Các chị các cô khéo tay thì làm bánh, làm hoa giả, pha nước hoa bán đầy đường Đồng Khởi, làm kem dừa, kem chuối tặng thu nhập gia đình.

Đừng tưởng dân Sài Gòn chỉ lo làm ăn không đọc sách. Sài Gòn có vài trăm tiệm sách cũ mà dân ghiền sách nhãn mặt. Từ sách Giải Tích Hàm của Lê Hải Châu, sách Tuổi Hoa trước giải phóng, chương Kim Dung, đến hình ảnh sách báo khiêu dâm của Mỹ, HongKong hay báo Toán Học Tuổi Trẻ, Kvant, và mọi loại truyện ngắn, dài, tiểu thuyết nội ngoại, đều có cả.

Nhân chuyện buồn thuốc, tôi có thằng bạn đi Tây Ninh buôn hai cây thuốc Zet bị bắt tịch thu luôn cả cái xe dream. Rõ là ngu! Thằng cu phá phách kinh khủng, nhưng cũng vui tính ra phết. Có lần ngồi uống cà phê hẳn bảo cô bán hàng: “Liên ơi cho anh mượn sợi dây thung.” - “Chi dzậy anh?”, Liên hỏi. Nó bảo: “Để anh thắt ống dẫn tinh”. Cô bé mặt đỏ lừ không biết có bỏ cái gì vào ly cà phê của nó không. Sài Gòn là thế đấy, muôn người muôn mặt, đa dạng vô cùng!



Dù phần nào bị cuộc sống sôi nổi cuốn trôi, Sài Gòn vẫn có nhiều thằng Tèo mộng mơ làm thơ viết truyện để thương khôn tả: làm ăn tay phải, văn nghệ tay trái. Hình ảnh con Thom cái Thấm hàng me gốc điệp không bao giờ phai nhạt trong mắt bọn Tèo Sài Gòn.

Tôi vẫn còn nhớ Tèo Nguyễn Nhật Ánh với “cô gái đến từ hôm qua”, “còn chút gì để nhớ”, “truyện cổ tích dành cho người lớn”...

*“Lòng em như chiếc lá khoai
Đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu...”*

Hay Tèo Bùi Chí Vinh:

*“Cô gái ơi anh nhớ em,
Như con nít nhớ cà rem vậy mà
Như con dế trống đi xa,
Lâu lâu lại nhớ quê nhà gáy chơi
Con dế thường gáy một hơi,
Còn anh gáy hết... một thời con trai...”*

Đến đây tôi chợt nhận ra rằng viết về “một thời để nhớ”, về những kỷ niệm êm đềm của tuổi thơ thì rất dễ, dễ đến mức cái thằng văn dốt chữ nát như tôi cũng “xỏ nhơ” được vài dòng. Khi viết cái gì ít vô thường vô phạt hơn một chút thì phải bắt đầu nhìn trước ngó sau, câu chữ trúc trắc, ý vẫn tràn nhưng sợ hiểu sai hiểu lệch, lại phải tránh chính trị chính em...

Tôi đã định dừng ở đây vì câu chuyện đã nhạt dần đi, cái hào hứng ban đầu của bạn đọc, nếu có, chắc cũng không còn nồng nhiệt nữa. Thế nhưng chẳng thể để lại trong lòng bạn đọc ấn tượng về một Sài Gòn với hai cây thuốc Zet, tôi lại phải tìm cách khác để kết thúc. Chỉ sợ rằng cũng chẳng khá hơn 2 cây thuốc Zet là mấy.

Nếu phải so sánh Sài Gòn với Hà Nội chẳng hạn, thì ta có thể so sánh ngay hai loại ổi của hai xứ. Ổi đào Hà Nội thơm lừng, ngọt ngay, ruột đỏ tươi rất đẹp, nhưng cùi mỏng, hột to, vừa khó nhá vừa chỉ nhắm được tí là hết. Ổi Sài Gòn to hơn nắm tay, cùi dày, không ngọt và thơm như ổi đào nhưng giòn tan, cắn một miếng là mát lịm, lại có thể chia cho nhiều người ăn, chấm muối ớt nghe qua là chảy nước miếng. Con gái Sài Gòn cũng vậy, nghe qua là... chảy nước miếng. Con gái Sài Gòn dễ thương lắm! Họ có cái nhìn trong trẻo về cuộc sống, lại chẳng giận dai vùng vằng vô lý bao giờ. Đi đón trễ thì: “anh để em chờ này giờ đó coi có được hông? Ghét dễ sợ luôn hà!” Cộng với một cái lườm, hai cái nguýt thì bọn Tèo Sài Gòn hời hợt quá cả 2 tháng sau mới... trễ lần nữa.

Con gái Sài Gòn rất biết ăn mặc, đi đứng. Tiền có thể thiếu chứ phong cách tiểu thư thì chẳng thiếu bao giờ. Tiểu thư Sài Gòn không ưỡn ẹo mè nheo, mà phóng xe vèo vèo đứng tim Tèo. **Giọng gái Sài Gòn thì ngọt hơn mía lùi. Cái câu “hổng chịu đâu” mà nghe dân xứ khác nói thì ngứa lỗ nhĩ, nghe con gái Sài Gòn nói thì bọn Tèo Sài Gòn như bong bóng xì hơi, biểu cái gì cũng nghe ráo trội.** Con gái Sài Gòn lẳng mạn chẳng kém ai, nhưng cũng rất thực tế. “Được thì được hổng được thì thôi, làm chi mà dzữ dzậy!”



Sài Gòn là vậy đó, ít nhất là từ cái nhìn của Tèo tôi. Còn tí tí nhiều đề tài thú vị về Sài Gòn mà tôi không muốn đề cập vì lười là chính: cuộc sống sinh viên học sinh Sài Gòn, các trò ma mãnh “cua ghê” của bọn Tèo Sài Gòn, con trai Sài Gòn, bạn bè Sài Gòn,...

Tôi đã nghe rất nhiều những lời nhận xét kiểu vơ đũa cả nắm: con trai Sài Gòn thế này, con gái Sài Gòn thế kia, dân Sài Gòn thế nọ... Càng nghe càng thấy buồn cười vì đa số những người nói mấy câu đó chưa bao giờ thật sự sống ở Sài Gòn. Không hiểu có ai đó đọc bài này xong thì có thay đổi cái nọ cái kia trong nhận thức của họ không? Hy vọng nhỏ nhoi của tôi là những thay đổi, nếu có, là theo hướng tốt hơn.

Riêng tôi thì tôi vẫn nhớ day dứt cái ngõ nhỏ xôn xao ấy... ♦



NGÔ QUANG HÙNG (7/2003)

Nguồn: <http://www.cse.buffalo.edu/~hungngo/>

Department of Computer Science and Engineering, SUNY Buffalo

338L Davis Hall, Buffalo, NY 14260-2500, U.S.A.

Phone: 716 645 4750

Email: [hungngo \[at\] buffalo \[dot\] edu](mailto:hungngo[at]buffalo[dot]edu)

Ghi thêm: Đi Tới nhấn mạnh và ghi chữ đậm.

Gởi Sài Gòn



Tranh: Cỗ họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn.

Gởi Sài Gòn phi trường tháng chín
Nỗi buồn dài hơn phi đạo thênh thang
Một lần đi, nỗi nhớ mãi riêng mang
Ai ở đó mỗi mòn khăn tay vấy?!

Gởi Sài Gòn những cơn nóng lạnh
Phố mưa buồn những tối đi quanh
Hè phố quen khua vang guốc gỗ
Mười ba năm quên cũng chẳng đành!

Gởi Sài Gòn áo vàng, áo đỏ
Phố mùa xuân hoa nắng rợp đường
Chùm pháo hồng lững lơ trước ngõ
Đón cô dâu cất tiếng nỏ mừng.

Gởi Sài Gòn niềm riêng dấu kín
Đập suốt đời trong lòng ngực buốt đau
Gởi Sài Gòn lệ nuốt lúc xa nhau
Gởi giọt rượu đọng vành môi câm nín.

Gởi Sài Gòn chuông chùa tĩnh lặng
Mồ công phu khua nỗi nhớ nhà
Gởi Sài Gòn thơ ấu tuổi mười ba
Dòng mực tím hiền như môi mới lớn.

Gởi Sài Gòn thiên đường cửa khép
Nhớ nát lòng vẫn ngoảnh mặt quay lưng!

□ Hoàng Du Thụy

(Tác giả cộng tác Đi Tới năm 1997)



SÀI GÒN

đâu căn nhập tịch

□ VŨ THẾ THÀNH

Mới đây đi trong con hẻm lầy lội ở Khánh Hội, chợt nghe bài hát ‘Kiếp nghèo’ vọng ra từ quán cà phê cóc ven đường. Tôi ghé vào gọi ly cà phê. Giọng Thanh Thúy sao da diết quá : ‘*Thương cho kiếp sống tha hương, thân gầy gò gửi theo gió sương...*’ Chủ quán, ngoài 60 cầm chông báo cũ thấy nhẹ lên bàn “*Thầy hai đọc báo...*”. Hai tiếng “*thầy hai*” nghe quen quen. Tự nhiên tôi thấy lòng ấm lại. Sài Gòn từ tâm, Sài Gòn bao dung. Tôi chợt hiểu ra, mình đã là người Sài Gòn từ thuở bào thai rồi, cần gì xin nhập tịch!

□
Sinh ra, lớn lên và sống gần hết đời ở cái đất Sài Gòn này mới thấy nó chán phèo. Hồi nhỏ thì chơi tạc lon, đánh đáo, giựt cô hồn...Thả diều không được vì ông già Mười, nhà có xe hơi xách baton rượt, sợ vướng dây điện. Tụi tui lấy kẹo cao su gắn dính vô chuông công nhà ông rồi bỏ chạy. Lớn hơn chút nữa thì chơi bầu cua, cát tê, xập xám,... Mỗi tối mẹ sai tôi xách thùng rác ra gốc me ngoài đường đổ. Tối cúp điện, tôi vừa xách thùng rác vừa ngheu ngao:

“...Đường về hôm nay tối thui, gập ghềnh em không thấy tui, em đừng tui, em nói tui đi...”.

Tội nghiệp bản “Kiếp nghèo” của Lam Phương, tôi chỉ cảm cảnh a dua hát theo chứ đâu biết sửa lời. Trời nóng, để tạm thùng rác ở gốc me, chạy ra phòng-tên nước gần đó, nắn nỉ mấy chị ma-ri-sén gánh nước thuê, cho em thò cái đầu vô vòi nước một chút. Mát đầu có sức quây tiếp.

Xóm nhỏ đôi khi lầy lội. Thỉnh thoảng mấy bà trong xóm cũng cãi nhau âm ỉ. Hôm sau hai ông chồng lại ngồi khề khà nhậu với nhau, còn mấy bà đơn đã tiếp mối. Cãi nhau là chuyện nhỏ, chuyện hôm qua cho nó qua luôn. Đời sống nghèo ở Sài Gòn là vậy, có gì thơ mộng đâu?

Mà nói thiệt, tôi là dân Bắc kỳ... 9 nút. Nhưng đó là chuyện của ba má tôi, dù sau này có về thăm quê nội ngoại tôi vẫn thấy hột hăng và hờ hững thế nào ấy.

Tôi lớn lên ở Sài Gòn, không khí Sài Gòn, cơm gạo Sài Gòn, đầu Sài Gòn, tim Sài Gòn,... bao nhiêu thứ buồn vui với nó. Trong tôi cứ bám riết xiu này, cũng gây xáo trộn cho người ta chứ.

Phong tục, tập quán, ở đất người ta mà cứ như là ở đất mình. Nhưng người Sài Gòn chỉ hiếu kỳ một chút, khó chịu một chút, rồi cũng xuề xòa đón nhận.

Lúc đầu tụi bạn ghẹo tôi là “thằng Bắc kỳ rau muống”. Con nít đôi giọng nhanh mà, trong nhà giọng Bắc, ra ngoài giọng Nam. Thế là huề hết. Rủ nhau đi oánh lộn phe nhóm là chuyện thường. Khỏi cần biết đúng sai, mày đánh bạn tao, thì tao đánh lại, Oánh lộn tung bùng. Vài ngày sau lại rủ nhau đi xem xi nê cạp.

Dễ giận dễ quên.

Hè, tụi bạn về quê, Bến Lức, Vĩnh Long, Kiến Hòa... cũng chia tay hứa hẹn, tình cảm ra rít: “Tao về quê sẽ mang lên cho mày ổi xá lỵ, xoài tượng...”. Tôi ngóng cổ chờ bạn, chờ quà. Thực ra, tôi thèm có quê để về.

Tết đến, thầy cô, bạn bè về quê, nhiều người Sài Gòn xôn xao về quê. Tôi ở lại Sài Gòn mà thấy hình như mình vẫn không phải là dân Sài Gòn. Vậy ai là dân Sài Gòn chính hiệu đây? Chẳng lẽ phải tính từ thời mấy ông Pétrus Ký hay Paulus Của?

Sài Gòn trẻ măng, mới chừng hơn 300 tuổi tính từ thời Chúa Nguyễn xác lập chủ quyền ở đây. Sài Gòn khi cất ra khi nhập vào, to nhỏ tùy lúc. To nhất có lẽ khi nó là huyện Tân Bình, kéo dài đến tận vùng Biên Hòa. Nhỏ nhất là vào thời Pháp mang tên Sài Gòn.

Ngay trước 1975, Sài Gòn rộng chừng 70 km², có 11 quận, từ số 1 đến 11. Hồi đó Phú Nhuận, Tân Bình, Thủ Đức,... còn được xem là nhà quê (tỉnh Gia Định). Bây giờ Sài Gòn rộng tới 2.000 km².

Sài Gòn đặc địa, có cảng nổi biển, là đầu mối giao thương quốc tế, tiếp cận với văn minh Tây phương sớm. Đất lành chim đậu. Người miền Nam đổ về nhiều. Dân Sài Gòn không có địa giới rõ rệt. Nói tới họ có vẻ như là nói tới phong cách của dân miền Nam.

Họ là những lưu dân, khai phá, hành trang không có bỏ rào lũy tre nên tính tình phóng khoáng, trọng nghĩa khinh tài, nói năng bộc trực... Ai thành đại gia thì cứ là đại gia, ai bán hàng rong thì cứ bán.

Sài Gòn không tự hào mình là người thanh lịch, không khách sáo, không mời lời. Họ lấy bụng thiệt mà đả nhau. Sài Gòn có mua bán chém chặt? Có, đúng hơn là nói thách. Cứ vô chợ Bến Thành xem mấy bà bán mỹ phẩm, hột xoàn hét giá mát trời ông Địa luôn. Đối tượng nói thách của họ là khách hàng, chứ không cứ gặp khách tình mới nói thách. Dân Sài Gòn lơ mơ cũng mua hớ như thường. Thuận mua vừa bán mà.

Ít nơi nào nhiều hội ái hữu, hội tương tế, hội đồng hương như ở Sài Gòn. Dân tứ xứ về đây lập nghiệp nhiều. Có máu lưu dân trong người, dân Sài Gòn thông cảm đón nhận hết, không ganh tị, không thắc mắc, không kỳ thị. Người ta kỳ thị Sài Gòn, chứ Sài Gòn chẳng kỳ thị ai. Nhiều gia đình người Bắc người Trung ngại dẫu ngại về Sài Gòn, chứ dân Sài Gòn chấp hết, miễn sao ăn ở biết phải quấy là được.

Dân Sài Gòn làm giàu bằng năng lực hơn là quyền lực. Người ta nói “dân chơi Sài Gòn”. Trời đất! Sài Gòn mà “tay chơi” cái nổi gì. Tay chơi dành cho những đại gia mới giàu lên đột xuất từ đâu đó đến. Đòi hỏi, Sài Gòn biết sợ. Sài Gòn a dua thì có, nhưng a dua biết chọn lọc. Coi vậy chứ dân Sài Gòn đâu đó còn chút máu “kiến nghĩa bất vi vô đồng giả”.

Cứ xem dân Sài Gòn làm công tác xã hội thì biết, cứu trợ lũ lụt thấy người ta lạnh quá, cởi áo len đang mặc trên người tặng luôn.

Họ làm vì cái bụng nó thể, chứ không phải vì PR, đánh bóng bộ mặt. Biết bao văn nghệ sĩ miền Bắc, miền Trung vào đất Sài Gòn này “quậy” tung, tạo ra cái gọi là văn học miền Nam hậu 54 coi cũng được quá chứ? Nhạc sĩ Lam Phương, quê Rạch Giá, 10 tuổi đã lưu lạc lên Sài Gòn kiếm sống. Năm 17 tuổi nổi danh với bản “Kiếp nghèo” và khá giả từ đó.

Tiếp cận văn minh phương Tây sớm, nên dân Sài Gòn có thói quen ngả mũ chào khi gặp đám ma, xe hơi không ép xe máy, xe máy không ép người đi bộ, chạy xe lờ va quẹt vào nhau, giờ tay chào ngỏ ý xin lỗi là huề. Những thói quen này giờ đây đang mất dần, nhưng dân Sài Gòn không đổ thừa cho dân nhập cư. Họ cố gắng duy trì (dù hơi tuyệt vọng) để người mới đến bắt chước vì lợi ích chung. Chợ hoa là một chút văn hóa của Sài Gòn, có cả nửa thế kỷ nay rồi, có dân nhập cư nào “yêu” hoa mà ra đó cướp giật hoa đâu.



Sài Gòn nhỏ tuổi nhiều tên, nhưng dù thế nào Sài Gòn vẫn là Sài Gòn. Nhiều người thành danh từ mảnh đất Sài Gòn này. Sài Gòn nhớ không hết, nhưng mấy ai nhớ đến chút tình của Sài Gòn? May ra những người xa Sài Gòn còn chút gì nhức nhối. Tôi có người bạn Bắc kỳ 9 nút, xa Việt Nam cũng gần 40 năm. Tên này một đi không trở lại, vừa rồi

phone về nói chuyện lẩn tẩn, rồi chợt hỏi: “Sài Gòn còn mưa không?”. “Đang mưa”. Đầu phone bên kia thở dài: “Tao nhớ Sài Gòn chết... mẹ!”. Sài Gòn nay buồn mai quên, nhưng cũng có nỗi buồn chẳng dễ gì quên.

Mới đây đi trong con hẻm lầy lội ở Khánh Hội, chợt nghe bài hát “Kiếp nghèo” vọng ra từ quán cà phê cóc ven đường. Tôi ghé vào gọi ly cà phê. Giọng Thanh Thúy sao da diết quá: “*Thương cho kiếp sống tha hương, thân gầy gò gởi theo gió sương...*”. Chủ quán, ngoài 60 cầm chõng báo cũ thấy nhẹ lên bàn “*Thầy hai đọc báo.*” Hai tiếng “thầy hai” nghe quen quen... Tự nhiên tôi thấy lòng ấm lại. Sài Gòn từ tâm, Sài Gòn bao dung. Tôi chợt hiểu ra, mình đã là người Sài Gòn từ thuở bào thai rồi, cần gì xin nhập tịch. ♦

VŨ THẾ THÀNH

(“Sài Gòn, một góc ký ức và bây giờ”)

Nguồn:

* <http://www.8saigon.net/sai-gon-dau-can-nhap-tich.html>

* <https://vuthethanh.com/2018/12/12/sai-gon-dau-can-nhap-tich/>

THUYỀN NHÂN VIỆT NAM

(Page 47: Vietnamese boat people rescued by an ITALIAN naval vessel receiving first aid on the deck of the ship, 1979, UNHCR) A. RANZONI. (Ảnh tài liệu của Gs. NPC.)

Thuyền nhân Việt Nam trên Biển Đông
vừa được một thương thuyền nước Ý Đại Lợi cứu vớt lên sàn tàu.



"Bọn người bỏ chạy ra nước ngoài là bọn tay sai Mỹ-Ngụy, bọn phản động, bọn phản quốc, bọn tàn dư đế quốc tư bản, bọn điếm..."

TRỞ THÀNH KHÚC RUỘT (sống) NGÀN DẬM

"Người Việt Nam ở nước ngoài dù đi đâu, ở đâu, dù đi ra nước ngoài vì bất cứ lý do gì, họ cũng là máu của máu Việt Nam, thịt của thịt Việt Nam. Đã là máu, là thịt thì chẳng có gì có thể tách họ khỏi quê cha đất tổ".

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VIỆT NAM PHAN VĂN KHẢI

nói với Việt kiều trong dịp Tết Nguyên Đán 2005, tại dinh Thống Nhất, Sài Gòn.



SÀI GÒN CỦA MÌNH

những năm tháng không quên

□ NGUYỄN THANH BẠCH

LTS: Tác giả Nguyễn Thanh Bạch, Cao học Kinh tế, cựu Giảng viên đại học Vạn Hạnh, Cần Thơ, Hòa Hảo, Học viện Quốc gia Hành chính, Phụ tá Tổng trưởng Thương mại tại Việt Nam trước 1975. Hơn 11 năm qua các trại cải tạo sau 1975. Định cư tại Montréal 1990, Cao học Thư viện & Khoa học Thông tin (MBSI) đại học Montréal 1995, cộng tác Di Tới năm 2000.



Các cô cậu học sinh từ các tỉnh đến Sài Gòn để học, nếu không có bà con họ hàng cho tá túc thì đều biết chuyện “ăn cơm tháng” tuy rằng có người dùng từ ngữ khác, là ở “nhà trọ” hay “gác trọ”, như câu thơ sau đây của thi sĩ Thế Lữ

Rũ áo phong sương trên gác trọ

Lặng nhìn thiên hạ đón Xuân sang. (1)

“Ăn cơm tháng”, các cô cậu học sinh được chủ nhà cho ăn ở, mỗi tháng phải trả tiền, cơm ăn có thể là mỗi ngày ba bữa (hoặc hai), theo sự thỏa thuận giữa đôi bên.

Mỗi cô cậu học sinh phải mang theo một chiếc ghế bô để nằm ngủ và phải xếp lại gọn gàng vào buổi sáng. Bàn ăn đặt ngay giữa nhà, dùng làm bàn học luôn. Phải sống chen chúc nhau, ăn và sống thanh đạm nhưng họ có chung cùng một ý nguyện là học hành cho thành tài, để trở thành người hữu dụng trong tương lai.

Khi mẹ tôi đưa tôi tới Sài Gòn, tôi mới 13 tuổi. Phải ở lại Sài Gòn để chăm lo đèn sách, nước mắt tôi chan hòa, văng vẳng bên tai còn nghe rõ lời nói âu yếm của mẹ tôi: “Con ráng học giỏi để mai sau này, tấm thân được nhờ, nghe con!”.

Tôi đứng im lặng, lòng tê tái nhìn theo chiếc xe đưa mẹ tôi đi, xa dần, xa dần, rồi mất hút trong đám bụi mờ. Đó là kỷ niệm đầu tiên khi tôi đến Sài Gòn từ một làng quê ở tỉnh Thủ Dầu Một (sau này gọi là Bình Dương), không bao giờ tôi quên. Năm 1947, tôi thi đậu vào trường Petrus Trương Vĩnh Ký, thứ hạng rất cao có học bổng, đáng lẽ được vào nội trú nhưng vào thời đó, trường còn tạm thời mượn một dãy nhà của trường nữ Marie-Curie để làm trụ sở nên học sinh phải tự tìm nơi ăn chốn ở. Đến năm sau, trường mới dọn về trụ sở thiết thọ của mình, ở gần thành Ô Ma (Camp des Mares) là thành của lính Tây và sang năm thứ ba, trường mới có nội trú. Trong lúc chưa có nội trú thì học sinh phải “ăn cơm tháng”. Sau vụ học sinh biểu tình gây ra cái chết và đám tang của trò Ôn gây ra sự xáo trộn ở Sài Gòn thì chế độ nội trú bị chấm dứt luôn. Tính ra, thời gian tôi “ăn cơm tháng” kéo dài hơn 10 năm cho đến khi tôi lập gia đình. Tôi đã phải di chuyển chỗ “ăn cơm tháng” nhiều lần, ở nhiều nơi khác nhau.

Nơi tôi “ăn cơm tháng” đầu tiên là một căn phố ở trong ngõ hẻm đường Colonel Grimaud (sau này gọi là đường Phạm Ngũ Lão) ăn thông ra đường Galiéni (sau gọi là Trần Hưng Đạo). Không xa là xóm Sáu Lèo, là một xóm lao động nghèo. Xóm này bị hỏa hoạn thiêu rụi. Về sau, nhà cửa được xây cất lại khang trang hơn. Không xa, tại đường Galiéni, có phòng trà ca nhạc Tour d'Ivoire. Về khuya, trong khi học bài tôi thường nghe văng vẳng những bài hát trữ tình *Nắng chiều, Dư âm, Dòng sông xanh, v.v...*

Cũng không xa, còn có rạp hát Thành Xương, có gánh hát Năm Châu diễn tại đây, thường là diễn những tuồng xã hội có giá trị, phản ánh cuộc đời thật. Nhà trọ của tôi cũng ở gần trường Tôn Thọ Tường là nơi ông Nguyễn Hữu Thọ hay đến diễn thuyết, tôi thường đến nghe (lúc đó tôi chưa biết ông theo Cộng sản hại nước hại dân).

Mỗi sáng đến trường, tôi phải đi ngang qua chợ Bến Thành và vườn Ông Thượng, sau này gọi là vườn Tao Đàn. Tên vườn Ông Thượng xuất phát từ tên Thượng Công Lê Văn Duyệt, thời xưa làm Tổng trấn nơi đây. Những ngày nghỉ học,



tôi rất thích đến vườn Ông Thượng vì có nhiều cây xanh bóng mát, hoa lá xinh tươi, có chim bay bướm lượn, gợi nhớ đến làng quê của tôi ở miền đông Nam Việt. Nhà trọ không có cho ăn điểm tâm. Mỗi sáng, gánh hàng rong đi qua, rao bán nào là xôi, bắp, bánh bèo, cháo huyết... là những món ăn của giới bình dân. Riêng tôi, thường mua hai củ khoai lang nóng hổi để vừa đi học vừa ăn cho tiện. Tôi không thích đi ngang qua đường Amiral Courbet (sau này gọi là đường Nguyễn An Ninh), bên hông chợ Bến Thành vì, vào buổi sáng, đi ngang qua đây, tôi thường đạp phải đồ dơ dáy của các cô gái điếm từ trên lầu xuống. Sang năm sau, trường Petrus Ký dời về trụ sở chính thức, gần thành “Ô Ma”. Vào khoảng các năm 1948, 1949, khu vực này còn có cây cối um tùm. Trời mưa, nước ngập lai láng, tiếng ếch nhái kêu vang rền vào buổi sáng, gợi nhớ thôn quê.

Trong thời gia “ăn cơm tháng” tại đường Phạm Ngũ Lão, tôi bắt đầu làm quen với thành phố Sài Gòn, gần bó với nếp sống văn minh. Từ nay, tôi đánh răng buổi sáng, tắm xong có khăn tắm để lau mình, có bàn là để ủi quần áo cho phẳng phiu; tôi hớt tóc mỗi tháng (ở nhà quê, đầu tôi cạo trọc), nghe nhạc radio, xem phim, v.v...

Học đến năm thứ ba trung học, trường Petrus Ký mở lại nội trú và tôi được vào. “Nội trú” là một hình thức “ăn cơm tháng” tươm tất, lịch sự và có kỷ luật, do nhà trường lo. Và, vì tôi có học bổng nên khỏi phải trả tiền mỗi tháng. Nhưng ba má tôi phải một phen *chạy đôn chạy đáo* lo mua sắm các vật dụng cho cái “trousseau” gồm có quần áo, mền mùng, gối chăn... bắt buộc phải có khi trình diện để vào nội trú. Nếp sống và việc học hành của học sinh nội trú phải theo khuôn khổ của nhà trường. Các buổi học ngoài giờ vào chiều tối có giám thị trông nom. Học sinh được cử đại diện để tham gia vào việc kiểm soát nấu ăn. Ngoài hai bữa ăn chính trưa chiều, còn có cả ăn sáng.

Có những buổi tập thể dục do huấn luyện viên hướng dẫn. Ngoài ra, còn có các hoạt động thể thao tự do như bóng chuyền, bóng rổ, bóng đá tại sân vận động của trường. Thời đó, đội banh trường Petrus Ký rất nổi tiếng trong giới học sinh. Tôi còn nhớ, có lần cầu thủ của đội AJS * được mời đến, trong số đó có anh Maurice, dạy kỹ thuật đá và lối lừa banh tài tình của anh.

Học sinh cùng ở nội trú thường rất dễ kết thân với nhau và tình bạn cũng rất là đậm đà. Tình bạn bộc lộ rõ nhất là vào mùa nghỉ hè hai tháng, vào mùa hoa điệp (hoa phượng) nở. Dọc theo các đường đi bên trong nhà trường, hoa phượng đua nhau nở, tạo nên *nổi buồn hoa phượng* khó quên. Tuy chỉ xa nhau hai tháng nhưng đi về quê, mỗi người phải đi một ngả,

Về quê gặp lại cha mẹ là điều họ mong muốn nhưng phải xa bạn thân thiết, thiếu bạn để tâm sự là một nỗi buồn trống vắng. Những bản nhạc về mùa hoa phượng, không hẹn mà nên, đã làm xao xuyến biết bao tâm hồn non trẻ, làm dao động luôn cả những trái tim già cỗi đang sống lưu lạc xa quê hương.

Sau vụ trò Ôn, tôi học bổ túc ở trường tư thực (trường Huỳnh Khương Ninh), học nhảy lớp, thi lấy bằng Thành chung (Diplôme) và thi đậu trở lại vào trường Petrus Ký để học tiếp hai lớp Seconde (Đệ tam) và Première (Đệ nhị).

Đổi nhà trọ là chuyện dễ dàng vì tài sản chỉ có chiếc ghế bô và một cái va li. Năm cuối cùng học tại trường Petrus Ký (lớp Đệ nhị), nhờ có duyên may, tôi về ở trọ ngay tại nhà của ông Économe (hội kế viên) của trường. Nhà nằm trong khuôn viên của trường, tôi khỏi phải cuộc bộ xa, tiện cho việc học hành. Các buổi chiều, sau giờ tan trường, nhà trường trở nên vắng vẻ, tôi tự do đi lại đọc các hành lang, học bài, đọc sách.

Có mấy cô học sinh trường Marie-Curie, quê từ Tây ninh, Châu đốc, Cần thơ cũng được cha mẹ gởi gắm “ăn cơm tháng” nơi đây. Vì trường học ở cách xa, mỗi buổi sáng, các cô phải đạp xe đi học. Các cô học sinh trẻ đẹp, gọn gàng với áo đầm xinh xắn, vui vẻ đạp xe đi học, đối với tôi, tạo nên một hình ảnh đẹp của Sài Gòn, từ nay gắn bó trong tâm tưởng của tôi.



Sau lớp Première (Đệ nhị), và thi đậu Tú tài phần nhứt, tôi được chuyển qua trường Pháp Chasseloup-Laubat vì năm đó trường Petrus Ký không có lớp Đệ nhứt. Lại một lần nữa, phải dọn đi, đổi nhà trọ khác.

Nhà trọ cuối cùng kết thúc quãng đời 10 năm “ăn cơm tháng” của tôi là trường tiểu học tư thục “Thanh Bạch”, đường Trần Quang Khải, vùng Đa Kao, gần rạp hát Văn Hoa. Người *ăn cơm tháng* ở trên lầu, gồm có học sinh lẫn những người tuy còn trẻ nhưng đã đi làm, có cả nam lẫn nữ. Vì có sự chung đụng nên đã có một mối tình nảy nở giữa một nam một nữ, về sau trở thành vợ chồng! Tôi đã biết được *Tình Người* của Sài Gòn.

Thời gian *ăn cơm tháng* tạo nên sự gắn bó định mạng của tôi với thành phố Sài Gòn mến yêu, “*Sài Gòn của mình*” trong vòng hơn 20 năm tới!

Những năm đầu, tôi vừa là một viên chức hành chánh vừa là một sinh viên quốc gia hành chánh và là một sinh viên trường luật. Chỉ có một thời gian ngắn tôi gia nhập quân ngũ, xa Sài Gòn nhưng rồi tôi lại trở về Sài Gòn, vừa làm công chức vừa làm giảng viên chuyên khoa tại các trường đại học.



Tôi đã vào đời, sống *hết mình* với Sài Gòn, trải qua những cuộc biến đổi có vui có buồn của Sài Gòn. Sài Gòn trở thành thủ đô của nước Việt Nam Cộng Hòa độc lập, tự do dân chủ không thua kém các nước lân bang. Có thể nói tôi là một trong triệu triệu viên gạch góp phần xây đắp nên nước Việt Nam Cộng Hòa.

Nhưng định mạng hẩm hiu của đất nước đã lôi cuốn số phận của tôi và hàng triệu người khác vào vòng lao lý khổ sai, ở nơi rừng núi lam sơn chướng khí từ Bắc vào Nam.

Có những lúc, giữa đêm khuya, giữa rừng núi, nghe tiếng kêu náo nức của con chim “*bắt cô trối cột*”(2) (tù cải tạo gọi trại là “*khó khăn khắc phục*”, theo cách nói của người Cộng sản), hay tiếng của con vượn “*còn khổ*”.

Không ngủ được, anh em tù cải tạo quây quần bên nhau, nhớ tới Sài Gòn, kể cho nhau nghe những chuyện về Sài Gòn hay hát cho nhau nghe những bài hát trữ tình của Sài Gòn, cho đỡ nhớ. Tưởng như là *Sài Gòn ơi! Vĩnh biệt! Sài Gòn của mình!* ♦

NGUYỄN THANH BẠCH

(Montréal, 1.1.2020)

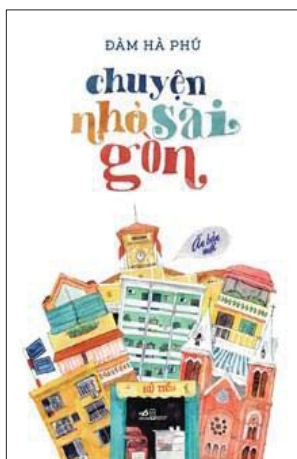
(1) Bài thơ “Giây phút chạnh lòng”, Thế Lữ viết tặng tác giả “Đoạn tuyệt.”

(2) Tên gọi, trong một bài của tập san “Tiểu thuyết thứ bảy” xuất bản trước năm 1945.

(*) **Đi Tới ghi thêm:** Đội banh Ngôi sao Gia Định thành lập năm 1908 tại Sài Gòn; giải tán vào năm 1954, các cầu thủ gia nhập vào các đội AJS (Association de la Jeunesse Sportive) và Cảnh sát Đô Thành.



Đàm Hà Phú sinh năm 1974 tại Hà Tĩnh, lớn lên tại Nha Trang và lập nghiệp ở Sài Gòn từ năm 1991.



‘Chiện’ nhỏ của người Sài Gòn

♦ ĐÀM HÀ PHÚ

NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ SÀI GÒN

Nhiều người vẫn thường hỏi vì sao người Sài Gòn vẫn giữ được những nét chan hòa và đức tính phóng khoáng dù ở trong những giai đoạn khó khăn hay phát triển. Tôi đọc được một vài lý do: trước tiên Sài Gòn là vùng đất mới - tuổi đời chỉ mới hơn 300 năm. Vào buổi đầu khai phá, những người đầu tiên đến với mảnh đất này là những người giang hồ phiêu bạt từ những vùng đất khác, họ đến đây mang theo tính khí trọng nghĩa khinh tài bên trong mình. Bước chân đến một vùng đất mới còn nhiều hiểm nguy, rừng thiên nước độc hoang vu cho nên người ta phải dựa vào nhau mà sống, sống trọng tình nghĩa và chan hòa, bảo bọc cho nhau. Đến khi đã làm chủ được thiên nhiên thì miền Nam lại là một vùng đất được thiên nhiên dành cho quá nhiều ưu đãi, quanh năm mưa thuận gió hòa, mùa màng tôm cá dồi dào thành ra con người ta sống cũng phóng khoáng dễ chịu, sống vô lo không nặng thiệt hơn.

Dù sao thì chắc chắn ở đâu cũng có những chuyện tốt và chuyện chưa tốt – và Sài Gòn cũng vậy. Nhưng có một thực tế rằng những câu chuyện dưới đây chính bản thân tôi đã từng gặp rất nhiều lần, đôi lần tôi là người nhận, đôi lần tôi là người cho. Và dù có nhận hay cho thì những điều đó cũng đến rất tự nhiên và đi cũng rất tự nhiên, chỉ để lại trong lòng một chút vui, một chút ấm lòng, đơn giản chỉ vậy.

Viết lại không nhằm mục đích tự ru ngủ lẫn nhau, viết lại cũng không mục đích phân biệt vùng miền hay so sánh với bất kỳ nơi nào khác. Viết lại chỉ đơn giản với mục đích truyền rộng hơn những câu chuyện đẹp về cách cư xử để mọi người – trong đó có tôi – tiếp tục những hành động đẹp này để những câu chuyện như thế này ngày càng được nhân rộng hơn.



Những ai đã từng sống ở Sài Gòn chắc cũng từng quen thuộc với câu cửa miệng “chiện nhỏ” (phát âm đúng theo dzọng Sài Gòn là “chiện” chứ không phải là “chuyện”). Đây là một bộ sưu tầm những chuyện lật vật về người Sài Gòn, cách cư xử của người Sài Gòn. Những bác nào không phải người Sài Gòn thì đọc để hiểu thêm về người Sài Gòn nhà (đề nghị không flame vùng miền gì cả nhé).

Đọc để thấy cuộc sống vẫn còn nhiều điều tốt đẹp.

CHUYỆN 1

Đó là một con hẻm khá rộng rãi ở giữa nhưng hai đầu thì nhỏ xíu, chỉ chạy lọt chiếc xe máy, nối hai trục đường chính ở quận 3. Trong hẻm nhà cửa san sát, nhà mới xây cao 3 - 4 tầng cũng nhiều mà nhà cũ, mái tole gác gỗ cũng sin sít, nhiều nhà dùng phía trước để buôn bán nhỏ, bán đồ ăn hoặc tạp hóa, nhiều nhà mở tiệm gội đầu hoặc đặt biển công ty mà chẳng có nhân viên. Dân cư trong hẻm hầu hết đều biết nhau, cũng có một vài người mới dọn tới hoặc thuê nhà trong hẻm nhưng họ nhanh chóng làm quen với cư dân hẻm.

Bà chủ nhà trọ của tôi được gọi là cư dân lâu đời nhất của hẻm, hơn 60 năm. Bà là người cất nhà đầu tiên trên đất này.

Bà kể, lúc bà vô Sài Gòn năm 16 tuổi, cả nhà bà đi trên một cái ghe. Lúc đó hẻm này, từ đầu đến cuối, là một con rạch rộng và sâu, bơi chừng vài chục sải mới sang bờ, tuy thông với nhiều rạch khác nhưng nước ở rạch này lại trong veo, đáy toàn cát. Bờ bên này, chỗ nhà trọ tôi ở, là một cái bến thuyền tấp nập suốt ngày đêm. Cha của bà đã dựng cái chòi đầu tiên trên bến, đúng chính chỗ căn nhà bây giờ, lúc đó ban đêm gió từ những con rạch thổi lồng lộng đến nỗi muốn cuốn bay mọi thứ.

Có nhiều sông rạch, nhiều đầm lác, nhiều rừng dừa nước đã biến mất, nhường chỗ cho phố xá và những con hẻm đầy nhà, đầy người, ở Sài Gòn.

CHUYỆN 2

Ở một showroom sang trọng của một hãng xe hơi nổi tiếng mà giá của một chiếc xe nằm ngoài khả năng đếm của nhiều người, vào một buổi trưa trời nắng gắt bên ngoài nhưng bên trong vách kính thì mát lạnh. Anh nhân viên bán hàng mặc đồ vest với cà vạt và giày da bóng lộn đang ngồi xem tivi. Có một cụ ông đi bộ ngoài đường mở cửa vào showroom.

Trông ông có vẻ không được khá giả lắm, tuy cũng vận áo sơ mi ngắn tay cũ và một chiếc quần khaki ngả màu. Ông cụ bước vào, đảo mắt nhìn một lượt rồi chấp tay sau lưng đi đến những chiếc xe trưng bày và bắt đầu xem xét. Anh nhân viên bán hàng bật dậy đi theo cụ, anh đi nhẹ nhàng và tỏ vẻ lịch sự. Anh gọi cụ là ngoại. Ngoại ơi, ngoại à. Mỗi lần cụ dừng lại ở một chi tiết anh lại đề nghị được cho cụ xem rõ hơn, anh mở cửa trước, cửa sau, mở nắp capo để cho cụ xem. Khi cụ tỏ ý thắc mắc thì anh lại nhẹ nhàng giải thích với cụ, cụ già cứ gật gù lắng nghe nhưng có vẻ không hiểu mấy. Đi chán cũng rồi, anh bán hàng mời cụ già lại chỗ sofa có cái bàn kiếng sạch bóng và mời cụ dùng café, loại café đá pha sẵn thôi. Mãi sau cụ già nói với anh: qua thấy chỗ bán xe hơi này sang trọng quá, lại có máy lạnh nên qua vô xem chơi, chứ xe này cả dòng họ qua gom tiền lại cũng mua không nổi. Anh nhân viên vẫn rất lịch sự: dạ con biết, sẵn ngoại vô chơi thì con giới thiệu luôn để ngoại coi xe, đâu phải ai vô coi xe cũng mua đâu ngoại. Anh cười, coi bộ hiền khô.

CHUYỆN 3

Một góc ngã tư giao lộ giữa hay con đường thuộc loại đông nhất nhì Sài Gòn, nơi thường xuyên bị kẹt xe, nhất là vào giờ cao điểm. Bên cạnh sát giao thông phân công hai anh sĩ quan đến trực ở ngã tư này để giải quyết nạn ùn tắc và xử phạt mấy phương tiện chạy ẩu, nhất là mấy chiếc xe hơi rẽ trái sai luật.

Hai anh sĩ quan này có lẽ thuộc loại vất vả nhất trong ngành vì thời gian của hai anh hầu hết đều phải đứng ngoài nắng ngoài mưa để phân luồng và điều chỉnh đèn tín hiệu, chỉ cần hai anh vắng bóng một lúc là cái ngã tư lại nườm nượp một mớ xe cộ. Chỗ hai anh đứng có một cái tủ điện chìm, lúc nào cũng có nước uống. Sáng thì café, nắng lên thì trà đá, chiều thì có nước đá chanh... Mỗi khi uống hết nước thì anh sĩ quan trẻ hơn băng qua đường đem trả những cái ly cho một quán cóc gần đó. Quán cóc via hè nhưng lúc nào cũng có khách ngồi.

Lát sau bà chủ quán lại bưng qua một món thức uống mới, đúng lúc tôi đứng gần đó. Anh sĩ quan lớn tuổi hơn quay qua nói, hình như cốt để cho tôi nghe: bà này bà cho tui tôi uống nước miễn phí cả tháng nay, nói hoài mà hông chịu cầm tiền, mới không uống nữa ghen bà. Bà già cười lớn, ha ha, mấy chú làm việc cực khổ, tui đãi miếng nước, chuyện nhỏ xiu mà, mấy chú uống cho tui dzui.

CHUYỆN 4

Đạo này Sài Gòn trời nắng gắt, đi ngoài đường hay thấy mấy thùng ghi “trà đá miễn phí”, ai muốn uống thì uống, dân xe ôm, xích lô là khoái dữ lắm, ghé uống ừng ực rồi cứ vậy đi, không cần phải cảm ơn.

Một lần ông xe ôm chở tôi xin phép tắt vô lê uống ly trà đá, tôi mới biết là có trà đá miễn phí. Đó là thùng trà đá miễn phí tôi thấy đầu tiên, nó ở gần bệnh viện 115, mặc dù nó không có bảng ghi “miễn phí”, chỉ thấy một thùng trà đá để ngoài đường, ai qua lại nếu biết cứ tự động rót mà uống. Uống hết có người ra châm trà, châm nước, bỏ đá vô.

Tôi hỏi ông xe ôm, trà đá miễn phí kiểu vậy có nhiều không chú. Ông nói cũng nhiều, tùy mình biết chỗ mà ghé uống, trời nắng vậy có ly trà đá cũng đã lắm chú. Tui không phải nghèo đến mức cần phải uống trà đá miễn phí, tui uống bị thấy khoái vậy thôi.

CHUYỆN 5

“Bây giờ cầm tờ báo lên là rầu, hết muốn coi báo” – Câu này của một đại gia Sài Gòn. Đại gia này có lẽ đã về hưu, con cái đã thành đạt lấy vợ lấy chồng ở riêng hết. Đại gia này thường hay ngồi ở quán café cóc của bà già ở mẫu chuyện số 3.

Sáng nào cũng có mặt, dù nắng hay mưa.

Sáng nào đại gia cũng mua báo, chắc chắn là có Tuổi Trẻ, Thanh Niên, Người Lao Động, Công An, Pháp Luật... thỉnh thoảng mua tờ tạp chí hoặc nguyệt san. Đại gia chỉ mua báo của hai người, một con bé và một thằng bé quen, bữa trưa này bữa sau bữa kia. Hai đứa trẻ bán báo không bao giờ cạnh tranh nhau quyết liệt hoặc tỏ ra giành mỗi, chúng vui vẻ cùng phục vụ một vị khách hàng. Đại gia mua rất nhiều nhật báo nhưng lúc ra về chỉ đi tay không.

Sau này, khi có dịp ngồi ở quán café cóc đó suốt một buổi sáng tôi mới biết. Nếu hôm đó đại gia mua báo của thằng bé, sau khi đọc xong ông sẽ gấp tờ báo lại như cũ và đem cho con bé đi bán tiếp và ngược lại, nếu mua của con bé thì ông sẽ đem cho thằng bé để nó đi bán cho người khác, tiền thì ông vẫn trả đủ.

CHUYỆN 6

“Cho nhiều cũng được” - Câu này ai ở Sài Gòn chắc là biết, chắc thỉnh thoảng có nghe, nhất là khi đi taxi, xe ôm, xích lô... nếu là khách đi quen rồi hoặc quãng đường gần quá khó trả giá thì bác tài sẽ nói vậy: chú (cô) cho nhiều cũng được. Nói vậy chứ ai đành lòng cho ít, ví như đúng ra bảy ngàn thì khách sẽ đưa mười ngàn cho chẵn tiền.

Đó cũng không hẳn vì ít tiền quá mà nói vậy, cũng có khi nhiều thứ giá trị hơn người bán cũng nói: cho nhiều cũng được. Ví dụ như chuyện có cô giáo nọ dạy văn ở một trường cấp hai, cô nổi tiếng là thương học trò như con. Mỗi buổi sáng cô hay đi chợ ở gần nhà để tiện việc cơm nước. Trong chợ có rất nhiều người

biết cô là cô giáo, và họ thường gọi luôn là “cô giáo”. Nhiều khi cô giáo cũng khó xử với các bà, các chị trong chợ, họ cứ bỏ vô giỏ cô khi thì con cá, khi thì bó rau, khi thì ký thị... khi cô đòi trả tiền thì họ không chịu lấy hoặc nói: *cô giáo cho nhiều cũng được*.

CHUYỆN 7

Ông là thương binh, thương binh của chế độ cũ, ông bị thương gần ngày Sài Gòn giải phóng. Sau giải phóng ông làm nhiều nghề để sinh sống và để nuôi ba đứa con ăn học. Một lần nọ ông làm công việc bảo vệ ở một nhà hàng vào buổi tối, đó là một nhà hàng lớn và có rất nhiều nhân viên và thực chất công việc của ông là chuyên dắt xe cho khách đến ăn nhậu mà thôi. Chủ nhà hàng là một người đàn ông khá giả và cư xử rất được. Một hôm có chuyện. Đêm khuya khi nhà hàng chuẩn bị đóng cửa và người chủ cũng chuẩn bị ra về thì có một nhóm người hung dữ cầm mã tấu xông vào nhà hàng truy sát người chủ. Người đàn ông tuy khá cao to và nhanh nhẹn nhưng khó có thể chống cự với bốn năm tên sát thủ chuyên nghiệp, tất cả mọi người bỏ chạy tán loạn. Ông thấy vậy không được nên đứng ra bảo vệ chủ mình, vừa đỡ đòn vừa diu anh này bỏ chạy. Nhờ sự giúp sức của ông, nạn nhân đã thoát thân tuy cũng bị thương nhẹ, còn ông thì bị hai nhát chém nặng mà một nhát sau này đã làm ông không thể cử động cánh tay phải. Người chủ mang ơn ông lắm dù ông nhiều lần nói “chú ơi, tôi làm công cho chú thì phải bảo vệ chú thôi, ơn nghĩa gì mà chú cứ nói hoài”. Và mặc dù ông đã nhiều lần từ chối nhưng người chủ nhà hàng vẫn mua cho ông một căn nhà nhỏ, chu cấp hằng tháng đủ nuôi cả gia đình ông và cho tiền ba đứa con ông ăn học.

Chuyện xảy ra đã lâu rồi. Hôm qua tôi ngồi trong ngân hàng, ngồi kế bên cậu con trai lớn của ông và được nghe câu chuyện này. Cậu nói: chú đó sắp đi Mỹ rồi nên bữa nay chú kêu con ra ngân hàng mở tài khoản để mai mốt chú chuyển tiền về.

CHUYỆN 8

Chuyện này nghe một bạn sinh viên kể. Bạn nói trước nhà bạn nghèo lắm, mẹ bạn bán vé số ở Quận 8 và bạn cũng đi bán phụ mẹ. Nếu bạn học buổi sáng thì sẽ phụ mẹ bán buổi chiều và ngược lại, nhà chỉ có hai mẹ con.

Có một chú thợ hồ ở gần nhà, nói là gần nhà chứ thực ra là ở một cái chòi trong xóm hẻm sâu sát bờ kinh, chú này mỗi khi nhậu thường hay mua vé số của hai mẹ con cậu. Chú này mua không nhiều, mỗi lần chỉ mua hai vé, nhưng điều đáng nhớ là sau khi trả tiền hai vé thì chú sẽ cho lại cậu một vé, và lúc nào cũng căn dặn: nhớ giữ lại hên may, phải thì cùng đôi đời.

Và cậu đôi đời thiệt, một lần cặp vé số định mệnh đã trúng giải độc đắc. Người vợ của chú thợ hồ khi biết chồng mình trúng số độc đắc đã nổi lòng tham và muốn đòi lại tờ vé số mà chú đã cho cậu buổi chiều trước đó.

Nhưng chú thợ hồ đã kiên quyết không đòi lại, chú còn dùng tiền trúng số đã cả xóm một bữa nhậu linh đình. Có vốn, mẹ cậu không bán vé số nữa mà chuyển ra mở quán ăn sáng và cuộc sống của hai mẹ con đã khá hơn trước rất nhiều. Chỉ riêng chú thợ hồ thì vẫn làm thợ hồ, bây giờ chú mua vé số của người khác nhưng tặc cũ vẫn không bỏ, mua hai vé và cho lại người bán một vé. Chú luôn dặn: nhớ giữ lại hên may, phải thì cùng đôi đời.

CHUYỆN 9

Ông chạy xe ôm ở Quận 10 nhưng nhà ông thì ở tận ngã tư An Sương, vợ ông thì bán vé số nên ông thường đậu xe kế bên bà. Hai người mang cơm theo ăn buổi sáng và buổi trưa, buổi chiều thì trả vé về sớm rồi cùng ăn ở nhà. Quê ông bà ở Cần Giuộc. Bữa nọ thấy có người trông đáng như ở quê lên, tới ghé cho ông bà hai con gà, một buồng chuối và một giỏ đem đầy cá trê phi, con nào con nấy mập ú, vàng óng. Tôi tò mò hỏi: bà con dưới quê gửi lên hả chú? Ông cười, nói đúng ở quê gửi lên nhưng mà hông phải của bà con, thằng đó nó chiếm đất của tui đó chứ.

Nhà ông có nhiều anh em, cha ông có chia cho ông ba công ruộng ở quê. Ruộng đất phèn nên một năm chỉ trồng được một vụ mà lại có mùa trúng mùa thất nên ông bỏ đó lên Sài Gòn chạy xe ôm. Ruộng bỏ hoang lại nằm xa xóm nên không ai coi. Một lần ông về quê và phát hiện ruộng của mình có người chiếm mất. Đó là một gia đình nghèo, hai vợ chồng và bốn đứa con nheo nhóc, trước họ sống theo ghe nhưng cái ghe nát quá nên cả gia đình dất nhau lên bờ kiếm đất hoang lập nghiệp, cũng bị đuổi cùng đường mới tới đây.

Mới đầu ông cũng làm cày, thừa lên xã rồi nhờ bà con tới đòi kịch liệt lắm, nhưng do đất nhà từ xưa không có giấy tờ, lúc chia cũng không lập di chúc nên khó nói lý. Rồi ông phát hiện bà vợ mình bị tiểu đường nặng nên thời gian của ông chủ yếu ở bên bà, ông không thiết đòi đất nữa. Một lần về quê đám giỗ ông đã ký giấy cho gia đình nghèo nọ ba công đất luôn.

Ông nói, mình cũng nghèo mà thấy tội nó còn nghèo hơn. Mình già rồi, sống nay chết mai, thôi coi như làm phúc cho tội nó. Cũng được cái là vợ chồng nó cũng biết điều, nhận tía má luôn, đem lên cho đồ hoài, ăn hồng hết.

Tôi đã xin ông chụp tấm hình này năm ngoái.

CHUYỆN 10

Sài Gòn rộng, rộng lắm, nên chuyện ở Sài Gòn người ta hay kêu là: chuyện nhỏ. ♦

ĐÀM HÀ PHÚ

By 8saigon, 30.11.2019

Nguồn: <http://www.8saigon.xyz/chien-nho-cua-nguoi-sai-gon.html>

‘MAY MÀ VIỆT NAM CÒN CÓ SÀI GÒN’



Nhà văn TRẦN TIẾN DŨNG
Photo courtesy of Wikivietlit.
Photo: RFA

Người Hà Nội đủ văn hóa để nhìn thấu rằng hiện trạng hư hỏng của xã hội Việt Nam đều có nguyên nhân do thiếu nhân quyền. Cả dân tộc, không phân biệt bất kỳ ai, vùng miền nào đều phải gánh chịu hiện trạng xã hội hư hỏng tệ hại này. Một giáo sư sinh ra ở Hà Nội di cư vào Nam muốn giấu tên đã nói thật với chúng tôi rằng: **“Chỉ thời đại này mới có kiểu tự tôn bệnh hoạn địa phương thượng đẳng.”**

(...)

Và sẽ không tìm thấy một người Sài Gòn nào nếu tiếp tục nhìn lịch sử theo lối độc quyền và thiên cận. Người Sài Gòn chỉ có một khi lịch sử được minh bạch rằng, người Sài Gòn hôm nay chính là những người nhận được cơ hội từ những người từng đến, sống và chết từ **Sài Gòn-Gia Định** trong xuyên suốt các triều đại phong kiến, những anh linh tử sĩ Việt Nam Cộng Hòa, những vong linh người vượt biển vì tự do và cả những nạn nhân khác của bóng tối lịch sử.

Chỉ từ cách nhìn nhận này mới sáng rõ đúng nghĩa tánh hảo hớn-hào hiệp vì tự do và công bằng của người Sài Gòn.

□ TRẦN TIẾN DŨNG

(07.09.2012)

Nguồn: <https://vivn.facebook.com/notes/224673117659233/>

Ghi thêm: Đi Tới ghi chữ đậm.

TUẤN KHANH

Chợt nhớ ‘Sài Gòn ân cần’ ghê quá
Chợt nhớ ‘Sài Gòn ân cần’ ghê quá
Chợt nhớ ‘Sài Gòn ân cần’ ghê quá
Chợt nhớ ‘Sài Gòn ân cần’ ghê quá
Chợt nhớ ‘Sài Gòn ân cần’ ghê quá
Chợt nhớ ‘Sài Gòn ân cần’ ghê quá
Chợt nhớ ‘Sài Gòn ân cần’ ghê quá
Chợt nhớ ‘Sài Gòn ân cần’ ghê quá
Chợt nhớ ‘Sài Gòn ân cần’ ghê quá

Sài Gòn ân cần trong trí nhớ đơn giản lạ. Đôi khi chỉ là chuyện người qua đường trú mưa được chủ nhà mời vào ngồi vì sợ kẻ lạ bị ướt. Đôi khi vì một thùng trà đá đặt trước cửa để giúp bá tánh lỡ đường giải khát trưa hè. Có đi đến tận những thành phố, hỏi đường đi bị tính tiền, mới biết Sài Gòn đã từng ân cần thế nào...



Buổi sáng, nơi góc đồ rác chung của cả khu nhà tự dung xuất hiện một đôi giày cũ còn khá tốt. Giày được đặt trong một cái hộp với tờ giấy ghi chú, nét chữ nắn nót “đồ còn tốt, ai cần xin cứ tự nhiên”. Ở mấy nước tư bản này, việc đem bỏ đi đồ dùng còn xài tốt không lạ, nhưng cách nhường lại cho người khác sử dụng với tất cả sự ân cần là một cung cách đáng ngưỡng mộ. Đôi giày cũ khi đặt vào hộp, gửi tặng mơ hồ vào cõi nhân gian, được chủ nhân ân cần đi đánh xi lại, mới và đẹp, ai nhìn cũng thú vị. Vậy mà mấy ngày sau mới có anh Mễ làm nghề đồ rác đến lấy, rồi để lại chữ “cám ơn”. Đôi giày nằm liên tục mấy ngày, vì những người trong khu nhà không ai muốn giành lấy phần của người có thể khó khăn hơn mình. Thình thoảng thấy trong đời có sự ân cần làm lay động, lại chợt nhớ Sài Gòn với tất cả không gian từng rất ân cần của nó, một không gian mà giờ đây nhắc lại như một thứ của quý đang mất dần, phai dần, dư niệm của nhiều thế hệ.

Sài Gòn ân cần trong trí nhớ đơn giản lạ. Đôi khi chỉ là chuyện người qua đường trú mưa được chủ nhà mời vào ngồi vì sợ kẻ lạ bị ướt. Đôi khi vì một thùng trà đá đặt trước cửa để giúp bá tánh lỡ đường giải khát trưa hè.

Có đi đến tận những thành phố, hỏi đường đi bị tính tiền, mới biết Sài Gòn đã từng ân cần thế nào.

Sài Gòn ân cần và vô tư đến mức từng thấy người say nắng ngất xỉu bên đường, không ai biết ai cứ xúm vô cạo gió, lấy thuốc cho uống để giúp khách qua đường có sức đi tiếp.

Mới hôm rồi, may mắn đọc được một câu chuyện của người Sài Gòn mà lòng mát dịu. Lại thấy thương người đất miền Nam không quen nói trôi chữ, chỉ có tấm lòng. Một anh trên Facebook kể rằng anh đi làm thêm kiếm tiền đi học, chạy bàn rửa chén cho một đôi vợ chồng ở Sài Gòn. Một hôm lỡ tay làm bể hết nguyên chồng tô đĩa, anh lính quýnh không biết làm sao thì bắt chợt bà chủ chạy vô nhìn thấy. Bà sững người, chưa kịp la đã dặn “nếu chồng cô có xuống thấy thì nói tại cô làm bể, chứ không ổng chửi chết”. Vừa quay lưng thì ông chủ chạy từ trên lầu xuống, nhìn đồng tô đĩa nát bấy mà thất thần, rồi dặn “nếu vợ chú vô hỏi, thì nói chú làm bể nghe, chứ không bà chửi chết”.

Người làm công mang kỷ niệm ngọt ngào và xúc động đó kể lại trên nhật ký của mình, làm không biết bao người đọc rung rung, trùi mền.

Tỉnh Vĩnh Phúc hôm nay ân cần bỏ ra 300 tỉ đồng để xây một khu Văn miếu thờ và tôn vinh Khổng Tử bằng tiền thuế của nhân dân..., nơi cả vùng có đến gần 12.000 gia đình nghèo khó... Chợt nhớ Sài Gòn ghê quá. Nhớ Sài Gòn bằng tiếng rao bán xôi giản dị của bà cụ đội khăn đi bộ từ quận 8 tới quận 5, với những gói xôi bán chỉ 5.000 đồng, mắt lạc thần khi thấy bóng Dân phòng. Nhớ ánh mắt bà hấp háy cười, hỏi có muốn cho thêm đường không, có vừa miệng không. Trái tim ân cần đó, đáng để xây cả một miếu đền để thương nhớ và tôn vinh những con người cần lao đất Việt, chẳng cần phải công nạp đâu xa, đến tận Trung Hoa.

Sự ân cần là cách mà con người thấu hiểu đời sống, đối đãi bằng lòng chân thành của mình. Bước đi vài dặm trong một đất nước, có thể thấy sự ân cần cho con người đang ở mức nào.

Việt Nam hôm nay có những thành phố lớn hơn, con người cao sang hơn, đại lộ đi bộ to rộng hơn... nhưng sự xua đuổi người nghèo khó cũng quyết liệt hơn.

Sự ân cần như chỉ còn trú ngụ loanh quanh với giai cấp dưới, ở những thị dân ít học được thói cao sang. Nhiều cao ốc được dựng lên, nhưng không mấy cái có lối đi của người khuyết tật. Nhà vệ sinh công cộng phải xây đất tiền như tượng đài, nhưng hầu như không có cái nào dành cho phụ nữ có thai hay cho người già yếu. Trong sự rục rờ của đất nước này hôm nay, đã nhàn nhạt sự ân cần của người với người. Sự chối lợi vẫn kèm theo đó khoảng tối đen mù loà sau lưng nó.

Thường dân hay bọn con buôn lạnh nhạt ân cần trong đời thì đã đành, đến phận tỷ kheo cũng vượt ve thế tục, mắt cả ân cần với thế nhân thì chỉ còn biết lạnh người. Nghe lời ông Thích Thanh Quyết, đại biểu quốc hội, ngợi ca các mức oan khiên trong xã hội là “hợp lý” đã chối tai, lại còn nghe ông nhấn mạnh sao không ca ngợi các cơ quan điều tra tố tụng đã kiểm soát mức oan sai “hợp lý” này. Uống một ly nước, Đức Phật còn dạy rằng đừng quên có đến 84.000 sinh linh trong ly nước đó đã phải hy sinh cho người đời thụ hưởng. Và dù những sinh linh đó nhỏ bé đến mức nào, lời Phật dạy cũng chưa bao giờ cho rằng “hợp lý”. Lễ nào mủ ni của ông Quyết đã kéo quá sâu vào thế tục để không còn nghe được tiếng khóc than của những tử tù như Hồ Duy Hải (1985), hay lời trắng trối của cả

gia đình tù nhân Nguyễn Văn Trảng (1988) đòi tự thiêu để xin toà án xét lại, giải oan. Sự ân cần với từng chúng sinh không thể thiếu với đệ tử của Phật, bằng không chỉ là kẻ giả danh, mua bán niềm tin.

Sự ân cần hôm nay cũng có thể được nhìn thấy, nhưng là loại chiêu trồng mua vui lạ lẫm. Tỉnh Vĩnh Phúc hôm nay ân cần bỏ ra 300 tỉ đồng để xây một khu Văn miếu thờ và tôn vinh Khổng Tử bằng tiền thuế của nhân dân. Khổng Tử chỉ có thể mang trái tim kẻ ác mới đành lòng bệ vệ xưng danh nơi cả vùng có đến gần 12.000 gia đình nghèo khó. Thậm chí chỉ có 24% trong số 14.000 gia đình chính sách là có nước sạch để dùng. Cả tỉnh cũng có gần 20.000 gia đình không có nhà vệ sinh và nước sạch để sinh hoạt. Sự ân cần dâng cho tượng gỗ và bộ mặt trơ cứng của chính quyền. Còn nhân dân thì xao xác trong các diễn văn.

Chợt nhớ Sài Gòn ghê quá. Nhớ Sài Gòn bằng tiếng rao bán xôi giản dị của bà cụ đội khăn đi bộ từ quận 8 tới quận 5, với những gói xôi bán chỉ 5.000 đồng, mắt lạc thần khi thấy bóng dân phòng. Nhớ ánh mắt bà hấp háy cười, hỏi có muốn cho thêm đường không, có vừa miệng không. Trái tim ân cần đó, đáng để xây cả một miếu đền để thương nhớ và tôn vinh những con người cần lao đất Việt, chẳng cần phải công nạp đâu xa, đến tận Trung Hoa. ♦

TUẤN KHANH

Nguồn:

<http://www.8saigon.xyz/chot-nho-sai-gon-ghe.html>

Ghi thêm: Đi Tới nhấn mạnh & ghi chữ đậm.



(*)

Sài gòn của tôi

□ nguyên thị hậu

Phụ chú của Đi Tới : Tác giả Nguyễn Thị Hậu, sinh năm 1958 tại Hà Nội, quê gốc ở xã Mỹ Hiệp, Chợ Mới (An Giang), Tiến sĩ Khảo cổ học, nguyên Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; hiện là Phó Tổng Thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

♦ <https://haukhaoco2010.blogspot.com/>

Nếu được bắt đầu một lần nữa tuổi trẻ, nghề nghiệp, các cơ hội thay đổi cuộc sống..., tôi có chọn Sài Gòn không? Và câu trả lời là CÓ! Bởi vì tôi hiểu rằng, Sài Gòn là nơi chốn của tôi, vì chỉ ở nơi đây tôi mới thật là TÔI. Sài Gòn đã dành cho tôi một số phận.

□

Lúc rảnh rỗi, tôi hay lục trong đám thư từ cũ những bức thư của bạn bè gửi cho tôi sau tháng năm 1975, khi ấy tôi cùng gia đình rời Hà Nội trở về Sài Gòn sinh sống.

Đọc những bức thư ấy, tôi có thể nhớ lại, tôi đã luyến tiếc và mong muốn được quay lại Hà Nội như thế nào! Đúng thôi, “nơi tôi sinh Hà Nội... phố nhỏ ngõ nhỏ nhà tôi ở đó...”, cả thời thơ ấu nghèo nàn nhưng ấm áp vui vẻ trong khu tập thể có những căn phòng 12 mét vuông giống hệt nhau từ giường tủ đến bàn ghế, giống nhau cả quần áo của bọn trẻ và cả bữa ăn đơn sơ mà người lớn vội vã nấu trên cái bếp dầu bé tí luôn hôi khói dầu ma dút. Bị dứt đi khỏi miền thơ ấu vào tuổi 17 mơ mộng, lần cuối chia tay Hà Nội vào một đêm mùa thu, hương hoa sữa xóa nhòa lời tạm biệt của người bạn trai... Tôi ra đi mà biết rằng sẽ mang theo Hà Nội trong tim mình rất lâu, rất lâu...

Tôi lại tự hỏi, nếu được bắt đầu một lần nữa tuổi trẻ, nghề nghiệp, các cơ hội thay đổi cuộc sống... tôi có chọn Sài Gòn không?

Và câu trả lời là CÓ!

Bởi vì tôi hiểu rằng, Sài Gòn là nơi chốn của tôi, vì chỉ ở nơi đây tôi mới thật là TÔI. Sài Gòn đã dành cho tôi một SỐ PHẬN.

Nhiều năm sau khi tôi đã là một người vợ rồi thành người mẹ, mỗi lần trở lại Hà Nội tôi đều tự hỏi: nếu mình sống ở Hà Nội hay một nơi nào đó không phải là Sài Gòn thì sẽ thế nào? Biết đâu tôi sẽ như cô bạn thân hồi phổ thông, lấy một ông chồng chín chu công chức, sáng đưa con đi học đưa vợ đi làm, đến chiều cả nhà lại trên chiếc xe máy “khứ hồi” về căn buồng nhỏ chia ra từ ngôi nhà chung của bố mẹ... Có thể tôi có một ông chồng khá giả, một căn hộ ở khu chung cư cao cấp, cũng sẽ có chiếc xe máy xịn hay thậm chí có xe hơi để “không thua chị kém em”, mỗi ngày váy áo xông xênh đi đến công sở, đi chơi như nhiều người đàn bà khác, có khi có một chức vụ nho nhỏ nào đó để mà vênh vang với chồng “này, tôi không phải nhờ vả gì ông đây nhé”.

Thế rồi sao nữa? Thật tình nhiều lần hỏi vậy và tôi không trả lời được. Đúng hơn là tôi không hình dung được nếu cuộc đời mình cứ trôi qua như nhiều bạn bè tôi ở nơi này nơi khác, cả trong và ngoài nước, như tôi đã từng có cơ hội để thay đổi... Những “kịch bản” về một nơi chốn khác cho cuộc đời tôi đã không xảy ra, bởi vì không thể xảy ra khi tôi không muốn! Vì sao tôi không muốn? Giản đơn vì cuộc sống ở những nơi chốn khác, tốt hơn hay xấu hơn là điều khó biết trước, nhưng chắc chắn không phù hợp với tôi. Nếu phải sống cuộc đời trái với tính cách của mình thì nhất định có lúc tôi sẽ bứt tung ra mà làm lại từ đầu!

□

(*) Ảnh TTXVN

Ấn tượng đầu tiên về Sài Gòn của tôi từ một câu ca dao về vùng đất còn đầy vẻ hoang sơ lạ lẫm và những con người đến đây còn rất cô đơn:

*Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định – Đồng Nai thì về*

Cùng với tích chuyện xưa Thủ Hoàng dựng Nhà Bè ở ngã ba sông, để sẵn gạo cùi giúp cho những người lỡ đường sông nước tạm dừng ghé xuống nghỉ ngơi, chờ con nước lớn mà ngược vào vùng bán sơn địa Gia Định - Đồng Nai hay theo nước ròng mà xuôi ra cửa biển Cần Giờ... Trong tôi, Đất Sài Gòn hiện lên nơi ngã ba sông Sài Gòn và sông Đồng Nai nhập vào nhau để cùng đổ ra biển Đông, và người Sài Gòn hiện ra như những con người rộng rãi sẵn sàng làm việc nghĩa. Cho đến bây giờ Sài Gòn vẫn không hề không câu nệ anh là ai anh từ đâu đến. Những người bạn của tôi hầu hết đều sống ở Sài Gòn trên dưới 40 năm, từ nhiều vùng miền tỉnh thành, do những hoàn cảnh khác nhau mà đến/ vào/ về Sài Gòn sinh sống. Chúng tôi sống ở Sài Gòn và quen thuộc với sự bao dung, sự chia sẻ cơ may của Sài Gòn cho bất cứ ai đến nơi đây kiếm sống.

Bởi chúng tôi nhận ra rằng, nếu ta sống với Sài Gòn, sống hết mình cùng Sài Gòn ta sẽ nhận ra tấm lòng nặng tình đầy nghĩa bên trong vẻ bọc trực phóng khoáng của người Sài Gòn, người Nam bộ. Qua nhiều năm khó nhọc mưu sinh, nhiều người đã thâm hiểu, nơi ta được sinh ra là nơi để gửi nhớ gửi thương mỗi dịp năm hết Tết đến, còn Sài Gòn là nơi mỗi ngày ta có thể được sống hết mình trong suốt cuộc đời... Và nếu như ta đừng quá “thiên lệch” lòng yêu thương đối với nơi chôn nhau cắt rốn thì tình cảm của ta đối với Sài Gòn sẽ công bằng hơn, vì đó là thành phố của mình, vì ta cũng đã là người Sài Gòn!

Sống ở đây tôi được là chính mình, không cần cố gắng để “như mọi người”. “Tôi là Tôi” nhưng tôi không trở nên dị thường “hông giống ai”. Những cá tính dù gai góc đến mấy ở Sài Gòn cũng không bị nhào nặn gọt bào cho tròn trịa, như những trái sầu riêng, vỏ ngoài sần sùi khó mà cầm nắm nhưng biết cách thì dễ dàng tách ra để thấy được những múi căng đầy vàng ươm, mới nghe thì “nặng mùi” nhưng ăn một lần thì quen rồi nghiện hồi nào không hay.



Tôi yêu Sài Gòn bằng một tình yêu như thế. Không cần phô phang là “người Sài Gòn”, chẳng cần mình là “gốc” hay “xịn” bởi tôi hiểu, Sài Gòn không bắt ai phải nói tốt

về mình, lại càng không muốn so sánh Sài Gòn hôm nay với quá khứ đã qua... **Sài Gòn đã thay đổi, và cũng cần thay đổi.** Dù sự đổi thay có điều hay điều dở nhưng mạch nguồn trong lành vẫn hiện hữu mỗi ngày, nuôi dưỡng những tâm hồn bình dị phóng khoáng, nuôi dưỡng những việc làm nhỏ bé mà đầy ắp nghĩa tình của người Sài Gòn, và của những người đến Sài Gòn. Sống ở một nơi như vậy có cần chăng một nơi khác để bắt đầu một cuộc đời khác? ♦

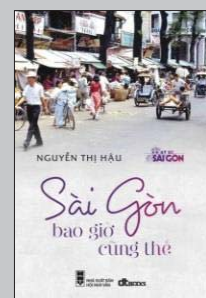
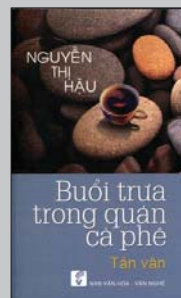
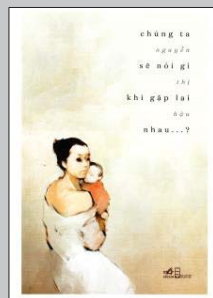
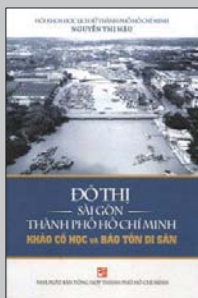
NGUYỄN THỊ HẬU (27/01/2016)

Nguồn:

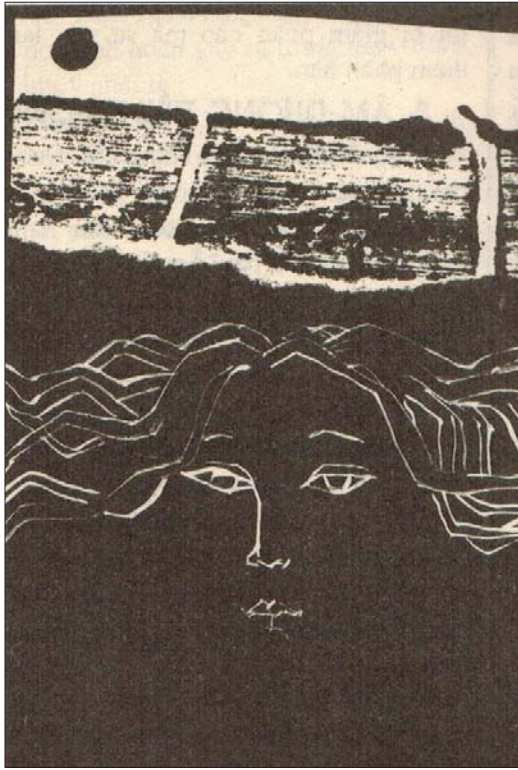
<https://haukhaoco2010.blogspot.com/>

Ghi thêm: Bia sách của tác giả Nguyễn Thị Hậu trên Internet, Đi Tới ghi chữ đậm & trình bày.

Tác giả_NGUYỄN THỊ HẬU_Tác phẩm



Hành trình về phương Đông



Tranh minh họa: Cố họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn
(06.10.1954, Sài Gòn – 20.03.2013, Montréal),
phụ trách Mỹ thuật Đi Tới

Ở phương Đông có một vầng trăng
Chiếu xuống đỉnh đồi lạnh lẽo
Trong cõi mang mang khuất nẻo
Bóng dáng đi về ai hẹn một hôm sau

Người đã qua muốn nẻo mưa mau
Hạng ngộ chưa từng trang giấy lật
Hạng ngộ hôm qua hôm kia là thật
Là bóng trắng soi rọi u mê

Có phải đời người là cuộc rong du
Ai đâu thấy hồn mình lạc bước
Ai chợt thấy hình nhân thuở trước
Rùng mình lạnh ớn cơn say

Ở phương Đông có một vòng tay
Mà cuộc hành trình ai bước lại
Nụ khóc điệu cười từng trải
Nhẹ théch chuyện đời lưng núi quay

Lời nói nào đã tỏ đêm nay
Hay hôm sau ngày nọ
Lững thững bước đêm dài hạnh ngộ
Bước không về nổi một cơn mê

Bóng đường xa mờ tỏ chưa hề
Chết sống hồn bạt phiêu lãng đãng
Cứ ngỡ ngẩn cứ vui cứ chán
Nổi quạnh hiu mấy nẻo u trầm

Ở phương Đông có một vầng trăng
Chiếu xuống đỉnh hồn bồi rối.

*“Cảm theo một ý từ tác phẩm cùng tên,
Journey to the East của B. Spalding”
01.12.2000 – 6 giờ sáng*

Phạm Nhã Dự

(Tác giả cộng tác Đi Tới năm 1995)

Ký ức Lịch sử Quá khứ

□ NGUYỄN VĂN TRUNG

LTS: Tác giả Nguyễn Văn Trung, cựu giáo chức tại Việt Nam trước 1975, định cư tại Montréal, Canada năm 1994, cộng tác Đi Tới năm 1996.

Lời tác giả:



Xin nêu một vài ý tìm hiểu thêm quá khứ. Đây là khái niệm chỉ thị một cách tổng quát những gì đã qua. Có thể rút ra từ khái niệm “quá khứ” hay “dĩ vãng” hai khái niệm khác: KÝ ỨC và LỊCH SỬ.

Ký ức bày tỏ các chủ quan sống thực, sống động mà người là chủ nhân của biến cố, sự kiện đã xảy ra cảm nhận biến cố, sự kiện càng thiết thân, mức độ tác động càng lớn và rất khó quên. Đòi hỏi của ký ức là trung thực, chung thủy. Đối với người là chứng nhân, nạn nhân để giữ được đòi hỏi kể trên. Nhưng đối với thế hệ sau, không còn sống hoàn cảnh biến cố, sự kiện thật rất khó nhớ, và hơn nữa cũng khó hiểu biến cố. Chẳng hạn biến cố 30.4.1975, những người sinh ra sau 75 ở trong nước hay ngoài nước rất khó nhớ biến cố kể trên như một ký ức, thậm chí có những cách biểu lộ ký ức về biến cố này của đàn anh ở nước ngoài có thể làm cho họ muốn quên đi vì đối với họ, điều họ muốn và coi như một nhu cầu, cần thiết là HIỂU được biến cố này TẠI SAO có, nghĩa là họ coi biến cố 30.4.75 là một sự kiện lịch sử và đòi hỏi của lịch sử là chân lý, sự thật. Nhưng những ý nghĩa, nguyên nhân mà những người có ký ức về biến cố, là nhân chứng của biến cố, lại không giống nhau, hay ngược nhau, hoặc trở trêu hơn nữa giống nhau về tâm trạng mà khác nhau về nguyên nhân. Ký ức là cá thể, duy nhất, còn sự kiện lịch sử xảy ra trong một diễn tiến lịch sử và sự kiện xảy ra sau có thể soi sáng sự kiện xảy ra trước.



Sau 23 năm, ngày nay người ta có thể đưa ra nhiều ý nghĩa liên quan đến sự thật lịch sử của biến cố 30 tháng Tư 75. Thoạt đầu bề ngoài đúng là một thắng thua về quân sự. Nhưng rồi ngay trên phương diện quân sự, người ta phân biệt một trận đánh, một chiến công ở địa phương và một sách lược toàn cầu và hiểu rộng hơn khái niệm chiến tranh không phải chỉ thuần trên quân sự, mà là kinh tế, chính trị, văn hóa vv.. Một số sự thực được tiết lộ và còn nhiều sự thực chưa được tiết lộ, như một vị tướng quân ở miền Trung hồi 1975 không phải ngồi ở phòng Tổng Tham mưu nói với tôi, ông chưa thể nói gì được về biến cố này, nhưng đã viết ra và để ở két kho bạc, sau này con cháu sẽ mở xem.

Người viết sử, ngay cả nói đến tâm trạng, ký ức của người đương thời, trong cuộc cũng thấy những chân lý khác nhau. Chẳng hạn có nỗi thất vọng, tủi nhục, tủi thân, căm thù của kẻ thua, chạy, thì cũng có những nỗi niềm kể trên ở nơi kẻ gọi là chiến thắng.

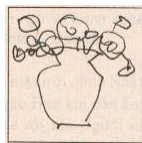
Xin để cho những kẻ chiến thắng nói lên sau này, chỉ xin kể một trường hợp thôi. Một nhà văn nổi tiếng ở miền Bắc than với tôi:

“Đèo xe đạp vợ đi chợ Bến Thánh, mặc cả từng đồng khi mua mấy thứ lật vật, bị các bà bán hàng, dân miền Nam, mắng đỏi không thềm bán... đành chịu đựng lặng lẽ bỏ đi thôi!!!”

Làm thế nào để các thế hệ sau không phải là nhân chứng của biến cố có thể nhớ biến cố không phải chỉ như một sự kiện lịch sử, mà là một ký ức? Kinh nghiệm những người ở trại tập trung Đức quốc xã cho thấy, mới chỉ sau 50 năm, và mặc dầu có nhiều chứng từ của các nạn nhân sống sót đã xuất bản, những phim ảnh, tượng đài, ngay cả trại tập trung cũng được giữ lại như một di tích, mà con cháu cũng hiểu sai, đến nỗi có người phải đưa cả gia đình, con cháu đến tại chỗ ở trại mình đã trải qua giải thích cho con cháu nghe.

Về sự kiện “thuyền nhân” ngoài tượng đài, bảo tàng viện trình bày như thuyền, đồ dùng vv.. làm sao gom được những thư của những người đã trải qua gửi về cho gia đình, bạn bè thân thuộc ở Việt Nam, hoặc nhận được hoặc bị kiểm duyệt. Đây là loại chứng từ sinh động, rất trung thực và có khả năng gây xúc động bất cứ ai bất cứ xu hướng nào chỉ có tính cách “trần trụi” của sự kiện, không kèm theo những tố cáo, nguyên rủa ai... Hoặc thực hiện một bộ phận cùng trong tinh thần đó làm sống lại một thảm cảnh, có chú thích mà không cần bình luận, phê phán kết án, để cho người nghe, xem cảm nhận và bày tỏ thái độ. Đã hẳn người trong cuộc, chứng nhân một biến cố có quyền có ý nghĩ, gán cho sự kiện những ý nghĩa. Nhưng cũng đã hẳn khi sự kiện là một ký ức trở thành một sự kiện lịch sử, nó có thể mang nhiều ý nghĩa khác để làm sáng tỏ thêm sự kiện, vì viết sử đòi hỏi gần chân lý của sự kiện, càng gần càng tốt. Do đó những người là chứng nhân của một biến cố, cần lưu ý đừng dừng lại ở một biến cố, như thể lịch sử Việt Nam, dừng lại ở biến cố 1975 hay 1979; 80... trong khi thực ra lịch sử vẫn tiếp diễn và người ở trong nước không thể có thái độ dừng lại ở một biến cố lịch sử nào. Nếu bắt lịch sử ngừng lại ở một sự kiện lịch sử sẽ tiêu diệt ký ức, đồng thời giam mình vào một biến cố lịch sử xóa bỏ luôn hiện tại và tương lai.

Ở trong nước, tình hình thay đổi, từ một Đảng viên đến người chống Cộng đầu mong muốn có quan hệ bình thường với Hoa Kỳ; biểu tình chống lại mong ước đó tiêu biểu cho một thái độ tự giam mình vào một thứ “ghetto” của quá khứ. Người Do Thái bị buộc phải sống trong những “ghetto” thời Đức quốc xã, còn những người bám vào một khoảnh khắc của quá khứ, tự giam nhốt do đó bị gạt riêng ra khỏi lịch sử vẫn đang tiếp diễn từ hiện tại tới tương lai. Trái lại, nếu biết ra khỏi ý nghĩa quá khứ của mình, sẵn sàng lắng nghe, đón nhận những ý nghĩa khác, có thể sẽ phải duyệt xét ý nghĩa của mình đã gán cho quá khứ đó, nhất là trong trường hợp chỉ đóng vai thụ động, chịu đựng biến cố.



Xem truyền hình kỷ niệm 50 năm quân đội Đồng Minh đổ bộ Normandie, tôi thấy cảnh nhiều lính Mỹ sang tham dự buổi lễ tưởng niệm xúc động, rơi nước mắt khi đứng trước bia mộ, nghĩa trang đồng đội đã hy sinh. Sang Mỹ, đến Hoa Thịnh Đốn, tôi đi thăm bia tưởng niệm những lính Mỹ chết trận trong chiến tranh Việt Nam, không phải với tư cách du khách, mà là với thái độ hành hương. Cũng như người Mỹ, tôi tưởng niệm những người Mỹ đã chết trận ở Việt Nam bất cứ vì lý do gì. Rất có thể tôi không đồng ý những lý do của người lính Mỹ đã chết hay còn sống, nhưng dầu vậy, tôi vẫn bày tỏ lòng tôn kính họ vì họ đã chết. Hơn nữa vì tôi là người có đức tin Kitô giáo, tôi đã cầu nguyện cho họ theo ý kinh cầu cho người chết (*Memento*) mà người Công giáo vẫn đọc khi dâng lễ: “Xin Chúa hãy nhớ đến những người đã từ già cõi đời này, những người anh em của chúng con đã đang an nghỉ trong niềm hy vọng sống lại...” Tuy nhiên buổi thăm viếng cũng đã gây cho tôi nhiều suy nghĩ: Tại sao tôi không thể đến tưởng niệm lính Mỹ ngay tại nơi họ đã chết ở Việt Nam? và tại sao những đồng đội còn sống của họ cũng không thể đến những nơi đó để tưởng niệm, cầu nguyện như đã đến bờ biển Normandie nước Pháp?

Người Mỹ có mặt ở Việt Nam 20 năm và sau năm 75, họ đã ra đi không để lại vết tích gì liên quan đến chính thân xác của người lính đã chết và ý định không để lại đó vẫn được tiếp tục thể hiện qua những cố gắng tìm kiếm người mất tích đưa hài cốt về Mỹ. Vậy những người Mỹ đã có mặt ở Việt Nam, đã chết ở Việt Nam, có chết cho Việt Nam không, hay chỉ chết cho nước Mỹ? Nếu đúng vậy, phải hiểu thế nào những lời tuyên bố của các lãnh tụ, chính khách Mỹ ở Việt Nam? Dù sao, ngày nay tôi vẫn ước ao có những bia tượng dựng ở Việt Nam, nhất là ở các địa điểm các trận đánh nổi tiếng đã đi vào lịch sử để mọi người Mỹ có thể đến tưởng niệm.

Khi những người chiến thắng tràn ngập miền Nam, một trong những việc đầu tiên của họ là xô ngã tượng ‘Thương Tiếc.’ (..) Nhưng tôi chắc chắn rằng niềm thương tiếc những đồng đội đã ngã xuống trên chiến địa vẫn ngày càng sáng mãi trong tâm thức miền Nam. (..) Không thể có hòa giải đích thực bao lâu Nghĩa trang Quân đội và tượng ‘Thương Tiếc’ chưa được phục hồi.

Không phải chỉ người Mỹ, mà tất cả các nước khác đã dính liếu vào cuộc chiến vừa qua như Úc, Tân Tây Lan, Nam Hàn, Phi Luật Tân, Thái Lan... Xa hơn nữa những lính Pháp, Bắc Phi trong cuộc chiến Pháp Việt.

Rất tiếc một số nghĩa trang của quân đội Pháp đã bị bóc dời gần đây. Tuy nhiên vẫn có thể dựng tượng bia những nơi đó. Đến đây, tôi nghĩ đến một trường hợp đặc biệt. Trong tương lai, nếu thực sự có việc trao trả chính phủ Mỹ những tòa nhà thuộc sở hữu của nước Mỹ, trong đó có tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, sẽ giải quyết thế nào bia tưởng niệm khắc những dòng chữ sau đây: “Nơi đây nguyên là Tòa Đại sứ của Mỹ trong cuộc chiến tranh tại Việt Nam. Tết Mậu Thân, lúc 2 giờ 15 phút ngày 31 tháng Giêng, 17 chiến sĩ Biệt động Giải phóng khu Sài Gòn-Gia Định đã tấn công và chiếm giữ tòa nhà này trong nhiều giờ.” Hoặc phía Việt Nam sẽ gỡ tấm bia trước khi trao trả, hoặc người Mỹ sẽ gỡ sau khi nhận lại tòa nhà. Mong muốn của tôi là vì nguyên tắc tôn trọng người chết, bất kể họ ở chiến tuyến nào, không nên gỡ bia tưởng niệm gắn ở cửa ra vào, và phía Mỹ ngỗ ý với phía Việt Nam không gỡ. Sau khi đã tiếp nhận, phía Mỹ có thể gắn một bia tưởng niệm những lính Mỹ đã chết để bảo vệ tòa Đại sứ.

Chính trị thì nay thế này mai thế khác. Trước là thù, sau là bạn. Nhưng người chết vì bất cứ thứ chính trị nào đều đã ra khỏi mọi thứ chính trị, ra khỏi thời gian trần thế, đi vào vĩnh cửu vì thế được người sống sót bất kể phía nào tôn trọng. Tôi đề nghị phía Việt Nam xây thêm bệ để cắm hương, sửa vài chỗ nội dung những lời ghi trên bia tưởng niệm theo đúng tục lệ ngàn đời của nhân loại

chỉ ghi những lời tôn vinh người đã chết đã đi vào vĩnh cửu và vì thế bia tượng, nơi bày tỏ lòng tôn vinh trở thành linh thiêng không ai dám xâm phạm. Vậy có trao trả tòa nhà, thiết tưởng người Mỹ cũng sẽ giữ lại bia tượng. (1)

Quá khứ của người còn sống là một quá khứ có thể thay đổi, không giống quá khứ của người đã chết không thể thay đổi được nữa. Khi người còn sống thay đổi và thay đổi ngược hẳn lại với quá khứ thì những đề cao quá khứ cũng phải thay đổi. Tôi nhớ đến những luận văn tốt nghiệp khoa Văn trường Đại học Tổng hợp TP/HCM (Đại học Văn khoa Sài Gòn trước 75) đề cao những người cầm bút tham gia Cách mạng, trở thành Đảng viên như Lữ Phương... Bây giờ Lữ Phương không còn tin theo Đảng, số phận của những luận văn tốt nghiệp đó sẽ ra sao? Vẫn được tiếp tục duy trì hay vứt vào sọt rác? Trái lại, đưa quá khứ của người chết vào chính trị, giai đoạn nhất thời thì người đưa vào, có lúc phải tự mình rút ra khi chính trị thay đổi. Trầm trọng hơn nữa, làm như vậy phải chăng là xúc phạm đến người chết của mình, phủ nhận người chết mà mình muốn tôn vinh, vì đã coi cái chết của họ như một công cụ phục vụ chính trị và sẵn sàng vứt bỏ khi thay đổi chính trị? Tôi không có ý nói không tôn trọng chính trị, nhưng chỉ có ý nói chính trị có những chỗ khác để bày tỏ, không phải ở nghĩa trang.

Tôi muốn bày tỏ lòng tôn trọng những người lính nước ngoài đã chết ở Việt Nam. Tôi càng tha thiết muốn tôn vinh những người lính Việt Nam đã nằm xuống bất kể họ thuộc phe nào trong cuộc chiến. Trong tinh thần đó, tôi ước ao bia tượng, nghĩa trang đã có cần được bảo vệ, không bao giờ bị

xóa bỏ trong tương lai, bia tượng, nghĩa trang bị xóa bỏ phải được phục hồi, chỉnh trang, bia tượng nghĩa trang chưa có cần được xây dựng thêm. Một cách cụ thể, tôi muốn phục hồi Nghĩa trang Quân đội Việt Nam Cộng Hòa và bức tượng “Thương tiếc” của điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu mà bất cứ ai trước 75 khi đi ngang qua xa lộ Biên Hòa đều thấy. Bức tượng không bày tỏ một ý nghĩa chính trị gì hận thù mà chỉ biểu lộ một tình cảm thân phận con người qua cái chết. Những đồng đội còn sống của những người lính đã hy sinh khi tấn công tòa Đại sứ Mỹ sẽ cảm thấy đau xót và phẫn nộ đến thế nào khi bia tượng niệm bị gỡ bỏ xếp vào một xó, hay đem để ở bảo tàng viện quân đội. Gỡ bỏ hoặc mang đi chỗ khác đều làm cho bia tượng niệm mất hết ý nghĩa vì nó chỉ có ý nghĩa khi được đặt vào đúng chỗ, và chỗ đó chỉ có một, duy nhất. Do đó, hoặc là không trao trả tòa Đại sứ với bất cứ giá nào, hoặc trao trả phải làm thế nào để giữ lại được bia tượng niệm.

Cũng trong chiều hướng suy nghĩ kể trên, những người lính thuộc quân đội Việt Nam Cộng Hòa và dân chúng miền Nam đã đau xót đến thế nào khi thấy nghĩa trang quân đội bị bỏ hoang phế và tượng “Thương tiếc” bị gỡ bỏ. Tình cảm thương tiếc đối với bức tượng sâu đậm vì bức tượng đã hóa thân, đi vào tâm thức tôn giáo dân gian của người miền Nam. Rất nhiều chuyện về người lính ngồi trước cổng nghĩa trang hiện về được loan truyền trong dân chúng, có chuyện sau khi được kể làm bà con vùng xuôi Lò Ô, Thủ Đức, Biên Hòa đổ đi xem tượng làm xe cộ kẹt cứng cả một quãng đường trước nghĩa trang.

Ký giả Lô Răng đã ghi lại đôi nét lịch sử về việc thành lập nghĩa trang và bức tượng “Thương tiếc” như sau: “*Cổng nghĩa trang là một khúc quanh. Đến khúc quanh này, người đi xe cũng như khách bộ hành đều thấy đột khởi trên nền xanh thẫm của lá cây ven đường tượng một anh lính chiến đang ngồi nghỉ. Anh ngồi đó một mình, sau lưng là bao người đã chết. Chiếc mũ sắt lông dây quai, súng nằm nghiêng một bên, dáng ngậm ngùi,*

mắt ngó mong về khoảng trước mặt. Anh đang thương tiếc ai? Bao nhiêu đồng đội vừa nằm xuống, những dãy mộ chí dằng dặc sau lưng anh biết bao giờ chấm dứt. Hay anh đang thương tiếc cho sức xuân của dân tộc đang chết dần đi trong cuộc chiến này. Pho tượng như có mang chứa linh hồn của người đã chết khắp nơi trên khắp mọi miền đất nước (truyện ngắn “Tượng” của Lê Hằng) nên linh thiêng lắm. Người ta đồn rằng có những lúc trời chạng vạng tối, âm dương hỗn độn, người lính từ trên cao đi xuống ngồi bên vệ đường. Hoặc những lúc đêm khuya trăng lạnh, có tiếng hát thê lương từ bức tượng bay đi. Pho tượng đã đi vào niềm tiếc thương muôn thuở của con người. Khi những người chiến thắng tràn ngập miền Nam, một trong những việc đầu tiên của họ là xô ngã tượng “Thương tiếc”.

Người Mác xít Lê nin ra lệnh : Không được tiếc thương, không được nhớ quá khứ. Tượng “Thương tiếc” đã đổ, cũng như người khai sinh ra nó không biết lưu lạc phương nào? Nhưng tôi chắc chắn rằng niềm thương tiếc những đồng đội đã ngã xuống trên chiến địa vẫn ngày càng sáng mãi trong tâm thức miền Nam.” (2)

Không thể có hòa giải đích thực bao lâu Nghĩa trang Quân đội và tượng “Thương tiếc” chưa được phục hồi. Nếu bức tượng đã bị phá hủy, cần để cho tác giả làm bức khác y như trước và phải có cử chỉ tạ lỗi với người đã chết, đang an giấc ngàn thu tại nghĩa trang vì đã xúc phạm họ.

Không phải chỉ bảo vệ, phục hồi những bia mộ, tượng đài cho những người cảm súng đã chết, mà cả cho người dân thường, cá nhân hay tập thể đã chết vì một chính sách cai trị. Chẳng hạn nạn nhân bị chết đói hồi 1945 ở miền Bắc (3), vụ cải cách ruộng đất, vụ thảm sát tập thể hồi Tết Mậu Thân 1968 ở Huế, vụ vượt biên sau 1975...

Tôi mơ ước sẽ thấy những bia tượng dựng lên rải rác ở dọc ven biển Việt Nam, lưu giữ tất cả những kỷ vật liên quan đến các thuyền nhân, đặc biệt là những người đã chìm sâu trong lòng biển cả Thái Bình Dương.

Tôi mong ước những gì đã qua được suu tầm, bảo vệ, lưu giữ vì nó thuộc về lịch sử. Tôi cũng mong ước những gì còn lại là hiện tại, sẽ trở thành lịch sử cũng được bảo vệ ngay từ bây giờ.

Không phải chỉ bia mộ, tượng đài, mà cả thư viện, văn khố. Tóm lại tất cả biểu hiện của một chế độ chính trị sau này sẽ là chứng tích của chế độ đó.

Thật đáng tiếc Việt Nam là một dân tộc hầu như không có bảo tàng viện lưu trữ những kỷ vật liên quan đến đời sống tinh thần và vật chất của dân chúng qua các thời đại như thường thấy ở nhiều nước khác. Thanh thiếu niên ngày nay nhất là ở đô thị, có thể không biết những đồ dùng hàng ngày của ông cha họ, hoặc chỉ biết qua sách báo không được nhìn tận mắt cái cối xay lúa, điều hút thuốc Lào, xe tay kéo... Chỉ có những di tích lịch sử, những bảo tàng viện của các chế độ chính trị. Chế độ mới vừa lên đã vội vã thanh toán, xóa sạch tàn tích chế độ cũ.

Nhà Nguyễn đã làm như vậy đối với chế độ chính trị trước mình. Các chế độ chính trị sau nhà Nguyễn đã đối xử tương tự với các di tích của Triều Nguyễn.

Chính vì thế mà ngày nay chúng ta là con cháu, không phải là người đương thời của nhà Nguyễn, Tây Sơn có thể có cái nhìn thanh bình, khách quan về cuộc nội chiến cách đây hơn 200 năm không thể dựa vào nhiều cái đáng kể để đánh giá thời kỳ đau thương đó. (...) ♦

NGUYỄN VĂN TRUNG (Montréal, 10.1998)

(1) Hiện nay tòa nhà này đã được trao trả. Bia tưởng niệm vẫn còn.

(2) “Chuyện bên lề tượng ‘Thương tiếc’ hóa thân”, báo Bách Việt số 3 tháng 5 & 6.1992, trích Vietmes số 4/92.

(3) Hồi ký ông Phạm Ngọc Lũy, “Hồi ký một đời người”, tập 1 NXB Tân Văn Nhật Báo 1993.

Nguồn: Đi Tới số 15, tháng 11.1998 chủ đề:

“Ngày 11.11: Bắc Mỹ Tưởng Niệm
Chiến Sĩ Trận Vong.”

ĐI TỚI GHI THÊM:

Tác giả Nguyễn Văn Trung, giáo sư Đại học Văn khoa Sài Gòn (1955-1975), định cư tại Montréal 1994, cộng tác Đi Tới năm 1996.

Tháng 8.1998, nhằm ý muốn biết thêm về chương trình ‘Đổi Mới’ của một người rời Việt Nam chỉ mới sau 4 năm, báo Đi Tới mời Gs Trung một bữa cơm:

- *Thưa thầy, với 8 năm sống trong nước diễn ra chương trình ‘Đổi Mới’, với 4 năm sống ở nước ngoài tại Montréal, xin thầy cho cái nhìn tiêu biểu không bị ‘bỏ quên bỏ qua’ của thầy về chương trình ‘Đổi Mới’ tại Việt Nam hiện nay.*

Giáo sư Trung, từng được tôn xưng là ‘phù thủy chữ nghĩa’ từ những năm 1950-1960; cha đẻ của những ngữ từ bắt đầu từ... ca sĩ Thanh Thúy. Ca sĩ Thanh Thúy khởi nghiệp từ quán Anh Vũ, ở đường Bùi Viện-Ngã Tư Quốc Tế, Sài Gòn: *áo ảnh Thanh Thúy, tiếng hát liêu trai, ca tụng thân xác, hành trình, dấn thân...* đặc biệt cụm từ ‘**bỏ quên bỏ qua**’ rất nổi tiếng, và có lẽ cũng là ngữ từ rất tâm đắc của giáo sư Trung trong biên khảo HỒ SƠ VỀ LỤC CHÂU HỌC, dựa vào tài liệu văn, sử bằng quốc ngữ xuất bản ở miền Nam (1865-1930); Chương mở đầu ‘Tìm Hiểu Con Người Ở Vùng Đất Mới’ nói về ‘Một Mảng Văn Học Bị Bỏ Quên Bỏ Qua’. Nghe tôi nhắc tới mấy chữ nghĩa *ruột* - ‘**Made in Nguyen Van Trung**’ ‘danh chân giang hồ’ của mình, giáo sư Trung mỉm cười:

- *Ngay cả hồi còn ở Sài Gòn, tôi đã nói những gì mà ‘Mấy Ông’ làm bây giờ gọi là ‘Đổi Mới’ chẳng qua là trở về ‘Cái Cũ’!*

Thấy tôi cười, có vẻ muốn hỏi, thầy mỉm cười nói tiếp:

- *Cái cũ đây là cái của Việt Nam mình trước 75! ♦*

Tạp chí Đi Tới

Không ở đâu chấp nhận tôi là một người Việt dễ dàng như Sài Gòn



DREW TAYLOR - Giám đốc đối ngoại Trung tâm tư vấn du học ELS, cái tên quen thuộc trong làng cộng tác viên nước ngoài của một vài tờ báo uy tín ở Sài Gòn - là người sống được giữa hai thái cực của sự nghiêm túc và hài hước. Anh có thể lên kế hoạch đến chi tiết cho “Sáu mươi năm cuộc đời”, mà cũng sẵn sàng bỏ cả ngày lang thang khắp các tiệm đồ cũ, tán chuyện với các anh xe ôm hay các chị bán hàng rong.

Anh có thể viết ra một danh sách dài vô tận những điều “Tôi yêu Việt Nam” và một danh sách khác những điều châm chọc kiểu như “Người Việt xấu xí”. Anh có tinh thần phản biện và cái cách của một trí thức, đồng thời cũng sở hữu luôn phẩm chất hồn nhiên và “thẳng ruột ngựa” của một anh chàng miền Tây mê cháo cá lóc và Honda 67.

Sau sáu năm làm việc ở Việt Nam, Drew tự nhận mình đã bị “khai trừ” khỏi các hội dành cho người nước ngoài vì anh có quá nhiều bạn bè... người Việt. Doanh nhân Sài Gòn Cuối tuần có dịp hội ngộ và trò chuyện với anh nhân chuyến đi công tác của anh đến San Francisco, California (Mỹ) vừa qua.

Nếu đã lên kế hoạch chi tiết cho “Sáu mươi năm cuộc đời” thì sao anh không sống ở Việt Nam luôn cho rồi?

Tôi sẽ ở Việt Nam đến 60 tuổi thôi, sau đó sẽ về lại Canada và chết ở Canada. Ít ra như vậy mới công bằng cho Canada vì cả hai đều là quê hương của tôi. Canada là nơi tôi sinh ra thì sẽ là nơi tôi nằm xuống. Còn khoảng giữa tôi dành cho Việt Nam.

Nghe giống cuộc đời cá hồi nhỉ! Cá hồi sinh ra ở sông, vùng vẫy cuộc đời ở biển, cuối đời lại làm một cuộc lội ngược dòng về sông để chết. Mà này, anh có thấy là anh tính hơi xa quá không?

Tôi là một người suy nghĩ nhiều. Không có một giây phút nào mà cái đầu tôi dừng suy nghĩ. Tôi còn tính đến việc khi chết, tôi sẽ được thiêu và người ta muốn quăng tro đi đâu cũng được. Tro không còn là tôi. Mà tôi cũng chẳng phải là nắm tro ấy, nên người ta muốn quăng đi đâu thì quăng, cho vào thùng rác cũng chẳng sao. Thẳng thắn mà nói thì trên đời này không thiếu những kẻ mà khi sống bản thân họ đã là cái thùng rác rồi.

Vâng, thực là có những cái thùng rác di động, biết làm đom và đầy ứ vì thừa mứa... Nhưng anh nên cho cái đầu anh nghỉ ngơi một chút. Suy nghĩ nhiều thế cũng là một dạng bệnh đấy!

Cũng tùy vào người chẩn bệnh, nhưng mọi thứ tôi nghĩ, tôi làm, tôi đều biết chính xác đó là tôi. Nếu đó có là vấn đề đi nữa thì tôi không đi tìm câu trả lời, mà tìm những cách thức khác nhau để đến với câu trả lời. Giống như để hiểu Việt Nam, người ta phải học nói tiếng Việt.

Anh học tiếng Việt thế nào, thấy có khó không?

Không, dễ lắm! Trước khi đi ngủ, uống một chai Sài Gòn đỏ. Cứ làm như thế, sau hai tuần, thì ngủ dậy sẽ biết nói tiếng Việt.

Người Sài Gòn không quan tâm đến những thứ đó vì văn hóa ở Sài Gòn quá đa dạng! Người Sài Gòn không bao giờ nói Sài Gòn là nhứt. Nhưng đa số người thuộc lớp trung niên trở lên ở Hà Nội luôn nghĩ Hà Nội là nơi tuyệt vời nhứt trên thế giới. Thậm chí nếu một ngày nào đó Sài Gòn biến mất trên thế gian này thì chắc cũng có vài người chẳng bận tâm!

Anh nói sao hay nhỉ!

Vậy mà nhiều người tin lắm đấy! Đùa chứ, tôi từng dành một tháng đi học ở lớp trong trường đại học nhưng không thích lớp đó vì tất cả sinh viên trong lớp đều là người nước ngoài. Tôi nghĩ không có gì bất tiện hơn là học tiếng Việt với người nước ngoài. Thế là tôi tìm gia sư. May mắn cho tôi là gia sư của tôi lại không thạo tiếng Anh. Bởi vậy việc học tiếng Việt của tôi càng thú vị hơn bao giờ hết! Tôi luôn tận dụng mọi cơ hội để nói chuyện với mọi người, chỉ bán hàng ở chợ, bác xe ôm... Tôi tập nói mọi nơi mọi lúc và không bận tâm nhiều đến ngữ pháp. Có khi tôi gặp những tình huống làm tôi bối rối.

Ví dụ như...

Ở Hà Nội, người ta nói chuyện rất trang trọng, khác hẳn với ở miền Nam. Người Hà Nội họ sửa tôi mọi thứ.

- Ví dụ như khi tôi nói: “Cho một ly sinh tố!”.
- Người ta hỏi lại: “*Một ly là gì?*”.
- Tôi nói: “*Một ly sinh tố mà!*”.
- Họ nói: “*Không phải, một cốc!*”.
- Tôi nói: “*Biết rồi! Một cốc!*”.
- Họ lại sửa: “*Không phải, biết “z” thì mới đúng!*”.
- Khi tôi nói: “*Xin lỗi tôi đến trễ*”.
- Người ta lại sửa: “*Không phải “đến trễ”, đến muộn!*”.
- Khi tôi nói: “*Vâng ạ*”.
- Người ta sửa là: “*Không, phải nói là “Thế ạ!”*”.

Người Sài Gòn không quan tâm đến những thứ đó vì văn hóa ở Sài Gòn quá đa dạng! Người Sài Gòn không bao giờ nói Sài Gòn là nhứt. Nhưng đa số người thuộc lớp trung niên trở lên ở Hà Nội luôn nghĩ Hà Nội là nơi tuyệt vời nhứt trên thế giới. Thậm chí nếu một ngày nào đó Sài Gòn biến mất trên thế gian này thì chắc cũng có vài người chẳng bận tâm.

Anh tưởng tượng thôi chứ chẳng đến nỗi như vậy đâu! Mà điều gì cho anh ý nghĩ đó?

Thói quen và đam mê của tôi là tìm hiểu con người bằng cách tương tác với họ, quan sát phản ứng của họ thông qua cảm xúc, ngôn ngữ của họ. Tôi không phải là một chuyên gia tâm lý, nhưng tôi rất thích khoa tâm lý học. Trước chuyến đi công tác ở Mỹ, có một anh phóng viên đến nói chuyện với tôi. Anh ta muốn biết tôi hiểu gì về miền Bắc và miền Nam khi viết những bài báo như tôi đã viết. Rồi anh ấy hỏi liệu tôi có lo rằng người ta đọc được sẽ tức giận hay không. Tôi nói rằng tại sao tôi phải lo? Nếu lo thì tôi đã không viết những bài báo đó. Tôi đi và sống ở mọi nơi trên đất nước Việt Nam và tôi đại diện cho tất cả những gì thuộc về văn hóa Việt Nam. Anh phóng viên nọ muốn tôi thay đổi, muốn tôi biết Hà Nội tuyệt vời thế nào và viết những điều tuyệt vời về Hà Nội. Vấn đề là tôi thích Việt Nam chứ không cảm tình riêng một thành phố nào. Tôi không hiểu tại sao có những người chỉ luôn muốn nghĩ rằng mình đúng. ♦

QUÊ ANH thực hiện

Nguồn: <http://www.doanhnhansaigon.vn/online/doanh-nhan/tro-chuyen/2010/09/1047302/khong-o-dau-chap-nhan-toi-la-mot-nguoi-viet-de-dang-nhu-sai-gon/>

Ghi thêm: Đi Tới trình bày ảnh, nhấn mạnh & ghi chữ đậm.



Người Sài Gòn. (Internet: ảnh chụp trước 1975)

TRẺ EM HAI MIỀN BẮC - NAM



**Học sinh tại một trường phổ thông cơ sở cấp hai ở Hà Nội
trong lễ khai giảng năm học mới hôm 5.9.2016**

Nguồn: <https://www.rfa.org/vietnamese/news/blog/public-service-price-not-only-words-06012018075441.html>



Trẻ em Đồng Bằng Sông Cửu Long 19.02.2016
(Ảnh : Internet)

CÔ BÉ SÀI GÒN CÚI ĐẦU CẢM ƠN KHIẾN TÔI SỪNG NGƯỜI

Lần đầu tiên tôi được thấy ở nơi công cộng
có một em bé lễ phép đến như thế.



Tôi vào Sài Gòn được vài lần, thường là chớp nhoáng. Vì đi trong ngày, sáng đến, tối về Hà Nội nên cảm nhận thực sự về Sài Gòn chưa được nhiều lắm.

Cảm nhận của tôi về mảnh đất này chủ yếu qua sách báo và các cuộc trò chuyện với bạn bè. Lần này vào Sài Gòn, tôi có một buổi đi thăm thú hoàn toàn.

Đi cả ngày, cảm giác về Sài Gòn cũng gần như Hà Nội, ồn ào, náo nhiệt. Nhà hàng cửa hiệu san sát, món ăn thì cũng đủ từ mọi vùng miền trên cả nước, con người thì cũng vậy, đến từ khắp mọi nơi.

Buổi chiều tối, khi tôi đang đứng ở tầng một của một trung tâm thương mại thì có một cô bé học sinh cỡ lớp 8 hoặc lớp 9 chạy ngay qua tôi đánh rơi một bọc màu đen. Tôi vội gọi cháu lại bảo: "Này, cháu bị rơi đồ kìa". Cô bé vội chạy lại nhặt gói đồ lên và lại vội chạy đi. Nhưng trước khi chạy cô bé khoanh tay, đầu hơi cúi xuống nói rất nhẹ nhàng:

"Con cảm ơn chú".

Tôi hơi sững người một chút vì hành động cảm ơn của cô bé, lời cảm ơn thì tôi đã nghe rất nhiều rồi khi tôi giúp ai đó một việc gì, nhưng đây là lần đầu tiên tôi thấy một em bé, ở nơi công cộng, khoanh tay và cúi đầu cảm ơn.

Trên chuyến bay về Hà Nội, hình ảnh và hành động của cô bé làm tôi cứ nhớ mãi, có lẽ đây chính là "đặc sản" của Sài Gòn còn lại trong một xã hội ồn ào và náo nhiệt này. ♦

SONG TOÀN

9/8/2013

Nguồn: <https://ub.com.vn/threads/co-be-sai-gon-cui-dau-cam-on-khien-toi-sung-nguoi.101815/>



SÀI GÒN BAO GIỜ CŨNG THỂ

□ Nguyễn Thị Hậu



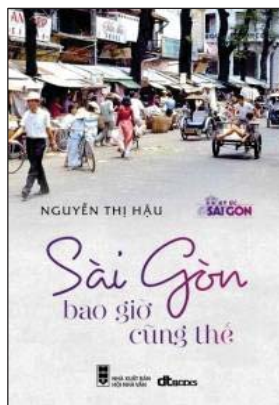
Vài năm gần đây nhiều tập tẩn văn, tùy bút, công trình khảo cứu mới được xuất bản cùng với những quán ăn, quán cà phê, phim ảnh... mà tên gọi có hai chữ “Sài Gòn” đã tạo thành trào lưu “hoài cổ” về nơi một thời từng là “Hòn ngọc Viễn Đông”. Những gì mà cộng đồng nhắc nhớ thật ra cũng không cổ xưa quá đâu, chỉ là Sài Gòn của gần một thế kỷ trước, đó là các công trình kiến trúc kiểu Pháp, con đường “cây xanh bóng mát”, bùng binh vòng xoay xe cộ nối nhau chảy qua đêm ngày, gánh hàng rong, quán cà phê...qua ký ức của người sống gần cả đời ở đây hay chỉ mới đến đây vài năm đều thấm đẫm tình yêu với thành phố này. Không khó để lý giải tâm thức này từ góc nhìn văn hóa - xã hội.

Từ năm 1975 đến nay đã hơn bốn mươi năm, nếu theo cách tính tuổi của thời @ thì có hai thế hệ đã được sinh ra và trưởng thành tại thành phố này. Những thế hệ “di dân” đầu tiên vào thành phố sau biến cố chính trị lớn nhất của thế kỷ XX cũng đã sinh sống ở đây quá nửa đời người. Sài Gòn có lớp cư dân mới thay thế sự thiếu vắng của lớp cư dân cũ đã lần lượt ra đi vì nhiều hoàn cảnh. Từ đó đến nay thành phố thay đổi nhiều về diện mạo và không ít những di sản đã mất đi, nhưng bù lại, ngày càng có nhiều “người Sài Gòn” có nhu cầu tìm hiểu và bảo vệ những vẻ đẹp và giá trị của di sản văn hóa của mảnh đất họ đang sinh sống.

Sài Gòn với bạn là ai? Là người phụ nữ sang trọng trong tấm áo dài tha thướt hay ông công chức lịch lãm bộ đồ Tây? Là bác xích lô niềm nở, chị hàng rong nhẹ nhàng lời mời chào? Là người miền Tây lên hay người vô từ miền Trung miền Bắc? Thậm chí, là “giang hồ” nơi bến cảng chợ búa hay kẻ liều lĩnh cướp giật trên đường phố? Là nơi thu hút và luôn chấp nhận mọi hoàn cảnh, chia sẻ cơ hội cho mọi người, sau tất cả những phức tạp, bất ổn và cả những nguy cơ, sau cuộc

sống gấp gáp ồn ào tựa như “vô cảm” của một đô thành lớn, người Sài Gòn vẫn dung dị bên ly cà phê mỗi sáng, ly bia mỗi chiều, bình thân bên máy tính hay tờ báo ngôn ngôn thông tin, cần thì vẫn lao ra đường làm ăn, khi bị xe của “trật tự đô thị” làm khó thì như chị hàng rong “vui vẻ mà chạy”, và những người mua ổ bánh mì hay ly cà phê vẫn chờ gặp chị để trả tiền và ngày mai họ vẫn ghé mua như thường lệ, để giúp một con người, một gia đình. Sài Gòn có bao nhiêu cuộc đời như vậy.

Sài Gòn có thể là tất cả, một bức tranh đa dạng, sinh động, khó nắm bắt như những lớp sóng của dòng Cửu Long cuộn cuộn từ thượng nguồn đổ về mùa nước lớn, để rồi lớp phù sa màu mỡ từ từ lắng đọng nuôi cánh đồng lúa vàng và vườn cây trái ngọt lành... Với riêng tôi, Sài Gòn như một người đôn ông từng trải, phong cách hào hoa phong lưu nhưng tâm hồn chân tình và đa cảm, dù cuộc đời lúc sang trọng khi nghèo khó “lên xuống” bầm dập nhưng không làm mất đi lòng nghĩa hiệp và nhân ái. Từ mọi vùng miền đến làm ăn kiếm sống và không ít người trở nên giàu có, nhưng nếu ai đó trong số những người “lỡ dĩ” ở lại đây mà không đủ nghĩa tình để nhận ra Sài Gòn là một phần đời mình, chưa đủ yêu thương để thấy mình là một phần của Sài Gòn, chưa đủ mở lòng để thấy Sài Gòn như một quê hương...thì cũng có sao đâu, Sài Gòn không lấy đó làm điều...Chỉ khi đã đi xa rồi, có người mới nhận ra rằng mình đã gửi lại thành phố một phần trái tim. Nếu một lần nữa bắt đầu



cuộc sống và được lựa chọn nơi mình muốn sống, tôi vẫn chọn Sài Gòn.

Vì bạn biết không, chẳng bao giờ là muộn để ta có thể nói với thành phố này: Tạ Ông Đất Lành! ♦

NGUYỄN THỊ HẬU

(Trích: *Thay lời muốn nói*)

dtbooks
Nuôi dưỡng trí tuệ và tâm hồn



(*)

SÀI GÒN ngay trở lại

□ NGUYỄN VY KHANH

LTS: Tác giả Nguyễn Vy Khanh:

- Tốt nghiệp Sư Phạm Việt Hán Sài Gòn 1974,
- Cử nhân giáo-khoa 1973 và Cao học Triết Tây 1975,
- Master of Library Sciences, Montréal, Canada 1978.
- Cộng tác Đi Tới năm 1998.

Đã xuất bản:

- Khung Cửa (Thơ, Tác giả xb, Sài Gòn, 1972)
- Ngô Đình Diệm Và Nỗ Lực Hoà Bình Dang Dở (dịch, Xuân Thu, tái bản 1989)
- Lỗ Tấn Và Truyện Xưa Viết Lại (Xuân Thu, 1997)
- Bốn Mươi Năm Văn Học Chiến Tranh 1957-1997 (Đại Nam, 1997; tái bản 2000)
- Văn Học Và Thời Gian (Văn Nghệ, 2000)
- Văn Học Việt Nam Thế Kỷ 20, Một Số Hiện Tượng Và Thể Loại (Đại Nam 2004)
- 44 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại (Tập 1, 2,...7)



Khi cùng thực hiện với các anh Khánh Trường, Luân Hoán bộ 44 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại (Mở Nguồn, 3-2019, 7 tập), chúng tôi đã có dịp nhìn lại một thời văn học và đã hơn một lần ngậm ngùi khi đọc lại những tác giả và tác phẩm viết và xuất bản vào thời kỳ đầu của văn học Việt Nam hải ngoại, những Lê Tất Điều, Võ Phiến, Thanh Nam, Minh Đức Hoài Trinh,...

Sau biến cố 30-4-1975, chúng ta đã lần lượt ra đi và đã bỏ lại tất cả - chúng ta đã mất tất cả và nhất là đã đánh đoạn mất quê hương, đất nước như không còn lựa chọn khác. Và nỗi nhớ quê hương đã là tâm trạng chung, như Võ Phiến đã từng viết: “người ta nhớ nhau không nhớ vì cái lỗi lạc, lại e rằng chính nhớ nhau vì cái nhảm nhí ... những cái xe bánh mì ở đầu con hẻm, cũng như nhóm trẻ nít trong xóm vẫn rình rập trèo lên các mái tôn để thả diều, v.v.

Tất cả những cái nhảm nhí vô nghĩa ấy, đến một lúc nào đó, trong một hoàn cảnh nào đó, bỗng dừng trở nên quan-trọng như thể chúng là linh hồn của cuộc sống, ít ra, là linh hồn một quãng đời vài chục năm ở quê hương. Trên đất khách, giữa người xa lạ, chợt nhận ra không còn có ngày gặp lại những người xưa cảnh cũ, ta thấy mình mất hết dĩ vãng. Đêm đông không chỉ dài có năm canh mà những sáu bảy canh; ngày không còn đủ sáu khắc: mới chừng bốn giờ chiều đã mịt mù u ám, trời sầu đất thảm. Cuối đông hướng về mùa xuân, không còn chờ đợi đáng con én mà lại lắng nghe một con ó đêm (night hawk) lẻ loi, kêu chào choẹt đó suốt đêm trường trên khoảng trời vắng ngắt. Người cũ xung quanh chẳng còn ai, kỷ niệm cũ không còn. Những giọng nói tiếng cười cũ, không còn. Những con người đã sống trên đời chừng nửa thế-kỷ, bỗng không còn quá khứ nữa, bỗng bơ vơ như trẻ sơ sinh: Hoàn cảnh kỳ cục không thể tưởng.”

(Cỏ Bồng Phất Phơ, *Ly Hương* 1977, tr. 89-90)



Quê hương của người lưu vong như đối với người Việt thời bấy giờ là một quê hương đã mất nhưng đồng thời quê hương đó cũng trở nên không chắc chắn, mơ hồ vì thời gian và cái mất mát ở đây không thể đo lường, thống kê như khi người ta đánh mất vật dụng hay tài sản! Với Thanh Nam,

Sài-Gòn đã là tất cả, nay mất, tức không còn lại gì:

"Sàigòn, ôi những thân quen

Nhịp xe chợ sớm, ánh đèn hẻm khuya

Vang trong hồi tưởng nào nề

Tiếng mưa pháo kích bốn bề thủ đô

(...)

Ghé thân lũ thú trăm miền

Nỗi buồn nào cũng mang tên Sàigòn"

(Đất Khách, Sàigòn).

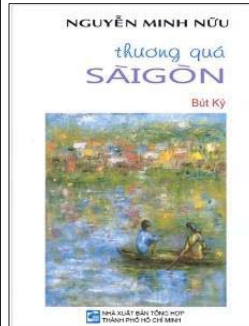
Đối với thế hệ đầu, lưu đầy đã là sống một đời sống mới, trong hoàn cảnh chẳng đặng đừng, cho hy vọng nảy sinh. Hạnh phúc không cho bản thân thì thôi đành sống những mảnh hạnh phúc còn lại trong hy vọng, trong hạnh-phúc của người khác, của con cái, người thân hoặc của cả đồng hương nơi địa phương. Đời sống mới ở xứ người không thể là một mục đích vì thường với hy vọng, người ta mong đó chỉ là một giai đoạn tạm bợ, chuyển tiếp ("di tản", "tị nạn", "tạm dung", "đất khách"), dù có lúc ý chí nhìn nhận đây là nơi *đất hứa, quê hương mới*. Lê Tất Điều thì cay đắng khi viết về thân phận và cuộc đời mới Kéo Cày Trên Đất Mỹ trong *Thơ Cao Tản* và các tùy bút xuất-bản chung với Võ Phiến - tập *Ly Hương* (1977). Võ Phiến trong *Thư Gửi Bạn* (1976) và *Lại Thư Gửi Bạn* (1979) lúc đó quá Việt Nam, không tin vào hội nhập vì nghĩ rằng tâm hồn Việt Nam không thể hội nhập; ông giữ mình và lấy mình làm tham khảo, đến soi mói, nghi ngờ hàng xóm bản xứ.

Hơn 40 năm qua đi...!

Đến thời gian gần đây, tôi được đọc một số tác phẩm của vài tác giả viết về Sài Gòn như một nơi chốn mà họ đã trở lại: Nguyễn Minh Nữ với *Thương Quá Sài Gòn Ngày Trở Lại* (2017), Trương Văn Dân với *Milano Sài Gòn: Đang Về Hay Sang?* (2018, và *Hành Trang Ngày Trở Lại*) và Lê Thanh Hoàng Dân với *Thành Phố Sài Gòn* (2019). Mỗi tác giả một hành trình, họ có điểm gì chung chăng?

Bài này, với tư cách là độc giả, chúng tôi chỉ ghi lại một số điểm đã gây cảm xúc, suy nghĩ. Thật vậy, 40, 44 năm sau chúng ta đã trở về/trở lại Sài-Gòn, thế thì với một tâm trạng như thế nào? Sài-Gòn đã là "thành quách cũ" trong lòng người lưu-dân, thì nay khi trở lại, "thành quách" ấy có còn chăng? Nay đã thế nào và họ đã nhìn thấy gì, cảm tưởng ra sao? Dù gì thì cũng phải nhìn nhận rằng tình cảnh cũng như cảm nhận "lưu-vong" đã thay đổi và biến hóa theo thời-gian!

NGUYỄN MINH NỮ sinh ngày 06-01-1950 tại Hà Nội, từng đi lính và định cư tại Hoa-Kỳ từ 1995. Làm báo, chủ biên *Văn Phong, Văn Nghệ* ở vùng Washington D.C. và đã xuất bản: *Những Sự kiện Đáng nhớ Năm 2001* (2001), *Lời Ghi Trên Đá* (2006), *Thương Quá Sài Gòn Ngày Trở Lại* (xuất bản trong nước và hải ngoại, 2017)



Nguyễn Minh Nữ sử-dụng thể-loại bút-ký, ở đây đồng thời cũng là tự truyện khi tác-giả viết về mình cũng như bạn hữu và các sinh hoạt văn-nghệ. Tâm sự của Nguyễn Minh Nữ tức tâm tình, nhưng nhớ, lại vừa mang tính sử ký về một thời và những con người thật có tên, có chân

dung, từng ở đó, đang còn ở đó hoặc đã rời bỏ cũng như đã chết. Thời tuổi đôi mươi nhập dòng văn-nghệ, ở Sài-Gòn, Ban-Mê-Thuật, thời của "Cơ sở Văn-nghệ Con người", của "Phong trào Du ca",... Qua anh, người đọc được thấy và nhớ lại những người trẻ qua các sinh hoạt một thời, trước 1975. Tự sự ở mỗi tình đầu, rồi rầm rầm nhưng không dễ quên, ở những năm tháng trong quân ngũ,... Tự sự về cuộc sống khó khăn sau 1975, phải bươn chải để sống còn, với những "nghề mới" ở đường-cùng, ở khắp Sài-Gòn và Chợ Lớn, ở Rừng Sác, Nhà Bè, Kênh Tẻ, v.v.

Thương Quá Sài Gòn Ngày Trở Lại xuyên suốt cuộc sống của tác giả, còn là chân dung một số người làm văn-học nghệ-thuật trước sau 1975 và bây giờ, có người đã là thân thiết từ lâu, có kẻ mới quen, với những nét đơn sơ mà cụ thể, hữu hình, trung thực, những nét rất riêng Nữ, và là gốc gác, xuất xứ những văn bản thơ, văn và nhạc, kèm theo văn bản, cả "tình sử" làm nền, bạn văn,... Thành công làm sống lại được như vậy, Nữ phải thân thiết lắm, phải sống-chết-với lắm, dĩ nhiên với tài quan sát, với tình thân thương chân thật, với một trung thành vô vị lợi,...

Thương Quá Sài Gòn Ngày Trở Lại đã là những nhìn thấy tận mắt, những thấu tâm can qua quan sát và ký ức của Nữ, qua những cuộc lái xe thăm tìm bạn hữu, qua bạn hữu của Nữ, những con người, nhân-vật bên ni bên tê, còn sống hay đã chết, qua những tách cà-phê và những con đường sách trước sau 75. Người đọc được nghe kể về kinh nghiệm làm văn-chương, văn-nghệ (thơ, văn và nhạc). Qua mỗi chuyện "Đi và Về Sài-Gòn"!

Thật vậy, với Nữ, “Đi và Về” đã trở thành những ám ảnh đời thường nhưng mang tính văn-chương cũng như tâm trạng hiện sinh. Qua bút ký, với Nữ, Sài-Gòn đã thay tên và thay da đổi thịt, nhưng Sài-Gòn vẫn mãi là Sài-Gòn, ở những con người đã “đi và về”, đã từng ở đó, từng đến đó, đã sinh sống và xem Sài-Gòn là da thịt, là tâm hồn, là sự sống hoặc lẽ sống,... của chính mình, của thế hệ đôi mươi ở thập niên 1970 cũng như của nhiều thế hệ khác. Một kiếm tìm thời-gian và không-gian qua kỹ thuật bút ký vừa kể vừa nhớ vừa tìm - đối với Nữ, tất cả đã là nỗi ám ảnh khôn nguôi. Cảm hoài, tìm lại và tìm thấy, nhận ra, sẽ khiến nỗi day dứt vơi bớt khi người ra đi có thể trở về chốn cũ. Bước chân đi tìm về chốn cũ, đi qua nhiều con đường ngày cũ, háo hức tìm ra những nơi chốn thân thương, những ngôi nhà nơi đã ở, đã đến. Qua bút ký này, Nữ đã trở về chốn cũ và đã tìm thấy, đã sống lại và đã chứng kiến đôi “*cái còn lại*”, hữu hình và cả vô hình hay trong tiềm thức. Cuộc trở về luôn liên quan đến lúc rời bỏ, cho nên đây đó người đọc nhìn thấy một số hồi hộp và cả lo sợ!

Khi viết về văn chương lưu đầy, chúng tôi đã từng ghi nhận: “*Quê nhà do đó trở nên điểm tựa, cho những tham khảo đã mất đó! Nhưng với thời gian, nỗi nhớ cũng trở nên khô cằn, già cỗi, một cách bi thảm, khó khăn. Nỗi nhớ trong cô đơn, giữa những thê thảm của cảnh vật xa lạ, “của người” thường trực chung quanh,... đã là những yếu tố làm suy bại kẻ lưu đầy! Quá khứ quấy rầy đến làm hỏng cuộc sống hiện tại; đã dứt bỏ quá khứ nhưng không dễ, lắm khi bị thương tổn*”. *Thương Quá Sài Gòn Ngày Trở Lại* đã thoát ra khỏi phạm trù đó, vì ở đây cái bất hạnh nếu có cũng chỉ do bất lực bình thường, của con người, của cuộc đời, của hoàn cảnh; ảo tưởng do đó không có chỗ trong hiện tại và cả tương lai!

Gấp tác-phẩm lại, cái còn lại của những ngày trở lại là tình bạn, tình văn-ngệ, là những chốn cũ không thể chìm vào quên lãng hay phải thuộc về quá-khứ như có người và tập thể vẫn chủ trì. Với chúng tôi vốn vẫn tự cho sứ mạng đi tìm và làm sống trong nguyên trạng tinh thần và chân lý, qua những cái đã mất, cho nên *Thương Quá Sài Gòn Ngày Trở Lại* cho chúng tôi đoan chắc rằng Sài-Gòn ấy, không-gian ấy, nếp sống văn-hóa ấy, vẫn sống, vẫn trơ gan dù tuế nguyệt dù định mệnh có khắc nghiệt đôi khi!

Thương Quá Sài Gòn Ngày Trở Lại đã cho độc giả từng ở Sài-Gòn sống lại một thời đã qua, và thăm viếng, gặp lại những nơi mình cũng từng sống, từng đi

qua, có nơi từng ghi dấu đau khổ và hạnh-phúc, những nơi gần như tới lui mỗi ngày, những khu phố, những con đường “từng có một thời”. Nguyễn Minh Nữ với vốn liếng “từng có một thời” khá phong phú, nay với những chuyến “Đi và Về” thường xuyên, sống thực hữu, thực tình, bằng cái hiện sinh bất chấp, bằng cái tiềm thức sống động,... đã cho người đọc những giây phút hạnh-phúc chúng tôi nghĩ không có gì đánh đổi được.



TRƯƠNG VĂN DÂN

sinh năm 1953 tại Bình Định, 1971 du học Ý ngành Hóa và Công nghiệp Dược phẩm, về hưu sớm, trở lại Việt Nam, viết văn, dịch thuật và xuất bản 7 tác phẩm – tập sau cùng là *Milano Sài gòn: Đang Về Hay Sang?*

Với ông, viết như một nhu cầu nội tâm vì muốn giải

bày và nhất là tự-bạch; 11 năm sau *Hành Trang Ngày Trở Lại*, ông xuất bản *Milano Sài gòn: Đang Về Hay Sang?* Trong tùy bút được dùng làm tựa tập này, họ Trương cho biết “*Một thước phim lướt nhanh qua tâm trí: Tôi rời quê nhà lúc 18 tuổi, khi trái tim mẫn cảm vừa khe khẽ chạm vào cuộc sống còn đượm màu thiên nhiên nên trong lòng luôn mang theo nỗi nhớ và lòng quyến luyến với quê hương. Tôi nhận ra một điều, là dù sống ở bất cứ nơi nào không phải quê hương... với thời gian bao nhiêu năm đi nữa thì tiềm thức vẫn luôn in đậm nét của kỷ niệm, có buồn có vui nhưng lúc nào cũng đẹp, và quyết định quay về vẫn là một lực đẩy tiềm ẩn trong tâm hồn. (...) Sau 40 năm cuống rún xa lìa tổ quốc, tôi đã được quay về. Dù chuyến về không dễ dàng và cũng có nhiều hệ lụy...*” (tr. 188).

Trương Văn Dân cho biết thêm: “*Khi còn ở Ý và viết “Hành trang ngày trở lại” (2007), tôi đã xem Việt nam là nơi trú ẩn an toàn sau những bon chen của xã hội Tây Phương. Còn khi đi về để viết “Bàn tay nhỏ dưới mưa”... thì xã hội Việt Nam đã như xã hội Tây Phương. Đã và đang bị Tây Phương hoá*” (tr. 112). “*Thương yêu hồn giã, gần bó đến thế, làm sao lòng không vương vấn, không đau như cắt ruột khi phải chia xa, dù được quay về nơi mình cất tiếng chào đời? Thế thì 40 năm sống ở trời Âu có khác gì 40 năm cuộc đời*

của Gấm? Rồi ba năm hạnh phúc, cũng chính là 3 năm mà tôi đã trở về quê hương. Tôi đã bình an biết bao. Nhưng khi ánh hào quang của cuộc trùng phùng chấm dứt, những biến đổi xã hội Á đông đang thay da đổi thịt, hoà theo nhịp sống cuồng loạn của toàn cầu hoá... đã xoá mất nếp bình thân cũ xưa, xuất hiện nhiều mâu thuẫn trong thời hội nhập” (tr. 121).

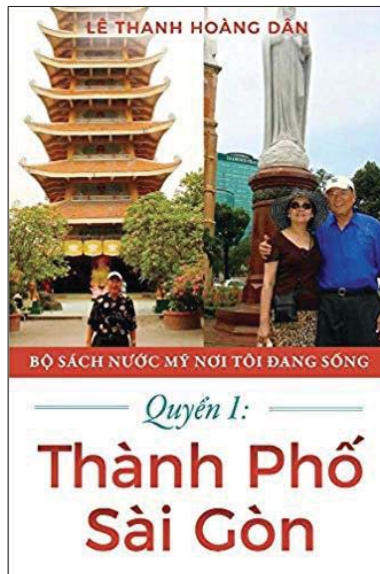
Đã “trở lại” nhưng vẫn “đi” và “về” Milano, nơi lưu trú của hơn 40 năm qua. Hình như trong tâm thức tác giả vẫn còn những day dứt, quyến luyến, dù ông đã có lúc muốn dứt khoát: “... Mới đến Milano “hôm qua” thế mà nay đã sắp về lại Việt nam rồi. Một tháng trôi qua trong nháy mắt. Tôi xuống phố Cassina de Pecchi để mua sắm vài món đồ. Đang bước, tôi bỗng nghĩ là mấy mươi năm trước những con đường này hoàn toàn xa lạ với tôi, thế rồi trở nên quen, đã đi qua đi lại bao nhiêu lần và bây giờ lại sắp hóa ra xa lạ.

Sự vật biến đổi. Còn duyên thì hợp, hết duyên thì tàn. Milano-Sài Gòn” (tr. 125)

Trương Văn Dân “đi” và “về” như cùng lúc có đến hai quê hương, ở bước chân và trong tâm thức. Ông sống cái “bản ngã nhị trùng” vì sống như gạch nối giữa hai quốc gia với nếp sống, sinh hoạt văn hóa và vật chất khác biệt. Ngày trở lại mà ông mong ước và thực hiện, đã không dễ dàng. Trong truyện ngắn Hành Trang Ngày Trở Lại, nhân vật Quang như đã nghĩ giùm ông: “sau hơn ba mươi năm sống và làm việc ở Âu châu, trong chuyến về thăm nhà lần đầu Quang vừa muốn nghỉ ngơi, vừa muốn tìm một cách nghĩ Á Đông nào đó khả dĩ giúp anh quên đi nỗi ưu tư về một tương lai mù mịt, lâu nay cứ ám ảnh trong hồn” (HTNTL, tr. 53).

“Tắm” lại cùng dòng sông đã trở thành bất khả thi, vì con nước ngày thơ ấu nay đã bị ô nhiễm, chận nguồn và trở thành nguy hiểm cho những ai mạo hiểm, vì Sài-Gòn cũng như ở các nơi đô hội khác, tâm-địa, hành xử của con người đầy bất ngờ và nhiều khi không thích thú tí nào... Nhưng Trương Văn Dân đã trở lại và đã về! Đã chấp nhận đắm mình trong sinh-lộ của cả tập thể, dĩ nhiên với tâm thức đã tỉnh với từng trải. Ông cũng hay nói đến nghĩa trang, người chết, đã và cả đang chết, hình như cũng để nói về kiếp người, về bản thân mình và những người thân, sơ. Cuối cùng, tư tưởng nhà Phật thấm nhuần, ông đã “ngộ” được nhiều điều, đã mở tầm mắt để nhìn mà thấy được những gì tưởng đã là kinh điển, kiến thức, và ông đã viết ra, trao gửi bạn đọc qua các tùy bút, truyện ngắn.

LÊ THANH HOÀNG DÂN sinh năm 1937 tại Sài-Gòn, trước biến cố năm 1975, ông là giáo sư



ngành sư-phạm và là nhà nghiên cứu, dịch giả cùng chủ trương nhà xuất bản Trẻ và đã xuất bản nhiều biên khảo, lý thuyết về phương pháp sư phạm, giáo dục, cùng một số dịch-thuật tác phẩm văn học thế giới. Ông và gia đình định cư ở New York ngay sau

ngày 30-4-1975, đi học lại và làm việc trong ngành tài chánh. Năm 2002, nghỉ hưu và cùng phối ngẫu mà ông vẫn gọi là “người tình trăm năm” đi chu du nhiều nước. Từ năm 2018, ông bắt đầu cho xuất bản bộ sách “Nước Mỹ Nơi Tôi Đang Sống”, quyển đầu là *42 Năm Sống Ở Mỹ*, và mới đây là *Thành Phố Sài Gòn* (2019), quyển 1 của bộ sách Việt Nam Quê Hương Mến Yêu. Tác giả Lê Thanh Hoàng Dân thuộc thế hệ di dân thứ nhất, nói đến quê-hương là nói đến quá khứ, và thường là quá khứ của riêng họ. Trong Lời Nói Đầu tập *42 Năm Sống Ở Mỹ*, ông cho biết: “Sách này ghi lại những suy nghĩ riêng tư của một người thường dân Việt Nam do tình cờ lịch sử được sanh ra và lớn lên ở Sài Gòn, gia đình con cái bị cuốn hút vô biến cố 30 tháng Tư năm 1975. Cuộc đời của tôi giống phần nào đời các bạn sau biến cố lịch sử này, bị xáo trộn, bị cuốn hút trong vòng xoáy lịch sử, bán xe lịch sử nghiền nát, cố gắng tranh đấu để sống, và xây dựng lại cuộc đời yên bình và hạnh phúc cho mình, và vợ con...”.

Lê Thanh Hoàng Dân tâm tình: “Tôi ra đi cũng khổ lắm. Mặc dầu nước Mỹ rộng lượng và tốt với di dân, tôi cũng phải tranh đấu nhiều năm, mới sống được vững vàng, có chân đứng vững chắc trong xã-hội mới. Điều đầu tiên cần làm là quên quá-khứ, và bắt đầu lại” (tr. 7). Vì cũng như đối với tập thể người Việt tị nạn Cộng-sản lúc bấy giờ, ông đã nghĩ “Không còn quê-hương để về, phải sống bơ vơ và cô đơn dưới đáy xã-hội, tranh đấu ngoi lên, vừa làm vừa học,

mệt và chán nản vô cùng...” (tr. 17). Ông tâm sự với độc giả, cách riêng với giới trẻ: “Suốt 42 năm nay, tôi hình như có hai con người, với hai bậc thang giá trị khác nhau, chưa hội nhập hoàn toàn vào xã-hội Mỹ được” (tr. 53). Đây không phải chỉ riêng đối với tác-giả mà còn là “định mệnh”, là “bản ngã nhị trùng” của nhiều người Việt tị nạn trong các thập niên qua. Ông đã quyết tâm từ bỏ, quên đi quá-khứ và các tác-phẩm đã từng xuất-bản, để sống cuộc đời mới mà định mệnh đã đẩy đưa đến!

Từ năm 1994, ông đã trở lại Việt Nam nhiều lần, ban đầu thăm và giúp đỡ đại gia đình, đồng thời ông và vợ con và cháu du lịch đi khắp vùng đất nước để nhìn lại cũng như thăm lần đầu những nơi từng đến. Như ông cho biết: “Tôi cố gắng quên quá khứ, quên quê hương, nhưng sâu thẳm trong lòng, tôi vẫn chưa quên được. Chưa quên được nơi tôi sanh, nơi tôi sống thời tuổi trẻ, chưa quên được gia đình, bạn bè, chưa quên được. Tôi chưa bao giờ quên được tình người Việt Nam. Tôi không thích Cộng Sản. Nhưng tôi vẫn thích người Việt Nam, thành phố Sài Gòn nơi tôi sanh, và quê hương rộng lớn, quê hương Việt Nam của tôi trong gần 40 năm...” (tr. IX).

Thành Phố Sài Gòn là tập ký sự ông ghi lại những lần trở lại Sài-Gòn. Ông trở lại nơi đây, “bỏ tự do một vài tuần, để lại tự do tôi hướng ở New York lại New York, ra phi trường về Việt Nam, tôi chỉ muốn tìm tình người Việt Nam, chứ không phải tìm tự do” –cho nên “khi tôi ngồi trên máy bay cất cánh khỏi Sài Gòn, tôi lại thở phào nhẹ nhõm, rất vui trở về thế giới Tự Do, nơi tôi sống 44 năm nay. Tôi có cảm giác mình đang về Nhà. Việt Nam là nơi tôi sanh. Nhưng Mỹ mới là Nhà của tôi. Mỹ là nơi tất cả những gì quý nhất của tôi trên đời, con cháu của tôi đang sống và lập nghiệp, bây giờ và mãi mãi về sau” (tr. X, XI).

Ông đã trở lại Sài Gòn, “lang thang phố xá Sài Gòn, tìm lại, sống lại những giây phút êm đềm thời tuổi trẻ, mới lớn, vừa biết yêu, yêu nhau say đắm. Thời đó đã qua. Nhưng già, chúng tôi muốn tìm lại hương vị xưa”, và “ôn lại những kỷ niệm xưa, nhớ mơ hồ về một quá khứ xa xôi thời tuổi trẻ, lướt tiếc những di tích xưa của Sài Gòn, nay không còn nữa” (tr. 1, 35).



Thật vậy, kẻ cường chiếm Sài-Gòn đã phá đổ, bôi xóa những dấu vết của Sài-Gòn cũ, dù nhân danh tiến bộ và cập nhật thời đại, kể cả làm trái thiên nhiên và khuyến cáo của chuyên viên “tránh phát triển đô thị phía Nam Sài Gòn, vì đây là vùng đất thấp hay ngập lụt, nước thành phố sẽ đổ về phía này... Họ (Cộng Sản) càng đắp khu Nam Sài Gòn cao, Sài Gòn càng giống lòng chảo, nếu mưa là ngập, ngập càng ngày càng nặng, không có giải pháp” (tr. 113).

Tác giả đã cất công đi tìm viếng thăm những tàn tích này, truy tìm gốc gác lịch sử, văn hóa, v.v. Buồn thay, ông đã phải “thường đi ngơ ngác trong một Sài Gòn xa lạ, không còn thấy được gì duyên dáng của thành phố năm xưa. Nhiều người nói cái hồn Sài Gòn xưa cũ nay không còn nữa” và ông còn chứng nhận: “Những chứng tích chống Tàu xâm lược của Sài Gòn từ từ biến mất rồi” (tr. 43).

Thành Phố Sài Gòn đưa người đọc đi khắp phố xá, di tích, đền đài, cơ sở,... Từ những tiệm ăn, khách sạn sang trọng đến những quán cóc, những con hẻm, góc đường,... Hương vị, hình ảnh Sài Gòn và những vùng phụ cận sống động tràn ngập tập du ký, cùng với nhiều nỗi u hoài, tiếc nuối và cả tâm tình bất lực.

44 năm trước, tác giả Lê Thanh Hoàng Dân đã cố gắng hội nhập hướng đến tương lai, nay, khi trọng tuổi, ông đã trở lại quê quán, quay về quá khứ, sống trong hoài niệm. Với ông, cũng chỉ là “đi” và “về” vì không thể hoàn toàn “trở lại”!



Ba tác giả Lê Thanh Hoàng Dân, Nguyễn Minh Nữ và Trương Văn Dân sinh quán ở ba miền đất nước khác nhau, cả ba đã “trở lại” Sài Gòn nhưng vẫn “đi” và “về” là chính. Buồn thay, đó cũng là sinh mệnh của đa phần người Việt. Đổ lỗi cho “định mệnh” thì quá dễ dàng; thiên nghi con người và “bá đạo” mới chính là thủ phạm đã gây ra những cảnh tang thương của Sài Gòn! ♦

NGUYỄN VY KHANH
(20.1.2020)

(*) Tác giả Nguyễn Vy Khanh (Đi Tới tháng Tư 2000), qua nét vẽ của cố họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn



Má, con đĩa nha!

MEL

Hồi đó công ty tôi ở đường Huỳnh Mẫn Đạt, sau cầu Thị Nghè. Không tuần nào là không rủ nhau ra Mùoi xí một cái bàn con rồi lại chỗ mâm chưng khô cạnh bếp than, lựa những mẫu khô nào mình ưa nhất.

Nói về cái mâm khô, quả thật không thể dùng từ nào ngoài từ “chưng” được, vì nó được tỉ mỉ xếp đặt rất đẹp, loại nào ra loại đó, cắt gọt cẩn thận, bên ngoài dày một mảnh nilông sạch sẽ.

Sau khi đứng ngắm nghía đã đời, rốt cuộc thế nào cũng làm luôn một đĩa thập cẩm, đủ cả mực, khoai, đường, đuối, chỉ vàng... Hồi mới biết mâm khô của Mùoi, tôi với cô bạn quen thời con gái, sà vô lựa lựa lật lật tìm mẫu khô ưng ý nhất. Mùoi không nói gì, đợi tụi tôi lựa xong mới chậm rãi nói:

“Dì nói mấy con nghe, mình con gái, cái gì cũng phải ý tứ. Dì không có khó tánh, nhưng mình lật lựa nhiều nhìn không hay”.

Hai đứa cứng người nhìn nhau, rồi lật đặt xin lỗi, dạ tụi con vô ý quá. Mùoi không nói gì thêm, tỉ mẩn nướng mấy mẫu khô của tụi tôi. Vậy là biết Mùoi khó hay không rồi nghen.

Mê nhất là ngắm Mùoi nướng khô. Nói tếu táo, nếu có “nghệ nhân” trong nghề này thì tôi chắc chắn đề cử Mùoi đứng đầu danh sách. Vì chưa từng thấy một ai nướng con khô bằng cả sự trân trọng và tận tâm như vậy. Mỗi loại được nướng một kiểu riêng.

Ví như mực thì nướng sơ một chút rồi xé khúc mình với khúc râu riêng ra, dùng kéo cắt tia lại mấy chỗ cháy sém, loại bỏ mảnh nang cứng, rồi kẹp vô vỉ, nướng tỉ mẩn từng khúc thơm lừng và trắng thơm. Phải nướng riêng vì khúc râu mau chín hơn khúc mình và kẹp vô vỉ để con mực khi chín không bị vo tròn.

Sau đó lại dùng kéo tia mấy chỗ sém đen trên phần râu, rồi mới chinh cái cối ép cho đúng với bề dày thân mực, lần lượt cho khúc mình với khúc râu vào, xay bằng tay cho miếng mực mềm to ra từng xó mà vẫn dai ngọt hoàn hảo.

Ví như đường, cái thứ khô gần như không có vị gì cả, thì Mùoi vẫn là người khiến nó trở thành tuyệt phẩm. Con khô đó được cắt thành từng khúc nhìn như củi ngo, nướng lỏ một chút sẽ khô khốc như rom, nướng dôi tí tí sẽ trở thành tẻ hại.

Vậy mà Mùoi nhả nha sao đó mà mùi thơm cứ như xé nát cõi lòng. Khi vàng đều khúc khô, Mùoi cho lên cái thớt gia bảo làm từ một gốc cây, dùng búa nện cho mềm đều rồi cắt tia chỗ sém và nướng thêm chút nữa. Miếng khô to ngọt, chấm với chén mắm me trứ danh độc quyền thì nỗi buồn sẽ không còn là gì cả.

Mùoi là người Sài Gòn chánh hiệu, mở quán khô ngay tại nhà đã mấy chục năm. Ngoài khô thì còn có thêm mấy món nhắm rất bắt. Đậu hũ chiên giòn cuốn lá kinh giới chấm mắm tôm pha tắc thơm lừng. Trứng bắc thảo củ kiệu tôm khô ăn không phải ngày tết, thấy lạ lạ mà ngon dễ sợ. Sò lông nướng mỡ hành đậu phộng thơm nát lỗ mũi. À, riêng món sò lông, từ đầu giờ chiều tôi đi ngang đã thấy Mùoi ngồi thong thả bên cái thau, nâng từng con sò lên cắt tia tỉ mỉ y như chơi đồ hàng... Mỗi tối Mùoi ngồi nướng khô, cạnh đó không xa là một ông ngoại đẹp lão, tóc trắng da mồi, ngồi ung dung riêng cái bàn con. Đó là chồng Mùoi, chờ Mùoi ngồi tay nướng trao lại bếp cho cậu con trai út sẽ ra ăn cơm chung.

Tôi khoai nhìn lên hai người ngồi ăn lăm, không có nói nhiều với nhau bao giờ, ăn uống thong thả nhìn phố phường, thì thoảng mới nói nhỏ với nhau dăm câu, mà sao thấu hiểu quá chừng. Mùoi với ông ngoại luôn mặc quần lửng kaki với áo thun rộng, trẻ trung và phóng khoáng phát ghen tị.

Tối 8 giờ tối là Mùoi ngưng nhận khách. Bàn nào đứng lên tính tiền là dọn liền bàn đó, vác luôn vô nhà không dây dưa. 9 giờ tối bàn nào còn ngồi là con trai với cháu trai của Mùoi cầm cái chổi rể quét xoẹt xoẹt kể bên, nhưng mặt vẫn cười tươi với mình như khách quý.

Thế là ai cũng biết, lo gói ghém câu chuyện rồi chào nhau ra về. Tôi mê khủng khiếp là có mấy ông nhìn bặm trợn thấy ón, vừa uống bia vừa chửi thề oang oang, thế mà lão đảo đứng lên, ông nào cũng lượn xe ra ngay bếp nướng khô hoặc cái bàn mà Mùoi đang ngồi ăn với ông ngoại, rồi cười cười lè nhè:

- Má, con đĩa nha!

Mùoi ngẩng lên cười nhẹ, không bao giờ nói câu gì. Nhưng ánh mắt ấm áp hào sảng ấy, tôi biết thế nào ngày mai mấy ông cũng kiểng có mon men chạy ra, ngồi uống dăm chai bia rồi tào lao nghe mùi khô nướng, chỉ để lúc về được chào Mùoi một cái.

Tui còn muốn hưởng chi mấy ông. ♦

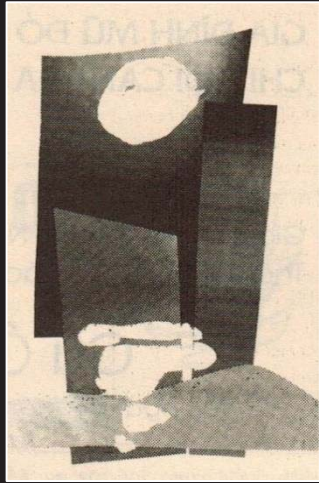
MEL

Nguồn: HÈM RADIO (17.4.2018)

Giọng đọc TRẦN NGỌC SAN

<https://www.youtube.com/watch?v=dRFCMcxYhT4>

TIẾNG VỌNG



giọt đau
rụng xuống vai đời
mọc lên nhánh khô
bên trời lưu vong
tìm về
cùng với núi sông
mà thương vận nước
ngược dòng lên đênh
đường xưa
lối cũ gập ghềnh
đường trăm năm
đổ chênh vênh dốc dào
ngõ hồn
nửa mảnh trăng theo
nghìn trùng
nửa mảnh trăng
treo quê nhà
trở về
tìm dấu yêu xa
còn trong cát bụi
lời ca đoạn trường...

□ Vạn Giã



ai giống người

□ NAM GIAO

LTS: Tác giả, cựu giáo chức tại Việt Nam và dạy Đại học tại Canada sau 1975, cộng tác Đi Tới 1997.

□□□

*Bắt chước ai ta chúc mấy lời
Chúc cho khắp hết ở trên đời
Vua quan, sĩ thứ, người muôn nước
Sao được cho ra cái giống người.*

Qua câu chúc Tết này, thi sĩ Trần Tế Xương đã đưa ra một cái nhìn cực kỳ bi quan và khắt khe về con người: tất cả mọi người đều không xứng đáng được xếp hạng vào giống người. Gần ba trăm năm trước Công nguyên, ở một phương trời xa xôi, nhà tư tưởng khuyến nho Hi Lạp Diogène (410-323 trước Công nguyên) cũng đã có một cái nhìn bi quan tương tự. Truyền thuyết kể lại rằng khi thấy ông cầm đèn đi giữa ban ngày, có người hỏi ông đi tìm vật gì mà phải mang đèn như thế, thì Diogène trả lời: **‘Ta đi tìm con người’**.

Cả hai thái độ đều ngầm chứa một hình ảnh về con người lý tưởng, một quan niệm về nhân tính và đều đưa ra phán đoán: nơi những con người đang sống giữa đời, chúng ta không nhìn thấy những đặc điểm của con người, những đặc điểm phân biệt người với loài cầm thú. Quan niệm đó như thế nào?

Vì không phải là sử gia nên chúng tôi không có tham vọng trình bày câu trả lời của hai nhà tư tưởng nêu tên trên đây mà chỉ mong phác họa hình ảnh về con người từ một quan điểm triết lý với hi vọng hiểu được phần nào sự phê phán của họ.

Khi nói đến loài cầm thú, chúng ta thường nói tới bản năng để chỉ những loại nhận thức mà chúng có được dù không qua bất cứ một quá trình tập luyện nào cả. Chim biết hót, biết xây tổ, ong biết tìm nhụy hoa... một cách tự nhiên, bột phát, và tất cả mọi loài chim, mọi loài ong đều có khả năng hành động giống hệt nhau. Con người không có những bản năng tương tự; để bù lại, Tạo hóa đặt để nơi con người một khả năng nhận thức kỳ diệu, nhờ đó, chúng ta biết xây dựng khoa học, kỹ thuật và có được những tri thức thực tiễn tối cần thiết cho đời sống hàng ngày. Khả năng đó là **Lý Trí**.

Lý trí là toàn thể những qui tắc, những đòi hỏi mà chúng ta bị bắt buộc phải thỏa mãn nếu không muốn vấp phải sai lầm. Một trong những đòi hỏi căn bản nhất của lý trí là không được mâu thuẫn: không được vừa chấp nhận lại vừa phủ nhận một điều gì về cùng một phương diện. Chúng ta sẽ sai lầm khi xác nhận quả Đất vừa tròn lại vừa có hình bầu dục. Đòi hỏi thứ hai -được gọi là nguyên lý **nhân quả tự nhiên**- bắt buộc chúng ta phải nhận rằng nguyên nhân của một hiện tượng thiên nhiên là một hiện tượng thiên nhiên khác.

Như vậy, mọi sự lý giải dựa vào những quyền lực siêu nhiên đương nhiên bị phủ nhận. Đó là trường hợp những lý giải thường viện dẫn các khái niệm số, duyên số, nợ kiếp trước, thiên đường, địa ngục vv.; những khái niệm này đều thuộc phạm vi của *tín ngưỡng* chứ không thuộc phạm vi của nhận thức. Theo một đòi hỏi khác của lý trí, *chúng ta chỉ được chấp nhận một mệnh đề khi mệnh đề đó được biện minh*, ngoại trừ các mệnh đề hiển nhiên hay các định đề trong toán học chẳng hạn. Nói một cách nôm na, nói (phải có) sách, mạch (phải có) chứng.

Vì nhận thức là nền tảng cho mọi sinh hoạt của con người và vì lý trí là nguồn gốc của nhận thức nên lý trí qui định nhân tính. Con người thiết yếu là sinh vật có lý trí, hay, nói theo Pascal, con người là cây sậy biết tư tưởng. Điều đó có nghĩa là: để sống cho ra người, chúng ta phải thể hiện lý tính trong hành động, trong loại tư tưởng mang ý hướng nhận thức (lý trí không chi phối các loại tư tưởng không có ý hướng này, như tư tưởng thi ca chẳng hạn). Ý thức thông thường cũng đã nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa lý tính và nhân tính:

Làm người suy chính, xét xa,

Cho tường gốc ngọn, cho ra vấn dài (...)

Làm người phải dẫn, phải đo

Phải cân nặng nhẹ, phải dò nông sâu.

Trên thực tế, hình như phạm vi của loại tư tưởng ngoại lý có vẻ rộng lớn hơn phạm vi của loại tư tưởng thuần lý. Mê tín, dị đoan, khoa học huyền bí (chiêm tinh học, nhân tướng học vv.) loại suy luận “vơ đũa cả nắm”, lối biện minh dựa vào uy tín của các nhà khoa học trong những lãnh vực *ngoài* khoa học, hay dựa vào các thánh thư và các truyền thống lâu đời vv., tất cả đều là những thứ tư tưởng ngoại lý -đôi lúc phi lý- mà thôi.

Trong một lãnh vực khác, các ý thức hệ -xã hội cũng như chính trị- chẳng hạn như chủ nghĩa quốc xã, chủ nghĩa đảng cấp Ấn Độ, đều thiếu cơ sở hợp lý khi chúng nhấn mạnh đến sự khác biệt về *bản chất* giữa các chủng tộc, giữa các tập thể trong cùng một xã hội. Chủ nghĩa mácxít cũng mắc phải khuyết điểm tương tự khi khẳng định rằng: trong thời kỳ hiện đại, chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa phù hợp nhất với hướng đi của Lịch sử. Các ý thức hệ đó đều mang nặng tính chất ngoại lý vì đã dựa vào sự mơ ước và niềm tin hơn là dựa vào hiện thực và lý trí. Bằng chứng là kể từ những năm cuối thế kỷ 20, một số nước cộng sản như Trung Quốc, Việt Nam bắt đầu áp dụng mô hình tư bản chủ nghĩa vào lãnh vực kinh tế, một điều hoàn toàn trái ngược với các luận điểm cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Ở một quan điểm rộng lớn hơn, chúng ta có thể nhận thấy sự vô lý, sự điên cuồng của nhân loại qua việc phá hoại môi sinh, vốn là điều kiện sinh sống thiết yếu, qua việc gây ra chiến tranh vì một tham vọng kinh tế hay vì một ý thức hệ, đã làm hao phí các tài nguyên, công sức, những công trình văn hóa lớn lao (như sự phá hủy các tượng Phật cổ kính ở Bamiyan, các đền thờ ở Tombouctou vv.) trong khi nhân loại phải đương đầu với những vấn đề khẩn cấp và căn bản như nạn đói, bệnh tật, tình trạng thiếu dinh dưỡng của hàng triệu trẻ em vv.

Xem như vậy, thì sự thể hiện nhân tính không hiển nhiên cũng không phổ quát, và chúng ta hiểu vì sao một số nhà tư tưởng đã nói đến sự vắng bóng của con người chân chính trong cuộc sống của nhân loại.

Tuy nhiên, dù có thiết yếu và căn bản cách mấy đi nữa thì lý trí vẫn không phải là điều kiện đủ của nhân tính. Trong đời sống hàng ngày, chúng ta thường xem người vô-đạo-đức là người bất nhân và mất nhân tính. Như vậy, chính **đạo đức tính** mới thể hiện nhân tính một cách rõ rệt và sâu sắc nhất. Nói cách khác, con người chân chính phải là con người tốt.

Nhưng thế nào là người tốt?

Có người cho rằng: muốn làm người tốt, chúng ta phải sống theo đúng sự chỉ dẫn của lương tâm.

Quan niệm xem lương tâm là nền tảng của đạo đức tính đã mặc nhiên thừa nhận lương tâm có khả năng phân biệt một cách trung thực cái Tốt và cái Xấu in hệt như bản năng của thú vật. Có nhà tư tưởng đã định nghĩa: lương tâm là một bản năng thần thánh ('instinct divin'). Nhưng nếu thực sự lương tâm có khả năng hoàn hảo đó thì làm sao cắt nghĩa được sự xuất hiện của những tình cảm ân hận, hối hận một khi chúng ta nghĩ

mình đã làm đúng, và làm sao hiểu được sự phân vân của chính lương tâm lúc chúng ta phải đối đầu với trường hợp thường được gọi là xung đột bốn phần (sự thi hành một bốn phần cao quý buộc chúng ta phải bỏ qua một bốn phần khác cũng không kém phần cao quý)? Lương tâm dạy chúng ta không nên nói dối, phải cứu giúp người hoạn nạn, nhưng lắm khi việc nói thật phương hại đến một mạng người; trong trường hợp đó chúng ta phải thi hành thứ bốn phần nào? Ngoài ra, làm sao giải thích sự mâu thuẫn, sự đa dạng của các phán đoán đạo đức trong khi bản chất con người lại có tính phổ quát? Trước cùng một hành vi, xã hội này thì ca ngợi còn xã hội kia lại cực lực lên án: không phải tất cả mọi người đều nhất trí trong việc lên án chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc, án tử hình, hôn nhân đồng tính vv.

Thật ra, lương tâm cá nhân thường phản ánh lương tâm của tập thể, và trong nhiều trường hợp loại lương tâm này lại đi ngược với những giá trị đạo đức căn bản. Sau hàng trăm năm, dù Gandhi và luật pháp cực lực lên án, tâm trí của nhiều người Ấn Độ vẫn còn duy trì quan niệm về đẳng cấp và vẫn tiếp tục khinh miệt tập thể tiện dân, hạng người ở ngoài mọi loại đẳng cấp (hạng *dalit*, kẻ bị áp bức), và ở nhiều nơi khác, người ta vẫn còn sống với định kiến "trọng nam khinh nữ".

Một quan niệm khác xem người tốt là người sống đúng theo *luật pháp*. Trong đời sống hàng ngày, không ít người cho rằng luật pháp là nguồn mạch của đạo đức: điều gì luật pháp cho phép hay bắt buộc cá nhân phải làm là điều tốt, điều gì luật pháp ngăn cấm là điều xấu. Vì nghĩ như thế nên họ cảm thấy lương tâm bình an khi họ tôn trọng các qui định của xã hội. Người Á Rập đa thê không mấy may mắn xấu hổ mà còn hãnh diện khi đạo phở với các bà vợ của mình, vì xã hội của họ chấp nhận chế độ đa thê. Người lính Đức Quốc xã – và Tân Quốc xã- xem việc hành hạ, giết chết người Do Thái hay người Rom vv. là chuyện chính đáng vì theo chủ nghĩa quốc xã, các giống dân đó không phải là người đúng nghĩa. Họ tỏ ra vô cảm trước nỗi đau khổ của những kẻ mà họ coi là hạ đẳng.

Những thí dụ vừa nêu ra đủ để cho chúng ta thấy khuyết điểm của quan niệm đồng hóa đạo đức tính với hợp pháp tính: **luật pháp có thể tỏ ra bất công và bất nhân**. Một cách tổng quát, các qui luật kỷ thị (chủng tộc, phái tính, tôn giáo...) đều không hợp lý và đều bất công. Do đó, nếu tôi tôn trọng tuyệt đối loại qui luật đó thì không những tôi không phải là người tốt mà còn là người xấu nữa, vì vô hình trung tôi tiếp tay vào việc duy trì sự bất công của xã hội.

Lương tâm và luật pháp không đủ để bảo đảm cái tốt của cá nhân. Vậy đâu là nguồn gốc đích thực của đạo đức tính? Nói cách khác, con người phải hành động, phải sống ra sao để phân biệt mình với thú vật?

Thế giới của thú vật là một thế giới bị chi phối bởi sự bạo động, bởi luật ‘mạnh được yếu thua’. (Động vật học hiện đại cho chúng ta biết: sự bạo động này chỉ diễn ra giữa các tập thể khác nhau; trong cùng một tập thể, thú vật không sát hại lẫn nhau). Như vậy, con người chỉ khác với thú vật khi biết loại bỏ sự bạo động với đồng loại. Điều này không dễ thực hiện vì, dù không có cơ sở nào để xác quyết rằng “nhân chi sơ tính bản ác” (cũng như không có cơ sở nào để nói ngược lại rằng “nhân chi sơ tính bản thiện”) chúng ta vẫn có thể chấp nhận rằng con người nói chung thường tỏ ra ích kỷ, tham lam, vô cảm và ác độc đối với đồng loại. Chính vì vậy, nên các xã hội loài người đã biết thiết lập những khí cụ, những thể chế nhằm tiêu diệt hay ít ra giới hạn sự bạo động giữa người với người.

Đó là tôn giáo, luật pháp và đạo đức.

Ngoài phân siêu hình liên quan đến thế giới ‘siêu nhiên’, một số tôn giáo lớn đưa ra những qui luật hướng dẫn con người làm điều Thiện và tránh điều Ác. Trong khi Phật giáo cấm sát sinh, đề cao từ bi hi xả, thì Thiên Chúa giáo phát biểu mệnh lệnh ‘Người không được giết người’ và nhấn mạnh đến đức hạnh bác ái và sự tha thứ. Ấn Độ giáo đòi hỏi các tín đồ phải thực hiện nguyên lý bất bạo động (ahimsa). Luật pháp và đạo đức cũng đều lên án và trừng phạt hành động giết người vô cớ. Ngay cả qui luật “mắt đổi mắt, răng đổi răng” mà người ta thường xem là mang tính bạo động, cũng chỉ nhằm hạn chế sự bạo động: kẻ mất một mắt chỉ được quyền lấy đi một chứ không phải hai con mắt của người đã hại mình.

Dù chịu áp lực mạnh của tôn giáo, luật pháp và đạo đức, lịch sử của nhân loại vẫn là một thứ “lịch sử phi nhân” (“une histoire inhumaine”). Nói cách khác, trong các xã hội, cái Ác lấn lướt cái Thiện, bạo động diễn ra thường xuyên hơn là sự sống chung hài hòa. Ngoài chiến tranh giữa các quốc gia, giữa các tập thể (vì lý do kinh tế, chính trị hay tôn giáo), luôn luôn tàn bạo, và gây ra chết chóc và phá hoại, cuộc sống hàng ngày cũng cho chúng ta thấy sự xấu, cái ác, sự bạo động dưới nhiều hình thức và trong nhiều lãnh vực.

Chúng ta có thể nói đến sự bóc lột trong phạm vi lao động (dùng trẻ em để lao động, đi làm bia đỡ đạn...), sự hành hạ, sự tra tấn đối với những kẻ không may bị gán cho cái tội “chống phá cách mạng”, “có âm mưu lật đổ chính quyền”, “phản động”, “cầu kết với ngoại bang” vv.

Ngay trong phạm vi gia đình, con cái thường tỏ ra bận tâm về đời sống riêng tư của chúng hơn là quan tâm tới cha mẹ. Ca dao có câu: “Một mẹ nuôi được mười con, Mười con không nuôi được một mẹ”. Vì con cái có thái độ vong ân như thế nên người xưa mới thấy sự cần thiết phải nhắc nhở chúng:

*“Công cha như núi Thái Sơn,
nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”.*

Ngược lại, trong nhiều xã hội, con cái, đặc biệt là con gái, được xem là một phương tiện kinh tế, một phương tiện lao động. Trong Việt Nam văn hóa sử cương, tác giả Đào Duy Anh viết: “(Trong quá khứ) người vợ không những là người phải đẻ con cho gia đình chồng, mà lại còn là người phải làm lụng và coi sóc việc nhà cho cha mẹ chồng. Bởi thế nhiều khi con trai còn nhỏ... mà cha mẹ cũng cưới vợ cho nó để có dâu mà sai làm việc.” (tục tảo hôn) Ngoài sự bóc lột, bạo động còn hiện diện dưới hình thức sự *huyễn hoặc*. Cá nhân hay tập thể nào muốn bảo vệ và củng cố quyền lợi của mình có thể sử dụng khí cụ ý thức hệ để làm cho người khác, cho quần chúng -và cả chính mình- nghĩ rằng dự tính của họ có một giá trị hợp lý, chính đáng, hợp với đạo đức. Chủ nghĩa về nguồn gốc thần thánh của vua, sự thần thánh hóa lãnh tụ trong một vài quốc gia hiện đại có tác dụng củng cố quyền lực của cá nhân hay tập đoàn lãnh đạo. Quan niệm của người mácxít cho rằng xã hội vô giai cấp với những “ngày mai ca hát” là xã hội văn minh nhất, nhân đạo nhất cũng là một ý thức hệ biện minh cho sự đấu tranh của người cộng sản và cho sự củng cố quyền lực của đảng lãnh đạo.

Trong lãnh vực xã hội và chính trị, sự bạo động còn thể hiện qua sự *phủ nhận nhân tính*. Đó là hình thức bạo động ghê gớm và độc ác nhất vì nó biện minh cho sự kỳ thị trong quan hệ hàng ngày, cho tội giết người và tội diệt chủng. Chúng ta tìm thấy sự phủ nhận đó trong chủ nghĩa quốc xã của Hitler (chủ nghĩa này phân biệt chủng tộc thượng đẳng, chủng tộc hạ đẳng), trong quan niệm về đẳng cấp trong truyền thống Ấn Độ, trong thái độ kỳ thị của người Nhật đối với các thiểu số đặc biệt thiểu số Burakumin mà tổ tiên, người *Eta*, chuyên làm việc tay chân với xác chết của thú vật (Đối với người Nhật, sự tiếp xúc với cái chết, với mồi, máu vv. làm cho con người trở nên dơ bẩn và hoen ố về cả hai phương diện thể xác và tâm linh)

Ngoài sự nhận thức và đạo đức tính, con người còn thể hiện bản tính của mình qua sự lựa chọn một **lối sống** phù hợp với những giá trị mà cá nhân xem là ưu tiên và đáng yêu chuộng nhất. Và dĩ nhiên, mỗi cá nhân xem lối sống đó sẽ bảo đảm hạnh phúc cho mình.

Có người chọn dần thân vào việc học hỏi, sự nghiên cứu, vì đối với họ tri thức là giá trị cao quý nhất. Đối với người nghệ sĩ chân chính, sự sáng tạo, sự tìm tòi cái Đẹp mới mang lại hạnh phúc đích thực. Một thiểu số tìm thấy niềm vui trong sự tu hành, trong câu kinh, trong việc thiết lập quan hệ với những thực thể “siêu nhiên”. Số đông yêu chuộng tiền bạc, danh vọng, quyền lực và đeo đuổi một giá trị thường được gọi là hạnh phúc vật chất.

Tuy các lối sống có khác nhau, nhưng không ít cá nhân thường hành động theo tính ích kỷ, tính tham lam, lòng ganh ghét, óc tự tôn, sự ác độc của họ. Vì thế, có triết gia như Hobbes, Freud đã không ngần ngại xem các năng hướng đó phát xuất từ chính bản tính của con người, và coi là hiển nhiên câu nói “người là chó sói đối với người”. Ca dao thường mô tả những hành vi bắt nguồn từ những năng hướng này: thái độ vong ân: “Ăn cháo, đá bát”; nói xấu kẻ khác: “Chỉ đầu mà buộc ngang trời, Tay đầu mà đập miệng người thể gian”; tính ích kỷ: “Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ bì”; sự tham lam: “Sự đời nghĩ cũng nực cười, Một con cá lội mấy người buông câu”; thái độ coi trọng người có tiền, có thế, và coi nhẹ anh em bà con nghèo: “Phú quý đa nhân hội, Bần cùng thân thích ly” vv.

Tâm lý của người thông thường còn bị chi phối bởi đồng tiền. Có thể nói đối với số đông đồng tiền là giá trị lớn lao nhất. Có người xem tiền không chỉ là một phương tiện mà còn là một cứu cánh nữa. Do đó, khi phải chọn nghề, chọn vợ, chọn chồng họ thường dựa vào tiêu chuẩn giàu nghèo. Đồng tiền cũng là tiêu chuẩn để đánh giá người khác: người nghèo bị khinh bỉ là thiếu thông minh, là kém cỏi, là biếng nhác. Những kẻ hi sinh thì giờ, tiền bạc để làm công tác bác ái như các bác sĩ vô biên giới chẳng hạn bị phê phán là thiếu thực tế, thậm chí ngu dốt. Sự lệch lạc trong phán đoán và trong hành động của những kẻ quá yêu chuộng đồng tiền đã được Nguyễn Công Trứ nhấn mạnh trong bài thơ *Thế thái nhân tình*:

*Thế thái nhân tình gớm chết thay,
Nhật nồng trong chiếc túi voi đầy,
Hễ không điều lợi khôn thành đại,
Đã có đồng tiền dớ hóa hay,
Khôn khéo chẳng qua ba tác lười,
Hỏi hoi không hết một bàn tay,
Suy ra cho kỹ chi hơn nữa,
Bạc quá vôi mà móng quá mây.*



Trên đây, chúng tôi đã thử phân tách sự thể hiện nhân tính về ba phương diện: lý tính, đạo đức tính và sự lựa chọn lối sống. Xét về cả ba phương diện, có lẽ chúng ta không sai lắm lắm khi cho rằng: chỉ một số ít cá nhân mới biết tư tưởng một cách hợp lý, biết hành động sao cho phù hợp với những qui luật đạo đức đích thực và biết chọn cho mình một lối sống tạo nên hạnh phúc, một lối sống phù hợp với một bậc thang giá trị hợp lý và không mâu thuẫn với đạo đức. Khi phải nhận xét chung về xã hội, các nhà hiền triết, các nhà đạo đức dễ cảm thấy bất mãn, chán nản, tuyệt vọng về đồng loại, về thân phận làm người:

*Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.*
(Nguyễn Công Trứ)

Trong viễn tượng đó, việc cho con ra đời chưa hẳn là một điều hay. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn không phải không có lý khi nói đến “giọt lệ ăn năn” của người mẹ đã “đưa con về trần” lúc “nhìn quê hương” và “nghe con mình buồn” (*Ca dao mẹ*).

KẾT LUẬN:

Chúng tôi đã thử phác họa quan niệm về con người đích thực dựa vào đó chúng ta có thể hiểu được phần nào sự phê phán khắt khe của một số nhà tư tưởng đối với con người hiện hữu. Sự phê phán này không phải không có cơ sở. Tuy nhiên, bên cạnh những điều vô lý, những cảnh bất công, bất nhân, nhân loại nói chung đã thực hiện nhiều sự tiến bộ đáng kể ở nhiều nơi, đặc biệt trong một số quốc gia dân chủ của thế giới Tây phương. Trong những quốc gia này, con người không phải phục tùng một quyền lực nào khác ngoài luật pháp; tự do cùng những quyền căn bản được tôn trọng, và các nhu cầu thiết yếu được thỏa mãn. Nếu những nhà tư tưởng như Diogène, Trần Tế Xương, Nguyễn Công Trứ sống lại vào thời đại của chúng ta, có lẽ họ sẽ tiếp tục phê phán, nhưng sự phê phán của họ sẽ không còn nhắm vào con người và thân phận làm người nữa, mà nhắm vào những quốc gia dân chủ giả hiệu, những quốc gia tuy phồn vinh nhưng vẫn còn chịu áp lực nặng nề của một ý thức hệ xã hội hay tôn giáo, và chưa thiết lập được một trật tự xã hội công bằng trên nền tảng pháp quyền và nhân quyền đích thực. ♦

NAM GIAO

(Canada, 1.2020)

Ghi thêm: chữ đậm trong bài do tác giả ghi.



Sài Gòn quê tôi

□ BUI TRẦN PHƯƠNG

Tôi chào một bà da đen cao tuổi nghe giới thiệu là nói tiếng Việt: “Dì quê ở đâu?”. Bà cười móm mém: “Tui người Sài Gòn”. Thì ra bà từ Ấn Độ qua Sài Gòn phụ bán trong tiệm vải - của mấy ông hồi xưa gọi là Bảy Chà. Bà lấy lính Tây, rồi suốt hơn nửa đời người sống ở Cafi vẫn đau đáu nhớ “Sài Gòn mình”.

Sài Gòn - TP.HCM quê tôi, hồi nào tới giờ, vẫn sôi động mà bình dị, dung nạp sự đa dạng, có khi hỗn độn, nhưng luôn rạch ròi phải quấy, đúng sai, giữa đường thấy chuyện bất bình là ra tay hay lên tiếng.



Tôi sinh ra ở Sài Gòn, vì vậy, coi Sài Gòn là quê mình. Đi du học, một hôm bỗng mấy bác lớn tuổi các cơ hỏi đám sinh viên quê ở đâu. Trả lời: “Dạ, con quê Sài Gòn”. Mấy bác cười ồ: “Quê gì mà quê Sài Gòn? Ông bà, cha mẹ cháu sinh ra ở đâu? Phải có nơi chôn nhau cắt rún chứ!”. Tôi ngơ ngác: “Nếu vậy, quê cha con ở Ba Tri, má ở Mỏ Cày”. Mọi người hể hả: “À, nó là dân Bến Tre”. **Tôi ám ức, mình sinh ra ở Sài Gòn, thì “chôn nhau cắt rún” ở Sài Gòn chứ đâu. Mà hình như khái niệm “chôn nhau cắt rún” không có nghĩa với người Sài Gòn.**

Chúng tôi, cả đám bạn bè cùng học tiểu học, rồi sau đó là trung học, nói đủ thứ tiếng Bắc, Trung, Nam, bầy trường về quê nội, quê ngoại ở nhiều tỉnh khác nhau, đều cảm thấy mình là người Sài Gòn vì rất nhiều thứ khác, không liên quan gì tới chuyện “chôn nhau cắt rún”.

Sài Gòn là những tháng năm tuổi nhỏ, với bộ đồng phục bà ba vải trắng đi học tiểu học. Áo của tôi, má hà tiện gởi may từ dưới quê Ba Tri, cắt không khéo bằng mấy đứa bạn may áo ở Sài Gòn, nhưng chẳng ai để ý.

Cả đám bốn, năm đứa học trò xếp nhau ngồi chật một chiếc xích lô đi học, ngày nào cũng đi ngang chợ Vườn Chuối, ngang đường Nguyễn Thiện Thuật lúc ấy còn đầy xác chuột chết người ta vứt ra đường, xe cán dẹp lép nhìn thấy ghê. Là cái tuổi ăn tuổi lớn, nữ không hề “ăn như mèo ngủ”, mà ngoài khúc bánh mì cá hay gói xôi ăn sáng, còn thêm thường từng mẫu bánh mì không găm thêm vào giờ ra chơi, từng cây cà lem, từng ly “đá nhận”, chỉ là đá bào xịt xi-rô màu xanh, đỏ. Nói gì đến chén chè khuya, trái bắp nướng hay đủ thứ “ăn hàng” khác vào bất cứ giờ nào trong ngày.

Sài Gòn - TP.HCM bây giờ vẫn vậy. Con tôi, sau mấy năm du học, về nhà chỉ thèm tô canh rau, mỗi ngày một thứ, nào dưa hường, bồ ngót, rau dền, mùng tot, bông so đũa. Cũng không ngạc nhiên khi con dâu người Hà Nội cứ mỗi lần về là hăm hở đi ăn cơm tấm, bánh mì thịt Sài Gòn, chưa kể trái cây đủ loại.

Sài Gòn - TP.HCM luôn sẵn cơ hội nếm trải đặc sản từ mọi miền đất nước, ẩm thực từ mọi quốc gia, ngon nhứt chưa chắc ở khách sạn đắt tiền mà có khi ở quán mì vịt tiềm đầu ngõ, cửa hàng sushi trong chung cư. Quan trọng hình như không chỉ ở chỗ thành phố lớn “muốn gì cũng có”, mà ở sự cởi mở, ủng hộ người từ mọi miền về đây tìm kế mưu sinh, ở lối sống bao dung, thỏa mãn rất nhiều yêu cầu, sở thích khác nhau. Và ở cả cái thú thưởng thức cuộc sống, từ miếng ăn ngon đến nụ cười hiền, lời mời xởi lởi.

Đi xa, tôi thỉnh thoảng gặp lại Sài Gòn đột ngột đến sững sờ. Một vị giáo sư Pháp chuyên gia tâm cỡ thế giới về Việt Nam, về Nam bộ, có bữa vui miệng kể: “Má tôi cứ nói tôi là thằng ‘đầu gà đít vịt’, bà có mặc cảm gì đâu, dân Sài Gòn mà”. Ông nói tiếng Pháp, tất nhiên, nhưng “đầu gà đít vịt” tiếng Việt phát âm rất chuẩn. Tôi đâu dám khen, là “tiếng mẹ đẻ” của ông mà.

Một nhà nghiên cứu đưa tôi đi thăm trại Cafi ở miền Nam nước Pháp, nơi sinh sống suốt nhiều thập niên của những phụ nữ có con với lính Pháp, lính lê dương hay viên chức Pháp ở Việt Nam thời thuộc địa, bị tập trung tới đây cùng những đứa con của họ sau năm 1954. Tôi gặp nhiều người Việt các thế hệ, phần lớn người cao tuổi không nói tiếng Pháp, tất cả người trung niên và trẻ đều không nói tiếng Việt, nhưng họ sống chan hòa, âm ập ở đó trong bối cảnh không khác Việt Nam là mấy, với giàn bầu, bí trước hiên nhà, bụi tre ngoài bờ rào, và cả buổi lên đồng của một phụ nữ quê gốc Bắc đã từng về Sài Gòn cầu học bà thầy để nối nghiệp tổ tông.

Tôi chào một bà da đen cao tuổi nghe giới thiệu là nói tiếng Việt: “Dì quê ở đâu?”. Bà cười móm mém: “Tui người Sài Gòn”. Thì ra bà từ Ấn Độ qua Sài Gòn phụ bán trong tiệm vải - của mấy ông hồi xưa gọi là Bảy Chà. Bà lấy lính Tây, rồi suốt hơn nửa đời người sống ở Cafi vẫn đau đầu nhớ “Sài Gòn mình”.

Sài Gòn - TP.HCM quê tôi, bây giờ, có các sinh viên người Thái, Nhật, Pháp, Bỉ, Phần Lan, Hoa Kỳ, Hồng Kông, Singapore... đang cùng học tập, đàn hát, cùng đi chăm sóc người khiếm thị ở thành phố, đi xây thư viện cho thiếu nhi vùng sâu với sinh viên người Việt ở trường đại học Hoa Sen, các bạn trẻ này cũng từ mọi miền đất nước về làm “sinh viên Sài Gòn” tại Hoa Sen.

Sài Gòn - TP.HCM quê tôi, bây giờ, bên cạnh nhiều cặp vợ chồng trẻ mới ra riêng, những Ôsin nói đủ thứ giọng vùng, miền, còn có những bạn hàng xóm người Hàn, người Phi, người Anh, người Mỹ cùng sống trong một chung cư vùng ven, gặp nhau mỗi ngày trong chợ Phước Long - một cái chợ quê ở Nhà Bè xưa, đã dời về đây từ ngày xây dựng chung cư, nơi quần tụ dân tứ xứ - cùng ăn tô phở Việt và hưởng thú ngồi cà phê những sáng cuối tuần thư thả.



Sài Gòn - TP.HCM quê tôi, hồi nào tới giờ, vẫn sôi động mà bình dị, dung nạp sự đa dạng, có khi hỗn độn, nhưng luôn rạch ròi phải quấy, đúng sai, giữa đường thấy chuyện bất bình là ra tay hay lên tiếng. Có điều, không được nói suông, “chém gió” ở đây, người ta cười, người ta khinh nữa. Sài Gòn quê tôi là nơi ở thì vui, đi thì nhớ, song có thể gặp lại ở nhiều nơi, như một thứ “căn cước”, bản sắc mà người ta tự hào về nó, nhưng cũng sẵn sàng chia sẻ nó cho bất cứ người cơ nhỡ, khó khăn, cho bất cứ tấm lòng chân thật nào tìm tới nó. Bây giờ, bỗng dưng nghe nói nhiều về kỳ vọng “khôi phục” hòn ngọc Viễn Đông. Người Sài Gòn thích danh xưng hòn ngọc Viễn Đông lắm chứ. Nhưng chúng tôi hiểu ngọc đó không phải ở hào nhoáng người đông phố lớn, những tòa nhà chọc trời hay những dòng tiền tuôn chảy không phân biệt đục trong, dơ sạch. Ngọc Viễn Đông, giữ được hay không, còn hay mất, là ở con người, người Sài Gòn, mà không nhất thiết phải “chôn nhau cắt rún” ở đây. ♦

BÙI TRẦN PHƯỢNG
(07/07/2016)

Nguồn:

<https://news.hoasen.edu.vn/vi/tin-chuyen-de/sai-gon-que-toi-1470.html>

Ghi thêm của Đi Tới: Tác giả Bùi Trần Phượng, nữ sinh trường Marie Curie (Sài Gòn), du học Pháp 1968, hiệu trưởng Đại học Hoa Sen Tp.HCM (2006 – 2016). (Nguồn: Wikipedia)



SÀI GÒN THOÁNG NHỚ

□ PHAN LẠC TIẾP

LTS: Tác giả Phan Lạc Tiếp, sĩ quan tham mưu thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân VNCH, Thành viên Ủy ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển 1979, định cư tại San Diego, California, Hoa Kỳ.
Cộng tác Di Tới năm 1999.

TÁC PHẨM:

- Bờ sông lá mục (1969); Cánh vạc lưng trời (Hoa Kỳ, 1991); Nỗi nhớ (Hoa Kỳ, 1995); Quê nhà 40 năm trở lại (Hoa Kỳ, 1995); Một thời oan trái (Hoa Kỳ, 2001);

□□□

Tôi bỏ miền Bắc, bỏ quê hương, bỏ Hà Nội vào Nam. Tôi đã thấy gì khi chạm trán với Sài Gòn, rồi sống với Sài Gòn trên 20 năm. Sau, ngày 30 tháng Tư năm 1975 phải rời Sài Gòn trong tang thương, và bây giờ là 50 năm từ khi tôi đến Sài Gòn và 30 năm chúng tôi xa Sài Gòn, ôi bao nhiêu là biến đổi, tang thương nhưng không thiếu những lạ lùng may rủi. Sài Gòn khác xa Hà Nội.

Hà Nội nhỏ bé, thơ mộng, nên thân quen. Hà Nội lâu đời nên Hà Nội có nhiều di tích. Hà Nội nhỏ bé nên Hà Nội lặng lẽ. Đường xe điện leng keng, chỉ ồn ào những con đường chính. Người Hà Nội trong những năm trước khi có cuộc di cư, thường di chuyển bằng xe đạp. Một vài người có xe Vélo Solex chạy lộc xộc đã là oai lắm. Xe hơi rất ít người có. Cho nên khi xe điện chiều tối tụ về ga Bưởi, là Hà Nội như nín thở, êm ả. Hàng phố đa số cửa đóng, then cài. Những đoạn đường vắng lặng, thấp thoáng có cái xe xích-lô đạp uể oải đạp qua. Tiếng giao hàng đêm của anh xực tắc khắc khoải vang động len lách, buồn bã.

Sài Gòn thì khác.

Sài Gòn là đất mới nên Sài Gòn còn xô bồ. Sài Gòn có nhiều người căng ghế vải ngủ ở những hàng hiên, “tự nhiên, thoải mái như ở nhà”.

Sài Gòn rộng mênh mênh. Sài Gòn năm 1954 là trung tâm, nối với những vùng ngoại ô bởi những con đường còn nhiều chỗ bỏ hoang.



Tác giả qua nét vẽ của con trai
PHAN LẠC LONG TƯỜNG
(Tranh chân dung 1999)

Sài Gòn và Chợ Lớn còn có một khoảng trống là những kho hàng, xưởng máy, bãi rác. Giữa Cầu Bông, khu Đa Kao, đến tòa tỉnh trưởng Gia Định cũng là một bãi rác mênh mông. Nói chi con đường từ Sài Gòn đi phi trường Tân Sơn Nhất là những thửa ruộng trồng rau, những giếng nước giữa vườn, dằn sào dựng kéo nước lên khênh. Khu trường đua Phú Thọ còn là một vùng đầy huyền thoại hải hùng của

những người đi đường về khuya. Trộm cướp và những cuộc thanh toán nhau trong nghĩa trang Nhị Tỳ. Con đường từ trường đua đi Ông Tạ dài ngút ngàn, qua một cánh rừng cao su um tùm đen thẫm, thấp thoáng những ụ đất trước đây là kho đạn. Nhưng từ khi người Bắc di cư vào, những dãy nhà cất vội gọi là cư xá rẻ tiền, nhưng lại có cái tên đẹp đẽ đầy hoài niệm cổ đô là cư xá Thăng Long, được xây cất ở phía trước lối vào trường đua Phú Thọ, biến dần khu này thành một vùng an ninh, sầm uất, dành cho những gia đình công chức từ ngoài Bắc di cư vào ngụ. Tôi đã ở khu này khá lâu trong những năm đầu, nhà chú thím tôi, như một thứ quê hương mới. Một nhà thờ được cất ở đây cũng mang tên là nhà thờ Thăng Long. Trước nhà thờ có một tiệm phở mở ra có tình cách gia đình. Sáng ra nồi nước lèo bốc khói, vài cái ghế bày ra lòng chông. Nhưng chẳng bao lâu trở nên đông đúc, cái trái nhà nay đã biến thành một hàng hiên với năm bảy dãy bàn, ăn uống đông vui.

Mấy năm sau, bên cạnh khu nhà-rẽ-tiền này là những dãy nhà được xây cất đẹp đẽ, khang trang, một chung cư không phải ai có tiền cũng mua được. Nữ tài tử Kiều Chinh đã ngụ trong cư xá này, nhìn ra cánh rừng cao su bên cạnh. Trong rừng lá xanh um ấy, từ những năm 1960 về sau, là những biệt thự sang trọng, an ninh dành cho những người thuộc giai cấp mới và cho Mỹ thuê. Giữa khi Sài Gòn thay đổi ấy, ở cuối đường Nguyễn Văn Thoại, ngã tư đường Ông Tạ, có một căn nhà nhỏ khá xinh. Đặc biệt trước một mảnh sân vuông vắn, sát hàng rào, có một cây mai thật đẹp. Cứ mỗi khi Tết đến, Xuân về, cây mai này nở hoa vàng rực.

Tôi đã nhiều lần đi qua, nhìn ngắm cây mai ấy, và trò chuyện với vị chủ nhà. Khen cây mai thì được, nhưng tỏ ý muốn xin, hay mua một cành mai về trưng trong ngày Tết, thì tuyệt đối không. Vị chủ nhà lễ phép thưa: *“Dạ xin đa tạ tấm lòng yêu hoa của quý vị, nhưng hãy để cho cây mai còn là nét vui chung của những ai qua đây...”* Lời của ông như thế thật là đẹp. Bây giờ sau bao dâu bể, Sài Gòn đã bành trướng quá độ dưới những quyết định tàn bạo, vô tổ chức, không biết cây mai vàng ấy còn...

Lúc ấy những năm sau 1954, miệt Thị Nghè là cửa ngõ ngoại ô của Sài Gòn. Xa lộ Sài Gòn chưa có. Đường Hàng Sanh là biên giới an ninh của thủ đô, chạy dài tới Phú Nhuận, rồi đi qua Bộ Tổng tham mưu, rẽ vào lối đi phi trường Tân Sơn Nhất. Từ Hàng Sanh nhìn ra Đồng Ông Cộ ngút ngàn lau sậy và dừa nước. Người ta bảo mấy năm kháng chiến du kích đã hùng cứ vùng này, vì đây là lối di chuyển rút lên miệt chiến khu D. Nơi đây còn là vùng thủ tiêu những người bị du kích bắt. Nhưng chỉ sau mấy năm yên ổn, Sài Gòn như bùng nổ, lớn lên rất mau. Sài Gòn đã lớn càng trở nên lớn hơn. Khu Đồng Ông Cộ trở thành vùng ven đô đang phát triển. Một con đường nhỏ có tên là đường Phan Chu Trinh, nhưng dân địa phương vẫn gọi quen là khu Lò Heo cũ, trong đó có ngôi biệt thự hình như của ông chủ lò gạch Phú Hựu. Ngôi biệt thự xây ở ven con rạch, hướng ra mặt đường Hàng Sanh gió mát, quanh sân là những hàng dừa lá ngọn, soi bóng xuống mặt nước. Một dãy nhà kho rộng 3 m 5, dài 10 m, được sửa lại thành những căn phố nhỏ bé nhưng dễ thương, bán cho mọi người.

Năm 1965 chúng tôi mới lập gia đình, chồng là quân nhân, vợ là cô giáo, lương lậu ít ỏi. Sau đám cưới bình thường, bà con xúm lại, anh chị tôi cho thêm, chúng tôi được căn nhà nhỏ bé này làm tổ ấm đầu đời.

Nhà tôi sát vách với nhà quái kiệt Trần Văn Trạch, nên chúng tôi chung nhau bắt đồng hồ nước. Hai nhà thân nhau như một. Những buổi trưa ngày nghỉ, nằm hưởng cái lười biếng vắng lặng, chúng tôi thấy tiếng hát của ông Trạch văng qua thật hay *“Chiều mưa biên giới anh đi về đâu...”* Tiếng hát ngọt như một lời ru, mượt mà như những sợi tơ trời nhẹ nhàng trôi trên vùng đồi núi nào xa, mang nỗi cô đơn, nhưng nhớ của người lính xa nhà. Tiếng hát ấy khác xa, khác hẳn những bài hát vui nhộn hài hước của ông trong những màn phụ diễn trước những buổi chiếu phim. Buổi tối trời có trăng, gió mát, những cây dừa nước bên nhà lao xao, lấp lánh ánh trăng. Chúng tôi ra ngồi ngoài hàng hiên. Ông quần quanh mình một tấm saron, phô mang ngực trần. Ông nhẹ nhàng hỏi: *“Tình thế mỗi lúc mới thêm khó há trung úy...”* Tôi thì hỏi ông: *“Sao ông không hát những bài ông vẫn hát ở nhà. Hay quá mà...”* Ông bảo: *“Thôi, để anh em họ làm ăn. Mình đóng vai hài quen rồi, chẳng ai cạnh tranh...”*

Khi tôi đeo lon thiếu tá, làm việc tại Bộ Tư lệnh Hải quân, được phát cho cái xe Jeep cũ thì hai con ông Trạch và hai con tôi mỗi sáng đều leo lên xe đi học ở trường Bà Phước, gần chợ Tân Định. Hai con tôi được anh chị (con ông bà Trạch) săn sóc rất kỹ. Đối với lối xóm, người ta bảo: *“Ông bà còn trẻ mà có những bốn cháu, sắp lớn rồi.”*



Nhớ lại năm 1968, Tết Mậu Thân, khi ấy tôi và một số sĩ quan Hải quân khác, đang được biệt phái cho Nha Hỏa xa để lái những con tàu dân sự, nghe nói của gia đình Bà Nhu để lại, nên Tết đến sau những chuyến chở hàng ra Trung, chúng tôi đều canh sao cho ngày Tết phải có mặt tại Sài Gòn. Tàu tôi khi ấy là chiếc Đại Hải, trọng tải 750 tấn, thường chở đủ loại hàng từ Sài Gòn ra Quy Nhơn hay Đà Nẵng. Chuyến đi chở hàng Tết, rất nhiều bánh mứt, pháo, trái cây... Mùa gió đông-bắc, tàu chở khẳm, ra biển thường sóng đánh phủ mũi tàu, rất mệt. Gần tới Cam Ranh sóng to quá chềch nghiêng, mấy cần trục hàng lắc lư nghiêng ngã muốn gãy, nên tàu phải ghé vào nắp trong vịnh Cà Ná. Tàu neo gần bờ, nhìn rõ những mảnh ruộng muối trắng phau. Những đụn muối cao chót vót. Từ đó nhìn ra khơi thấy sóng biển ù vào cao ngất. Năm đó gần một tuần, thực phẩm tươi đã cạn. Hàng ngày gọi ghe đánh cá lại mua tôm tươi và cả tôm hùm rất rẻ, ngon lắm, nhưng chỉ vài bữa đã thấy thêm rau muống hay mấy lát bí tươi.

Sau này càng sống với Sài Gòn tôi càng yêu Sài Gòn hơn, và biết ơn Sài Gòn nhiều lắm. Đặc biệt Sài Gòn cho tình bạn, xóm giềng. Sài Gòn cho tôi cơ hội tiến thân. Nên khi tôi là một quân nhân, dù tôi không thích nếp sống này, tôi vẫn thấy tôi cần có mặt trong hàng ngũ những người phải cố gắng bảo vệ Miền Nam, bảo vệ Sài Gòn của chính tôi, gia đình tôi và bè bạn.

Nằm trong vịnh nhìn gió hiu hiu lạnh giá thổi vi vút trên mấy dàn cần trục, nghe *radio* tường thuật những phiên chợ Tết ở Sài Gòn, buồn thối ruột. Mấy lần nhỏ neo cổ lếch ra, nhưng sóng đánh ngang hông, tàu muốn lật, lại phải trở vào, nằm thêm ít ngày nữa vừa bằng một chuyến đi-về, vì gió bão gây trì trệ, nên chuyến đi này là chuyến chót của năm. Từ Nha Hòa xa gọi ra, “xin cố gắng bằng mọi giá mang tàu ra tới Đà Nẵng vào khoảng 24, 25 để kịp cho hàng Tết cho người ta.” Buổi sáng trời yêm gió hơn, tàu nhỏ neo đi Đà Nẵng. Dỡ hàng xong là ngày 28 Tết. Không có hàng về. Gió đông-bắc thổi sau lái, tàu không, phải cho nước biển vào hầm tàu để tàu dầm, bớt lắc. Tàu nhẹ, hai máy tiến *full*, về đến Sài Gòn là trưa 30 Tết. Đậu ở cầu Nguyễn Huệ, nhìn lên bờ, những khu hàng hoa đã vắng, những chủ vựa cây cảnh cho xe ba-gác, xe cam nhông ghé lại chờ hàng bán không hết về. Những người quét đường đang tới tập thu dọn những đồng rác. Mút xa ở cuối tầm mắt là Tòa Đô Chánh, rừng người đi lại vội vã như cố chạy cho kịp xuân lúc về. Nổi vui mừng thênh thang như gió thổi trên mặt sông mênh mang. Vừa bước xuống cầu thang đứng ngay ông Cang, cai phu bốc dỡ, mặt đỏ bừng và nồng hơi rượu. Ông đứng nghiêm đưa dõn theo lối nhà binh, dơ tay chào. Tôi như một phản xạ nhà binh dơ tay chào lại. Ông nói: “*Ông thầy đi chuyến này lâu quá, hàng dành cho chuyến áp Tết dành phải để ra giềng thôi.*” Bắt tay ông định gọi xe về, thì ông Cang bỗng nắm tay tôi cản lại. Tôi tưởng ông như các lần khác kéo ở lại nhậu với anh em phu bến lấy thảo. Tôi cười: “*Xin phép ông cai, cho tôi về nhà cái đã, kéo bà xã mong và còn đi chợ vợ vét chút ít cho ngày Tết chứ.*” Ông Cang không nói gì, nhưng tôi thấy như có điều gì là lạ. Tôi nói: “*Ông có cần nhắc tôi điều gì không?*” Ông nói “không”, chỉ nheo mắt cười và tiếp “*cũng nên cẩn thận an ninh thôi.*” Đứng đợi mãi không vậy được xe, trong lòng áy náy, tôi quay lại tàu, gọi ông cai trực trên tàu, xem lại mấy trái độn ở hông tàu, đừng để kẹt nghiêng tàu khi nước lên. Tôi mở cửa phòng mình, tẩn ngẩn xem lại cọc tiền lương và tiền thưởng cuối năm để trong tủ áo.

Tôi lấy giấy báo gói lại và bỏ vào cái túi nhỏ đem về nhà. Một quyết định tình cờ mà vô cùng hay. Tôi rời tàu, và nhiều ngày sau mới trở lại được vì Sài Gòn mấy ngày Tết chìm trong cơn biển loạn Tết Mậu Thân. Số tiền này thật là cần thiết trong những ngày hỗn loạn. Tôi thầm cảm ơn ông Cang và càng thấy rằng những bữa nhậu lấy thảo cùng anh em phu khuôn vác tại bến tàu, thật là cần thiết.

Sau này, sau biến cố Mậu Thân, tôi trở lại Hải quân, dọn vô cư xá Hải quân, nên phút chót, khi tàn cuộc chiến, theo tàu đi được và định cư ở Mỹ. Tôi không biết ông Trạch đã thoát đi được như thế nào, nhưng những năm sau ngày 30 tháng 4, tôi biết qua báo chí và bè bạn là ông Trạch ở Paris có một mình, lang thang buồn bã vì thương nhớ vợ con còn kẹt lại ở quê nhà.

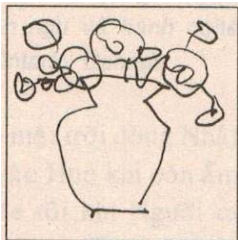
Mãi đến hơn 10 năm sau, trong dịp chúng tôi đại diện cho Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển qua Pháp đón tiếp thuyền nhân, vợ chồng tôi mới có dịp gặp lại gia đình ông bà Trạch ở bến cảng Ruen. Thôi nói sao cho hết những mừng vui, những kỷ niệm của những ngày xa cũ. Sau đó ông Trạch có qua Mỹ nhiều lần, chúng tôi lại có dịp gặp nhau. Tôi có nhắc tới ban Gió Nam, từ Sài Gòn ra Hà Nội, đầu như năm 50, 51 gì đó. Chủ lực là ban hợp ca Thăng Long, nhưng có sự góp mặt của ca sĩ Trần Văn Trạch hát bản ‘Đêm Đông.’ Lời ca sao mà mượt mà, với lối phát âm giọng Sài Gòn, mang một phong vị xa lạ mà thật là lôi cuốn. Trong buổi cơm tại một nhà hàng ở quận Cam, đang ăn ngon, nghe thế ông Trạch bỗng ngưng ăn và nói:

“*Chà! Độ ấy tôi mặc bộ đồ lớn màu trắng xuất hiện ở nhà hát lớn Hà Nội. Ngày nào hát xong, màn nhung vừa buông xuống, tôi cũng nhận được một bó hoa hồng nhung, nhưng không biết người tặng là ai. Cho đến buổi ra về trên phi trường Gia Lâm, người tặng hoa mới xuất hiện. Một người đẹp thật là Hà Nội. Người đẹp Hà Nội nói với tôi rằng em muốn trái đất này sụp đổ để hai chúng ta cùng chết với nhau.*”

Sau bữa cơm hội ngộ này ông trở lại Paris, lâm bệnh và mất. Chúng tôi có gọi điện thoại qua Paris để phân ưu và chia buồn cùng bà Trạch và các cháu.

Mấy đứa con ông, khi nhỏ, hàng ngày leo lên xe Jeep của tôi, cùng các con tôi đi học trường Bà Phước ở Đa Kao, giờ cũng lớn hơn tuổi tôi ngày cũ khi hai nhà cạnh nhau. Giờ các con tôi cũng đã là những người trưởng thành, ở riêng. Một quãng đời Sài Gòn mới đó mà đã xa, quá xa, mù mịt.

Riêng về bến sông Sài Gòn, năm 1954 thì lạ lắm. Cột cờ Thủ Ngữ lúc ấy được coi như biểu tượng của hải cảng này. Và ở ven mặt sông phía bên này thành phố là những xóm thuyền lá chỉ chút neo kín, buộc sát vào nhau lan ra gần nửa mặt sông. Đó là một xã hội phức tạp, đông đúc, khó có ai biết những cư dân trên ghe thuyền đó họ sinh hoạt thế nào. Hình như (tôi nhớ không kỹ lắm) để đón mừng nền Đệ nhất Cộng hòa, 26 tháng 10 năm 1956, khu thuyền lá này bị giải tỏa, bờ sông mới được chỉnh trang, mặt sông Sài Gòn trở nên thoáng rộng. Cột cờ chính của hải cảng Sài Gòn được rời về trước Bộ Tư lệnh Hải quân, nơi là tiền đường của trại Bạch Đằng. Mỗi sáng thứ hai, toàn thể quân, cán chính thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân xếp hàng nghiêm chỉnh tại đây để làm lễ thượng kỳ. Ở chân cột cờ này mới được gắn hai khẩu trọng pháo. Bờ sông ở nơi này được tu sửa lại, có những vỏ thủy lôi phế thải làm chướng ngại, dính với nhau bằng hàng giây sắt buộc dài theo mé sông. Trong dịp này có một số chiến hạm lớn của Hoa Kỳ viếng thăm, mừng ngày Quốc khánh thứ nhất của Việt Nam Cộng Hòa. Trong số những chiến hạm Mỹ đến Sài Gòn lúc ấy có chiến hạm lớn mang tên thành phố Los Angeles. Hôm 26 tháng 10 năm ấy, Tổng thống Ngô Đình Diệm đã đứng trên mũi một chiếc tàu nhỏ, có vị Tư lệnh Hải quân trong đại lễ trắng, lon vàng óng ánh tháp tùng, chạy dọc trên sông Sài Gòn, đi duyệt những chiến hạm của Đồng Minh đậu dài ở những cầu tàu. Mỗi khi chiếc tàu nhỏ của Tổng thống đi ngang, các chiến hạm đều bắn 21 phát đại bác đón chào. Do đó cả khúc sông Sài Gòn hôm đó rền vang liên tiếp hàng trăm tiếng súng đại bác, như biểu tượng mừng vui của nền độc lập, làm tan đi một giai đoạn lệ thuộc, chấm dứt những trang sử đen tối của dân tộc, làm nức lòng hàng chục ngàn người dân đứng trên bờ sông chiêm ngưỡng, đón mừng. Và tôi hôm ấy, trên bờ sông Sài Gòn bừng lên những dàn pháo bông muôn màu rực rỡ. Sài Gòn thực sự nở hoa. Sài Gòn khác xa Hà Nội. Sài Gòn là thủ đô của một quốc gia non trẻ Việt Nam Cộng Hòa. (...)



Hà Nội nhỏ bé, nên xinh xắn. Hà Nội cổ xưa nên nền nếp. Hà Nội nền nếp nên Hà Nội buồn tẻ, không vui. Hà Nội nhỏ bé nên Hà Nội lặng lẽ, sạch sẽ. Hà Nội như một bậc trung niên con nhà nho nhưng nghèo. Người trung niên ấy ăn nói chừng chạc, ăn mặc nhã nhặn, chỉnh tề, nhưng mọi việc thì chỉ lý, tính toán, không để cho ai thiệt, nhưng ngược lại cũng không ai lợi dụng được mình. Mà thực ra “mình” cũng chẳng có chi nhiều ngoài cái phong thái ứng xử kia, để người ta lợi dụng.

Sài Gòn thì khác. Sài Gòn như cậu thanh niên mới lớn, cổ còn lang ben vỡ da. Vì Sài Gòn đang trưởng thành, đang phát triển. Sài Gòn còn vụng về, nhưng Sài Gòn có tương lai. Sài Gòn hào phóng. Vì Sài Gòn to rộng quá. Di chuyển ở Sài Gòn không thể êm ả bằng xe đạp, xe xích lô. Sài Gòn cần cơ giới hóa, nên Sài Gòn ồn ào. Với tôi Sài Gòn năm 1954 là những chiếc xích lô máy chạy như bay, máy nổ ầm ỹ, phun khói mù mịt. Những chiếc xe hơi nhỏ làm xe Taxi, bất cứ ai có tiền, có nhu cầu đều có thể vẫy tay, gọi xe lại, leo lên. Hà Nội không có xe Taxi như thế, nên có rất nhiều người suốt đời chỉ nhìn thấy cái xe hơi, nhưng không bao giờ có hân hạnh ngồi vào. Vì thế Sài Gòn bình dân hơn Hà Nội.

Sài Gòn còn là những con đường rộng thênh thang chạy hoài không hết. Sài Gòn còn là những bãi đất hoang, những đồng rác ngay bên cạnh những tòa nhà to rộng, những cao ốc thẳng tắp đang được xây cất.

Sài Gòn còn là những con hẻm sâu hút, đi vào những xóm làng còn nguyên ao, rãnh, đình miếu, những hàng tre rậm lá, những ông bà già còi trằn ngời trước hiên nhà như một làng xóm ở miền quê Lục Tỉnh. Sài Gòn còn là những phố xá quán ăn mở tràn ra mé lộ. Khách ăn không ngớt, ồn ào. Hà Nội không thế. Hà Nội ăn uống cảnh vẻ, kín đáo ở trong nhà. Sài Gòn với tôi là một nơi giàu có, no đủ, và rất bình dân. Sau này càng sống với Sài Gòn tôi càng yêu Sài Gòn hơn, và biết ơn Sài Gòn nhiều lắm. Sài Gòn cho tôi cơ hội để đi học lại, ở những lớp đêm, tìm bắt những thiếu sót trong những ngày loạn lạc. Sài Gòn cho tôi tuy không giàu sang nhưng no đủ. Đặc biệt Sài Gòn cho tình bạn, xóm giềng. Sài Gòn cho tôi cơ hội tiến thân. Nên khi tôi là một quân nhân, dù tôi không thích nếp sống này, tôi vẫn thấy tôi cần có mặt trong hàng ngũ những người phải cố gắng bảo vệ Miền Nam, bảo vệ Sài Gòn của chính tôi, gia đình tôi và bè bạn. (...) ♦

PHAN LẠC TIẾP

phanlactiep@gmail.com

(San Diego, Tết nguyên đán Ất Dậu 2005)



TÍNH CÁCH NGƯỜI

SÀI GÒN

□ TÔNG QUANG ANH - ĐÔNG XUÂN

(TBKTS): Những cư dân đầu tiên đến Sài Gòn lập nghiệp thời các chúa Nguyễn cần có sự đoàn kết, nhân ái, dũng cảm, khỏe mạnh và không thể thiếu người tài giỏi. Chính những yêu cầu ban đầu kể trên đã hình thành dần tính cách của con người Sài Gòn. Những tính cách quý báu ngày một nảy sinh thêm trong quá trình hình thành và phát triển của vùng đất này.

TÍNH CÁCH NGƯỜI ĐI MỞ CÕI

Những ông hậu, thân thiện, hiếu khách, vui vẻ, phóng khoáng, thẳng thắn bộc trực, ngang tàng và dễ tính là những tính cách quý báu, mà người Sài Gòn có được nhờ cái đặc thù của những người đi mở cõi. Đến Sài Gòn, nếu không thạo đường, bạn cứ hỏi những người đang bán hàng quán bên đường, những người nhàn tản trên phố, những người bán vé số... họ sẽ chỉ cho bạn một cách tận tình. Vì họ là người Sài Gòn, hoặc ít ra cũng đã nhiễm “máu Sài Gòn”. Người Sài Gòn luôn có ý thức giúp đỡ bè bạn chứ không hề “lãnh cảm”.

Nông, công, thương, và trí ở Sài Gòn sớm được phát triển trong suốt quá trình hình thành đô thị. Mà nông, công, thương, trí là nền tảng chính của một nền kinh tế, nhờ thế mà cuộc sống của người dân nơi đây ổn định, giàu có hơn nhiều vùng khác trong nước.

Sự ổn định và giàu có giúp cho tính cách người Sài Gòn rộng rãi, hào phóng... Phần đông dân Sài Gòn rất sẵn sàng “chơi hết mình”. Đây chính là “máu giang hồ” của những người đi khai phá vùng đất mới, truyền lại đến ngày nay.



Thêm vào đó, vùng đất hào phóng này ban cho con người rất nhiều thứ, làm cho con người ở đây cũng dễ dãi, rộng rãi, đôn hậu và hiếu khách hơn. Tính cách này rất dễ lây cho những người dân xứ khác đến sống ở đây. Nói đến Sài Gòn mà không nói đến tính cách giang hồ là một thiếu sót lớn. Một vùng đất có lịch sử hình thành như Sài Gòn mà không chứa đựng tính cách giang hồ mới là lạ.

Vùng Gia Định xa xưa kênh rạch chằng chịt, dân trộm cướp hoạt động chính theo các kênh rạch này, rất giống với hoàn cảnh của các anh hùng Lương Sơn Bạc.

Người dân gọi bọn trộm cướp này là dân giang hồ, lâu dần mà thành danh từ chung cho giới lưu manh, trộm cướp và những băng nhóm xã hội đen.

Giới giang hồ Sài Gòn tồn tại và khét tiếng từ bao đời nay. Họ cũng hung tợn như mọi dân anh chị giang hồ xứ khác. Nhưng đặc biệt, giới giang hồ Gia Định từ xưa ảnh hưởng phong cách hảo hán của các nhân vật tiểu thuyết. Lần nọ, tôi đến hiệu sách ngoại văn Xuân Thu trên đường Đồng Khởi, chứng kiến một bác trung niên, đi chiếc xe mopylette đến nhà thuốc tây gần hiệu sách. Bác dùng ba ổ khóa để khóa chiếc xe và bước vào tiệm thuốc. Tiệm thuốc lắp kính toàn bộ mặt tiền, nên từ bên trong nhìn ra, thấy rõ chiếc xe. Thế mà khi ra, bác thấy cả ba ổ khóa ngự chính ỳnh trên yên xe, dẫn bên trên một tờ giấy. Trong tờ giấy ghi, nét chữ nguệch ngoạc, xấu, nhưng ngắn gọn, đúng ngữ pháp: “Thấy nghèo mà thương, chứ không phải là không lấy được”.

Cũng tại hiệu sách trên, cô bán sách kể rằng, có một bác đến mua sách, đi chiếc xe đạp. Thời đó chưa có chuyện giữ xe và xe đạp còn rất quý giá. Thấy thằng nhỏ đứng xó rớ trước hiệu sách, bác gửi xe cho nó. Vào hiệu sách, mấy cô nhân viên bán hàng cảnh báo, rằng thằng đó là ăn trộm xe chuyên nghiệp. Bác tính bỏ, đáp: “Tôi gửi xe cho nó mà” và lượn lờ mua sách. Đến khi ra, thằng nhỏ trả xe, bác cảm ơn nó rồi đi. Buổi trưa, các cô bán hàng ra hỏi thằng nhỏ, sao không lấy xe của ông già. Thằng nhỏ nói tỉnh rụi: “Người ta tin mình, không lẽ lấy xe của người ta”.

Rõ ràng, những kẻ giang hồ này chỉ là hạng tép riu, so với những cái bóng lớn như Trần Đại Cathay, Điền Khắc Kim, Bạch Hải Đường... nhưng cũng ít nhiều mang nét đặc trưng của giới giang hồ Sài Gòn. Phần nhiều, giới giang hồ thường rất khí khái và hảo hán.

Nhịp sống Sài Gòn luôn hối hả từ bao đời nay, hình như không bao giờ ngưng nghỉ, trừ thời gian bị giới nghiêm trong chiến tranh và vài năm sau ngày ba mươi tháng tư năm bảy lăm. Bạn đi chơi thật khuya vẫn cảm nhận được một Sài Gòn đang hoạt động, chỉ tĩnh lặng bớt đi mà thôi. Về khuya, bạn cũng vẫn còn nghe tiếng xe chạy trên đường, tiếng mì gõ, tiếng rao bán các loại hàng ăn uống... Do sự phát triển của thành phố, dẫn đến các nhu cầu sản xuất, dịch vụ, văn hóa, nghệ thuật, âm nhạc... cũng phát triển theo. Ngay những bài “tân cổ giao duyên” cũng là sản phẩm của Sài Gòn, được kết hợp khéo léo giữa tân nhạc và cổ nhạc. Nhiều bài tân nhạc mang âm hưởng dân ca Nam bộ cũng xuất phát từ Sài Gòn.

Người dân Sài Gòn dễ tiếp thu cái mới nhờ tính năng động, nhưng không bị đồng hóa, vì người Sài Gòn rất biết chọn lọc. Tính năng động “phổ cập” hầu như toàn thể người dân Sài Gòn. Ở Sài Gòn có khá nhiều anh đạp xe xích lô chở khách ngoại quốc, vừa đạp xe vừa giải thích những danh thắng của thành phố bằng tiếng Anh, tiếng Pháp rất thành thạo như một hướng dẫn viên du lịch vậy. Ra đường, ta thường thấy những cậu bé bán báo, đánh giày, những ông đạp xích lô, anh chị giữ xe cũng khá thông thạo ngoại ngữ và khi rảnh rỗi còn biết chơi games online, chat chít, dạo Internet...



Chất giọng Sài Gòn do pha trộn âm điệu cả ba miền mà nên. Cái nền là giọng Nam bộ, mạnh mẽ, cứng rắn và hơi có nét dễ dãi đến mức làm biếng, tạo nên đặc thù không trộn vào đâu được. Chính cái nét dễ dãi làm cho cách phát âm của người Sài Gòn có vài từ sai âm cuối. Các cặp từ “nhạc và nhạt”, “gòn và goòng”, “ít và ịch”, “năn và nằng” hay phụ âm đầu “v và z”,... thường bị nghe như đồng âm. Người Sài Gòn phát âm cũng hay lầm lẫn giữa dấu “hỏi” và “ngã”. Nhưng do sự pha trộn, chỉnh sửa trong quá trình hòa nhập các cộng đồng dân cư, thêm vào đó là mặt bằng văn hóa trên đất Sài Gòn cũng tăng dần, nên các sai sót này ngày càng giảm dần.

Nhờ vậy, dân mọi miền đến đây, nghe giọng Sài Gòn đều thấy dễ hiểu. Và cũng chính vì vậy mà đài phát thanh, truyền hình chọn các MC có chất giọng Sài Gòn trong chương trình. Ngôn từ Sài Gòn rất đa tạp, pha trộn nhiều phương ngữ trên khắp mọi miền đất nước, kể cả tiếng lóng, tiếng nước ngoài. Dân Sài Gòn ở mọi tầng lớp, khi nói chuyện hay đệm vài từ tiếng nước ngoài, như Anh, Pháp, Hoa. Chẳng phải họ muốn khoe, mà là do nghe riết, nói riết rồi thành thói quen.

ĐẤT CỦA NGƯỜI TỨ XỨ

Sài Gòn càng phát triển, càng lôi cuốn bao nhiêu nhân lực, tài lực từ các nơi đổ về. Đồng thời, nhân lực, tài lực đổ về làm cho thành phố lại phát triển thêm, như một vòng nhân quả bất tận. Sự phát triển của Sài Gòn hầu như không do áp đặt, mà do nhu cầu tự nhiên. Sự phát triển này cứ như cơn lốc, cuốn hút bao cuộc đời, bao con người từ mọi nơi đến đây để sống và làm việc, để tìm sự bình an hoặc để thử thời vận. Người ta đến từ mọi miền đất nước, thậm chí từ nhiều quốc gia trên thế giới. Dù có những lúc khó khăn, nhưng dòng chảy nhân vật, tài lực vẫn cứ ồ ạt đổ về Sài Gòn.

Chính cái dòng chảy này, làm hòa trộn nhiều nền văn hóa, truyền thống của mọi miền đất nước, trong khu vực và trên thế giới, khi du nhập vào Sài Gòn, giúp cho Sài Gòn vừa có nét đặc thù, vừa có nét hài hòa giữa các nền văn hóa, truyền thống.

Sài Gòn là mảnh đất dễ cảm nhận, dù giàu hay nghèo, dù giỏi hay dở, mọi người đều có thể tìm được chỗ đứng ở đây, để mà đâm bông kết trái. Rất nhiều dân tứ xứ đến Sài Gòn đã ăn nên làm ra trên mảnh đất giàu lòng hiếu khách này. Dễ nhận thấy có nhiều tài năng từ các địa phương khác được phát hiện và phát triển tại mảnh đất Sài Gòn trong suốt quá trình hình thành và phát triển. Người Sài Gòn rất thực tế, sống đúng thực chất của mình, không giả tạo, không se sua, không đua đòi quá phận. Nhìn một người dân Sài Gòn, người nơi khác khó có thể đoán được, người đó thuộc hạng nào, trí thức hay bình dân, công nhân hay viên chức, giàu hay nghèo, đang đi chơi hay đi làm việc... Một người nghèo cũng có thể bước chân vào nơi sang trọng để thưởng thức một bữa ăn thịnh soạn. Ngược lại, một người cực kỳ giàu có, cũng có thể ngồi chung với đám bình dân trong quán ăn của người lao động. Đó là nét rất riêng của người Sài Gòn. Công việc dễ tìm, cuộc sống dễ dãi, thời tiết dễ chịu, lòng người dễ hòa nhập, khiến Sài Gòn trở thành miền đất hứa.

Người Sài Gòn ít chú ý đến trang phục, trừ những trường hợp đặc biệt. Ra đường, dân Sài Gòn đa số thường mặc quần áo, đi giày dép rất tùy tiện, miễn sao không quá tệ. Trẻ hay già, trai hay gái, thích sao thì mặc vậy, chẳng thèm quan tâm xem mọi người xung quanh như thế nào, thậm chí đa số đều không thích ăn mặc giống người khác. Bạn khó nhìn thấy một lúc hai người bạn quần áo giống hệt nhau, nếu không phải là đồng phục.

Nhiều người thích bận quần jean và áo pull, chỉ vì sự tiện lợi và bản tính dễ dãi, chứ không phải vì mode. Họ bận quần jean, áo pull kể cả trong tiệc cưới mà không sợ bị xem là bất nhã.

Người Sài Gòn ăn uống cũng dễ dãi, vì họ ăn chỉ cầu no và đủ chất, không cầu kỳ. Nếu không thích, thì lần khác không ăn món đó, không vào quán đó. Tiện thì góp ý vài câu, nếu chủ quán tỏ ra biết lắng nghe. Nhưng khi cần đi nhà hàng đãi bạn, đãi người thân... thì lại tỏ ra rất "sành điệu", dù là không khá giả gì. Từ người giàu đến kẻ nghèo đều biết chọn nhà hàng, chọn món ăn, món uống rất kỹ, tất nhiên là theo túi tiền của mình. Ở Sài Gòn, bạn là người có thu nhập thấp, nếu chịu khó tìm hiểu, vẫn có thể tìm được những chỗ ăn hợp với túi tiền mà ai cũng chấp nhận được. Ngược lại, mọi món ăn ngon nhất, đắt nhất, ở khắp nơi trên mọi miền đất nước, đều có mặt ở Sài Gòn. Hầu như các món ăn ở các nơi du nhập vào Sài Gòn đều được điều chỉnh khẩu vị cho phù hợp với cư dân nơi này.

Có một nét đặc thù của Sài Gòn, nên nói ra để làm kết luận. Đó là, hầu hết mọi người đến sống và làm việc ở Sài Gòn vài năm đều cảm thấy mình như người dân của thành phố này. ♦

TỔNG QUANG ANH - ĐÔNG XUÂN
(12/4/2015)

ĐỘC GIẢ GÓP Ý:

*** HAI :**

Bắt được tên trộm đang tháo bánh xe hơi của mình, chủ xe kêu nó lắp trở lại, cho nó ít tiền và để nó đi. Người chủ xe đó là chú tôi. Chuyện này xảy ra cách nay 50 năm trên đường Hàm Nghi, Sài Gòn.

Tính cách của người Sài Gòn là vậy đó.

*** HOÀNG HÀ :**

Tôi là dân nhập cư, tới Sài Gòn khi còn là cô bé vừa tốt nghiệp đại học từ năm 1992. Vào Sài Gòn, nhận được sự giúp đỡ từ các tấm lòng ấm áp, giản dị, không một yêu cầu đền đáp, tôi cũng chưa một lần trả ơn được họ, nhưng học từ tấm lòng yêu thương, rộng lượng của họ, tôi cũng đã làm như vậy với mọi người quanh tôi.

Tôi yêu Sài Gòn, yêu người dân ở đây vô cùng!

Nguồn: <http://www.thesaigontimes.vn/128758/Tinh-cach-Sai-Gon.html>

Ghi thêm: Đi Tới chọn ảnh trên Internet.

KIẾM SỐNG ĐƯỢC Ở SÀI GÒN_____

LÀ NGƯỜI SÀI GÒN RỒI_____

Tân Tiên Dũng_____

Hơn 30 năm qua, những ai công tâm sẽ nhìn thấy những dòng người không thể thống kê hết từ miền Bắc vào Sài Gòn để mưu cầu cuộc sống tốt hơn, qua từng cá nhân, họ hàng, thôn làng vào Sài Gòn, vào miền Nam rồi về thăm quê đã đưa về, đã truyền bá lối sống văn minh, vật chất và tinh thần Sài Gòn.

□
Khi có ý đi tìm người Sài Gòn, không hiểu sao chưa ra khỏi nhà, tôi đã biết có đi phỏng vấn đến Tết Congo cũng không người nào tự nhận mình là người Sài Gòn gốc ba đời hoặc mấy chục đời cả. Chắc rằng mọi người sẽ hỏi lại tôi: “Sao hỏi chi cái chuyện tào lao, tầm phào hết sức vầy cha nội, kiếm sống được ở Sài Gòn, là người Sài Gòn rồi?”. Thật ra trên khắp thế giới, phần căn cước của một người ít ai phân biệt dân tỉnh lẻ hay dân thủ đô và đó là văn minh căn bản nhất. Riêng ở Việt Nam thì khác. Việc phân biệt dân thủ đô, dân thành phố lớn hay dân tỉnh lẻ, nông thôn, dân kinh tế mới... là chuyện căn bản. Ai cũng biết sự phân biệt đối xử của chế độ hộ khẩu là khắc nghiệt, vắn nạn đó lâu ngày tạo nên cả một gói “tự hào” về địa vị chính trị, kinh tế, văn hóa... dành cho dân có hộ khẩu thủ đô, thành phố trước phần dân cư còn lại của cả nước.

Khi nền kinh tế mở cửa, dù chế độ hộ khẩu vẫn không thay đổi nhưng những yếu tố kinh tế thị trường đã phá vỡ toàn bộ những công dụng chuyên chế của chế độ hộ khẩu. Theo nhu cầu mưu sinh và nhân lực của kinh tế thị trường, dân tỉnh lẻ, nông thôn tràn về đô thị bất chấp chuyện họ sống đời không hộ khẩu hoặc chỉ có cái gọi là chứng nhận tạm trú. Theo thời gian, “đội quân” nhập cư tăng theo cấp số nhân và cả người nhập cư thành đạt, người kiếm sống qua ngày trở thành

nguồn dân số bá chủ. Chính nguồn dân số và chất lượng dân số bùng nổ này đã dồn những ai tự huyền hoặc cho mình dân thủ đô gốc, dân thành phố cổ cự vào hội chứng yếu đề kháng, trở thành những kẻ thất bại. Nếu ai còn tự cho mình là dân Hà Nội gốc, thật ra đó là lối nghĩ của dân được bảo hộ bởi chế độ hộ khẩu. Họ có thể trưng ra lý do là ông bà, cha mẹ sống ở Hà Nội và họ thừa kế cái gốc người Hà Nội. Cơ sở lý lẽ này là không minh bạch vì trong lịch sử cận đại Việt Nam, theo tìm hiểu, thời Hà Nội cổ, không có chuyện độc đoán, hoành trôn mực đỏ dân Hà Nội điểm tối ưu và phần dân còn lại chỉ có điểm trung bình kém.

Người Hà Nội trước đây đủ khỏe mạnh, tinh thần và trí thức để rộng tay đón nhận tất cả các nguồn dân cư như đón nhận dòng máu mới, cũng như đủ ứng xử văn minh để biết rằng cục đoman địa phương là ngớ ngẩn. Chuyện dân thủ đô được tôn trọng kính nể, đó là do phẩm chất người, chất lượng từ những công việc phục vụ cộng đồng, quốc gia và được cộng đồng xác nhận trong chuẩn giá trị văn hóa chung, chứ không phải một dạng đặc quyền, đặc lợi.

Người Hà Nội đủ văn hóa để nhìn thấu rằng hiện trạng hư hỏng của xã hội có nguyên nhân. Cả dân tộc, không phân biệt bất kỳ ai, vùng miền nào đều phải gánh chịu hiện trạng hư hỏng tệ hại này. Một giáo sư sinh ra ở Hà Nội di cư vào Nam muốn giấu tên đã nói thật với chúng tôi rằng: **"Chỉ thời đại này mới có kiểu tự tôn bệnh hoạn địa phương thượng đẳng"**.

Đối với mọi người Việt, tính cả dân thủ đô, Sài Gòn là vùng đất hứa, là một kiểu giấc mơ Mỹ của người Việt Nam.

Mỗi tháng tôi đều đến một tiệm hớt tóc của một ông chủ trẻ trên đường Hồ Bá Kiện. Tuổi chưa đến bốn mươi, anh có tổng cộng ba tiệm hớt tóc. Lần này anh mời tôi hớt tóc, lấy ráy tai ở một tiệm mới khai trương. Cô gái lấy ráy tai cho tôi nói: ‘Ông vài bữa nữa là sắm thêm xe hơi’. Tôi hỏi thẳng ông chủ tiệm là anh có mấy chiếc xe hơi rồi, anh chàng nói giọng miền Nam lơ lớ: “Tính mua thêm một chiếc nữa là bốn. Xe tôi mua cho cơ quan, công ty thuê, hợp đồng tính theo năm”.

Rồi anh kể: Năm 1980, anh từ Huế vào Sài Gòn làm phụ hồ, khổ “trơ xương”, ba năm không biết mùi bún bò, mì Quảng là gì”. Tôi hỏi anh: “Anh thấy người Sài Gòn thế nào?”. Mặt anh ngạc nhiên như người từ sao hỏa xuống: “Rứa, lúc mới vào tôi cũng có nghĩ người trong này ăn ngon, chơi bạo khác người quê tôi nhưng ở vài tháng là tôi thấy chỉ người có tiền là khác”. Cái anh chàng chủ tiệm hớt tóc này cũng như hàng triệu người từ nhiều thế hệ đã nhìn thấy Sài Gòn là một nơi kiếm sống, kiếm tiền, làm giàu. Đối với mọi người Việt, tính cả dân thủ đô, Sài Gòn là vùng đất hứa, là một kiểu giấc mơ Mỹ của người Việt Nam.

Một trí thức người Bắc di cư kết luận: “Sài Gòn là đất Phật”. Nhiều người bạn ông bàn thêm: “Giá trị rõ nhất của đất Phật, trước tiên, đây là nơi chốn bình yên, bình yên cả trong chiến tranh, thiên tai và những vắn nạn đáng sợ khác có nguyên nhân từ con người. Sài Gòn không có chuyện phân biệt đối xử vùng miền, văn hóa và chủng tộc...”.

Nhà báo TG. có lần nói: “Chỉ cần vô Sài Gòn, có một cái bơm xe, ngồi ở vỉa hè Sài Gòn cũng sống được, cũng thoát khổ mà tính chuyện khởi nghiệp”. Mỗi người, trong hàng triệu người từ nhiều thế hệ đều có riêng cho mình những kỷ niệm sâu sắc về sự rộng lòng của đất và người Sài Gòn. Có người còn nói nửa đùa nửa thật rằng: “Nếu ai có chí, dám đứng lên lười cho người ta dán tem ở bưu điện thành phố, chắc chắn không thiếu khách hàng”. Tuy nhiên, Sài Gòn cũng có bất công. Điều bất công này không phải do Sài Gòn gây ra mà chính là do không ít người đến với

Sài Gòn gây ra. Có thể thông cảm hiện trạng lúc nào họ cũng thương nhớ, ca ngợi nguyên quán xuất thân của họ. Và Sài Gòn cũng dễ quên, không chấp khi có những người nhập cư thành đạt, nên cơ nghiệp, chỉ nhận họ là người thành phố này, tỉnh nọ. Sài Gòn không hề chỉ là Sài Gòn của nơi kiếm tiền, chỉ là một nơi tạm trú bởi đa phần người nhập cư đã hoặc sẽ có khoảng đời sống ở thành phố này dài hơn so với lúc họ sống ở nguyên quán sinh ra. Hãy đến các nghĩa trang, các chùa có đề cốt mà xem, hàng triệu người tứ xứ thuộc nhiều dân tộc, nhiều thế hệ đã chọn gởi lại cho Sài Gòn nắm xương tàn.

Một cô bạn của chúng tôi sinh ra ở một nhà bảo sanh trên đường Gò Công, quận 6, có ông bà nội là người Hoa Minh Hương, ông bà ngoại là dân sinh ra ở bến Mễ Cốc, quận 8. Cô nói: “*Nếu muốn biết ai là người Sài Gòn thì chỉ cần nhìn cách họ đón tiếp, đối xử với bà con cô bác ở quê lên thăm hoặc lên kiếm việc làm. Bà ngoại tôi mỗi lần gặp bà con là mừng lắm, tấm lòng của người tha hương mà. Ai cũng có họ hàng đây mơ về má, chớ có phải ở đất nê chui lên đâu*”.

Theo một ông già chạy xe ôm ở quận Tân Bình, “đất Sài Gòn trước tiên là đất của những tay hảo hớn, bởi chỉ có những người mạnh mẽ từ tâm hồn đến thể xác mới quyết định bỏ xứ ra đi đến đất mới, cũng chính họ mở đường cho con cháu mưu cầu sự sống mới và tự do. Tánh hảo hớn và phóng khoáng là máu huyết căn cơ của người Sài Gòn”.

Ở góc đường Cao Thắng và Phan Thanh Giản cũ (nay là Điện Biên Phủ) có một cái miếu lớn gọi là Thành Hoàng Bổn Cảnh. Nơi đây hàng ngày hàng đêm vẫn nghi ngút hương khói tưởng nhớ những vong linh của tướng quân Lê Văn Khôi (con nuôi Tả quân Lê Văn Duyệt) và các nghĩa binh bị xử chém, vùi xác ở quanh khu Kỳ Hòa, thành Gia Định dưới thời vua Minh Mạng. Một nhà nghiên cứu lịch sử miền Nam có lần nói với tôi: “*Không rõ lắm những nghĩa quân này có phải là người Sài Gòn không nhưng tôi tin chắc khi họ chết, họ là người Sài Gòn*”.

Chính từ những cách nhìn kỳ thị kiểu này đã xác lập một thứ ranh giới mà ở đó, người ta tự cho Hà Nội như mình đây là tốt đẹp, phần còn lại là tệ hại vì không phải là Hà Nội. Có gì đáng buồn cười và xấu hổ cho bằng kiểu kỳ thị **“địa phương thượng đẳng”** đó. Và chính đó mới là mầm mống, là nguyên nhân của vô số vấn nạn xã hội.

Gia đình bên ngoại tôi có một người anh họ, anh tên là Ba V. Sài Gòn với anh là một thiên đường tại thế, có lần anh nói với tôi: “Tao phục mày quá, sống được ở Sài Gòn”. Lời anh đơn giản nhưng chí lý, người Sài Gòn thời nào cũng rất bảnh trong cách nhìn của người địa phương khác. Có người sẽ phản bác tôi rằng: “Người Sài Gòn ngày nay không còn sang trọng nữa”. Nhưng trường hợp gia đình anh họ tôi thì lại đồng ý với tôi. Sau 1975 cả bảy đứa con của anh họ tôi đều không đủ ăn đến xanh mặt. Khi Sài Gòn vào thời kinh tế thị trường, cả năm đứa con trai, con gái của anh đều trở thành người Sài Gòn, anh chỉ giữ lại được đứa con gái và đứa con trai út làm người Gò Công cấy cấy trên nửa mẫu ruộng hương hỏa. Điều đáng nói là những người con Sài Gòn của anh, dù chỉ làm thợ hồ và nấu bếp ở Sài Gòn nhưng đã đem lại một cuộc cách mạng kinh tế, lối sống văn minh cho cả gia đình anh. Chất nông dân cổ cựu của anh không còn như trước, ở anh ngày càng rõ ra cái chất thị dân Sài Gòn do con anh truyền bá.

Tôi có dịp nói chuyện với cô gái người Hà Nội, cô vào Sài Gòn làm nghề báo. Tôi không biết cô có phải là người Hà Nội gốc hay không, cô nói: *“Khi vắng cái dân thiếu văn minh ngoài đấy, em có Sài Gòn để chứng minh là trong này người ta không ai làm việc xấu hổ thế”*. Tất nhiên, không có vùng rộng của lối sống văn minh nào lại không có mặt tệ nạn nhưng cộng đồng thị dân Sài Gòn không có kiểu hí hờn cả tập thể hòa nhau hái hoa Anh Đào của Nhật Bản triển lãm về làm của riêng, cũng không có những vấn nạn không thể tưởng tượng được như chiếm thang máy chung cư, cho thang máy chạy lên chạy xuống liên tục để đỗ con và đút cơm cho con mình ăn ngon miệng.

Không có cái kiểu nghĩ và hành xử như một cô ca sĩ trẻ mà tôi quen. Cô này từ Hà Nội vào Sài Gòn tìm cơ hội thành “sao”. Trong thời điểm Hà Đông có quyết định sáp nhập vào Hà Nội, cô luôn miệng tục tằn, gay gắt với những người “đời đời kiếp kiếp” cô không nhận là người Hà Nội dù hàng ngày đang cùng thờ, cùng sống ở không gian Hà Nội mở rộng với cô. Chính từ những cách nhìn kỳ thị kiểu này đã xác lập một thứ ranh giới mà ở đó, người ta tự cho Hà Nội như mình đây là tốt đẹp, phần còn lại là tệ hại vì không phải là Hà Nội. Có gì đáng buồn cười và xấu hổ cho bằng kiểu kỳ thị **“địa phương thượng đẳng”** đó. Và chính đó mới là mầm mống, là nguyên nhân của vô số vấn nạn xã hội.

Vấn đề không phải Sài Gòn không có người nhập cư quê mùa, kém cỏi nhưng cái chính là văn minh Sài Gòn đủ mạnh để hướng mọi người đến phẩm chất tôn trọng lợi ích cộng đồng và tự trọng trong lối sống cá nhân. Hơn 30 năm qua, những ai công tâm sẽ nhìn thấy những dòng người không thể thống kê hết từ miền Bắc vào Sài Gòn để mưu cầu cuộc sống tốt hơn, qua từng cá nhân, họ hàng, thôn làng vào Sài Gòn, vào miền Nam rồi về thăm quê đã đưa về, đã truyền bá lối sống văn minh, vật chất và tinh thần Sài Gòn.

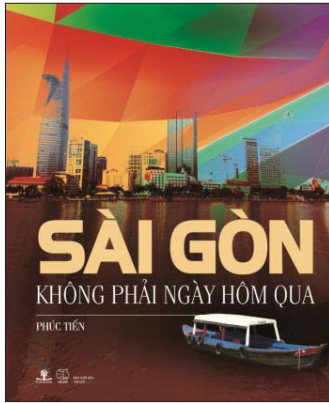
Bạn tôi – nhà thơ, là một người Hà Nội sang trọng, anh vào và chọn Sài Gòn để sống, cũng có thể coi anh là người tị nạn văn hóa ở Sài Gòn. Anh có những kỷ niệm vui buồn sâu sắc dành cho Hà Nội nên mỗi lần về quê trở vào là anh nói: **“Mình đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất là thấy nhẹ người”**. ♦

TRẦN TIẾN DŨNG (17.02.2012)

Nguồn:

<https://ngoisao.net/buon-chuyen/kiem-song-duoc-o-sai-gon-la-nguoi-sai-gon-roi-2616970.html>

Ghi thêm: Đi Tới nhẩn mạnh & ghi chữ đậm.



ôi mắt bao dung muôn thuở của

S A I G Ò N

□ Kim Yên



BizLIVE - 16 năm làm báo, 16 năm làm doanh nhân trong vai trò “người đưa đò”, để góp phần bổ sung giáo dục, đồng thời cũng gắn bó máu thịt với Sài Gòn, mảnh đất thấm

sức sống, Trần Hữu Phúc Tiến, Giám đốc công ty Tư vấn Du học Hợp Điểm vừa cho ra mắt tập sách “SÀI GÒN KHÔNG PHẢI NGÀY HÔM QUA”.



Anh viết về Sài Gòn không chỉ vì tình cảm hoài cổ mà còn vì nỗi đau của những ngày lợ lem, hoen ố. Một Sài Gòn không cam chịu số phận ga xép, không bó tay hay lười biếng trước tương lai...

Anh thuộc thế hệ đầu 6X, chưa hẳn già cũng không còn trẻ nữa, anh viết về Sài Gòn để làm gì?

Quyển sách của tôi không phải là sách biên khảo lịch sử mà là tập hợp những bài báo đã viết từ hơn 25 năm trước cho đến gần đây. Một loại ký sự, những câu chuyện về Sài Gòn, nơi mình sinh ra, lớn lên, có những hiểu biết một ít về nó, có may mắn đi một số nước, để so sánh, suy nghĩ và chia sẻ lại.

Thực ra đến tuổi này mình không chỉ quan tâm về Sài Gòn. Những người qua tuổi 50 như mình, nhìn lại cuộc đời, hẳn nhiên trước nhất đều thấy chôn què nhà... Những anh chị nhà báo, nhà văn viết về Sài Gòn gần đây như Phạm Công Luận đã cho tôi một niềm cộng hưởng lớn lao, một lời động viên hãy cùng góp nhặt những điều mình khám phá về thành phố này.

Cái ý định làm sách càng day dứt hơn từ lúc sự kiện thương xá TAX bị đe dọa phá bỏ. Hóa ra, ở thành phố của mình có nhiều thứ đang mất đi, hoặc có nguy cơ bị biến mất, hoặc biến dạng nhanh quá: Công viên Chi Lăng, tượng Trần Nguyên Hân, giao lộ Nguyễn Huệ - Lê Lợi, Ba Son và không gian

đọc sông Sài Gòn, vườn Tao Đàn... Thoạt đầu, chỉ thấy mất kiến trúc, mất cảnh quan xưa đẹp, dần dần lại nhận ra, kéo theo đó là sự mất mát về văn hóa.

Những mất mát vật thể kéo theo mất mát phi vật thể, cứ đến ào ạt và những người yêu Sài Gòn đều thấy bức xúc, đều phải phản ứng bằng một cách nào đó rất tự nhiên.

Với tôi, cái phản ứng đó là ghi chép và chụp ảnh, là tìm hiểu và viết, kể cả so sánh kinh nghiệm ở Hà Nội và các nước. Tôi viết để mong xã hội không chỉ đồng thuận lời cảnh báo mà còn chung tay tìm ra giải pháp thích hợp để gìn giữ di sản Sài Gòn.

Những bài viết của tôi về Sài Gòn đã từng đăng trên Tuổi Trẻ, Người đô thị, Thời báo Kinh tế Sài Gòn... Có lúc đề tài khó đăng báo thì mình post lên Facebook. Tôi muốn viết về một Sài Gòn xuyên thời gian, xuyên không gian và chia sẻ cho nhiều thế hệ, đặc biệt những người trẻ. Những thế hệ vẫn đang khắc khoải đặt câu hỏi về quá khứ huy hoàng của một đô thị, về những được mất trong nhiều năm tháng và ngay cả tương lai.

Thời làm ở báo Tuổi trẻ 20 năm trước, anh đã đưa ra lời cảnh báo "dừng nhân danh hiện đại hóa mà đánh mất bản sắc và linh hồn"?

Đó không phải là cảnh báo của tôi mà là cảnh báo của nhiều người. Tôi học được lời cảnh báo đó từ chính một bạn trẻ nước ngoài. Năm 1995, tôi nhận được lá thư ngỏ của anh Philippe Peycam, nghiên cứu sinh Tiến sĩ lịch sử, người Pháp gửi cho kiến trúc sư trưởng TP HCM. Anh Philippe đề nghị giữ lại một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Sài Gòn, đừng xây những cao ốc chọc trời ở trục đường Lê Duẩn - Đồng Khởi- Nguyễn Huệ mà anh gọi đó là trục linh hồn của Sài Gòn.

Sau khi được trực tiếp trao đổi với Philippe, báo Tuổi Trẻ chúng tôi đã đăng lá thư ngỏ của anh trên chuyên mục *Câu chuyện chiều thứ Bảy*. Bây giờ đọc lại, tôi thấy những điều Philippe nói vẫn còn nguyên giá trị. Nó không phải là câu chuyện của ngày hôm qua!

Mất mát di sản không chỉ là góc đường, cái nhà cụ thể mà còn mất đi sự nâng niu với giá trị văn hóa. Mất mát lớn hơn nữa là rất nhiều người giỏi bị đối xử bất công nên đã ra đi. Tuy nhiên, giờ đây khi nghĩ về những mất mát đó, tôi cho rằng **cần nhìn bằng đôi mắt bao dung muôn thuở của Sài Gòn**. Đau buồn, rung rung nhưng đừng để hận thù xóa đi những hy vọng kiến tạo lại tương lai!

Cũng tương tự như thế, trong sách tôi có bài về vụ cháy thảm khốc thương xá ITC (còn gọi là Intershop) vào năm 2002. Tai họa nhắc chúng ta phải nhớ chuyện hỏa hoạn ở một đô thị lớn vẫn đang tiếp tục là vấn đề khẩn thiết không riêng cho Sài Gòn.

Trong cuốn sách này, Chương 5 “Sài Gòn, mẹ và tôi” là phần viết mới, những ký ức rung rung cảm động về tính cách Sài Gòn thấm đẫm trong mỗi phận người?

Mẹ tôi năm nay 88 tuổi, gần đất xa trời. Khi tôi viết về Sài Gòn của mọi người, tôi nhận ra mình còn có Sài Gòn của mẹ mình. Phải viết về Sài Gòn của mẹ, Sài Gòn của con, sự cư mang, nuôi dưỡng của bao nhiêu người dành cho mình trước và sau 1975. Viết về 15 năm bươn chải thời bao cấp, về những câu chuyện cần thiết phải kể lại qua con mắt một người dân. Gia đình tôi có nỗi buồn nhưng nhiều gia đình khác và cả Sài Gòn còn những nỗi đau buồn lớn hơn... Sài Gòn không chỉ chịu đựng những nỗi khổ do chiến tranh mà còn phải chỗi dậy, chống đỡ với đói nghèo và quản lý thiên cặn...

Sau 1975, Sài Gòn từ một cô tiên bỗng hóa “lọ lem” và rồi giờ đây trở lại lộng lẫy... Tôi viết chương 5 không chỉ là dòng hồi ức hoài cảm vui buồn mà còn là suy ngẫm lại quá khứ để nhìn nhận rõ hơn giá trị của hiện tại và tương lai.

Nhìn lại lịch sử, câu chuyện về “Hòn ngọc Viễn Đông” có đúng như vậy không? Làm thế nào để Sài Gòn có thể trở lại với danh phận của mình?

Sài Gòn là cái tên quốc tế từ rất sớm, không phải là nơi bẽ quan tòa cảng. Dòng sông Sài Gòn kết nối với cả vùng đồng bằng sông Cửu Long và thế giới, kết nối từ con đường xuất khẩu gạo và mua bán cho cả nước... Nếu so sánh Sài Gòn và Singapore sẽ thấy nhiều điều rất thú vị. Đầu thế kỷ 20, Sài Gòn và Singapore phát triển ngang bằng nhau vì cả hai đều có nhân lực phong phú, vị trí địa lý và khí hậu thuận lợi. Song điều quan trọng hơn cả là có một cơ chế quản trị phóng khoáng, tự do. Trong khi Singapore phát triển nhanh mạnh thì Sài Gòn cũng phát triển tương đồng, trở thành những thành phố tên tuổi của châu Á.

Người phương Tây tự hào gọi những thành phố tân tiến xuất hiện dọc bờ biển của vùng Đông Á như Tokyo, Thượng Hải, Hong Kong, Sài Gòn, Singapore, Penang... là một chuỗi ngọc trai. Trong đó, người Pháp tự hào đã đóng góp và làm nên Sài Gòn – một “Hòn ngọc Viễn Đông” trong chuỗi ngọc trai ấy. Rất tiếc, chiến tranh thế giới thứ Hai và sau đó là chiến tranh Việt Nam và rồi những năm tháng mệt mỏi trong yếu kém và cô lập đã làm “hòn ngọc Sài Gòn” lu mờ. Để trở lại là “Hòn ngọc Viễn Đông”, theo tôi giờ đây đã có nhiều tiêu chí mới. Thành phố này không thể chỉ nhộn nhịp làm ăn, nhà cửa kiến trúc tân kỳ hiện đại. Nó đồng thời còn phải thể hiện trình độ văn minh ngay từ việc chăm sóc con người và môi trường sống, chất lượng sống. Nên nhớ, Sài Gòn chỉ chính thức bắt đầu được xây dựng làm một đô thị hiện đại theo kiểu châu Âu từ năm 1865, khi chính quyền Pháp ra quyết định công nhận đây là “Ville de Saigon”. Nghĩa là chỉ mới hơn 150 năm, vẫn còn đầy sức trẻ và một vốn kinh nghiệm quý báu, hiếm có.

Nói thêm về lịch sử, năm 1790, kinh thành Gia Định được xây dựng với sự tham gia của các chuyên gia Pháp. Chính Nguyễn Ánh đã nhờ chuyên gia Pháp không chỉ thiết kế thành quách mà còn đưa ra một quy hoạch xây dựng Sài Gòn như một thành phố Pháp với những đường phố thẳng hàng-đứng kiểu Napoleon. Tiếc thay, cái kế hoạch hợp tác Á-Âu đó đã bị bỏ dở. Năm 1802, sau khi chiến thắng Tây Sơn, nhà Nguyễn đã dời kinh thành từ Gia Định ra Huế. Nếu lúc ấy nhà Nguyễn vẫn lấy Sài Gòn- một thành phố thông ra biển làm kinh đô (như người Nhật đã làm khi dời đô từ Kyoto sang Tokyo) thì hẳn lịch sử Việt Nam đã khác. Chúng ta có thể đã có một cuộc “Minh trị Duy Tân” từ hơn 200 năm trước. Đó cũng là một bài học lịch sử!

Anh nghĩ gì về việc TP.HCM kiến nghị cơ chế đặc thù?

Cơ chế đặc thù là một câu hỏi lớn. Ở một quốc gia có đến 63 tỉnh thành thì việc quản lý đất nước như thế nào để không bị xé lẻ, đồng thời vẫn không đầu tư cào bằng là một vấn đề khó. Vua chúa Việt Nam cũng chỉ mới bắt đầu quản lý một đất nước dài và phân chia nhiều tỉnh thành từ đầu thế kỷ 19.

Người Pháp vào áp dụng thể chế liên bang, quản trị ba miền có điểm này điểm kia khác biệt nhưng đều dựa trên một quyền lực chính trị thống nhất và nhất là một nền kinh tế thị trường cùng một luật chơi. Thời ấy, Hà Nội và Sài Gòn có nhiều quyền hạn rộng rãi hơn so với các địa phương khác. Sau đấy, chiến tranh liên tục và thể chế phi thị trường đã làm xộc xệch và biến dạng nhiều mô hình và thành tựu quản lý hiệu quả. Đến bây giờ, nước ngoài vẫn còn đặt câu hỏi Việt Nam đã thực thi hết và thực thi đúng chính sách kinh tế thị trường chưa? Vẫn còn một số nước ngần ngại chưa công nhận Việt Nam đã là một nước có kinh tế thị trường đầy đủ. Theo tôi thực thi hết kinh tế thị trường, thì ở nước nào cũng vậy sẽ thấy vị trí và vai trò của những “đầu tàu kinh tế” và phải có chính sách riêng để tạo ra và thúc đẩy chúng. Trường hợp Nhật, đó là vai trò của “vùng đô thị Tokyo” không phải là một thành phố đơn lẻ mà bao gồm 23 khu đặc biệt và 26 tiểu thành phố, có một số quy định quản trị riêng biệt. Hay như Thượng Hải của Trung Quốc, LA và bang California của Mỹ, những “đầu tàu kinh tế” phải có đường ray riêng, đầu máy “xịn”, tài xế giỏi và dĩ nhiên phải có đóng góp lớn cho quốc gia.

Nhìn lại những được mất của Sài Gòn qua lịch sử, nỗi mất nào khiến anh đau xót nhất?

Đối với tôi, mất mát lớn nhất là văn hóa, giáo dục. Gần đây, tôi có sở thích là sưu tầm sách giáo khoa xưa nhiều nước để vừa nhớ lại tuổi thơ, vừa muốn so sánh các hệ thống giáo dục. Tôi qua Singapore thấy 10 năm trở lại đây, Bộ giáo dục không làm sách giáo khoa nữa mà cho các tác giả và nhà xuất bản được tự do làm sách giáo khoa. Thậm chí, ở trung học, thầy cô đều có thể dạy học sinh bằng giáo trình riêng của mình, không cần đến sách giáo khoa nào hết. Lại quá, những điều như vậy đã thấy có ở Việt Nam từ thời Pháp thuộc. Thời tôi học tiểu học và trung học ở Sài Gòn cũng thế. Vậy mà sau 1975, sách giáo khoa ở ta lại đi giật lùi. Chưa kể nội dung sách giáo khoa đều có nhiều điều rất “ngộ nghĩnh”. Chẳng hạn, sách giáo khoa dạy tiếng Anh trong nhà trường nhiều năm nay, biên soạn bởi tác giả trong nước, chỉ đề cập phần lớn đến sinh hoạt diễn ra ở...Việt Nam.

Ngoài việc học ngữ pháp và giao tiếp, sách giáo khoa tiếng Anh ở các lớp cuối rất ít đưa vào văn chương Anh Mỹ. Trong khi ấy, ở miền Nam trước đây, học sinh làm quen với tiếng Anh, tiếng Pháp hay tiếng Đức đều được học thẳng bằng sách do người bản ngữ biên soạn (chẳng hạn bộ English for today). Đến năm lớp 11, lớp 12, học sinh đã bắt đầu đọc nhiều, biết nhiều về văn chương của các nước sử dụng ngoại ngữ ấy. Cái tinh thần và nội dung học hỏi đó, bây giờ chúng ta gọi là “hội nhập”, là “toàn cầu hóa” thì xa xưa, điều đó đã bắt đầu có từ những trang sách.

Các lĩnh vực khác của giáo dục và sách giáo khoa như Văn, Sử, Địa, Giáo dục công dân, Đạo đức ... đều có những chuyện buồn tương tự. Không được học tốt, học đầy đủ về khoa học xã hội và nhân văn thì làm sao học sinh có thể đi xa và đến với nhiều chân trời mới, nuôi dưỡng hoài bão và lòng nhân ái?

Những mất mát không nhỏ là nề nếp của một đô thị văn minh được tạo dựng qua hơn một thế kỷ bỗng bị đảo lộn. Ngay tháng 5 năm 1975, tôi đau lòng trông thấy cảnh người ta “tùng xẻo” lột vỏ cây của những hàng cây trên đường Duy Tân, gần Hồ Con Rùa để làm củi đun. Giao thông thành phố trở nên xô bồ, đèn xanh đèn đỏ đều trở nên vô tri. Nhà nước tốn tiền làm cầu, làm đường hầm nhưng lại không đầu tư để làm đẹp những tiện nghi giao thông công cộng. Mất mát di sản không chỉ là góc đường, cái nhà cụ thể mà còn mất đi sự nâng niu với giá trị văn hóa. Mất mát lớn hơn nữa là rất nhiều người giỏi bị đối xử bất công nên đã ra đi.

Tuy nhiên, giờ đây khi nghĩ về những mất mát đó, tôi cho rằng cần nhìn bằng đôi mắt bao dung muôn thuở của Sài Gòn. Đau buồn, rung rung nhưng đừng để hận thù xóa đi những hy vọng kiến tạo lại tương lai!

Bằng quyển sách này, anh có muốn làm nhà “Sài Gòn học”?

Không, tôi chỉ xin tiếp tục “học Sài Gòn”! Tôi luôn coi Sài Gòn là một đối tượng để mình học. Tôi chưa dám, chưa đủ sức để trở thành nhà Sài Gòn học, và lại cuộc sống còn nhiều việc khác phải lo toan, phải kiếm sống. Nhớ lại cũng là một cách để học Sài Gòn. Đọc lại nhiều tư liệu, trò chuyện với hai bác sĩ trẻ ngồi đó tha thiết ngắm nhìn thương xá TAX... tôi thấy mình học được nhiều điều chưa biết về Sài Gòn. Học những câu chuyện về lịch sử và con người như là ông nhà giáo dám quay phim đám tang Trần Văn Ôn, ông tướng Dương Văn Minh dám đầu hàng để Sài Gòn không bị bom đạn tan hoang. Học Sài Gòn không chỉ là những vấn đề trong quá khứ mà còn là những vấn đề thời sự và tương lai.

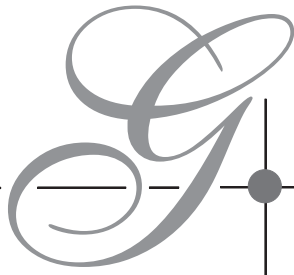
Cứ ngắm xem chúng ta đang nói đến thảm họa môi trường Formosa. Thảm họa này đâu chỉ diễn ra ở Hà Tĩnh. Ở bất cứ nơi nào trên cả nước, nếu buông bỏ kỷ cương, nhắm mắt vì lợi ích nhóm thì những khu công nghiệp, những công trình xây dựng lớn nhỏ đều ngầm chứa những quả bom thảm họa. Nói và viết về những điều đó không phải để làm cho vết đau tấy lên, mà đừng để Sài Gòn rơi vào những tai ương trong quá trình phát triển kế tiếp.

Xin cảm ơn anh! ♦

KIM YẾN (19/08/2016)

Nguồn: <http://bizlive.vn/nhan-vat/sai-gon-khong-phai-ngay-hom-qua-doi-mat-bao-dung-muon-thuo-cua-sai-gon-1892498.html>

Ghi thêm: Đi Tới nhấn mạnh & ghi chữ đậm.



Giá trị văn hóa Sài Gòn

KHÔNG BAO GIỜ ‘THẤT THỦ’

□ An Nam

Người Sài Gòn, miền Nam cho đến hôm nay vẫn rất rạch ròi, họ buộc chấp nhận dùng tên TP.HCM cho thủ tục hành chính và vẫn gọi Sài Gòn một cách tự nhiên như một địa danh phổ quát, bao hàm ý nghĩa văn hóa, lịch sử. Sài Gòn, tên gọi đó không mất đi trong lời ăn tiếng nói, văn chương báo chí chính thức, đến mức, có những thời điểm, **trong cơn sôi máu hồng vệ binh** của những nhà kiểm duyệt, đã từng xuất hiện các lệnh cấm dùng từ “Sài Gòn.”

(...) Tên Sài Gòn xuất hiện ngày một dày hơn trên các bìa sách, bằng cách này, cách khác. Các nhà làm sách cũng hiểu rằng, thực tế thị trường cho thấy nếu đặt hai chữ “Sài Gòn” vào một nhan đề sách, hẳn nhiên sẽ được độc giả thích tiếp nhận tốt hơn là gọi địa danh hành chính “TP.HCM.” Bởi ở đây, đơn giản Sài Gòn không còn là một danh từ đơn thuần, mà hàm nghĩa phẩm cách và giá trị.

SÀI GÒN (NV) – Sau 30 Tháng Tư, 1975 bằng việc áp đặt ý thức hệ cộng sản thông qua hệ thống “quản lý văn hóa” của nhà cầm quyền, văn hóa Sài Gòn nói riêng và miền Nam Việt Nam nói chung, bị xóa bỏ bằng nhiều cách tàn bạo khác nhau. Từ đốt phá những tàng thư, nghiêm cấm lưu hành những sáng tạo giá trị cho đến ra quân bóc sức diễn dịch, quy chụp khối di sản này theo một hướng khác.

Nhưng liệu sức sống của văn hóa Sài Gòn có vì vậy mà bị thủ tiêu vĩnh viễn?

SÀI GÒN KHÔNG MẤT TÊN

Sử sách, giáo khoa cho đến những nghiên cứu của cả hệ thống cầm quyền đều dùng từ “giải phóng” để nói về sự kiện “30 Tháng Tư.” Tuy nhiên, có một điều thú vị, chính những người trong một số hội ức của những văn sĩ đồng thời là lính cộng sản miền Bắc gần đây đều thừa nhận rằng, họ ngỡ ngàng và choáng ngợp khi đi “giải phóng” cho một đô thị văn minh ngoài sức tưởng tượng.

Trong khi những kẻ cơ bắp đang vẩy cờ hân hoan và nghĩ ra các trò đập phá, thì cũng có những kẻ lặng lẽ đi tìm các kho sách, hăng băng đĩa, phòng trà, thư viện... để trong một thời gian ngắn ngủi, hiểu miền Nam là gì. Việc làm ấy mãi vài chục năm sau mới được tiết lộ cùng những tự vấn đại loại ‘có thực sự miền Nam thất thủ?’

Câu trả lời là không, khi đã có một độ lùi để nhìn về toàn cảnh sự kiện chính trị này một cách khách quan.

Trước hết, hãy nhìn về sự thay đổi về địa danh hành chính, thủ đô Sài Gòn trở thành “thành phố Hồ Chí Minh.” Bản chất sự thay đổi này, hẳn nhiên là nhằm đến mục đích tối hậu – xóa Sài Gòn khỏi tâm tưởng, ký ức cộng đồng và mối dây liên hệ với quá khứ (không chỉ là quá khứ của thời Việt Nam Cộng Hòa).

Việc làm duy ý chí này tưởng làm cho “Sài Gòn mất tên” (theo ca từ của nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn), đã cho thấy sự bất khả. Người Sài Gòn, miền Nam cho đến hôm nay vẫn rất rạch ròi, họ buộc chấp nhận dùng tên TP.HCM cho thủ tục hành chính và vẫn gọi Sài Gòn một cách tự nhiên như một địa danh phổ quát, bao hàm ý nghĩa văn hóa, lịch sử.

Sài Gòn, tên gọi đó không mất đi trong lời ăn tiếng nói, văn chương báo chí chính thức, đến mức, có những thời điểm, trong cơn sôi máu hồng vệ binh của những nhà kiểm duyệt, đã từng xuất hiện các lệnh cấm dùng từ “Sài Gòn.” Nhưng rồi sau đó đâu lại vào đấy. Mệnh lệnh hành chính tài thánh gì cấm cản được khi lời ăn tiếng nói được kiến tạo từ tư duy, tâm thức sâu xa trong dân.

Tên Sài Gòn xuất hiện ngày một dày hơn trên các bìa sách, bằng cách này, cách khác. Các nhà làm sách cũng hiểu rằng, thực tế thị trường cho thấy nếu đặt hai chữ “Sài Gòn” vào một nhan đề sách, hẳn nhiên sẽ được độc giả thích tiếp nhận tốt hơn là gọi địa danh hành chính “TP.HCM.” Bởi ở đây, đơn giản Sài Gòn không còn là một danh từ đơn thuần, mà hàm nghĩa phẩm cách và giá trị.

KHÔNG ĐƠN GIẢN NẪM TRÊN BÌA SÁCH

Nhưng vấn đề không chỉ dừng ở sự hiện diện của cái tên Sài Gòn trên những bìa sách. Vài năm gần đây, thị trường xuất bản Việt Nam chứng kiến sự sôi động trở lại của dòng sách viết về đô thị Sài Gòn trong quá khứ. Các tác giả: Nguyễn Đức Hiệp, Phạm Công Luận, Nguyễn Đình Đầu,... ít nhiều, theo những phương pháp riêng, có sự tiếp cận Sài Gòn với tham vọng chạm đến tầng sâu của đời sống, văn hóa đô thị này, phục hiện lại trên văn bản những điều từ lâu có thể không được chú ý, bị vùi lấp theo thời gian.

Còn biết bao cuộc kiếm tìm hình bóng quá vãng, dĩ vãng vàng son ản ản, nhiệt tâm, thâm lặng, xem như là những cách thể hàn gấm những gì có thể sau các đứt gãy tức tưởi mà lịch sử nghiệt ngã tạo ra trên số phận thăng trầm của một thành phố. Một mảng sách khác, đó là đời sống Sài Gòn đương đại kết nối trong tương quan với quá khứ, tìm kiếm cốt cách, phong vị Sài Gòn trong cuộc sống xô bồ đương đại cũng được nhiều tác giả trẻ hậu chiến như: Khải Đơn, Ubee Hoàng & Mạc Thụy, Đàm Hà Phú... quan tâm.

Những sách vở xuất bản trước 1975 tìm cách hợp thức hóa để công khai xuất hiện trở lại trên thị trường ở một tư thế bình đẳng, thậm chí áp đảo về giá trị so với những xuất bản phẩm mới, chính thống. Ngay trên con đường sách Nguyễn Văn Bình ở trung tâm Quận Nhứt, những hiệu sách cũ tự do bày bán trở lại sách Duyên Anh, Phạm Công Thiện, Nguyễn Mạnh Côn, Nghiêm Xuân Hồng, Vũ Khắc Khoan... với giá cao ngất ngưỡng.

Những cuốn sách thoát khỏi môi lửa của họa đốt sách một thời nay phục sinh với hình thái lộng lẫy. Có nhà sưu tập sách cũ, sách hiếm còn tổ chức photo những sách này bán với giá ngang với... sách mới. Sau đó, các nhà kinh doanh sách nhay bén với xu hướng tìm về văn hóa, giá trị miền Nam cũng tìm cách giới thiệu lại những tác phẩm một thời của Dương Nghiễm Mậu, Võ Phiến, Lê Tất Điều, Trần Thị NGH... với sự trân trọng đặc biệt, dù biết trước, đây là con đường hẹp và không tránh được những rủi ro từ phía kiểm duyệt.

... về sự thay đổi về địa danh hành chính, thủ đô Sài Gòn trở thành “thành phố Hồ Chí Minh.” **Bản chất sự thay đổi này, hẳn nhiên là nhằm đến mục đích tối hậu - Xóa Sài Gòn khỏi tâm tưởng, ký ức cộng đồng và mối dây liên hệ với quá khứ** (không chỉ là quá khứ của thời Việt Nam Cộng Hòa). Đâu đó còn dấu vết của sự tàn phá, băng hoại có bàn tay quyền thế chính trị nhúng vào làm méo mó những di sản, nhưng trong sâu xa, văn hóa thị dân Sài Gòn đủ mạnh để những điều tốt đẹp và chân giá trị sẽ không bao giờ ‘thất thủ.’

PHỤC HƯNG GIÁ TRỊ

Sài Gòn “phục hưng” không dừng lại ở sách vở. Giới mê phòng trà hẳn nhận ra sự trở lại của những phòng trà mô phỏng không gian Sài Gòn trước 1975, níu giữ cái lịch lãm trong sinh hoạt văn hóa đô thị một thời. Các nhạc phẩm của Lê Uyên Phương, Phạm Duy, Cung Tiến, Phạm Đình Chương, Lam Phương, Trầm Tử Thiêng... được trình diễn một cách tự do ở những tụ điểm này, không nhà quản lý văn hóa nào đủ ba đầu sáu tay để quản nổi.

Boléro được coi là dòng nhạc đặc sản trong sinh hoạt âm nhạc đại chúng miền Nam trước 1975 cũng sống lại một cách ngoạn mục trên các game show truyền hình của các đài truyền hình miền Nam ngày nay với một thể hệ ca sĩ mới, một tâm thức hát mới.



Phòng trà ca nhạc hiện nay mô phỏng không gian Sài Gòn trước 1975. (Hình: An Nam/Người Việt)

Ngoài ra, thú chơi tờ bướm nhạc trước 1975 gần đây rộ trở lại. Những tờ nhạc lưu dấu kỷ niệm của nhiều người, được chuyển tay và trải qua biết bao thăng trầm thế cuộc nay được nâng niu, được các nhà kinh doanh gọi... giá trên trời.

Các quán cà phê đậm màu hoài niệm có thể tự do mở, nghe những ca khúc mà có thể nhà cầm quyền chưa cho phép lưu hành, trình diễn. Không hề chi, sức mạnh của văn hóa nằm trong dân chúng như dòng nước mạnh, mạng lưới kiểm soát không tài nào chặn được.

Tuy nhiên, những điều trên chưa phản ánh hết được sức sống phục hưng của văn hóa Sài Gòn trong đời sống đương đại. Sức sống mạnh mẽ nhất có lẽ vẫn nằm ở trong tâm tính, lối sống tự nhiên của thị dân. Có một điều mà sự kiện chính trị và lối cai trị mới không sao can thiệp được, là một tâm thức Sài Gòn bao dung, hào sảng chi phối trong từng chuyện ăn, chuyện nói, chuyện xuất xứ ở đời.

Đâu đó còn dấu vết của sự tàn phá, băng hoại có bàn tay quyền thế chính trị nhúng vào làm méo mó những di sản, nhưng trong sâu xa, văn hóa thị dân Sài Gòn đủ mạnh để những điều tốt đẹp và chân giá trị sẽ không bao giờ ‘thất thủ.’ ♦

AN NAM

(April 27, 2017)

Nguồn: <http://www.nguoi-viet.com/viet-nam/gia-tri-van-hoa-sai-gon-khong-bao-gio-thu/>

Ghi thêm: Đi Tới nhấn mạnh & ghi chữ đậm



ột thoáng quê nhà

❑ NGUYỄN NHUNG

LTS: Tác giả, nhà văn, đã xuất bản:

- VIẾT GIỮA MÊNH MÔNG (2000);
 - CỎI VÔ CÙNG (2002);
 - TUYÊN TRUYỆN NGHUYỄN NHUNG (2002);
 - TRỜI VẪN CÒN XANH (2005);
- cộng tác Đi Tới năm 2000.



Đã hơn 20 năm tôi chưa một lần trở lại quê nhà, dù bao lần hẹn với người thân trong gia đình ít ra phải có một lần gặp lại. Nếu không có Đại hội trường xưa của tôi tổ chức tại Melbourne bên Úc châu, tháp tùng nhiều anh chị đồng môn tham dự thì chắc là chuyện về thăm gia đình cũng chỉ là một giấc mơ. Khi ngồi trong phi cơ lúc chờ hạ cánh xuống phi trường Tân Sơn Nhất (TSN), tôi cảm thấy hơi hồi hộp dù đã nhủ lòng không có gì phải lo lắng. Nỗi vui mừng khi sắp gặp lại gia đình, chuẩn bị sẵn những gì phải đối phó sau nhiều năm dài xa quê hương. Suốt đoạn đường bay khá dài, trò chuyện cùng một cặp vợ chồng trẻ cũng từ Hoà Lan về thăm nhà. Tuy mới quen, anh bạn trẻ hỏi tôi khi biết đây là lần đầu tôi trở lại quê hương:

- Chị có thể cho biết cảm tưởng của chị khi về lại quê nhà?

Cảm tưởng ư? Nhiều lắm chứ, cả nỗi suy nghĩ vẩn vơ nếu như có điều gì không vui xảy tới. Suy nghĩ một chút tôi trả lời anh ta:

- Ngày tôi đi trời còn mờ sương, nay trở về trời đã hoàng hôn. Như một giấc mộng dài. Tôi đang nghĩ đến gia đình, đến niềm vui sum họp sau hơn hai mươi năm mà các anh, chị tôi còn sống cả.

Đặt chân xuống phi trường TSN, tôi như chạm mặt với một bức tường băng giá, xa lạ và lòng lại tràn ngập nỗi lo sợ vẩn vơ. Mỗi tối khi qua khỏi những thủ tục phiền phức, mảnh khoẻ của nhân viên quan thuế khi muốn tôi đưa một chút gì đó mà họ gọi là “chút quà cho quê hương”, gặp lại người thân trong gia đình tôi mới thở phào nhẹ nhõm. Những ngày về thăm lại quê hương và gia đình, tôi không ghi lại gì ngoài những khúc phim và hình ảnh, nhưng trong tâm tôi mỗi một nơi tôi đến đã ghi đậm bao nhiêu cảm xúc vui buồn. Diễn tả lòng thông cảm sẽ làm người đọc nhàm chán, giờ này tôi đang quay lại những khúc phim ngắn từ khi tôi đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất.

SÀI GÒN

Hơn hai mươi năm trở lại, Sài Gòn về đêm trời vẫn oi bức. Vây xung quanh là người thân, mấy đứa cháu ngày tôi ra đi mới ngoài hai mươi tuổi, nay tôi về đã ngoài bốn mươi, với một thế hệ tiếp nối chào đời nay vài đứa đã tốt nghiệp Đại học. Tình cảm của tôi đối với các anh, chị trong nhà, với lũ cháu thân yêu ngày nào hình như không thấy sự thay đổi trong mắt nhìn của tôi, vẫn những đứa cháu một thời sinh ra đã chịu bao thiệt thòi trong nỗi nhọc nhằn, đắng cay của cha mẹ sau ngày chiến tranh chấm dứt.

Đêm Sài Gòn đèn màu lấp lánh, những con đường mới mở sau này thuộc vùng phi trường Tân Sơn Nhất ngày xưa, ngày tôi ra đi chỉ thừa thớt nhà cửa và đồng ruộng, nay thành phố xá nhà cửa san sát. Người ta đi đâu mà đông vậy? Lòng đường chật chội hay trước hàng hiên của mỗi căn nhà, hình như vẫn bán buôn một thứ gì đó. Sau này tôi mới nhận ra về phồn thịnh này tiêu biểu cho một nền kinh tế ẽo uột, người dân bán mua, mua bán lẫn nhau để tìm cách sống còn giữa một thành phố vật giá leo thang, khó tìm nổi công ăn việc làm vững chắc.

Chiếc taxi đưa tôi trở về căn nhà của người anh cả trong một ngõ hẻm chật không thể nào rộng hơn được nữa. Tuy là hẻm nhỏ nhưng ven đường đi vẫn phảng phất mùi hoa nguyệt quế, dịu bớt đi chút nóng bức và khói bụi của thành phố đông người. Anh chị tôi vẫn còn thức chờ tôi về, tôi cứ nhớ mãi một đêm khuya cách đây hơn 22 năm, khi tiễn tôi và gia đình ra đi anh đã bật lên khóc hù hụ. Anh tôi già quá, cái miệng đã móm mém vì mất đi những chiếc răng, lần này thì anh không khóc mà chỉ lặng nhìn cô em út sau hơn hai mươi năm biệt cách xa...

Đêm đầu tiên về thăm nhà, trời Sài Gòn ban đêm vẫn hầm hập nóng dù máy lạnh chạy rì rì và quạt quay đều đều. Nhà chật nên tôi rủ bà chị ruột ngủ chung cho vui, chị em rì rì chuyện trò mãi mà chưa ngủ được, bao nhiêu buồn vui trong khoảng hơn hai mươi năm xa cách, chị già đi nhiều và thanh âm của giọng nói trầm như nốt nhạc buồn. Tuy vậy tôi vẫn nhìn ra sự thương yêu, trù mến săn sóc của chị dành cho tôi như ngày còn thơ ấu. Mấy lần thức giấc trong đêm, sớm tinh sương tôi mới chập chờn đi vào giấc ngủ. Ấy là nhờ tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng tụng kinh từ một nhà hàng xóm vọng sang, hình như trong các ngõ hẻm ở

Sài Gòn luôn luôn có tiếng động, không trẻ con chạy chơi thì cũng là tiếng rao hàng của mấy gánh hàng rong. Nhớ tiếng rao hàng buổi sáng, tôi lại chợt nhớ đến chị, một người bạn cũ, cái thời “cạn ao thì bèo xuống đất” ở nhiều thập niên trước, chúng tôi gặp nhau bên lề đường gió bụi dề... mưu sinh. Chị kể lúc kinh tế gia đình xuống đã phải bụng thúng xôi rao bán khắp hang cùng ngõ hẻm. Ngặt từ bé đến lớn chị là “em là gái trong khung cửa”, nên đâu biết rao hàng làm sao. Bụng thúng xôi đi vào ngõ tối om, nhìn trước nhìn sau không thấy ai chị mới dám cất tiếng rao “Ai ăn xôi không?” thì tự nhiên nghẹn lời, nước mắt chan hoà là chả rơi trên má. Chao ôi là tội, trở về Sài Gòn hôm nay, nghe tiếng rao hàng buổi sáng tôi lại nghĩ đến chị, không biết giờ này phiêu bạt nơi đâu?

Bình minh Sài Gòn trời oi bức, mới rạng đông mà người rít chặt mồ hôi báo hiệu một ngày nắng gắt. Chị tôi rủ đi ra đầu ngõ ăn phở, tôi muốn thưởng thức lại hương vị phở Sài Gòn năm xưa xem thế nào. Cũng tạm được, chỉ buồn cười là phở Sài Gòn bây giờ lại ăn với rau ngò om, loại rau chỉ dùng để nấu canh chua. Có nuốt cho xong tô phở nhỏ tôi hiểu đất Sài Gòn vật giá đắt đỏ, muốn bán một tô phở cho người bình dân dĩ nhiên là chủ tiệm phải tính toán kỹ chi ly từng miếng thịt. Tôi không quan tâm về miếng ăn và rất cảm thông khi hoàn cảnh sống chỉ cho phép có thể thôi!

Quay về nhà bản thân trước mấy va ly đồ đạc ngổn ngang, tôi lại phải chuẩn bị hành lý cho chuyến bay tới nay qua Úc. Úc đang vào thu, Sài Gòn lại nóng cháy mỡ, trong va ly chèn đầy nhóc quần áo ấm, tới đây tôi thấy toát mồ hôi, mệt rã rời khi nghĩ tới phải bước chân vào phi trường, với những thủ tục hải quan thật rắc rối.

Thời gian thấm thoát qua đi, kể từ ngày tôi về, một năm trôi qua là lúc anh tôi cũng “rũ bụi trần” về với ông bà, cha mẹ bên kia thế giới. Buồn vì mất đi người anh thân yêu, ngày tôi còn nhỏ anh phụ mẹ nuôi em, một người anh đúng nghĩa “Quyền Huynh Thế Phụ”, mỗi lần nghĩ về anh tôi lại chảy nước mắt. Nhận lá thư chia buồn của một người bạn, đọc mấy câu “Sống Gửi Thác Về” tôi chợt giật mình “ngô” ra chữ VỀ nghĩ ngợi mãi và dần vui bớt nỗi buồn, thì ra anh tôi chỉ Về với mẹ, với cha, với cội nguồn, “Lá Rụng Về Cội” là thế! Nghe gia đình kể lại trong những ngày cuối đời, lúc tỉnh lúc mê anh đã nhiều lần nhìn lên di ảnh của mẹ tôi trên bàn thờ mà gọi “mẹ, mẹ” biết bao nhiêu lần. Chẳng biết người ta thế nào, nhưng với anh thì tôi cho rằng từ thuở còn trẻ đại cho tới khi trưởng thành, anh luôn gần gũi mẹ nên lúc nào cũng con đâu mẹ đó. Dân nhà binh, mỗi lần thuyền chèo đi đơn vị mới anh tôi luôn mang mẹ và em theo, bởi vậy đời tôi cũng trôi nổi theo bước chân người anh là Lính, biết nhiều nơi chốn hay nếp sống của người dân miền sông nước.

Ngoài ra trong những ngày cuối đời ấy anh cũng hay gọi tên các em, trong khi đã có một bảy con, cháu bốn bề. Phải chăng đến giây phút ấy trong tâm hồn mỗi người, vẫn có những lúc quay về quá khứ, nhớ về mái ấm gia đình trong đó có hình bóng những người thân yêu của mình. Chết chưa phải là hết, triết lý theo tôn giáo nào thì chết chỉ có nghĩa là tiếp nối về một nơi nào đó Bình An, rất mù mờ như khói sương. Tôi vẫn nghĩ như vậy và hy vọng anh tôi gặp lại những người thân, những đồng đội của anh đã yên nghỉ từ lâu.

Nhắc chuyện cũ về mẹ tôi, năm mẹ mất cũng là những năm gạo châu củi quế, hôm nào mấy đứa cháu đi “ruộng” đem về được rổ ốc bèo là bà biến chế ngay thành món ốc nấu khế cho cả nhà được một bữa ngon cơm. Khi mẹ mất, chị em tôi tìm và giữ được hai chiếc áo cũ của mẹ, lằng lằng chia nhau kỷ vật thân thương nhất của người mẹ hiền tảo tần chất chiu nuôi con ăn học. Chị tôi giữ cái áo cánh nâu còn hằn những nếp nhăn bạc màu hai bên nách áo, tôi giữ chiếc áo dài màu cánh dơn mẹ tôi vẫn mặc đi nhà thờ, những đường chỉ cũng bạc màu với thời gian.

Ngày anh tôi mất, chị nghĩ đến chuyện giao lại tấm áo kỷ niệm của mẹ cho đứa cháu đích tôn của mẹ tôi, đứa con trai đầu lòng của anh tôi mà bà nội đã nâng như trứng, hứng như hoa khi cháu mới chào đời, nay cũng là một nhà giáo. Tấm áo ấy được phủ lên quan tài của anh tôi, như muốn nói với anh rằng: “Cuối cùng thì mẹ cũng đón anh về, anh cũng được ôm trong vòng tay yêu thương của mẹ.”



Nửa tháng trời đi thăm nước Úc, là đúng nửa tháng tôi được thăm nửa vòng nước Úc. Đó là người ta bảo vậy, vì các tiểu bang của Úc đều nằm lòng vòng theo bờ biển, ở giữa là sa mạc nắng cháy nên nước Úc rộng thênh thang mà không có người ở.

Thế rồi sau chuyến Úc Du được các anh, chị đồng môn trường tôi bên Úc đưa đi thăm nhiều nơi khác nhau, từ Melbourne một ngày bốn mùa nóng lạnh nắng mưa, đến Sydney khí hậu ẩm áp hơn mặc dù đây là mùa thu nước Úc, chúng tôi còn được đến Brisbane biển xanh trời xanh tuyệt đẹp. Từ Úc tôi trở lại quê nhà với các anh chị đồng môn ở Houston, ngay hôm sau làm một chuyến xuôi về miền Tây, Cần Thơ có lẽ là địa điểm gần gũi và yêu thương nhất trong lòng những ai đã từng sinh ra ở nơi này và lớn lên từ cái nôi của hai ngôi trường trung học Phan thanh Giản & Đoàn thị Điểm.

Từ Úc trở về, tới phi trường Tân Sơn Nhất tôi lại trải qua một màn hạch hỏi khá thú vị, nếu không viết ra đây e là không đủ. Một cậu còn khá trẻ cầm “passport” của tôi hỏi trông không:

- Sinh ở đâu?

Tôi cũng trả lời cụt ngủn:

- Sơn Tây.

Cậu ta xoay xoay mãi để tìm một cái gì đó, rồi nhìn vào màn hình computer, lại hỏi trống không giọng rất là hách dịch: -Sơn Tây là ở đâu?

Nhìn cậu, có lẽ chỉ ngoài ba mươi tuổi, nhưng lối nói chuyện có vẻ kém văn hoá hay là kém giáo dục thì đúng hơn. Tôi buột miệng :

-Lạ nhỉ, người trong nước mà lại không biết Sơn Tây ở đâu.

Cậu ta cúi kính, nói gắt gỏng :

-Ai biết được cái làng cái xã nào.

Tôi buồn cười cho thái độ bất nhã đối với người lớn tuổi của cậu ta, ngồi ở vị trí này hình như người ta có vẻ muốn hạch hỏi người đối diện, bất kể là ai. Vì vậy tôi nhún nhả trả lời :

-Sơn Tây có đất Ba Vì, nơi mà ngày xưa ông Ngô Quyền đánh đuổi quân Nam Hán đấy.

Cậu ta đỏ mặt ngồi im, rồi trả lại giấy tờ cho tôi, nói cộc lốc : - Cho vào.

Vào thì vào, không cho vào thì đi ra. Tôi đã nghĩ đến cách này trước khi chuẩn bị chuyến đi. Nhớ lại phi trường Melbourne bên Úc khi tôi đến, tuy cũng phải khám xét trước khi cho nhập cảnh nhưng họ không làm tôi mệt mỏi vì thái độ hoà nhã của nhân viên phi trường. Như mọi người, chúng tôi thở phào nhẹ nhõm, hít thở không khí tự do ấy vào buồng phổi.

Nghỉ lại Sài Gòn một đêm, trời vẫn nóng và ngột ngạt vì đường phố đầy những cờ quạt, biểu ngữ đỏ như máu ... dư âm còn lại của ngày 30 tháng 4.

VỀ MIỀN TÂY

Sáng hôm sau, cùng với anh chị trong đoàn dậy sớm, chuyến “tour” khởi hành từ Sài Gòn khi trời hừng sáng, dòng xe cộ nối đuôi nhau hối hả đi qua những con đường mới bụi mù, khó tìm lại Sài Gòn êm đềm năm cũ. Toàn gả nhà với nhau nên không khí vui như Tết, tôi thích như vậy để có cảm giác an toàn và được thương yêu chia sẻ. Cả đoàn ghé vào Tiền Giang thăm khu sinh thái với vườn cây ăn trái, sông nước phù sa làm dịu đi cái nóng bức của mùa hè miền Nam, con ngựa gầy kéo lê cỗ xe trên đường quê một cách mệt nhọc, nếu “lao động là vinh quang” thì mong rằng kiếp sau chú ngựa ta không phải đầu thai làm thân trâu ngựa. Bấy nhiêu năm được ngồi trên chiếc đò máy chạy xinh xinh trên sông, rồi đi xuống vào những con rạch nhỏ, nhìn những người dân quê chèo chống vát và ướm đầm mồ hôi trong nắng trưa oi ả, thương làm sao những người dân nghèo kiếm ăn vất vả, dù được sinh ra nơi có vựa lúa miền Tây

Sau đó xe lăn bánh về Bến Tre thì trời đã xế bóng. Mục đích của mấy anh đồng môn trường Phan thanh Giản là đi thăm mộ cụ Phan ở huyện Ba Tri tỉnh Bến Tre. Tài xế không rành con đường này nên sau nhiều lần hỏi thăm, tìm được đường vào mộ Cụ thì trời đã ngả bóng chiều.

Vài anh em chúng tôi hối hả xuống xe, theo mũi tên chỉ dẫn đi vào một con đường nhỏ xiu nhóp nháp bùn sinh. Thấy mọi người ba chân bốn cẳng rào bước nhanh vì sợ trời tối, lại tìm kiếm khó khăn nên cháu của một anh đi chung đoàn lên tiếng hỏi:

“Ông này bà con làm sao mà phải thăm?”

Không biết trả lời sao vì lớp trẻ ở VN sau này ít biết đến danh tiếng của cụ Phan Thanh Giản, và sự gắn bó của những môn sinh xuất thân từ ngôi trường nổi tiếng miền Tây đã có gần 100 tuổi này. Số phận hẩm hiu dành cho một người yêu nước thương nòi như cụ Phan!

Trước khi vào thăm mộ cụ Phan, chúng tôi còn đi ngang qua lăng mộ của cụ Võ Trường Toản, tuy cũng là mộ nhưng trông mộ phần của cụ Võ Trường Toản bề thế hơn nhiều. Trước mặt phần mộ cụ Phan là tư gia của người cháu (không biết mấy đời của cụ), mọi người được vào viếng và đốt nhang nơi thờ tự và trầm ngâm nghĩ đến cuộc đời thăng trầm của một danh thần yêu nước, đã bị chìm trong quên lãng nhiều tháng năm, nay mới được phục hồi danh dự.

Sau khi thăm viếng ngôi mộ cụ Phan Thanh Giản (PTG), anh em chúng tôi lên xe mà còn buồn ngủ trong dạ. Như dự định, chúng tôi phải về tới Cần Thơ ngay đêm đó. Cuộc hành trình tiếp tục, chuyến xe đêm về Cần Thơ đi qua những quận lỵ mà ngày xưa tôi đã từng đi qua, lòng tôi nôn nao nghĩ tới niềm vui được trở về thành phố mà tôi đã trải đời mình ở tuổi thanh xuân. Cần Thơ hôm nay khác xa với Cần Thơ của nhiều năm tháng trước, những con đường mới đã thay đổi gần như hoàn toàn bộ mặt thành phố, nếu như về để tìm lại kỷ niệm thì chắc chắn sau chuyến đi này, người đi xa sẽ thêm một lần đánh mất những hình ảnh và kỷ niệm thân yêu hiền hoà thuở trước.

Chiều hôm sau, khi mọi người đã tản mát về thăm nhà, tôi không còn người thân ở Cần Thơ nên chỉ còn vài anh em đến thăm hai ngôi trường PTG & Đoàn Thị Điểm (ĐTĐ). Nắng đã dịu vì trời đổ mưa, nhưng sau cơn mưa trời vẫn nóng, khí hậu thật ẩm thấp, chúng tôi thả bộ theo con đường Ngô Quyền về thăm trường cũ. Con đường này ngày xưa tôi đã đi lại nhiều lần, vì nó là con đường duy nhất từ trường ra bến Ninh Kiều những giờ trống được nghỉ bất ngờ, nó cũng là con đường tình yêu thơ mộng nhất của tuổi học trò khi hai ngôi trường PTG và ĐTĐ nằm kế bên nhau. Nhằm ngày lễ trường đóng cửa, chúng tôi đành đứng bên ngoài nhìn vào, chỉ mình tôi là nữ sinh của trường ĐTĐ nên cố gắng nhìn qua cánh cổng sắt để tìm lại một vài nét thân quen của chốn xưa. Sân trường nhỏ vuông vức với mấy dãy lớp nay xây dựng lại trông như chật chội hơn, riêng dãy lớp học ngày xưa có màu vôi vàng đục vẫn phẳng phất nét gì đó thân quen, nhất là chiếc cầu thang bằng xi măng là nơi tôi nhớ nhất vì ngày xưa vẫn hay nhảy từng bậc khi đến lớp.

Ngày xưa ấy dãy hành lang màu vàng ảm đã giữ lại bao nhiêu kỷ niệm thời đi học. Trên hành lang vài đứa chúi đầu vào nhau trò chuyện, hai buổi sớm trưa thường chạm phải những đôi mắt của mấy anh bạn trường hàng xóm len lén nhìn lên khi đi ngang đó. Chỗ công trường ngày đó có một cái nhà nhỏ giống như lô cốt, treo lủng lẳng một cái trống lớn để phòng khi chuông không reo được vì cúp điện. Nơi ấy mỗi buổi chiều học thêm hay giờ thể dục, vài đứa kéo nhau vào ngồi tán dóc và chơi cầu cơ. Nhiều lần tôi định viết về cái bóng ma ẩn hiện trong ngôi trường ĐTD (không biết rõ lắm nhưng “anh” mà này rất hiền và thường xuất hiện trong những lần cầu cơ của bọn tôi, với những tiếc nuối một thời tuổi trẻ và khuyến khích các “em” ráng học nên người). Kể ra “anh” mà cũng là người tốt, ngay cả khi chúng tôi hỏi anh đề thi lục cá nguyệt để gao bài thi “anh” vẫn cho cả bọn trúng tủ. Cái may này nếu tôi viết ra được chắc sẽ có nhiều điều thú vị không phải do “anh” mà giúp đỡ đâu (thiên cơ bất khả lậu... là thế!).

Hồi tưởng lại thì mùa hè năm nay đúng 50 năm ngôi trường tôi mang tên của nữ sĩ ĐTD. Khi đó tôi vừa từ Trà Vinh chuyển sang Cần Thơ vì đi theo người anh là lính, ngôi trường còn mang tên trường Nữ Trung học Cần Thơ. Lúc này đang rục rịch đổi tên trường, với biến cố chính trị xảy ra cuối năm 1963, suýt nữa thì năm 1964 trường tôi phải mang tên Quách Thị Trang. Cô nữ sinh này chẳng may bị bắn chết trong đám biểu tình của Phật giáo chống chế độ nhà Ngô. Dư luận trong nội bộ các giáo sư lúc bấy giờ, cuối cùng đã quyết định sáng suốt để ngôi trường mang tên bà ĐTD. Chẳng hay có phải vì thế mà chúng tôi được hãnh diện là học sinh của trường ĐTD, nhờ phúc của nữ sĩ mà vài cây bút học trò của trường Đoàn sau này cũng được nhiều người biết đến.

Sau khi từ già công trường ĐTD, ghi lại vài tấm ảnh với các anh chị làm kỷ niệm, với thời gian mọi điều đều thay đổi, như ngày nao tuổi thơ còn xanh màu tóc, nay trở về thì đầu đã bạc, có ngậm ngùi cũng chẳng giữ được gì. Mấy anh em vợ và sang thăm trường PTG, may mắn sao chúng tôi được người bảo vệ cho vào thăm. Máy chụp ảnh và máy quay phim vợ và ghi hình, thật sự nhân dịp này tôi cũng muốn giữ lại ít nhiều kỷ niệm cho các Thầy cũng như các anh cựu học sinh trường Phan, vì một lẽ gì đó không trở về thăm lại nơi chốn cũ. Trước khi đến đây trời đổ một cơn mưa, những vũng nước mưa còn đọng lại trên sân trường dường như chùng xuống một nỗi buồn khó diễn tả. Sau năm 75, người ta có xây thêm một dãy lớp mới cũng na ná như mấy dãy lớp học cũ, tôi không dám dùng chữ rêu phong để kể về những lớp học ngày xưa, nhưng về cũ kỹ của từng lớp học hình như chẳng được sửa sang gì đã tàn tạ với thời gian.

Anh Danh đứng trước lớp học cũ, chỉ cho tôi thấy lớp học của “Nguyệt Xưa” mà anh vẫn thường đứng nhìn qua tìm bóng người thơ, lấp ló trong khung cửa một thời mộng mơ. Chao ôi là đẹp, chỉ tiếc là bóng chiều đã ngã xuống trên sân trường còn sũng nước mưa, các anh chị còn lang thang mãi như chưa muốn rời ngôi trường mà tin đồn rằng sắp bị đập bỏ để xây dựng một ngôi trường mới. Buồn làm sao nếu một ngày nào đó ngôi trường PTG không còn tồn tại, như đã một lần ngôi trường bị mất tên. Đi trong dãy hành lang dài hun hút của ngôi trường trong bóng chiều nhập nhoạng, tôi không nén được tiếng thở dài.

Ở Cần Thơ hai ngày, lang thang ra bến Ninh Kiều để tìm lại những góc thân quen ngày cũ. Mấy chục năm tôi mới về thăm lại Cần Thơ, thành phố ngày xưa với biết bao kỷ niệm tuổi học trò. Chẳng tìm lại được gì, bến Ninh Kiều hôm nay so với ngày xưa đẹp và sạch sẽ hơn, thêm hàng liễu rủ bóng trên mặt sông gợn sóng. Nhìn qua bên kia là Xóm Chài, lại nhớ đến nhỏ bạn cũ thời trung học, hai đứa rủ nhau qua chuyển đồ ngang về thăm một người bà con bên ấy. Sáng sớm tinh mơ, mọi người rủ nhau đi dạo về chợ Núi Cái Răng, xem người dân miền sông nước chèo chống chở trái cây từ các làng quê họp mặt từ sáng sớm.

MỘT THOÁNG TRÀ VINH

Như chút duyên dằm thắm của đôi bạn thân giao, mấy chục năm sau tôi lại có dịp về Trà Vinh, kể từ năm 1989, trước khi đi xa, xa hắt quê hương, tôi đã về Trà Vinh bốc mộ đưa mẹ tôi về Sài Gòn và không bao giờ trở lại đây nữa ...

Cho tôi vài phút ngậm ngùi để nhớ về mẹ tôi, người đàn bà sinh ra ở đất Bắc lại trôi giạt về giồng đất xa xôi miền sông Cửu. Tháng Tư năm 1975 miền Nam tan hàng, mẹ tôi theo người con trai, như bao người lính cũ đều phải tìm cách rời khỏi thành phố, trốn tránh không khí đặc quánh những nghi kỵ của chế độ mới. Chẳng nơi nào hơn là phải hồi hương lập nghiệp, anh tôi đưa gia đình về một xứ đạo miệt vườn Trà Vinh, nơi quê vợ tập cây sâu cuộc bầm, sống với mảnh vườn nho nhỏ nhưng cây trái không đủ nuôi sống một gia đình lúc nhúc đến sáu miệng ăn.

Đối với anh tôi đó là nỗi khổ tâm lớn nhất, cuộc đời vùng vẫy ngang dọc của người lính... chưa già mà đã phải già từ vũ khí. Đó là lý do mà mẹ tôi cũng phải theo anh tôi về miền quê cách trở đò sông, để rồi cuối cùng cũng gửi tấm thân gầy bên một bờ sông lao xao những bụi dừa nước, và tiếng sóng nhỏ của dòng sông vỗ vào bờ ở một làng quê tỉnh Trà Vinh.

Sau nhiều năm chịu đựng cảnh ‘tay lấm chân bùn’ ở nhà quê, một lần nữa anh tôi lại phải trở lên thành phố vì không sống nổi với mảnh đất hương hỏa của bên vợ. Tôi về quê đem tro cốt của mẹ tôi về Sài Gòn, cứ nghĩ chẳng bao giờ có dịp trở lại Trà Vinh nữa.

Thế mà vẫn trở lại, từ Sài Gòn về miệt lục tỉnh bây giờ xe cộ thông thương ngày đêm như nước chảy, qua khỏi cầu Mỹ Thuận và bến phà Cổ Chiên mênh mông trời nước, cứ thế xe chạy thẳng về tận cửa nhà. Trời vẫn nóng hừng hực, cứ ngỡ nhà quê sông nước bề bề khí hậu sẽ mát hơn Sài Gòn, nằm trên chiếc võng đu đưa sau hè, bao quanh khu vườn nhỏ là những bụi tre bụi chuối, phố chợ nhà cửa xây dựng khang trang nhưng thấp thoáng phía sau vườn bên kia hàng rào là vài mái tranh trống toác. Ngày hôm sau sẵn chuyến xe bao, đưa cháu đề nghị về thăm tỉnh lỵ Trà Vinh, thăm lại nơi chốn cũ và ngôi trường Trung Học thời tôi còn độ tuổi hoa niên. Tuy không nói ra nhưng hình như đó cũng là điều tôi nghĩ tới, bao nhiêu năm trời qua nhiều nơi chốn khác nhau, Trà Vinh êm đềm dường như vẫn nằm trong trái tim tôi, với biết bao kỷ niệm.

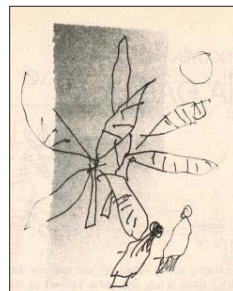
Lạ thiệt nhe, hồi xưa muốn đi từ tỉnh về nhà cháu tôi phải mất gần trọn một ngày đường, bây giờ khi chiếc xe luồn qua những con đường quê rợp bóng cây, có thêm vài cây cầu qua sông thu ngắn lại khoảng cách từ quê ra tỉnh, hoá ra cảnh qua sông qua đò ngày xưa đã không còn nữa. Trà Vinh hiện dần trước mắt tôi, xe quẹo vào Ao Bà Om mà ngày xưa tôi nhớ nằm ở vùng ngoại ô, nay bót về thơ mộng vì nó đã lọt vào thành phố. Ngày nghỉ đám đũa học trò rủ nhau đạp xe một nghỉ mới tới được một cái ao vuông, đặc điểm là những rễ cây chằng chịt nổi lên mặt đất, rễ cây xù xì tạo thành những hình tượng ngộ nghĩnh. Bây giờ thì Ao Bà Om như bé hẳn lại lọt thỏm vào bốn bề bóng cây cao, những mảng rễ cây hình thù kỳ lạ vẫn còn đó, nhưng diêm dúa giữa ao mọc lên một cái nhà con con, màu sắc loè loẹt chẳng làm cho nơi du lịch này đẹp hơn chút nào.

Cùng người thân đi tha thẩn vòng quanh cái ao vuông lòng tôi lại nao nao nhớ đến những người bạn cũ. Năm 1965 tôi có dịp về thăm Trà Vinh, ghé nhà người bạn cũ thì nó đã về Sài Gòn học, vì vậy được anh của bạn là một sĩ quan địa phương quân, đưa đến thăm đơn vị anh ngay gần Ao Bà Om. Anh chụp cho tôi hai tấm ảnh, đứng giữa thảm lá khô phủ đầy mặt đất. Chiều rơi rớt vạt nắng buồn trên mặt ao, tuy gần sát với tỉnh lỵ mà không dám nán ná thêm vì tình hình an ninh không an ổn. Đề rồi hai năm sau về thăm lại Trà Vinh, tôi ghé vào nhà bạn mới biết anh của bạn đã bị cụt một chân, người sĩ quan ấy đã trở thành thương phế binh năm anh mới ngoài hai mươi tuổi. Hai anh em gặp lại nhau, nét mặt anh buồn rười rượi, trong căn nhà lợp ngói âm dương lúc nào cũng ăm ắp mùi trầm nhang, quện vào nhau một nỗi buồn ray rứt.

Xe rời Ao Bà Om bon bon chạy vào thành phố, ngày xưa hai bên đường rợp bóng sao cao ngất, nhớ làm sao những cánh hoa sao màu nâu xoay xoay rơi xuống mặt đường. Bây giờ hai hàng cây sao, cây dầu cũng thưa thớt, chắc cây quá già nên cũng bị đào thải,

người ta trồng cây bàng để lấy bóng mát. Cây bàng thấp, lá to như chiếc quạt tròn xoè ra, đi ngang đường Cây Dầu chợt nhớ tới vài đứa bạn cũ học cùng lớp ngày xưa. Tuy vậy, nhớ nhất vẫn là ngôi trường trung học Vĩnh Bình, đưa cháu bảo bác tài về ngang ngôi trường cũ, chạy thật chậm lại để quay phim. Ngôi trường cũng đổi tên, trường lớp xây dựng lại trông khác xưa hết rồi, xe quẹo vào một con đường vuông góc với ngôi trường, bên kia là trường trung học Trần Trung Tiên thuở ấy, con đường Hàng Me vẫn những chiếc lá me lỵ ty xanh mượt rì rào như thuở tôi còn cấp sách tung tăng tới trường.

Thuở ấy trước khi xa Trà Vinh, tôi có làm một cuốn “Lưu Bút Ngày Xanh”, trong đó có vài tấm hình các giáo sư với đôi hàng ngắn gọn ghi lại chút tình thầy trò thật đầm thắm. Riêng các bạn cùng lớp hay khác lớp, tôi không quên xin mỗi bạn một tấm hình và vài dòng lưu niệm, có đứa viết trảng giang đại hải, có đứa ghi vội vài hàng kèm theo tấm ảnh: “Nhớ nhau nên tặng ảnh này, bạn thân xin giữ mai này đừng quên.”



Bờ bên này đông vui những hàng quán và vừa cây vừa củi. Bờ bên kia chỉ đi quá vào trong đã là cảnh đồng quê, tôi thường đến chơi nhà nhỏ bạn cùng lớp. Hai đứa đạp xe vô sâu một chút là tới Đầm Bờ, cái tên giản dị chắc là vì nơi này tiếp giáp với vùng nhà cửa cư dân bằng những bờ ruộng thẳng cánh cò bay.

Chúng tôi ngồi trên bờ ruộng, hít thở không khí trong lành của đồng quê, có những con cò trắng chúi mỏ xuống thửa ruộng sẫm sấp nước để bắt tôm, cá nhỏ. Sau này, khi chiến tranh kéo theo những hệ lụy của nó, tôi ít qua cầu Long Bình để đến thăm bạn, thỉnh thoảng đạp xe đến ngôi tịnh xá ven sông, nhìn sông nước mênh mông có những con đò xuôi ngược. Cũng chỉ có dòng sông mới chứa hết những nỗi oan khiên của một thời chinh chiến. Những xác người trôi sông, buổi tối bờ bên kia vọng sang bờ bên này những tiếng súng nổ vu vơ, chuyển đồ về quê biết đâu lại trở thành chuyển đồ tang, khi chiếc quan tài của người lính trẻ được chở về quê để yên nghỉ ngàn đời trong tiếng róc rách của lượn sóng vỗ bờ nơi dòng sông quê mẹ.

Trà Vinh hồi đó mang nét buồn của người cô phụ, những con đường cũng hắt hiu tiếng rì rào của rặng sao già, những cô gái tỉnh nhỏ đáng vẻ xinh xắn, hiền hòa, dịu dàng hay e thẹn. Nhà trong khu nhà thờ nên mỗi ngày ba buổi tôi nghe tiếng chuông nhà thờ ngân nga, thời chiến tranh chẳng mấy ngày mà không có lính chết, lời kinh cầu hồn mỗi buổi sớm mai trước khi đưa người lính về nơi an nghỉ nghìn thu, cứ khắc khoải mãi trong trái tim tôi, dù lúc ấy chỉ độ tuổi thiếu nữ.

Mấy chục năm trở lại với “Một Thoáng Trà Vinh”, chắc là không đủ cho tôi nói chuyện cũ, nhưng không hiểu sao đi đâu thì đi, ở đâu thì ở, mỗi lần gặp người Trà Vinh, tôi vẫn có cảm tưởng như “tha hương ngộ cố tri” vậy.

VỀ SƠN TÂY...

Thấm thoát đã 4 năm rồi, giờ này tôi mới ngồi viết lại những cảm xúc của mình sau chuyến về thăm quê hương, thăm gia đình là chính vì bao giờ sự quyến luyến với quê cha đất tổ, sẽ ám áp hơn nhiều nếu được trở về căn nhà xưa của thời thơ ấu.

Căn nhà ở phố Cửa Tiền Sơn Tây, là công sức tạo dựng của cha mẹ tôi mà tôi cũng chỉ được ở đó vón vẹn chưa đầy 6 năm. Khi hai miền Nam Bắc phân ly năm 1954 thì cha tôi qua đời, mẹ tôi hỏi hỏi theo họ hàng bên ngoại di cư vào Nam, dắt theo một bầy con nhỏ và gánh trên đôi vai một khối buồn nặng trĩu. Năm 1980 tôi cũng đã một lần về thăm quê, lúc ra đi còn quá nhỏ chẳng nhớ bao nhiêu, khi về lại nghe anh tôi bảo chưa thay đổi mấy nên những gì cha tôi xây dựng năm xưa vẫn còn nguyên. Từ khoảng sân nhỏ sau nhà có cái bể nước và cây hoa ngâu, từ cái gác xép vuông vức có chiếc cầu thang bằng gỗ, thông ra mảnh sân thượng mà mỗi đêm rằm có thể nhìn thấy một vầng trăng sáng treo trên ngọn cây.

Từ sân bay Nội Bài về Sơn Tây đã có một con đường mới không phải thông qua Hà Nội, dọc đường nhà cửa đã mọc lên san sát nhưng Sơn Tây vẫn có nét riêng, vẫn có những làng mạc nằm xen kẽ phong cảnh êm đềm với những cánh đồng, và rất nhiều bảng quảng cáo bán sữa tươi, kẹo sữa vì đất Ba Vì là nơi nuôi bò sữa.

Về đến nơi phố đã lên đèn, đường phố đông đảo hơn và nhiều nhà cửa xây dựng lại cũng to hơn, nhưng căn nhà cũ của thầy mẹ tôi đã ít nhiều thay đổi. Căn ngoài là cửa tiệm may Âu phục do cháu tôi làm chủ, phía sau là nơi sinh sống của một đại gia đình nhà anh tôi gồm con, cháu, chít sống chung một nhà. Nhờ anh tôi giữ được căn nhà này mà các cháu tôi có kế sinh nhai, buổi tối đưa cháu đâu đã phải nổi lửa để chuẩn bị 2 nồi xôi cho sáng hôm sau. Nhìn cháu nhể nhại mô hôi bên bếp lửa hồng với cái oi bức của mùa hè, sáng mai đã phải dậy sớm để nấu xôi và dọn hàng, kiếm tiền độ nhật nuôi chồng đang bị bệnh tâm thần và hai đứa con thơ còn nhỏ dại. Nói sao cho xiết cái khổ của cuộc sống và những nguyên nhân gây ra nỗi khổ cho con người, muốn tồn tại phải làm việc, chỉ đủ cho ngày ba bữa cơm chứ đừng mơ nổi chuyện “nhà cao cửa rộng”.

Trước mặt nhà tôi là Thành Cổ Sơn Tây, một di sản văn hoá đã được Unesco công nhận là một di tích lịch sử, vì thành cổ Sơn Tây được xây dựng từ đời vua Minh Mạng.

Ngày còn bé tôi vẫn nghe mẹ tôi và người anh cả hay kể về những cái hào sâu bao xung quanh thành cổ Sơn Tây, dân chúng khắp vùng thường gánh nước về để dùng trong nhà, bây giờ mới thấy được vẻ đẹp và phong cảnh rừng cây xanh mọc như đồi trên thành, và lối đi mát rượi ven bờ hào để mọi người thông thả tìm một chút không khí trong lành, khi hầu như thành phố nào từ Bắc tới Nam người dân phải sống trong không khí ô nhiễm của khói và bụi.

Tôi còn được cháu tôi đưa đi thăm Ao Vua, núi Ba Vì cũng nằm không xa thị xã Sơn Tây bao nhiêu, bụi duổi hàng nghìn tuổi gần lăng Ngô Quyền, vị vua đã có công đánh đuổi quân Nam Hán năm 938 qua trận Bạch Đằng Giang lừng danh lịch sử dân tộc. Quê tôi còn được gọi là đất Hai Vua, đó là vua Phùng Hưng Bỏ Cái Đại Vương thời dựng nước và vua Ngô Quyền với trận Bạch Đằng Giang, thật hãnh diện biết bao!

Rồi chúng tôi còn về thăm làng cổ Đường Lâm (ngày xưa gọi là làng Mông Phụ), quê ngoại của tôi và cũng là nơi mẹ tôi được sinh ra và lớn lên ở đó, bây giờ vẫn còn lại dấu tích của đình làng, và những con đường lát gạch gập ghềnh đi vào các thôn ỏ khiến du khách ngoại quốc tới thăm rất đông vì họ có thể tìm ra nét đẹp văn hóa tiêu biểu cho một ngôi làng Việt Nam cổ xưa.

Cuối cùng điều tôi muốn nói đến với chữ “Về” thật thiết tha khi được nhìn lại ngôi nhà thân yêu phố Cửa Tiền Sơn Tây, nơi tôi đã sinh ra và sống ở đó tới năm lên 5 tuổi thì đất nước phân ly, cha tôi ra đi mãi mãi và mẹ tôi dắt díu đám con thơ vào Nam tìm tự do, những giọt nước mắt chảy dài trong đời goá phụ không biết đến khi nào mới ngừng chảy. Tôi đã đến thăm lại ngôi mộ của cha tôi chôn ở Đất Thánh Sơn Tây, nhưng tôi biết là chẳng còn gì như lời hứa cháu tôi đã kể lại khi bốc mộ, trong mộ chỉ còn mỗi cây đinh rỉ sét.

Thế là hết! Cuộc đời, con người cứ như phù vân ảo ảnh. Cát bụi lại trở về cát bụi, như hình bóng của cha tôi cũng mất hút theo vận mệnh của một đất nước chịu nhiều chinh chiến điêu linh. ♦

NGUYỄN NHUNG

(Houston 1.2020)

Trích: “Bút ký Nguyễn Nhung”, bản tác giả gởi.



HÀ NỘI, THỦ ĐÔ PHẨM GIÁ CỦA CON NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (*)

Người mẹ muốn mua sữa hộp cho con bú phải chịu bị... bóp vú.



Một chiều xếp hàng mấy tiếng ở Bách hoá tổng hợp mua sắm lớp xe đạp Sao Vàng theo tem phiếu một đời xe may mới được cấp một lần, tôi chứng kiến một cảnh chắc chắn khắp thế giới không đâu có.

Cách chúng tôi đám người mua xăm lớp chừng mười mét là quầy sữa. Bảy tám chị em còn trẻ nhấp nhồm chờ ở đó đã khá lâu. Chốc lại nhăn nhó hỏi cô bán hàng sao lâu thế, con em ở nhà chẳng có người trông. Nghe đâu bị giữ ở đây bốn tiếng, chị em đã gọi đây là Hoả Lò ngoại trú. Khoảng nửa giờ sau, một người đàn ông thấp, vạm vỡ, hai cánh tay trần xăm xăm đi tới, miệng nói lớn. “Trật tự, lần lượt từng người, xếp hàng vào... Nào, đứng là đã chờ đủ bốn tiếng chứ?” vừa nói vừa nhặt một tờ giấy ghi tên những người đến vào giờ nào giờ nào để ở trên quầy lên xem.

“Ai không đủ bốn tiếng thì về hôm khác đến...”

Tôi thật sự không tin vào mắt mình. **Những bà mẹ trẻ lần lượt trật vú ra cho người đàn ông bóp kiểm tra trữ lượng sữa sẽ nuôi các Phù Đổng tương lai.** Hai tay hai bầu, mắt chăm chăm vào núm vú, anh ta nói:

- Cố nhịn đau đấy, tôi nhẹ tay thì lại bảo tôi ngoắc ngoặc, thiên lệch...

Cô bán hàng bên cạnh bỗng bình giá: “Bốn hộp!”. Người mẹ vừa nghiêng răng xoa ngực vừa vội kêu lên: *“Ôi, bốn hộp thì con em bú sao đủ, tiền đâu mua sữa phe, khổ con em...”*

Tôi quàng lớp vào cổ vội lách ra. **Nghĩ đến tíu xã luận báo Nhân Dân: “Hà Nội, thủ đô của phẩm giá con người” mà không thể không rửa thắm bố tiên sư nhà nó!**

TRẦN ĐÌNH

Trích: Chương 40, "Đèn Cù" của Trần Đình, tự truyện của người từng viết tiểu sử Hồ Chí Minh,

Người Việt xuất bản 2014

(*) Xã luận báo Nhân Dân.

Ghi thêm: Đi Tới ghi chữ đậm.



HÀ NỘI HAY SÀI GÒN

ở đâu đang sống hơn?

◆ QUỐC PHƯƠNG BBC Việt ngữ

'Tôi cho Sài Gòn 2 điểm và Hà Nội 1 điểm', đó là phần cho điểm của một khách mời tham dự cuộc Tọa đàm Trực tuyến của BBC với các khách mời hôm 11/9/2014 với chủ đề "Hà Nội hay Sài Gòn, ở đâu đáng sống hơn?".



Từ Sài Gòn, hôm thứ Năm, khi được hỏi ở đâu dễ sống, dễ làm ăn, dễ thở và đáng sống hơn giữa hai đô thị này, Tiến sỹ Alan Phan, blogger và nhà phân tích kinh tế, tài chính, nhận xét với Bàn tròn của BBC rằng cả hai thành phố với ông đều 'xấu xí' từ kiến trúc, đến cơ sở hạ tầng và 'tệ hại' về môi trường sống.

"Thực tình mà nói về văn hóa hay về bất cứ điều gì khác của hai thành phố này, tôi thấy nó rất là xấu xí, từ vấn đề kiến trúc, cho tới vấn đề con người, cho đến vấn đề hạ tầng cơ sở.

"Nghĩa là môi trường sống có thể nói rất là tệ hại," người cho điểm khá thấp cả Hà Nội và Sài Gòn trên thang điểm từ một tới mười nói.

"Một trong những nơi tệ hại so sánh như những quốc gia mà tôi đã từng đi qua, mà tệ nhất là Nigeria hay là Bangladesh, còn tất cả những nơi khác đều có môi trường sống tốt hơn là Sài Gòn và Hà Nội."

Tuy nhiên, khi đưa ra nhận định chung và so sánh hai thành phố, mở đầu, Tiến sỹ Alan Phan nói:

"Hiện nay Sài Gòn tương đối cởi mở hơn, có nhiều cơ hội làm ăn hơn. Tuy nhiên, Hà Nội là thành phố rất năng động và đang cố gắng bắt kịp Sài Gòn, nhất là họ (Hà Nội) đang được dành cho những ưu đãi rất tốt.

"Xây dựng hạ tầng cơ sở, họ đã đầu tư rất nhiều. Tôi nghĩ trong vòng 10 năm nữa thì Hà Nội có thể bắt kịp Sài Gòn về môi trường sống.

"BẢN SẮC"

Theo tôi, Sài Gòn và Hà Nội, bản sắc gần giống nhau. Lý do tại sao? Là bởi vì người Hà Nội vào Sài Gòn rất đông."

Tiến sỹ Alan Phan.

Khi nói về phương diện giữ gìn, phát huy 'bản sắc' cũng như về môi trường sống mà cả hai thành phố

được cho là đang chịu sự cạnh tranh với một số thành phố, đô thị khác ở Việt Nam, blogger này nhận xét:

"Khi tôi nói về văn hóa, tôi vẫn thích thành phố Huế, hay là thành phố Hội An hơn là Sài Gòn với Hà Nội.

"Về môi trường sống, tôi nghĩ thành phố Đà Nẵng tương đối được hơn, đây là so giữa Việt Nam với nhau.

"Hay là về sống trong một cộng đồng, thì những nơi như Cần Thơ, Vĩnh Long là những nơi khá là hấp dẫn.

Và nói thêm nữa là những thành phố trên vùng Tây Nguyên, là những thành phố mà tôi rất thích.

"Bởi vì nó gần với thiên nhiên rất nhiều, dù rằng việc phá rừng gần như đã làm suy kiệt vấn đề này."

So sánh về 'bản sắc' giữa Sài Gòn và Hà Nội, ông Alan Phan nói thêm: "Vấn đề mỗi bản sắc, phải có một bản sắc riêng, đây là so sánh giữa Sài Gòn và Hà Nội. Theo tôi, Sài Gòn và Hà Nội, bản sắc gần giống nhau."

'ĐỒNG HÓA'?

"Bởi vì người Hà Nội vào Sài Gòn rất đông. Và sự đồng hóa, từ hồi di cư năm 1954, là đã có một sự thay đổi lớn về văn hóa, nhưng mà sau đó đến thời 1975, có thể nói văn hóa Sài Gòn bị biến đổi hàng ngày, hàng giờ.

"Và cho đến ngày hôm nay, như tôi nói chừng 10 năm nữa, có lẽ không phân biệt được giữa Sài Gòn với Hà Nội. Sài Gòn lúc nào cũng ảnh hưởng Âu-Mỹ nhiều. Hà Nội rất ảnh hưởng từ Trung Quốc, nhưng hai cái đây đang trở thành một hỗn hợp."

Hôm thứ Năm, một khách mời khác của tọa đàm trực tuyến, nhà báo Phạm Tường Vân cho điểm Hà Nội 7/10 và Sài Gòn 8/10.

Bình luận với BBC về một bài báo gần đây trên tờ Bloomberg vốn gợi ý rằng Sài Gòn vượt xa Hà Nội trên nhiều lĩnh vực từ kinh tế, văn hóa, du lịch tới môi trường sống v.v..., nhà báo Tường Vân nói:

"Bài báo đó thích hợp với những người nước ngoài muốn dành thời gian khoảng 5 tới 10 phút để biết về một đất nước mà không phải trong mối quan tâm thường xuyên.

"Tôi nghĩ đó là concept (quan niệm) của tờ Bloomberg. Còn dưới góc độ của người trong cuộc thì tôi nghĩ có một cái nhìn rất là khác..."

"Con người Sài Gòn cởi mở, có những cái nhìn thoáng hơn con người Hà Nội. Vì vậy Sài Gòn từ xưa đến giờ vẫn là động cơ chính để thúc đẩy đất nước Việt Nam mình từ Bắc chí Nam đi lên."

'THIỆU CÂN BẰNG'

Tôi nhìn thấy ở Hà Nội, từ thời điểm đó đến bây giờ luôn luôn thiếu một sự cân bằng, tôi thấy ở Hà Nội những thành tố văn hóa phát sinh từ sự cực đoan, từ sự phân biệt, loại trừ. Nhà báo Phạm Tường Vân.



Về sự khác biệt của Hà Nội với Sài Gòn, cũng như căn nguyên của nó, nhà báo nữ nêu quan điểm:

"Ở một đất nước tưởng vậy mà không phải vậy thì sự khác biệt rất là dài về văn hóa. Một cuộc giao thoa văn hóa giữa đông và tây, một lộ trình lịch sử có nhiều biến động, chiến tranh, tác động của chính sách quản lý những cuộc di dân..."

"Hà Nội sau năm 1954 và Sài Gòn sau năm 1975... có một sự khác biệt rất lớn, trước và sau giai đoạn lịch sử này."

"Trong cái nhìn của tôi, tôi thấy Hà Nội có một cái gì đó giống nước Pháp, còn Sài Gòn giống với nước Mỹ. Nhưng Hà Nội sau năm 1954, có một sự thay đổi về xã hội, văn hóa."

"Tôi nhìn thấy ở Hà Nội, từ thời điểm đó đến bây giờ luôn luôn thiếu một sự cân bằng, tôi thấy ở Hà Nội những thành tố văn hóa phát sinh từ sự cực đoan, từ sự phân biệt, loại trừ."

"Và bản thân mỗi thành tố khi sinh ra nó đã chứa đựng một sự cực đoan nhất định. Và điều đó làm cho bản thân thành tố đó phải đối diện với một sự cực đoan mới, khởi sinh sau nó, giống như một phản ứng cân bằng."

"Nhưng mà cái sinh sau nó cũng bị quá, nó cũng cực đoan, cho nên nó cũng cần có những mảng đối lập mới khác với nó, cho nên luôn tôi thấy Hà Nội là một sự thiếu cân bằng, nhưng nó cũng thú vị, sự thiếu cân bằng đó cũng thú vị."

'TAN BIẾN'

Từ Bangkok, khách mời Phó Giáo sư, Tiến sỹ Montira Rato, giảng dạy và nghiên cứu tiếng Việt, văn hóa Việt Nam tại Đại học Chulalongkorn, nêu nhận xét về hai thành phố mà chị từng biết ở Việt Nam và so sánh với Bangkok.

"Nói thật lòng cả hai thành phố, kể cả Bangkok nữa, đều không phải là thành phố lý tưởng để làm ăn và sinh sống. Nhưng giữa hai thành phố này thì mình hơi nghiêng về Hà Nội dù nhiều người cho là không khí làm việc ở Sài Gòn thoáng hơn," nhà nghiên cứu người Thái Lan chia sẻ với BBC sau cuộc tọa đàm trong một email viết bằng tiếng Việt.

Nhưng tôi cũng biết rõ là Hà Nội không thể là mãi mãi như vậy được. Với quá trình đô thị hóa, tòa nhà cao tầng mới mọc lên và cả toàn cầu hóa nữa, Hà Nội của tôi cũng có thể tan biến theo thời gian.

PGS. TS. Montira Rato, Bang

"Với tư cách là một người nước ngoài từ một thành phố nóng và nắng, tôi thấy Hà Nội thu hút và quyến rũ hơn, nhất là về mặt thời tiết, ẩm thực và văn hóa."

Trong bài thơ "Nghe rét đến nhớ về Hà Nội", nhà thơ Xuân Quỳnh kết thúc với câu thơ này "Em muốn mang một chút nắng về quê nhà". Nhưng tôi lại ước Bangkok sẽ có những ngày mát lạnh như Hà Nội."

"Tôi cũng rất thích nét cổ kính bên cạnh những sắc màu hiện đại của thủ đô này. Hình ảnh của Hà Nội mà tôi nhìn thấy qua văn học, nhạc và họa là Hà Nội của trí tuệ và văn minh với phong cách riêng cả nếp sống và nếp nghĩ. Nhưng tôi cũng biết rõ là Hà Nội không thể là mãi mãi như vậy được. Với quá trình đô thị hóa, tòa nhà cao tầng mới mọc lên và cả toàn cầu hóa nữa, Hà Nội của tôi cũng có thể tan biến theo thời gian."

'QUYẾN RŨ HƠN'

Là người duy nhất trong số các khách mời cho điểm Hà Nội cao hơn Sài Gòn, nhà nghiên cứu từ Thái Lan bình luận:

"Đối với tôi, một người nước ngoài nghiên cứu về văn hoá Việt Nam, tôi cho Sài Gòn 7 điểm và Hà Nội 9 điểm."

"Sài Gòn hơn Hà Nội về mặt vật chất như hạ tầng cơ sở, môi trường quốc tế, nhiều quán cà phê đẹp hơn."

"Còn Hà Nội hơn Sài Gòn về mặt an ninh, tôi cảm thấy an toàn hơn, văn hoá đặc sắc hơn như không khí Tết vui và mang tính truyền thống hơn."

"Khí hậu (Hà Nội) có 4 mùa nên các cô gái được mặc áo ấm quàng khăn lung linh và xinh xắn, ẩm thực đa dạng và đại diện Việt Nam hơn, trung tâm của khoa học nên rất tiện cho việc học tập của tôi."

"Tôi thấy Hà Nội quyến rũ hơn vì màu sắc riêng với nét văn hoá Việt, nhưng vẫn thấy ảnh hưởng của văn minh Trung Quốc và văn hoá Pháp. Hà Nội chắc còn lâu lắm mới bắt kịp Sài Gòn, nếu như con người Hà Nội vẫn giữ, vẫn ôm lấy cái cực đoan, và dựa vào cái quyền lực chính trị của mình để mà cứ thế mà đi." Doanh nhân Nam Phạm, Boston, Hoa Kỳ.

"Sài Gòn nhìn chung cũng như các thành phố khác trong ASEAN như Bangkok, Manila,"

Phó Giáo sư Montira Rato nêu quan điểm.

'CÁI NHÌN THOÁNG HƠN'

Cho điểm Sài Gòn 8/10 và Hà Nội 6/10 là doanh nhân Nam Phạm, khách mời tham gia chương trình từ Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ. Khi được hỏi thành phố nào có đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của Việt Nam sau hàng thập niên chấm dứt chiến tranh, kể từ diễn biến 30/4/1975, ông Nam nói:

"Con người Sài Gòn cởi mở, có những cái nhìn thoáng hơn con người Hà Nội. Vì vậy Sài Gòn từ xưa đến giờ vẫn là động cơ chính để thúc đẩy đất nước Việt Nam mình từ Bắc chí Nam đi lên."

"Hà Nội với những sự cực đoan như là nhà báo Tường Vân nói, với quyền lực chính trị nhiều hơn Sài Gòn rất là nhiều."

"Nhưng nếu con người Hà Nội không có được một cái nhìn thoáng, không du nhập được những cái hay, cái lạ ở những vùng khác đến, thì tôi nghĩ rằng Sài Gòn lúc nào cũng đi trước Hà Nội, nhất là về vấn đề kinh tế."

"Và Hà Nội chắc còn lâu lắm mới bắt kịp Sài Gòn, nếu như con người Hà Nội vẫn giữ, vẫn ôm lấy cái cực đoan, và dựa vào cái quyền lực chính trị của mình để mà cứ thế mà đi."

'CƠ HỘI CHO NGƯỜI TRẺ'

Từ Sài Gòn, một nhà báo tự do đang làm cố vấn quảng cáo cho một công ty, người cho Hà Nội 6/10 điểm và Sài Gòn 9/10 điểm, so sánh hai thành phố từ góc độ cơ hội phát triển cho thanh niên. Bản thân tôi, tôi thích sống ở Sài Gòn, bởi vì Sài Gòn đơn giản là chúng tôi rất thờ ơ với chính trị...

Nhà báo Hoài Nam, Sài Gòn

Nhà báo Hoài Nam nói với BBC:

"Bản thân tôi, tôi thích sống ở Sài Gòn, bởi vì Sài Gòn đơn giản là chúng tôi rất thờ ơ với chính trị... Con người Sài Gòn đơn giản và khoáng đạt, con người Sài Gòn muôn mặt và đa dạng."

"Vì thế cơ hội đến với những người trẻ như chúng tôi ngay tại đất Sài Gòn rất là cao. Nếu như bạn giỏi, bạn có cơ hội để tồn tại và điều đó là lý do tôi thích ở Sài Gòn."

Từ Hà Nội, kiến trúc sư Nguyễn Anh Tuấn trước hết bình luận về ý kiến của các vị khách mời khác.

Anh Tuấn nói với BBC:

"Trước hết tôi đồng ý với ý kiến của anh Nam Phạm đó là nếu như người Hà Nội cứ tiếp tục khư khư giữ chặt cái lối của mình mà cứ thế mà đi, thì quả thật chắc chắn là Hà Nội sẽ không bao giờ bắt kịp Sài Gòn..."

"Chị Hoài Nam có nói ở Sài Gòn mọi người sống thoải mái hơn, vui vẻ hơn, cởi mở hơn, nhất là trong giới trẻ, thanh niên, bởi vì người Sài Gòn chỉ làm những gì mà họ muốn và họ ít quan tâm chính trị."

'MÙI CỦA CHÍNH TRỊ'

Theo kiến trúc sư trẻ này, có một sự khác biệt rõ rệt giữa Hà Nội và Sài Gòn, với một bên 'thiên về chính trị' còn bên kia thiên về 'thú vui, vô tư' nhiều hơn. Anh Tuấn nói với BBC:

"Cũng phải nói luôn là ở Hà Nội, đây chính là điều khác. Để có thể quan sát những hoạt động về mặt chính trị, các tổ chức xã hội dân sự, hay là của chính quyền thì tôi cảm thấy ở Hà Nội, tôi có thể tìm được điều đó rõ hơn. Và nó giống như một cái mùi trong cuộc sống mà chúng ta có thể ngửi thấy nó rõ hơn ở Hà Nội."

Kiến trúc sư Nguyễn Tuấn Anh, Hà Nội.

"Đây là cái mật độ và tỷ lệ những người quan tâm đến chính trị và có một thái độ giống như chị Tường Vân có nói, đó là sự cực đoan về chính trị theo mặt này hay mặt khác thì nhiều hơn ở Sài Gòn, theo quan sát của tôi. Sự khác biệt đó có thể nói lên là giữa một bên chúng ta để ý đến những cái diễn ra hàng ngày về mặt chính trị, và một bên là chúng ta để ý đến những cái chỉ thuần túy là cho niềm vui cho cuộc sống của mình, thì nó làm nên sự khác biệt giữa Hà Nội và Sài Gòn."

"Nếu như chỉ để tìm một niềm vui hàng ngày trong cuộc sống, thì tôi, bản thân tôi là người sống ở Hà Nội, tôi cũng rất thích sống ở Sài Gòn, tôi cũng chọn Sài Gòn."

Nhưng để phục vụ cho những mong muốn khác của bản thân, đúng như chị Tường Vân có nói, đó là về mục đích, hay như chị Nam có nói là trong cơ quan nhà nước, hay vị trí chính trị, thì không hẳn, nhưng để có thể quan sát những hoạt động về mặt chính trị, các tổ chức xã hội dân sự, hay là của chính quyền thì tôi cảm thấy ở Hà Nội, tôi có thể tìm được điều đó rõ hơn."

"Và nó giống như một cái mùi trong cuộc sống mà chúng ta có thể ngửi thấy nó rõ hơn ở Hà Nội," kiến trúc sư Nguyễn Anh Tuấn, người cho Sài Gòn 8 điểm và Hà Nội 6 điểm, nói với cuộc tọa đàm trực tuyến của BBC từ Hà Nội. ♦

QUỐC PHƯƠNG

BBC Việt ngữ 11 tháng 9.2014

Nguồn:

<http://www.bbc.com/vietnamese/vietnam/2014/09/14>

0910_hangout_hanoi_saigon

Ghi thêm: Đi Tới nhấn mạnh & ghi chữ đậm.

LTS: Tác giả Nguyễn Ngọc Ngạn, nhà văn, người dẫn chương trình (MC) *Paris By Night*, định cư tại Toronto, Canada, cộng tác *Đi Tới* năm 2000.

LỜI TÁC GIẢ

Đời người ai cũng có những kỷ niệm, đau thương hay hạnh phúc. Kỷ niệm đôi khi chỉ thoáng qua, mờ nhạt như áng mây bay ngang bầu trời, để lại chút hình ảnh băng khuâng. Nhưng cũng có khi hết sức sâu đậm đến nỗi có thể coi là một biến cố, khả dĩ tạo thành khúc rẽ quan trọng cho cuộc đời. Đó là trường hợp của tôi với câu chuyện xảy ra hơn 20 năm về trước mà giờ này ngồi ghi lại, tôi vẫn thấy hiển hiện như mới hôm qua.



Ngày ấy, miền Nam vừa đổi chủ được ba năm, tình hình chính trị còn cực kỳ khắc khe. Đã thế, chính sách áp dụng lại không đồng nhất, mỗi phường mỗi tổ là một lãnh chúa, phát huy sáng kiến mà bức chế nhân dân. Tôi ở trại cải tạo cầm tờ giấy tha vào giữa năm 1978, về trình diện Sở Giáo dục thành phố cho đúng thủ tục, dù biết trước sẽ không được thu nhận trở lại nghề cũ. Không có nghề nghiệp biên chế, tôi chỉ có 3 tháng tạm trú tại Sài Gòn để thu xếp đi vùng kinh tế mới. Thời gian này, miền Nam đang lên cơn sốt về phong trào vượt biên tìm tự do. Những người ở vào hoàn cảnh của tôi, bị công an khu vực theo dõi và hăm dọa thường xuyên thì lại càng nôn nóng kiếm đường bỏ trốn. Những người bạn tù chúng tôi ngày ngày đồn đảo gặp nhau, đề tài chính đem ra bàn bạc chỉ xoay quanh một chuyện duy nhất là vượt biển. Giữa lúc lao đao tuyệt vọng, không biết lúc nào bất ngờ bị bắt lại vì cư trú không hộ khẩu, thì một hôm em trai tôi giới thiệu cho tôi một đầu cầu quý giá: Đó là ông Ân, một người đàn ông trí thức, tuổi vừa 50, tính tình hiền hòa và đứng đắn. Ông là nhân viên lâu đời của cơ quan viện trợ Hoa Kỳ trước 75, đồng thời góp phần chuyển âm Anh Pháp cho hãng phim Cosunam ở Sài Gòn. Vì làm ăn chung với em tôi nên ông có lòng tốt rủ em tôi cùng đi với ông trong chuyến vượt biển bán chính thức vốn dành riêng cho người Hoa đang rầm rộ đăng ký lúc đó. Thông cảm hoàn cảnh bấp bênh của tôi, em tôi giới thiệu tôi với ông, để xem ông có giúp gì được tôi chăng?

Đi bán chính thức lúc ấy đắt tiền lắm vì là những đợt đầu. Có người nộp tới 12 hoặc 14 cây vàng vì phải qua nhiều trung gian. Còn giá trung bình ít ra cũng phải 10 lượng một người. Tôi mới ở tù ra, làm gì có tiền! Bà xã tôi bận cháu nhỏ, khi tôi đi tù thì cháu mới hơn 1 tuổi cho nên chỉ buôn bán vớ vẩn, đủ nuôi con và tiếp tế cho chồng là giới lắm rồi. Số vốn ít ỏi ấy lại cứ vơi dần sau mấy chuyến đi chui bắt thành. Con đường bán chính thức mua vé bằng cả chục lượng vàng, là điều vượt quá sự kỳ vọng của tôi, trừ khi có một phép lạ!

chuyện cũ



nguyễn ngọc ngạn

Buổi tối hôm ấy vào khoảng đầu tháng 11, gia đình em tôi đưa tôi lại quán bỏ bầy món Duyên Mai bên Chi Lăng để gặp ông Ân lần đầu tiên. Tôi lúc này đang trốn chui trốn nhủi vì đã hết hạn hộ khẩu từ lâu, phải xoay đủ mọi thứ giấy tờ lao động để qua mặt công an khu vực, nắn nắn lưu lại thành phố ngày nào hay ngày nấy. Khu vực Công giáo tôi cư ngụ lại hay xảy ra những vụ bắt bớ bí mật vì những tin đồn về các tổ chức Phục Quốc cả thật lẫn giả làm liên lụy đến khá nhiều người vô can. Trước năm 75, tôi có dạy một ít giờ tại hai trường tư thục Công giáo là trung học Quang Minh ở nhà thờ Vinh Sơn đường Trần Quốc Toản và trung học Saint-Thomas trên đường Trương Minh Giảng. Nhà thờ Vinh Sơn là nơi phát khởi vụ nổi dậy chống chính quyền đầu tiên và linh mục Nguyễn Quang Minh bị bắt ngay sau đó. Cha Vang ở trường Saint-Thomas cũng đã bị bắt vì nghe đồn bị vu cáo có giấu vũ khí trong khuôn viên trường học. Khi tôi ở trại cải tạo về, công an có gọi tôi ra thẩm vấn về quan hệ của tôi và hai vị linh mục này. Có thể đó chỉ là câu hỏi thủ tục về lý lịch, nhưng cũng làm tôi hết sức lo sợ bởi xã hội không có luật pháp rõ ràng. Một khi công an đã nghi ngờ thì sớm muộn gì cũng vào tù. Bởi vậy tôi càng nôn nóng muốn trốn đi.

Tối hôm ấy, gặp ông Ân ở nhà hàng, tôi bàng hoàng xúc động khi ông cho biết ông sẵn lòng đóng tiền cho vợ chồng tôi đi cùng chuyến với ông và em tôi. Nghĩa là ông cho tôi vay 20 lượng vàng, qua Mỹ đi làm trả lại! Chúng tôi chỉ cần góp 5 lượng cho đứa con mà thôi! Dĩ nhiên qua trung gian em trai tôi, ông Ân mới dám tin là tôi sẽ trả ông sau khi đến Hoa Kỳ. Nhưng dù sao đi nữa, việc ông giúp một người xa lạ như tôi, trong hoàn cảnh này, phải coi là một phép lạ mà tôi không lường tượng trước được, nhất là ở thời kỳ gao châu củi quế năm 78. Bà Ân ngồi cạnh chồng, chỉ cười hiền hòa không có ý kiến gì. Lúc đó bà 39 tuổi, thua chồng hơn 10 tuổi. Sáu đứa con, đứa nào cũng xinh xắn và ngoan hiền. Sau đó, tôi còn được biết thêm, ông Ân cho tới 18 người vay tiền đi, tổng cộng là gần 200 lượng vàng.



Mọi chuyện giãy tở đều êm xuôi, chúng tôi lấy tên giả, học vài câu tiếng Hoa và lên đường vào cuối tháng năm, biết trước sóng biển đang gầm thét dữ dội ở vịnh Thái Lan. Một chuyện bất ngờ làm tôi rất phân vân, là khi ghe nhỏ đưa người ra thuyền lớn ở Kiến Hòa, thì công an với chủ ghe đọc danh sách người đi và quyết định bỏ lại, 17 người đã đóng tiền, trong đó có toàn bộ gia đình em trai tôi gồm bốn người. Em trai tôi là người giới thiệu tôi đi, vậy mà phút chót bị ở lại. Tôi lên tàu, hết sức hoang mang, ngờ ngợ linh cảm trước là sẽ có chuyện bất trắc xảy ra trên cuộc hành trình đầy sóng gió sắp tới. Tàu đi bán chính thức chỉ được một lợi thế là không sợ bị bắt, nhưng luôn luôn chở quá trọng tải, có chuyến vừa ra tới cửa biển đã chìm. Tôi thoát nhờ đến cuốn phim “L’aventure de Poséidon” vợ chồng tôi đi xem ở rạp Rex trước ngày miền Nam thay đổi chế độ chính trị và rừng mình tưởng tượng cảnh đắm tàu trong cuốn phim nổi tiếng ấy. Tôi vội xua đi ý nghĩ ấy, quay đầu nhìn lại đứa em tôi đang đứng méo mào trên bờ vì bị gạch tên bắt ở lại. Chiếc thuyền gỗ tôi vừa lên nom rất mong manh mà chủ tàu và công an chất lên tới 300 người, cò nhét càng nhiều càng tốt để thu vàng tối đa. Đây là loại tàu đánh cá có hầm chứa nước đá và ướp cá, bây giờ được dọn sạch để đưa người vượt biên. Hơn 100 người đàn ông chúng tôi bị dồn xuống hầm, cấm không được leo lên và chỉ có mỗi cái cửa vuông ở giữa tàu để ngày ngày bên trên ném thức ăn xuống. Đàn bà con nít thì được ngồi ở tầng trên cùng với thân nhân của chủ tàu và tài công. Có nghĩa là lúc bước chân xuống tàu, tôi không được liên lạc với vợ con nữa.

Tôi không biết trong số 100 người đàn ông ngồi dưới hầm tàu, có bao nhiêu người Việt, chỉ nghe chuyện vãn chung quanh là tiếng Hoa. Ông Ân với ba cậu con trai tuổi từ 14 tới 18 ngồi dưới hầm bên cạnh tôi. Vợ ông cùng cô gái đầu lòng 19 tuổi, đứa áp út 14 và đứa con út 3 tuổi ở trên boong cùng với vợ con tôi. Vì là người Việt, không dám tranh cãi với đa số người Hoa, chúng tôi bị dồn vào đuôi tàu, ngồi chịu trận tại chỗ, nước lúc nào cũng ngập từ thất lưng trở xuống và có khi lên tới ngực. Thức ăn cũng ít khi đến lượt mình vì những người ngồi gần cửa lấy hết, lâu lâu mới quăng vô phía chúng tôi cái bánh tét hay ổ bánh mì đã cứng như thanh củi. Tuy vậy, ai cũng tự an ủi là cuộc hành trình sẽ không lâu, cố gắng chịu đựng vài ngày là tới bến, tha hồ thông dong.

Sang ngày thứ tư rồi thứ năm, tất cả đều mệt mỏi vì con thuyền bị nhồi sóng liên tục. Nước biển rĩ vào hầm tàu mỗi lúc một nhiều mà chẳng ai buồn múc từng thùng đổ ra ngoài như hai hôm đầu. Chỗ tôi ngồi càng ngày càng thê thảm hơn. Nước ngập gần tới ngực mà rác rến thì nổi lênh bênh chung quanh.

Lá bánh chưng, bánh tét, vỏ quýt, vỏ bưởi cùng các thứ linh tinh không tên, trôi vật vờ, chẳng ai thèm vớt mà đem quăng xuống biển. Vì quá chật chội, di chuyển lại khó khăn nên ai cũng ngồi lì tại chỗ, đứng lên không nổi, đi tiểu luôn chỗ mình ngồi cho tiện. Trong hầm tàu, chúng tôi mất hết ý niệm thời gian. Không biết ngày hay đêm, cũng chẳng biết tàu đang chạy hay đứng tại chỗ. Đến ngày thứ năm, vì nóng bức quá có người ngộp thở ngất xỉu dưới hầm, tài công mới cho khoét một cái lỗ vuông mỗi bề hơn một gang tay ngay trên đầu tôi, nghĩa là phía đuôi tàu, để lấy không khí từ trên lửa xuống cho hơn 100 người phía dưới. Vị ân nhân của tôi, ông Ân và các con, lúc đầu còn nói chuyện với tôi, sau mệt quá, ai cũng nhắm mắt dựa vào nhau mà sống qua cuộc hành trình dài lê thê.

Bước sang ngày thứ bảy, buổi sáng tỉnh mơ, chắc chưa đến sáu giờ, tôi đang thi u thi u ngủ thì có tiếng gọi nhỏ:

- Anh Ngạn! Anh Ngạn ơi!

Tôi giật mình ngơ ngác thì thấy bà xã tôi thò mắt qua cái lỗ thông hơi để tìm tôi. Tôi không nhận rõ mặt vợ tôi vì trời còn tối thẫm, nhưng nhờ giọng nói tôi biết vợ tôi cần gặp tôi có chuyện khẩn cấp. Tôi hỏi hộp tìm cách đứng dậy. Tàu chật ních, lại thêm đã gần một tuần ngồi một chỗ, hai chân tê cứng dưới lớp nước mặn, tôi lạng quạng khá lâu mới đứng lên được. May cho tôi là quanh tôi, mọi người còn đang ngủ cả. Chứ nếu họ thức thì tôi khó lòng di chuyển vì họ sẽ lôi lại và dí đầu tôi bắt ngồi xuống. Bà xã tôi giục nho nhỏ:

- Lên đi anh! Lên đại đi! Chui lỗ thông hơi này lên đi!

Tôi lo lắng nhìn quanh. Lúc ấy tôi còn gầy ốm lắm. Thời gian ở trại cải tạo bị sốt rét nặng, kéo dài 21 ngày, bước đi phải nhờ người vịn, bạn bè cùng tổ cứ tưởng là sắp phải đem tôi đi chôn trên đồi tranh Bùi Gia Mập. Giờ này vượt biển, tôi vẫn chưa lại sức, mới chỉ lên cân được chút ít. Nhà tôi lại bảo:

- Đêm qua bão lớn. Cái áo của con bị rách tung rồi bay mất. Nó phải cời trần cả đêm, lạnh tím cả người. Anh lên một chút đi.

Nghe nhắc đến đứa con hơn bốn tuổi, tôi vùng đứng lên, bước đại qua vài người đang ngồi ngủ, rồi chui liều lên. Cái lỗ nhỏ, phải lách người khó khăn, làm trầy sức cả hai vai, nhưng tôi không có cảm giác gì lúc đó. Từ hôm lên tàu, tôi vẫn mặc cái *jaket nylon* của Không quân ngày trước, và chiếc quần tây màu vàng đục. Lúc ngồi, dĩ nhiên phải cời hết nút quần, kéo *fermeture* xuống cho thoải mái. Bây giờ đứng dậy, vội vã dùng hai tay đu lên khỏi hầm tàu, có người nào đó nắm ống quần tôi kéo lại, làm tôi chỉ còn mỗi cái quần đùi khi lên tới tầng trên. Trời mưa không nặng hạt lắm nhưng gió biển thổi phàn phật trong không gian mờ tối. Tôi cúi xuống ôm đứa con đang run cầm cập. Nhà tôi ưu tư bảo:

- Tàu sắp đắm mất anh ạ!

Tôi đảo mắt nhìn quanh sau sáu ngày bảy đêm chui trong bóng tối dưới hầm. Chỉ một phút sau, tôi nhận ra ngay là mình sắp chết! Vợ tôi nói đúng. Là bởi vì khi ở dưới hầm, tôi cứ tưởng tàu đang chạy. Hóa ra tàu đã tắt máy đậu tại chỗ suốt cả đêm rồi, mặc cho gió mưa và sóng dữ cuối năm vui dập. Tuy cùng ở trên tàu, nhưng những tin tức bên trên không được thông báo cho người dưới hầm biết, sợ gây cảnh náo loạn, đâm đập lên nhau. Bởi vậy tôi hoàn toàn không biết gì cả, cho đến bây giờ leo lên mới thấy kinh hoàng. Tôi nhìn lại phía buồng máy. Một cảnh tượng hải hùng và thê lương. Không có tài công, không có người phụ máy. Chiếc tàu không người lái cứ bập bênh nghiêng ngả theo từng đợt sóng khổng lồ đưa vào, đẩy ra, phó mặc sinh mạng mấy trăm người cho đại dương. Với sức sóng như thế này, tôi biết chắc tàu sắp vỡ. Đàn bà con nít người đứng người ngồi ló nhỏ, quên cả cái ướt cái lạnh, nhón nhắc hỏi nhau, không biết phải làm gì trong hoàn cảnh tuyệt vọng này. Bà xã tôi bảo:

- Tài công bỏ tàu từ nửa đêm rồi!

Bây giờ mới hiểu đầu đuôi câu chuyện. Đêm qua, khi thuyền chúng tôi vào còn cách bờ Mã Lai khoảng nửa cây số thì có tàu cảnh sát Mã Lai ra đuổi. Rồi họ dựng mấy cây đại liên và đèn pha trên bờ, bắn ra xối xả. Mười bảy người tài công cùng với thân nhân chủ ghe đeo phao nhảy xuống bơi vào, nói là để điều đình rồi sẽ đưa tàu vào. Nhưng rồi họ đi luôn, không ai trở lại! Người ngoài khơi cứ đợi. Người đã lên bờ thì bỏ mặc. Đàn bà con nít trên boong không ai biết lái tàu. Hơn 100 người ngồi dưới hầm thì tưởng tàu đang chạy bình thường! Tôi biết mình sắp chết, nhưng cố làm ra vẻ bình tĩnh bảo con tôi:

- Con ơi! Đẳng nào tàu cũng sắp chìm. Bây giờ con ôm cổ ba để ba nhảy xuống biển, bơi vào...

Tôi không biết bơi. Mà nếu có biết thì cũng không còn sức bởi bờ ở quá xa, tôi cố nhướn mắt nhìn mà chỉ thấy lờ mờ. Đứa con trai hơn 4 tuổi của tôi, quần chiếc khăn quanh người, ước dầm từ đầu xuống chân, run lẩy bẩy im lặng nhìn tôi gật đầu. Dường như nó cũng linh cảm thấy chuyện chẳng lành sắp đến, cho nên chỉ nhìn tôi chia sẻ. Quanh tôi, có vài cái bình nylon đựng nước ngọt đã uống hết, nằm lăn lóc trên sàn.

Tôi nắm bàn tay lạng ngắt của vợ tôi và bảo:

- Em lấy cái bình không ôm vào người rồi nhảy xuống. May ra sóng đánh vào bờ! Thà nhảy xuống trước chớ để tàu vỡ thì khó lòng mà sống được vì cả trăm người sẽ níu chặt lấy nhau và cùng chết hết!

Vợ tôi vốn người mảnh mai từ thuở còn đi học. Sinh con xong vẫn không thay đổi chút nào. Mấy ngày đêm trong chuyến hải hành sóng gió, càng làm khuôn mặt xác xơ hơn.

Vợ tôi cuối xuống hôn con và bảo tôi:

- Anh cứ lo cho con đi anh để mặc em!

Đó là lời cuối cùng vợ tôi nói với tôi trước khi vĩnh viễn chia lìa!

Vợ tôi nhìn tôi bằng ánh mắt ly biệt, đưa tay làm dấu đọc kinh. Tôi vừa đưa cho nhà tôi cái bình nylon và chưa kịp nói gì thêm thì một đợt sóng vĩ đại ập tới, làm chiếc tàu lật ngang, vỡ tung buồng lái ở tầng trên. Tiếng người đồng thanh kêu rú lên, bị tiếng gầm của sóng át đi. Buồng máy, kính cửa sổ, mũi tàu, mái gỗ bọc tôn và bao thứ ngồn ngang trên tàu đều rụng hết xuống biển, kéo theo quá nửa hành khách gồm đàn bà và trẻ em. Từ giây phút ấy, tôi không còn nhìn lại được vợ tôi lần nào nữa. Đứa con tôi cũng vượt khỏi tay tôi và văng xuống biển. Tôi níu được một sợi giây nào đó trên tàu, nên chỉ bị văng mất đôi kính chớ chưa rơi hẳn xuống nước. Nhưng ngay sau đó, tôi chưa kịp hoàn hồn, chưa kịp đứng vững thì lớp sóng khổng lồ vừa đẩy vô bờ, lại rút ra mạnh hơn, làm tàu lật ngang một lần nữa ra phía ngoài và lần này trên boong tàu không còn sót lại một ai. Tất cả đều rụng xuống biển, những lớp ván, lớp kính và những gì chưa vỡ qua đợt sóng trước, lần này tan tành hết. Đau đớn hơn nữa là chiếc tàu chìm xuống biển, nhưng hầm tàu chưa bể, cho nên hơn 100 người đàn ông ngồi với tôi suốt tuần lễ vừa qua, đều chết ngộp hết trong hầm, trong đó có cả cha con ông Ân, người đã đóng tiền cho gia đình tôi đi. Tôi rớt xuống biển, cố gắng vùng vẫy theo bản năng sinh tồn mặc dầu không biết bơi. Trên mặt biển bao la sóng nhồi khủng khiếp, tôi thấy từng mảng gỗ thật lớn của ván tàu, rồi thùng phuy, vali, nồi niêu, áo quần, thùng gạo và hàng chục thứ đồ lật vạt khác trôi nổi theo triền sóng, đôi khi lao vào mặt mình. Đàn bà con nít ngụp lên ngụp xuống, bám lấy nhau mà cùng chết. Tôi uống no nước, chìm sâu xuống, đụng phải bao nhiêu xác người còn bấu chặt không rời nhau. Tôi nín thở ngoi lên được một chút để thở rồi lại bị sóng cuốn đi không định được phương hướng, là người Công giáo trong lúc lâm chung, tôi cố gắng đọc kinh sám hối để chuẩn bị lìa đời. Đọc kinh, nhưng tôi không cảm trí tập trung được. Tôi uất ức lắm, bởi thấy mình chết tức tưởi ở tuổi 32 sau khi đã kinh qua bao nhiêu năm gian khổ. Ngày còn trong quân đội, mấy năm tác chiến, tôi đã kề cận tử thần mà tại sao không chết ngay trên chiến trường cho xong? Tôi nhớ một lần hành quân ở Cái Bè, tôi đứng dưới đường muông bên gốc xoài VC từ cánh đồng trước mặt bắn B40 vào trúng ngọn xoài chỗ tôi đứng, miếng văng tung tóe, làm bay mất cây súng Colt tôi đang đeo bên hông và cắt đứt sợi dây ống liên hợp máy truyền tin PRC 25 tôi đang nói chuyện với Bộ chỉ huy hành quân. Lúc ấy tôi thấy số mình còn lớn lắm, chỉ bị trầy sát nhẹ ở bên đùi! Rồi khi ở trại cải tạo Sông Bé, tôi lại bị sốt rét nặng nề đến kiệt sức, tưởng không còn sống nổi tới ngày được thả về. Vậy mà cũng không sao! Tôi uất ức tự hỏi tại sao

vượt biển gần đến nơi thì lại chết? Thế rồi tôi uống no nước, đuối sức không vùng vẫy nổi, đành buông xuôi tay chìm xuống đáy biển, không biết gì nữa!

Khi tôi tỉnh lại trên bờ, thấy mình nằm sấp trên đồng xác chết ngổn ngang. Nước ọc từ trong bụng ra, giúp tôi hồi sinh. Tôi mơ màng tưởng mình đang nằm chiêm bao. Đứa con trai 14 tuổi của ông Ân chạy lại lôi tôi dậy và nói: - Chú Ngạn ơi! Tỉnh dậy! Tỉnh dậy! Đắm tàu, chú Ngạn ơi!

Tôi ngơ ngác nhìn nó, chưa nhận ra ai bởi quá đuối sức và vì không có mắt kính. Thắng bé lay tôi và nhắc lại: - Chú Ngạn ơi! Đắm tàu! Ba cháu, chị cháu với ba người anh của cháu chết hết rồi! Vợ chú với con chú cũng chết cả rồi!

Tôi vùng đứng dậy đưa mắt nhìn quanh. Lính Mã Lai đang quây những người sống sót vào góc dứa. Họ cũng như tôi, họ là những người được sóng đẩy vào bờ và may mắn thoát khỏi tử thần. Nhưng họ không được phép cứu những người bị ngộp nước như tôi. Nếu được cấp cứu, tôi tin chắc trong đám người nằm kia, ít lắm cũng có cả chục người sống dậy. Lính Mã Lai không cho cứu là bởi vì những kẻ xa lạ và bất nhân ấy đang lột quần áo người chết để lấy vàng và *dollars* giấu trong gấu quần, gấu áo, cổ áo, vạt áo. Mọi của xong, họ lôi xác chết tập trung lại một chỗ chờ xe mang đi chôn tập thể. Tôi từ gốc dứa bò tới, tìm trong đám 97 cái xác, thấy con trai đã chết hẳn. Tôi bế cháu lên và nhận ra ván tàu hoặc ghềnh đá đã đánh vỡ trán con tôi, còn để lại một vết dài thật rõ. Còn vợ tôi thì sóng biển đánh trôi đi mất, không tìm được xác!

Mọi chuyện diễn ra chỉ trong chớp nhoáng. Ngoài kia, biển vẫn âm ỉ gầm gào thét, chỉ thấy sóng xô dập chùng, không còn dấu tích gì của chiếc thuyền định mệnh. Hôm sau, từ trại tạm cư, chúng tôi được đưa trở lại bãi biển, thả bộ dọc xuống hướng Thái Lan, tìm thêm được một số xác chết nữa, nhưng cũng không thấy vợ tôi. Tổng số 161 người chết, chỉ vào bờ được khoảng 100 cái xác, phần còn lại sóng đưa đi mất tích. Có hai nhà sư Mã Lai gốc Hoa đem vải và nhang đến làm lễ cầu siêu trước khi lính Mã Lai đem chôn tập thể. Tôi ngồi dưới hàng dừa trông ra đại dương, nao nao mường tượng lại chặng đường đã qua, nhớ những buổi sáng chúa nhật vợ tôi lên thăm ở khu tiếp tân trường Bộ binh Thủ Đức. Rồi những lần từ thành phố xuống miền Tây chờ tôi ở hậu cứ tiểu đoàn. Khi sinh con đầu lòng, tôi từ đơn vị mặc quân phục, vội vã đón xe về thăm ở bảo sanh viện Đức Chính trên đường Cao Thắng. Nhớ hơn nữa là những lần vợ tôi gánh quả nặng trĩu đi tiếp tế cho tôi trong trại cải tạo, băng ngang 17 cây số đường rừng từ thị xã Phước Bình vào Bù Gia Mập. Tất cả đều đã qua đi, chỉ còn lại mặt nước mênh mông xanh thăm trước mặt, từng cuốn đi bao nhiêu xác người đồng hương!

Vợ tôi mất đi ở tuổi 26, sau những tháng ngày vất vả vì chồng. Lấy tôi khi tôi đã vào quân đội, thường xuyên xa nhà, vợ tôi cũng giống như bao nhiêu người đàn bà khác trong thời khói lửa, chẳng mấy khi được gần chồng. Khi tôi được biệt phái về lại bộ giáo dục, dạy học tại Sài Gòn, đã tưởng vợ chồng có thể sống đời dân sự yên ổn lâu dài, nào ngờ chỉ hơn một năm sau thì miền Nam thay đổi chế độ chính trị, bắt đầu cuộc sống mới lao đao gấp bội. Đoạn đường trầm luân ấy, có ngờ đâu rút cuộc lại kết thúc bi thảm bằng cái chết trên đại dương cùng với đứa con đầu lòng hơn 4 tuổi!

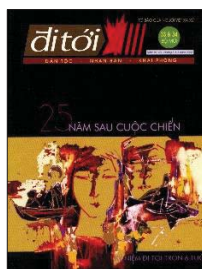
Tôi tin chắc cái chết của vợ tôi đã làm thay đổi hẳn cuộc sống của tôi. Nếu nói theo niềm tin thiêng liêng thì chính vợ tôi đã cứu tôi vào phút chót, trước khi đắm tàu. Bằng chứng là hơn 100 người đàn ông ngồi chung với tôi dưới hầm tàu đều chết cả vì ngộp nước. Em tôi, người giới thiệu tôi cho ông Ân, nếu đi cùng tôi chuyến ấy, chắc chắn cũng đã bỏ xác trên đại dương. Nhờ bị bỏ lại, nửa năm sau, em tôi cùng gia đình vượt biển thành công và gặp lại tôi tại Vancouver, Canada. Bà Ân và hai đứa con nhỏ được sóng đánh vào bờ thoát chết, đi định cư ở Texas, tôi vẫn liên lạc, cho đến khi trả xong 20 lượng vàng chồng bà cho tôi vay.

Những ngày trống vắng ở trại tỵ nạn Mã Lai chờ đi định cư, tôi suy nghĩ nhiều về nửa thế kỷ trầm luân của đất nước và nhận ra một điều đơn giản rằng: Trong xã hội Việt Nam, người đàn bà mới chính là thành phần chịu nhiều gian truân nhất. Cảm thông cái thực tế chua xót ấy, cùng với nỗi nhớ thương người vợ mới mất, tôi bắt đầu viết truyện dài “Những Người Đàn Bà Còn Ở Lại” trong ba tháng ở trại tạm cư.

Cuốn sách đầu tiên ấy, tuy kỹ thuật chưa cao, nhưng chứa đựng nhiều cảm xúc. Nó là bậc thềm thứ nhất, là nấc thang khởi đầu, để rồi từ đó đến nay tôi đã có được gần 30 tác phẩm xuất bản.



Hai mươi hai năm đã qua, trên mặt báo chí Việt ngữ, tôi chưa hề viết lại những dòng này để mô tả tỉ mỉ cái chết của vợ tôi với đứa con đầu lòng. Tuy vậy, từ thâm sâu, tôi vẫn tin chắc một điều rằng: Chính cái chết của vợ tôi đã mở cho tôi một cánh cửa mới tôi chưa hề dự trù trong quá khứ: Đó là thế giới văn chương mà tôi miệt mài theo đuổi cho đến hôm nay. ♦



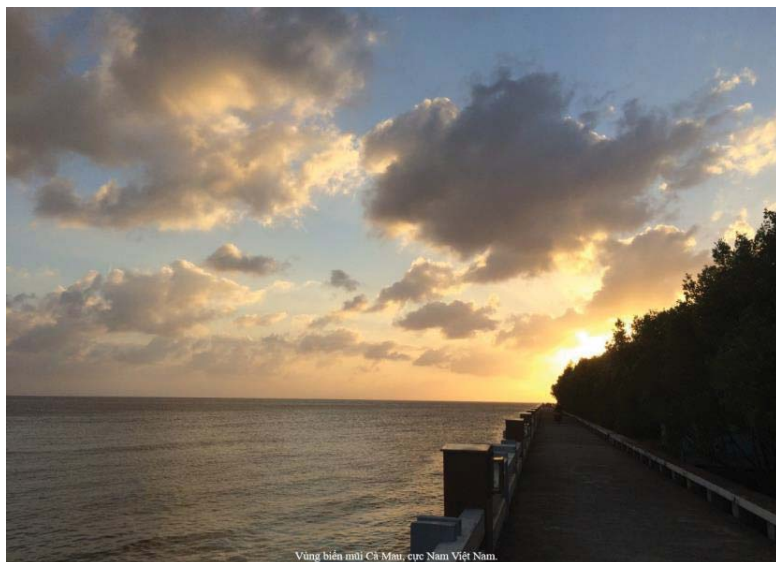
NGUYỄN NGỌC NGẠN

Tháng Tư 2000

Nguồn: Đi Tới 33 & 34, tháng 5.2000, xuất bản tại Montréal, Québec, Canada, chủ đề ‘25 NĂM SAU CUỘC CHIẾN’.

phù sa ra biển²

(cho Vincent Đạt...)



(*)

Đến trường
mỗi ngày
hai chuyến xe buýt vàng đưa, rước
túi đeo vai nặng đồ chơi, bánh, kẹo
bước tung tăng
cháu nhỏ chạy rong chơi.

Cháu đi học
tin vui quá làm kiếng mờ, mắt ướt.

Thân ông ngoại
phù sa ra biển...
vui đời mình
thành bờ đất đường đi
đường đã mở
chân hồng rộng bước
rông thênh thang
ngõ tới
nẻo quay về...

□ Đoàn Minh Hóa
(Montréal, 9.97)

(*) Đất Mũi, Cà Mau, cực Nam Việt Nam, 11.02.2019.

K

HÔNG THỂ NHÌN SÀI GÒN BẰNG TÂM THỂ

‘lấy HÀ NỘI là trung tâm’

□ NGUYỄN THU QUỲNH *tường thuật*

“... sự cởi mở, chân thành, phóng khoáng, sẵn sàng tiếp nhận, kể cả sự phê phán, một cách không thành kiến, thì người Sài Gòn hơn hẳn so với những người ở phía Bắc hay Hà Nội. Người Sài Gòn có sự tự hào chứ, nhưng không phải tự hào đến mức ngạo mạn đến mức coi thường nơi khác, trong tự hào vẫn sẵn sàng chia sẻ, lắng nghe và tiếp nhận những cái hay cái mới...”

Tôi rất thích tản văn của chị Hậu viết,... Qua đó, người ta thấy được, những giá trị của Sài Gòn vẫn còn ở đây, vẫn còn được người dân Sài Gòn cũng như người dân trong nước giữ gìn, cố gắng bảo vệ nó. Ngay cả cái tên Sài Gòn cũng vậy, người dân vẫn gọi là Sài Gòn, đó cũng là một cách mà chúng ta nhớ tới mảnh đất như vậy.”

♦ Chuyên gia kinh tế PHẠM CHI LAN.

Tường thuật buổi nói chuyện ngày 14-4-2018 của TS Nguyễn Thị Hậu “Sài Gòn – nhìn từ một người giao hòa Nam – Bắc” do Tia Sáng tổ chức trong khuôn khổ chuỗi hoạt động thường kỳ đưa khoa học và nghệ thuật đến công chúng.



Sài Gòn, vẫn được cho là “vùng đất mới”, được khai phá bởi những lưu dân từ phía Bắc vào. Dường như đó mới là cái nhìn một cách quá vội vã, của “kẻ khác” – từ bên ngoài, về không gian văn hóa đa dạng này. Và cái nhìn đó đã dẫn tới nhiều hệ lụy trong phát triển, bảo tồn văn hóa Sài Gòn, có thể gây ra những đổ vỡ, đứt gãy đáng tiếc.

Trong buổi nói chuyện “Sài Gòn – nhìn từ một người ‘giao hòa Nam - Bắc’ ” vào ngày 14 / 4/ 2018, TS Nguyễn Thị Hậu, người “sống với” Sài Gòn, hiểu và nhìn Sài Gòn đa chiều, từ sự “phân thân” nhiều góc độ - nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa, xã hội – một người sống, chứng kiến bao thăng trầm ở Sài Gòn ngót nửa thế kỷ - và một người “giao hòa Nam – Bắc”, đã phân tích về những “định kiến” trong quan điểm phát triển Sài Gòn. Định kiến đầu tiên về Sài Gòn, là coi đây có niên đại muộn, và thường bị “nhìn từ phía trung tâm ở Hà Nội”.



Tâm lý này thường thấy trong giới quản lý và thậm chí phổ biến ngay cả ở những người nghiên cứu lịch sử văn hóa xã hội.

Thứ hai, Sài Gòn luôn bị coi, bị gán vai trò lớn nhất là kinh tế.

Thứ ba, trong khoảng vài chục năm gần đây, người Nhập cư vào Sài Gòn quá nhiều, rất nhanh. Tầng lớp cư dân mới này không thể đặt mình vào tâm thức của người Sài Gòn đã sinh sống lâu ở đây, và càng không thể đặt mình vào tâm thức của người Sài Gòn đã đi khỏi Sài Gòn từ lâu nên khó lòng hiểu được những giá trị văn hóa, những di sản của Sài Gòn.

Ba định kiến đó khiến cho những di sản bị thay mới, bị phá bỏ một cách tiêu cực, nhanh chóng hơn bao giờ hết. Bởi vì chỉ nhìn Sài Gòn là “muộn”, là “mới” thì sẽ dẫn tới tâm lý lướt qua, không thừa nhận những giá trị đã tồn tại lâu bền. Đồng thời, khi đặt nặng vai trò kinh tế của Sài Gòn, thì tất cả những yếu tố khác chỉ là thứ yếu. Ví dụ gần đây nhất là khu vực Thủ Thiêm, vì chỉ được coi là vùng đất mới, nên rất nhanh chóng, những xóm làng có hàng trăm năm lịch sử bị dẹp đi để xây dựng khu đô thị mới mà không cần thời gian nghiên cứu, thẩm định giá trị văn hóa.

Đồng tình với TS Nguyễn Thị Hậu, chuyên gia kinh tế Phạm Chi Lan cảnh báo, Sài Gòn có thể sẽ trở thành một “thành phố không còn ký ức” nếu không gìn giữ di sản kịp thời. Bà nói:

“Bây giờ người Sài Gòn có tiếc những cái cũ không? tiếc nhiều chứ! đã có một thời gian nhiều người bạn tôi ở Sài Gòn kêu trời lên, rằng giờ Sài Gòn chẳng lẽ là một thành phố không có ký ức nữa hay sao? Khi mà đem đập phá hết một lô những ngôi nhà cũ, những chỗ rất đẹp, hoặc ngay cả đổi tên những con đường một cách vội vã. Nhưng tôi muốn thật rằng, có muốn phá đi, và thay bằng những cái mới vào như vậy cũng không áp đặt được đâu”.

Theo bà, không thể coi đây là vùng đất mới về văn hóa, lịch sử, mà chỉ có thể coi tính “mới”, vùng đất mới - vì đây là vùng đất “sẽ đang tiếp tục mở ra, sẽ phát triển tiếp, chứ không phải là không có cái gì để mà giữ cho nó”. Bà nhấn mạnh: *“không nên chỉ coi Sài Gòn là một trung tâm kinh tế để mà coi kinh tế là số một. Mặc dù tôi là chuyên gia kinh tế nhưng không bao giờ tôi coi kinh tế là số một. Mà văn hóa mới là cội rễ, cội nguồn. Nếu vì kinh tế mà hi sinh văn hóa, chặt bỏ quá khứ thì đó là một sự thiếu cận”.*

Trước những thực trạng đó, **TS Nguyễn Thị Hậu** cho rằng, chính quyền có quyết định quan trọng trong việc ứng xử sao cho phát triển được Sài Gòn một



cách hài hòa với bảo tồn những giá trị văn hóa, không đánh đổi vội vã để khiến nơi đây bị đứt gãy một cách đột ngột. *“Khi mà chính quyền không có ý thức bảo vệ di sản, vẫn coi đây là vùng đất mới thì khó lòng có thể bảo vệ được, đặc biệt là đằng sau họ lại là những nhà đầu tư luôn muốn phát triển Sài Gòn vì lợi ích kinh tế”*, bà nói.

MỘT SỐ Ý KIẾN TRAO ĐỔI

Khi bước vào buổi nói chuyện, nhà phê bình văn học **Phạm Xuân Nguyên** giải thích ngay chữ “giao hòa Nam Bắc” là từ mượn của cố GS Trần Quốc Vượng. Khái niệm này còn được gọi là đan xen văn hóa, hỗn dung văn hóa, giao hòa văn hóa, và cuối cùng, được sử dụng một cách phổ biến bởi giới nghiên cứu lịch sử là “tiếp biến văn hóa”.



TS. Nguyễn Thị Hậu chia sẻ, buổi nói chuyện này “chỉ là trải nghiệm cá nhân. Cũng không phải với tư cách người nghiên cứu văn hóa, mà là những cảm nhận của người bên trong”.

Đặc biệt là bà tránh sự so sánh, bởi vì văn hóa mỗi nơi có một đặc điểm khác nhau. Và bởi vì sự phân biệt, kỳ thị, so sánh văn hóa Bắc Nam vẫn luôn tồn tại, khiến người ta xa cách và không thể hiểu về văn hóa của nhau. Bà trình bày trong hơn một giờ đồng hồ, về những nét văn hóa đặc trưng của Sài Gòn, thông qua cảm nhận cá nhân - đã được chia làm các thời kỳ khác nhau:

- ♦ Thời kỳ đầu tiên với những ấn tượng về Sài Gòn của một người mới trở về từ miền Bắc, chông chênh và “đôi lúc cảm thấy cô đơn trong xã hội Sài Gòn lúc đó đang bị chia rẽ về mặt chính trị, còn mình thì lại có cảm giác bị cô lập, rất nhớ về Hà Nội”.

- ♦ Thời kỳ thứ hai, tìm và hiểu về Sài Gòn, trong 20 - 30 năm, dưới góc độ nghề nghiệp khai quật khảo cổ, làm bảo tàng nên rất hiểu về lịch sử văn hóa phía Nam, rất hiểu về Sài Gòn, và bắt đầu có sự phản biện những quan điểm chưa thực sự “thấu hiểu” và nhìn Sài Gòn như nó vốn có.

Bà cũng nói về sự đa dạng văn hóa, tính mở và khoan dung trong đặc điểm văn hóa Sài Gòn. Rằng: "người trong đó không có khái niệm 'người Sài Gòn' xịn/ gốc" như ở Hà Nội vẫn nghĩ. Có lẽ, những người vào Sài Gòn, đa dạng nguồn gốc, tầng lớp, khi vào đó sẽ thương yêu nhau, chấp nhận nhau, chứ không xa lánh, vì như thế không thể tồn tại. Ở Sài Gòn, bạn không cần thay đổi tiếng nói, không cần phải cố tỏ ra là người Sài Gòn". Về "tính cách" của Sài Gòn, "bên ngoài sự lạnh lùng của một đô thị lớn, thì Sài Gòn có những khoảng lặng, những người Sài Gòn vẫn nghe Bolero, bởi vì có sự cô đơn, có lẽ cũng vì cơ tầng văn hóa của những người lưu dân".

TS Nguyễn Thị Hậu tổng kết:

"Số phận Sài Gòn thăng trầm. Sài Gòn như một người đàn ông từng trải, lịch lãm nhưng chân tình, đa cảm, trượng nghĩa, bao dung. Có thể nói đây là những tính cách khá "duy tính", "hướng ngoại", như nhiều nghiên cứu nhà văn hóa phân tích".

Nhà văn Thái Kế Toại

nhấn mạnh rằng giao thoa văn hóa Nam Bắc ở Sài Gòn không phải khi nào cũng "xuôi chèo mát mái". Đó là tình trạng sau giải phóng, khá căng thẳng và có sự đổ vỡ quan hệ Nam Bắc do sự khác biệt quan điểm chính trị. Nhưng sau này, cũng may là với sự phát triển của kinh tế xã hội, thì sự căng thẳng đó nhạt dần đi, và bây giờ thì dấu ấn của nó cũng không còn nhiều nữa.



Nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên bổ sung thêm "tại thời điểm lịch sử đó, sự khác biệt là có, bởi vì [đất nước] bị chia cắt, [Bắc Nam] là hai vùng lãnh thổ, hai chính quyền, hai đời sống văn hóa khác nhau. Thậm chí, trước đây chúng ta phủ nhận nhiều giá trị, nhưng nay thì đã có sự thay đổi, ví dụ như nói là Việt Nam Cộng hòa, quân đội của Việt Nam Cộng hòa chứ không phải là "ngụy". Tuy nhiên chúng ta không bàn sâu về khía cạnh chính trị trên vùng đất này, mà chúng ta bàn sâu dưới khía cạnh lịch sử, văn hóa. Chúng ta đang bàn tán mạn dưới khía cạnh nhân, như là mỗi chúng ta đều có một Sài Gòn, một Hà Nội trong lòng vậy. Nếu như ngoài này là khép, là đóng thì trong kia là mở, ngoài này là thâm trầm sâu sắc, thì trong kia là phóng khoáng, hào hiệp".

Anh Lê Quang Bình, điều phối viên Understanding Vietnam Forum nhìn nhận dưới khía cạnh phát triển xã hội "Có phải mối quan hệ giữa con người với cảnh quan tự nhiên đang nhẹ đi hay không? Nên người ta chặt cây dễ hơn, phá hủy di sản dễ hơn? [Tương tự] với Hà Nội, khi người Hà Nội liên kết, liên hệ mình với cảnh quan nhiều hơn, thì đó có phải là cơ hội giữ gìn di sản tốt hơn không? Có thể thấy ví dụ qua phong trào bảo vệ 6700 cây xanh ở Hà Nội chẳng hạn".



Anh đã "suy nghĩ rất nhiều đến sức ép phát triển, đến sự đánh đổi của chúng ta cho phát triển và tin rằng chỉ có thể bảo vệ được Hà Nội khi chúng ta yêu Hà Nội. Chỉ bảo vệ Sài Gòn được khi yêu Sài Gòn."

Chuyên gia kinh tế Phạm Chi Lan:

"những biến thiên lịch sử của nước mình làm cho phân biệt vùng miền nhiều, làm chúng ta trở nên xa cách nhau nhiều hơn. Cả sau thống nhất đất nước cũng vậy, mình chưa làm tốt việc hòa nhập, hòa giải trở lại. Mình rất hăng hái hòa nhập với thế giới bên ngoài, nhưng bên trong thì mình lại không chịu. Cho đến bây giờ vẫn còn nhiều cái chúng ta chưa chịu hòa nhập với nhau, không hòa giải được bên trong, cái đó nó rất đau, nó làm chúng ta cứ cách xa nhau và nhiều khi phải có sự so sánh này khác. Đáng nhẽ ra, trong cả một chặng đường rất dài hàng nghìn năm, chỉ có 20 năm chia cắt đất nước đâu phải là quá dài, nhưng thực sự đau là 40 năm sau chiến tranh, chúng ta không xóa được những khoảng cách của 20 năm trong nội bộ dân tộc mình. Đó là cái trở nên đau và là trách nhiệm của rất nhiều người, trước hết là với những người có trách nhiệm quản lý, rất tiếc là chúng ta đã không chìa tay ra được, như là cách tiếp cận của ông Võ Văn Kiệt. Nhưng mà thôi, bây giờ cuộc sống cũng ngày càng khác đi rồi".



Bà nói về tính "mở" của Sài Gòn và Hà Nội:

"khó mô tả được hết tính cách của con người. Nhưng mà sự cởi mở, chân thành, phóng khoáng, sẵn sàng tiếp nhận, kể cả sự phê phán, một cách không thành kiến, thì người Sài Gòn hơn hẳn so với những người ở phía Bắc hay Hà Nội.

Người Sài Gòn có sự tự hào chứ, nhưng không phải tự hào đến mức ngạo mạn đến mức coi thường nơi khác, trong tự hào vẫn sẵn sàng chia sẻ, lắng nghe và tiếp nhận những cái hay cái mới ở những nơi khác đưa về. Người Sài Gòn rất mở lòng với những người ở tất cả các nơi khác đến, Sài Gòn luôn mở rộng cánh tay để đón mình vào, chứ không đẩy người mới đến xa ra và kỳ thị mình là một người gây khó cho Sài Gòn.

Còn người Hà Nội cũng có cách mở cửa mình. Chúng ta cũng nhớ rằng, vào thời Pháp, Hà Nội chỉ có 200.000 dân, còn bây giờ cả chục triệu rồi. Nhưng Hà Nội vốn dĩ chỉ có 200.000 thôi, số người đó đi Nam một phần sau năm 1954, di cư nơi khác một phần. Số còn lại có còn bao nhiêu đâu, nói như vậy có nghĩa là Hà Nội rất mở, tiếp nhận rất nhiều người ở các nơi khác về đây sinh sống. Nhưng tại sao Hà Nội không có tiếng “mở” như Sài Gòn, có lẽ là đặc điểm văn hóa khác nhau, người Hà Nội đôi khi thích sự nhẹ nhàng, kín đáo hơn." **Một độc giả** bày tỏ "công việc chị đang làm có giá trị rất lớn, thì chị có nghĩ liệu bao giờ có nhiều người hơn, đi tìm lại quá khứ, và sẽ tìm lại được gì trong 20 năm nữa?"

TS. Nguyễn Thị Hậu: "Không phải bây giờ chỉ có một mình chị đi tìm đâu. Mà các bạn trẻ ở Sài Gòn vẫn đang tiếp tục đi tìm quá khứ. Ví dụ, gần đây có trưng bày gần đây nhất là trưng bày dinh Norodom cho đến dinh thống nhất, do các bạn trẻ cùng tham gia làm - phần lớn trong đó là các bạn nhập cư mới tới Sài Gòn, đi tiên phong là các kiến trúc sư, sau đó là các nhà bảo tồn sát cánh cùng." Tuy nhiên TS Nguyễn Thị Hậu hơi bị quan về tương lai của di sản ở đây sau 20 năm nữa. Bởi vì, tuy đấu tranh để gìn giữ rất nhiều, nhưng văn hóa vẫn chỉ được coi là thứ yếu. Chính vì vậy, bà sẽ tiếp tục viết về văn hóa Sài Gòn, không chỉ với tư cách nhà nghiên cứu, mà viết tản văn, viết bằng tình yêu. Sài Gòn, để dễ chạm vào tình cảm của những người yêu Sài Gòn.

GS. Trần Ngọc Vượng vẫn giữ quan điểm Sài Gòn và Nam Bộ là vùng đất mới, mới được khai phá bởi nhà Nguyễn. Ông nói: "Hậu nói rằng không nên coi Sài Gòn là vùng đất mới, không, Sài Gòn là vùng đất mới, và Nam Bộ là vùng đất mới so với toàn bộ lịch sử Việt Nam. Nếu không nhìn như thế sẽ không nhìn ra đặc điểm của Sài Gòn. Vùng đất mới chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới sự thu hút cư dân, và quá trình lập nghiệp ở đây".



Nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên

bày tỏ quan điểm: "Mới" là từ góc độ của miền Bắc, người Bắc nhìn vào, chứ không phải là mới thực sự, mà trước đó đã có cư dân sống. Xưa nay chúng ta chỉ nghĩ nó mới có 300 năm thôi, còn trước đó là các quốc gia khác như Phù Nam, Chân Lạp."

PGS.TS Nguyễn Hoàng Anh, tiếc và buồn vì sự phân biệt văn hóa vùng miền giữa Nam và Bắc "tại sao lại có tâm lý đó? có cách nào xóa đi không? vì lý do gì mà chúng ta lại kỳ thị một cách buồn bã đến vậy?"



TS Lê Thị Minh Lý,

Ủy viên Hội đồng Di sản Quốc gia, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và phát huy giá trị di sản lo lắng: "Sài Gòn đúng là một thành phố có rất nhiều giá trị văn hóa, nhưng thực sự là chúng ta chưa nhận diện đúng và có chính sách đúng. Ví dụ, Sài Gòn chưa có kết quả kiểm kê văn hóa phi vật thể, đúng là không bao giờ có thể kiểm kê hết di sản văn hóa phi vật thể được, nhưng ít nhất là chúng ta cũng cần nghiên cứu và nhìn ra được có gì đang cần phải bảo tồn khẩn cấp chứ".



Bà Phạm Chi Lan chia sẻ "Tôi rất thích tản văn của chị Hậu viết, vì giúp tôi hiểu hơn về Sài Gòn, nhưng tôi còn cảm nhận được cái hay hơn nữa là nó tác động với nhiều người Sài Gòn đi ra ngoài, họ rất thích đọc những gì Hậu viết, vì khi đó họ thấy yêu, gần bó với Sài Gòn hơn nhiều. Qua đó, người ta thấy được, cuộc sống ở trong nước đang trong dòng chảy của nó, nhưng những giá trị của Sài Gòn vẫn còn ở đấy, vẫn còn được người dân Sài Gòn cũng như người dân trong nước giữ gìn, cố gắng bảo vệ nó. Ngay cả cái tên Sài Gòn cũng vậy, người dân vẫn gọi là Sài Gòn nhiều, đó cũng là một cách mà chúng ta nhớ tới mảnh đất như vậy."♦

NGUYỄN THU QUỲNH
tường thuật

Nguồn: http://www.viet-studies.net/kinhte/NTHau_SaiGonHaNoi.html

Ghi thêm: Ảnh chân dung trên Internet, Đi Tới trình bày, nhấn mạnh & ghi chữ đậm.

Có bao giờ bạn tự nghĩ: Mùa Xuân không bao giờ đến, không bao giờ đi, mùa xuân hiện hữu mãi trong lòng chúng ta? Xuân là nụ cười thật tươi, là tiếng cười giòn tan, rộn rã như chim hót líu lo trên cành, là những lời chúc lành như "tiền vô như nước, tiền ra rỉ rã, sức khỏe, vui vẻ, hạnh phúc, mưa may bán đắt, sức khỏe dồi dào", lời nào đẹp nhất để dành chúc cho mùa Xuân.

Nàng Xuân là ai, không ai biết, nhưng nói tới nàng Xuân là nói tới hạnh phúc, bình yên, may mắn, sức khỏe dồi dào, mọi sự hanh thông. Mùa Xuân ở Mỹ lạnh quá, California có nắng ấm nhưng gần đây không tránh khỏi lạnh, thương đồng bào ở các tiểu bang miền Đông, tuyết rơi rơi, một màu trắng xóa, ngồi trong nhà nhìn tuyết rơi ngoài khung cửa, chim không hót, vượn không hú, một màu tuyết trắng.

Ở xa về miền lạnh thích nhìn tuyết rơi rơi trắng xóa, nhưng người bản xứ thì sợ tuyết, sợ tuyết nên mùa Xuân nhiều người về miền nam California. Người giàu thì dễ dàng về việc di chuyển có máy bay, du thuyền, mùa Đông thì về xứ ấm, người nghèo thì ở một chỗ, tội nghiệp cho những người nằm ở viện dưỡng lão, nhà thương mùa Đông, hay Xuân vẫn nằm một chỗ, chờ người thân đến thăm.

Xuân trong lòng hay Xuân của đất Trời, vẫn là Xuân, vẫn là vui tươi và hạnh phúc.

Người không thù hận, lòng quảng đại, thương người, yêu đời, giúp người giúp đời thì lúc nào cũng tươi cười thì nhìn ở đâu cũng thấy mùa Xuân, nhìn người nào cũng thấy điểm tốt, điểm xấu thì quên đi, lòng quảng đại thì đời sống thoải mái hơn, và mùa Xuân ở trong lòng của chính mình.

Tôi gặp nhiều người, mùa Xuân thì vui hơn, mơ ước nhiều hơn, tôi phỏng vấn từng người tuổi tác khác nhau. Tôi hỏi luật sư Nguyễn Phương Minh:

- Luật sư mơ ước gì trong mùa Xuân.

Là một người sinh hoạt tích cực trong cộng đồng Việt Nam, Luật sư Minh bút hiệu là Đỗ Thái Nhiên trả lời:

- Mơ ước Việt Nam thật đủ có Tự do, Dân chủ, Nhân quyền, bảo toàn lãnh thổ, lãnh hải.

Ông Lê Hoãn, chủ đài tivi 57.3 vừa mướn thêm 2 đài nữa ở San Jose 16.10 và Houston 27.4 trả lời như sau:

- Đài ở đây 57.3 mở 10 năm vừa huê vốn, hai đài kia hy vọng huê vốn sớm hơn.

Tôi nói ngay

- Đài 57.3 có lập trường quốc gia vững chắc, có nhiều chương trình hữu ích, tin tức nhanh chóng, được nhiều người yêu chuộng thì 2 đài khác cũng sẽ được thương yêu, nói thật tôi thích nữa đem về sáng xem mục quanh ta của Mỹ Linh và Thanh Vân nhiều người gọi vào ban đêm, đặc biệt là nhạc, cả trăm nhạc sĩ cùng hòa tấu, tuyệt lắm, người nào mất ngủ nghe tiếng nhạc sẽ đưa vào giấc ngủ nhanh hơn, dễ dàng hơn.

ƯỚC MƠ MÙA XUÂN



♦ KIỀU MỸ DUYÊN ♦

Người già, người trẻ có lý tưởng, bao giờ cũng mong cho Việt Nam thật sự có Tự do, Dân chủ và Nhân quyền, nhiều người du lịch về Việt Nam thấy người Tàu đây đường phố Hà Nội, Nha Trang, tức lắm nhưng không biết làm sao? Mong xâm lăng của người Tàu có từ ngàn năm, mong xâm lăng bằng văn hóa và kinh tế, nhưng chắc chắn không thể nào được, đức cha Nguyễn Chí Linh chủ tịch hội đồng giám mục Việt Nam đã từng tuyên bố người Tàu không chiếm Việt Nam bằng võ lực, bằng quân sự, nhưng sẽ chiếm bằng văn hóa và kinh tế. Cố hòa thượng Thích Tâm Châu, Hòa thượng Thích Quảng Độ cũng đã nhìn thấy điều này

Khi nguy cơ mất nước thì đồng bào mình ngồi lại với nhau, một lòng chống xâm lăng thì làm sao người Tàu có thể chiếm Việt Nam được? Những người trẻ được kính phục vì người trẻ ở trong nước dám đi biểu tình chống sự xâm lăng của người Tàu, người trẻ Hồng Kông, cha mẹ của họ sinh ra dưới thời cai trị của chính phủ Anh, ông bà cha mẹ của họ định cư ở Anh, Mỹ, Canada, ông bà cha mẹ họ bảo lãnh thì họ sẽ định cư ở Âu châu, Mỹ châu, hay Úc châu nhưng họ không đi vẫn ở Hồng Kông để tranh đấu cho Hồng Kông có Tự do, Dân chủ và Nhân quyền. Người trẻ Hồng Kông xuống đường, hàng trăm ngàn người xuống đường tranh đấu bỏ luật Dẫn độ về Trung cộng, người trẻ Hồng Kông rất trẻ, lãnh đạo từ 22 tuổi dám đương đầu với thế lực quân sự cảnh sát, an ninh của Hồng Kông, người trẻ Hồng Kông làm cho cả thế giới kính nể, người bị bắt, bị đánh đập nhưng người khác vẫn tiếp tục tranh đấu. Tổng thống Trump ban hành hai đạo luật Dân quyền làm cho người đấu tranh Hồng Kông vững lòng tin và tiếp tục tranh đấu, 800,000 người xuống đường, đường phố đông đúc người biểu tình người trẻ Việt Nam chắc rồi cũng sẽ xuống đường tranh đấu cho Tự do, Dân chủ, Nhân quyền, và bảo toàn lãnh thổ & lãnh hải.

Người Việt Nam thương yêu người Việt Nam, ngày thường có thể bất đồng chính kiến, họp hội hay cãi nhau, nhưng khi hữu sự thì ngồi lại với nhau, cùng nhau làm việc, do đó nhiều hội đồng hương được thành lập, làm việc hữu ích cho cộng đồng, giúp người trong nước, cho học bổng cho học sinh nghèo, giúp người cô đơn, hội bạn người cùi giúp biết bao nhiêu người bất hạnh, hội Bình Định, hội đồng hương Huế, hội Quảng Nam-Đà Nẵng, và nhiều hội ái hữu cũng được thành lập như hội Ái hữu Gia Long, Trung Vương, Petrus Ký, Võ Trường Toản, Chu Văn An, hội Thủy quân Lục chiến, hội Biệt Động quân, hội Nhảy dù, Lực lượng Đặc biệt, Không quân, Hải quân v.v.. được thành lập nhiều năm, bây giờ vẫn tồn tại, hội Hậu duệ chiến sĩ... các hội được thành lập với mục đích cao cả. Thế hệ thứ nhất đi qua, thế hệ thứ 2, 3, tiếp nối làm việc mà ông bà của mình chưa làm xong, nhiều người bi quan nói: Ngày xưa người Tàu sang Mỹ làm đường ray xe lửa, và xây nhiều chùa, nhưng đến khi ông bà cha mẹ qua đời người trẻ bán chùa đó là người Tàu, nhưng tôi có niềm tin người trẻ Việt Nam, cộng đồng Việt Nam càng ngày càng phát triển chùa và nhà thờ sẽ được thành lập nhiều hơn, vì số người trẻ theo đạo nhiều hơn. Tôi phỏng vấn nhiều người trẻ Việt Nam:

- Cháu mơ ước gì trong mùa Xuân?

Nhưng câu trả lời thường thường giống nhau:

- Cháu gần ra trường, cháu mơ ước sau khi tốt nghiệp có công ăn việc làm, dành dụm tiền mua nhà.

Người khác trả lời: - Du lịch, làm việc thiện.

Người già mơ ước: - Con cháu thành công trong việc học hành, nói thông thạo tiếng Việt.

Kính trọng nhất là những nhà giáo tận tụy với học trò, học trò khi còn ở Việt Nam, khi sang Hoa Kỳ, ngoài giờ làm việc cuối tuần dạy tiếng Việt miễn phí cho thế hệ thứ 4, 5 sinh ra và lớn lên ở Mỹ.

Người nào cũng có ước mơ riêng của mình, hy vọng tất cả đều thực hiện được giấc mơ của mình.

Ở đây nhiều người trước khi chết để lại di chúc hỏa táng, đem ra biển rải để thân xác trôi về quê hương của mình. Sống chết đều có số, sống vui, chết bình thản, nếu lúc sống không làm nên tội ác thì thác sẽ được về cõi Niết Bàn hay đầu thai kiếp khác cũng sẽ được sung sướng, hạnh phúc. Không ai biết Niết Bàn ở đâu, không ai nói rằng mình về từ Niết Bàn, ở đó có gì sống ra sao nhưng ai cũng mơ ước sau khi chết được xuống địa ngục, sợ lắm.

Tôi quen nhiều người mơ ước sau khi chết được đưa về quê hương nơi chôn nhau cắt rún, ở đó có người thân, nhưng than ôi có bao nhiêu người được toại nguyện? Có người trước khi qua đời trần trối với người thân của mình, chết là hết, ở đâu cũng vậy, đừng làm phiền người thân của mình.

Mùa Xuân nào tôi cũng chúc quý đồng hương sức khỏe, vui vẻ, thành thoi, sống bình thản, sống vui vẻ với con với cháu của mình. Tôi chúc người trẻ công thành danh toại, đi vào vòng chính như hành pháp, lập pháp và tư pháp, những người trẻ phải có chỗ đứng trong xã hội, những người trẻ Việt Nam sẽ làm rạng rỡ tổ tông của mình, tôi mơ ước thật nhiều những người sống ở hải ngoại sẽ thành công trong công việc làm, và hiếu thảo với cha mẹ, giúp cộng đồng phát triển một cách mạnh mẽ.

Tôi kỳ vọng ở người trẻ nhiều lắm.

Lưu vong ở xứ người ai cũng mơ ước được trở về, nhất là những ngày lễ, ngày Tết, nhưng gần đây có nhiều người bị bệnh ngay ngày đầu, có người vừa trở lại Mỹ thì đi vào nhà thương ngay vì khí hậu không trong sạch, do ra đường bị ô nhiễm thức ăn không sạch bỏ quá nhiều bột ngọt ăn xong là choáng váng mặt mũi. Thương thay cho bà con của mình phải đi đó đây mấy chục năm nay, nhưng là những vùng quê hẻo lánh không có điện không có nước sạch, trẻ con không được đến trường vì nghèo quá. Tôi còn nhớ có em gọi kể khi đến một ngôi chùa nghèo, hẻo lánh, cách thành phố Huế vài ba giờ đồng hồ đi Honda, khi cô em đưa tiền cúng cho chùa sư cô nói:

- Bên kia chân núi có những người dân rất nghèo, chùa cũng nghèo, nhưng thôi, cô đem phân nửa qua cho bên kia.

Cô em của tôi rất xúc động người nghèo, chùa nghèo, những đứa trẻ mồ côi ôm nhom mà sư cô trụ trì đề nghị chia sẻ bên kia một nửa, mà số tiền chẳng có là bao nhiêu chỉ 1000 đô la. Lòng của người nghèo mà quảng đại làm cho tôi xúc động.

Tất cả mọi sự xảy ra đều ngoài tầm tay với mình giúp đỡ theo khả năng nhỏ bé của mình, muốn giúp nhiều hơn cũng không được, chỉ biết cầu nguyện cho người nghèo khá hơn, người khổ đỡ khổ hơn.

□□□

Chưa bao giờ được ăn Tết ở quê nhà, hi vọng một năm nào đó được ăn tết ở cao nguyên trung phần như Kontum, Pleiku, Ban Mê Thuột, hay ở núi rừng biên giới Việt-Lào, Việt-Miên, những nơi tôi đã từng đi qua, đã từng có những kỷ niệm thật đẹp ở đó.

Xuân tung bừng ở hải ngoại, pháo nổ vang trời, cũng có múa lân, đốt pháo, mai vàng rực rỡ, diễn hành Tết trên đường phố, nhưng ở đây không phải là đất nước của mình, nhiều người tự hỏi và tôi cũng tự hỏi: Đến bao giờ chúng ta được ăn Tết ở quê nhà?

Hy vọng năm nay rồi đến năm khác chắc chắn sẽ có một ngày về quê hương yêu dấu nơi chôn nhau cắt rún của mình. ♦

KIỀU MỸ DUYÊN (Xuân 2020)

Kieumyduyen1@yahoo.com

Ghi thêm: Tác giả cộng tác Di Tới năm 1998.



hững nỗi nhớ về

SÀI GÒN

♦ MAI THANH TRUYẾT

Hiện diện nơi cội trần gian cuối năm 1942, bài viết dưới đây chỉ nhắm vào một mục đích duy nhất là cố truy tìm trong ký ức những dấu ấn về Sài Gòn, nhất là vào những thời điểm còn là một cậu nhà quê lên tỉnh vào tuổi ấu thơ.

CHIA LÌA CUÔNG RÚN



Quê tôi, ấp Sò Đo, làng Tân Phú Thượng, Hậu

Chưa đầy ba tuổi nhưng dấu ấn đầu tiên là thủ đô Sài Gòn (hay Saigon) choáng ngợp mặc dù gia đình đang trong cảnh kinh hoàng và đau buồn trước đó với hình ảnh một

người cha trên người đầy máu và nhà cửa đang bị đốt cháy phừng phụt.

Cả gia đình còn lại gồm Ba Má, chị Hai, chị Sáu, anh Bảy, chị Chín, anh Mười... diu dắt nhau trên một chiếc xe ngựa hướng về Sài Gòn. Hai anh Ba và anh Năm trong thời điểm đó đang đi học ở đây.

Đó là hình ảnh tôi mang theo về Sài Gòn khi tuổi còn thơ, và sau đó, những hình ảnh đã khắc ghi trong tôi đậm nét với những gương mặt tuổi trên dưới 20, đầy nét hận thù đầy hùng khí trong vụ bắn Ba tôi và đốt nhà năm đó. Sau này, chính Má tôi kể lại, họ chính là những tá điền của gia đình tôi.

NỖI NHỚ ĐẦU TIÊN Ở SÀI GÒN: TUỔI THƠ

Tuổi thơ của tôi yên ả với ngôi nhà thuê tại đường Cô Bắc (Dumortier cũ). Nhà tôi số 1, nhà của chú Năm Nghĩa (ba của cô đào Thanh Nga) số 2.

Sống thong dong như mọi trẻ con, nửa quê, nửa tỉnh, chiều chiều thả diều trên bãi đất trống trong khu phố. Thỉnh thoảng “rắn mắt” cùng các bạn cùng tuổi đi

thọc trái “me keo” ở hàng rào bao bọc một thành Tây còn sót lại nằm trên góc đường Nguyễn Khắc Nhu (Ballande) và Trần Hưng Đạo (Galliéni cũ). Cũng biết đánh đáo, tạt hình với “tiền” là những bao thuốc lá xếp lại. Cũng biết lấy nút phén (nắp của những chai bia Larue, xá xì...) để dưới đường rầy xe điện chạy ngang qua ga Arras (Cổng Quỳnh) để được cán đẹp. Sau đó, đục hai lỗ ở giữa, thắt sợi dây vào và dùng hai ngón tay cái, xoay vòng vòng, làm vũ khí đấu với vũ khí của “địch”. Bên nào bị cắt đứt giây trước là bị thua. Đôi khi bánh xe “nút phén” được khóa vòng ngoài làm rãnh cưa để... chiến đấu. Tôi đã chứng kiến một bạn nhỏ cùng xóm bị nút phén cắt đứt mỗi khi vũ khí của anh ta bị cắt đứt dây. Cũng biết bắn đạn (*người Bắc gọi là bắn bi*), cũng biết đi “hoang” cùng chúng bạn, xuống chợ Cầu Muối đường Cô Giang (Douaumont cũ). Cũng biết thỉnh thoảng chạy qua đồng rác của nhà máy làm võ ruột xe đạp Labbé để lượm những ống ruột xe đạp được cắt từng sợi dây thung kết liền nhau. Và đây cũng là một loại “tiền” để tuổi trẻ chúng tôi “ăn thua” trong khi đánh đáo hay bắn đạn... Các dây thung này cũng được tuổi trẻ “gái” kết nối làm sợi dây dài dùng để nhảy dây. Có thể nhảy một mình, nhảy đôi hoặc nếu dây dài hơn nữa, có thể nhảy một lượt nhiều người trông rất đẹp mắt và vui. Cũng biết chạy theo sau xe ngựa với chiêng trống inh ỏi, hai bên là hai bảng vẽ quảng cáo chiếu phim ở các rạp hát bóng. Chạy theo để lượm những tờ *programme* của các phim sắp chiếu của rạp Nam Tiến bên kia cầu Ông Lãnh. Đôi khi mạo hiểm hơn nữa, xuống Cầu Ông Lãnh, vượt qua Cầu Mống, thả lặn qua nhà máy thuốc lá Bastos và dừng lại ở rạp hát bóng Nam Tiến.

Ba tôi không cho đi học lớp năm như mọi đứa trẻ khác mà Ba dạy tôi ở nhà, để rồi sau đó vô trường học lớp tư (lớp 2 sau này).

Thế mà tôi cũng hoàn tất bậc tiểu học ở trường Tiểu học Trương Minh Ký nằm ngay góc đường Nguyễn Thái Học (Kitchener cũ) và đại lộ Trần Hưng Đạo.

NỖI NHỚ THỨ HAI: ĐÁM TANG TRẦN VĂN ƠN

Qua tin tức do hai người anh lớn kể lại, học sinh Trần Văn ƠN đang học lớp Première ở trường Petrus Trương Vĩnh Ký, nhưng vì một lý do gì đó bị bắn chết ngày 9/1/1950 tại trường. (Người viết thiết nghĩ không cần thiết nêu ra nguyên nhân hoặc lý do vì không nằm ngoài kỷ ức và còn trong vòng tranh cãi vì ý thức hệ).



Từ sáng sớm 12-01-1950 hàng chục ngàn học sinh, sinh viên và dân chúng đã tề tựu chật sân trường và sân vận động trong khuôn viên trường, trong đó có tôi thấp túng cùng với hai người anh, và cũng không biết tại sao lại có mặt ở đây nữa? Nhìn thấy bà con, cô bác từ khắp nơi, sinh viên, học sinh cùng từng hàng xe xích lô chở nước, bánh mì. Đoàn người sau khi tề tụ đông đủ và ngay hàng thẳng lối rất trật tự đứng 7g30 sáng. Đoàn khởi hành đi theo lộ trình từ trường Petrus Ký ra đường Nancy (sau là Cộng Hòa), theo vòng xoay đi đường Frédéric Drouhet (Hùng Vương), quẹo qua đường Armand Rousseau (Trần Hoàng Quân) vòng ngã sáu Chợ Lớn, đi thẳng qua hàng rợp La Bière nhắm thẳng đến nhà quán đường Thuận Kiều, nơi chứa quan tài anh ƠN. Sau cùng dừng lại ở một nghĩa trang nằm trước sân vận động Renault mà sau này đổi tên là sân vận động Cộng Hòa. Đây là một kỷ niệm khó quên khi chưa đầy 8 tuổi!

NỖI NHỚ THỨ BA: TRẬN GIÁC BÌNH XUYỀN

Định mệnh đã đưa đẩy tôi cùng học dưới hai trường có tên Ký, và là hai thầy trò với nhau. Đó là trường Trương Minh Ký và Trương Vĩnh Ký. Một kỷ niệm nơi đây mà tôi không bao giờ quên là trận đánh giữa quân đội quốc gia và lực lượng Bình Xuyên.

Số là phải dành cho trường Chu Văn An vừa mới di cư từ miền Bắc vào, các lớp đệ nhứt cấp chúng tôi mỗi ngày chỉ học 2 giờ từ 11 giờ tới 1 giờ trưa. Lực lượng quân đội Bình Xuyên chiếm khu nội trú của trường không biết từ bao giờ (hai dãy nội trú sau này trở thành Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn là nơi tôi từng sự ngay sau khi từ Pháp về năm 1973).

Tôi còn nhớ, ngày hôm ấy là buổi học Pháp văn của thầy Phạm Văn Thới (sau này thầy làm Chuyên viên trong Phủ Thủ tướng và qua đời năm 2002). Tiếng súng bắt đầu nổ giữa trưa. Quân Bình Xuyên bò lên đỉnh của nóc nhà ngang, nơi có phòng thí nghiệm và phòng vệ sinh của trường.

Bên ngoài từ hướng cổng trường từ đường Nancy, quân chính phủ gồm những lính người Nùng chạy xuyên qua hành lang rộng.

Hai bên bắn nhau, tôi không thấy ai bị thương hay chết cả. Sau này mới biết là nạn nhân của cuộc giao tranh hôm ấy chính là bức tượng bán thân Petrus Ký, hướng mặt về phía cổng trường. Cụ bị một vết đạn làm má bên phải lún sâu vào như một đồng tiền (giả tạo). Vì tượng bán thân của Cụ hướng ra đường Cộng Hòa, cho nên thủ phạm hẳn là do lính chính phủ bắn vào... Chỉ sau độ nửa giờ giao tranh, Ông Hiệu trưởng Phạm Văn Còn bắt loa kêu gọi hai bên ngưng chiến và thầy trò chúng tôi bắt đầu ra khỏi trường. Thay vì chạy thẳng về nhà, lũ trẻ chúng tôi lại mân mê và đi lượm những vỏ đạn đồng rơi tung tóe trên sân trường, làm các thầy giám thị phải một phen cực nhọc xua đuổi.

NỖI NHỚ THỨ TƯ: NÉM ĐÁ CỘNG SẢN

Vào năm 1954, khi Hiệp định Genève, Thụy Sĩ được ký kết vào ngày 20/7, theo giao ước, những người lính cộng sản được tập trung tại nhiều địa điểm ở Sài Gòn, để rồi sau đó được tập kết về Bắc. Qua một người anh lớn, tôi biết có hai địa điểm tập trung: một là khách sạn Majestic ở đường Catinat (Tự Do), và một ở góc đường Galliéni (Trần Hưng Đạo) và Huỳnh Quang Tiên, đối diện với nhà ga Arras (Cổng Quỳnh). Dù còn nhỏ cũng như chưa hiểu nhiều về Quốc-Cộng, tôi cũng tham gia... ném đá vào các cửa sổ của khách sạn (dù không trúng vào đâu cả!).

NỖI NHỚ THỨ NĂM: TẤN CÔNG CHÙA XÁ LỢI



Ngay từ khi Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu ở đường Lê Văn Duyệt vào đầu tháng 6/1963, tình trạng xáo trộn ở Sài Gòn ngày càng phức tạp hơn, căng thẳng hơn. Và cao điểm là vụ tấn công chùa Xá Lợi đêm 20/8, hành pháp Đệ I Cộng hòa cho lệnh bắt tất cả Phật tử và thầy tu trong chùa, duy chỉ có thầy Thích Trí Quang trốn thoát.

Vào buổi xế trưa ngày thứ sáu 23/8/1963, trong một buổi học Histology do Gs Listenberger dạy tại Đại học Y khoa số 28 đường Trần Quý Cáp (sau 30/4/1975, nơi này được dùng để làm bảo tàng viện Tội ác Mỹ Ngụy),

tôi rất ngạc nhiên khi thấy Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu và sinh viên Tô Lai Chánh bước vào, cả hai đều cạo đầu trọc lóc. Ngay sau đó, Gs Mẫu nói cho sinh viên cả lớp biết tình trạng chính trị hiện tại và yêu cầu toàn thể bãi khóa và tham dự biểu tình ngày chủ nhật 25/8 sắp đến. Khi ra về, chúng tôi cùng hai bạn trong Nhóm Nguồn Sống là Bs Hoàng Cơ Trường (đã mất) và Ks Nguyễn Kim Long (Westminster) quyết định tham gia biểu tình.

Sáng sớm chủ nhật, tôi đang chạy xe mobylette ngang qua nhà thờ Đức Bà thì bị bắt. Bị chở về bót Quận I, và chiều đó được chuyển vào Nha Cảnh sát đường Võ Tánh (Frères Louis). Số người bị bắt rất đông. Tôi hôm đó, tất cả được dồn lên xe nhà binh bít bùng... trực chỉ Trung tâm huấn luyện Quang Trung (chỉ biết được là Quang Trung ngày hôm sau).

Theo lời một sĩ quan tuyên bố, từ nay tất cả chúng tôi đã là tân binh, quần áo bị tịch thu và được phân phối hai bộ quân phục mỗi người cùng với giày vớ và ba lô cùng lon hũ để đựng thức ăn... Ở Quang Trung tập cầm súng, đi ắt ê đầu được một tuần lễ, tôi được thả về; và từ đó mới biết là Quách Thị Trang bị bắn ở bùng binh chợ Sài Gòn hôm 25/8. Đây có thể nói về kinh nghiệm được mặc quân phục và cầm súng trên vai trong suốt cuộc đời. Một nỗi nhớ khó quên!

NỖI NHỚ THỨ SÁU VÀ SAU CÙNG:

NGÀY 30 THÁNG TƯ 1975 và SAU ĐÓ

Nỗi nhớ dưới đây chính là nỗi nhớ Sài Gòn đã khiến cho tôi lấy quyết định cho suốt cuộc đời còn lại là phải dứt khoát tranh đấu nhằm **xóa tan cơ chế chuyên chính vô sản của Cộng sản Bắc Biệt và “đánh đuổi Trung cộng”** về Tàu. (Tác giả ghi chữ nghiêng và nhấn mạnh). Dứt khoát như vậy!

Xin thưa,

Vào thời điểm ngay sau ngày 30/4/1975, tâm trạng người dân Sài Gòn hoang mang cực độ. Nhà nhà e dè mỗi khi tiếp xúc hay trao đổi với những người hàng xóm thân thuộc trước kia. Không khí xóm giềng thân mật không còn ứng hợp với câu *“bà con xa không bằng láng giềng gần”* nữa, đổi lại bằng những cặp mắt nghi ngờ, e sợ, nhất là khi thấy bóng dáng một người quen thuộc nhưng trên cánh tay có mang một băng vải đỏ. Đó là hình ảnh tiêu biểu nhất cho những ngày đầu gọi là “cách mạng”.

Chúng tôi, một nhóm giáo chức của trường Đại học Sư phạm Sài Gòn gồm Gs Nguyễn Văn Trường (mất 2018), Gs Lý Công Cần (mất 2017), Gs Lê Trọng Vinh (mất 1977), Gs Trần Kim Nở (mất 2018),

Gs Trần Văn Tấn (mất 2016), và người viết (đã ở khu cư xá 57 Tự Đức từ mấy ngày trước 30/4), chúng tôi đang ngồi với nhau để bàn thảo xem phải hành xử như thế nào, trình diện ra sao, vì hôm đó chỉ là ngày thứ hai của “cách mạng”, tức thứ năm ngày 1/5/1975.

Tình cờ Gs Nguyễn Hoàng Duyên (hiện là Luật sư ở San Jose), một thành viên của Ban Hóa học của trường chạy Honda đến. Tôi đề nghị với các giáo sư huynh trưởng để tôi cùng Duyên lên trường xem xét tình hình trước.

Hai anh em đèo nhau trên chiếc Honda dame, mỗi người một tâm trạng bất an, nhưng vẫn không lộ ra. Khi vào khỏi cổng trường, không khí hoàn toàn khác, không còn một không khí quen thuộc như ngày nào. Một cảm giác nặng trĩu nơi tôi khi nhìn thấy một Giảng nghiệm viên (tên V.) thuộc Ban Vật vật mang băng vải đỏ nơi cánh tay, chặn chúng tôi lại, và hỏi với nét mặt lạnh lùng: *“Hai anh vào ghi tên trình diện đi.”*

Bước vào một phòng thí nghiệm hóa học, tôi lại thấy anh Nguyễn Minh Hòa (sau 30/4 được “xếp” vào vị trí *Trưởng khoa Hóa Đại học Sư phạm “Tp HCM”* thay thế chỗ của người viết trước ngày đó, vì *“người” đã từng tuyên bố sau đó là nhờ cách mạng mà vợ tôi mới... mang thai được và tôi có con nối dòng (!)*, (hiện tại đã về hưu), cũng là một giảng nghiệm viên của tôi, cũng mang băng đỏ trên cánh tay hỏi tôi bằng một giọng lạnh lùng, không còn “lom khom” kính trọng như cách vài ngày trước đó. Dĩ nhiên là tôi ghi tên và bước ra ngoài.

Đi lần đến văn phòng Phó Khoa trưởng, cánh cửa đã bị mở toang từ lúc nào, tôi thấy Ngô Phàn, một sinh viên Ban Lý hóa của trường đã chạy vào bùng hai năm về trước. Phàn hỏi tôi, trên tay cầm khẩu súng lục nhỏ của Gs Lý Công Cần: “Anh có gặp Ô. C. không? Tôi đáp: “Gs LCC sẽ vào trình diện sáng nay.”

Quan sát chung quanh sân trường, tôi chỉ thấy vài chị “nhà quê” quần khăn rằn trên cổ, vẻ mặt thể hiện nét thỏa mãn của kẻ chiến thắng bước qua lại, chỉ chò các “anh” đeo băng đỏ mà trước đó chỉ vài ngày là những giáo sư của Việt Nam Cộng hòa. Ngoài ra, không thấy bóng dáng của một “cán bộ” hay “bộ đội” Bắc Việt nào cả.

Sau đó, Duyên và tôi đi về báo cho các giáo sư đang chờ đợi ở cư xá Tự Đức. Mọi người lên trường trình diện ngay sau khi được chúng tôi thông báo.

MỘT THỜI KHÔNG QUÊN

Một tháng sau, mọi sự đi dần vào ổn định, nghĩa là mọi thủ tục kiểm soát, kiểm tra đã hoàn tất, số giáo sư của trường được chia ra làm hai nhóm rõ rệt:

* 1. Các giáo sư đeo băng đỏ trong những ngày đầu trở thành các Tổ trưởng và Tổ phó học tập trong đó Tôn Nữ Thị Ninh là một Tổ trưởng sáng giá nhất, và

* 2. Số giáo sư còn lại chiếm đa số là Tổ viên.

Chúng tôi bắt đầu chương trình “học tập” tại chỗ với mỗi tổ khoảng trên dưới 20 người, trong đó, ngoài Tổ trưởng, Tổ phó còn có một giáo sư hướng dẫn học tập mới vào từ miền Bắc. Nơi trường Sư phạm, các “giáo sư” đó đến từ trường Đại học Sư phạm Vinh, trong đó, “một cháu ngoan của Bác” tên Trần Thanh Đạm làm Hiệu trưởng, “Giáo sư” Cao Minh Thị làm Hiệu phó, “Giáo sư” Nguyễn Văn Châu và một số “Giáo sư” khác như Yến, Thoa... và một số khác tôi không còn nhớ tên. Tuy nhiên, một người Trường ban tổ chức mà tôi không bao giờ quên được, đó là Bảy Được, một công an chánh gốc, mà sau này đã hỏi cùng tôi cùng với một sĩ quan cấp tá công an là chồng của giáo sư Yến nói trên.

Dĩ nhiên những buổi học tập trên có tính chất giáo điều, diễn ra trong tẻ lạnh vì thái độ bất hợp tác của đa số giáo sư, ngoài những câu hỏi cò mồi của “đám giáo sư đeo băng đỏ”. Tuy nhiên cũng có những giây phút sôi nổi vì các câu hỏi “móc lỏ” của một số giáo sư trẻ như Duyên và Tuấn làm cho “đám ba mươi” cứng họng, vì họ làm sao có khả năng giải đáp được trong khi chứa trong đầu một tâm thức nô lệ!

Một kỷ niệm tôi còn nhớ đến hôm nay sau 44 năm là buổi đúc kết học tập. Tổ trưởng của tôi là một tiến sĩ cũng tốt nghiệp bên Pháp và là Phó ban Hóa học thời Việt Nam Cộng hòa tên *Nguyễn Thị Phương* (hiện ở tại Rennes, Pháp). Trong suốt thời gian “học tập”, Cô Phương thường đi bên cạnh một “nòng cốt” thực sự, có tên Bùi Trân Phượng, con một giáo sư Việt văn bên Đại học Văn khoa. Cô này luôn luôn mặc áo bà ba và quần lãnh đen và cũng “bắt chước” túi sách cán bộ sau lưng, luôn quần trên cổ một khăn rằn.

Cô này luôn luôn “bên cạnh” “anh” Ba Trục của thành ủy mỗi lần đi họp Tổ của Hội trí thức yêu nước Tp HCM có trụ sở chiếm được ở Cư xá Phục Hưng cũ đường Nguyễn Thông (Tôi không “có” vào Hội này, chỉ “bị bắt buộc” đi họp vì các buổi họp nằm trong chương trình của giai đoạn “học tập chánh trị”).

Trong thời gian này, Phượng còn là sinh viên, nhưng ở thời điểm hiện tại (2019), Phượng là một “tiến sĩ” giữ nhiệm vụ một Khoa trưởng một trường Đại học tư ở Sài Gòn và làm thêm nhiệm vụ “đặc biệt” cho một tổ A... ở Boston (!)

Tôi được xướng danh đọc bài đúc kết học tập đầu tiên. Vì đã chuẩn bị trước, tôi đã nhờ người học trò “ruột” hiện ở Vancouver soạn thảo, ghi lại tất cả những lời “Bác Hồ dạy”, “Bác Tôn dạy” cùng các phát biểu của “Chú Duẩn” v.v... Tất cả được học trò tôi đúc kết, ráp nối trên 30 trang giấy...

Và trong suốt buổi đúc kết, tôi là cây đĩnh trong đó. Tôi đã chiếm hết giờ dành cho Tổ để đúc kết. Do đó, sau khi thảo luận bài đúc kết, vì đã hết giờ cho nên các đồng nghiệp còn lại của tôi được ra về khoan khoái vì đã tránh được nói lên những điều ngược với lòng mình...

Trong suốt những ngày tháng gọi là “học tập”, thỉnh thoảng cũng có những cán bộ cao cấp từ ngoài Bắc vào như Cù Huy Cận, Xuân Diệu, và nhiều người khác... giảng dạy về thiên đường cộng sản.

Một hôm, tại giảng đường của Đại học Khoa học có sức chứa gần 500 người, nhà thơ tình lãng mạn “ngày xưa” Xuân Diệu đăng đàn. Có thể nói, chưa bao giờ tôi có thể hình dung được một cán bộ cao cấp của cộng sản, từng giữ chức Thứ trưởng Văn hóa Bắc Việt có những thái độ và cung cách thiếu văn hóa như thế.

Ông Xuân Diệu, với cái áo sơ mi bỏ ngoài, mang đôi dép lẹp xẹp, vai mang cái bị da cán bộ... chễm chệ ngồi cao trên bục giảng... tự do phát ngôn. Bên cạnh đó hai chai la de Con Cọp BGI 75cc và một ly lớn. Vừa uống, vừa nói, miệng mồm đầy bọt bia, tay chân “huênh hoang” với luận điệu của kẻ chiến thắng...

Và những câu nói ngày hôm đó là bài học... đầu tiên của tôi sau “cách mạng”.

Ông ta nói cái gì?

Xin thưa,

“Ông ta chê chế độ Việt Nam Cộng Hòa, đặc biệt là giới trí thức miền Nam, giới giáo sư đại học... và ví tất cả như những cây cổ thụ xum xuê cành lá... nhưng không có rễ.”

(Xin các giáo sư có mặt ngày hôm đó, hiện đang ở hải ngoại làm chứng dùm cho tôi, để tôi khỏi bị nói oan là bêu xấu chế độ ưu việt bằng triệu lần tư bản).



MỘT THỜI ĐỂ NHỚ LẠI VÀ SẼ KHÔNG BAO GIỜ QUÊN

Sau 44 năm, nghiệm lại câu nói năm xưa của một thi sĩ “*thương cha thương một, thương ông thương mười*” của Tố Hữu, người bạn của Xuân Diệu, lòng tôi chùng xuống và cảm thương cho một người lớn lên trong “cách mạng”, được “cách mạng” nuôi dưỡng... cho nên mới có ý so sánh đầy “biện chứng” trên.

Bốn mươi bốn năm qua, bây giờ cả thế giới mới thực sự thấy rõ hình ảnh Việt Nam ngày nay, hình ảnh này đã chứng minh rành rọt qua một đất nước tan hoang từ xã hội băng hoại cho đến đạo đức suy đồi, trong đó giáo dục thể hiện tất cả những gì tồi tệ nhất như thầy trò, cô trò... có thể trao thân vì những đổi chác cho một kỳ thi, hay một mảnh bằng, chưa kể những tệ hại khác không cần phải nêu ra đây. Có thể nói, trong lịch sử giáo dục Việt Nam chưa có thời đại nào đưa đến sự đảo lộn luân thường đạo lý như giai đoạn hiện tại của Đất và Nước hôm nay.

Bài học đầu tiên của Xuân Diệu 44 năm về trước về cây cổ thụ cần phải được xem xét lại.

Do đó, cần phải nói cho rõ ràng là “Cây cổ thụ xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện tại là một cây chết khô, không hoa, không lá, không rễ, và thân cây đã mục nát, thậm chí mối và một cũng không còn gì có thể gặm nhấm được”.

Và sau hơn 44 năm, hệ thống giáo dục của Cộng sản Bắc Việt đã biến học sinh thành một công cụ cho đảng như suy nghĩ của Phạm Đình Trọng:



Trọng: “*Học trò thay vì thích thú mặc bộ đồ mới đón năm học mới như đứa trẻ xênh xang áo mới đón ngày tết lại phải mặc đồng phục đồ lính, đội mũ lính, mang vẻ mặt xung trận, đi ắc ê một, hai, tập những bước đi đầu tiên của rô bốt công cụ, của bầy đàn, muôn người như một, không có cá nhân, không còn cá tính*”... trong ngày khai trường cho niên học mới.

Và một tương phản khác của ngày khai trường năm 2019 ở một miền núi trên cao nguyên Việt Nam với hình ảnh học trò ngồi chồm hổm trên đôi chân đất trong “lớp học - sân trường lầy lội” dưới trời mưa lâm râm, hay phải “đu dây” qua thác ghềnh trên đường đi đến trường!

THAY LỜI KẾT



Tiến sĩ Mai Thanh Truyết *

Quý bà con vừa đọc xong “Những nỗi nhớ về Sài Gòn” của một người con Việt. Suốt 30 năm từ 1945 đến 1975 (trừ 10 năm vắng “quê” Sài Gòn vì du học), trải dài từ những bước chân thơ dại đến những bước chập chững vào đời. Đôi chân đó đã từng lê la khắp mọi nơi, để lại biết bao nhiều kỷ niệm cùng sự thăng trầm của thủ đô Sài Gòn yêu dấu. Từ những buổi sơ khai, Sài Gòn vẫn còn nét mộc mạc, vẫn còn những con đường đất, rồi trải đá, rồi tráng nhựa. Sài Gòn với đường xe điện từ bùng binh đến Chợ Lớn qua những ga: Ga chánh Sài Gòn có logo hình con cò trắng, ga Arras (Cổng Quỳnh), ga Nancy (Cộng Hòa), ga Cuniac, ga An Bình, ga Jaccaré, và cuối cùng là ga Bonhoure (Hải Thượng Lân Ông).

Làm sau quên được Sài Gòn với bột chiên ngà sáu. Sài Gòn với ăn chơi, với sông bạc Kim Chung và Đại Thế Giới. Sài Gòn với Bò 7 món Pagolac, với bánh bao Ông Cả Cẩn. Sài Gòn với quán cơm sinh viên Anh Vũ đường Bùi Viện, với cà phê Năm Dưỡng nơi bùng binh Hồng Thập Tự, Nguyễn Hoàng, Nancy, Lý Thái Tổ, Phạm Viết Chánh...

Và Sài Gòn với muôn trùng nỗi nhớ trong tim...

Giờ đây viết lại, người viết không cảm được xúc động. Xin chia sẻ cùng bà con khắp nơi với cùng một lời nguyện: “những người con Việt sẽ cùng góp tay xây dựng lại Đất và Nước một khi sạch bóng quân thù.”♦

MAI THANH TRUYẾT

Một người con Việt (Đức Hòa – Trảng Bàng)
Tết Canh Tý 2020

Ghi thêm: Tác giả Mai Thanh Truyết, Tiến sĩ Hóa học Besançon (Pháp), cựu giáo chức tại Việt Nam trước 1975, cộng tác Đi Tới năm 1999.

Ảnh do tác giả cung cấp.

(*) Tranh chân dung tác giả (2001) qua nét vẽ của cố họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn, phụ trách Mỹ thuật Đi Tới.

Ta về - một bóng trên đường lớn,
Thơ chẳng ai đề vạt áo phai...
Sao vẫn nghe đau mềm phé phủ?
Mười năm, đá cũng ngậm ngùi thay.

Vĩnh biệt ta-mười-năm chết đắp
Chôn rùng thiêng im tiếng ngàn thu.
Mười năm, mặt sạm soi khe nước,
Ta hóa thân thành vượn cỏ sơ.

Ta về qua những tròng cùng phá,
Nếp trán nhăn đùa ngọn gió may.
Ta ngần ngợ trông trời đất cũ,
Nghe tàn cát bụi thảng năm bay.

Chỉ có thể. Trời cam đất nín.
Đời im lìm đóng vầng xanh xao.
Mười năm, thế giới già trông thấy.
Đất bạc màu đi, đất bạc màu...

Ta về như bóng chim qua trể
Cho vội vàng thêm gió cuối mùa.
Ai đứng trông vời mây nước đó,
Ngàn năm râu tóc bạc phơ phơ.

Một đời được mấy điều mong ước?
Núi lở sông bồi đã lắm khi...
Lịch sử ngời đi nhiều tiếng động.
Mười năm, cỏ lục đã ai ghi?

Ta về cúi mái đầu sương điểm,
Nghe nằng từ tâm lượng đất trời.
Cám ơn hoa đã vì ta nở.
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi.

Tưởng tượng nhà nhà đang mở cửa,
Làng ta, ngựa đá đã qua sông,
Người đi như cá teo con nước,
Trống ngũ liên nồn nả giống mừng.

Ta về như lá rơi về cội.
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay.
Chút rượu hồng đây, xin rưới xuống,
Giải oan cho cuộc biển dâu này.

Ta khóc tạ ơn đời máu chảy
Ruột mềm như đá dưới chân ta.
Mười năm chớp bể mưa nguồn đó,
Người thức nghe buồn tận cõi xa.

Ta về

TÔ THUYỀN



*Chút rượu hồng đây, xin rưới xuống,
Giải oan cho cuộc biển dâu này.*

Ta về như hạt sương trên cỏ
Kết tụ sâu nhân thế chuyển dời.
Bé bỏng cũng thì sinh, dị, diệt.
Tội tình chi lắm nữa, người ơi!

Quán dốc hơi thu lửa nổi nhớ.
Mười năm, người tỏ mặt nhau đây.
Nước non ngàn dặm, bèo mây hồi,
Đành uống lưng thôi, bát nước mời.

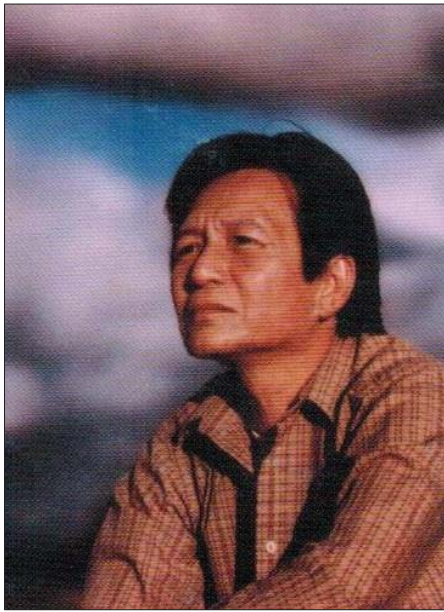
Ta về như sợi tơ trời trắng
Chấp chới trôi buồn với nắng hanh.
Ai gọi ai đi ngoài quăng vắng?
Phải, ôi vàng đá nhấn quan san?

Lời thề truyền kiếp còn mang nặng
Nên mắc tình đời cỏi chẳng ra.
Ta nhớ người xa ngoài nỗi nhớ.
Mười năm, ta vẫn cứ là ta.

Ta về như tứ thơ xiêu tán
Trong cõi hoang đường trắng lãng quên.
Nhà cũ, mừng còn nguyên mái, vách,
Nhện giăng, khói ám, mối xông nền.

Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ.
Nhà thương khó quá, sống thờ ơ.
Giậu nghiêng, công đồ, thêm ung cò.
Khách cũ không còn, khách mới thừa...

Ta về khai giải bùa thiêng yểm.
Thức dậy đi nào, gỗ đá ơi!
Hãy kể lại mười năm mộng dữ.
Một lần kể lại để rồi thôi.



TÔ THÙY YÊN

(1938, Gia Định - 22.5.2019, Houston)

Chiều nay, ta sẽ đi thơ thần.
Thăm hỏi từng cây những nỗi nhà.
Hoa bưởi, hoa tầm xuân có nở?
Mười năm, cây có nhớ người xa?

Ta về như đứa con phung phá
Khánh kiệt đời trong cuộc biển dâu.
Mười năm, con đã già như vậy.
Huống mẹ cha, đèn sắp cạn dầu...

Con gẫm lại đời con thất bát,
Hứa trăm điều, một chẳng làm nên.
Đời qua, lớp lớp tàn hư huyễn.
Hạt lệ sương thâm khóc biến thiên.

Ta về như tiếng kêu đồng vọng.
Rau mác lên bờ đã trở bông.
Cho dầu ngàn năm em vẫn đứng
Chờ anh như biển vẫn chờ sông.

Ta gọi thời gian sau cánh cửa.
Nỗi mừng ran rụa mắt ai sâu.
Ta nghe như máu ân tình chảy
Từ kiếp xưa nào tưởng lạc nhau.

Ta về dầu phải đi chân đất
Khắp thế gian này để gặp em.
Đau khổ riêng gì nơi gió cát...
Hè nhà, bụi chuối thức thâu đêm.

Cây bưởi xưa kia còn nhớ trắng hoa.
Đêm chưa khuya, lắm hồi trăng tà!
Tình xưa như tuổi già không ngủ,
Bước chạp khua từng nỗi xót xa.

Ta về như giấc mơ thần bí
Tuổi nhỏ đi tìm những tối vui.
Trăng sáng lưu hồn ta vết phỏng.
Trọn đời, nỗi nhớ sáng không nguôi.

Bé ơi, này những vui buồn cũ,
Hãy sống, đương đầu với lãng quên.
Con dế, vẫn là con dế ấy,
Hát rong bờ cỏ, giọng thân quen.

Ta về như nước tào khô chảy.
Tinh đầu mười năm luống nhạt mờ.
Thân thích những ai giờ đã khuất?
Cõi đời nghe trống trải hơn xưa.

Người chết đưa ta cùng xuống mộ.
Đêm buồn, ai nữa đứng bờ ao?
Khóc người, ta khóc ta rơi rụng.
Tuổi hạc, ôi ngày một một hao.

Ta về như bóng ma hồn tử.
Lục lại thời gian, kiểm chính mình.
Ta nhạt mà thương từng phé liệu
Như từng hài cốt sắp vô danh.

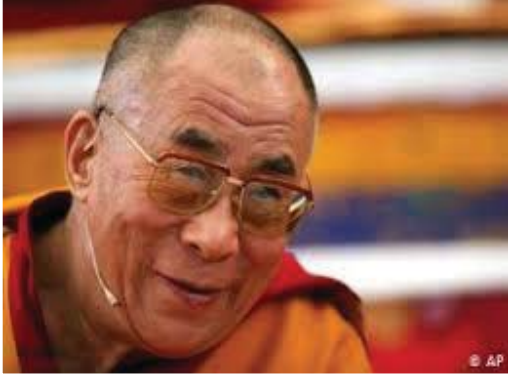
Ngồi đây, nền cũ nhà hương hỏa,
Đọc lại bài thơ thuở thiếu thời.
Ai đó trong hồn ta thổn thức?
Vàng trắng còn tiếc cuộc rong chơi.

Ta về như hạt vàng thương nhớ
Một thuở trần gian bay lướt qua.
Ta tiếc đời ta sao hữu hạn,
Đành không trải hết được lòng ta.

❑ TÔ THÙY YÊN

7.85 (thơ Tuyển)

Tác giả cộng tác Đi Tới năm 1998.



(Photo AP)

“Chúng ta không thể thay đổi
được quá khứ, nhưng chúng ta
có thể sắp xếp lại tương lai.”

(We cannot change the past, but we can reshape the future.)

DALAI LAMA



RẬN ĐÀNH CUỐI CÙNG CỦA MỘT KẺ SĨ

□ NHẬT TIỀN

Ba Sinh là một người mê sách. Suốt mười năm ròng rã sống độc thân làm nghề giáo viên tiểu học, tiền dành dụm được, Ba Sinh chỉ dùng để mua sách. Tất nhiên không thể nào mua đủ được các loại sách, nhưng mỗi tuần đổ đồng cả sách cũ lẫn sách mới chàng cũng đã mua được trên dưới hai chục cuốn sách. Con số đó thật nhỏ nhoi so với cả một rừng sách tràn ngập ở các tiệm sách lớn, các gian hàng trong chợ sách và cả ở những vỉa hè, nơi có người mua bán sách cũ. Những ngày cuối tuần, Ba Sinh thường tiêu hết thì giờ vào việc đi la cà ở những tiệm sách. Và chỉ cần như vậy, chàng cũng đã nắm rất vững tình hình sinh hoạt sách trong tuần. Tác giả nào có sách mới ra, tác giả nào có sách tái bản. Một nhà xuất bản nào mới ra lò. Nhóm văn nghệ nào chính thức gia nhập sinh hoạt văn học nghệ thuật bằng một tuyển tập. Tuy không phải là người viết sách, nhưng Ba Sinh đã cảm nhận được rất nhiều ý nghĩ xao xuyến, rung động tùy theo tình hình xuất bản của thế giới viết sách và in sách. Chàng sung sướng một cách say mê trước một bìa sách mới. Chàng quan sát kỹ lưỡng từng cách trình bày. Chàng so sánh từ kiểu chữ này với kiểu chữ khác, mẫu bìa này với mẫu bìa khác. Chàng cũng thấy lòng rào rạt sung sướng khi mở từng trang sách còn thơm nồng mùi giấy mực, như chàng đã nhìn thấy tâm lòng của từng tác giả dần trải lên những dòng chữ cả tâm tư, tình cảm của mình trong suốt thời gian thai nghén và hình thành tác phẩm.

Tuy nhiên Ba Sinh không phải là một kẻ chơi sách. Chàng không mua sách chỉ để đóng bìa da, gáy vàng và trưng mốt trong tủ sách. Chàng mua sách để đọc.



Nhà văn NHẬT TIỀN

Vì thế chàng đã đọc được rất nhiều tác phẩm. Gặp được những cuốn hay, chàng muốn chia sẻ sự thích thú của mình cho người khác bằng cách khuyến khích bạn bè tìm mua, hoặc cho bạn mượn ngay chính cuốn sách của mình. Chàng vẫn thường lý luận rằng yêu sách là phải biết để cho cuốn sách làm đúng vai trò của nó. Nghĩa là truyền đi những nội dung tư

tưởng mà tác giả đã gói gắm trong sách. Còn chỉ mua sách về, đóng bìa da cho đẹp rồi đem nhốt vào tủ khóa kỹ lưỡng, không cho ai sờ mó tới thì cung cách đó chỉ là giết sách chứ không còn là yêu sách nữa.

Cho nên tủ sách của Ba Sinh không cầu kỳ kiểu cách. Nó chỉ là những mảnh ván thùng được đóng lên thành kệ và sơn phết lại cho hòa hợp với màu tường. Nhưng trên những hàng kệ kín mít từ phòng trong ra phòng ngoài đó, Ba Sinh đã tích tụ được không biết bao nhiêu là sách. Đủ loại tác phẩm chọn lọc, đủ loại tên tác giả của nhiều thế hệ, của nhiều khuynh hướng, nhiều bộ môn. Ba Sinh vẫn thường tự hào về cái vốn đọc sách sâu rộng của mình. Có lẽ trong cuộc đời, cái thú đọc sách đối với chàng là cái thú duy nhất.

Ấy vậy mà sau biến cố 30 tháng Tư đau thương chừng vài tháng, gia tài sản nghiệp quý giá nhất đời của Ba Sinh bắt đầu bị xâm phạm. Trước hết là bản thông cáo của Ủy ban Tuyên huấn Thành ủy truyền đi rải nhai suốt cả tuần lễ liền trên đài phát thanh. Nhà nước cấm tàng trữ tất cả mọi loại sách ấn hành dưới chế độ cũ. Nhiều địa điểm được chỉ định để mọi người đem giao nạp sách. Hàng ngày lái xe đạp đi ngang qua cầu Trương Minh Giảng, Ba Sinh thấy thiên hạ ùn ùn chở những chiếc xe ba gác chất đầy sách cũ đổ vào sân trường Đại học Vạn Hạnh. Chàng có cảm giác như bị ngộp thở trong một cơn biến động hết sức kinh hoàng.

Nhìn những cuốn sách chồng chất tả tơi trên những chiếc xe nặng nề leo dốc, nhìn những trang sách bị xé rách rã rời bay tung tóe, rơi rải rác trên đường phố bị những bánh xe vô tình cán qua nhem nhuốc, nhàu nát, Ba Sinh thấy tâm hồn của mình cũng tan nát, tơi tả như thế. Mỗi lần đi ngang qua khu đầu ngõ để trở về nhà, chàng lại phải nghe lời nhắc nhở của ông Tổ trưởng Dân phố “Anh Ba có giữ loại sách nào của Ngụy thì nhớ đem nộp hết đi nghe. Sắp hết hạn rồi đó”.

Suốt ngày Ba Sinh lúc nào cũng như người lên cơn sốt. Chàng đóng kín mít các cửa lại và ngồi thừ hăng giờ trước những kệ sách. Ba Sinh cảm thấy những nhân vật với từng cuộc đời riêng tư gói ghém trong mỗi cuốn sách bỗng trở nên biết xao động, biết bối rối, nhón nhác như những linh hồn có thật đang nhón nháo trước biến cố kinh hoàng sắp tới. Chàng hình dung ra được từng nhân vật của Duyên Anh, cảm thông sâu xa với những con người sống động trong tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ. Trong một biên cố phủ phàng đảo lộn mọi sinh hoạt trong đời sống, tất cả những nhân vật đó tưởng sẽ tồn tại mãi mãi như những con người bất tử thì đột nhiên đồng loạt bị lên án tử hình. Những trang sách bị xé nát. Những cuộc đời bị cắt vụn tả tơi, trang sách của cuốn này nằm cạnh trang sách của cuốn khác. Và cả thế giới riêng của sách sẽ bị xáo trộn lên, đánh lộn ngẫu như một nồi cháo lú, tan nát, rã rời. Rõ ràng là đã có một cuộc sụp đổ toàn diện của thế giới sách, cũng như ở bên ngoài, mọi cơ cấu của xã hội cũng theo nhau mà sụp đổ. Trong cái tâm trạng đau thương đó, Ba Sinh không thể nào có can đảm đỡ các kệ xuống để liệng các cuốn sách vào những bao tải mang đi nộp. Chàng đã bị tê liệt hoàn toàn khi chỉ cần nghĩ rằng mình sắp sửa phải làm công việc đó.

Ông Tổ trưởng dân phố thì mỗi lúc mỗi thôi thúc sát sạt hơn theo kỳ hạn nộp sách sắp gần kề. Một buổi trưa trước ngày mãn hạn, ông ta chặn cái xe của Ba Sinh ở ngay đầu ngõ và nói bằng giọng nửa như ân cần thân mật, nửa dọa nạt:

– Sao tôi chưa thấy anh Ba đi giao nộp sách? Tiếc nó làm chi anh Ba! Cách mạng về rồi, nay mai thiếu gì sách hay để mà đọc. Còn lưu luyến những thứ đó, tôi thấy sẽ mệt lắm đó anh Ba à! Đi họp với “trên” về, tôi biết không phải chuyện giỡn chơi đâu.

Ba Sinh không trả lời, chỉ lẳng lẳng quàng tay lái sang một bên tránh ông ta, rồi đi thẳng. Chàng biết rõ rằng mình sẽ rất mệt như ông ta nói, nhưng chàng vẫn chưa lấy được đủ can đảm để dỡ từng các kệ sách xuống. Lúc buổi sáng, một người bạn của chàng đã góp ý:

– Giao đại cho chúng nó một mớ đi! Còn thì lựa những sách hay đem giấu vào một nơi nào đó.

Ba Sinh hỏi: – Cậu giấu được bao nhiêu?

– Thì ít lắm cũng được vài chục cuốn.

– Tổng số sách của tôi lên tới gần ba ngàn. Giấu vài chục cuốn thì chẳng thả bỏ hết đi cho rồi.

– Được cuốn nào hay cuốn đó chứ!

Ba Sinh mỉm cười cay đắng:

– Cậu không hiểu được tâm trạng của tôi. Bỗng dưng tôi mất tiêu một tủ sách dành dụm hằng chục năm nay. Giữ lại vài ba chục cuốn chỉ thêm bẽ bàng. Sau chuyến này tôi sẽ không bao giờ còn mua sách, sẽ coi như trên đời không còn có cái gọi là cuốn sách nữa. Cả nước đã thua rồi. Tiếc làm chi tới sách.

Chỉ thiếu chút nữa là Ba Sinh bùng mặt khóc. Chàng cố nén cơn xúc động bằng cách đứng dậy, lại bần nước rót ra một ly. Nhưng đứng ở đó, Ba Sinh lại có thể thấy những kệ sách trống trơn trên vách tường nhà bạn, nó làm cho chàng nhớ đến những chiếc kệ san sát đầy ắp những sách trên vách nhà mình. Tới lúc đó thì chàng không còn tự chủ được mình nữa. Bỗng nhiên Ba Sinh òa lên khóc. Trong cơn xúc động, Sinh thấy rõ không phải mình chỉ thương có sách, mà thương cho cả mình, đồng bào mình, bạn bè mình trong một sớm một chiều bỗng sụp đổ, tan vỡ, chia lìa.

Đúng ngày hôm quá hạn nộp sách, Ba Sinh vẫn chưa giải quyết những kệ sách của mình. Chàng nằm lì ở nhà với tâm trạng bất cần đời. Kệ! Cái gì tới nó sẽ tới. Và tới bằng cách nào cũng được miễn không phải là chàng tự tay ném những cuốn sách thân yêu lên xe ba gác để đem đổ từng đồng vào sân trường Vạn Hạnh, ở nơi đó, số phận của các cuốn sách sẽ bị xé nát, tả tơi và bị đưa về những xí nghiệp làm bột giấy. Rồi ngày hôm đó qua đi. Ngày hôm sau nữa. Ba Sinh cũng không thấy ai đã động đến mình. Cho đến khi sau hơn một tuần lễ trôi qua trong yên tĩnh, lòng chàng bắt đầu nhen nhúm một nỗi mừng khấp khởi, thì vào một buổi tối, cánh cửa nhà chàng có nhiều tiếng gõ gấp rút. Ba Sinh mở rộng cánh cửa để đón tiếp ba người. Sau màn giới thiệu, Ba Sinh biết rằng có một anh làm công an Phường, một anh làm Thông tin Văn hóa, và một anh nhân danh Bí thư chi đoàn Thanh niên. Họ cho Ba Sinh coi một tờ giấy có nhân dấu son đỏ chói: Lệnh tịch thu sách!

Ba Sinh đón nhận tờ giấy với một tâm hồn lạnh băng. Chàng bình tĩnh lạ lùng đến độ chính chàng cũng phải tự ngạc nhiên. Như một kẻ bị lên án tử hình với bản án hoãn đi hoãn lại nhiều lần đã làm tội nhân căng thẳng đến độ chỉ mong được lên đoạn đầu đài sớm chừng nào hay chừng đó, Ba Sinh tiếc rằng nó đã không tới sớm hơn để chàng khỏi phải trải qua những đêm không ngủ, những ngày cực kỳ đen tối.

Chàng ném trả tờ giấy Lệnh tịch thu lên mặt bàn rồi rút vào ngồi yên trong một góc tối. Trước mặt chàng, bây giờ tràn ngập những bóng người lố nhố. Thì ra phái đoàn kiểm tra không chỉ có ba người mà còn kéo theo một đám đông thanh niên nam nữ trên cánh tay mỗi người có đeo một giải băng đỏ. Họ chia nhau đi lục soát từ nhà trong đến nhà ngoài. Những ngăn sách bị dỡ xuống. Những học tủ, những nệm giường, gập bàn, các xó kẹt bị bới tung lên. Và các sách vở bị quăng ném bừa bãi trên khắp các mặt bàn, chồng chất lên cả lối đi. Ba Sinh cố nhắm mắt lại để khỏi phải chứng kiến cái cảnh tượng đau lòng đó. Chàng hình dung đến những bộ đồ dù, những túi dết, những đôi giày lính vứt rải rác trên dọc con đường từ Tân Sơn Nhất về cầu Trương Minh Giảng. Chàng nhớ đến vụ tự sát tập thể bằng lựu đạn của đám chiến sĩ Biệt Động Quân tại công trường giữa Ngã Bảy, chàng gọi lại hình ảnh của những khuôn mặt đầm đìa nước mắt của những người vợ trước phút chia tay tiễn chồng đi trình diện học tập. Muôn ngàn mắt mắt đỏ vỡ. Thế thì sự sụp đổ của cái tù sách mà chàng chất chui hàng chục năm ròng âu cũng chỉ là nỗi đau thương trong muôn một.

Cuộc lục soát kéo dài trong gần ba tiếng đồng hồ mới chấm dứt. Trước đó, những chuyến xe ba gác đã ùn ùn chở từng chuyến di chuyển từ căn nhà của chàng tới trụ sở của Chi đoàn Thanh niên. Dưới mặt đất, bây giờ toả những trang sách, những mẫu bìa, những tấm thẻ mà Ba Sinh vẫn thường kẹp vào từng cuốn sách sau mỗi lần đọc xong và ghi chép những cảm nghĩ của mình. Đến gần khuya, lúc tất cả mọi người đã rút ra hết, anh bí thư Chi đoàn đã tiến lại gần Ba Sinh và lên tiếng:

– Sách của anh nhiều quá chúng tôi không làm thông kê kịp. Tôi chỉ ghi nhận tịch thu của anh một tủ sách. Anh có khiếu nại gì không?

Ba Sinh không ngẩng lên nhìn hẳn. Chàng chỉ khẽ lắc đầu. Hẳn ta nói tiếp giọng vỗ về an ủi:

– Thật ra thì không phải tất cả các loại sách thu được ở đây đều có nội dung chống phá cách mạng. Cũng có nhiều cuốn nội dung tốt, như các loại sách tự điển ngoại ngữ, các sách kỹ thuật mặc dầu nếu cứ lý mà xét thì loại nào cũng có tính chất tiêu cực của nó.

Ba Sinh bực bội trừng mắt lên nhìn:

– Tự điển ngoại ngữ thì tính chất tiêu cực ở chỗ nào?

– Hừ. Anh chưa giác ngộ, chưa thấy rõ. Trong tất cả các tự điển in dưới thời ngụy, có đầy rẫy những thí dụ sắc mùi phản động.

Ba Sinh chán mứa cái bản mặt trơ trên, bội bạc của hẳn. Ở trong xóm này không ai lạ gì mấy tên thanh niên nhẩy ra hoạt động cho Chi đoàn. Họ thuộc thành phần sinh viên học sinh ở chế độ cũ, được hưởng một nền giáo dục căn bản từ những thầy, những cô giáo, và ở những sách vở đã in. Vậy mà một sớm một chiều, họ quay ra lên án tất cả, phủ nhận tất cả, tố khổ đến ngay cả cái mớ kiến thức trong đầu do chính họ đã được xây dựng trong những năm trước đây. Ba Sinh muốn tống khứ hẳn ta đi khỏi căn buồng này càng sớm càng tốt, nên chàng hỏi sáng lại:

– Xong chưa?

Gã bí thư Chi đoàn mỉm cười, rõ ra nụ cười của một kẻ tiểu nhân đang đắc thế:

– Kể là xong, nếu anh không còn cất giấu thêm sách ở những nơi khác.



Bài trừ văn hóa đòi truy & phản động sau 30.4.75

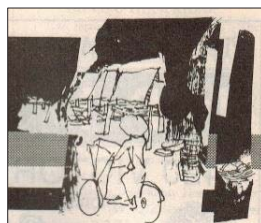
Ba Sinh muốn phun một miếng nước bọt. Chàng đứng phất dậy và đẩy tám lưng nhể nhại mồ hôi của hẳn đi ra phía cửa. Sau đó chàng đóng kỹ cửa lại và nằm vật xuống chiếc ghế sofa kê sát tường. Căn buồng hoàn toàn chìm trong yên lặng. Bao nhiêu năm rồi, ánh đèn vẫn chỉ in bóng lúi thủi của chàng trên nếp tường vôi. Nhưng khác hẳn mọi lần, hôm nay Ba Sinh cảm thấy căn buồng trở nên rộng mênh mông và trống trải lạ thường. Như một căn nhà tan hoang sau một cơn bão tố, ở đây gần ba ngàn cuốn sách đã bị đánh văng ra khỏi vị trí êm ả thường ngày. Một vài cuốn bị xé bìa, nằm toả lay lắt trên lối đi. Tất cả những cuốn sách còn lại đã bị “giải” đi. Chúng nó như những linh hồn sinh động, có tiếng nói riêng, có cuộc đời riêng, và hiển nhiên đã có cùng chung với nhau một số phận. Trong mấy giờ ngắn ngủi, cuộc gắn bó giữa chàng và những cuốn sách với linh hồn sinh động ấy đã hoàn toàn chấm dứt. Căn nhà kẻ từ nay chỉ còn đúng nghĩa có mỗi một mình chàng.

Sinh có cảm giác như vừa bị một nhát kéo cắt lia mỗi dây liên lạc giữa chàng với muôn ngàn kỷ niệm trong dĩ vãng. Cho đến giờ phút này chàng mới thấm thía cuộc đời lủi thủi cô độc của mình. Ngày xưa chàng vẫn thường tự hào nói với bạn bè: “Sách là người bạn duy nhất trung thành với mình mà không bao giờ biết phản bội”.

Điều đó có nghĩa là chàng tin tưởng ở sách sẽ bầu bạn với mình suốt cả cuộc đời. Sự thật tưởng là sẽ đương nhiên, nhưng có ai ngờ đến hai chữ đời. Bây giờ, giống như gã mù sờ kèn dạo bị cảm đoán tất cả những bài nhạc quen thuộc, Ba Sinh cũng bị tước đoạt đến cả cái thú đọc sách và chăm sóc tủ sách cố hữu của chàng. Ngay đến cả những hiểu biết, những rung động, những nhận thức của chàng được nuôi dưỡng từ bao năm nay trong thế giới của sách bây giờ cũng bị những nỗ lực mới muốn bùng cho bật rễ lên, tiêu hủy đi để gieo trồng bằng những hạt nhân của những nhận thức mới. Trong một buổi học tập đường lối văn nghệ mới cho các giáo viên, Ba Sinh đã được nghe một cán bộ thuyết trình mạt sát các nhà văn dưới chế độ cũ đại để như: “Trong các tác phẩm của Duyên Anh, truyện “Con sáo của em tôi” là một truyện cực kỳ phản động. Hành động hai anh em đưa trẻ làm thịt con sáo nhân ngày giỗ mẹ đã đánh giá quá thấp tâm tư tình cảm của những người vô sản, bôi nhọ giai cấp vô sản một cách tinh vi và ác độc. Đó là một tác phẩm phản động nhất trong các tác phẩm của Duyên Anh”. Nhóm nhà giáo như Ba Sinh ngồi ở dưới như muốn chết lặng đi vì cung cách nhận thức và đánh giá vấn đề theo cảm quan của những người thuộc chế độ mới. Không ai còn lạ gì tác phẩm “Con sáo của em tôi”. Nó đã được tuyển chọn để giảng dạy trong các sách giáo khoa và đã được trích giảng trong hầu hết các trường trung học thuộc chế độ trước. Như thế, cứ với cung cách này thì sẽ không còn điều gì mà sẽ không bị lên án, bị kết tội phản động, và chẳng còn điều gì dính líu với chế độ cũ lại còn có lý do để tồn tại. Bài giảng về “Con sáo của em tôi” hiển nhiên đã báo hiệu trước những cơn dao động lớn lao, khốc liệt tróc gốc, tróc rễ, liên hệ tới toàn bộ cơ cấu sinh hoạt ở miền Nam. Nó đã được phát biểu lên rất rõ ràng, đơm thêm vẻ huênh hoang, lộ liễu, chẳng cần giấu giếm quanh co. Điều đó khiến cho không ai có thể lầm lẫn hay mơ ngủ được nữa.

Những ý nghĩ đó đã làm cho Ba Sinh vui bất được nổi tiếc xót khi trong một sớm một chiều, cả một tủ sách quý bị xâm phạm, tiêu tan. Nhưng thay vào đó lòng chàng bỗng dâng lên một niềm đau thương khôn tả, niềm đau của kẻ mất đời sống bình dị hàng ngày,

mất bạn bè, mất dĩ vãng, mất cả đất đứng của mình ngay trên phần đất của quê hương. Lưu đầy trên xứ lạ hẳn sẽ đầy rẫy những tủ nhục nhưng bị lưu đầy ngay trên tổ quốc của mình hẳn còn tủ nhục hơn. Đã bao ngày, tháng, chàng đi trong thành phố thân yêu quen thuộc này mà thấy như đi trong lòng một sa mạc hoang vu. Những ngọn cờ, những khẩu hiệu sắt máu, những bóng dáng cán bộ đồng phục tràn ngập phố phường, những khuôn mặt, những lời nói, những âm thanh của những bài nhạc chất chứa và muôn ngàn hình thức khác, tất cả đè nặng lên tâm tư người dân Sài Gòn cái cảm giác của người dân trong một thành phố bị chiếm đóng, hơn thế nữa, một thành phố bị xóa lên, xóa thói quen, xóa nền nếp, xóa cảm nghĩ, xóa dĩ vãng, xóa tất cả, để chỉ thay vào đó là những mặc cảm phạm tội, những nỗi run sợ về tai họa có thể úp chụp lên gia đình mình bất cứ lúc nào trong bóng đêm khuya khoắt, và những cơn mệt mỏi, chán chường, tuyệt vọng khi phải chứng kiến những cảnh tố giác, bôi nhọ, xấu xí lẫn nhau của những con người muốn tranh giành một chút đất sống trong hoàn cảnh mới. Bên cạnh đó là một đám đông thảm liệt, câm nín, nhẩn nhục. Mọi người rút vào cái vỏ cá nhân yếu ớt của mình để mong được yên thân, được quên đi mặc dù chỉ là kéo dài thêm một cuộc sống đầy rẫy đắng cay và khổ nhục.



Rồi cũng cái đời sống đáng cay và khổ nhục ấy đã đánh văng Ba Sinh ra khỏi ngôi trường tiểu học thân thuộc mà chàng đã gắn bó ở đó từ bao năm nay. Từ một nhà giáo mẫu mực hiền hòa, nhỏ nhẹ,

Ba Sinh đã biến thành một con người dầm mưa dãi nắng suốt ngày ở ngoài đường phố! Đạp xích lô, bán thuốc lá lẻ, bỏ mỗi bánh ngọt cho các tiệm ăn, và ruot xe đạp ở các góc cây đầu đường. Cho đến một hôm, tình cờ Ba Sinh ghé ngang qua cửa hàng bán sách cũ ở một khu phố gần nhà. Căn nhà trước đây là một tiệm buôn đồ điện lạnh, chủ nhà chắc đã di tản từ ngày 30 tháng 4, nên bị tiếp thu và có một gia đình khác tới cư ngụ. Mọi dấu vết cũ đã bị thay đổi, ngoại trừ cái biển hiệu treo ở trên cao thì còn giữ nguyên vị trí cũ mặc dù nó cũng bị bôi xóa bằng vài nét chổi sơn nguệch ngoạc. Bây giờ, cánh cửa sắt đã được kéo lại gần sát, chỉ vừa một lối đi. Mé bên ngoài hàng hiên được bày biện thêm hai cái kệ gỗ lớn trên chất đầy những cuốn sách, mặt bìa quay ra ngoài để ai đi ngang qua đều nhìn thấy rõ. Chỉ cần liếc thoáng qua, Ba Sinh cũng đã nhận ra ngay những cuốn sách của các tác giả quen thuộc.

Chàng xà vào như một kẻ có máu mê đỏ đen vừa nhìn thấy quân bài. Cả một dĩ vãng êm đềm cũ như chợt hiện về quây quần, chen chúc nhau trên những kệ hàng chật chội. Tên tuổi của các nhà văn xuất hiện cả ở đây, nhưng chính họ thì đã mỗi người một ngã, kẻ đã ra đi, người bị cầm tù, một số khác lang thang vất vưởng ở các vỉa hè thành phố để làm những nghề không phải là nghề, y như hoàn cảnh của chàng hiện nay.

Ba Sinh nhắc lên tay một tác phẩm quen thuộc. Chàng chợt sững sờ khi nhìn thấy những dấu vết cũ. Chàng đổi nhanh qua những cuốn khác. Không còn nghi ngờ gì nữa, cả một tủ sách của chàng, tưởng đã tiêu tan ra thành bột giấy, nào ngờ vẫn còn nguyên vẹn ở đây. Ba Sinh mừng rỡ tưởng đến ngất xỉu đi, cái cảm giác choáng ngợp y hệt như một người vừa tìm lại được người thân sau bao tháng ngày được tin kẻ đó đã mất. Bây giờ thì Ba Sinh mới chú ý đến người bán sách. Đó chỉ là một cô bé trạc tuổi mười lăm, nhìn cung cách ăn mặc, chàng đoán chắc cô ta thuộc thành phần gia đình dưới chế độ cũ. Nhưng có điều khác hơn, gia đình này phải là gia đình “cách mạng”, bởi vì nếu không, họ đã chẳng được điều vào cư ngụ trong một căn nhà đã bị tiếp thu, và nhất là lại khơi khơi bày bán một tủ sách cũ toàn những sách được liệt kê là đồ tịch hay phản động. Thật ra hiện tượng bày bán sách cũ ngoài hè phố đã không hiếm xảy ra ở Sài Gòn. Trên đường Bonard, dưới mắt các thanh niên mang băng đỏ và các cán bộ công an mặc đồng phục màu lòng tôm, dân chợ trời Sài Gòn vẫn bày sách la liệt trên các tấm ny lon nhỏ. Dù loại sách chống phá cách mạng. Từ cuốn “Về R” của Kim Nhật cho đến cuốn “Nước đã đến chân”, bản dịch tác phẩm chống Cộng mãnh liệt của Suzanne Labin cũng vẫn còn bày khơi khơi trước mắt mọi người qua lại. Tất nhiên là bất hợp pháp. Nhưng nhiệm vụ kiểm tra các loại sản phẩm văn hóa bị cấm đoán là của các toán Thông tin Văn hóa phường. Phường nào kiểm tra trong phạm vi phường đó. Những cuốn sách có nội dung ghê gớm đó, sau những màn ruồng xét gắt gao, nếu có xuất hiện trở lại trên thị trường đen thì còn ai có thể làm được điều đó ngoài chính những kẻ đã đi tịch thu!

Là nạn nhân của một cuộc ruồng xét dẫn tới sự mất mát toàn bộ tủ sách đã vun trồng từ bao nhiêu năm nay, đột nhiên nhìn lại những cuốn sách thân yêu, Ba Sinh ngạc nhiên thấy mình chỉ có một nỗi vui mừng mà không hề thấy tiếc xót. Có lẽ chàng đã coi sự mất mát là lẽ đương nhiên trong toàn thể sự mất mát chung của mọi người. Hơn thế nữa, chàng đã tưởng toàn bộ tủ sách đã tã tơi trong một xưởng làm bột giấy nào đó thì trái lại,

chúng vẫn còn được nguyên vẹn hình hài, được o bế, được bày biện bởi một bàn tay chăm sóc gọn gàng, và hiển nhiên chúng vẫn được đóng nguyên vẹn vai trò cố hữu của mình, đó là: “Sách in ra là để được đọc”. Càng được nhiều người đọc, sách càng làm đúng chức năng của mình. Từ những ý nghĩ đó, Ba Sinh không thấy giận, không thấy hiềm thù, mà chỉ nhìn cô bé bán hàng, mỉm miệng với cô ta một nụ cười thật tươi. Cô bé hỏi:

– Chú muốn mua sách gì?

Ba Sinh lắc đầu:

– Tất cả các sách này tôi đọc hết rồi. Tôi chỉ đứng xem lại thôi.

Câu trả lời của Ba Sinh làm một người đàn ông đứng cạnh đang lúi húi chọn sách, bỗng ngẩng đầu lên. Chàng nhận ngay ra ông ta là một cán bộ miền Bắc, do ở nước da, ở khuôn mặt, ở kiểu cắt tóc, ở bộ quần áo trên người và ở cả cái túi mang ngang hông đeo quàng qua vai bằng một sợi dây da nhỏ. Đột nhiên Ba Sinh cất lời trước:

– Mua mà đọc đi anh, toàn nhưng sách hay, mai mốt sẽ không bao giờ còn nữa.

Người cán bộ nhìn Ba Sinh một giây như thăm dò, đánh giá. Rồi như yên tâm về con người hãy còn đầy chất “Ngụy” của Ba Sinh, ông ta mỉm cười:

– Tôi mới vào Nam. Nhiều thứ sách quá, không biết đâu mà chọn cả.

Sinh hăng hái:

– Tôi chọn giùm cho. Tôi bảo đảm những cuốn này tôi đã đọc qua. Cuốn nào hay, cuốn nào dở tôi biết rất rõ. Rồi Ba Sinh nhắc ra khỏi kệ một cuốn sách của Duyên Anh: Đây là cuốn Hoa Thiên Lý, toàn truyện ngắn tình cảm quê hương, gia đình rất có giá trị. Trong cuốn sách này tôi thích nhất truyện “Con sáo của em tôi”. Truyện “Con sáo của em tôi” đã được tuyển chọn giảng dạy trong các trường của toàn miền Nam. Văn điều luyện. Trong sáng. Mẫu mực. Tình cảm gia đình, mẹ con, anh em cực kỳ cảm động. Một truyện tiêu biểu của một nhà văn tiêu biểu ở miền Nam.

Ba Sinh nói một thôi một hồi và quả nhiên có tác dụng mạnh mẽ đến sự chọn lựa của người cán bộ. Ông ta cầm cuốn sách lên ngắm nghía, mở từng trang, tần ngần rồi cuối cùng trả giá với cô bé bán sách. Lúc ông ta đi khỏi, nghiêng nhiên Ba Sinh trở thành người quen với cô hàng sách. Cô ta nói:

– Có chú đỡ quá. Hồi trước cháu cũng đọc sách, nhưng chỉ xem toàn loại sách Tuổi Hoa thôi. Còn những loại này, có nhiều cán bộ hồi cháu nội dung, cháu mù tịt.

Sinh hỏi:

– Cháu bán thế này, cán bộ thông tin văn hóa phường cũng để yên cho cháu hả?

Cô bé khẽ nheo một bên mắt rồi khẽ mỉm cười:

– Cán bộ phường là ai? Những sách này cũng một đường dây đó mà ra cả. Họ tịch thu mười thì chỉ cho vào giấy vụn độ hai, ba thôi chú. Những sách quý thế này sức mấy mà đốt.

Cô bé như không cần giữ lời. Câu nói của cô lọt vào tai một anh cán bộ khác lúc đó cũng đang lúi húi gỡ từng trang trong bộ sách biên khảo của Nguyễn Hiến Lê. Anh ta khẽ ngừng tay ngừng lên nhìn hai người. Ba Sinh nói:

– Sách học làm người của học giả Nguyễn Hiến Lê, rất nổi tiếng đấy.

Anh cán bộ trẻ môi:

– Miền Bắc đã là người từ bao nhiêu năm nay rồi, đâu cần phải học làm người như dân trong chế độ cũ.



Ba Sinh thấy người giận sôi lên, chàng rất muốn chín bỏ làm mười, nhưng cũng không thể nào bỏ qua câu nói đó được. Chàng cười khẩy:

– Người cũng năm bảy loại người anh ơi... nói cho biết, học được thành người như chúng tôi cũng còn một lần đó.

Anh cán bộ nhìn sững vào Ba Sinh. Đôi mắt của anh ta ngầu lên những tia giận dữ. Cô bé bán hàng thấy bầu không khí có vẻ gay go, vội vàng dàn hòa:

– Chú không thấy thích loại sách đó thì thôi. Còn nhiều loại khác. Có bộ kiếm hiệp của Kim Dung đây này. Nhiều người hỏi mua lắm đó chú.

Anh cán bộ nhún vai:

– Đọc làm gì những thứ kiếm hiệp nhảm nhí. Cô có sách của Lê Hằng không? Nghe nói Lê Hằng đọc được. Chỉ một suất nữa thì Ba Sinh phá lên cười. Sự thích thú chợt đến làm chàng quên ngay con giận dữ vừa rồi. Chàng lựa ngay trên kệ sách độ ba, bốn tác phẩm của Lê Hằng. Rồi chàng bắt đầu thao thao giới thiệu về nhà văn nữ này, như một đợt sóng mới ở miền Nam, mặc dù trong thâm tâm, cũng có vài ba cuốn sách của

Lê Hằng đối với chàng chỉ là những tác phẩm làng nhàng. Cuối cùng thì Ba Sinh cũng bán giùm cho cô bé được cuốn “Bản Tango cuối cùng”. Cho đến lúc đó Ba Sinh mới chợt phát hiện ra rằng mình vừa bán đi hai phát đạn văn hóa vào hàng ngũ bên kia một cách dễ dàng. Những cuốn sách sẽ được lên lút mang về miền Bắc. Chúng nó sẽ được chuyển tay từ người này sang người khác chúng nó sẽ có cơ hội đồng trọn thiên chức của mình... Sách hay phải có người đọc. Sách hay, nằm mốc trong một tủ sách là sách chết. Những cuốn sách của Ba Sinh, sau một cơn tàn phá, không những chúng không chết mà lại còn hồi sinh một cách mạnh mẽ. Mỗi cuốn có một sứ mạng. Mỗi cuốn có một môi trường riêng. Ở trường học, ở nông trường, ở xí nghiệp, ở các công xưởng. Rõ ràng một mặt trận văn hóa đã hình thành với những viên đạn bắt từ đang được bắn ra. Dù nằm trong lao tù hay các trại cải tạo thì Duyên Anh, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Đình Toàn, Thanh Tâm Tuyền, Phan Nhật Nam và hàng chục cây bút khác vẫn còn tiếp tục sứ mạng của mình. Cuộc chiến đấu tuy thâm lắng nhưng hữu hiệu hơn nhiều so với những trận đánh bằng xe tăng hay bom đạn trước đây. Những trận đánh mà mục tiêu là những trái tim, những tâm hồn. Ba Sinh không phải là người cầm bút, nhưng chàng vẫn có thể tham dự trận đánh cuối cùng này bằng vốn liếng đọc sách của mình. Trong bầu không khí sinh hoạt ngột ngạt, đầy dẫy những nỗi tủi nhục, chán chường, bỗng Ba Sinh chợt tìm thấy ý nghĩa của một hành động, điều đó khiến cho chàng vui vẻ hẳn lên, như một cây khô vừa được tưới một gáo nước mát. Chàng bật lên cười thích thú và nhìn cô bé mỉm cười. Cô bé cũng đang tràn ngập niềm vui vì vừa bán được hai cuốn sách với giá hời. Cô ta nói:

– Chú “thuyết trình” hay quá. Chú có rảnh không? Thỉnh thoảng chú tới đây giúp cháu với nhé.

Ba Sinh trả lời:

– Chú sẽ tới, chú sẽ giúp cháu bán hết tất cả kệ sách này.

Cô bé reo lên:

– Cháu cảm ơn chú rất nhiều.

Trong cái âm thanh trong trẻo của giọng nói cô bé mười lăm. Ba Sinh cũng tìm thấy một niềm vui cho chính mình. Chàng tự nhủ: “Chính chú phải cảm ơn cháu, vì cháu đã cho chú cơ hội tham dự trận đánh cuối cùng, ngay trong lòng đất của bên thắng cuộc”. ♦

Santa Ana, tháng 8 1981

NHẬT TIẾN

Ghi thêm: Bản tác giả gởi 14.12.2019, cộng tác Đi Tới năm 2000, hình trên Internet.

Trước khi rời Việt Nam, tôi đã sống ở Sài Gòn suốt 34 năm kể từ năm 1975, chưa kể khoảng thời gian rải rác trước đó nữa, tính ra cũng phải 38, 39 năm. Sài Gòn đối với tôi, vì vậy, là nơi gắn bó nhất, nhiều kỷ niệm nhất. Dù không sinh ra ở Sài Gòn, trong thâm tâm, tôi vẫn tự nhận mình là người Sài Gòn. Và khi đi xa, cái nơi tôi nhớ nhiều nhất khi nghĩ về Việt Nam, tất nhiên, cũng là Sài Gòn.

Đã 38 năm Sài Gòn đổi chủ và đổi tên. Đi qua những biến cố, thăng trầm dữ dội, những sự đảo lộn, đổi trắng thay đen trớ trêu nhất của lịch sử kể từ cái ngày 30 tháng Tư 1975, đi qua những giai đoạn cực kỳ khó khăn và bây giờ vẫn tiếp tục ở giữa cơn bão của một thời kỳ khó khăn mới, Sài Gòn đã thay đổi nhiều. Rất nhiều.

Chỉ tính riêng dân số, Sài Gòn từ hơn 3 triệu -3 triệu rưỡi người trước năm 1975, bây giờ đã tăng lên trên dưới 10 triệu người. Nhà cửa xây dựng nhiều. Nhiều tuyến đường mới được mở. Nhiều khu đô thị mới được xây. Cửa hàng, quán xá mọc lên khắp nơi. Dân số tăng gấp ba nên lúc nào cũng đông, chật chội, từ trong hẻm nhỏ ra tới ngoài đường lớn, ở đâu và vào bất cứ giờ nào trong ngày cũng đầy người là người.

Nhiều khách du lịch nước ngoài đến Sài Gòn cứ ngạc nhiên không biết người dân thành phố này làm gì mà sao lúc nào cũng thấy có người đang chạy xe ở ngoài đường hoặc ngồi trong quán café, quán nhậu vào những giờ lẽ ra họ phải ở trong các cơ quan, xí nghiệp, nơi làm việc. Họ không biết rằng đối với một số lượng lớn cư dân của thành phố này, mưu sinh là ở ngoài đường chứ không phải ngồi một chỗ, ở một nơi cố định nào đó. Từ những người buôn bán trên vỉa hè, những người bán hàng rong qua các ngõ đường cho tới những người làm việc freelance, và không hiếm khi những cuộc trò chuyện trong những quán café, quán nhậu cũng là thảo luận chuyện làm ăn. Đó cũng là một đặc tính của một thành phố đang phát triển trong một quốc gia mà luật pháp và mọi thứ chưa ổn định, chưa chặt chẽ như Sài Gòn.

38 năm trôi qua, trong diện mạo của Sài Gòn cũng như bên trong nếp sống, nếp văn hóa của người dân có nhiều cái khác, nhiều thứ mất đi, nhiều thứ thêm vào. Thêm đông đúc, ồn ào, ô nhiễm, thêm nạn kẹt xe, tắc đường, những cơn ngập nặng vào mùa mưa, và tai nạn giao thông tăng lên gấp nhiều lần. Cùng với cái thêm đó, ngày càng mất đi những khoảng không gian

ản mạn về SÀI GÒN một ngày cuối tháng Tư □ SONG CHI

bình yên hiếm hoi, những ngôi nhà với kiến trúc xưa, những khu phố cổ, những con đường yên tĩnh với hai hàng lá me xanh ngát và sự lãng mạn trong đời sống.

Nhưng vẫn có một số đặc tính đã có từ lâu của Sài Gòn không mất đi, ngược lại tiếp tục được củng cố để trở thành bản sắc riêng của thành phố này. Chẳng hạn, cái tính chất mở. Sài Gòn, như tự hỏi nào tới giờ là một nơi “đất lành chim đậu”, luôn mở rộng vòng tay đón nhận người nhập cư từ khắp nơi trên đất nước đổ về, học hành, làm việc, sinh sống. Ai cũng có thể có một chỗ đứng nếu siêng năng, ai cũng có thể thành đạt, thành danh nếu có tài và có chí.

Người Sài Gòn từ hỏi nào tới giờ luôn luôn cởi mở, phóng khoáng, không phân biệt người tại chỗ với người nhập cư. Nếu như trước năm 1975, trong giới trí thức văn nghệ tràn ngập dân miền Bắc di cư và dân miền Trung, thì bây giờ cũng vậy, trong lớp người giàu có, thành đạt lẫn văn nghệ sĩ của thành phố rất nhiều người từ miền Bắc vào sau 1975 hoặc từ các nơi khác đến, tạo thành lớp người Sài Gòn mới. Còn người Sài Gòn cũ thì lại ra đi rất nhiều, những năm sau khi thống nhất, khi phong trào vượt biên đang dâng cao.

Dù bất cứ người ở đâu đến, sau khi sống ở thành phố này một thời gian cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều từ tính cách, lối sống của dân Sài Gòn, phóng khoáng, rộng rãi từ suy nghĩ đến cách tiêu xài. Không chỉ tiêu cho ăn mặc mà đối với các sản phẩm văn hóa, tinh thần, người Sài Gòn cũng chịu chi nhiều nhất nước, từ sách báo, đi xem phim, xem kịch, đi nghe ca nhạc ở phòng trà hàng đêm. Các mô hình nhà văn hóa, câu lạc bộ kiểu như Cung văn hóa Lao Động, Nhà văn hóa Phụ Nữ, Nhà văn hóa Thiếu Nhi... cũng phát triển mạnh nhất ở Sài Gòn-người dân rất chịu khó bỏ thời gian đi sinh hoạt, đi học thứ này thứ kia- từ bơi, khiêu vũ, tennis, làm bánh, nấu ăn, trang điểm, học ngoại ngữ, học đàn... đủ thứ trên đời. Dịch vụ ở Sài Gòn thì vô cùng phong phú, còn cung cách phục vụ khách hàng thì hơn hẳn Hà Nội mấy bậc.

Dù sao, tôi vẫn yêu Sài Gòn. Đối với tôi và có lẽ, với rất nhiều người khác, Sài Gòn chẳng bao giờ là thành phố Hồ Chí Minh, chỉ trừ trên giấy tờ hành chính buộc phải ghi theo luật pháp nhà nước CHXHVN, Sài Gòn luôn luôn chỉ có một cái tên gọi duy nhất là Sài Gòn.

Cùng với tính chất mở, là tính chất tiên phong. Cái gì ở Sài Gòn cũng xuất hiện trước, đi trước, dù không phải bao giờ cũng về đích trước.

Tính chất hội tụ. Nếu như nước Mỹ là vẫn được xem là một *melting pot* của thế giới thì Sài Gòn cũng vậy, là *melting pot* của cả nước. Mọi thứ từ nơi khác khi du nhập vào Sài Gòn được hòa trộn thành cái chất riêng của Sài Gòn. Một thành phố có lối sống nhanh, hiện đại. Ai đang ở nơi khác, cảm thấy trì trệ chỉ cần vào Sài Gòn một thời gian, nhập vào cái sức sống hùng hực của thành phố là lại thấy mình năng động lên. Nhưng đôi khi Sài Gòn cũng làm người ta ngộp vì sự đông đúc, ồn ào từ sáng đến khuya, ngộp không khí lẫn ngộp thông tin. Lại cần phải lánh đi đâu đó một thời gian để lắng lại.

38 năm. Sài Gòn không còn là Hòn ngọc Viễn Đông một thời. Sài Gòn, dù phát triển nhiều, nhưng lại xô bồ, ngồn ngộn, hỗn độn, do đó cũng xấu xí hơn. Cơ sở hạ tầng, quy hoạch tổng thể, đường xá, giao thông công cộng... chưa theo kịp với đà tăng dân số. Cái sự “ngọc nát vàng phai” ấy không chỉ nằm ở bên ngoài. Trong sự xuống dốc chung về mặt đạo đức xã hội của cả nước, con người Sài Gòn cũng mất đi nhiều nét đẹp, thêm nhiều cái xấu, tỷ lệ tội phạm, nạn cướp giật, tham nhũng cũng nhiều hơn, trắng trợn hơn.

Ở vào thời điểm của đầu thế kỷ XXI này, nếu so sánh với nhiều đô thị của các quốc gia phát triển, Sài Gòn về nhiều mặt vẫn chưa phải là một đô thị đúng nghĩa. Và ở Việt Nam cũng chả có thành phố nào đạt được tiêu chuẩn này.

Một đô thị chưa thể gọi là đô thị khi các phương tiện giao thông công cộng chưa phát triển, khi chưa quy hoạch thành từng khu vực riêng biệt: khu hành chính, khu thương mại, khu công nghiệp, khu giải trí, khu dân cư... chứ không thể khắp nơi trên thành phố nhà nào cũng mở cửa làm ăn, buôn bán, khu dân cư ở lẫn với khu buôn bán, văn phòng, trường học, nhà máy, quán nhậu... một cách lộn xộn bát nháo.

Sài Gòn chưa có đường trên cao, hay hệ thống metro dưới đất, rất ít nhà vệ sinh công cộng, trạm điện thoại công cộng, thùng rác công cộng. Diện tích cây xanh, diện tích công viên quá ít tính trên tỷ lệ dân số. Sau 38 năm Sài Gòn thậm chí còn không có được một quảng trường lớn là nơi tổ chức các sự kiện có tầm cỡ, là chỗ cho người dân ra ngồi chơi, có những sinh hoạt đường phố như nhiều thành phố lớn khác trên thế giới. Hay những khu phố dành riêng để đi bộ.

Với người dân tại chỗ, một thành phố đáng sống không chỉ vì có nhiều cơ hội học hành, làm ăn, mưu sinh, mà bên cạnh đó, phải có một môi trường sống tốt - ít ô nhiễm, phương tiện đi lại tiện lợi, an toàn, nhiều cây xanh, nhiều công viên tạo lá phổi xanh cho thành phố, công viên và các quảng trường còn là những khoảng thở cho con người bớt ngộp bởi sự đông đúc chật chội luôn hạn chế tầm nhìn, vây hãm đầu óc, không cho tâm trí được nghỉ ngơi. Chứ cả thành phố chỗ nào cũng đầy đặc xe cộ người chen nhau đi lại trong khói bụi, tiếng ồn và cái nóng kinh khủng của xứ nhiệt đới từ sáng sớm đến đêm khuya, con người ta không nổi cáu, nổi khùng, không dễ dàng trút cái nổi cáu bức bối vào người khác... thì mới là lạ. Đôi khi đi qua những thành phố đẹp, yên bình ở những quốc gia phát triển, tôi lại chạnh nhớ đến Sài Gòn. Nếu kết thúc của ngày 30 tháng Tư 1975 khác đi, hoặc nếu Việt Nam đi theo một con đường khác, đất nước này đã khác hẳn sau 38 năm và Sài Gòn, thành phố tôi yêu, cũng đã khác xa.

Dù sao, tôi vẫn yêu Sài Gòn. Đối với tôi và có lẽ, với rất nhiều người khác, Sài Gòn chẳng bao giờ là thành phố Hồ Chí Minh, chỉ trừ trên giấy tờ hành chính buộc phải ghi theo luật pháp nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sài Gòn luôn luôn chỉ có một cái tên gọi duy nhất là Sài Gòn. ♦

SONG CHI (2013-04-30)

Nguồn: <http://www.rfa.org/vietnamese/blog/blog-04302013-songchi-04302013113356.html>



T HÁI ĐỘ PHẢN KHÁNG phải chăng là quá trễ?

♦ NGUYỄN VĂN LỤC

LTS: Tác giả Nguyễn Văn Lục, cựu giáo chức tại Việt Nam trước 1975, định cư tại Montréal, cộng tác *Đi Tới* năm 2000.

Đã xuất bản:

- LỊCH SỬ CÒN ĐÓ (2008)
- 20 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM 1955-75 (2010)
- MỘT THỜI ĐỂ NHỚ (2011)
- SỬ VIỆT NHÌN LẠI (2018)
- TẢN MẠN VĂN HỌC (2018)



Sự khơi dậy một niềm tin qua tập video của ANDRÉ MENRAS:

Tiếng Gào Thét Từ Bên Trong

Đối với tác giả Tiếng vọng từ đáy ngục, mỗi bài thơ là một bản cáo trạng về cộng sản. Mỗi câu thơ của ông là một lời nguyện rửa. Vì thế cả cuộc đời tuổi trẻ của ông bị tù đầy chỉ vì cái tội làm thơ. Trên thế gian này không đâu có cái tội “làm thơ”. Chỉ ở Việt Nam cộng sản mới có cái tội đó và những tội khác như tội làm linh mục rao giảng lời Chúa, tội giữ gìn phẩm chất Phật giáo. Tội lớn nhất là dám nói lên sự thật.

Vậy mà trong suốt tập thơ Tiếng Vọng như bóng tối cuộc đời với nỗi buồn thăm thẳm, nỗi uất hận khôn nguôi vẫn còn le lói lên một tia hy vọng. Thật quá đặc biệt. Bài thơ trên của Nguyễn Chí Thiện thật là viên ngọc quý hiếm trong cõi thơ tranh đấu của ông.

Cái cao cả nhất và cái vĩ đại nhất của con người là vẫn có một niềm tin, một hy vọng. Ngay trong nỗi tuyệt vọng vẫn có mầm mống hy vọng. Còn hy vọng là còn tất cả. Bởi vì hy vọng là tự vượt chính mình, tin vào điều thiện sẽ chiến thắng điều ác. Tin vào tương lai một ngày nào đó, điều thiện sẽ ca khúc khải hoàn.

Mở đầu bài viết này bằng bài thơ của Nguyễn Chí Thiện để dẫn tới việc giới thiệu cuốn phim:

“VIỆT NAM TRONG TIẾNG GÀO THÉT TỪ BÊN TRONG”

của André Menras:

Sẽ có một ngày
Sẽ có một ngày con người hôm nay
Vất vung,
vất cùm,
vất cờ,
vất Đảng
Đội lại khăn tang,
đêm tàn ngày rạng
Quay ngang vòng nạng oan khiên
Về với miếu đường, mồ mả gia tiên
Mấy chục năm trời bức bách lẫm quên
Bao hận thù độc địa dấy lên
Theo hương khói êm lan, tan về cao rộng
Tất cả bị lừa qua cơn ác mộng
Kẻ lọc lừa, kẻ bạo lực xô chân
Sống sót về đây an nhờ phúc phận
Trong buổi đoàn viên huynh đệ tương thân
Đứng bên nhau trên mắt mắt quây quần.
Kẻ bù nhìn hối hận
Kẻ bồi hồi kính cẩn
Đặt vòng hoa tái ngộ lên mộ cha ông
Khai sáng kỷ nguyên tã trắng thẳng cờ hồng!
Tiếng sáo mục đồng êm ả
Tình quê tha thiết ngân nga
Thay tiếng “Tiến quân ca”
Và “Quốc tế ca”
Là tiếng sáo diều trên trời xanh bao la!

Trích trong Tiếng vọng từ đáy vực (1971), trang 88 của Nguyễn Chí Thiện. Ông thú nhận đã thức cả đêm để làm bài thơ này.

Nguyễn Chí Thiện,

(Hai truyện tù - Two prison life stories, trang 149.)

VỀ ANDRÉ MENRAS

Tên tiếng Việt là Hồ Cương Quyết, ông sinh trưởng ở nước Pháp. Sang Việt Nam năm 1969, dạy trung học. Thoạt tiên dạy tại trường Blaise Pascal ở Đà Nẵng, rồi chuyển vào Sài Gòn dạy tại trường J.J. Rousseau.

Ông phản chiến, ủng hộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam. Ông đã có một quyết định liều lĩnh lẫm mẫm, cùng với một người bạn là Jean-Pierre Debris leo lên tượng người lính Thủy quân lục chiến trước Nhà Quốc hội treo lá cờ giải phóng miền Nam. Ông rải truyền đơn kêu gọi Mỹ rút quân ra khỏi miền Nam. Dĩ nhiên ông bị bắt, bị tù và được trả tự do và bị trục xuất ra khỏi miền Nam vào ngày 1/1/1973.

Hồ Cương Quyết đã phản tỉnh, biết mình chọn sai đường, đứng về phía những người bất đồng chính kiến, đấu tranh cho một Việt Nam tự do và dân chủ. Khi làm cuốn phim này, ông đã ghi lại việc tưởng nhớ đến cha mẹ ông. Tác giả viết: *“Thương tặng ba mẹ đã từ trần mà chưa thấy tận mắt Việt Nam bao giờ.”*

Cuốn phim mà phần lớn dựa trên cuộc phỏng vấn một số cựu cán bộ cao cấp của đảng Cộng sản Việt Nam, phần khác thu hình trực tiếp từ tiếng nói những người dân đánh cá bị Trung Hoa hành hạ đủ điều đến những người nông dân bị chính quyền cướp đất, trả giá “bèo” hầu như ăn cướp không của họ.

Cuốn phim hẳn đã gây xúc động cho người xem vì nó nói lên sự thật, và lên tiếng tố cáo. Những lời tố cáo đó vẫn còn dè dặt và mang tính cá nhân, không nhằm vào chế độ hay tố cáo trực tiếp bất kỳ nhân vật lãnh đạo nào của đảng Cộng sản Việt Nam.

Những người được phỏng vấn trong cuốn phim đều là những người trưởng thành trong khói lửa, có người từng theo cách mạng chống Pháp, chống Mỹ, chống Tàu. Tuổi đảng xấp xỉ với tuổi đời; đã 50, 70 tuổi đảng và giờ đây phải chia tay với “ý thức hệ”.

Tôi hiểu được những nỗi đau, nỗi nhục, nỗi thất vọng và nỗi mất niềm tin của những người ở cái tuổi đáng lẽ được nghỉ ngơi, an hưởng. Nhưng, một lần nữa, họ phải chống gậy đi làm một cuộc kháng chiến lần thứ nhì, kháng chiến chống lại một “ý thức hệ” đã bị sỏi mòn, mục rữa, biến chất.

Tôi không tôn trọng những năm kháng chiến của họ, vì không cùng chính kiến với họ ngay từ đầu. Tôi có thể tạm chấp nhận những năm họ chống Pháp. Nhưng chống Mỹ xâm lược là điều cần đặt lại: Ai xâm lược ai?

Vì tôi là người Quốc gia, tôi có chính nghĩa của tôi. Nhưng tôi tôn trọng cuộc tranh đấu kháng chiến “chống ý thức hệ” của họ vì đây mới là cuộc kháng chiến có ý nghĩa nhất trong đời họ, mặc dầu tôi không mấy tin tưởng vào cách thức họ làm. Ít ra lúc này, tôi và họ cùng có một mẫu số chung là cần xóa bỏ chủ nghĩa cộng sản vì tính cách lỗi thời và phản tiến bộ của nó về mọi mặt.

Hồ Cương Quyết đã mở đầu câu chuyện bằng cách ca tụng sự phát triển kinh tế ngoạn mục của Việt Nam. Sài Gòn như một công trường vĩ đại, lúc nào cũng ồn ào tiếng máy xúc, xe bồn nhộn nhịp. Thương hiệu Việt Nam đã ra đi cùng khắp thế giới, chấp cánh đi lên cùng với năm châu trong sự cạnh tranh đầy hứng khởi.

Tại Hà Nội, Hồ Chí Minh ngự trị cao trên quảng trường như biểu tượng của sự tôn sùng vĩ đại. Nhưng vào đến Sài Gòn thì tượng Hồ Chí Minh - dù thành phố mang tên ông ta - xem ra khiêm tốn và nhỏ bé hơn ở Hà Nội.

Sự so sánh kẻ cũng là có ý nghĩa lắm! Biết đâu sau khi đọc những dòng này, nhà nước Cộng sản Việt Nam sẽ bỏ tiền đúc một bức tượng Hồ Chí Minh to gấp 10 lần, xây dựng một quảng trường rộng mênh mông mà sức chứa có thể lên đến hàng triệu người. Chỉ sợ dù quảng trường có thể xây được, nhưng lấy đâu ra người tham dự? Nhưng dù có như thế đi nữa thì dưới mắt người dân Sài Gòn trong tận cùng tm thức: Sài Gòn cũng vẫn là Sài Gòn và không ai có thể thay thế cho cái tên gọi quen thuộc ấy được.

Thành phố Hồ Chí Minh là tên mang vóc dáng chính trị. Còn Sài Gòn là tên gọi của con tim, của những tấm lòng người dân miền Nam, của tình nghĩa Giáo Khoa Thư mà sự thay đổi tên nào cũng trở thành vô nghĩa. Sài Gòn vẫn là “Sài Gòn đẹp lắm, Sài Gòn ơi”.

Amen. ♦

NGUYỄN VĂN LỤC
(10.03.2020)

Ghi thêm: Đi Tới ghi chữ đậm.



ạn thời chơi nhà chòi

□ NGUYỄN VĂN SÂM

LTS: Tác giả Nguyễn Văn Sâm, cựu giáo chức tại Việt Nam trước 1975. Chuyên viết về biên khảo văn học. Đã in tại Việt Nam:

- *Văn Học Nam Hà* (1971, 1973)
 - *Văn Chương Tranh Đấu Miền Nam* (1969)
 - *Văn Chương Nam Bộ và Cuộc Kháng Pháp* (1972)
- Định cư tại Mỹ năm 1979, đã in:
- *Câu Hồ Vân Tiên* (1985)
 - *Ngày Tháng Bồng Bềnh* (1987)
 - *Khói Sóng Trên Sông* (2000)

Thành viên ban biên tập Tự Điển Chữ Nôm Trích Dẫn. Trưởng ban Văn chương, Viện Việt - Học (California, Hoa Kỳ).

Cộng tác Đi Tới năm 2001.

Đi Tới chọn đăng bài viết, giữ nguyên cách trình bày chữ, chữ trong ngoặc, chữ xuống dòng... toàn phần bài viết với những ngữ từ mô tả phần nào cuộc sống, cách thể sống; lời ăn tiếng nói của người miền Nam nói chung và của người Sài Gòn nói riêng trong khoảng thập niên 1950, thời người Sài Gòn còn xài tiếng Tây... chen vô tiếng Ta.



Khi em đưa cái Thẻ Kiểm Tra, mình chưa đọc tên đã biết ngay là em. Nhưng mình cứ làm tình ngồi ôn lại những kỷ niệm ngày xưa. Em thì tình thiệt không biết mình. Nhớ hồi nhỏ hai đứa cũng quyến luyến nhau, dẫu chưa tới mười tuổi. Em hay giận hờn khi thấy mình thân thiện với con Bình khi cả bọn chơi nhảy cò cò. Mình cũng thấy ghét thằng Bé sứt môi khi thằng này tỏ ra sẵn sàng hay nhường nhịn em. Thường thì mình xô đẩy thằng Bé, nhiều khi còn cười ngạo cái bất hạnh của anh ta nữa. Nghĩ cũng kỳ cho tuổi trẻ ác tâm và không biết suy nghĩ. Mình không ưa má em. Thím hỗn hào với chồng, Thím khinh khi mọi người, tối ngày chỉ nằm dài ca hát nhều ngao.

Đàn ông thì kêu bằng thằng cha tuốt: Thằng cha thầy giáo, thằng cha thầy chùa, thằng cha y tá, thằng cha góp tiền đất. Đàn bà thì con hết thầy: Con mẹ Ba cho vay tiền ngày, con mẹ Bảy Mập bán bánh mì, con mẹ vợ thằng cha Hiệu Trường, con mẹ Tư gánh nước mướn. Chỉ có cậu Út là được thím nể nang và thân thiện một điều cậu Út, hai điều cậu Út mà thôi.

Mình thích nhất là được Chú Ba Huê chở vợ con với lại mình đi ra An Lạc ăn cháo đầu cá lóc với rau đắng. Xe chật, ngồi dựa hông vô nhau nghe hơi nóng của em truyền qua mình chắc đầu còn nhớ tới giờ. Nhưng mà rau đắng họ trồng cả đám lớn bên hè, người ta đi hái vô đó tình queo... Ghê quá! Biết họ có rửa rau sạch không nữa! Mình cũng thích bữa nào chú Ba rủ đánh cờ tướng với chú, khoái là được khen mình cao cờ. Khoái là em bị chú sai lấy nước cho anh, khoái là em bận áo quần xích xác lòi cái ngực chưa nẩy nở mà mình con nít quý ưa dòm vô đó kiểm kiểm điều gì mà mình tưởng tượng là rất lạ lẫm. Hình như mình mê em sau cái lần cùng nhau chơi nhà chòi khi con Bình giận bỏ về ngang mình phải thế chỗ. Em bắt mình làm con em làm má. Mình đòi làm chồng em làm vợ. Em lường lự cuối cùng rồi cũng đồng ý. Mình nói chồng thì nắm tay vợ đi chợ. Em đỏ mặt rồi cũng rụt rè đưa tay cho nắm... Sau khi thi đậu vô Đệ Thất mình bị bắt ở trọ không gặp em nữa. Có về nhà vài ba lần nhưng đều mất tích biệt tăm.

Trời hơi chạng vạng. Xóm nhà lá khu Bà chủ Phát đã lốm đốm lên đèn. Mùi cơm sôi, mùi cá kho hòa với mùi củi cành cây cao su chưa khô cháy tươm dầu quện lên trong không khí thành nét đặc trưng buổi trời sắp tối của xóm. Chú ba Huê bẻ mạnh tay lái lách tránh mấy đứa nhỏ đương mảy mê chơi trò Thiên Đàng Địa Ngục Hai Bên rồi quanh cua từ từ chạy xe vô con đường nhỏ đầy bông búp của sân nhà. Khi tiếng nổ lịch bạch phát ra từ chiếc cần câu cơm của chú còn vang dội ở xóm nhà thằng Bé sứt môi thì thằng Dân từ nhà dưới đã

đi chậm chậm ra tới cửa buồng. Tay nó nín tẩm ri-đô để vạch ra một lỗ nhỏ nhìn coi chuyện gì sẽ xảy ra. Nó ngó lăm lét chú Huệ trong khi chú sửa lại cách đậu chiếc xe cho ngay ngắn. Trong nhà, vợ chú, má con Ớn, trở mình trên cái giường tre nhưng cũng chưa chịu ngừng bài hát còn đương dang dở. Thím tay cầm cuốn bài ca đưa thẳng trước mặt, cổ lấy hơi hát lớn hơn bản Vọng cổ trong tuồng *Hạnh Nguyên Cống Hồ* của thời xa xưa:

Nhìn dòng sông đen hắc,

Nhớ xứ thế cắt can trường.

Thảm suy trách thay vua Đường.

Xui nên dở dang chỉ hường.

Rồi thím chuyển giọng của con a hoàn, cũng Vọng cổ lối thời năm năm gì đâu mà thím học theo trong đĩa hát Pathé:

Ghen ghét chi ông Tạo,

Để người phòng khuê phải hòa giặc Phiên.

Chú Ba Huệ lòn tay xuống cái học dưới đệm xe rút ra một gói giấy lăm tẩm ướt mỡ thấm từ bên trong ra, thùng thẳng đi vô nhà. Chú hỏi vợ liền như đã ôm trong lòng từ lâu lắm, sau khi ngó lướt qua vợ, nhúu mày tỏ ý không bằng lòng chuyện gì đó:

‘Má con Ớn có nghe chuyện gì lạ trong xóm sáng nay không vậy?’

Chị vợ lò măt ếch ngó chồng không trả lời, một phút sau đứng đình lờm còm ngồi dậy. Cái áo cánh màu hồng điểm bông tằm li ti gợi cảm của thím rộng cổ trễ tràng xệ rộng trước ngực. Chú nói mau:

‘Hồi sáng sớm, xe ra tới đầu ngõ tôi thấy hai ông bị bắn đầu chừng hồi hai ba giờ khuya gì đó, máu miệng trào ra, còn ri ri chảy chưa đông lại hết. Cả hai tướng tá coi nhỏ nhẽ, trẻ măng, áo quần cũng tươm tất lắm. Không biết phe nào. Tay bị trói thúc ké sau lưng. Tôi vái họ phò hộ được đất mới. Bây giờ giữ lời hứa, mua con gà quay về cúng.’

Mình cúng họ cũng phải. Có thể họ là người của phe mình trước kia. Cũng có thể họ là những người bị phe mình trước kia giết oan như bao nhiêu trường hợp mình từng chứng kiến. Bên nào thì cũng là đồng bào. Bên nào thì họ cũng đã chết quá sớm, cuộc đời hương có bao nhiêu lâu đâu. Tội nghiệp thì thôi!

Chị vợ phán thẳng băng làm cụt ý chồng:

‘Tuồng chuyện gì, chuyện bị xử bắn lên xảy ra hà rầm. Thời buổi chiến tranh mà. Mình dân làm ăn thì đừng để ý tới chuyện ai giết, ai bị giết cho mệt thân. Cúng kiến gì cho hao tiền. Họ có bà con gì mình đâu nè!’

Chú Ba chống chế: ‘Thì cúng chút húi có tốn bao nhiêu đâu! Bữa nay chạy được nhiều mới ngon. Được giá!’

Chị vợ xốc lại cái vai áo xệ, lăm bằm:

‘Muốn nhậu thì nói mẹ nó đi. Đừng qua mặt con này. Bày đặt này nọ như là người tin thần tượng thánh lắm. Hồi xưa ông quả quyết là chẳng có linh hồn, không có thần thánh, cũng không có Địa Ngục Thiên Đàng gì hết mà!’

Tuy không vừa ý với lời dè bieu của vợ, Chú Tư Huệ cũng làm thinh không thèm trả lời trả vốn gì hết. Chú đặt gói gà lên bàn nước, đi ra nhà sau lui cui soạn đem lên hai cái đĩa bàn thang, bày biện cúng kiến. Vợ chú bây giờ mới đứng đình bước xuống giường, miệng vẫn ý ề ý a mấy câu ca một bài Tứ Đại Oán thăm sâu.

Bực mình chú Tư phê bình nhẹ nhàng:

‘Má con Ớn ca bản xưa không à! Đời bây giờ người ta ca Vọng cổ tân thời sáu câu 32 nhịp theo cách của Bảy Cao, Thanh Tao, Năm Phôi không ai còn ca kiểu xưa như kếp Từ Anh, Tám Thừa hay cô Tư Sặng nữa đâu.’

Chị vợ nổi hứng cất giọng thân mật:

‘Nghe chị ca *Máu Nhuộm Phụng Hoàng Cung* nè em! Em mà phán là chị ca dở tối nay chị nhịn cơm cho em biết.’

Chú Tư ngó vợ bằng cặp mắt của người tình.

Và Má con Ớn nói *lối dài* trước khi vô giọng cổ xuống xề nghe ngọt lịm kiểu tài tử đẹp trai Năm Phôi. Người chồng đưa tay bẹo má vợ. Thường.

Con Ớn, ở đâu chạy vô xem giữa hai người, nó thở hào hển mà vẫn liến thoắng:

‘Ba ơi, ba mét cho thằng Dân bị đòn nút đít đi ba. Đi đi ba, ông Huệ về rồi đó!’

‘Chuyện gì mà dữ vậy?’ Tay chú xoa mạnh đầu con, làm rối tóc con nhỏ, khiến nó xụ mặt.

‘Nó là con nít quỷ đó ba. Nó dòm nách má rồi ra ngoài nói tùm lum tà la là má có lông nách dài.’ Con nhỏ vừa nói vừa chu mỏ dài sọc.

Thím Tư bịt miệng con không kịp, thím đưa mắt lừ con gái. Chú Tư lừ lại vợ mình:

‘Cũng không nên bận quần áo lôi thôi quá. Nhà cửa trống hếch trước sau. Nít nhỏ chạy vô chạy ra hà rầm. Thằng Dân nói vậy còn đỡ. Cậu Út nói vậy thì...’

Chú ngưng ngang vì thấy mình không nên khơi sâu điều vợ không muốn nghe.

Con Ớn nắm tay ba nó giựt giựt:

‘Ba mét ông Huệ để thằng Dân bị đòn nghe Ba! Hôm bữa nó ăn hiếp con. Nó còn nói nữa lớn nó cưới con làm vợ rồi đánh như tử cho bỏ ghét. Đánh như ba thằng Bé sút môi đánh vợ. Đánh như ba thằng Dân đánh má nó đó.’

Cách vách, thằng Dần nghe hết mấy câu trao đổi của người bên kia, nó nuốt nước miếng cái ực như nuốt con giân lớn cảnh hông.

Nhang được thả lên. Chú Tư cầm ba cây lên mình con gà. Chú rót nước vô mấy cái chén chung. Tự tay chú ra khạp gạo lấy một nắm gạo bỏ lên cái đĩa nhỏ rồi trút muối lên kế bên. Chú nói với vợ:

‘Chết như vậy oan ức sẽ thành cô hồn, mình phải rải muối gạo để vong linh họ đỡ tui.’

Mình không chết là may! Đi theo họ có hai năm mà xuýt chết mấy lần do Tây phục kích hay là xung phong công đồn mà phá không thùng phải chém về. Còn cái thằng Đại Đội Trưởng nữa, nhiều khi nó ngó mình bằng cặp mắt quý như muốn ăn tươi nuốt sống vì mình can thiệp thả mấy người dân biết rõ ràng là bị bắt oan. Cũng may mình rút kịp ra ngoài này. Ở lại thì thấy ông bà ông vải lâu rồi. Bởi vậy tội nghiệp hai người này quá chừng.

Chú thành kính rót rượu vô ba cái ly nhỏ đặt ngang hàng trước con gà. Chú lâm râm vái.

Vợ chú vô buồng lấy áo bà ba bận tề chỉnh. Thím cũng đốt ba cây nhang, xá xá rồi đem ra trước cửa xá trời. Thằng Dần ở trong nhà dòm ra thấy hết cử chỉ của thím. Nó vái thầm trong bụng là ưng ai thím nổi từ tâm bỏ qua chuyện đó, không cho chồng mét ba nó. Nó cũng tự hứa là nếu được như vậy thì từ rày sẽ tử tế với con Essen hơn, không ăn hiếp nó nữa. Và nó đứng dựa cửa buồng, lim dim ngủ gà ngủ gật...



Bốn năm chiếc xe cảnh sát ngừng ở con đường độc đạo trái đá, dựa bờ sông. Mỗi chiếc cách nhau chừng trăm thước, đủ để trấn giữ cả khu yên hoa nổi tiếng bình dân hoạt động mấy năm nay. Khi máy xe vừa tắt, khi những người cảnh sát nhảy xuống xếp hàng dài bắt đầu làm phận sự thì hầu hết những ngọn đèn lơ mờ trong dãy nhà lụp xụp bên kia đường dựa bầu nước đồng loạt tắt. Tiếng la ới ới, tiếng kêu nhau ầm ĩ, tiếng chạy thình thịch và tiếng ùm ọc, bì bõm của vài người nhảy xuống nước, lội trồn vang dội trong đêm. Đàn ông từ những căn nhà tắt đèn đổ ra đường giả bộ thanh nhàn thờ thẩn như người đi hóng gió sông. Đàn bà thì chẳng thấy ai. Mấy ghe thương hồ bật đèn lên sáng một khúc sông, người trên ghe ra trước mũi ngồi hút thuốc bàn tán... Sau một hồi bao vây và lục lọi, lính bắt được vài chục gái, một số chịu trận trồn trong buồng, trong nhà tắm, trong cầu tiêu bị lôi ra. Một số ôm cột xi măng dưới nước bị rọi đèn pin vô mắt, ngoắc lên. Ướt loì ngoi, chậm chậm bước lên bờ cỏ.

Tiếng một mụ chủ chứa than với người lính quen mặt:

‘Trời ơi, bộ mấy ông ghét dân Cầu Hàn lắm sao mà suốt ba tuần liền tuần nào cũng bắt. Điều này tui em chắc dọn đi chỗ khác làm ăn chớ ở đây đòi hết sao sống?’

Người lính trẻ cười hiền:

‘Thì kiếm nghề khác mà sống. Nghề này dơ quá! Rồi mấy cô lấy bệnh tùm lum...’

Một má nuôi chó mỗ vô:

‘Nói thì dễ thầy ơi. Bỏ nghề rồi biết làm gì ăn đây. Với lại còn nhà cửa nữa. Sang lại cho ai rồi mua nhà mới ở đâu? Dính ăn dính thua ráo nạo rồi. Thôi thì lỗ đăm lao phải theo lao thôi. Mấy thầy thương thì nhờ ghét thì chịu.’

Người lính không muốn nghe tiếp, đưa cây ba-trắc đang ra thẳng tay lừa từng tốp vô một căn nhà được lấy làm Đại Bản Doanh tạm thời. Ai vô tới cửa cũng để lại Thẻ Kiểm Tra trên bàn. Ai không có thì là giấy có mặt kiểm tra, không có gì hết thì vô ngồi một góc chờ tính sau.

Các cô gái, ái ngại ngó qua ngó lại những người đồng cảnh rồi chiếu tướng người lính để đoán coi anh ta hiền hay dữ. Cô nào mặc quần áo phong phanh thì quơ quào gì đó của bạn che chắn đỡ. Cô nào ướt thì mượn nhờ khăn của bạn lau được chút nào hay chút nấy. Áo ướt, dính vô da thịt, phơi bày khiến nhiều cô mắc cỡ co ro hay lấy tay che ngực, mặt bí xị như giẻ rách.

Có tiếng cười diễu, hơi lớn:

‘Tới nước này mà còn e lệ gì nữa! Bộ chưa từng cho ai coi sao mà che.’ Cả bọn cười ồ, không khí buồn bã sợ sệt hình như đã bớt chút đỉnh.

Người lính trẻ ngồi trước bàn để đóng Thẻ Kiểm Tra buồn tình giờ ra coi từng thẻ. Bỗng anh sửa lại thẻ ngồi, chăm chỉ ngó vô tám thẻ cầm trên tay này giờ, đọc lại lần nữa rồi ngược mặt lên với đám đồng. Anh đọc tên người mang thẻ và kêu lên ngồi trước mặt để hỏi chuyện:

‘Cô tên này? Hay là mượn thẻ của ai? Sao không giống hình trong thẻ?’

‘Dạ thẻ của em. Em là Hồng thị Essen! Ai ở đây cũng đều biết là thẻ của em.’

‘Cô lúc nhỏ ở khu Vườn Lài?’

‘Sao thầy biết?’

‘Nghiep vụ mà. Chúng tôi có cách riêng.’

‘Đâu cô nói về thời gian lúc nhỏ của cô ở đó rồi tại sao cô đi khỏi xóm. Làm gì để sống. Có vô Khu không mà bỏ đi bí mật vậy?’

Cô gái lấm lét ngó vô mặt người đối thoại:

‘Thầy đừng nói vậy tội nghiệp em. Làm gái ở đây đã khổ lắm rồi. Mắc vô cái tội đi Khu có mà chết.’

‘Cô nói đi! Tại sao ba cô bị bắt!’

‘Ba em nói sao thì em nói lại với thầy. Bữa đó có người mang một gói gì đó, ông ta nói là trái cây người bà con ở Cai Lậy biếu khi đi thăm. Ông đi xe ba em. Sợ trái cây dập, mà ôm thì mỏi tay, ông ta kêu ba em mở thùng xe dưới chỗ ngồi, bỏ vô, ông ta ngồi trên cho dễ dàng thoải mái. Chạy gần tới một chốt xét xe vừa mới được dựng lên, ông ta nhảy xuống băng qua đường lên vô hẻm, xe ba em bị chặn lại xét. Có chứa lựu đạn. Ông bị giam mấy tháng, sau họ thấy tình ngay lý gian nên thả ra.’

‘Chuyện này thì chúng tôi biết rồi.’ Người lính mặt lạnh như tiền trả lời rồi lơ đãng ngó ra ngoài sân. Lính tráng vẫn láo nháo với một số người vừa bị bắt thêm khi trốn trong những nhà có cửa bí mật. Khách thương hồ trên ghe được dịp đứng lên chỉ chỗ, cười nói.

‘...Má em lúc ba em bị tù có lùm xùm sao đó với Cậu Út cháu nội bà chủ Phát nên bị bà ấy chửi mắng thậm tệ. Má mắc cỡ bỏ nhà đi. Em ở đó vài ba ngày thì bà Ngoại lên đem về Trà Ôn sống với ngoại... Khi ba được thả về và muốn được nhà kha khá thì xuống dưới đó đem em lên Sài Gòn. Em chưa bao giờ gặp lại má. Bà đi biệt từ đó. Có thể là đi theo gánh hát cải lương như đã tuyên bố nhiều lần khi còn ở với ba em.’ ‘Xin lỗi. Cô đưa *bóp* cho tôi xét giấy tờ. Coi có gì khả nghi không.’

Cô gái rụt rè đưa cái *bóp* cầm tay cho người lính. Coi đẹp mà chẳng có bao nhiêu tiền trong đó. Cô gái chăm chăm ngó từng cử chỉ của người cảnh sát. Coi bộ hơi mắc cỡ vì mình nghèo. Người lính lục từng ngăn một hồi rồi rút ra một tấm hình. Một người đàn ông ốm yếu, mình trần môi nứt lòi răng dưới lỗ mũi bên trái, tay anh ẵm đứa con gái chừng ba tuổi coi bộ cũng tong teo. Cả hai chụp hình mà không vui.

Cô gái nhìn cử chỉ của người lính. Cô nhú mảy suy nghĩ.

‘Anh chàng nứt môi này là chồng cô?’

‘Dạ anh tên Bé! Mà bây giờ anh hết nứt môi rồi. Năm ngoái có tàu Bệnh Viện Hoa Kỳ ghé Bến Tàu vá môi cho anh. Lúc nhỏ em và bạn em ăn hiệp ảnh hoài. Nhưng bạn em lên học trường Petrus Ký rồi ở trọ gần đó luôn em không bao giờ gặp nữa.’ Cô vừa nói vừa quan sát sự biến đổi sắc mặt người đối thoại. Người lính cảnh sát vẫn lạnh lùng, nghiêm trang như từ trước tới giờ.

‘...Em về thăm chỗ cũ vài ba lần, không gặp người quen nào ngoài anh Bé rồi hai đứa nghèo khổ dựa nhau mà sống. Thầy coi, có còn quen ai đâu?’



Xe thổ mộ tại Sài Gòn xưa (Ảnh: Internet)

Người trước mặt bây giờ mới nhếch mép cười: ‘Chú ba Huê lúc này còn chạy xích lô máy không?’

Người con gái trả lời như máy:

‘Dạ còn! Nghề nghiệp bao nhiêu năm biết làm gì ăn?’

‘Anh Bé có đánh vợ như ba anh không?’

Người con gái hai mắt sáng lên. Cô đưa tay lấy lại tấm hình, tự tiện bỏ vô *bóp*, không trả lời thẳng câu hỏi mà tuông ra tràng tâm sự dài.

‘Lúc nhỏ em có người bạn cùng lứa, chơi với nhau thân mật lắm. Lớn lên cũng mong gặp ảnh để được làm vợ ảnh, để được ảnh đánh mà không bao giờ gặp. Tới bây giờ nếu có gặp lại nhau thì cũng lỡ làng rồi. Chẳng có duyên số với nhau thì đành chịu. Chịu thua ông Trời chơi ác!’

Người lính trả Thẻ Kiểm Tra cho đương sự, nói lớn với người bạn lính khác mới vừa bước vô:

‘Anh coi giùm mấy cô này, tôi phải hướng dẫn cái cô này đi cầu, cổ đau bụng máu mà không dám đi một mình.’ Anh nheo mắt với bạn.

Cô gái năn nỉ nhỏ nhỏ nhưng giọng đã có hơi dạn dĩ:

‘Cho con bạn em theo với. Nó mới có 17 tuổi thôi, bị gạt bán vô động cả tháng rồi. Hồi vô nó còn *gin*. Tiếc thân nó khóc hoài.’ Cả ba bước ra cửa, đi về vùng bóng tối phía xa xa.

Một lúc sau anh lính một mình về lại căn nhà làm Tổng Hành Dinh cuộc ruồng bỏ. Người bạn ngó anh gật đầu. Anh nheo mắt và mỉm cười nói nhỏ: ‘Bạn thời chơi nhà chòi.’ ♦

NGUYỄN VĂN SÂM

Victorville, CA, 20 tháng 04, 2019

Ghi thêm: Bản tác giả gửi ngày 07 tháng Tư 2020.

thu thập bởi
Trần Hữu Dũng
Nhà giáo nghỉ hưu
Dayton, Ohio
USA

kinh tế Việt Nam

T I N T Ú C & T ù L I Ệ U

LTS: Vừa qua, hội thảo “Đạo đức báo chí, trách nhiệm xã hội của báo chí trong kỷ nguyên số” do trường đại học KHXH&NV tổ chức đã có hàng trăm nhà báo, nhà khoa học, nhà quản lý tham dự và đóng góp ý kiến, với mong muốn xây dựng một nền báo chí chuyên nghiệp, nhân văn. Nhân kỷ niệm 90 năm Ngày báo chí cách mạng Việt Nam, báo VietNamNet xin giới thiệu bài viết của Thạc sỹ Lưu Đình Phúc, Phó Cục trưởng Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông: **“Báo chí không thể luôn ‘chạy theo’ điều công chúng muốn biết.”**

Nguồn: <http://vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/245220/bao-chi-khong-the-luon--chay-theo--dieu-cong-chung-muon-biet.html>

21/06/2015

“Đúng thế, hãy noi gương các báo Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân... **Họ luôn luôn đăng những điều công chúng KHÔNG muốn biết.** Thế mới gọi là làm báo!”

05/03/2018

- Thủ tướng: Tất cả cán bộ, đảng viên luôn đọc báo Nhân Dân.
- *Hahahaha! Theo thống kê Alexa thì số người đọc viet-studies đông hơn số người đọc báo Nhân Dân!*

Nguồn: TRẦN HỮU DŨNG
<http://viet-studies.info/kinhte/kinhte.htm>



NGUYỄN PHÚ TRỌNG CHIA RẼ NAM BẮC

“LẤY NAM NUÔI BẮC; SÀI GÒN LÀM, HÀ NỘI ĂN”

• Ngô Nhân Dụng

Nếu ai còn nghi ngờ dân Hà Nội đã nói oan khi đánh giá ông Nguyễn Phú Trọng là “Lú như Trọng,” nên đọc bài diễn văn của ông Trọng Lú khi trình diện Bộ Chính Trị mới, năm 2016, sẽ hết nghi.

Trước ông kính truyền hình cho cả nước coi, ông Nguyễn Phú Trọng tuyên bố đảng của ông sẽ tiếp tục “vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội...”

Thứ nhất, chủ nghĩa Mác-Lênin đã chết từ lâu rồi, sau khi đã làm kiệt quệ cả kinh tế lẫn đời sống tinh thần của hằng tỷ con người. Ngay ở Trung Quốc bây giờ, bọn lãnh đạo cũng không còn tin ở chủ nghĩa đó nữa. Họ chăm chỉ học tập cách làm ăn theo chủ nghĩa tư bản thế kỷ 19.

Thứ hai, Hồ Chí Minh không bao giờ nhận mình có “tư tưởng.” Ông đã nói rằng tất cả những gì cần viết đã có Mao Trạch Đông viết hết cả rồi, chính ông ta không cần suy nghĩ thêm nữa. Ông thỏa mãn với địa vị “Mao Nhỏ” (Tiểu Mao) nên cho bồi bút ca ngợi mình: “Bác Mao không ở đâu xa, Bác Hồ ta đó chính là Bác Mao.”

Thứ ba, ông Nguyễn Phú Trọng nói đảng ông “kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.” Một đảng đề cao “độc lập dân tộc” mà vẫn nhắm mắt cho Cộng Sản (CS) Trung Hoa chiếm đất, chiếm đảo của nước mình từ 1958 đến 1974, lại 1988 là làm sao? Tại sao chúng nó tấn công giết hại đồng bào năm 1979 mà lại cúi đầu khom lưng tiếp tục ôm chân “đồng chí anh em” khăng khít từ hội nghị Thành Đô (1990)?

Nhưng cái lú hiển nhiên nhất là ông Nguyễn Phú Trọng vẫn khẳng định mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bởi vì chính miệng ông đã từng nói, “đến cuối thế kỷ này không biết đã có chủ nghĩa xã hội hoàn thiện ở Việt Nam (VN) hay chưa.” Chính ông cũng không biết cái chủ nghĩa xã hội nó thế nào mà xây dựng, bây giờ ông lại nhất định “lãnh đạo” hơn 90 triệu con người Việt Nam tiến đến cái thế giới mù mù mờ mờ đó! Phải nói rằng ông lú, lú quá!

Nói như vậy rồi, cũng phải công nhận rằng lời phê “Lú như Trọng” có phần hơi oan. Bởi vì con đường lú lẫn theo chủ nghĩa CS ông Trọng đã đi học người khác chứ không phải chính ông nghĩ ra. Cả đảng CS lú chứ không riêng mình Nguyễn Phú Trọng. Cái Lú của ông Trọng có tính chất hệ thống. Niềm hãnh diện lớn nhất trong đời Hồ Chí Minh là “Giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lênin.” Đó là đại họa của các đảng viên CS và cả dân tộc Việt Nam.

Trong đời sống cá nhân, lúc ứng xử với đời, Nguyễn Phú Trọng không lú chút nào cả. Trái lại, ranh ra phết! Nếu không tinh ma quỷ quái thì làm sao hạ Nguyễn Tấn Dũng rớt đài tới tả một cách ngoạn mục như thế?

Một trò tinh ma hạ cấp nhất là khích động óc kỳ thị địa phương. Thế kỷ 16, thời Trịnh Nguyễn phân tranh, người Việt đã có mâu thuẫn Đàng Trong chống Đàng Ngoài. Thực dân Pháp chia ba miền Nam, Trung, Bắc, đào thêm hố chia rẽ. Trước ngày họp hành bầu bán, phe Nguyễn Phú Trọng đã cho truyền tai nhau, rằng chức tổng bí thư phải là người Bắc, “người ngoài mình!” Nguyễn Tấn Dũng tất nhiên không “đạt yêu cầu!”

Kỳ thị Bắc Nam là một món võ hiệu nghiệm. Vì hiện nay 70% đảng viên Cộng Sản là người Bắc, dù miền này chưa bằng 46% dân số Việt Nam. Tỷ lệ người miền Bắc vào đảng Cộng Sản cao hơn cả nước. Trong số 11 tỉnh mà số đảng viên chiếm 6% dân số hoặc cao hơn thì 9 tỉnh nằm ở châu thổ sông Hồng và ở biên giới Đông Bắc giáp với Trung Quốc; hai tỉnh khác là Nghệ An và Quảng Bình. Những tỉnh với tỷ lệ đảng viên từ 4% tới 6% đều nằm từ Quảng Trị trở lên, cộng thêm thành phố Đà Nẵng và Hà Nội, với số đảng viên hơn 5% số dân. Ngược lại, số người vào đảng Cộng Sản ở miền Nam rất thấp, càng xuống phía Nam càng thấp. Bốn tỉnh ở ngay dưới vĩ tuyến 17 và Kontum, Daknong còn có được 3% tới 4% là đảng viên; các tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Tháp, Kiên Giang, An Giang tỷ lệ đảng viên chiếm dưới 2%. Sài Gòn và các tỉnh khác có 2% tới 3% dân là đảng viên Cộng Sản.

Kỳ thị Bắc Nam là một món võ hiệu nghiệm. Vì hiện nay 70% đảng viên Cộng Sản là người Bắc, dù miền này chưa bằng 46% dân số Việt Nam. (...) Tình trạng phân biệt đối xử đã diễn ra từ khi Cộng Sản chiếm miền Nam. Sau năm 1975, cán bộ miền Bắc đã trở thành một đạo quân chiếm đóng trong vùng dưới vĩ tuyến 17. (...) **Trong số 25 xí nghiệp quốc doanh lớn nhất, 22 xí nghiệp nằm trong vùng Hà Nội. Chắc chắn Nguyễn Phú Trọng sẽ tiếp tục chính sách lấy Nam nuôi Bắc, Sài Gòn làm Hà Nội ăn.**

Tỷ lệ đảng viên CS ở miền Nam thấp dễ hiểu, vì điều kiện lịch sử và chính sách kỳ thị của đảng. Đảng CS đã hoạt động chính thức ở miền Bắc 30 năm trước khi vào Nam năm 1975, số đảng viên phải cao hơn. Dân miền Nam chán ghét CS ngay từ những ngày đầu “mở mắt ra” cho nên ít người muốn theo đuôi. Hơn nữa, muốn vào đảng họ sẽ vướng cái rào cản lý lịch. Cha mẹ từng là quân nhân hay công chức Việt Nam Cộng Hòa chắc chắn khó vào. Một người muốn vào đảng còn phải kê khai lý lịch cả thân bằng quyến thuộc, kể cả những bà con, anh chị em, cô dì, chú bác đang sống ở nước ngoài; đó là những hàng rào cản trở lớn.

Nhưng ngay tại các tỉnh miền Nam với số đảng viên thấp, hiện nay nhiều đảng viên cũng vốn gốc miền Bắc. Họ vào Nam để chiếm lấy các địa vị quan trọng trong mỗi đơn vị đảng. Tất nhiên khi chọn đại biểu từ mỗi tỉnh hay thành phố đi dự đại hội, số người gốc miền Bắc cũng chiếm đa số vì họ nắm trong tay guồng máy đảng.

Với những con số trên đây, trong thành phần dự trong đại hội vừa rồi, người gốc miền Bắc tất nhiên chiếm đại đa số, đa số áp đảo. Cho nên thủ đoạn kích thích tự ái địa phương có hiệu quả, âm mưu chia rẽ Nam Bắc đã thành công. Trong 19 người vào Bộ Chính Trị mới, có 13 người gốc miền Bắc, miền Nam có 4 người và miền Trung chỉ có 2 người. Trong khóa trước, mỗi miền Nam, Bắc có 6 người, với 4 người sinh ở miền Trung từ Thanh Hóa, Nghệ An, đến Quảng Nam. Nguyễn Phú Trọng đã đạt mục đích, ngồi yên ở ghế tổng bí thư, nhưng đã phá nát tinh thần đoàn kết dân tộc.

Tình trạng phân biệt đối xử đã diễn ra từ khi CS chiếm miền Nam. Sau năm 1975, cán bộ miền Bắc đã trở thành một đạo quân chiếm đóng trong vùng dưới vĩ tuyến 17. Trong đợt đầu, họ đã tháo gỡ nhiều máy móc, thiết bị đem về Bắc, nhiều khi không biết dùng làm gì, để han rỉ rồi phế thải.

Trong khi đó cơ xưởng ở miền Nam phải ngưng hoạt động. Mặc dù bị cưỡng chiếm và bóc lột như vậy, sau thập niên 1980 miền Nam vẫn phát triển nhanh hơn, mức sống lên cao hơn, trở thành đầu tàu kinh tế cho cả nước. Để bảo vệ quyền lợi miền Bắc, đảng CS đã thu góp tài nguyên cả nước để cung phụng cho miền Bắc. Người dân miền Nam sản xuất và tiêu thụ nhiều hơn, nhưng tiền thuế họ đóng góp, tiền tiết kiệm họ gửi ngân hàng được đem nuôi dưỡng các cán bộ trong hệ thống doanh nghiệp nhà nước khi các ngân hàng quốc doanh cho vay theo chỉ thị của đảng. Các xí nghiệp quốc doanh chiếm hơn 50% số tiền vay từ các ngân hàng trong khi đóng góp dưới một phần ba tổng sản lượng nội địa. Trong số 25 xí nghiệp quốc doanh lớn nhất, 22 xí nghiệp nằm trong vùng Hà Nội.

Chắc chắn Nguyễn Phú Trọng sẽ tiếp tục chính sách Lấy Nam Nuôi Bắc; Sài Gòn làm, Hà Nội ăn. Ốc kỳ thị địa phương lên trở thành một chính sách không cần văn bản. Nhà báo Huy Đức, người Thanh Hóa, tác giả sách Bên Thắng Cuộc, nói rằng: “*Chế độ này không bao giờ muốn hòa giải thật sự. Họ lúc nào cũng tự xưng họ là kẻ thắng, họ là chủ nhân của đất nước.*”

Một nước chia rẽ là một nước suy yếu. Thực dân Pháp đã theo chính sách chia để trị khi lập ra ba chế độ khác nhau ở ba miền. Năm 1945 cả nước bùng lên phong trào thống nhất. Ngày nay thực dân Pháp không có mặt nữa, vậy để quốc nào được lợi nhất khi người Việt Nam tiếp tục tinh thần kỳ thị, chia rẽ Nam Bắc? Chỉ có đế quốc đồ Trung Cộng. ♦

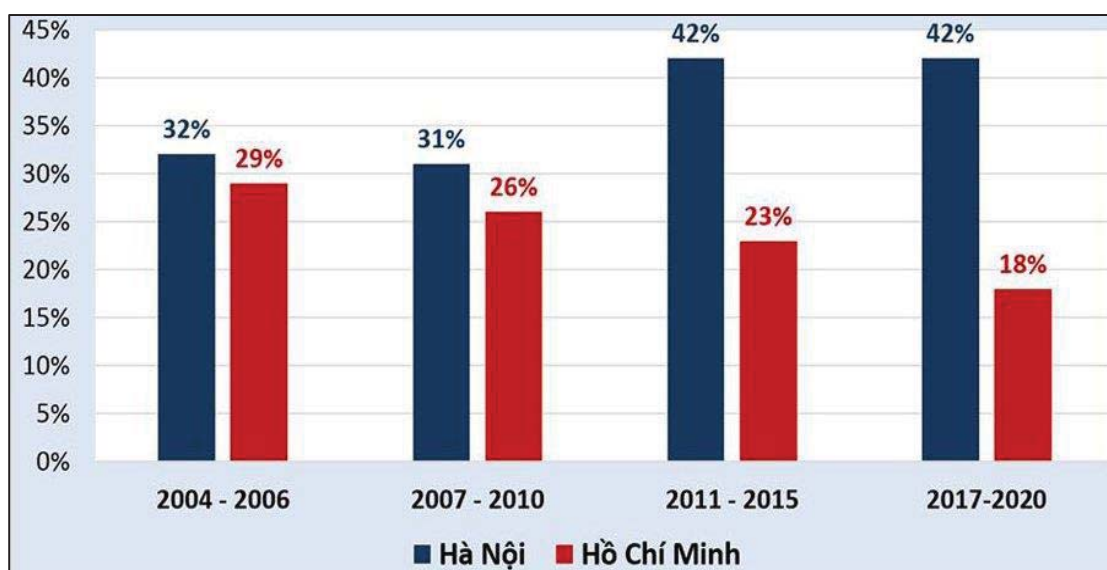
NGÔ NHÂN DỤNG
(29.01.2016)

Nguồn:

<https://www.nguoi-viet.com/binh-luan/Nguyen-Phu-Trong-chia-re-Nam-Bac-4559/>

SÀI GÒN làm HÀ NỘI ăn !

Thành phố Sài Gòn với dân số đông nhất trong số các thành phố lớn cả nước, nhiều khu kỹ nghệ và chế xuất, được coi như đầu tàu sản xuất kinh tế của cả nước. Trong khi rất nhiều tỉnh thu ngân sách không đủ chi nên nhà cầm quyền trung ương đã phải bơm thêm tiền để nuôi thì thành phố **Sài Gòn là một con bò sữa bơm tiền nuôi chế độ.**



Biểu đồ tỉ lệ ngân sách của Sài Gòn bị liên tục cắt giảm trong khi thành phố Hà Nội lại được tăng lên mãi.

(Hình FB Vũ Thành Tự Anh)

Theo đồ biểu ngân sách hai thành phố Sài Gòn và Hà Nội do ông Vũ Thành Tự Anh dẫn chứng, trong khi thành phố bò sữa nuôi chế độ là **Sài Gòn càng ngày càng bị vắt bạo tay hơn thì thành phố Hà Nội lại được ưu ái giữ lại một tỉ lệ thu ngân sách cho địa phương đến 42% suốt giai đoạn từ 2011 đến 2020.** (TN)

Trích: Sài Gòn, ‘con bò sữa’ nuôi chế độ, bị vắt mạnh tay hơn.

Nguồn: Người Việt (24-10-16)

CÙNG 1 LÒ

‘Cái lò đã nóng lên rồi thì củi tươi vào đây cũng phải cháy.’

Tổng Bí thư Đảng, Chủ tịch nước NGUYỄN PHÚ TRỌNG



❑ **Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh (sinh 23.02.1955 tại Nam Định)** Vào ngày 20/6/2017, Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc đã trao Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng và Huân chương Độc lập hạng Nhất cho ông Vũ Văn Ninh :

- * Năm 1999, Vũ Văn Ninh thứ trưởng tài chính.
- * Năm 2003, được điều động về làm phó chủ tịch Hà Nội, cho tới tháng Giêng năm 2006.
- * Năm 2006, sau Đại hội Đảng, trở thành Bộ trưởng tài chính, cũng là ủy viên Trung ương Đảng.
- * Năm 2011, tiếp tục ngồi trong Trung ương Đảng, trở thành Phó Thủ tướng.
- * Tháng 4/2016, nhận quyết định nghỉ hưu, được nhận xét rằng đã "hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao".
- * Tháng 7/2019, Bộ Chính trị nói: "Vi phạm, khuyết điểm của đồng chí Vũ Văn Ninh là nghiêm trọng, làm thiệt hại rất lớn tiền của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và cá nhân đồng chí, gây dư luận xấu, cần phải thi hành kỷ luật nghiêm minh theo quy định của Đảng."



❑ **Đinh La Thăng (sinh 10/9/1960 tại Yên Bình, Yên Bái)**, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, cựu Bộ trưởng Giao thông vận tải, cựu Bí thư Thành ủy TPHCM; Phó trưởng ban kinh tế trung ương; ngày 14/5/2018 bị kết án chung 30 năm tù.



❑ **Trịnh Xuân Thanh (sinh 13/02/1966 tại Hà Nội)** từng là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, giữ chức Tỉnh ủy viên (từ năm 2015), Phó Chủ tịch phụ trách công nghiệp - thương mại Ủy ban

nhân dân tỉnh Hậu Giang và Đại biểu Quốc hội khóa XIV. Ông đắc cử đại biểu Quốc hội Việt Nam khóa XIV được 198.392 phiếu, đạt tỷ lệ 75,28% số phiếu hợp lệ và trở thành người trúng cử với số phiếu được bầu chọn cao nhất tại Hậu Giang. Bị điều tra tham nhũng năm 2016, xử tù chung thân.



❑ **Thứ trưởng Bộ Công an, trung tướng Công an Trần Việt Tân (sinh 1955, tại Tiền Hải, Thái Bình)**



❑ **Thứ trưởng Bộ Công an, trung tướng Công an Bùi Văn Thành (sinh 1958, tại Yên Khánh, Ninh Bình)**

Cả hai vi phạm rất nghiêm trọng, làm thất thoát tài sản Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức Đảng, ngành Công an. (Theo UBKTTU)



❑ **Đô đốc Nguyễn Văn Hiến (sinh 15/10/1954 tại Gia Viễn, Ninh Bình)**. Năm 2011, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tư lệnh Quân chủng Hải quân,

Ủy viên Ủy ban Quốc phòng và An Ninh của Quốc hội, vi phạm các quy định pháp luật liên quan đến 10 khu đất quốc phòng. Vi phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức Đảng, Quân đội và cá nhân ông Hiến.



❑ **Phó Đô đốc Hải quân Nguyễn Văn Tình (sinh 02/10/1945 tại Giao Thủy, Nam Định)**, Chính ủy Quân chủng Hải quân, Ủy viên Trung ương Đảng khóa 9, danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Các cơ quan chức năng đã tiến hành xem xét, xác định vi phạm, khuyết điểm và mức độ trách nhiệm cá nhân của Phó Đô đốc, nguyên Bí thư Đảng ủy, nguyên Chính ủy Quân chủng Hải quân Nguyễn Văn Tình là nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng, Quân đội và cá nhân ông Tình.



❑ **Đại tá Công an Nguyễn Chí Phương, (sinh năm 1961 tại Thanh Hóa)** Trưởng Công an TP. Thanh Hóa đã bị khởi tố tội nhận hối lộ.

‘Tổng bí thư phải là người có lý luận và phải là người miền Bắc.’

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước NGUYỄN PHÚ TRỌNG



❑ Thúc trưởng Nguyễn Hồng Trường (sinh 1955 tại Nghệ An) Bộ Giao thông Vận tải bị kỷ luật. Nhiều vụ ăn tiền hối lộ khi còn ngồi ghế Thúc trưởng Bộ GTVT.



❑ Thúc trưởng Bộ GTVT Nguyễn Ngọc Đông (sinh năm 1962 tại Ninh Bình) bị kỷ luật khiển trách. (8/7/2019)

❑ Thầy bói Phan Bá Huỳnh được vinh danh trong “VINH QUANG VIỆT NAM 2015” tại HÀ NỘI.



Ông Phan Bá Huỳnh hành nghề bói toán gần 10 năm nay và từng bị Công an phạt hành chính vì hành nghề mê tín dị đoan. Nhưng ngày 16-8, ông được vinh danh là "điển hình tiên tiến" trong chương trình trên tại Hà Nội.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC PHÙNG XUÂN NHẠ BỊ TỔ CÁO ‘ĐẠO VĂN’
Thủ đoạn gian trá che đậy đạo văn của Bộ trưởng Giáo dục Phùng Xuân Nhạ (sinh 1963 tại Hà Nội) và Thúc trưởng Bộ Lao động & Xã hội Lê Quân (sinh 13.8.1974 tại Hà Nội).

Cái L... (Lờ), Thừa Bộ trưởng

Tác giả: FB Trương Duy nhất và Lê Kiên (Báo Tuổi trẻ). KD: Mình đọc stt này trên FB Trương Duy Nhất vừa ngượng vừa buồn cười. Ngượng và buồn cười, vì Bộ trưởng nói ngọng L, N- một điều tối kỵ với một quan chức lãnh đạo, vì khi chỉ đạo mà cứ “nấn nộn” thì khổ lắm cho cái tai của người nghe. Và phát biểu trước nghị trường ngày sáng nay 16/11, ông Bộ Trưởng cho rằng việc các cô giáo đi tiếp khách chỉ là chuyện “vui vẻ thôi”. Không hiểu ông nói chỉ là “vui vẻ thôi” có nghĩa là gì? Không hiểu Bộ trưởng có nhiều lần... “vui vẻ thôi” như thế không, mà sao ông hồn nhiên đến mức tự nhiên chủ nghĩa vậy?

Thanh tra xây dựng vôi tiền ở Vĩnh Phúc



❑ Trưởng đoàn thanh tra Nguyễn Thị Kim Anh (sinh 1975 tại Nghệ An) bị cơ quan công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang về hai hành vi: nhận 68 triệu đồng của T.H; nhận 91,5 triệu đồng của Đỗ Mạnh Cường. Ngoài ra, còn có 335 triệu đồng trong tù do Nguyễn Thị Kim Anh (Phó trưởng phòng Chống tham nhũng - Thanh tra Bộ Xây dựng, trưởng đoàn công tác) quản lý, các máy tính, điện thoại và một số đồ vật liên quan khác.

Kiểm tra nội bộ,

Hà Nội không thấy ai tham nhũng!

TTO - Báo cáo kết quả phòng, chống tham nhũng năm 2015 của UBND gửi Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội nêu rõ “qua kiểm tra nội bộ chưa phát hiện trường hợp nào có dấu hiệu tội phạm tham nhũng”.



“Nể nghe nhân dân, nể nghe phụ huynh”.

Bộ trưởng chỉ mà mở miệng là... lộn cái lờ!

Chỉ một đoạn ngắn. Không khó để phát hiện ngay, Bộ trưởng Giáo dục – Đào tạo Phùng Xuân Nhạ nói ngọng. Là cái l... (lờ), chữ L, thừa Bộ trưởng!

CHUYỆN NGƯỜI BẮC THỐNG TRỊ ĐẤT NƯỚC

Nguồn: <https://anhbasam.wordpress.com/2016/02/09/6960-chuyen-nguoi-bac-thong-tri-dat-nuoc/>

• NGUYỄN VĂN TUẤN •

□

Tôi nghĩ cái dư âm còn lại sau kết quả bầu bán trong đại hội vừa qua có vẻ là vấn đề mất cân đối vùng miền trong phân bổ nhân sự chớp bu. Đọc bài trên BBC dưới đây (1) mới biết là trước đó đã có người trong nội bộ nêu vấn đề. Một bài luận trên Người Việt (2) cũng tỏ ra quan ngại cho tình trạng này, và nhà bình luận nói, **sự mất cân đối đó chỉ làm lợi cho Tàu.**

Thật ra, không chỉ trong chính trị, mà trong khoa học và giáo dục cũng xảy ra tình trạng mất cân bằng nghiêm trọng giữa ba miền. Tôi thử đếm con số giáo sư được phong năm 2014 và 2015 thì thấy đa số ứng viên được phong là người từ miền Bắc. Chẳng hạn như năm 2015, có 52 người được phong hàm giáo sư; trong số này, 41 (hay 79%) là người từ các trường viện miền Bắc. Năm 2014, con số này là 73%. Phân bố cụ thể số giáo sư được phong như sau:

Năm 2015:

- Bắc: 41 người
- Trung: 3
- Nam: 8

Năm 2014:

- Bắc: 43 người
- Trung: 6
- Nam: 10

Trong khoa học cũng vậy. Tôi đếm thử số đề tài được Quỹ Nafosted tài trợ trong năm 2009 thì thấy trong số 321 đề tài được phê chuẩn, các trung tâm phía Bắc chiếm 285 đề tài (89%), còn các trường viện từ phía Nam chỉ có 21 đề tài (6%), và miền Trung còn thấp hơn nữa (15 đề tài) (3).

Ở đây, tôi không nói người Bắc hay người Nam; tôi muốn nói nơi mà các trung tâm (trường, viện) đặt trụ sở.

Tôi nghĩ những sự kiện trên có liên quan nhau, và nó bắt đầu từ người đề ra “luật chơi”. Người miền Bắc nắm quyền chính trị thống soái, và thiết lập “luật chơi” theo cái nhìn và tầm nhìn của họ. Người trong Nam lo làm ăn kiếm tiền, không ham tham gia vào những trò phong hàm sư sãi; không có danh xưng sư sãi thì không xin được tài trợ; không có danh xưng sư sãi thì không được mở ngành đào tạo; không có trò và không xin được tài trợ thì khó có cơ may được phong sư sãi. Nói chung, nó là cái vòng tròn khép kín, mà kẻ đề ra luật chơi lúc nào cũng thắng.

Thành ra, không phải ngẫu nhiên mà có người nói rằng những gì xảy ra gần đây là ván bài của người miền Bắc (4). Còn kị giả người Nhật thì e rằng tình trạng mất cân đối trong nhân sự chớp bu “có thể gây khó khăn cho các chính trị gia cải tổ miền Nam và làm chậm lại phát triển kinh tế của đất nước”. Tôi thì nghĩ, nói theo tiếng Anh, là Northern Affairs. ♦

NGUYỄN VĂN TUẤN (9/2/2016)

TB: Viết ra những sự thật trên đây rất dễ bị gán ghép cho cái nhãn “kì thị vùng miền”. Nhưng tôi đã nói là tôi không có cái tính đó, và thực tế đã chứng minh. Tôi nghĩ có những vấn đề chúng ta không nên giấu giếm, mà nên nói ra để tìm cách giải quyết cho ổn thỏa.

Vấn đề mất cân đối Nam Bắc là rất nghiêm trọng, vì nếu không giải quyết ổn thỏa thì sẽ rất khó có hoà hợp dân tộc thật sự.

(1) Cân cân quyền lực Nam – Bắc sau ĐH 12 (BBC/ BS).

(2) Nguyễn Phú Trọng chia rẽ Nam Bắc (NV).

(3) Thiếu cân đối trong tài trợ cho nghiên cứu khoa học (TT).

(4) Ván bài của người Bắc (BS).

Ghi thêm: Tác giả Nguyễn Văn Tuấn, chuyên viên nghiên cứu, giáo sư, thuộc phân khoa Y, đại học New South, Wales, Úc, cộng tác Đi Tới năm 1999.

Chữ đậm Đi Tới ghi.

Rơi lệ đón di hài

phi công Su-22 NGUYỄN ANH TÚ về quê hương.*



Đưa tro cốt của thiếu tá Nguyễn Anh Tú
về tới sân bay Cát Bi (Hải Phòng)

(TRONG CÁI TÚI XÁCH TAY ?!) **

Nguồn: <http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/roi-le-don-di-hai-phi-cong-su-22-nguyen-anh-tu-ve-que-huong-2015050517351895.htm>

(*) *Tựa của báo Người Lao Động (05.05.2015)*

(**) *Đi Tới ghi thêm, ghi chữ đậm, dấu hỏi và dấu chấm than!*



“Cũng chẳng thấy một đóa hoa, một băng tang màu đen hoặc màu trắng, hay một tấm khăn xô phủ cho kín đáo! **Cả đám tang là cái túi hành lý xách tay bằng plastic, nếu mở coi bên trong chắc thấy chữ MADE IN CHINA!**

Tại sao không bỏ tiền ra mua một cái “hòm” gỗ cho nó phải phép?”

NGÔ NHÂN DỤNG

Friday, May 08, 2015 6:06:58 PM

Nguồn: <http://www.nguoi-viet.com/>

‘NHÂN DÂN CỒNG ĐẦY TÓ’ Tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, HÀ NỘI.



♦ **Phụ chú của Đi Tỏi:** Nhìn tấm hình, thấy nét mặt ‘nhân dân’ buồn xo cuối đầu cõng trên lưng thẳng ‘đầy tớ’ sợ ướt giày nhe răng cười nham nhở!



Nguồn: <http://danlambaovn.blogspot.com/2016/05/so-uot-giay-quan-chuc-csvn-bat-thuoc.html>

‘CUNG ĐIỆN’ NÔNG ĐỨC MẠNH NGUYÊN TỔNG BÍ THƯ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



Mùng Một Tết Ất Mùi (19.02.2015),
Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn
Nguyễn Đắc Vinh dẫn đầu tới ‘cung điện’
thăm, chúc Tết Nông Đức Mạnh,
nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.



“Xem hình ảnh, thấy xót xa quá! Một người như thế này mà nó đứng làm ‘VUA’ của một nước 90 triệu dân trong vòng 20 năm thì thật khốn nạn cho dân tộc này.”

Nguồn : <http://xuandienhannom.blogspot.ca/2015/02/hinh-anh-nha-rieng-ong-nong-uc-manh-gay.html>

TỈNH SƠN LA KHÁNH THÀNH TƯỢNG ĐÀI HỒ CHÍ MINH 1.400 TỈ ĐỒNG

Nguồn: <https://baotanghochiminh.vn/khanh-thanh-tuong-dai-bac-ho-voi-dong-bao-cac-dan-toc-tay-bac-tai-son-la.htm>

CẤP 72 TẤN GẠO CỨU ĐÓI CHO TỈNH SƠN LA

Nguồn:

<http://www5.baogaiothong.vn/cap-72-tan-gao-cuu-doi-cho-tinh-son-la-d229787.html>

Phó Thủ tướng quyết định xuất cấp 72 tấn gạo cho tỉnh Sơn La, hỗ trợ cứu đói ngày **20.10.2017**.



Ngày **7.5.2019** tỉnh Sơn La khánh thành tượng đài Hồ Chí Minh 1.400 tỉ đồng.

TỈNH SƠN LA: PHẬN NGƯỜI TRONG CHIẾU MANH



TỈNH SƠN LA: Không tiền thuê xe, bỏ chiếu chở em gái về bằng xe máy (15.9.2016)



TỈNH SƠN LA: Một gia đình nghèo phải bỏ chiếu đưa thi thể bố về bằng xe gắn máy (16.9.2016)

Gs NGÔ BẢO CHÂU: “Số tiền này đủ để xây toàn bộ trường học, các ký túc xá cho cả Sơn La lẫn các tỉnh miền núi. Trẻ con ăn không đủ no, áo không đủ ấm, sinh hoạt như lũ thú hoang, mà bỏ ra 1400 tỉ để xây dựng tượng đài thì hoặc là khốn nạn, hoặc là thần kinh.”

(Nguồn: <https://www.datviet.com/xay-tuong-dai-hoanh-trang-de-lam-gi/>)



Sài Gòn

NGŨƠNG CỬA CỦA TỰ DO

□ Nguyễn Viện

Sài Gòn bây giờ được chính thức gọi là Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không vì thế mà hai tiếng Sài Gòn mất đi, ngay cả với người Hà Nội, khi nói về nó.

□

Tôi đã ở Sài Gòn ngay từ những năm sau di cư 1954. Do hoàn cảnh, gia đình tôi về miền quê sống một thời gian ngắn. Sau đó buộc phải quay lại thành phố vì miền quê bắt đầu mất an ninh với sự xuất hiện

của đội quân giải phóng.

Trước 1975, Sài Gòn – Hòn ngọc viễn đông, thủ đô của Việt Nam Cộng Hòa có khoảng 3 triệu dân cũng kẹt xe triền miên bởi sự có mặt của các loại xe gắn máy Nhật, thường được gọi chung là xe Honda.

Sài Gòn tấp nập những ngày cuối tuần với từ “bát phố” của lính và dân chen chúc cùng các cửa hàng trên những con đường ở khu trung tâm, mà sau 30.4.1975 bị gọi là sự “phồn vinh giả tạo”.

Ít ra, sự “phồn vinh giả tạo” ấy cũng khiến không ít người miền Bắc ngỡ ngàng, hụt hẫng, bên trong cái vẻ ngoài đắc thắng. Nó phủ nhận đường lối tuyên truyền của miền Bắc về một miền Nam khốn khổ, “oằn oại dưới gót ngoại xâm”.

Sài Gòn ngày ấy cũng ngạt thở với lựu đạn cay trong các cuộc biểu tình triền miên của các phe tranh đấu, từ Cộng sản đến dân chủ.

Sài Gòn ngày ấy, văn chương và văn nghệ giải trí cực thịnh, tự do và phong phú. Sự kiểm duyệt đối với báo chí minh bạch và đủ để cho những tiếng nói đối lập được lắng nghe. Cho dù chính quyền lệ thuộc Mỹ, nhưng Sài Gòn đã có những sinh hoạt chính trị đa nguyên và dân chủ.

Toàn bộ nền văn học và mô thức tiến bộ đó đã bị xóa sổ sau ngày giải phóng.

TIẾNG XA HƠN CÁCH MẠNG

Cho đến tận bây giờ, Sài Gòn vẫn là trung tâm của báo chí cả nước. Báo Sài Gòn hay vì ít tính khuôn phép và người dân Sài Gòn cũng là những người có thói quen đọc báo nhiều nhất nước.

Những ngày đầu sau 30.4.1975 Sài Gòn trở nên hoang vắng. Trên một trong những con đường chính theo tuyến Bắc – Nam, đường Hai Bà Trưng, chúng tôi ngồi trước cửa cơ quan chờ đếm số từng chiếc xe hơi chạy qua để đánh bài cào.

Nhiều gia đình di tản, hoặc đi kinh tế mới, bỏ lại những ngôi nhà trống. Thành phố ngày một nghèo đi, tàn tạ bởi chính sách cải tạo công thương nghiệp và “vội vã vào, vợ vét về” Bắc (một kiểu nói thông dụng thời đó). Thành phố cũng ăn đòn. Tôi nhớ ở cơ quan tôi, mỗi bữa cơm chỉ có mấy sợi rau muống và vài miếng thịt mỏng như móng tay.

Nhưng Sài Gòn không chịu chết. Người Sài Gòn đã biết cách tự sống bằng những công nghệ gia đình mà nền kinh tế quốc doanh không cung ứng nổi. Những nhà lãnh đạo ở Sài Gòn cũng năng động hơn để tự cứu trước khi có cuộc đổi mới.

Bây giờ Sài Gòn đã tìm thấy lại bộ mặt của mình. Một khu vực phồn thịnh và năng động nhất nước trên mọi mặt. Một thành phố đóng góp trên 30% ngân sách quốc gia. Với dân số trên 8 triệu người và được mở rộng đến hết tỉnh Gia Định ngày xưa, Sài Gòn nay là một Mega City. Đó là một thế giới thu nhỏ với tất cả cái xa xỉ và tồi tệ của nhân loại. Sài Gòn hiện đại có những gì mà New York có. Nhưng Sài Gòn cũng có những cái lạc hậu của phần nhân loại còn lại.



Sài Gòn đông dần lên bởi những người chạy trốn chiến tranh như gia đình tôi.

Sài Gòn hiện nay là một thành phố dở dang với rất nhiều dự án, qui hoạch. Công trình kênh Nhiêu Lộc là một ví dụ tiêu biểu. Nó cũng tiêu biểu như những gì mà các nhà thầu Trung Quốc đang làm ở Việt Nam. Vừa chậm, vừa xấu, vừa kém chất lượng.

Cái vắn nạn của sự dở dang thể hiện như nước ngập mỗi khi triều cường hay mưa xuống, nạn kẹt xe tràn lan... làm dấy lên bao nỗi bức xúc trong dân chúng. Những qui hoạch treo cũng là những bản án treo với người dân. Nó giống như cái chết đứng.

Sài Gòn ngày nay tràn ngập hàng quán và khách sạn cho thuê giờ. Ở đâu có đường phố là có cửa hàng buôn bán. Bất cứ lúc nào các quán cà phê cũng đông nghẹt. Từ bình dân đến sang trọng. Đúng kiểu *“Vui cũng nhậu, buồn cũng nhậu, không vui không buồn cũng nhậu”*. Nhậu trở thành một thứ văn hóa ứng xử và thù tạc. Ngay cả khi mang nỗi buồn hay uất ức về thời thế, người ta cũng nhậu.

Về phía những người kinh doanh, dường như mở quán cà phê hay quán ăn, phòng cho thuê, là cách dễ nhất để kiếm sống mà không cần nghiệp vụ chuyên môn nào.

Đôi khi tôi vẫn tự hỏi, ở thành phố hay đất nước này, nếu không có quán nhậu và không có nạn tham nhũng thì nó sẽ vận hành ra sao?

Sài Gòn cũng sẽ mỗi ngày một đông hơn, ngoài sự phát triển dân số cơ học, đó là dòng người nhập cư đủ mọi thành phần, từ một nông dân đến một trí thức trẻ, từ Nam chí Bắc. Ai cũng sẽ tìm được cho mình một chỗ đứng, một cơ hội trong nền kinh tế tương đối tự do này.

Sài Gòn ngày nay giàu có, và những người giàu có nhất mang tính đặc trưng, có lẽ không cần tránh né, cũng như thời kỳ sau 1954, là những người miền Bắc di cư sau 1975.

Dù sao, Sài Gòn lúc nào cũng là vùng đất của sự dung nạp và độ lượng. Sài Gòn là cửa ngõ của Việt Nam với thế giới và sẵn sàng tiếp nhận mọi loại người, mọi nền văn hóa. Ở đây, người ta có thể tìm thấy mọi khác biệt mà không hề có xung đột.

Mặc dù vẫn có những phong trào do Thành phố phát động cho thanh niên, nhưng nó chỉ chủ yếu mang tính chính trị, không ảnh hưởng gì đến đời sống cũng như suy nghĩ của người thành phố.

Người thành phố thực dụng và tiến xa hơn những gì còn được gọi là truyền thống dân tộc hay cách mạng. Người Sài Gòn ngày nay ít nhiều đã mang tính toàn cầu của sự hội nhập.

Hơn ở đâu hết, trí thức trẻ là một nguồn nhân lực vô cùng lớn và luôn được bổ sung từ khắp mọi miền của đất nước. Họ thật sự là niềm hy vọng cho thành phố, cũng như đất nước này. Họ có một lối sống thị dân với những hoài bão đích thực.

Hưởng thụ và làm việc cật lực. Họ cũng mang đến cho thành phố một dáng vẻ văn minh, không chỉ vật chất với các phương tiện của cuộc sống hiện đại, mà còn là một phong thái văn hóa trên ngưỡng cửa của ý thức tự do.

Sài Gòn bây giờ được chính thức gọi là Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không vì thế mà hai tiếng Sài Gòn mất đi, ngay cả với người Hà Nội, khi nói về nó. ♦

Nhà văn NGUYỄN VIỆN

Gửi tới BBC từ Sài Gòn, 20 tháng 6, 2011



Nguồn:

<http://www.bbc.com/vietnamese/forum/2011/06/1106>

[20_saigon_vn_megacity.shtml](#)

Ghi thêm: Đi Tới nhấn mạnh & ghi chữ đậm.

Đam mê

(Tặng Đoàn Minh Hóa với nghiệp làm báo)



Sống với đam mê đến tận cùng
Mà xem danh vọng: khói trên sông
Khen chê? thì cũng là mây nước
Thua được? âu là... một chữ ‘không’.

Quốc Sơn

(4.98)

Tác giả cộng tác Đi Tới tháng Tư 98.

KHÔNG THỂ XÓA TÊN SÀI GÒN!

Nguồn: <https://anhbasam.wordpress.com/2015/11/23/5908-khong-the-xoa-ten-sai-gon/>

Posted by adminbasam on 23/11/2015

FB Mạnh Kim

(23-11-2015)

Không đầy một tuần sau cuộc khởi xướng của anh Nghĩa Bùi kêu gọi ủng hộ sử dụng cái tên Sài Gòn kể từ ngày 17-11, chỉ còn hơn 700 lượt ký nữa là đến con số yêu cầu 10.000. Có thể xem đây là lá phiếu ủng hộ như kết quả từ một cuộc trưng cầu. Điều đó cho thấy một trọng lượng vô hình có thể cảm nhận được từ sức nặng tình cảm dành cho Sài Gòn, đề bệch ý chí chính trị của những người muốn xóa sổ văn hóa Sài Gòn bằng giải pháp thay tên hành chính.

Sài Gòn không chỉ là cái tên. Nó in sâu vào tiềm thức lẫn ký ức và gắn liền với di sản vật chất lẫn tinh thần. Con gái Sài Gòn, đường xá Sài Gòn, lang thang Sài Gòn, bánh mì Sài Gòn, nhậu Sài Gòn, cà phê Sài Gòn... Thậm chí tờ báo “Phụ nữ TPHCM” nghe cũng sẽ rất khác nếu được thay bằng “Phụ nữ Sài Gòn”.

Thật ra không chỉ Sài Gòn. Liệu có thể thay “gái Huế” hoặc “thiếu nữ Hà Nội” bằng tên nhân vật nào đó dù là danh nhân văn hóa hay anh hùng dân tộc? Một địa danh len sâu vào đời sống văn chương và âm nhạc là một địa danh của lịch sử và văn hóa. Thay thế bằng cái tên khác chẳng khác gì phủ nhận khối lượng lịch sử và văn hóa đồ sộ của nó.

Với Sài Gòn, còn là vấn đề tâm lý vết thương nội chiến, mà đến nay, vẫn còn đọng lắng sự dai dẳng khó chịu giữa một bên mang tâm trạng bị chiếm đóng, với một bên luôn hể hả phô trương thái độ đắc ý thắng cuộc. Muốn thật sự xóa bỏ quá khứ và hòa hợp hòa giải, có khi chỉ bằng một thái độ biết điều: tôn trọng và thừa nhận sự tồn tại một địa danh.

Ghi thêm: Đi Tôi ghi chữ đậm.

Tại quán CƠM CHAY BÌNH AN (Quận 10, TP.HCM), hơn 500 phần cơm được quán phát đến người lao động nghèo

Ngày 1-4, chị Võ Thị Thùy Trang, 35 tuổi (chủ quán cơm) cùng một số bạn bè, nhà hảo tâm kết hợp tổ chức phát cơm miễn phí để giúp bà con lao động vượt qua những ngày khó khăn này. Cũng mong muốn giúp đỡ bà con lao động vượt qua thời gian khó khăn vì dịch bệnh, tại góc ngã tư đường Hùng Vương với Trần Nhân Tôn, Q.5, gia đình một người dân chuẩn bị hơn 200 túi thực phẩm gồm gạo, mì tôm để gửi đến những người lao động lớn tuổi. Theo chia sẻ, gia đình được một người thân đang sống ở nước ngoài hỗ trợ chi phí để thực hiện, nên sẽ cố gắng gửi tặng bà con đến khi hết khả năng thì thôi.



Chị Trang chia sẻ: “Chị chỉ dự kiến phát mỗi ngày 50 phần, nhưng thực tế thì bà con đến đông nên phải làm thêm để phát. Chị rất bất ngờ khi trong sáng nay các nhà hảo tâm lại ủng hộ nhiều như vậy, nên chị sẽ cố gắng tăng suất cơm để hỗ trợ cho bà con.”

Ảnh: NHẬT THỊNH



Trong sáng 1-4, có rất nhiều nhà hảo tâm đến hỗ trợ quán cơm chay để hợp sức giúp cho người nghèo.

Nào là gạo, nước tương, thực phẩm chay, tiền... cùng nhau góp sức để quán có thể duy trì hoạt động trong thời gian dài.

Ảnh: NHẬT THỊNH

COVID-19:

Sài Gòn - Gia Định - Bình Dương
NGƯỜI TỐT BỤNG



Một người dân ở Khu công nghiệp Mỹ Phước (thị xã Bến Cát, Bình Dương) chuẩn bị các phần thực phẩm để người khó khăn đến lấy về - Ảnh: NGỌC PHƯƠNG



Các tiểu thương chợ Bà Chiểu (Gia Định) đã làm việc thiện khi cùng nhau cắt kính nhựa để may nón chống giọt bắn tặng các y bác sĩ.

Trứng vịt + Mì gói + Nước rửa tay khô miễn phí

❤️ CÙNG NHAU VƯỢT QUA COVID19 ❤️

Tại quán coffee A, 132 Nguyễn Văn Cừ, p. Nguyễn
Cư Trinh, Q1

Ai thật sự khó khăn quá hãy đến lấy nha mọi người,
còn gồng được thì để cho bà con lao động.



!!! Địa chỉ : 155 HÙNG VƯƠNG P9 Q5 (ngay góc
bún đậu mắm tôm Tiến Hải)



Ảnh: NGỌC HIỀN

Địa chỉ: Quán Chay Bình An
49 Ngô Quyền, Phường 6, Quận 10, Tp. HCM

Mong bà con mình cố gắng vượt qua lúc khó khăn.

P/s.: Cô chủ quán cực kỳ xinh và phúc hậu [?]



Chùa Phước Viên, quận Bình Thạnh, Gia Định.



“Để ấm lòng trong đại dịch Covid-19.

Tặng 150 bánh tét mỗi ngày
tại 26 và 26/3 Ngô Thị Nhậm, Đà Lạt.”

ATM GẠO MIỄN PHÍ / NGƯỜI SÀI GÒN TỐT BỤNG



Ông Hoàng Anh Tuấn, Giám đốc Cty PHG Lock, chủ nhân ATM GẠO MIỄN PHÍ tại Sài Gòn.



Bà con nghèo nhận túi gạo ATM miễn phí.



NGUYEN VAN TRAN: * Xin tri ân Cty PHG Lock đã có sáng chế Máy phát gạo tự động bọc 1,5kg (tác giả Hoàng Anh Tuấn tại 204B Vườn Lài, q. Tân Phú, tp Hồ Chí Minh: “Nếu bạn khó khăn, xin nhận một bọc. Nếu bạn ớn, xin nhường gạo cho người khác”

Ông Bụt - Bà Tiên Sài Gòn xuất hiện khắp nơi cứu giúp người đau khổ, bất hạnh, bệnh tật, cải thiện đời sống, sức khỏe, niềm vui và hy vọng thời A-còng!

Tuan nguyen: Người Sài Gòn vẫn luôn như thế, hào hiệp, trọng nghĩa...

phuc: Quá tuyệt... bạn là ông Phật của mọi nhà

Tu Nguyen: Dân Sài Gòn tuyệt vời quá đi. MN ơi cố lên. Cám ơn chủ nhân máy ATM chúc hạnh

Nhũ Nguyễn: Người Sài Gòn tốt như vậy đó mọi người ơi, thật là tuyệt vời. Chúc chủ máy ATM mạnh khỏe làm ăn phát đạt

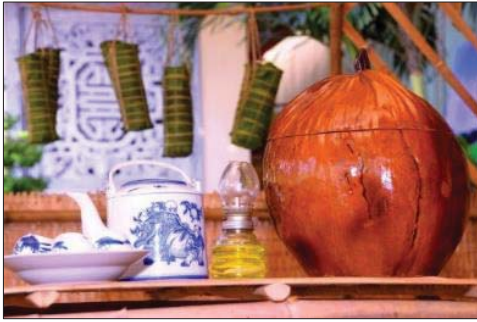
nhì nguyen: Sài Gòn ta nói ngộ lắm nghen, thấy người nghèo khổ là mang đi cho ha, chưa kịp xin đã cho rồi, nên sống ở Sài Gòn không sợ đói. Tuyệt vời quá !

(Hình chụp lại trên Internet, 8.4.2020)



Nhiều nhà hảo tâm chờ gạo tới tiếp tay ATM





TÌNH NGƯỜI SÀI GÒN

“Để đó đi, chừng nào có trả tui.”

♦ T.MY

Đi Tới chọn đăng, giữ nguyên những lỗi chánh tả & đánh máy, chữ lóng, chữ tắt... trong toàn phần “Bình Luận” của độc giả báo Tuổi Trẻ, của người dân bày tỏ sự hãnh diện và lòng yêu mến địa danh Sài Gòn bị thay đổi sau biến cố 30 tháng Tư 75.

TTO - Nhiều bạn gửi về cho Tuổi Trẻ Online những câu chuyện ấm lòng về ân tình của mình với mảnh đất và con người Sài Gòn-TP.HCM cũng như những người nhập cư tại thành phố này.

Nhiều bạn kể họ ấn tượng với kiểu **“tín người”** rất **hồn nhiên của người Sài Gòn**.

Chẳng biết người mua hàng là ai, liệu có quay lại hay không nhưng vẫn bán thiếu và tươi cười bảo: “Để đó đi, bữa nào có ghé trả tui cũng được”.

Bạn Trần Lan kể:

“Sáng hôm đó ở ngã tư Hùng Vương và Trần Nhân Tôn (Q.10), tôi thấy một em bán bánh dứa đường thốt nốt thì ghé lại mua mấy cái, hình như khoảng 20 ngàn đồng. Tôi đưa 100 ngàn đồng thì em bán bánh cười và nói “Chị ơi, sáng giờ em bán chưa đủ tiền thối cho chị đâu, em cho chị nợ đó, mai chị gặp em rồi trả tiền cũng được”. Sau một lúc định thần, tôi hỏi “Em đẩy xe đi vòng vòng, sao chị biết em ở đâu mà trả?”. Thằng bé cười thân thiện và nói rất tỉnh: “Khi nào chị gặp em rồi đưa cũng được, không sao đâu”. Tôi đành phải chạy vô tiệm tạp hóa mua bạch sữa để có tiền trả cho cậu bé. Đơn giản là vậy thôi, họ tin nhau dù mới lần gặp đầu tiên. Tôi yêu thành phố thân yêu này!”.

Một bạn tên Tuấn cũng kể chuyện tương tự, khi mua nước mía trên đường Lý Thường Kiệt đoạn qua Sân vận động Phú Thọ, do bạn không có tiền lẻ nên cô bé bán nước mía nói: “Anh cứ cầm đi, khi nào đi ghé ngang đưa em cũng được”.

Một độc giả khác kể:

Một lần đi đường mua hộp bánh ướt 15 ngàn, đưa tờ 200 ngàn, chị bán bánh nói: “Bữa sau ghé trả cũng được em”.

“Tui thấy ngại mà chị cứ nói không sao đâu, có bao nhiêu đâu. Vậy mà tui quên cả tuần lễ, khi nhớ ghé trả thì không thấy cái bàn bánh ướt ở đó nữa, bác xe ôm nói chị dọn chỗ khác rồi. Cảm thấy áy náy vô cùng, dạo đó đến giờ lúc nào cũng lặn tiền lẻ để ăn sáng”.

Bạn Trúc Thanh viết lại những mẫu chuyện đối đáp nhỏ đầy ắp ân tình:

Tại bãi gửi xe trước cửa tiệm bán sách:

♦ Chủ ơi, con gặp cuốn sách thích quá, lỡ mua nên thiếu tiền trả tiền giữ xe của chủ. Chủ cho con thiếu, mai con ghé qua gửi chủ nha chủ.

♦ Ủa, đi đi. Chừng nào ghé qua trả cũng được.

♦ Đi xe ôm từ chợ Tân Bình ra sân bay Tân Sơn Nhất đón người nhà. Rút bóp ra toàn tiền chẵn nên chủ xe ôm không có tiền thối. Chủ trả lại và nói “Chừng nào cô ghé qua trả lại tui cũng được, hông có sao đâu”.

♦ **Chợ Bến Thành:**

- *Mua xoài, hôm hôm hông cô Hai ?*

- *Đi chợ hết tiền rồi chị ơi*

- *Cứ mua đi. Tui bán thiếu cho.*

- *Lỡ em đi luôn thì sao?*

- *Có nhiều đâu mà lo. Lấy chục xoài nha. Xoài ngon lắm. Gỏi vô bịch xong, chị nói: Bữa nào đi chợ ghé trả tui cũng được.*

Người Sài Gòn là vậy đó!"

Bạn Nguyễn Thị Diệu Minh kể câu chuyện về lần được bớt tiền xe ôm của mình:

"Tôi nhớ có một lần đang lơ ngơ ở bến xe buýt Bến Thành đợi xe, có một chú xe ôm đến gần rồi hỏi: "Đi xe không con?"

Tôi vội lắc đầu rồi nói: "Con đang đợi xe chú ơi!" Ngỡ mọi chuyện chỉ có thể nên tôi liền quay mặt đi chỗ khác, bỗng nghe chú ấy nói: "Vậy thôi, cảm ơn con nghe".

Thật sự lúc đó tôi bất ngờ vô cùng.

Rồi một lần đi xe ôm, chủ tài xế bảo là 25 ngàn đồng. Tôi đưa chủ 50 ngàn, trời thì đang mưa lất phất, chủ liền nói: "Chú không có tiền lẻ thôi, lấy con hai chục thôi. Chạy lẹ vô chỗ kia trú mưa đi". Đấy chỉ có thể thôi mà tôi thấy yêu thành phố quá!

T.MY (Tổng hợp 13/07/2016)

Nguồn: <http://tuoitre.vn/tin/van-hoa-giai-tri/20160713/tinh-nguoi-sai-gon-de-do-di-chung-nao-co-tra-tui/1135729.html>

BÌNH LUẬN:

- **Huỳnh Đăng Lân** 10:57 13/07/2016

Hôm đó xe tôi hết xăng vì cái đồng hồ xăng bị hư nên tôi không biết xe hết xăng, thế là tôi dẫn bộ xe cứ trên đường đi không biết tới chỗ nào có bán xăng mà đổ, bỗng tôi gặp một chú gỏi trên vỉa hè hỏi tôi, xe hết xăng hả tôi gật đầu và hỏi chủ ở đâu đổ xăng, thế là chủ lấy 1 xi xăng ra cho tôi đổ vào xe, xong tôi hỏi tiền thì chủ không lấy, Chủ nói chủ không bán xăng mà chủ để chai xăng đó ai lỡ hết xăng thì chủ cho chó chủ không lấy tiền, thế là tôi cảm ơn chủ đi về kể cho mọi người nghe ai cũng ngỡ ngàng về lòng tốt của người dân Sài Gòn... tôi vẫn thường mang câu chuyện này kể cho mọi người...

- **Hùng quân 3** 10:39 13/07/2016

Đi làm thay quần mới nên tôi quên chuyển cái bóp từ quần cũ sang. Báo hại hôm đó ra đường không có xu dính túi. Đến lúc ghé sạp báo chị Tư mua báo mới sực nhớ không có tiền. Chị Tư bảo thôi chú cứ cầm báo đi, mai quay lại mua trả chỉ luôn cũng được. Vì vậy mà tui luôn mua báo chỗ sạp chị Tư Bàn Cờ.

- **Nguyen Minh Hai** 10:32 13/07/2016

Không chỉ người dân Sài Gòn mới thân thiện và ăm áp tình người. Dân miền Nam là vậy. Có lần mình đi từ Sài Gòn xuống Vũng Tàu, trời trưa nắng mệt quá ghé vào quán cà phê vông nghỉ chân. Uống chai nước hết 15k, khi trả tiền mình đưa tờ 200k. Anh chủ quán bảo giờ không có tiền thôi, rồi kêu mình giữ đó đi lúc nào ghé lại trả. Mình nói chỉ đi đường ngang qua vào nghỉ, biết bao giờ đi ngang mà trả, không sợ mất à? vì bán nước lời được bao nhiêu. Anh ấy bảo nếu chú mày không đi ngang nữa, xem như anh tặng chú mày chai nước làm quà. Lên đường... phải cố gắng nhớ địa chỉ để chặng về ghé trả cho anh bán nước.

- **Minh** 13:46 13/07/2016

Dân quê bạn cũng tốt đó. Nhớ quay lại trả là tốt lắm, bạn quê ở đâu?

- **Ngọc Hùng** 11:04 13/07/2016

Tôi cũng hay quên tiền ở nhà khi mặc quần mới nè. Và xe xong cái rờ vào túi "Chết cha rồi quên mang hic". Định gửi giấy CMND lại. Nhưng anh vá xe nói thôi để mai quay lại trả cũng được.

Xúc động lắm.

- **Lê** 13:37 13/07/2016

Hồi mới tập chạy xe, tôi tông vô một chiếc xe hơi đang đậu trong hẻm. Không ai thấy, nên tôi chạy luôn. Được một hồi, tôi run quá (mới biết chạy mà). Tôi đậu xe lại và suy nghĩ, và dừng cảm quay lại chiếc xe kia, quan sát những vết cong vẹo của chiếc xe hơi đẹp. Và tôi bấm chuông nhà đó, họ ra hỏi tôi cần gì? Tôi nói tôi tông xe nhà anh nè. Lúc đó họ mới biết xe họ bị tông. Nhưng họ thấy tôi run tái nên mời vào nhà uống nước. Sau đó, họ photocopy giấy tờ của tôi. Tôi thành thật cho họ biết là mình mới biết đi xe và không có nhiều tiền nhưng hứa sẽ trả sau khi họ biết được chi phí sửa xe. Mấy tuần sau, tôi gọi họ để biết tốn bao nhiêu. Họ ậm ừ. Tôi lại gọi vài lần nữa nhưng họ cũng ậm ừ. Sau 3 lần gọi nữa, tôi thôi và chờ họ tự động gọi đòi tiền. Nhưng không bao giờ họ gọi. Tôi như trút gánh nặng trong lòng. Và tôi hạnh phúc là mình đã quay lại sau khi bỏ chạy.

Chắc tại vậy mà họ thương.

- **Bánh Bèo** 10:55 14/07/2016. Bạn đúng là người tốt, gặp tui là tui trốn mất dép luôn rồi.

- **Tuyết T** 10:38 13/07/2016

Chuyện này tôi gặp vài lần rồi. Tôi có quay lại trả chị bán chè đường hoàng. Chị vui lắm.

- **Đức** 10:30 13/07/2016

Tôi cũng từng được gặp những người cho thiếu chút xíu mà không quan tâm chuyện tôi có quay lại trả hay không. Ầm lòng.

- **Châu Hải San** 11:03 13/07/2016

Tình người ăm áp vậy đó. Hãy cứ sống chân thật và thật thà, mình tin tưởng họ và họ cũng sẽ tin mình.

- **Tuyết ANh** 10:23 13/07/2016

Những câu chuyện bình thường mà xúc động quá

- **Quang (chưa phải người SG)** 10:25 13/07/2016

Ấm áp tình nghĩa lòng người, nghĩ lại mình nhiều lúc thật sự quá tệ hại. Xin cảm ơn quý báo đã đăng tin này. Đây cần chi xa, đây là những tấm gương rồi.

- **Phuong Tan Dat** 14:12 13/07/2016

Khi xã hội đối xử với nhau bằng lòng tin chứ không phải là những trò khôn lỏi thì ai cũng dễ sống hơn.

- **Thanhtram** 11:51 13/07/2016 Tôi yêu Sài Gòn.

- **Hoài Thu** 21:46 16/07/2016

Tui thấy ở vùng miền nào trên đất nước ta có rất nhiều người tốt, đức độ, thật thà và ta phải phát huy.

- **Hiệp** 14:32 13/07/2016

Mình nhớ lần đầu tiên lên Sài Gòn thi đại học, đi có 1 mình lạ nước lạ cái đang lang thang trước cổng bến xe có 1 anh đi ngang hỏi xe ôm ko em, mình lưỡng lự nhưng rồi cũng lên xe và cũng quên hỏi giá nữa nhưng khi chở tới nơi thì anh đó nói anh ko phải là xe ôm và cũng ko lấy tiền, chẳng qua hỏi nếu tiện đường anh cho đi nhờ lúc đấy mình cảm ơn rồi rít nhưng anh đó bảo ko có gì đâu, giờ thì mình đã đi học và đang đi làm ở gần bến xe nên cứ đến dịp thi đại học là mình lại thấy mấy bạn cùng phụ huynh tay xách nách mang linh kính nhìn hình ảnh đó mình lại nhớ đến mình ngày xưa nên mình cũng vài lần cho các bạn đi nhờ tìm phòng trọ và còn chia bớt chỗ ở của mình cho vài bạn.

- **Kiem Tran** 19:38 13/07/2016

Tôi là người bắc vào Sài Gòn gần 20 năm, một lần hết xăng dân bộ có người đẩy giúp về nhà gọi tiền chú không lấy. Giờ ra ngoài đường thấy ai dân bộ thì luôn luôn đẩy dùm.

- **Bá Lê** 14:27 13/07/2016

Không chỉ có người Sài Gòn mới hào hiệp đến vậy. Người Bình Dương cũng chẳng kém gì. Chuyện tôi kể dưới đây xảy ra đã mấy năm, nhưng cứ nhớ mãi. Đó là một hôm tôi đi khám bệnh ở bệnh viện tỉnh, khi ra bãi lấy xe lại không có tiền lẻ mới nhờ một cháu thanh niên đổi cho tờ 200.000\$. Nhưng cháu bảo, cháu có tiền lẻ đây, chú cứ cầm lấy mà trả tiền gửi xe, không cần phải đổi đâu. Chỉ 3000\$ thôi nhưng tấm lòng thật quý, để mãi trong tôi ấn tượng tốt về một con người. Bá Lê

- **Johnny** 14:32 13/07/2016

Đọc xong cảm thấy tự hào là người Sài Gòn. Hơn 20 năm trước má tui bán bún. Gặp một anh sinh viên cứ đi thơ thẩn. Má tui hỏi ra mới biết anh ấy mới vào Sài Gòn học đi tìm chỗ ở trọ mà trong người lại không có tiền. Thế là má tui nuôi anh ấy cả tuần lễ đến khi anh ấy được nhận vào ký túc xá mới thôi. Nhưng má tui không lấy đồng tiền nào.

- **Chiêu Hoa** 13:14 13/07/2016

Sáng ra bưu điện góc Ngõ Quyền-Bà Hạt gửi bưu phẩm chiều lại ra lần nữa, gửi tiền xe, anh coi xe đen nhẻm, ốm nhách vì coi xe cả ngày bên hè đường nắng mà anh nhất định không lấy nữa, biểu: "*Sáng lấy 1 lần thôi, đủ rồi*", nói sao cũng không chịu cầm.

Thương gì đâu.

- **Dân Thường** 11:08 13/07/2016

Chuyện này có thật, 2 cha con tôi thường xuyên được chủ quán cho nợ khi nào có thì trả, nhiều khi đưa con đi học đồ xăng rồi quay lại trả tiền chị chủ quán nói sao em khách sáo quá vậy mai đi ngang rồi trả chị. Lưu ý không phải ăn 1 quán quen nha, hình như vài chỗ tui ghé điều như thế, kể cả chị bán bánh mì.

- **long phạm** 13:50 15/07/2016

Bài viết hay nhất tôi được đọc, hãy viết và kể về nhiều câu chuyện như vậy để tôi và mọi người được đọc. Cuộc sống thật vui.

- **Huy Hoàng** 10:36 13/07/2016

Cảm động quá.

- **Đỗ Cao Trí** 13:06 13/07/2016

Đọc bài này, tôi càng thấy yêu hơn tình người Việt Nam nói chung và người Sài Gòn TPHCM.

- **Leon** 17:47 13/07/2016

Người Sài Gòn mình tốt lắm, thật sự là vậy. Mình nhớ hôm đó buổi trưa đi làm về đói bụng nên ghé tiệm bánh canh cua trên đường. Vô quán người ta hầm hồ kều:

- *Cô ơi cho con 1 tô bánh canh đặc biệt, lấy cục giò heo bự bự nha!*

Nào ngờ đâu ăn uống no nê xong, mở túi xách ra mới thấy quên đem theo bóp tiền, xấu hổ chết đi được! Ấy vậy mà cô chủ quán sau khi biết chuyện lại không ngần ngại nói:

- *Thôi, con cứ đi về nhà nghỉ ngơi đi. Trưa nắng đi làm về mệt rồi, khi nào có ghé quán cô ăn nữa thì trả luôn cũng được. Không cần phải chạy về nhà lấy tiền quay lại trả liền đâu.*

Lần thứ 2 mình đến quán của cô không chỉ để trả tiền "nợ" lần trước mà còn trở thành mối ruột của quán bánh canh này về sau. Lúc đó mình mới thấy tình người Sài Gòn ấm áp, bình dị thấy thương đến vậy! Sống ở Sài Gòn 10 mấy năm nay, bây giờ dù có đi đâu cũng mong quay trở lại Sài Gòn.

Love Sài Gòn.

- **Quoc thu** 12:42 13/07/2016

Tôi du lịch ra Phan Thiết và đi taxi cũng được bác tài cho nợ 50 ngàn, thế mà gọi trả mãi ko được. Khi về Sài Gòn tôi gọi nhờ anh hai ở Phan Thiết liên hệ để trả. Thế mới nói người tốt ở đâu cũng nhiều cả.

- **tran minh phuong** 13:14 13/07/2016

Ai ở Sài Gòn sẽ thấy chuyện này bình thường mà, có gì lạ đâu

- **Tài** 12:20 13/07/2016

Hôm bữa ra chợ mình ghé sạp bán rau mua 1 ít cải về nấu canh, xong rồi chợt nhớ là nhà hết ớt nên mới nói bé bán rau bán cho 2k ớt trái. Bé ấy quay sang nhìn rõ ớt rồi cười nói nói: *"Ớt này hơi héo rồi, không ngon nữa nên em không bán đâu, cho anh vài trái đem về nhà ăn đỡ nè!"* Chính vì câu nói và hành động của bé ấy mà từ hôm đó tới giờ mỗi khi muốn mua rau mình đều ưu tiên ghé qua chỗ đó trước, khi nào không có rồi mới đi chỗ khác.

- **Đỗ Cao Trí** 20:58 13/07/2016

Ngày ấy năm 1988 tôi dân Sông Bé xuống Sài Gòn học, cũng nhờ sự hào hiệp của những bà má Sài Gòn đã cho tôi cuộc sống như ngày hôm nay. Con tôi đang học Đại học ở Sài Gòn cảm thấy lòng hạnh phúc. Cầu cho Xã hội này mãi mãi văn minh như hình ảnh, nhân cách của người Sài Gòn.

- **Sông Thu** 08:34 14/07/2016

Có lần tôi ăn tô bún riêu trên đường Hải Triều. Ăn xong tính trả tiền nhưng không thấy bóp tiền trong giỏ xách (do hôm trước tôi xách giỏ khác). Tôi đang bối rối không biết sao đây thì chị bán hàng chạy đến và nói nhỏ nhỏ *"chị đi làm đi, mai mốt ghé trả em cũng được"*. Tôi thực sự cảm kích, biết ơn vì chị không làm tôi què, dân Sài Gòn thật tình nghĩa. Rồi một lần tôi ghé tiệm bánh mì Như Lan mua bánh mì. Tôi trả tiền và vọt đi. Đến cơ quan mới phát hiện mình chưa cầm tiền thối, tiếc hùi hụi. Hai tuần sau lại ghé mua bánh mì trong lòng nghĩ giờ mà hỏi tiền thừa hôm đó chắc không được nên tôi lặng thinh và trả tiền. Thật bất ngờ, chị nhân viên bán vẫn nhận ra tôi và nói *"lần trước chị vội đi, em gọi với theo mà không được, nay khỏi trả"*. Sao mà ấm lòng đến thế. Sài Gòn đẹp lắm, dân Sài Gòn đáng yêu lắm. Tôi yêu thành phố mình.

- **Sông Thu** 08:52 14/07/2016

Lại kể nữa nha, có lần đi dự đám cưới, khi tiệc tàn, xuống lấy xe thì phát hiện mình chỉ mang tiền mừng. Bạn bè thì chẳng có ai vì chỉ quen mẹ cô dâu. Nhìn những người giữ xe hồi hả tôi ngại quá. Biết sao đây? Lúc đấy có người đi qua, tôi liền mình xin anh ta 5.000đ. Anh ta nhìn tôi cười và cho tôi tiền với lời chọc ghẹo *"lo sửa soạn quên đem tiền phải không? Vậy có quên tiền mừng không?"* Rồi bỏ đi với lời cảm ơn chân thành và sự thẹn thùng của tôi. Yêu dân mình lắm.

- **thọ** 11:23 14/07/2016

Mua hai hộp nấm trên mạng của một bạn trẻ khởi nghiệp mà Dương Tony buổi sáng giới thiệu. Bạn ấy chuyển xe từ Sài Gòn xuống Vũng Tàu cho mình. Nhận hàng rồi ko thấy bạn ấy nói chuyện tiền bạc. Mình hỏi bạn ấy ko sợ mình ko trả tiền à? Bạn ấy nói: Thêm chút tin tưởng cho đời thêm vui bạn ơi! Nhớ mãi câu chuyện về sự tử tế...

- **Đức Thuần - Châu Đốc** 13:50 14/07/2016

Hồi 2002, tôi lên Sài Gòn học ĐH. Có lần anh người yêu chị tôi là người Sài Gòn chở tôi ra chợ Bến Thành ăn tối. Chúng tôi gọi hai tô mì. Đang ăn, anh người yêu chị tôi nói với chủ quán sao đó, rồi chủ quán mang tô mì của anh vô, người làm của quán lấy cái muỗng múc miếng nước súp trong tô mì của anh ném, xong lại đổ muỗng nước súp còn dư vào lại tô mì của anh, ảnh la quá trời, ông chủ quán thấy vậy liền la người làm và làm lại tô mới mang ra cho anh. Ăn xong kêu tính tiền, oing chủ quán chỉ tính tiền 02 tô mì. Thế nhưng, khi đã trả tiền xong 02 tô mì, trước khi đi, ảnh đã để thêm tiền lên trên bàn, để trả tiền tô mì lúc này quán đã làm lại tô mới cho anh. Hành động đó của anh đã làm tôi hiểu đc người SG là như thế nào. Đã gần 15 năm rồi, tôi vẫn chưa quên câu chuyện đó.

- **nguyen nguyen** 17:08 13/07/2016

Đó là tính cách của người Nam bộ. Nhìn người thấy thiện cảm là không cần tính toán.

- **Mr Thai** 09:07 14/07/2016

Tháng này ko biết vì lẽ gì mà đăng trí quên đồ xăng nên 3 lần dắt bộ xe trên đường, cả 3 lần tôi đều được mấy thanh niên (thường ngày tôi vẫn gọi là mấy thằng trẻ trâu đáng ghét) đẩy xe hộ tôi tới trạm xăng mặc dù trạm xăng ko cùng đường đi các bạn ấy, sau những lần đó tôi thấy yêu đời, yêu người, bớt thành kiến hơn... Cảm ơn lắm, các bạn thanh niên Sài Gòn dễ thương.

- **NGUYỄN LÊ HOÀI NAM** 21:13 13/07/2016

Sáng hôm đó tôi đi làm. Ghé vào một tiệm để ăn sáng, sau khi ăn xong, tôi mới sực nhớ là tối qua mình quên rút tiền. Vậy là không biết làm sao, tôi đành đến nói với anh chủ quán, hôm qua em quên rút tiền mất. Thế là anh chủ quán nhìn tôi cười rồi nói không sao đâu em, mai ghé trả anh cũng được. Tự nhiên cảm thấy ấm lòng. Rồi từ đó tôi thường ghé quán ăn.

- **Chi** 13:41 13/07/2016

Đổ xăng ở cây xăng ngã tư Nguyễn Chí Thanh - Ngô Quyền, Q5 cũng vậy, tui quên đem tiền mà anh NV cho thiếu, thấy vui trong bụng...

- **nguyễn phương** 03:54 15/07/2016

Nhà mình có tiệm sửa xe máy, có lần sau khi sửa xong xe cho 1 anh chàng với số tiền gần 100 ngàn, anh chàng không co tiền nên xin để lại CMND hẹn hôm sau đến trả. Mình bảo thôi cứ để đó, hôm nào đi ngang qua trả cũng được, đến nay 2 năm rồi không thấy anh ta đâu. Đọc xong bài báo này mới biết mình thực sự là người Saigon, anh chàng đó không phải người SG rồi.

- **Nguyen thi Quy** 10:27 13/07/2016

Người dân Việt thương yêu, tin tưởng và sống có tình với nhau

- **Bảo An** 09:16 14/07/2016 Đọc mà thấy xúc động quá

- **anh quoc** 14:42 13/07/2016 Tôi yêu Sài Gòn quá!

- **Nguyễn Thúy Hằng** 14:13 14/07/2016

Chiều hôm qua khi đi đón con trên đường Tô Hiến Thành, thấy một xe gắn máy chạy trước mặt có đèn xi nhan trái, theo quán tính mình né vào bên trong, để ý thấy không có vẻ gì là sẽ rẽ (mà tạt mình thì đi ngoài đường cũng hay thôi), bèn chạy vượt lên, "chú ơi, tắt đèn xi nhan!". Bất ngờ nghe được câu nói: "**Tui xin lỗi!**" Nào giờ hoặc là người ta sẽ cảm ơn hoặc làm thỉnh tắt đèn thôi.

Nghe người láng láng...

- **Phạm Triết Liêm** 14:01 13/07/2016

Không phải riêng người Sài Gòn mới có tấm lòng hào hiệp như vậy, nói chung người Miền Tây luôn sống tình nghĩa là trên hết...

- **Huỳnh Thị Thu Hương** 08:54 15/07/2016

Tình người Sài Gòn ấm áp lắm. Tôi bị té xe gãy chân nằm giữa đường liền có hai anh chị đang đẩy xe hàng đến gần xe và rẽ tôi vào lề. Anh còn cẩn thận lấy túi xách và chìa khóa trên xe đưa cho tôi. Chưa kịp cảm ơn anh chị đã đi, sau đó tôi được hai em thanh niên ghé lại an ủi giúp tôi gọi điện cho gia đình, chưa trả ơn các ân nhân nhưng ân tình đó theo tôi suốt đời.

- **nguyenphuc** 13:50 17/07/2016

Năm 2001, tôi lúc ấy 34 tuổi, lên tàu lửa một mình từ Đà Nẵng vô SG thăm người bạn cũng dân ĐN đang làm ăn trong đó. Lên tàu gặp một anh nói tiếng Nam (sau mới biết là người Đồng Nai), gần tới ga Nha Trang qua trò chuyện biết tôi thích ăn xôi, anh bảo anh hay đi tàu nên tới ga NTr anh xuống mua cho tôi một hộp xôi mà nhất định không lấy tiền tôi đưa. Ban đêm tàu ngang qua đoạn Ninh Thuận a ngồi ghế cứng đối diện tôi thấy tôi gà gât tuổi tám đắp a tỉnh ngủ hơn nhẹ nhàng lợm lên giùm tôi. Đêm khuya có bà cụ mới lên tàu đang đi thất thểu a liền nói: ngoại ơi khuya rồi ngoại hỏi ksv có giường nằm nào trống rồi thêm ít t nữa ngoại nằm cho khỏe, tiếng "ngoại ơi" nghe thật là... khó diễn tả thành lời. Tới Biên Hoà 4h sáng a xuống lúc nào không hay vì trước đó a tới toa khác để lấy hàng vì qua câu chuyện tôi biết là a đi buôn hàng gì đó. Một người Biên Hoà, không phải công chức, trí thức, mà là một người đi buôn luôn thấp thỏm hàng của m ở toa khác có bị rắc rối gì không mà vẫn có được những cư xử như vậy thì một người Đà Nẵng như tôi thật là quá nề phục. Tới SG, một chiều tôi với người bạn đang chạy xe máy thì bất chợt trời mưa như trút, hạt mưa rất to đập vào sung cả môi, chạy cố gần 100m tấp vào được một tiệm tạp hoá nho nhỏ có cái mái hiên xia ra chừng gần 1m, hai thằng vẫn ngồi nghiêng người trên xe để tránh mưa vừa hỏi mua áo mưa 3k/cái, trả t xong cô bé SG bảo 2 anh (vẫn ngồi trên xe vì mái hiên nhỏ quá mưa ào ào rơi sượt qua bà vai không thể xuống xe được) 2 anh *giơ tay lên*, 2 thằng Đà Nẵng trở mắt thắc mắc *giơ tay lên làm gì? Thì giơ tay lên để e mặc áo mưa cho!*

À, hiểu rồi, 2 thằng ngoan ngoãn ngồi trên xe giơ tay lên khỏi đầu để e gái SG xô giùm 2 cái áo mưa vào người!!! Thật không có gì bất ngờ hơn...

Ở SG bây giờ có còn vậy không ai ở SG biết chia sẻ giùm tôi với. Ở Đà Nẵng thì không chắc 100% chứ phải tự mặc nhé, mà tự mặc là phải nhảy ra khỏi xe... Qua chia sẻ này nếu may mắn e gái SG ngày đó mà đọc được thì cho 2 a gửi tới lời cảm ơn. Vì không quen thuộc đường SG nên chỉ biết tìm tap hoá đó thuộc q3.

- **Anh Tư** 09:20 16/07/2016

Sài Gòn thịnh vượng cũng bởi giàu lòng tin, đơn giản là vậy!

- **Phạm Kim Bảo** 11:45 18/07/2016

Một buổi chiều trời mưa cách đây cũng khá lâu (tầm 10 năm rồi), tôi đứng trước cửa hàng của mình để ngắm mưa. Mưa thật to mà nước cũng sắp tràn lên mặt đường (Võ Văn Ngân - TĐ), thấy trong những người trú mưa dưới mái hiên nhà mình có 1 người phụ nữ vẻ lo lắng, bồn chồn. Tôi bước tới hỏi chị có chuyện gì lo lắng vậy, chị bảo là phải đi đón cháu mà không đem theo áo mưa. Tôi vào nhà lấy áo mưa của mình (loại cánh dơi cho rộng để bé không bị ướt) đưa cho chị. Chị hỏi bao nhiêu để chị gửi tiền nhưng tôi nói không cần đâu chị cứ mặc đi đón cháu mai đi ngang trả lại tôi cũng được. Thế nhưng tôi đã không nhận lại được cái áo mưa của mình vì chị đã không ghé trả dù tôi biết rằng hàng ngày chị vẫn đi làm ngang nhà tôi. Thôi thì giúp người chớ nghĩ người đó phải trả lại hoặc giúp đỡ cho mình.

- **Ton Anh** 21 :17 13/07/2016

Người SAIGON ơi ! Sao mà thân thương quá...

- **Nguyễn Hồng Long** 16:07 16/07/2016

Tui cũng yêu mến người miền Nam rất nhiều. Vô tư thoải mái, tốt bụng

- **Lê** 12:16 25/07/2016

Ở Sài Gòn đi mua đồ mà quên đem tiền rồi được người bán cho nợ lại hôm khác trả cũng là chuyện thường ngày dễ thấy mà. Hồi là sv học trong đó mua rau cải mà quên đem tiền cô bán hàng mới nói "*K sao đâu con, khi nào đi ngang ghé trả cô cũng được*".

Thương vậy đó. ♦

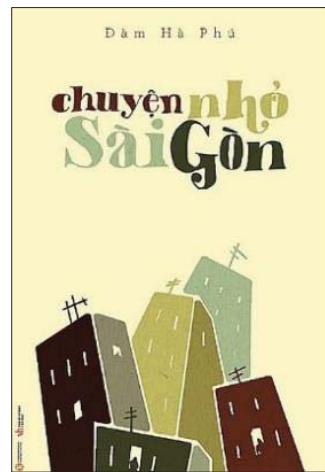
Nguồn:

* <https://tintuc.io/chu-de/giai-tri/tinh-nguoi-sai-gon-de-do-di-chung-nao-co-tra-tui-1-843587.html>

* <http://tuoitre.vn/tin/van-hoa-giai-tri/20160713/tinh-nguoi-sai-gon-de-do-di-chung-nao-co-tra-tui/1135729.html>

Sài Gòn là mảnh đất lạ kỳ. Nó lạ kỳ đến nỗi người ta luôn nghĩ về Sài Gòn mà lại chẳng biết viết gì, nói gì về nó. Nó lạ kỳ đến nỗi người ta luôn nhớ về nó khi đang ở trong lòng nó. Người ta thương Sài Gòn bằng một thứ tình cảm mơ hồ nhưng mãnh liệt đến ngạt thở, nhưng như kiểu một thứ tình nghĩa khác, không phải là quê hương.

□
Tôi sinh ra ở Hà Tĩnh, lớn lên ở Nha Trang và định cư ở Sài Gòn từ năm 18 tuổi đến giờ, vậy mà năm lần bảy lượt muốn viết một cái gì về Sài Gòn, tôi viết rồi lại ngưng vì chẳng biết viết gì. Tôi đã ở Sài Gòn 20 năm, tôi viết nhiều vậy mà chưa viết về Sài Gòn, kể cũng là thiếu. Sài Gòn là mảnh đất lạ kỳ. Nó lạ kỳ đến nỗi người ta luôn nghĩ về Sài Gòn mà lại chẳng biết viết gì, nói gì về nó. Nó lạ kỳ đến nỗi người ta luôn nhớ về nó khi đang ở trong lòng nó. Người ta thương Sài Gòn bằng một thứ tình cảm mơ hồ nhưng mãnh liệt đến ngạt thở, nhưng như kiểu một thứ tình nghĩa khác, không phải là quê hương. Ở Sài Gòn có một thứ không khí khác, không giống bất cứ nơi đâu, có lẽ được quán đặc bởi bụi, khói, bởi mùi mồ hôi, mùi đồ ăn, bởi tiếng xe, tiếng người, bởi muôn ngàn thanh âm, màu sắc... mà một khi đã quen hít thở với nó, bạn sẽ không bao giờ quên được, nếu không nói là khó mà rời xa được. Ở Sài Gòn, đất dung nạp vào nó đủ mọi hạng người, từ anh trí thức hàn lâm đến chị bán tròn nuôi miệng đều cảm thấy đất này dễ sống hơn chỗ khác, từ giới nghệ sĩ có tài và bất tài đến mấy bà buôn thúng bán bưng đều nuôi mộng lập nghiệp nơi mảnh đất lắm người nhiều xe này. Tất cả đều có thể nhận mình là người Sài Gòn, hoặc không nhận cũng không sao, Sài Gòn không so đo xuất xứ của bạn, cơ hội và rủi ro chia đều cho mỗi người. Ở Sài Gòn, bạn hay chứng kiến những tai nạn giao thông nho nhỏ do xe máy, thường cả hai bên va chạm đều tự dựng xe lên, nhìn ngó xe của mình, xuyết xoa vài tiếng rồi nổ máy xe, hỏi thăm nhau một câu cho có rồi mạnh ai nấy đi.



mà một ngày bán không dưới 300 ly café bằng cách bung đến tận nơi, có một xe bánh mì nhỏ chỉ bán buổi chiều tối mà doanh thu hàng ngày lên đến cả chục triệu, có một bà chỉ bán nước sâm vỉa hè mà sau ba năm đã mua được căn nhà mặt tiền to vật ở chính nơi mà bà xin đặt xe nước sâm của mình. Thương hiệu là thứ không mơ hồ ở Sài Gòn, nó được bảo chứng bằng doanh thu, bằng tấm lòng người Sài Gòn.

Ở Sài Gòn có nhiều bạn trẻ mặc đồ như Tây, ngồi ở café máy lạnh với laptop trước mặt và viết đơn xin việc, nhưng cũng có nhiều bậc trung niên mặc quần đùi uống café cóc ở vỉa hè bàn chuyện xây cao ốc cho thuê. Ở Sài Gòn bạn có thể xin làm phụ việc ở bất cứ đâu mà lương tháng vẫn bằng một kế toán mới tốt nghiệp đại học, người ta có thể mua cùng một món đồ với giá chênh lệch nhau đến cả chục lần mà không hề áy náy. Người ta luôn có cảm tưởng cả Sài Gòn đang vận hành vì tiền nhưng người Sài Gòn thì lại không hề coi trọng chuyện tiền bạc. ♦

Trích: CHUYỆN NHỎ SÀI GÒN
ĐÀM HÀ PHÚ

BÌNH LUẬN & ĐÁNH GIÁ ‘CHUYỆN NHỎ SÀI GÒN’

Nguồn: <http://tiki.vn/chuyen-nho-sai-gon.html>

Sài Gòn năng động, Sài Gòn phóng khoáng, Sài Gòn chào đón bất cứ ai... đó là những gì tôi cảm nhận được về Sài Gòn. Đó cũng là lý do vì sao nhiều người đã chọn Sài Gòn như một miền đất hứa, với họ Sài Gòn như một phần trong tim mình và trong tâm khảm. (Ngô Thanh Tùng)

NGUYỄN BÌNH: đến từ HCM

Đọc Đề Cử Nhận Một Sài Gòn Rất Riêng.

Mình không phải là một người Sài Gòn gốc, nhưng gần 10 năm sống tại Sài Gòn, cũng bị nhiễm tính cách con người Sài Gòn. Cảm ơn tác giả, đã cho mình hiểu hơn về cuộc sống nhiều mặt của Sài Gòn, cảm ơn những lời văn giản dị, chân thật của bác. Đọc đề thấy yêu Sài Gòn nhiều hơn, để thấy trong một thành phố luôn nhộn nhịp và luôn sống một cách hối hả này vẫn có rất nhiều người tốt, vẫn có những góc phố thật bình yên, những con hẻm yên tĩnh đến lạ thường. **Đã đọc 3 lần và không dưới 3 lần sau khi đọc xong liền xách xe chạy một vòng sài gòn, để cảm nhận, để nhớ và để yêu thêm một lần.** Đúng như bác tác giả đã nói "người ta nhớ về nó khi đang ở trong lòng nó".

NGUYỄN NGỌC TU: *Chuyện Nhỏ Sài Gòn*

Cuốn sách là cảm nhận, là cảm xúc rất riêng, rất lạ, rất khác nhưng cũng rất thật của Đàm Hà Phú về Sài Gòn. Mà như anh từng nhận xét: "Với tôi khi đến một vùng đất khác, nghe một giọng nói khác... tôi luôn cho rằng mình may mắn, giống như được nghe kể về một câu chuyện. Sài Gòn đối với tôi như một chốn khác với những con người khác, mỗi ngày, dù tôi vẫn ở đây hơn hai mươi năm nay, vì những câu chuyện ở Sài Gòn không bao giờ cũ. Giống như trò cá mưa cá nắng, ở mảnh đất hai mùa mưa nắng này, không ai chính xác biết ngày nào sẽ mưa, ngày nào sẽ nắng, Sài Gòn chỉ có một quy luật luật để sống ở Sài Gòn là cái tình." (..)

OANH: Tình Người Giữa Sài Gòn Hoa Lệ

Một cuốn sách hay về cuộc sống của Sài Gòn. Lật tả chân thật về tình người, cách đối nhân xử thế bình dị, mộc mạc của những mảnh đời vất vả mưu sinh xen lẫn trong cái nhịp sống hối hả của Sài Gòn hoa lệ. Cùng với sự phát triển, càng ngày càng phát sinh những tiêu cực trong cuộc sống. Mạng xã hội phát triển, hàng ngày phải nghe và đọc biết bao những câu chuyện không hay về xã hội nói chung và Sài Gòn nói riêng thì với "Chuyện nhỏ Sài Gòn" cũng đã mang cho ta âm áp tình người, và cho cho thêm niềm tin vào xã hội hiện đại, vì ít ra đâu đó ngoài kia vẫn còn tồn tại những câu chuyện như "chuyện nhỏ Sài Gòn".

TATY HAN: (đến từ Huế)

Mộc Mạc Và Bình Dị "Chuyện nhỏ Sài Gòn", đúng như cái tên, những câu chuyện nhỏ, những mảnh ghép của cuộc sống ở Sài Gòn được Đàm Hà Phú truyền tải tới người đọc bằng một giọng văn truyền cảm, chân thật như là đang tâm tình. Một Sài Gòn phóng khoáng, bình dị và đậm tình người, một mặt hoàn toàn khác của chiếc áo huyền ảo, tráng lệ và nhộn nhịp Sài Gòn đang mặc. Như tác giả viết, người Sài Gòn nhưng hơn phân nửa không phải là người gốc Sài Gòn mà là người từ tứ xứ đến, có thể nhận là người Sài Gòn hoặc không, nhưng cơ hội và vận xui để lập nghiệp là chia đều cho mỗi người. Mình rất thích câu nói khi người ở Sài Gòn giúp nhau:

"Chuyện nhỏ mà, bỏ đi. Ơn nghĩa gì cậu ơi!"

TRẦN BỬU LINH: đến từ HCM. Sài Gòn Của Tôi.

Tôi biết đến "Chuyện nhỏ Sài Gòn" của tác giả Đàm Hà Phú trong một lần lướt Tiki để tìm sách đọc và cuốn sách đã trở thành một trong những tác phẩm yêu thích của tôi. Sách được in theo khuôn giấy nhỏ vừa tay cầm, giấy tốt và trình bày bìa rất đẹp. Xuyên suốt trong sách là những mẫu chuyện nhỏ viết về Sài Gòn mà tác giả - là một người định cư ở Sài Gòn từ năm 18 tuổi cảm nhận. Tôi có thể cảm nhận tình cảm của tác giả gửi gắm sau mỗi câu chuyện nhỏ về Sài Gòn - đất chật người đông, thành phố hoa lệ này. **Đọc truyện càng cảm thấy thêm yêu Sài Gòn nhiều hơn, yêu cách con người đối xử với nhau và với cuộc sống. Ngoài ra, phần sau truyện còn có những mẫu chuyện nhỏ viết về miền Tây. Giọng văn rất mộc mạc, rất gần gũi.**

PHUONG QUYEN (đến từ Hồ Chí Minh)

Mỗi câu chuyện nhỏ của Sài Gòn là một nét vẽ miêu tả sinh động về cái đất Sài Thành này. Từng mẫu chuyện cũng không dài, đọc cũng không mất thời gian gì mấy nhưng cứ đọng lại mãi trong lòng tôi một xúc cảm lâng lâng, gần gũi và tự hào. Sự gần gũi bình dị của những con người hàng ngày lam lũ mưu sinh nhưng không quên cái tình cái nghĩa. Sự tự hào vì mình cũng là một người con của đất Sài Gòn. Đọc Chuyện Nhỏ Sài Gòn để thấy những con người chân chất với những câu chuyện nhỏ nhưng tâm lòng thì bao la, rộng mở.

"Sau khi đọc xong cuốn sách này, tôi quyết định chọn ngôi trường và khăn gói vào Sài Gòn học tập".

(Nguyễn Thị Tuyết Anh)

NGUYỄN ĐẠI LỢI: đến từ HCM

Sài Gòn, Miền Tây Trong Tôi.

Sau khi đọc xong quyển này, tôi còn biết thêm được Sài Gòn một điều là, nơi này không có cái luật nào bằng cái luật tình người. Và biết thêm được cái sự chân thật của người dân miền sông nước tây nam bộ, họ sống một lối sống mà chưa nơi nào bằng, có thể nói như vậy mà ông trời đã phú cho họ một thiên nhiên hiền hòa, tác giả Phú đã đưa chúng ta đến nhiều cung bậc, lối viết văn gần gũi, đọc tình cảm, tuy sinh ra ở miền trung xa xôi, nhưng anh đã viết một lối văn có thể cảm nhận được hết **cái tình của người dân trong Nam, họ sống với lối sống khác với người Bắc, họ sống vì tình nghĩa, không nghĩ đến lợi lộc hay riêng một thứ gì.** Nói tóm lại là một tác phẩm khá hay và đặc sắc.

DƯƠNG ÁNH NGỌC: đến từ Hà Nội

Mình đã từng vào Sài Gòn ngày còn bé nên bấy giờ chẳng cảm nhận được gì nhiều bề cái gọi là thi vị của Sài Gòn. Nhưng đọc xong "Chuyện nhỏ Sài Gòn" của bác Phú sao mà ấn tượng quá và bỗng có một cảm giác muốn vào Sài Gòn lắm. Những câu chuyện bình dị, đơn giản nhưng chính những cái giản dị, giản đơn ấy mới lại dễ đi vào lòng người và khiến họ thêm yêu và thích Sài Gòn hơn. Từ những câu chuyện ngồi cafe vỉa hè, rồi hàng xóm giúp đỡ nhau thậm chí chỉ là người với người... chắc hẳn bác Phú viết không phải vì "quảng cáo" Sài Gòn mà vì những câu chuyện ấy nó thấm vào lòng người, nó là những gì vốn đẹp của Sài Gòn. Giọng văn bác Phú dí dỏm, hài hước và dễ đọc lắm. Đọc rồi dễ thấy thêm yêu đời, thêm hiểu cuộc sống này hơn, cho dù đó là cuốn sách lần viết về Sài Gòn và miền Tây sông nước, còn mình lại ở Hà Nội

RỪA TK: đến từ HCM Chuyện Nhỏ Mà Khó Bỏ Qua Không phải là dân Sài Gòn chính hiệu, nên đôi khi bản thân tôi cũng không để ý tới những chuyện nhỏ nhặt xảy ra trong hàng ngày. Qua quyển sách "Chuyện nhỏ Sài Gòn" của tác giả Đàm Hà Phú. Người đọc nhận ra được nhiều chuyện đã, đang và vẫn xảy ra. Chỉ vì nó nhỏ bé quá nên đôi khi ta vô tình lướt qua mà không để ý. Con người Sài Gòn là thế, đơn giản, thiết tha, chân chất. Từ những chuyện nhỏ như bình trà đá miễn phí, hay cách người Sài Gòn tính tiền... tất cả khắc họa lên con người Sài Gòn rộng rãi, phóng khoáng, cho đi không cần phải cân đo đong đếm là mình sẽ được gì, mất gì. Có lẽ bởi thế mà nó là quyển luyện bước chân con người tha phương như tôi???

HỒ GIA HOÀNG: đến từ HCM

Tình Người Thắm Đượm Mỗi Trang Viết

Cũng như tác giả, tôi đến Sài Gòn năm 18 tuổi để học Đại học. 2 năm ở Sài Gòn không thật dài nhưng cũng vừa đủ cho tôi cảm thấy thành phố này sao mà thân thuộc và đáng yêu đến lạ cứ tưởng như Sài Gòn đã trở thành một phần trong tôi... "chưa xa đã nhớ". Trở lại với cuốn sách, mỗi trang viết của tác giả Đàm Hà Phú là những câu chuyện, những lát cắt về một Sài Gòn năng động, nhưng khhuất lấp sau vẻ hào nhoáng của một đô thị lớn nhất cả nước là những câu chuyện bình dị về cuộc sống, về số phận, về tình yêu và về tình người. Tình người ấm áp dường như thấm đẫm trong mỗi trang viết. Nó lấp lánh nơi mỗi con người SG tưởng chừng như lạnh lẽo bởi tất bật công việc, nó hơ ấm những số phận lao động nghèo ngày ngày vật lộn với cuộc mưu sinh. Tình người với những cử chỉ giúp nhau trong cuộc sống đầy bon chen này sao mà quý, sao mà đáng trân trọng biết bao. Và điều đó đã khiến cho Sài Gòn trở nên gần gũi và thân thương. Sài Gòn như mái nhà chung che chở và bảo bọc cho những người con xa xứ về đây tụ hội và tìm kiếm giấc mơ làm giàu bằng sức lao động ngày đêm, hay chính con người SG đang dựa vào nhau, đang cùng nhau tiến lên làm việc, học tập hăng say nhằm trụ vững, nuôi nấng ước mơ đổi đời giữa đất SG rộng lớn. Dù là thế nào đi nữa Sài Gòn vẫn luôn là người mẹ đầy bao dung và độ lượng, ôm ấp những giấc mơ và hy vọng. Sài Gòn đẹp với nét đẹp hiện đại nhưng vẫn mặn mà với vẻ truyền thống trong văn hóa. Sài Gòn mảnh đất của niềm tin và hy vọng, của tình thương và sự hào sảng đất phương Nam. Tất cả được gói gọn và đặt trọn trong cuốn sách "Chuyện nhỏ Sài Gòn" của tác giả Đàm Hà Phú. Đọc cuốn sách để thêm yêu Sài Gòn, thêm lạc quan về tương lai và thêm nặng lòng với tình người!

THY NGUYEN: (đến từ Hồ Chí Minh)

Hay. Sài Gòn không có nét thơ mộng của Huế, không có những bãi biển xinh đẹp như Đà Nẵng, Nha Trang, Sài Gòn mang vẻ đẹp bình dị, chân chất, mà nét đẹp ấy phần nhiều là từ con người nơi đây. Nhìn từ bên ngoài thì Sài Gòn hào nhoáng, hoa lệ, nhưng thật chất nét đẹp của nó là từ bên trong mỗi con người sinh sống ở mảnh đất này. Tôi yêu Sài Gòn, nơi tôi sinh ra và lớn lên. Tôi thích đọc những mẫu chuyện về Sài Gòn. Người Sài Gòn không cầu nệ, họ thích giúp đỡ lẫn nhau và coi như đó là điều đương nhiên. Ở quyển sách này, tác giả Đàm Hà Phú như hiện diện ở tất cả các góc ngách của Sài Gòn, lật tung nó lên để tìm ra những vẻ đẹp bình dị nhất.

Những mẫu chuyện ở đây được viết một cách ngẫu hứng nhưng lại cuốn hút đến kì lạ. Bạn đang ở Sài Gòn? Nhất định nên đọc nó, để biết Sài Gòn hoa lệ, hào nhoáng nhưng giản dị, chân chất như thế nào.

NGUYỄN QUỲNH NGÀ: đến từ Hà Tĩnh
Sài Gòn Đáng Yêu

Tôi không phải người Sài Gòn, chỉ là khách vắng lai đôi lần nhưng cũng có những thiện cảm với con người và cuộc sống nơi đây. Tôi mua quyển sách này vì lời giới thiệu của một người bạn, và không hối hận vì đã mua nó. Đúng như những câu chuyện nhỏ, rất nhẹ nhàng mà sâu lắng, sách giúp tôi có nhiều cảm nhận sâu hơn về những nét riêng của mảnh đất vừa hiện đại nhanh chóng hội nhập vừa giữ được bản sắc riêng. Từ đó tôi càng tò mò và có mong muốn được trải nghiệm cuộc sống Sài thành nhiều hơn nữa, để thâm nhập sâu sắc vào cuộc sống và con người nơi đây.

NGHIÊM THẾ VĨNH: đến từ HCM

Một Sài Gòn Bình Dị

Qua từng trang sách, tác giả Đàm Hà Phú như hiện diện trong từng ngách nhỏ của Sài Gòn, tận mắt chứng kiến những nét đẹp bình dị nhưng chân chất giữa một Sài Gòn nhộn nhịp nhiều lúc đến xô bồ. Bạn có thể từ nơi khác đến, sinh sống, kiếm miếng ăn hoặc lập nghiệp ở mảnh đất này, hoặc có thể bạn lớn lên trên chính nó cùng tuổi thơ, nhưng dù như thế nào, chắc chắn ít nhiều bạn có một tình cảm nhất định với nó. **Và qua từng tấn mạn mà Phú thu lượm trên hành trình của mình, bạn sẽ hiểu nhiều hơn mảnh đất thân thương với cái tên trường tồn cùng thời gian: Sài Gòn.**

CHÍ HẢI: Sài Gòn Là Đê Yêu.

Một quyển sách rất hay về Sài Gòn, những câu chuyện đời thường nhưng chứa đậm chất tình "Sài Gòn". Tôi sống ở Sài Gòn được hơn 3 năm nay, tôi yêu từng con đường, hàng cây, quán cà phê, xe bánh mì, gánh hàng rong... yêu những con người lao động vất vả để mưu sinh... và càng yêu hơn tình người Sài Gòn sau khi đọc xong quyển sách này. Quả thật không quá khi nói: "Sài Gòn là đê yêu", cứ yêu đi, thương đi, cho đi... còn việc nhận là của Sài Gòn:

Sài Gòn chưa phụ ai bao giờ.

PHẠM NGÀ: đến từ HCM

Sài Gòn Trong Tôi!

Tôi cũng là người xa quê, lấy Sài Gòn làm quê hương thứ 2, tôi luôn muốn tìm 1 quyển sách nào đấy để nói nên nỗi lòng của mình, tôi tìm hoài tìm hoài và cuối cùng tôi đã có. Tác giả như muốn nói hộ tôi những gì mà tôi không thể viết ra được, không để nói cho mọi người hết được là Sài Gòn như thế nào, giờ đây tôi có thể giới thiệu với mọi người, với bạn bè tôi về Sài Gòn qua quyển sách này, cảm ơn tác giả đã nói hộ tôi, đã gửi những yêu thương của tôi vào đây, gửi những niềm tự hào của người Sài Gòn vào đây và hơn ai hết tôi thấy tác giả đã đồng cảm với tôi, **một Sài Gòn chất phác nhưng lại rất ồn ào, náo nhiệt, rất bon chen nhưng lại hiền hòa!**

NGUYỄN LINH: đến từ Hải Phòng

Nhẹ Nhàng Mà Sâu Lắng

Cùng với sự phát triển của xã hội, các tiến bộ công nghệ đang dần làm con người trở lên xa cách nhau. Sài Gòn cũng không cũng đi theo quy luật đó. Tuy nhiên, trái với suy nghĩ đó, Sài Gòn trong cuốn sách này không hoa lệ, mà là một Sài Gòn bụi bặm, không phải Sài Gòn xô bồ náo nhiệt rực rỡ hoa đèn, mà là một Sài Gòn mộc mạc nhưng nặng tình người. Những câu chuyện được viết bằng giọng văn mộc mạc, giản dị, pha chút hài hước nhưng hết sức tinh tế và đậm chất Miền Nam làm ta thấy thêm yêu cuộc sống, thêm yêu con người bình dị thân quen.

LÊ TRANG: đến từ HCM Rất Hay

Đây là 1 cuốn sách viết về Sài Gòn làm mình rất thích, mặc dù tác giả là người quê gốc ở Nha Trang. Tìm đâu đó trong những câu chuyện là những nét đẹp ẩn khuất của Sài Gòn trong cuộc sống thường ngày. Nếu như ko chú ý thì sẽ ko thấy được. **Đọc xong cuốn sách mình cảm thấy thêm yêu Sài Gòn vì nhận ra được những mặt tươi đẹp của Sài Gòn và những người dân thân thiện, tình nghĩa và đầy chất phác.** Cảm ơn tác giả đã mang đến cho người đọc 1 cuốn sách hay.

LÂM NGỌC LINH: đến từ HCM

Cực Kỳ Thích Luôn

Mình đã đọc khá nhiều sách viết về Sài Gòn trước khi đọc quyển này, có thích có không, nhưng phải nói "Chuyện nhỏ Sài Gòn" viết cực dễ thương luôn. Những hình ảnh rất nhỏ bé, mộc mạc, từ quán cà phê lề đường, người bán hàng rong, ông xe ôm, hay những con hẻm nhỏ lắt léo, tất cả đều được hiện lên tự nhiên, rất Sài Gòn, rất đời. Giọng văn của anh Phú không màu mè, trau chuốt, nhưng lại vô cùng hợp khi kể những mẩu chuyện nhỏ này. Nó mộc mạc, chân chất, giữa những cao ốc hiện đại, giữa nhộn nhịp phồn hoa Sài Gòn vẫn còn những góc bình yên và đáng yêu lắm.

Là một người con Sài Gòn, yêu Sài Gòn trong từng hơi thở, đọc xong quyển sách chỉ muốn xách xe làm một vòng từ trung tâm đến những góc ngách nhỏ nhất chỉ để hít trọn cái hơi thở này.

Phải nói là, cảm ơn anh rất nhiều!

PHAN HOÀNG ANH TUẤN:

Sài Gòn Là Mạ Quen.

Tôi cũng đã từng là người "ăn nhờ ở đậu" Sài Gòn trong suốt quãng đời sinh viên. Đọc "Chuyện nhỏ Sài Gòn", tôi như trở về với thời gian đó. Bỗng dưng nhớ đến quay quắt những con đường, góc phố thân quen, những khu chợ nhỏ giữa xóm trọ sinh viên và dân lao động nhập cư. **Nhớ những con người Sài Gòn dù sống giữa chốn được gọi là "phồn hoa đô thị" nhưng lại chân chất, bình dị đến không ngờ.** Bỏ cục truyện cũng ngẫu hứng, cách viết cũng ngẫu hứng nhưng đọc sao lại cuốn hút đến thế.

Độc sách thấy thật hâm mộ tác giả
và càng thêm yêu quý, tự hào về
Sài Gòn hơn. (TT Hương Quỳnh)

PHƯƠNG THÙY: từ HCM Không Thể Ngừng Đọc
Sài Gòn qu góc nhìn của chú Phú rất hồn hậu và chân
thật, chỉ có những con người yêu Sài Gòn thật sự mới
nhìn ra được những nét đẹp mộc mạc như vậy. Có đọc
Chuyện nhỏ Sài Gòn mới thấy được, mảnh đất này
phóng khoáng, bao dung và chở che biết bao con người
tìm về mu sinh như thế nào. Những câu chuyện cảm
động, được viết lại bởi giọng văn đậm chất Nam bộ của
chú Phú khiến mình không thể dứt khỏi trang sách.
**Điều đáng nhớ nhất trong những câu chuyện là cái
tình người dùm bọc nhau trong khó khăn, theo cái
cách chỉ có ở Sài Gòn, vậy nên mới yêu làm sao
mảnh đất này.**

LƯƠNG NEO: đến từ HCM

Độc Đề Yêu Sài Gòn Hơn Nữa

Nếu các bạn mất niềm tin về con người Sài Gòn hay xa
hơn là miền Nam của chúng ta, các bạn nên đọc quyển
sách này để hiểu hơn về cách nhìn của tác giả. Giọng
văn phóng khoáng, không bị áp đặt vào bất kì khuôn
phép nào, sẽ làm cho bạn cảm thấy vô cùng thoải mái
khi xem. Ngoài ra, bạn còn có thể biết được rằng, ở đâu
cũng có người tốt, cuộc đời còn rất nhiều màu hồng,
nhưng quan trọng đó là ở cách bạn tiếp cận vấn đề như
thế nào nữa!

TRẦN PHƯƠNG: đến từ Đà Nẵng

Không Chỉ Là Những Câu Chuyện Nhỏ

Sài Gòn trong cuốn sách này không hoa lệ, mà là
một Sài Gòn bụi bặm, không phải Sài Gòn xô bồ náo
nhiệt rực rỡ hoa đèn, mà là một Sài Gòn mộc mạc
nhưng nặng tình. "Chuyện nhỏ Sài Gòn", những
câu chuyện nhỏ được nhìn dưới góc nhìn rất khác.
Không gian quen thuộc trong cuốn sách là những xóm
nhỏ, những cộng đồng nhỏ, làm nên những "câu
chuyện nhỏ". Những câu chuyện xoay quanh cộng
đồng xe ôm, giang hồ, chủ quán nước, công nhân... với
nội dung chính là về "người tử tế", những chuyện nhỏ
mà khó tin: một đứa trẻ nhận được sự cứu rỗi của cả
cái ngõ nghèo, chuyện một bác xe ôm mua đến hai trăm
ngàn tiền vé số để giúp đỡ đồng hương, chuyện công
tử nhà nọ nổi tiếng ăn chơi giờ thay đổi tính nết nhờ
một cô bán bánh mì, rồi chuyện giang hồ tình thương
mến thương v... Đa phần những "Chuyện nhỏ Sài
Gòn" mà tác giả kể – có phải vì nhỏ quá nên chẳng mấy
ai thấy, hoặc có phải đó là những vẻ đẹp tiềm ẩn nên
càng tìm thì lại càng ẩn? Chuyện nhỏ Sài Gòn - tôi tặng
cho riêng mình, cho gần chục năm buồn vui ở SG... cho
những chiều xa SG và ngồi nhớ.... Tôi tặng cho những
ai đã sống, đã nhớ, và đã yêu Sài Gòn... như tôi!

T T HƯƠNG QUỲNH: đến từ HCM

Một Tác Phẩm Tuyệt Vời

Bằng giọng văn mộc mạc, giản dị, pha chút hài hước
nhưng hết sức tinh tế và đậm chất Miền Nam, tác giả
Đàm Hà Phú đã vẽ nên một Sài Gòn thật sống động và
đáng yêu. Sài Gòn ở đây không hiện đại, tráng lệ với
vô số những cao ốc, trung tâm thương mại như cái cách
mọi người vẫn thấy, mà chỉ là những góc phố, con hẻm
với quán cóc, gánh xôi, gánh chè; là những con đường
uốn lượn quanh co gìn giữ bao kỷ niệm, ... đơn giản
nhưng quý giá biết bao. Tôi đặc biệt thích bài viết về
"Bánh mì Sài Gòn" - một món ăn tưởng chừng rất quen
nhưng qua lối viết của tác giả, lại trở nên kỳ diệu và
tuyệt vời đến như vậy, nó thể hiện tài năng, sự am hiểu
cũng như tình yêu mà tác giả dành cho mảnh đất Sài
Gòn thân thương này. **Độc sách thấy thật hâm mộ tác
giả và càng thêm yêu quý, tự hào về Sài Gòn hơn.**

ĐỖ TRINH: đến từ Đồng Tháp Sài Gòn Tôi Yêu...!

Ai đã từng sống ở SG thì nhất định sẽ gật gù, mỉm cười,
xúc động khi đọc Chuyện nhỏ Sài Gòn! Tuy thời gian
ở SG của tôi ngắn ngủi thôi, nhưng từng ấy thời gian
cũng đủ làm tôi yêu SG say đắm! Đọc Hà Phú tôi như
được một lần nữa sống giữa Sài Gòn, nơi có những con
người đậm nghĩa tình, thương nhau vì tình, quý nhau
vì nghĩa. **Nó xô bồ thật đấy, nhưng cái tình thấm
trong từng giọt mồ hôi ấy, trong từng cử chỉ hào
hiệp của con người ấy vẫn không lẫn vào đâu được.**
Độc để thêm yêu Sài Gòn, thêm tin vào tình người,
thêm hy vọng về một vùng đất chạ khắp nơi.

Cám ơn anh, vì đã là một người con của Sài Gòn!

NGUYỄN DUNG: đến từ Tây Ninh

Độc Đề Yêu Thương

Mình rất thích quyển sách này. Tác giả viết về Sài Gòn
một cách đơn giản, nhẹ nhàng và vô cùng ấm áp. Như
một câu trong sách: **'Sài Gòn vận hành vì tiền nhưng
người Sài Gòn lại không hề coi trọng chuyện tiền
bạc'.** Tình yêu thương giữa người và người tràn ngập
trong từng trang sách như đường Nguyễn Hữu Cánh
ngập đầy nước mỗi khi triều cường. Những câu
chuyện viết về miền Tây và người miền Tây cũng vậy.
Độc sách mà thấy sướng vô cùng, tự hào vô cùng về
quê hương xứ sở, để từ đó, thêm yêu cái nòng nân,
phóng khoáng, càng thương sự nồng hậu thâm tình của
người Sài Gòn, của người miền Tây

Sài Gòn... Ở đó, con người sống với nhau
bằng cả tấm lòng, sẵn sàng ra tay giúp
bất kì ai nhưng chẳng buồn quay lại để
nhận một lời cảm ơn, mọi thứ đơn giản chỉ
là cái khoát tay: *"Ơn nghĩa gì cậ ời."*

(Nguyễn Đức Thuận)

TRẦN VI: Là Một Sài Gòn Vốn Bình Dị

Nói về Sài Gòn không ai dám tự tin nói mình biết đủ, biết hết. Sài Gòn với chỉ chít những con hẻm nhỏ ngang dọc, những mảnh đời nay đây, mai đó của những người khắp tứ xứ đổ về. Sài Gòn nhìn thì có vẻ rộng nhưng lại chật chội đến bất ngờ. Ai cũng nói Sài Gòn dễ sống, dễ kiếm việc và có nhiều cơ hội, đó đâu chỉ phải là do nền kinh tế phát triển không thôi mà còn do cả con người nơi đây luôn nhiệt tình và vui vẻ. Khi đi trong lòng Sài Gòn giữa tiết trời oi ả, bạn sẽ phải cảm thấy mát lòng với những xô trà đá miễn phí, hỏi khi lạc đường thì được tận tình giúp đỡ. Thật rất cảm ơn chú Đàm Hà Phú vì đã viết một cuốn sách về Sài Gòn đẹp đến vậy. **Quả thật, Sài Gòn đất chật nhưng lòng người không chật.**

TÔ MINH HAI: đến từ HCM

Sài Gòn Vẫn Là Nhất Trong Tim Tôi. Nếu như bạn mất niềm tin vào cái tốt, hoặc cho là cán cân tốt-xấu đang nghiêng về cái xấu, thì khi đọc xong Chuyện Nhỏ Sài Gòn của "Mr. Đàm", có thể bạn sẽ thay đổi suy nghĩ. Những chuyện rất thật vẫn diễn ra hàng ngày trên đất Sài Gòn hoa lệ, có thể nhiều bạn trẻ sẽ nghĩ đây chỉ còn là cổ tích, nhưng không, Sài Gòn luôn là vậy, từ chú xe ôm, anh bốc vác, chị bán cá, cô bán phở.... mọi người sống với nhau bằng cái tình của những người tứ xứ chọn Sài Gòn là nơi lập nghiệp. Đúng là chuyện nhỏ, vì thật sự đó là những chuyện ta đọc trong tác phẩm, sẽ thấy đúng là nó diễn ra hàng ngày, chỉ là ta không để ý đó thôi.

Đọc để thấy Sài Gòn đúng là dễ sống, và Sài Gòn luôn là nơi mà lòng tốt được cho đi nhiều nhất.

Mãi yêu Sài Gòn.

PHAN KIỀU KHANH: đến từ Đồng Nai

Sài Gòn Không Phụ Ai

Người ta thường nói đến Sài Gòn như là một thành phố trung tâm về kinh tế - công nghiệp của Việt Nam. Đó là chuyện của những doanh nhân, những người làm chính sách, những nhà chính trị... Nhưng có lẽ đối với những người bình thường sống ở Sài Gòn, đặc biệt là những sinh viên đã từng một thời trải qua tuổi trẻ của mình ở đây, thì Sài Gòn có nhiều cái để nhớ hơn thế! Tôi đọc "Chuyện nhỏ Sài Gòn" với một tâm trạng thích thú lẫn đồng cảm, vì những gì tác giả viết về Sài Gòn vừa mới mẻ vừa thân quen. Trong sách này, tôi tâm đắc nhất với câu "Sài Gòn là một mảnh đất tốt để lập nghiệp. Tuy nhiên, vì nó quá tốt nên cơ hội không chia đều cho mọi người và khó khăn lớn nhất khi lập nghiệp ở Sài Gòn, nếu có, chính là từ người lập nghiệp, Sài Gòn không phụ ai cả".

Quả thật, Sài Gòn không phụ ai. Ai đã lỡ yêu Sài Gòn thì Sài Gòn vẫn chờ cho họ một nơi để quay về.



Logo Sài Gòn
năm 1870

LÊ THỊ HẠNH: đến từ Hà Nội

Trái Ngược Hoàn Toàn Với Những Suy Nghĩ Của Minh Trước Đây. Thật sự mình chưa từng nghĩ sẽ có một Sài Gòn dung dị, gần gũi mà đông đầy yêu thương như thế trước đây. Càng đọc càng cảm thấy có gì đó không thể tin nổi, bèn đem cuốn sách này mang về cho bố xem bởi vì bố mình đã có một thời gian sống ở Sài Gòn. Bố mình rất thích và nói rằng bố cũng đã từng sống giữa những con người như thế tại những con hẻm như thế. Mình càng mong muốn có cơ hội được một lần đến thăm Sài Gòn, không phải vì những ấn tượng đầu tiên về một Sài Gòn thịnh vượng, năng động với cuộc sống nhộn nhịp sa hoa mà là những góc nhỏ bình yên như qua lời kể của tác giả Đàm Hà Phú!

NGUYỄN THANH AN: đến từ Đà Nẵng

Tuyệt! Tôi là người Đà Nẵng, sinh ra và lớn lên tại Đà Nẵng - một mảnh đất hiền hòa, bình yên. Thế nên khi có ý định lập nghiệp ở Sài Gòn, nơi mà tôi được nghe rất nhiều về sự hiện đại xen lẫn bon chen xô bồ, sự xa hoa xen lẫn trộn cấp chém giết,... thật sự từng khiến tôi cảm thấy "ngán" mảnh đất này. Thế nhưng từ khi cầm cuốn sách này trên tay, cho đến bây giờ, khi đi đặt chân vào miền đất ấy, tôi vẫn mang theo "cái tình" để sống trong mảnh đất đầy "tình" này. "Tình" ở đây là tình cảm tốt đẹp thật sự, "tình" của "tình người", của sự đôn hậu, thật thà mà phóng khoáng của những con người nơi đây. Đó là hành trang để tôi sống ở Sài Gòn với tất cả niềm say mê của mình!

TRAN S: đến từ HCM. Tình Trong Từng Chữ

Tập ghi chép dân dã, mộc mạc, chân quê. Không một nơi nào bình dị bằng Sài Gòn qua ngòi bút của Đàm Hà Phú. Sài Gòn với những món ăn vật thân thương, với những cung đường giản dị tuyệt vời, những con người dễ mến. Sài Gòn đúng khắc nghiệt thật. Nhưng mà hãy nhìn lại những điều đáng yêu nhỏ nhất đi. Đời đáng vui. Đời đáng sống, đáng thưởng thức quá chừng. Sống là biết hưởng thụ và không một điều gì không thể hay thế. Sống là để yêu nhau. Và đọc xong Chuyện nhỏ Sài Gòn quả thật là muốn yêu thật sự, yêu cho đến hết đời. Tập ghi chép rất ấm áp. Rất tình.

DUONG MINH PHUC LOC: đến từ HCM. Đàm Hà Phú có cách hành văn phóng khoáng, câu viết gãy gọn nhưng đầy đủ ý nghĩa gần gũi mà cũng rất đời xa xăm. Tui cũng đã từng ghé uống cốc nước trà miễn phí ở SG và cũng từng gặp cái biển chỉ đường đến bệnh viện Từ Dũ, nhưng, tui chỉ xem những điều đó không đáng làm văn, vì là chuyện nhỏ mà, vậy mà anh dám. Cái vẻ bụi bặm nhưng phớt đời của anh nhìn đời cũng ngược với con người ta. Anh nhìn sự vật một cách chi tiết, miêu tả chân thực khác xa những gì mà văn mẫu đang chỉ dạy cho con em chúng ta phải miêu tả bà của chúng tóc bạc trong khi bà chúng tóc đen mượt, đi chơi tennis! Phục anh Phú sát... đất Mũi Cà Mau luôn anh Phú ạ!

NGÔ THANH TÙNG: đến từ Hải Dương
Nét Riêng Sài Gòn

Sài Gòn năng động, Sài Gòn phóng khoáng, Sài Gòn chào đón bất cứ ai... đó là những gì tôi cảm nhận được về Sài Gòn. Đó cũng là lý do vì sao nhiều người đã chọn Sài Gòn như một miền đất hứa, với họ Sài Gòn như một phần trong tim mình và trong tâm khảm.

Với những gì bình dị nhất, gần gũi nhất, đẹp đẽ nhất, tác giả Đàm Hà Phú đã kể cho chúng ta một Sài Gòn ở một góc nhìn rất khác và rất riêng: vừa quen thuộc, vừa lạ lẫm, vừa mới mẻ, vừa cổ xưa. Dù có là người Sài Gòn hay không, đã đặt chân đến cùng đất chỉ có hai mùa mưa nắng này bao giờ hay chưa thì bạn cũng sẽ cảm nhận được ít nhiều những điều đặc biệt mà không nơi nào ngoài Sài Gòn có được. Đó chính là cái phong vị riêng nhất và độc đáo nhất của mảnh đất này.

BÙI NGUYỄN ĐẠT: Đơn Giản Là Sài Gòn

Có vẻ thành phố này mang tên HCM, nhưng người ta sẽ mãi nhớ về nó như một hòn ngọc của viễn đông, một Sài Gòn tuyệt vời nhất mà những con người ở đây, cũng như mình đã cảm nhận về nó.

Đọc xong tác phẩm mà mình thấy yêu Sài Gòn đến lạ. Dù biết mình đã yêu nó từ bao giờ rồi. Sài Gòn hiện lên thật chân tình, phóng khoáng qua từng trang sách. Đúng như Đàm Hà Phú đã nói:

"Người ta luôn có cảm tưởng cả Sài Gòn đang vận hành vì tiền nhưng người Sài Gòn thì lại không hề coi trọng chuyện tiền bạc".

Đó chính là sự thật. Sài Gòn là như thế và sẽ mãi mãi là như vậy, dù vật chất và đồng tiền đã làm thay đổi nó như thế nào.

LÊ TRANG: đến từ HCM Rất Hay.

Đây là 1 cuốn sách viết về Sài Gòn làm mình rất thích, mặc dù tác giả là người quê gốc ở Nha Trang. Tìm đâu đó trong những câu chuyện là những nét đẹp ẩn khuất của Sài Gòn trong cuộc sống thường ngày. Nếu như ko chú ý thì sẽ ko thấy được. **Đọc xong cuốn sách mình cảm thấy thêm yêu Sài Gòn vì nhận ra được những mặt tươi đẹp của Sài Gòn và những người dân thân thiện, tình nghĩa và đầy chất phác.** Cảm ơn tác giả đã mang đến cho người đọc 1 cuốn sách hay.

AN NHIÊN: đến từ HCM

Yêu Lắm Sài Gòn.

Chỉ là những mẩu chuyện ngắn được góp nhặt từ cuộc sống hằng ngày mà thấm đượm tình người.

Lời văn mộc mạc xuyên suốt tác phẩm càng làm tôi yêu tha thiết hơn đất Sài Gòn này. Sài Gòn rộng lớn là thế, ồn ào là thế nhưng đâu đó trong mỗi con người ở nơi đây là cả một sự chân thành, hiền hậu. Đọc để nhận ra rằng đôi lúc tôi đã sống quá hờ hợt, để nhận ra rằng tình yêu với Sài Gòn là quá lớn, vậy mà... đã có lúc tôi muốn rời bỏ nơi đây...

Một quyển sách rất tuyệt vời cho tất cả mọi người.

NGUYỄN PHƯƠNG DUNG: Đơn Giản Và Bình Dị
Phú đã khiến mình thêm yêu mảnh đất này. Anh đã viết, đã khiến cho những điều vốn là nhỏ nhất, những chi tiết mà thường ngày ít ai để ý đến trở nên nổi bật, khiến cho người đọc biết yêu thương, quý trọng nó với giọng văn nhẹ nhàng, lời văn bình dị, gần gũi với cuộc sống thường ngày của người dân Sài Gòn. Anh đã đem tôi đến gần hơn từ những chú xe ôm, cô bán bánh mì hay hình ảnh những quán cóc ven đường đến những góc phố sang trọng cùng ánh đèn chiếu sáng mỗi đêm... Một Sài Gòn sống động, một thành phố không bao giờ ngủ. Dễ đến, dễ đi nhưng tình yêu Sài Gòn thì không bao giờ mất đi trong trái tim của họ - những người dân Sài Gòn của tôi.

KEN LUNA: từ HCM Chuyện Nhỏ Mà Không Nhỏ
Ôi cái bìa và cái tên giản dị biết bao, đúng chất "Sài Gòn". Tác giả đã bày tỏ tình yêu của mình với Sài Gòn thân yêu một cách chân thực nhất, bằng chính lòng mình, bằng ngòi bút giản dị, chân thành mà sâu sắc. Truyện mang ý nghĩa sâu sắc. Đọc truyện làm mình thêm yêu Sài Gòn, thêm yêu Việt Nam, thêm yêu cái bình dị, chất phác mà thâm trầm tình người nơi đây. Sài Gòn tuy không hoa lệ nhưng là nơi mà mình sống, đối với mình nó đẹp từng ngõ ngách từng con đường.

VÕ THỊ CẨM TRÀ: Có Một Sài Gòn Khác...

Tính đến nay, tôi đã ở Sài Gòn được 5 năm, nhưng có lẽ tôi chưa bao giờ nhận ra những điều "dễ thương" của Sài Gòn như anh Phú đã làm. Trước khi đọc quyển sách này, trong mắt tôi Sài Gòn là một chốn xô bồ, đầy rẫy nguy hiểm vì đôi lần tôi đã bị mất trộm, bị cướp. Cho nên, tôi luôn hết sức cảnh giác và nhìn đâu giữa chốn Sài thành này cũng có nguy hiểm. Thế nhưng, qua những câu chuyện của anh Phú đã làm tôi có thêm niềm tin vào một Sài Gòn đầy nghĩa tình và cũng thật ấm áp tình người giữa bộn bề lo toan cho cuộc sống. Cảm ơn anh vì những lời văn mộc mạc, phóng khoáng và cũng cảm ơn anh vì tình cảm anh đã dành cho Sài Gòn. Rồi đây biết đâu có thể tôi sẽ tìm ra những điều "dễ thương" của Sài Gòn, tìm ra một Sài Gòn khác.

TRẦN THỊ THU THẢO: đến từ HCM

Tất cả những người đã sống cuộc đời tuổi trẻ của mình ở Sài Gòn sẽ chẳng bao giờ cảm thấy luyến tiếc, một nơi chốn có thể chứa chấp tất cả những đứa con "nuôi" của mình. Nhưng nếu hỏi tại sao thích, tại sao cuồng, tại sao nhất định... không về quê lập nghiệp hay cho gần ba má thì ít người biết tại sao. Theo kiểu, cứ yêu và yêu thế thôi. Đọc "Chuyện nhỏ Sài Gòn" làm cho mình hiểu rõ thêm những góc ngách, con người và những chuyện nhỏ mà mình chưa từng được biết hay có lúc lướt qua nhưng không mấy để tâm. **Nhớ nhất là bánh mì. Dù sao mình cũng thấy, bánh mì Sài Gòn ngon tuyệt. ♦**

Nguồn: <http://tiki.vn/chuyen-nho-sai-gon.html>



Bác sĩ NGUYỄN TẤN HỒNG
(1922 - 12.01.2018)

Montréal, ngày 25 tháng 1, 2006

Kg. Ông ĐOÀN MINH HÓA

Tạp chí Đi Tới *

Thưa Anh,

Nhận được số Đi Tới mới nhất, tôi để ra một bên, để rảnh đọc dần. Liền đó, tôi đi Hoa Kỳ, bị đụng xe, gãy cổ tay, nên bận nhiều về chữa trị; hôm mới đây, lấy Đi Tới ra đọc, mới ngỡ ngàng, khi hay tin Đi Tới ** tạm biệt.

Nghĩ cho kỹ, thì một tờ như Đi Tới khó sống. Về phương diện nội dung, trong một môi trường có nhiều thiên kiến về mọi vấn đề, có được cái nhìn sáng suốt và trung thực đã khó, kiên trì chia sẻ cái nhìn đó không ngại chống đối, hoặc thờ ơ, lại càng khó hơn nữa. Đi Tới khó sống bởi vì không chạy theo thị hiếu của đa số. Buồn cho Đi Tới dĩ nhiên là có, nhưng buồn cho đa số (đã không có nhu cầu) nhiều hơn.

Trên đây, tôi cố tình viết số Đi Tới ‘mới nhất’, không dùng chữ Đi Tới ‘chót’, vì tôi nghĩ rằng ‘Đi Tới’ là một hướng đi; trên con đường dài vô tận đó, người lữ hành có khi dừng lại, nghỉ lấy sức, duyệt lại hành trang, bớt món này, thêm món kia, rồi lại lên đường, hoặc một mình, hoặc với một hay nhiều bạn mới. Mỗi chặng đường là một niềm vui cho bản thân, mỗi chặng đường cũng đem lại cho mình và cho người khác nhiều kinh nghiệm quý báu; có những người sẽ thấy phấn khởi mà lên đường, có những người khác không có hoàn cảnh để theo gương, cũng cầu mong cho người khách lữ hành bền gan, khắc phục được mọi trở ngại, và giữ niềm tin rằng dầu cho đi một mình, nhưng không phải là ‘người lữ hành cô độc’.

Thân mến.

NGUYỄN TẤN HỒNG ***

□□□

(*) Tạp chí Đi Tới xuất bản & phát hành tại Montréal, Québec, Canada 1993 – đình bản 2005.

(**) Tạp chí Đi Tới 84, tháng 12.2005, chủ đề ‘TÔN GIÁO và DÂN TỘC’.

(***) Bác sĩ NGUYỄN TẤN HỒNG (1922 - 12.01.2018)

- Đại học Y khoa Hà Nội thập niên 1940;
- Y sĩ trưởng binh chủng Không quân Quân lực Việt Nam Cộng Hòa;
- Cựu bộ trưởng Bộ Thanh niên và cựu bộ trưởng Bộ Cựu Chiến binh Việt Nam Cộng Hòa;
- Cựu thứ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng Hòa;
- Cựu chủ tịch Hội Y sĩ Việt Nam Montréal 1976-1983;
- Chủ tịch Hội đồng Bảo trợ Hướng đạo Việt Nam;
- Thành viên sáng lập Thiền viện Hội Làng Cây Phong (Québec, Canada).

‘SÀI GÒN CỦA MÌNH’

□□□

LỜI KẾT:

♦ Đi Tới chọn đăng thư của độc giả từ ba miền đất nước bày tỏ cảm tưởng về thành phố Sài Gòn qua những chuyện kể của ‘Tình Người Sài Gòn: Để đó đi, chừng nào có trả tui’ của tác giả T.MY (báo Tuổi Trẻ), và tùy bút ‘Chuyện Nhỏ Sài Gòn’ của tác giả Đàm Hà Phú (Cơ sở Tiki.vn xuất bản & phát hành)...

♦ Đi Tới giữ nguyên những sơ xuất đánh máy, lỗi chánh tả thư độc giả báo Tuổi Trẻ & Nxb Tiki... Đi Tới nhấn mạnh, ghi chữ đậm, chữ nghiêng và chữ trong khung.

♦ Đi Tới ngừng trích đăng thư độc giả (Tiki.vn) năm 2016. Đi Tới rất tiếc không thể đăng tải thêm hơn những ý lời tỏ bày tình người và tình cảm của người dân từ ba miền đất nước đối với địa danh Sài Gòn đã bị đổi tên từ sau ngày 30 tháng Tư 75.

□ Đã 45 năm, “*Khi còn độc quyền quá khứ, độc quyền lịch sử thì tương lai đất nước này chưa phải là của chung mọi người dân Việt.*” - (Nguyễn Thị Hậu).”

□ Đã 45 năm, “*Người Sài Gòn chỉ có một khi lịch sử được minh bạch rằng, ... người Sài Gòn hôm nay chính là những người nhận được cơ hội từ những người từng đến, sống và chết từ **Sài Gòn-Gia Định** trong xuyên suốt các triều đại phong kiến, những anh linh tử sĩ Việt Nam Cộng Hòa, những vong linh người vượt biển vì tự do và cả những nạn nhân khác của bóng tối lịch sử.*” - (Trần Tiến Dũng).”

□ Đã 45 năm, “*... người ta thấy được, những giá trị của Sài Gòn vẫn còn ở đây, vẫn còn được người dân Sài Gòn cũng như người dân trong nước giữ gìn, cố gắng bảo vệ nó. Ngay cả cái tên Sài Gòn cũng vậy, người dân vẫn gọi là Sài Gòn, đó cũng là một cách mà chúng ta nhớ tới mảnh đất như vậy.*” - (Phạm Chi Lan).”

Qua ý kiến của người dân ba từ miền đất nước bày tỏ lòng thương yêu Sài Gòn, có thể chăng, coi đó như những lá phiếu ý kiến biểu quyết ý dân muốn phục hồi địa danh Sài Gòn đã bị thay đổi sau biến cố 30 tháng Tư 75?

Qua ý kiến bày tỏ của những con người đầy tình người và sống trên một mảnh “*đất dung nạp vào nó đủ mọi hạng người*” - (Đàm Hà Phú)”, làm sao chúng ta không yêu mến Sài Gòn và làm sao người dân Sài Gòn lại không hãnh diện và không cảm thấy hạnh phúc với thành phố của mình được. Người Sài Gòn cũng biết rằng cái không khí nhân văn, cái nét văn hóa đẹp đó đã có từ lâu và đã lưu truyền từ đời cha ông họ cho tới bây giờ qua nhiều biến thiên của lịch sử và rồi sẽ được họ truyền lại cho các thế hệ của ngày mai. Họ xứng đáng được chúng ta yêu thương, trân trọng. **Và, có lẽ, điều làm họ hạnh phúc nhất và điều họ đáng hưởng nhất là tìm thấy lại cái tên Sài Gòn cho thành phố thân yêu của mình.**

Montréal, tháng Tư 2020

ĐOÀN MINH HÓA

Chủ nhiệm

Tapchiditoi@hotmail.com

"MỘT NỬA VIỆT NAM CỘNG HÒA KÉO DÀI"

"... người đàn bà ngồi trên xe ném vội ít củ sắn cho mấy tù cải tạo trên đường về trại. Họ tranh nhau vồ như những con chó đói. Nhìn cảnh đó, người đàn bà ôm mặt khóc!"



Sử gia TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG
(21.6.1938 - 24.3.1916)
(Nguồn: Đi Tới 69, tháng Tư 2003)

"30 THÁNG TƯ 1975"

“Một quá khứ mà chúng ta mong muốn khép lại... Một sự kiện liên quan đến chiến tranh khi nhắc lại, có hàng triệu người vui, mà cũng có hàng triệu người buồn. Đó là vết thương chung của dân tộc, cần được giữ lành thay vì lại tiếp tục làm cho nó thêm rỉ máu!”



Thủ tướng VÕ VĂN KIẾT
(23.11.1922 – 11.6.2008)

